

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC



NHIỀU TÁC GIẢ

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
**CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945: TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP
ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

NHIỀU TÁC GIẢ

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945:
TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP ĐẾN KỶ NGUYÊN
VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

Huế, 2025

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Cách mạng tháng Tám năm 1945: Từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam / Trần Thị Hồng Minh, Hồ Châu, Lê Hồ Sơn... - Huế : Đại học Huế, 2025. - 400 tr.; 30 cm

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Khoa học. - Thư mục cuối mỗi bài

1. Lịch sử 2. Cách mạng tháng Tám 3. Kháng chiến chống Pháp 4. Việt Nam 5. Kỷ yếu
959.704 - dc23

DUF0922p-CIP

Mã số sách: NC/506-2025

DANH SÁCH THÀNH VIÊN
BAN TỔ CHỨC, BAN CHUYÊN MÔN VÀ BAN THƯ KÝ HỘI THẢO QUỐC GIA
Cách mạng tháng Tám năm 1945: Từ kỷ nguyên độc lập
đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

BAN TỔ CHỨC

1	PGS.TS. Võ Thanh Tùng	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	TS. Phan Tuấn Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban
3	TS. Trần Thị Hồng Minh	Trưởng Khoa LLCT	Phó Trưởng ban
4	PGS.TS. Huỳnh Thị Ánh Phương	Trưởng Phòng KHCN&HTQT	Ủy viên thường trực
5	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Phòng KHTC&CSVN	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Phòng TC&HC	Ủy viên

BAN CHUYÊN MÔN

1	TS. Trần Thị Hồng Minh	Trưởng Khoa LLCT	Trưởng ban
2	TS. Nguyễn Việt Phương	Phó Trưởng Khoa LLCT	Phó Trưởng ban
3	TS. Hoàng Trần Như Ngọc	Khoa LLCT	Ủy viên
4	ThS. Đào Thế Đồng	Khoa LLCT	Ủy viên
5	TS. Thái Thị Khương	Khoa LLCT	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Khoa LLCT	Ủy viên
7	ThS. Lâm Thái Bảo Ngân	Khoa LLCT	Ủy viên

BAN THƯ KÝ

1	TS. Nguyễn Việt Phương	Phó Trưởng Khoa LLCT	Trưởng ban
2	TS. Trần Thị Phương An	Phó Trưởng Phòng KHCN & HTQT	Phó Trưởng ban
3	ThS. Lâm Thái Bảo Ngân	Khoa LLCT	Ủy viên
4	ThS. Hà Lê Dũng	Khoa LLCT	Ủy viên
5	ThS. Lê Bình Phương Luân	Khoa LLCT	Ủy viên
6	ThS. Dư Thị Huyền	Khoa LLCT	Ủy viên
7	ThS. Nguyễn Lý Hữu Huân	Phòng KHCN & HTQT	Ủy viên
8	CN. Trần Thị Thảo Hiền	Phòng KHCN & HTQT	Ủy viên

TẬP THỂ TÁC GIẢ

TS. Trần Thị Hồng Minh	ThS. Lê Thị Thu Hương	TS. Nguyễn Việt Phương
TS. Hồ Châu	TS. Trần Thúy Hiền	ThS. Trần Hữu Thượng
TS. Lê Hồ Sơn	TS. Nguyễn Lệ Thu	ThS. Nguyễn Thị Phương
TS. Lê Văn Thuật	ThS. Phạm Văn Toàn	ThS. Võ Thị Thanh Huyền
ThS. Nguyễn Anh Tài	TS. Nguyễn Thị Vân	ThS. Trần Thị Giang
ThS. Phan Thị Trang	TS. Quách Thành Long	ThS. Lê Văn Sơn
ThS. Dư Thị Huyền	ThS. Nguyễn Diệu Hằng	TS. Phạm Thị Quỳnh
ThS. Nguyễn Thị Thanh Xuân	TS. Phan Văn Thám	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hương
ThS. Nguyễn Thị Hiền	TS. Lâm Bá Hòa	ThS. Nguyễn Ngọc Ly
TS. Hoàng Trần Như Ngọc	TS. Nguyễn Hồ Minh Trang	ThS. Đào Thị Vinh
ThS. Đặng Nữ Hoàng Quyên	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Võ Thị Thu Ngọc
TS. Nguyễn Thành Minh	NCS. Dương Xuân Ngọc Hà	ThS. Hà Lê Dũng
ThS. Nguyễn Chí Ngân	TS. Thái Doãn Việt	ThS. Trần Thị Hà Trang
ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	TS. Vũ Thị Thu Hằng	ThS. Trần Công Huân
ThS. Lâm Thái Bảo Ngân	TS. Phạm Ngọc Bảo Liêm	TS. Nguyễn Thị Hoa
TS. Võ Anh Tuấn	TS. Trần Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Thị Tùng
ThS. Trần Thị Hà Trang	TS. Nguyễn Văn Quế	ThS. Dương Thị Nghĩa
ThS. Trương Phi Long	TS. Lê Văn Tùng	ThS. Trần Thị Hoa
ThS. Phạm Văn Thiện	ThS. Nguyễn Thị Thìn	ThS. Nguyễn Thị Quyên
ThS. Nguyễn T. Thương Uyên	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Văn Duy
ThS. Trần Nguyên Hào	TS. Nguyễn Thị Thắng	ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt
TS. Trần Văn Lực	TS. Phạm Huy Thành	ThS. Doãn Thị Mai Thủy
ThS. Nguyễn Hồng Đức	ThS. Lê Bình Phương Luân	
ThS. Trịnh Thị Hợp	TS. Nguyễn Khoa Huy	

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo đề dẫn hội thảo khoa học quốc gia: “Cách mạng tháng Tám năm 1945: Từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” <i>TS. Trần Thị Hồng Minh</i>	1
PHẦN I <i>Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Sự kiện mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</i>	5
Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Cuộc đổi đời của dân tộc Việt Nam <i>TS. Hồ Châu</i>	6
Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình ở Việt Nam <i>TS. Trần Thị Hồng Minh</i>	11
Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>TS. Lê Hồ Sơn</i>	18
Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Thắng lợi của con đường cách mạng đúng đắn do Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn <i>TS. Lê Văn Thuật - ThS. Nguyễn Anh Tài - ThS. Phan Thị Trang</i>	24
Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>ThS. Nguyễn Thị Thanh Xuân</i>	29
Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>ThS. Dư Thị Huyền</i>	34
Đảng Cộng sản Đông Dương với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - 80 năm nhìn lại <i>ThS. Nguyễn Thị Hiền</i>	39
Cách mạng tháng Tám năm 1945 và bài học về phát huy ý chí tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình <i>TS. Hoàng Trần Như Ngọc</i>	45
Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám năm 1945 với nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia trong thời đại mới <i>TS. Nguyễn Thị Tùng</i>	51
Cách mạng tháng Tám năm 1945: Một tiếp cận từ quan điểm văn hóa của Hồ Chí Minh <i>ThS. Đặng Nữ Hoàng Quyên</i>	57
Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 <i>TS. Nguyễn Thành Minh</i>	62

Các dân tộc thiểu số trong Cách mạng tháng Tám và chính sách của Đảng đối với các dân tộc thiểu số hiện nay <i>ThS. Nguyễn Chí Ngân</i>	70
Từ độc lập dân tộc đến hội nhập quốc tế: Hành trình vươn mình của ngoại giao Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám <i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hà</i>	75
Vai trò của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với việc xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân <i>ThS. Lâm Thái Bảo Ngân</i>	81
Từ Cách mạng tháng Tám đến thời kỳ vươn mình của dân tộc Việt Nam: Những bài học và giá trị cốt lõi <i>TS. Võ Anh Tuấn</i>	87
Di sản ngoại giao của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và bài học kinh nghiệm cho chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Trần Thị Hà Trang</i>	95
Cách mạng tháng Tám năm 1945 và bài học cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở một số nước châu Phi <i>ThS. Trương Phi Long - ThS. Phạm Văn Thiện</i>	99
Cách mạng tháng Tám 1945 - Bài học về huy động sức mạnh toàn dân tộc trong bối cảnh xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thời kỳ mới <i>ThS. Nguyễn Thị Thương Uyên</i>	104
Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và bài học cho kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Trần Nguyên Hào</i>	112
Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Thừa Thiên - Huế <i>TS. Trần Văn Lực</i>	117
Cách mạng tháng Tám năm 1945 và mục tiêu giải phóng phụ nữ ở Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Hồng Đức</i>	122
Phát huy giá trị văn hóa - tinh thần của Cách mạng tháng Tám trong việc xây dựng nền văn hóa số ở Việt Nam <i>ThS. Trịnh Thị Hợp</i>	129
Bối cảnh quốc tế tác động đến quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến 1950 <i>ThS. Lê Thị Thu Hương - TS. Trần Thuý Hiền</i>	137
PHẦN II	
<i>Từ Cách mạng tháng Tám đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam</i>	141
Việt Nam vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>TS. Nguyễn Lê Thu - ThS. Phạm Văn Toàn</i>	142
Bối cảnh thế giới đầu thế kỷ XXI và những tác động của nó đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Thị Vân - TS. Quách Thành Long</i>	149

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam: Động lực từ lịch sử, khát vọng của hiện tại <i>ThS. Nguyễn Diệu Hằng</i>	156
Thách thức và cơ hội trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Phan Văn Thám</i>	163
Tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình <i>TS. Lâm Bá Hòa</i>	171
Việt Nam trong kỷ nguyên mới: Bài học lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến chiến lược phát triển kinh tế hội nhập và hiện đại <i>TS. Nguyễn Hồ Minh Trang</i>	180
Những vấn đề lý luận và thực tiễn về yêu cầu mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Văn Duyệt</i>	190
Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng: Một nhiệm vụ then chốt trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - NCS. Dương Xuân Ngọc Hà</i>	197
Di sản tinh thần và giá trị chiến lược của Cách mạng tháng Tám 1945 đối với hiện thực hóa khát vọng quốc gia hùng cường trong kỷ nguyên phát triển mới <i>TS. Thái Doãn Việt</i>	205
Từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: Nhìn từ vai trò của khoa học xã hội và nhân văn <i>TS. Vũ Thị Thu Hằng</i>	213
Vai trò của giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Phạm Ngọc Bảo Liêm</i>	221
Giáo dục đại học trong kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Trần Thị Ngọc Anh - TS. Nguyễn Thị Vân</i>	227
Từ tinh thần Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Văn Quế</i>	233
Giá trị triết học của Cách mạng tháng Tám năm 1945 với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Lê Văn Tùng - ThS. Nguyễn Thị Thìn</i>	240
Phát huy những bài học của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hà</i>	245
Năm bắt thời cơ - Một bài học lớn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>TS. Nguyễn Thị Thắng</i>	251
Nghệ thuật nắm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám với “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” <i>TS. Phạm Huy Thành</i>	256

Nhận diện thời cơ: Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Lê Bình Phương Luân</i>	262
Từ bài học năm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 nghĩ về vấn đề bồi dưỡng năng lực trí tuệ nhân tạo cho giảng viên đại học hiện nay <i>TS. Nguyễn Khoa Huy</i>	268
Xóa bỏ định kiến giới vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới <i>TS. Nguyễn Việt Phương - ThS. Trần Hữu Thương</i>	274
Phát huy vai trò của khoa học và công nghệ hiện đại đối với sự phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới <i>ThS. Nguyễn Thị Phương</i>	283
Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>ThS. Võ Thị Thanh Huyền</i>	291
Xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình: Động lực nội sinh cho một dân tộc phát triển hùng cường <i>ThS. Trần Thị Giang</i>	299
Hoàn thiện thể chế kinh tế góp phần thúc đẩy Việt Nam phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>ThS. Lê Văn Sơn</i>	305
Đảng Cộng sản Việt Nam đổi mới chính sách ngoại giao đưa đất nước vươn mình bước vào kỷ nguyên mới <i>TS. Phạm Thị Quỳnh - ThS. Nguyễn Thị Thúy Hương - ThS. Nguyễn Ngọc Ly</i>	310
Thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới <i>TS. Võ Thị Thu Ngọc</i>	317
Tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị hướng tới kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Đào Thị Vinh</i>	325
Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam: Bài học về đại đoàn kết toàn dân tộc <i>ThS. Hà Lê Dũng</i>	331
Đại đoàn kết dân tộc - Chìa khóa thành công từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Trần Thị Hà Trang</i>	339
Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám năm 1945 và tư tưởng Hồ Chí Minh vào công cuộc phát triển thành phố Huế vững bền, giàu đẹp <i>ThS. Đặng Nữ Hoàng Quyên</i>	343
Vận dụng bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay <i>ThS. Trần Công Huân</i>	349

Cách mạng tháng Tám năm 1945 với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay <i>ThS. Nguyễn Thị Hiền - TS. Nguyễn Thị Hoa</i>	357
Giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng và bài học đối với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>ThS. Doãn Thị Mai Thủy</i>	363
Những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự vận dụng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay <i>ThS. Dương Thị Nghĩa</i>	369
Từ <i>bình dân học vụ</i> trong kỷ nguyên độc lập đến <i>bình dân học vụ số</i> trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Trần Thị Hoa</i>	379
Từ khát vọng vươn mình trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Thị Quyên</i>	388
Cơ hội và thách thức đối với sinh viên Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt</i>	393

**BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
“CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945: TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP
ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM”**

TS. Trần Thị Hồng Minh*

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, các nhà khoa học, quý thầy cô giáo và các bạn sinh viên tham dự Hội thảo!

Trong không khí cả nước đang hướng đến kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2025), nhằm hướng đến chào mừng Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng bộ thành phố Huế, hướng tới lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Khoa Lý luận chính trị (15/9/1995 - 15/9/2025), được sự đồng ý của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Khoa Lý luận chính trị tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia với chủ đề: “Cách mạng tháng Tám năm 1945: từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam”.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những sự kiện chính trị vĩ đại nhất của thế kỷ XX, mở đầu cho kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thắng lợi đó là kết quả của đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự lãnh đạo thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là kết tinh của chủ nghĩa yêu nước, ý chí quật cường, khát vọng độc lập, tự do và trí tuệ, bản lĩnh của cả dân tộc Việt Nam. Cuộc cách mạng này không chỉ chấm dứt ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân, phong kiến, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á, mà còn đặt nền móng cho sự nghiệp đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng ở Việt Nam ngày nay. Hội thảo khoa học quốc gia: “Cách mạng tháng Tám năm 1945: từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam” được tổ chức với mục tiêu tiếp tục làm rõ hơn giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của cuộc Cách mạng vĩ đại này, đồng thời khẳng định hành trình vườn mình mạnh mẽ, bền bỉ và kiêu hãnh của dân tộc Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, đối ngoại, quốc phòng, an ninh,...

Đáp ứng lời mời của Ban Tổ chức Hội thảo, sau hơn 5 tháng triển khai đến nay đã có 60 bài tham luận chính thức của nhiều nhà khoa học, nhà quản lý, cán bộ nghiên cứu, giảng viên đến từ nhiều đơn vị trên cả nước như: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Học viện Ngân hàng, Hà Nội; Đại học Bách khoa Hà Nội; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Kỹ thuật Y- Dược Đà Nẵng; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế; Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng; Trường Chính trị tỉnh Nghệ An; Trường Chính trị, Thành phố Đà Nẵng; Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình; Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Huế; Trường Đại học Nghệ An; Trường Đại học Hà Tĩnh; Trường Đại học Quảng Bình; Trường Đại học Ngân hàng, Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Kiến trúc, Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Nông Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh,... Với tầm vóc của một hội thảo cấp quốc gia, số lượng bài viết của các tác giả ở nhiều đơn vị tham gia như vậy đủ để nói lên tầm quan trọng của chủ đề và tính thời sự của Hội thảo này. Các bài viết tham gia Hội thảo đều thể hiện kết quả nghiên cứu công

*Trường Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

phu, nghiêm túc, khai thác đa chiều, sâu sắc và phong phú các chủ đề về giá trị lịch sử, vai trò của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng đại đoàn kết, tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, các bài học chiến lược về nắm bắt thời cơ,... của thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 và phát huy giá trị của thắng lợi Cách mạng tháng Tám trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam hiện nay.

Hội thảo được chia thành hai phần:

Phần I: Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Sự kiện mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Phần II: Từ Cách mạng tháng Tám đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Phần I, gồm 23 bài: các bài viết ở phần này tập trung đi sâu làm rõ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 như một cuộc “đổi đời lịch sử” của dân tộc; phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; làm sáng rõ những giá trị tư tưởng, chính trị, văn hóa, xã hội mà cuộc Cách mạng tháng Tám mang lại; đồng thời chỉ ra các bài học quý giá, như bài học về huy động sức mạnh toàn dân, về phát huy vai trò của các dân tộc thiểu số, về xây dựng chính quyền cách mạng, về giải phóng phụ nữ, về tư tưởng ngoại giao, văn hóa chính trị và giáo dục quần chúng,... Tiêu biểu như: TS. Hồ Châu trong bài viết của mình đã nhấn mạnh Cách mạng tháng Tám là “cuộc đổi đời của dân tộc Việt Nam”, không chỉ thay đổi thể chế chính trị mà làm thay đổi địa vị của người dân Việt Nam trên bản đồ chính trị thế giới; TS. Trần Thị Hồng Minh phân tích bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, coi đó là “nguyên khí quốc gia”, là điểm tựa để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình; TS. Lê Hồ Sơn, TS. Lê Văn Thuật, ThS. Nguyễn Thị Thanh Xuân đã tập trung làm rõ vai trò đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đã đưa ra con đường giải phóng dân tộc Việt Nam gắn với cách mạng vô sản, giúp Việt Nam tránh khỏi sai lầm của các phong trào yêu nước trước đó; các bài viết của ThS. Dư Thị Huyền và ThS. Nguyễn Thị Hiền đã đặt trọng tâm vào vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương, làm rõ sự chuẩn bị kỹ lưỡng về tổ chức, đường lối, lực lượng cách mạng, cũng như tính chủ động trong việc nắm bắt và chớp thời cơ làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Một số bài viết mang tính đặc thù như của TS. Nguyễn Thành Minh và ThS. Nguyễn Chí Ngân, tiếp cận từ chính sách dân tộc thiểu số, cho thấy Cách mạng tháng Tám là cuộc cách mạng của toàn dân tộc, không phân biệt tôn giáo, giới tính, vùng miền, điều mà các phong trào trước đó không làm được; TS. Hoàng Trần Như Ngọc đưa ra một góc nhìn khác: Cách mạng tháng Tám là sự kết tinh của ý chí tự lực, tự cường – cội nguồn sức mạnh của dân tộc đã giúp Việt Nam “hóa giải” được thế bị trị hàng trăm năm; Một số nhà nghiên cứu như TS. Trần Văn Lực, ThS. Nguyễn Hồng Đức, ThS. Trịnh Thị Hợp đi vào các trường hợp cụ thể: vai trò của Huế, của phụ nữ và văn hóa trong Cách mạng tháng Tám, góp phần làm phong phú thêm cái nhìn đa chiều về sự kiện lịch sử trọng đại này.

Phần II, gồm 37 bài: Các tham luận trong phần này tập trung luận giải con đường phát triển của dân tộc Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay: một hành trình vượt qua muôn vàn gian khó, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thích ứng sáng tạo trong từng giai đoạn lịch sử, tận dụng thời cơ và nội lực để vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới. Các bài viết phân tích từ chiến lược phát triển kinh tế, giáo dục, khoa học công nghệ đến vấn đề bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, hoàn thiện hệ thống pháp luật của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy dân chủ, xây dựng hệ giá trị văn hóa, đại đoàn kết dân tộc, phát triển nguồn nhân lực, khát

vọng quốc gia hùng cường,... Tiêu biểu như TS. Nguyễn Lê Thu và ThS. Phạm Văn Toàn đặt ra bối cảnh mới của thế giới, nơi Việt Nam phải định vị mình trong dòng chảy toàn cầu với tâm thế chủ động, sáng tạo; TS. Phan Văn Thám nêu rõ thách thức, cơ hội và chỉ ra rằng “khát vọng phát triển hùng cường” phải đặt trên nền tảng của nội lực, trí tuệ và sự đồng lòng toàn dân tộc; TS. Lâm Bá Hòa, TS. Nguyễn Hồ Minh Trang và TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền tập trung vào tư duy chiến lược của Đảng, nhấn mạnh vai trò của bảo vệ nền tảng tư tưởng, phát triển kinh tế coi đây là điểm tựa phát triển bền vững trong thời đại mới; nhóm các bài viết của TS. Vũ Thị Thu Hằng, TS. Phạm Ngọc Bảo Liêm, TS. Nguyễn Văn Quế và nhiều tác giả khác đều nhấn mạnh vai trò của giáo dục, khoa học - công nghệ, đặc biệt trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, yêu cầu phát triển con người toàn diện và xây dựng hệ giá trị mới cho người Việt Nam hiện đại; một mạch tư tưởng nổi bật khác là chuỗi bài về bài học nắm bắt thời cơ - từ lịch sử đến hiện đại của các tác giả như TS. Nguyễn Thị Thắng, TS. Phạm Huy Thành, TS. Nguyễn Khoa Huy, ThS. Lê Bình Phương Luân đã cho thấy nghệ thuật cách mạng không chỉ là lý tưởng mà còn là bản lĩnh nhận diện và hành động trong những thời khắc quyết định. Nhiều bài viết khác đi vào các lĩnh vực chuyên sâu như phát triển hệ thống pháp luật, hoàn thiện thể chế kinh tế, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, chính sách ngoại giao, tinh thần đổi mới, vai trò của phụ nữ, giới, văn hóa số... trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tất cả các nghiên cứu cùng hội tụ lại một thông điệp chung: Việt Nam đang và phải tiếp tục vươn mình mạnh mẽ bằng chính nguồn lực nội sinh và di sản Cách mạng tháng Tám năm 1945 để lại.

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, các nhà khoa học, quý thầy cô giáo và các bạn sinh viên tham dự Hội thảo!

Mục tiêu của Hội thảo là gặp gỡ, trao đổi học thuật giữa cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu khoa học của Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế với cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học của nhiều đơn vị trong cả nước. Hội thảo lần này không chỉ là dịp tổng kết lại giá trị lịch sử của một cuộc cách mạng vĩ đại, mà còn là diễn đàn khoa học quan trọng để thảo luận làm sâu sắc thêm các giá trị trường tồn của Cách mạng tháng Tám, từ đó khơi dậy tinh thần yêu nước, phát huy sức mạnh nội lực, khát vọng phát triển đổi mới và sáng tạo của toàn dân tộc trong kỷ nguyên mới.

Thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, chúng tôi trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Xin chân thành cảm ơn các tác giả đã gửi bài, tham gia và ủng hộ cho Hội thảo. Kính chúc các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, các vị khách quý và các nhà khoa học, quý thầy cô sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Kính chúc Hội thảo diễn ra thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

PHẦN I
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 –
SỰ KIẾN MỞ RA KỶ NGUYÊN
ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 - CUỘC ĐỔI ĐỔI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS. Hồ Châu*

1. Tình cảnh Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, thế giới chứng kiến nhiều biến chuyển lớn, trong đó bao gồm cả sự phát triển của xã hội loài người với những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật, nền tri thức được mở mang; nhưng kèm theo đó là nỗi khiếp sợ, ám ảnh của một bộ phận lớn con người trên thế giới, đặc biệt ở các nước nghèo nàn, lạc hậu khi mà chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc và thực hiện sự bành trướng, xâm lược thuộc địa. Chính chủ nghĩa thực dân, đế quốc đã gây nên bao nỗi đau thương, đọa đày cho các dân tộc mà họ đã đến để áp bức, bóc lột và “hút máu”. Trong bối cảnh chung đó, năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, đến cuối thế kỷ XIX thì triều đình nhà Nguyễn đã phải đầu hàng thực dân Pháp. Từ đây, nhân dân ta trở thành “vong quốc nô”, nhân dân ta phải chịu kiếp lầm than, nô lệ, đặc biệt là những người nông dân họ bị đàn áp, bóc lột đến tận xương tủy.

Dưới ách đô hộ, bóc lột dã man, tàn bạo của thực dân Pháp và phong kiến cam tâm làm tay sai, thì trừ bọn tay sai của đế quốc, bọn địa chủ lớn phản cách mạng và tư sản mại bản ra, còn lại tất cả mọi giai cấp, tầng lớp nhân dân ta đều bị ảnh hưởng. Đại bộ phận các tầng lớp nhân dân ta lâm vào tình cảnh lầm than, cơ cực, sống trong đau khổ và chết trong sự nghèo đói, tang thương. Sự khốn cùng của người dân Việt Nam đi đến tột độ khi thân hình của họ ngày càng gầy gò, da bọc xương. Điều đó nó lại càng đối nghịch với thân hình béo tốt của bọn quan cai trị phong kiến hà khắc, quan thực dân “hút máu” để trở nên béo tốt, bậm trợn. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh thếp nói rõ với những kẻ đi xâm lược: “Bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”¹. Chính Người cũng đã phản ánh một cách chân thật về những tội ác mà thực dân Pháp trong quá trình đi xâm lược đã gieo rắc lên dân tộc Việt Nam: “Về chính trị - Chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những pháp luật dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết. Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu, cờ bạc, để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế - Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta được giàu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn”².

Nỗi đau thân xác cùng với nỗi đau “vong quốc nô” trước họa ngoại xâm đã thúc giục nhân dân ta đứng dậy cầm vũ khí để chống giặc ngoại xâm, giành lại nền độc lập cho dân tộc. Theo đó, nhiều cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta theo ý

* Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, tr.1-2.

thức hệ phong kiến với các cuộc khởi nghĩa lớn như Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê, khởi nghĩa nông dân của Hoàng Hoa Thám,... gây cho Pháp một số tổn thất, khó khăn nhưng đều đi đến thất bại. Kế tiếp là phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản, mà tiêu biểu là cụ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh với mong muốn giành lại nền độc lập, rửa nhục “vong quốc nô”, đưa đất nước tiến lên theo con đường tư bản chủ nghĩa nhưng cũng đều đi đến thất bại.

Trong tình cảnh bế tắc về đường lối cứu nước, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành với chí lớn và lòng quyết tâm cao đã ra đi tìm đường cứu nước. Trên hành trình đó, Người đã đến với ánh sáng của Cách mạng tháng Mười Nga, tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam, chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, một “dấu hiệu” báo tin mừng, một bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào thời kỳ đấu tranh mới trong thời đại mới. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập là sự kết hợp đặc biệt giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân ta, điều này thể hiện rõ tư tưởng “đại đoàn kết” toàn dân để giải phóng dân tộc của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Đồng thời, Đảng ta ra đời “là kết quả chỉ đạo của Quốc tế cộng sản, sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Pháp”³.

Đảng ta ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước, mở ra thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam, từ đây, cách mạng đã có Đảng cách mạng với đường lối cứu nước theo con đường cách mạng vô sản được xác định từ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Xác định nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là lãnh đạo công nhân, nông dân và quần chúng lao khổ làm cách mạng, đánh đuổi thực dân để giành lại nền độc lập cho dân tộc, đánh đổ phong kiến, tư sản để đưa giai cấp vô sản bước lên vũ đài chính trị, đem lại quyền tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”⁴.

Mục tiêu của cách mạng Việt Nam càng được xác định rõ trong Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng, ngày 6, ngày 7, ngày 8/11/1939: “Cách mệnh phản đế và điền địa là hai cái mâu chốt của cách mệnh tư sản dân quyền. Không giải quyết được cách mệnh điền địa thì không giải quyết được cách mệnh phản đế. Trái lại không giải quyết được cách mệnh phản đế thì không giải quyết được cách mệnh điền địa. Cái nguyên tắc chính ấy không bao giờ thay đổi được, nhưng nó phải ứng dụng một cách khôn khéo thế nào để thực hiện được nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc”⁵. Đảng ta đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của cuộc cách mạng.

Trải qua quá trình xây dựng, rèn luyện, tổ chức về mọi mặt, Đảng ta đã không ngừng lớn mạnh, hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, được thể hiện rõ thông qua Hội nghị Trung ương Tám (tháng 5/1941) gắn liền với vai trò của đồng chí Hồ Chí Minh với tư cách là chủ trì hội nghị. Sau 30 năm ra đi tìm đường cứu nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trở về nước, đặt chân lên mảnh đất Cao Bằng để chủ trì Hội nghị Trung ương Tám, trong đó nội dung chính của hội nghị thể hiện rõ chủ trương đẩy mạnh chuẩn bị cho cách mạng về mặt lực lượng từ bên trong với quan điểm “đem

³ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.173.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.406.

⁵ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.53 - 54.

sức ta mà giải phóng cho ta”, nhưng đồng thời tận dụng thời cơ, yếu tố thuận lợi từ bên ngoài để đạt được mục tiêu của cách mạng, đó là sự thất bại của phát xít Nhật trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945). Năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, mà kẻ châm ngòi là phát xít Nhật. Năm 1940, với khí thế mạnh, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương rồi cùng với thực dân Pháp bóc lột, đàn áp nhân dân ta, đẩy nhân dân ta đến bước đường cùng của sự sống, đau khổ đến tột cùng. Ngày 09/03/1945, Nhật đảo chính Pháp để lên nắm quyền cai trị Đông Dương, từ đây kẻ thù hàng đầu của dân tộc Việt Nam không còn là thực dân Pháp nữa mà là phát xít Nhật.

2. Thời cơ ngàn năm có một của dân tộc Việt Nam đã đến - Cách mạng tháng Tám năm 1945 nổ ra và giành thắng lợi

Thời cơ cách mạng đã được Đảng ta nhận định từ rất sớm, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5/1941), xác định: “Nếu cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã đẻ ra Liên Xô - một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc chiến tranh đế quốc lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”⁶.

Thật đau thương cho những con người Nhật vô tội khi đế quốc Mỹ ném 2 quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố lớn của Nhật Bản vào ngày 06 và ngày 09/8/1945, gây nên một thảm cảnh tan hoang, đau thương đến tột cùng và ám ảnh trong mỗi con người Nhật qua nhiều thế hệ, đến tận hôm nay. Nhưng cũng chính phát xít Nhật đầu hàng phe Đồng minh đã góp phần tạo nên thời cơ thuận lợi cho cách mạng, toàn dân tộc Việt Nam nhất tề đoàn kết dưới lá cờ của Mặt trận Việt Minh đứng dậy đấu tranh giành chính quyền từ tay phát xít Nhật - kẻ thất bại trong chiến tranh thế giới lần thứ hai và cùng với đó là lật đổ chế độ phong kiến đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai “một mặt gieo thêm tai họa nặng nề cho nhân dân ta; mặt khác, lại như cái máy “gia tốc” của cách mạng, đẩy nhân dân ta nhanh chóng vùng dậy đánh đổ ách thống trị của đế quốc. Đất nước ta không còn nằm trong giai đoạn đấu tranh giành quyền dân chủ, dân sinh, tích lũy lực lượng, mà là giai đoạn trực tiếp đánh đổ chính quyền của thực dân và tay sai”⁷.

Trước bối cảnh thế giới và trong nước hết sức thuận lợi cho việc khởi nghĩa giành chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi “Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa” để kêu gọi đồng bào đứng dậy đấu tranh giành chính quyền khi thời cơ đến. Người kêu gọi: “*Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!*”⁸.

Thời cơ ngàn năm có một đã đến, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã họp bàn, ra quân lệnh tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra từ ngày 14 đến ngày 25/8/1945, trong đó có 3 địa phương giành được chính quyền có ý nghĩa to lớn, Hà Nội (19/8/1945), Thừa Thiên (23/8/1945), Sài Gòn (25/8/1945). Đến chiều 29/8/1945, phái đoàn của Chính phủ nhân dân cách mạng lâm thời vào đến Huế để chứng kiến lễ thoái vị của vua Bảo Đại, cáo chung chế độ phong kiến đã trở nên lỗi thời, lạc hậu. “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc

⁶ Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Sđd*, 1977, tr.181.

⁷ Viện Lịch sử Đảng: *Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.16.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr. 596.

lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”⁹.

Ngày 02/9/1945, trước hàng vạn đông đảo quần chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* - một áng văn bất hủ, một lời khẳng định danh thép với thế giới rằng, dân tộc Việt Nam đã giành được nền độc lập, đất nước hòa bình, người dân được tự do. Từ đây, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông của giai cấp vô sản ở Đông Nam Á ra đời.

Cách mạng tháng Tám năm 1945, một Đảng Cộng sản non trẻ ra đời với 15 năm đã lãnh đạo cách mạng thành công, một sự kiện trọng đại của lịch sử dân tộc Việt Nam, gây tiếng vang lớn đối với phong trào đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, vì sự tiến bộ của loài người. Một nhà nước - chính quyền công nông của dân tộc Việt Nam ra đời. Một chính phủ mới kiến thiết là của dân, do dân và vì dân. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng ta khẳng định năng lực tổ chức, khả năng lãnh đạo của mình, trở thành một Đảng cầm quyền. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”¹⁰.

3. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công - một cuộc đổi đời của dân tộc Việt Nam

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử gắn liền với quá trình dựng nước và đấu tranh giữ nước. Các thế hệ cha ông ta đã luôn đoàn kết, phát huy cao độ tinh thần dân tộc để đấu tranh chống lại các thế lực ngoại bang xâm lăng. Trong tác phẩm “Nên học sử ta” đăng trên báo Việt Nam độc lập, số 117, ngày 01 tháng 02 năm 1942, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Đời nào cũng có người anh hùng mưu cao võ giỏi đứng ra đoàn kết nhân dân đuổi giặc cứu nước”¹¹. Xét từ trong lịch sử cổ trung đại thì tổ tiên, cha ông ta đã kiên trì, anh dũng và mưu lược đấu tranh để bảo vệ nền độc lập dân tộc gắn liền với những trang sử hào hùng của những con người làm rạng danh đất nước như: Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ,... Đến thời kỳ lịch sử hiện đại, dân tộc ta đã đánh bại một thế lực thực dân hung hãn - thực dân Pháp để một lần nữa giúp cho Tổ quốc hồi sinh.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cuộc đổi đời của dân tộc Việt Nam bởi lẽ nó thay đổi thân phận của người dân một nước thuộc địa, từ lầm than, nô lệ trở thành những người tự do, dân chủ, được thể hiện trên cả 3 phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Từ đây, dân tộc Việt Nam đã có nền độc lập, các bậc sĩ phu, các tầng lớp nhân dân rửa được hận “vong quốc nô”, nhân dân ta được sống quyền tự do, dân chủ, được học hành. Một nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã thực hiện nhiều chính sách tiến bộ, cách mạng để thay đổi thân phận của những người công nhân, nông dân và quần chúng lao khổ. Chính phủ đã tiến hành chia lại ruộng đất cho nhân dân, xóa bỏ các thứ quốc trái, miễn giảm các thứ thuế vô lý, đặc biệt là thuế thân - loại thuế nặng nề đè lên vai của người nông dân Việt Nam lúc bấy giờ dưới ách đô hộ của thực dân, phong kiến. Nhà nước khuyến khích tăng gia sản xuất, phát động “tắc đất, tắc vàng”, thúc

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.3.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.7, tr.25.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.255.

đẩy nền sản xuất phát triển, nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội thì Cách mạng tháng Tám năm 1945 với nhà nước mới ra đời, đã thực hiện một nền giáo dục phổ thông, ai cũng được học hành. Đây là một cuộc đổi đời về học vấn của dân tộc Việt Nam nói chung và đối với học vấn của chị em phụ nữ nói riêng. Từ đây, chị em phụ nữ mới thực sự được hưởng lấy hạnh phúc nam nữ bình quyền, được tham gia học tập và tham gia vào đời sống chính trị để khẳng định mình.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, đập tan xiềng xích nô lệ, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, Việt Nam trở thành một nước độc lập. “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”¹². Với bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã tuyên bố, tuyên cáo, khẳng định quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. Mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam, từ đây, toàn dân tộc quyết tâm đưa đất nước tiến lên theo con đường chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo sáng suốt, khoa học và cách mạng của Đảng ta. Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã từng nhận định: “Cách mạng tháng Tám thắng lợi mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta, một cuộc đổi đời chưa từng có đối với mỗi người Việt Nam”¹³.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, một nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc - thực dân, mở ra một thời kỳ mới của sự tan rã, sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc - thực dân cũ trên phạm vi thế giới nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Góp phần cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các thuộc địa trên thế giới khỏi ách đô hộ của thực dân.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công chưa được bao lâu thì thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta lần thứ hai. Đảng ta tiếp tục lãnh đạo nhân dân cầm vũ khí chống lại kẻ thù xâm lược. Với đường lối “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, Đảng ta đã lãnh đạo đánh bại thực dân Pháp lần thứ hai với chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) “vang dội năm châu, chấn động địa cầu”. Thực dân Pháp thất bại trong sự đầu đón, đế quốc Mỹ lại thay chân thực dân Pháp nhảy vào xâm lược miền Nam của Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, các lực lượng vũ trang, dân quân du kích, các tầng lớp nhân dân đã đứng dậy đoàn kết đánh bại đế quốc Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng hòa trên bầu trời Hà Nội năm 1972 và cuối cùng là Đại thắng mùa Xuân năm 1975 của lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Từ đây, một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó đến nay, Đảng ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn, lãnh đạo đất nước đạt được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vị thế, vai trò quan trọng của Việt Nam được khẳng định trên trường quốc tế, đất nước ta chưa bao giờ có “cơ đồ, vị thế” như hiện nay. Nhưng nền móng để Đảng ta lãnh đạo đất nước đạt được thành tựu như ngày hôm nay chính là nhờ khởi nguồn từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Cách đây đúng 80 năm, Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Thời gian đã lùi xa, nhưng những giá trị lịch sử của Cách mạng tháng Tám vẫn còn trường tồn theo thời gian. Đó là chiến thắng của dân tộc anh hùng với ý chí tự lực, tự cường, yêu chuộng hòa bình và khát vọng xây dựng đất nước hòa bình, thống nhất, hạnh phúc và phồn vinh. Chính thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là bước ngoặt trọng đại trong tiến trình lịch sử của dân tộc ta, đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), thay đổi vận mệnh của dân tộc và của mỗi một người dân.

¹² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.3.

¹³ Lê Duẩn: *Tiến lên dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr.13.

THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 - BÀI HỌC VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH Ở VIỆT NAM

TS. Trần Thị Hồng Minh*

MỞ ĐẦU

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của những cuộc đấu tranh anh dũng, bất khuất, kiên cường vì độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Trong dòng chảy ấy, Cách mạng tháng Tám năm 1945 là mốc son chói lọi, mở ra một bước ngoặt vĩ đại cho dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân Việt Nam đã giành được quyền làm chủ đất nước, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á. Một trong những yếu tố quyết định thắng lợi nhanh chóng và gần như không đổ máu của Cách mạng tháng Tám chính là việc Đảng ta đã xây dựng và phát huy thành công sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

80 năm trôi qua kể từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, dân tộc Việt Nam đã đạt được những thành tựu “rất vĩ đại, rất đáng trân trọng, tự hào”. Tuy nhiên, trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng, đất nước ta vẫn đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, “đe dọa trực tiếp đến quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, 100 năm thành lập nước, đến giữa thế kỷ XXI, nước ta thành nước phát triển có thu nhập cao”. Để vượt qua thử thách, hiện thực hóa mục tiêu đề ra, đòi hỏi chúng ta phải tháo gỡ, loại bỏ những “điểm nghẽn”, “rào cản”, “nút thắt” cả về thể chế, về nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng, trọng tâm là “thực hiện cách mạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị” theo hướng: “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” đồng thời tiến hành các đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Những yêu cầu to lớn của kỷ nguyên vườn mình đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải vững vàng, kiên định đường lối, mục tiêu đổi mới, quyết tâm chính trị cao, tinh thần khấn trương, nỗ lực phi thường, cố gắng vượt bậc, trong đó, cần vận dụng bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 để khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, phát huy động lực và thúc đẩy mọi nguồn lực phát triển đất nước trong tình hình mới.

NỘI DUNG

1. Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong tiến trình chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc rằng không một lực lượng riêng lẻ nào, dù mạnh đến đâu, có thể làm nên thắng lợi cách mạng nếu không gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân, nếu không xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc rộng lớn và bền chặt. Ngay từ khi thành lập, Đảng đã chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc làm nền tảng và trong từng chặng đường đấu tranh cụ thể, tư tưởng đó luôn được vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên (tháng 2/1930), Đảng ta đã xác định rõ con đường cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹. Để thực hiện mục tiêu đó, Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, làm cho giai cấp công nhân lãnh đạo

* Trường Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.1.

được quần chúng, thu phục đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, xây dựng liên minh công nông vững chắc; đồng thời “phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông,... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng,... thì phải đánh đổ”². Như vậy, trong văn kiện quan trọng này, Đảng ta đã chủ động mở rộng mặt trận cách mạng với mẫu số chung là người Việt Nam yêu nước, lấy liên minh công – nông làm nòng cốt.

Trong giai đoạn Mặt trận Dân tộc Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), tư tưởng đại đoàn kết được tiếp tục mở rộng. Đảng chủ trương chuyển trọng tâm từ đấu tranh giai cấp sang đấu tranh dân tộc, với khẩu hiệu “Chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình”, qua đó kết nối phong trào công nhân với tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ yêu nước, hình thành liên minh rộng lớn trên nền tảng lợi ích dân tộc, góp phần nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Đảng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Bước ngoặt quan trọng về chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc được khẳng định tại Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5/1941) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì, Đảng ta xác định: “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”³. Đây là sự chuyển hướng chiến lược mang tính quyết định - đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và là nhiệm vụ quan trọng nhất của cách mạng Việt Nam, đồng thời phải mở rộng mặt trận đoàn kết đến toàn dân tộc. Đảng đã chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), tạo nên một hình thức liên minh chính trị- xã hội rộng rãi, quy tụ được mọi tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo nhằm đấu tranh chống Nhật – Pháp, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Nhận thức rõ vai trò, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, trong *Kính cáo đồng bào* (tháng 6/1941), Hồ Chí Minh nhấn mạnh chỉ cần một điều là *Toàn dân đoàn kết*. Người tha thiết kêu gọi: “Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kẻ vai gánh vác một phần trách nhiệm”⁴. Kết thúc bài thơ *Mười chính sách của Việt Minh*, Người viết tiếp: “Khuyên ai xin nhớ chữ đồng/Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”⁵. Đó là lời hiệu triệu có sức lay động sâu sắc đến mọi tầng lớp nhân dân. Dưới ngọn cờ Việt Minh, các tổ chức cứu quốc được thành lập khắp nơi như Hội phụ nữ cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Công nhân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc,... đã tạo nên một mạng lưới đấu tranh rộng khắp, bám rễ sâu trong quần chúng nhân dân. Không chỉ giới hạn trong thành phần công - nông - trí thức, Việt Minh còn thu hút được sự ủng hộ của các tầng lớp tiểu thương, tư sản dân tộc, chức sắc tôn giáo và cả địa chủ yêu nước tham gia kháng chiến, thể hiện khả năng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đến mức cao nhất của Đảng ta.

Đỉnh cao sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy trong thời khắc quyết định Cách mạng tháng Tám năm 1945. Khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, bộ máy tay sai hoang mang, tê liệt, thời cơ “ngàn năm có một” đã đến với cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.3.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.230.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.243.

quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta,... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh đồng bào hãy dũng cảm đứng lên!”⁶. Đảng phát động Tổng khởi nghĩa toàn quốc, hiệu triệu toàn dân nổi dậy. Nhân dân cả nước từ nông thôn đến thành thị, tất cả các giai tầng, không phân biệt giàu nghèo, tuổi tác, giới tính, dân tộc đều đồng loạt hưởng ứng. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28/8/1945), chính quyền thực dân - phong kiến bị lật đổ, chính quyền cách mạng được thiết lập trên phạm vi cả nước, gần như không đổ máu. Điều này thể hiện tính đúng đắn chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta trên hai phương diện:

Thứ nhất, lực lượng làm nên thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 là toàn dân tộc Việt Nam. Đó là một cuộc khởi nghĩa toàn dân, với lực lượng cách mạng gồm 2 bộ phận: Lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của nhân dân. Thành phần tham gia cách mạng gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân yêu nước, không phân biệt già trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện, dân tộc, tôn giáo, đảng phái. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam Á, Hồ Chí Minh đã một lần nữa khẳng định lực lượng Cách mạng tháng Tám là toàn dân tộc “Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”⁷ và “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”⁸.

Thứ hai, chủ trương và chỉ đạo của Đảng ta đã huy động, phát huy tối đa sức mạnh của toàn dân tộc, thực hiện phương pháp khởi nghĩa từng phần, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước. Đây là điểm then chốt, là quy luật khách quan của mọi cuộc cách mạng kiểu mới do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong Cách mạng tháng Tám, yếu tố quần chúng không chỉ là nền tảng mà còn là động lực trực tiếp của khởi nghĩa từng phần. Ở đâu có phong trào mạnh, có tổ chức Việt Minh vững chắc, có sự gắn kết với các đoàn thể nhân dân thì ở đó giành chính quyền cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh một cách chủ động, nhanh chóng và hiệu quả. Những thắng lợi ấy được kết nối bằng ý chí toàn dân và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương Đảng đã tạo nên một làn sóng cách mạng dữ dội trên toàn đất nước Việt Nam. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Lúc này dù có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập”⁹. Tinh thần đó, cùng với sự tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc chính là cơ sở để Hồ Chí Minh và Đảng ta lựa chọn phương pháp khởi nghĩa toàn phần tiến lên Tổng khởi nghĩa. Đây là một bước chiến lược đúng đắn, có tính chủ động, sáng tạo, nhưng để bước đi ấy trở thành hiện thực lịch sử thì không thể thiếu việc huy động sức mạnh toàn dân tộc - yếu tố sống còn làm nên thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Như vậy, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không thể chỉ lý giải bằng sự suy yếu của kẻ thù hay sự thuận lợi của thời cơ lịch sử, mà cốt lõi là nhờ sự chuẩn bị kỹ lưỡng, sự huy động toàn diện lực lượng nhân dân dưới ngọn cờ đại đoàn kết của Đảng. Đảng ta khẳng định: “Cách mạng tháng Tám thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước anh hùng của hơn 20 triệu người Việt Nam. Nhưng cuộc nổi dậy của toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.4.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.2.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.3.

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.394.

sự lãnh đạo của Đảng. Đạo quân chủ lực này được xây dựng, củng cố qua ba cao trào cách mạng và lớn mạnh vượt bậc trong tổng khởi nghĩa. Dựa trên đạo quân chủ lực làm nền tảng, Đảng xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi”¹⁰. Đây chính là minh chứng thuyết phục cho giá trị thực tiễn và sức mạnh to lớn của tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh và chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam- nhân tố quyết định làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng tháng Tám đối với kỷ nguyên vươn mình ở Việt Nam hiện nay

Bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 được Đảng ta quán triệt chỉ đạo thực hiện trong những giai đoạn tiếp theo, làm nên thắng lợi to lớn trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954) và đế quốc Mỹ (1975). Ngày nay, khi đất nước đang bước vào kỷ nguyên vươn mình - hội nhập và phát triển thì bài học ấy càng trở nên thời sự, có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn to lớn.

Thứ nhất, đặc điểm bối cảnh của kỷ nguyên vươn mình và yêu cầu phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong kỷ nguyên vươn mình, Việt Nam đang đứng trước một bối cảnh vừa rộng mở cơ hội nhưng cũng đầy rẫy những thách thức chưa từng có. Trên bình diện toàn cầu, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 đang làm biến đổi sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội - từ mô hình sản xuất đến cấu trúc quyền lực. Chủ nghĩa bảo hộ, cạnh tranh địa - chính trị, xung đột lợi ích giữa các quốc gia siêu cường cùng với các nguy cơ an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu, khủng bố buôn lậu xuyên quốc gia, khủng hoảng năng lượng,... đã và đang hình thành một “trật tự thế giới mới”, nơi mà cơ hội và rủi ro đan xen không thể tách rời.

Ở trong nước, sau gần 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, có tính lịch sử. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹¹. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, hội nhập sâu rộng. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; lợi ích quốc gia, dân tộc được đảm bảo. Quy mô nền kinh tế tính đến năm 2023 tăng gấp 96 lần so với năm 1986. Đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; hoàn thành về đích sớm các mục tiêu thiên niên kỷ. Tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, an ninh không ngừng nâng cao,... Tuy nhiên, cùng với đó là không ít thách thức như nguy cơ về tụt hậu công nghệ, chênh lệch phát triển giữa vùng miền, những biểu hiện của suy thoái đạo đức của một số không nhỏ cán bộ, đảng viên đã và đang cản trở việc thực hiện hiệu quả các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây bất bình và làm giảm niềm tin trong nhân dân. Các thế lực phản động không ngừng tìm mọi cách thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Mặt khác, các thế lực thù địch đang ra sức phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sử dụng các chiêu bài về “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng ly gián, chia rẽ nội bộ đảng, nhà nước và nhân dân ta.

¹⁰ Hội đồng Lý luận Trung ương: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.113.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.104.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam hiện nay đặt mục tiêu đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao đang đòi hỏi phải phát huy mạnh mẽ nguồn lực nội sinh, trong đó đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố nền tảng. Như Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc,... là động lực to lớn để phát triển đất nước”¹². Nếu trong Cách mạng tháng Tám, đoàn kết là để đánh đổ ngoại xâm, lật đổ chế độ thực dân, phong kiến, thì ngày nay, đại đoàn kết phải chuyển hóa thành năng lực sáng tạo, khả năng chuyển đổi số, phát triển khoa học - công nghệ, xây dựng văn hóa và con người Việt Nam thời đại mới. Đại đoàn kết không chỉ dừng lại ở tập hợp lực lượng mà còn là sự đồng thuận sâu sắc giữa Đảng và nhân dân, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, giữa phát triển kinh tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữa hiện đại hóa và bảo vệ môi trường. Đại đoàn kết giai đoạn này không chỉ là huy động lòng yêu nước trong những thời điểm cấp bách mà yêu cầu cao hơn còn là trách nhiệm của mỗi người dân đối với sự phát triển của đất nước, là khát vọng phụng sự Tổ quốc.

Thứ hai, một số giải pháp trọng tâm nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình hiện nay.

- Củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

Đây là nền tảng tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự lan tỏa của truyền thông xã hội, việc bảo vệ và củng cố niềm tin của nhân dân không chỉ là nhiệm vụ chính trị cấp thiết mà còn là điều kiện tiên quyết để huy động sức dân vào sự nghiệp phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước ta cần tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch trong toàn bộ quá trình hoạch định và triển khai các chính sách phát triển kinh tế- xã hội, nhất là các chính sách có liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân. Minh bạch không chỉ là yêu cầu quản trị hiện đại mà là cam kết chính trị của một chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; nâng cao năng lực phản hồi, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của người dân; kiên quyết xử lý tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Cần đặc biệt coi trọng phương châm “lấy dân làm gốc”, “việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh”. Đảm bảo mọi chủ trương, chính sách đều xuất phát từ lợi ích của nhân dân và vì nhân dân.

Đồng thời, tăng cường đối thoại, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên, công nhân, nông dân và đồng bào các dân tộc thiểu số - đối tượng chịu tác động mạnh của quá trình chuyển đổi kinh tế và biến đổi xã hội. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia góp ý, phản biện, giám sát, kiểm tra các chính sách phát triển kinh tế- xã hội; bảo vệ quyền lợi, phát huy vai trò làm chủ thật sự của nhân dân.

Cần củng cố niềm tin của nhân dân vào thể chế chính trị bằng việc xây dựng được một Đảng lãnh đạo thật sự trong sạch, vững mạnh; tiếp tục hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhà nước cần được tổ chức, vận hành hiệu lực, hiệu quả, có năng lực dẫn dắt phát triển và tạo dựng sự ổn định cho toàn xã hội.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Đại đoàn kết chỉ thực sự bền vững khi có tổ chức lãnh đạo, tập hợp, dẫn dắt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phải trở thành trung tâm, hạt nhân đoàn kết, cần đổi mới mạnh mẽ về nội dung và phương thức hoạt động sát với thực

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.110.

tiền, hướng về cơ sở, chăm lo quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp nhân dân.

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tăng cường đối thoại, đảm bảo tiếng nói của nhân dân được lắng nghe, tiếp thu nghiêm túc. Đặc biệt, nâng cao chất lượng giám sát trong các lĩnh vực “nóng” như đất đai, môi trường, giáo dục, y tế, phòng chống tham nhũng và quyền con người.

Phát huy vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt trong những tình huống khủng hoảng thông tin hoặc có xung đột lợi ích. Các tổ chức chính trị - xã hội cần đóng vai trò trung gian điều hòa, góp phần ổn định xã hội. Hỗ trợ, khuyến khích sáng kiến cộng đồng, phát triển phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, giúp gắn kết cộng đồng và lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái đến với mỗi người dân.

- Thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo đúng đắn; đảm bảo quyền bình đẳng, phát huy vai trò các dân tộc, tôn giáo trong phát triển.

Đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ thực sự vững mạnh khi bảo đảm được quyền bình đẳng, công bằng giữa các dân tộc, tôn giáo, cũng như phát huy được vai trò tích cực của đồng bào dân tộc thiểu số và chức sắc tôn giáo trong công cuộc phát triển.

Cần tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách dân tộc, đặc biệt là những chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới gắn với bảo tồn di sản văn hóa truyền thống.

Tăng cường đào tạo, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, phát triển hệ thống giáo dục dân tộc nội trú, bán trú, tạo điều kiện để thanh niên dân tộc thiểu số tiếp cận tri thức hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng khó khăn.

Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời chủ động đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; Tạo môi trường hài hòa giữa các cộng đồng tôn giáo và không tôn giáo, giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia thống nhất, hướng tới mục tiêu chung là phát triển đất nước và nâng cao đời sống của nhân dân.

- Đảm bảo phát triển toàn diện con người, tiến bộ và công bằng xã hội.

Phát triển con người luôn giữ vai trò trung tâm của phát triển bền vững. Vì vậy, để xây dựng một khối đại đoàn kết vững chắc, cần đảm bảo sự phát triển toàn diện, hài hòa về vật chất và tinh thần cho mọi công dân. Tập trung hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, bảo đảm mọi người dân - không phân biệt dân tộc, tôn giáo, vùng miền - đều được tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như giáo dục, y tế, nước sạch, nhà ở, bảo hiểm xã hội. Đặc biệt chú trọng chính sách hỗ trợ nhóm yếu thế, người nghèo, người già, trẻ em, người khuyết tật, đối tượng dễ bị tổn thương trong chuyển đổi kinh tế - xã hội.

Khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo môi trường bình đẳng về cơ hội, đặc biệt cho những người có năng lực, đạo đức, cống hiến cho xã hội. Gắn tăng trưởng kinh tế với nâng cao chất lượng sống, để mọi tầng lớp nhân dân thực sự hưởng thụ được thành quả của công cuộc đổi mới.

- Xây dựng và phát triển văn hóa, giữ gìn bản sắc, bồi dưỡng giá trị tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đoàn kết không chỉ đến từ lợi ích vật chất mà còn bắt rễ từ giá trị văn hóa và tinh thần. Một nền văn hóa lành mạnh, nhân văn sẽ nuôi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cộng đồng và sự gắn bó giữa các tầng lớp xã hội. Phát triển văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Tăng cường xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong

gia đình, nhà trường và xã hội; cô vũ lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, khát vọng cống hiến. Đẩy mạnh truyền thông tích cực, tôn vinh người tốt - việc tốt, phê phán thói xấu, gương xấu. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, kết hợp hài hòa với tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần tạo nên bản sắc con người Việt Nam trong thời đại mới.

Kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện lai căng, thực dụng, phi văn hóa, nhất là trên không gian mạng; chủ động ngăn chặn, loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, xây dựng không gian mạng lành mạnh, an toàn.

- *Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục chính trị tư tưởng, đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”.*

Trong kỷ nguyên số, thông tin là công cụ then chốt bảo vệ hoặc chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Đảng và nhà nước cần xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia hiện đại, chủ động thông tin chính xác, kịp thời về tình hình đất nước, thành tựu đổi mới, các chủ trương lớn, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đầu tư phát triển đội ngũ làm công tác tuyên truyền, nhất là trên nền tảng số, mạng xã hội; hình thành các “kênh dẫn dắt dư luận” có uy tín, có khả năng tạo ảnh hưởng tích cực đến các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, đổi mới công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ; bồi dưỡng niềm tin, khát vọng phát triển, trách nhiệm với vận mệnh dân tộc.

Nâng cao cảnh giác trước các thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, lợi dụng tôn giáo, dân tộc, nhân quyền để kích động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết, gây mất ổn định xã hội.

KẾT LUẬN

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng sống động cho sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đã 80 năm trôi qua, nhưng bài học quý báu ấy vẫn còn nguyên giá trị trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam hiện nay. Khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập sâu rộng thì bài học phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc càng trở nên cấp thiết và mang ý nghĩa chiến lược. Kỷ nguyên vươn mình hôm nay không chỉ là hành trình phát triển kinh tế - xã hội mà còn là sự khẳng định bản lĩnh và vị thế của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, chính là điều kiện tiên quyết để quy tụ trí tuệ, khơi dậy khát vọng, tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân đưa Việt Nam tiến lên mạnh mẽ trong thời đại mới, chinh phục những đỉnh cao phát triển mới, hiện thực hóa các mục tiêu của công cuộc xây dựng đất nước: hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, sánh vai với các cường quốc năm châu.

VAI TRÒ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

TS. Lê Hồ Sơn*

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX. Thắng lợi đó là thành quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài và toàn diện của cách mạng Việt Nam, trong đó vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố đặc biệt quan trọng, mang tính quyết định. Từ mục tiêu và hành động của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911) đến các hoạt động sôi nổi trong phong trào cách mạng thế giới; chuẩn bị các điều kiện và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; chủ trì hội nghị Trung ương lần thứ VIII của Đảng với những chiến lược đúng đắn về con đường cách mạng Việt Nam đã thể hiện tính chất quyết định thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945. Do đó, việc phân tích vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám không chỉ nhằm khẳng định công lao to lớn của Người đối với dân tộc, mà còn rút ra những bài học lịch sử sâu sắc cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

NỘI DUNG

Vai trò Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện ở những nội dung cụ thể sau:

1. Xác lập con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam

Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, phong trào đấu tranh yêu nước ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ, song đều lần lượt thất bại bởi thiếu một đường lối chính trị khoa học, chưa có một tổ chức đủ mạnh để giác ngộ, tập hợp và lãnh đạo nhân dân, phương pháp đấu tranh còn nhiều hạn chế. Chính Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã tiếp cận và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, mở ra một bước ngoặt quyết định trong tư duy và phương pháp cách mạng. Từ những nhận thức lý luận ban đầu qua việc tiếp thu “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin, Người đã nhận rõ nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước trước đó ở Việt Nam, từng bước khẳng định vai trò lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và từ đó kiên định lựa chọn con đường cách mạng vô sản.

Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Người đã khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹. Người lựa chọn con đường cách mạng giải phóng dân tộc theo mô hình Cách mạng tháng Mười Nga (1917), bởi “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”². Sự lựa chọn này thể hiện tầm nhìn chiến lược, phù hợp xu thế thời đại, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân lao động. Hồ Chí Minh nhất quán quan điểm cách mạng giải phóng dân tộc phải gắn với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Hiện thực hóa con đường cách mạng vô sản vào thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện sứ mệnh lãnh đạo cách mạng. Các văn kiện *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Hồ Chí Minh thông qua tại Hội nghị

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr.30.

² Hồ Chí Minh: *Sđđ*, 2011, t.2, tr.296.

thành lập Đảng năm 1930 đã phản ánh một hệ thống quan điểm về đường lối cách mạng có tính nền tảng, xác định phương hướng chiến lược cơ bản cho cách mạng Việt Nam.

Thứ nhất, về mục tiêu cách mạng, Hồ Chí Minh xác định đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn được độc lập. Người đồng thời nhấn mạnh hai đối tượng đấu tranh là thực dân và phong kiến, thể hiện nhận thức biện chứng về mối quan hệ giữa áp bức dân tộc và áp bức giai cấp ở Việt Nam thuộc địa, nửa phong kiến. Độc lập dân tộc được xác định là điều kiện tiên quyết để giải phóng giai cấp, đồng thời việc giải phóng giai cấp là phương tiện để củng cố nền độc lập dân tộc và xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên, ở một nước thuộc địa thì vấn đề quan trọng hàng đầu là giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc.

Thứ hai, về lực lượng lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò trung tâm của Đảng Cộng sản, đội quân tiên phong của giai cấp công nhân, là yếu tố dẫn dắt phong trào cách mạng đi đúng hướng. Người khẳng định: “Muốn giải phóng dân tộc thành công “trước hết phải có Đảng cách mệnh,... Đảng có vững, cách mạng mới thành công,... Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, phải làm theo chủ nghĩa ấy. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất là chủ nghĩa Lênin”³. Như vậy, cách mạng Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Đảng đó phải được xây dựng theo các nguyên tắc kiểu mới của V.I. Lênin, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong Sách lược vắn tắt, Người viết: “Đảng,... phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng,...”⁴.

Thứ ba, về lực lượng cách mạng, Hồ Chí Minh xác định rõ lực lượng cơ bản của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân, trong đó giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo; đồng thời phải đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Sách lược vắn tắt nhấn mạnh: “Đảng thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo,... Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên, Tân Việt,... để kéo họ về phe vô sản giai cấp. Còn với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”⁵. Chủ trương tranh thủ, tập hợp lực lượng rộng rãi nhưng Người vẫn quán triệt quan điểm “Công nông làm gốc cách mạng”, và “Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn trọng, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp”⁶. Đây là nền tảng tư tưởng cho chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta. Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh (1941) đã liên kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, miễn là có lòng yêu nước đều trở thành thành viên của khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận. Rõ ràng tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc đã được đặt nền móng ngay từ trong Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt của Đảng. Tư tưởng “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công” của Hồ Chí Minh đã được quán triệt trong mọi hoạt động của Đảng, là nguyên tắc bất di bất dịch trong chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Thứ tư, về phương pháp cách mạng, Hồ Chí Minh đề xuất con đường đấu tranh lâu dài, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị của quần chúng và đấu tranh vũ trang của nhân dân. Người nhấn mạnh sử dụng bạo lực cách mạng là tất yếu để giải phóng dân tộc,

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.267-268.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.3.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.3.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.3.

song không tuyệt đối hóa bạo lực mà coi nó là phương pháp để thực hiện mục tiêu chính trị của cách mạng, coi trọng sự kết hợp linh hoạt, sáng tạo giữa các hình thức đấu tranh phù hợp với tình hình từng thời kỳ... Chính quan điểm linh hoạt này đã được Đảng ta cụ thể hóa qua từng giai đoạn - từ cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), phong trào dân chủ (1936 - 1939) đến cao trào giải phóng dân tộc (1939 - 1945), tiến tới tổng khởi nghĩa.

Thứ năm, về mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, Người cho rằng cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới, cần tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ quốc tế, đồng thời phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, dựa vào sức mình là chính. Người chỉ rõ: “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”⁷. Quan điểm này vừa quán triệt sâu sắc tinh thần khẩu hiệu chiến lược của Quốc tế Cộng sản là “vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại” vừa đảm bảo tính chủ động, sáng tạo trong vận động cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Những tư tưởng, quan điểm lớn của Hồ Chí Minh về đường lối cách mạng Việt Nam đã trở thành kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của Đảng ta từ 1930 đến 1945. Dưới ánh sáng chỉ đạo đó, Đảng đã xác định rõ mục tiêu, từng bước tập hợp lực lượng, xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị toàn diện cho cuộc Tổng khởi nghĩa, đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Phải khẳng định rằng, thắng lợi đó là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, nhưng vai trò đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người tìm ra và kiên định đường lối cách mạng đúng đắn là nhân tố quyết định hàng đầu, đảm bảo thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Hoàn chỉnh đường lối chỉ đạo chiến lược của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới

Sự thành công vang dội của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài, đồng thời là biểu hiện tài năng kiệt xuất của Hồ Chí Minh trong nghệ thuật chỉ đạo chiến lược, lãnh đạo nhân dân giành chính quyền.

Trong bối cảnh Chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ (1/9/1939), lan rộng và ngày càng khốc liệt, Hội nghị Trung ương lần thứ VI (11/1939), Hội nghị Trung ương lần thứ VII (11/1940) đã phân tích kỹ tình hình trong và ngoài nước, các mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu trước mắt, quyết định điều chỉnh về đường lối và phương pháp cách mạng, xác định nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là giải phóng dân tộc, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu là đế quốc và bọn tay sai. Đặc biệt, sự kiện Hồ Chí Minh trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (28/1/1941) đánh dấu bước ngoặt quyết định. Bằng tầm nhìn nhạy bén, Người đã triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII (từ ngày 10 - 19/5/1941) và chỉ đạo chuyển biến chiến lược, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, xác định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc. Hội nghị khẳng định: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁸. Việc đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu là một quyết định đúng đắn, thể hiện sự sáng tạo và phù hợp với thực tiễn cách mạng

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.3.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.12, tr.30.

Việt Nam, giải quyết thành công mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ngay sau Hội nghị, Hồ Chí Minh viết thư “Kính cáo đồng bào” (06/6/1941), gửi đến các tầng lớp nhân dân cả nước, kêu gọi: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng”⁹. Song song với đó, Người xuất bản báo *Việt Nam độc lập* (gọi tắt là Việt lập), trực tiếp lãnh đạo công tác tuyên truyền, cổ vũ phong trào cách mạng trong các tầng lớp nhân dân; sáng tác tác phẩm *Lịch sử nước ta* (1941) nhằm khơi dậy truyền thống yêu nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhấn mạnh: “Dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”¹⁰. Phong trào cách mạng Việt Nam giai đoạn này liên tiếp phát triển mạnh mẽ với mục tiêu tập trung cho nhiệm vụ trung tâm, trước tiên là giải phóng dân tộc.

Với tầm nhìn chiến lược sâu sắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) vào ngày 19/5/1941 nhằm tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ cách mạng. Đoàn kết mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc, giành độc lập dân tộc, không phân biệt dân tộc, giai cấp, đảng phái, tôn giáo... Tháng 10/1941, Chương trình Việt Minh được công bố và phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân yêu nước. Chương trình Việt Minh gồm có 10 chính sách về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nhằm thực hiện hai điều lớn đó là làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập và làm cho nhân dân Việt Nam được sung sướng, tự do. Chương trình, Điều lệ của Mặt trận Việt Minh với tôn chỉ: “Liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân không phân biệt tôn giáo, đảng phái, xu hướng chính trị nào, giai cấp nào, đoàn kết chiến đấu để đánh đuổi Pháp- Nhật, giành quyền độc lập cho xứ sở”¹¹ đã nhanh chóng đi sâu vào các tầng lớp nhân dân trong xã hội Việt Nam. Bên cạnh đó, Người còn chỉ đạo Đảng ta tích cực xây dựng, phát triển căn cứ địa cách mạng và xuất bản báo Việt Nam độc lập để tuyên truyền, tổ chức nhân dân vào các hội cứu quốc của Việt Minh. Lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Hồ Chí Minh một khối đại đoàn kết toàn dân được kiến tạo rộng rãi, vững chắc và phát triển mạnh mẽ từ Bắc đến Nam, từ miền xuôi đến miền ngược, từ nông thôn đến thành thị, tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn, một lực lượng cách mạng hùng hậu.

Cùng với đó, Người cũng xác định rõ để tiến hành cách mạng thành công cần phải tiến hành khởi nghĩa vũ trang, sử dụng lực lượng chính trị, kết hợp với lực lượng vũ trang. Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Người, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập và giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Thực hiện lời căn dặn của Hồ Chí Minh “trận đầu phải thắng”, chỉ 3 ngày sau khi thành lập đội đã lập 2 chiến công oanh liệt, hạ đồn Phai Khắt (25/12/1944) và đồn Nà Ngàn (26/12/1944), mở đầu truyền thống anh hùng của quân đội nhân dân ta. Đây không chỉ là sự kiện đánh dấu sự ra đời chính thức của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam mà còn là một quyết định mang tầm chiến lược vĩ đại. Hồ Chí Minh đã nhìn xa trông rộng, chuẩn bị lực lượng vũ trang chính quy từ khi chưa có chính quyền để làm nòng cốt cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.230.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.266.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.149.

3. Kiên quyết chớp thời cơ, phát động Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi cho Cách mạng tháng Tám năm 1945

Bên cạnh việc hoàn chỉnh đường lối chỉ đạo chiến lược, Hồ Chí Minh còn đặc biệt coi trọng nhận định đúng thời cơ và chớp thời cơ. Theo Người, có lực, có thế thì còn phải biết tạo thời và tranh thời. Nếu hành động đúng thời cơ thì lực lượng nhỏ cũng có thể giành được thắng lợi lớn. Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động lớn, Hồ Chí Minh đã thể hiện tầm nhìn chiến lược, sự nhạy bén chính trị và bản lĩnh lãnh đạo kiệt xuất trong việc nắm thời cơ và tạo ra thời cơ “ngàn năm có một”, đã phát động Tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi cho Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra một trang sử vẻ vang chói lọi nhất cho dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã sớm nhận diện được sự thay đổi lớn của cục diện quốc tế khi Chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, trong thư gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1941, Người đã phân tích rõ chiến tranh thế giới sẽ dẫn đến khủng hoảng trong hệ thống thuộc địa của các nước đế quốc, tạo điều kiện cho các dân tộc bị áp bức vùng lên giành độc lập. Từ nhận định này, Hồ Chí Minh đã chủ trương chuyển hướng chỉ đạo cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, xây dựng lực lượng cách mạng về mọi mặt từ chính trị, tổ chức đến quân sự. Việc thành lập Mặt trận Việt Minh (1941), tổ chức Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (1944), củng cố căn cứ địa Việt Bắc,... là những bước chuẩn bị chiến lược, sẵn sàng đón bắt thời cơ lịch sử.

Tháng 3/1945, khi phát xít Nhật đảo chính Pháp, chiếm Đông Dương, tạo ra một khoảng trống quyền lực trên toàn cõi Đông Dương, Hồ Chí Minh cùng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã lập tức ban hành Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, trong đó nhấn mạnh: “Chúng ta phải chuẩn bị khởi nghĩa... khi thời cơ đến sẽ hành động, giành chính quyền về tay nhân dân”.

Ngày 15/8/1945, Chính phủ Nhật chính thức tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, toàn bộ bộ máy cai trị của phát xít Nhật ở Đông Dương bị tê liệt, không còn khả năng kiểm soát tình hình. Trước tình hình đó, Hồ Chí Minh phân tích một cách khoa học và đánh giá cao giữa cách mạng Đông Dương với cuộc chiến tranh của các nước Đồng minh chống phát xít; coi trọng cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan, trong đó đặc biệt nhấn mạnh yếu tố chủ quan có ý nghĩa quyết định nhất cho cách mạng. Ngay khi Nhật đầu hàng, Hồ Chí Minh đã nhanh chóng triệu tập và chủ trì Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản (từ ngày 14 - 15/8/1945), quyết định chủ trương Tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, Người khẳng định phải hành động nhanh, không để cho bọn phản động kịp trở tay. Nếu chậm trễ, quân Đồng minh vào, ta sẽ mất thời cơ. Hội nghị cương quyết chớp thời cơ và nêu rõ 3 nguyên tắc hành động: “Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc phải nhằm vào ba nguyên tắc: a) Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính; b) Thống nhất - thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy; c) Kịp thời - kịp thời hành động không bỏ lỡ cơ hội”¹². Ngay sau Hội nghị, ngày 16/8/1945, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc: “Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên”¹³.

Nhờ nghệ thuật chớp thời cơ tài tình, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh, toàn dân ta khắp cả nước đã đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.425.

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

Ngày 19/8/1945, Tổng khởi nghĩa thành công ở Hà Nội, ngày 23/8 ở Huế, ngày 25/8 ở Sài Gòn. Trong một khoảng thời gian ngắn, do nắm bắt thời cơ, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước đã thành công, chính quyền cách mạng đã về tay nhân dân. Ngày 23/8/1945, Hồ Chí Minh về đến Hà Nội và ngày 26/8 Người mở phiên họp đầu tiên của Ban thường vụ Trung ương Đảng để thống nhất những chủ trương đối nội và đối ngoại trong tình hình mới, đặc biệt là việc công bố danh sách thành viên Chính phủ lâm thời, soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* và Người yêu cầu tổ chức mít-tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân, tuyên bố Việt Nam độc lập và thiết lập chính thể Dân chủ cộng hòa phải được gấp rút làm ngay trước khi quân Đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật ở Đông Dương. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và thật sự đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”¹⁴.

Có thể khẳng định, nghệ thuật tạo và chớp thời cơ của Hồ Chí Minh là kết quả của một quá trình quan sát tinh tế, phân tích sắc sảo và chuẩn bị toàn diện. Người đã kết hợp linh hoạt giữa tư duy chiến lược cách mạng dài hạn; phán đoán chính xác thời điểm quyết định để thực hiện cách mạng; tổ chức hành động thống nhất và kỷ luật cao khi ban hành lệnh Tổng khởi nghĩa; tận dụng không gian chính trị quốc tế và trong nước. Chính sự nhanh nhạy và kiên quyết chớp thời cơ trong thời điểm quyết định của Hồ Chí Minh đã góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam- thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

KẾT LUẬN

Tóm lại, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không thể tách rời vai trò quyết định của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với tầm vóc một nhà tư tưởng, nhà chiến lược, nhà tổ chức cách mạng kiệt xuất, Hồ Chí Minh đã đóng vai trò trung tâm, xuyên suốt và quyết định trong toàn bộ quá trình chuẩn bị, dẫn dắt và đưa cách mạng đến thành công. Từ việc Người xác định rõ con đường cách mạng đúng đắn dẫn đến việc chuẩn bị xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng; đặc biệt, việc đánh giá đúng tình hình quốc tế và trong nước, phân tích rõ tình hình địch - ta để chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc với phương châm đem sức ta mà giải phóng cho ta là một chủ trương rất đúng đắn và sáng tạo. Hồ Chí Minh đã được thế giới đánh giá là người đã làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới trong thế kỷ XX với những đóng góp của Người cho cách mạng Việt Nam và thế giới. Ngày nay, trong bối cảnh đất nước đang bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, những bài học về tư duy chiến lược, sự nhạy bén trong nắm bắt thời cơ, về khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà Hồ Chí Minh để lại từ trong Cách mạng tháng Tám đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đó là nguồn cảm hứng và kim chỉ nam để Đảng và nhân dân ta tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi vững chắc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Sdd*, 2011, t.4, tr.3.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 - THẮNG LỢI CỦA CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG ĐÚNG ĐẮN DO CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LỰA CHỌN

*TS. Lê Văn Thuật**
*ThS. Nguyễn Anh Tài***
*ThS. Phan Thị Trang****

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám 1945 là cột mốc vĩ đại mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, tự do, hạnh phúc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 khẳng định con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho cách mạng Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn. Có thể nói, chính ý chí độc lập, khát vọng tự do, dân chủ quyện chặt với nhau và trở thành đòi hỏi bức thiết của mọi người dân mất nước. Tuy nhiên, để có được quyền độc lập, tự do thật sự thì mỗi quốc gia, dân tộc trong quá trình đấu tranh cách mạng đều phải lựa chọn một con đường đi phù hợp với điều kiện cụ thể của quốc gia dân tộc đó. Từ giữa thế kỷ XIX, Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược và biến thành thuộc địa của Pháp. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp trở thành mâu thuẫn chủ yếu. Mâu thuẫn đó đặt ra cho dân tộc nhiệm vụ cần phải cấp bách giải quyết là đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, làm cơ sở để xây dựng xã hội mới tốt đẹp hơn.

NỘI DUNG

1. Hồ Chí Minh và hành trình tìm đường cứu nước giành lại độc lập, tự do cho dân tộc

Ngày 05/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, hành trang của Người mang theo không có gì ngoài đôi bàn tay lao động và khát vọng tìm thấy đường cứu nước để trở về nước giúp đồng bào ta giải phóng dân tộc. Cuộc hành trình gần mười năm đã đưa Người đến nhiều vùng đất thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh,... những chuyến đi đã giúp Người có cơ hội được quan sát, nhận biết sâu sắc diện mạo của thế giới tư bản chủ nghĩa cũng như khát vọng của các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc.

Trong hành trình đó, Hồ Chí Minh đã tiến hành khảo sát các cuộc cách mạng nổi tiếng trên thế giới như cách mạng Pháp, Mỹ,... đặc biệt, Người đã đi sâu nghiên cứu bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* năm 1791 của nước Pháp. Qua đó, Người đã nhận thấy hạn chế lớn nhất của các cuộc cách mạng ấy đều là “không đến nơi”, “không triệt để”, không đáp ứng được nhu cầu giải phóng các tầng lớp nhân dân lao động. Người viết: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, ... Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy”¹. Hồ Chí Minh đã rút ra bài học lớn đối với cách mạng Việt Nam: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mạng thì nên làm cho tới nơi”². Như vậy, Người cho rằng lý luận và mô hình cách mạng tư sản không phải là sự lựa chọn tối ưu cho cách mạng Việt Nam trong việc đấu tranh giành quyền độc lập, tự do.

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

** Trường Đại học Nghệ An.

*** Trường THCS Đặng Thai Mai, Nghệ An.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.296.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.292.

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga nổ ra và giành thắng lợi, Người đi vào tìm hiểu, nghiên cứu cuộc cách mạng này và đi đến kết luận: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam”³. Theo Hồ Chí Minh, Việt Nam muốn có độc lập, tự do phải đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga, bởi “chính nhờ cuộc cách mạng này mà cơ sở của quyền tự do chân chính và quyền bình đẳng thực sự đã được đặt ra cho loài người”⁴ và “Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mă Khắc Tư và Lênin”⁵.

Giữa năm 1920, một sự kiện quan trọng trong hành trình tìm con đường cứu nước của Hồ Chí Minh khi Người đọc được bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Luận cương đã có tác động rất lớn đến tư tưởng của Người, “... Bản Luận cương đã làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao!... Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”⁶. Luận cương đã luận giải một cách ngắn gọn, sáng tỏ những nội dung chủ yếu về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc. Đến đây, Hồ Chí Minh đã tìm thấy cho dân tộc mình một chủ nghĩa “chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất”, đóng vai trò nền tảng tư tưởng, đủ sức soi sáng cho cách mạng Việt Nam đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Giúp Hồ Chí Minh nêu ra định hướng: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁷.

Việc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Hồ Chí Minh xây dựng thành công một hệ tư tưởng cách mạng toàn diện và sáng tạo mang tầm vóc lịch sử, một học thuyết cách mạng giải phóng và phát triển dân tộc: cách mạng Việt Nam vận động theo quỹ đạo của cách mạng vô sản, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. “Giải phóng dân tộc” trong tư tưởng Hồ Chí Minh được xác định là “giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản”, tức là hướng cách mạng giải phóng dân tộc theo những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

2. Con đường cách mạng do Hồ Chí Minh lựa chọn đã được hiện thực hóa và dẫn đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945

Sau khi tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Từ năm 1921 - 1923, Hồ Chí Minh tiếp tục bổ sung và hoàn thiện tư tưởng về con đường cứu nước, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước để chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng tiên phong ở Việt Nam. Trong khoảng thời gian này, xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam và những gì Hồ Chí Minh thấy được trong hành trình tìm đường cứu nước, Người đã viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* nhằm tố cáo tội ác và vạch trần bản chất của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời nêu lên mối quan hệ khăng khít của cách mạng vô sản và các mạng giải phóng dân tộc thông qua việc ví chủ nghĩa đế quốc là con đĩa hai vôi “Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi”⁸. Giữa năm 1923, Hồ Chí Minh lên đường sang Liên Xô, tại đây Người đã hoạt động rất sôi nổi trong các tổ chức của Quốc

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.279.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.7.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.304.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.15, tr.584.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.12, tr.30.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.130.

tế cộng sản và tham dự nhiều Đại hội quan trọng, trong đó có Đại hội V của Quốc tế cộng sản. Vì vậy, Người có thêm những căn cứ để làm cho con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn có bước tiến mới mẻ và càng rõ nét hơn. Cuối năm 1924, Hồ Chí Minh đến Quảng Châu (Trung Quốc), tại đây Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhằm tập hợp những thanh niên Việt Nam yêu nước, có xu hướng cứu nước giải phóng dân tộc. Người mở các lớp huấn luyện cán bộ và cho ra đời tờ báo Thanh niên với mục đích tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước của Việt Nam. Những nội dung cơ bản về một con đường cách mạng giải phóng dân tộc mới đã được Người diễn đạt một cách vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ trong các bài giảng tại lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu, đến năm 1927 những nội dung đó đã được tập hợp thành tác phẩm *Đường Kách mệnh*. Trong tác phẩm này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chứ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”⁹. Đây chính là điểm xuất phát và cũng là điểm khác căn bản giữa con đường cứu nước của Hồ Chí Minh với những con đường cứu nước trước đó ở nước ta.

Trong con đường cứu nước mới, Hồ Chí Minh xác định lực lượng cách mạng là toàn dân tộc, trong đó công nông là gốc cách mệnh, học trò nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ đều là bầu bạn của công nông. Cách mạng là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc của một hay hai người và phải được thực hiện bằng con đường cách mạng bạo lực cách mạng. Bên cạnh đó, Người xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới và trong đó Người lưu ý hai điều: Muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã; Cách mạng giải phóng dân tộc cần phải được tiến hành chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Và để thực hiện tốt tất cả những vấn đề nêu trên, Hồ Chí Minh xác định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản sẽ là yếu tố quyết định cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Người nêu rõ: “Trước hết phải có đảng cách mệnh,... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹⁰. Đồng thời, Người cũng khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”¹¹. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh con đường cứu nước do Hồ Chí Minh lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo, mở đường cho sự giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước ở nước ta lúc bấy giờ, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản vào cuối năm 1929 và Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và thông qua Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, trong đó, *Chánh cương vắn tắt* là một văn kiện thể hiện tính sáng tạo, mới mẻ về lý luận con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh. Trên cơ sở nắm vững và đánh giá một cách chính xác tính chất xã hội Việt Nam, Người đã xác định mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu lúc bấy giờ là giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân xâm lược. Từ đó, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là chống đế quốc, chống phong kiến, thực hiện giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Người đã chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹². Đây là chủ trương có giá trị như một bước ngoặt đối với cách mạng Việt Nam, khi đã trực tiếp đặt nhiệm vụ đánh đổ đế quốc lên hàng đầu nhằm “làm cho nước Việt Nam

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.292.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.289.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.289.

¹² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.1.

hoàn toàn độc lập”. Qua đó giải quyết triệt để nhu cầu và khát vọng độc lập của dân tộc cũng như xác định con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, đồng thời đã xử lý đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp khi gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng con người, gắn độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Trong giai đoạn này với những tư tưởng hẹp hòi, sai lầm tả khuynh dẫn đến Quốc tế Cộng sản hiểu sai quan điểm của Hồ Chí Minh, từ đó phê phán con đường do Hồ Chí Minh vạch ra. Tháng 10/1930, Hội nghị lần I của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua *Luận cương chính trị* do đồng chí Trần Phú soạn thảo thay *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên. Luận cương xác định tính chất của cuộc cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc “cách mạng tư sản dân quyền” và xác định nhiệm vụ cốt là: “Tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để”¹³ và “đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”¹⁴. Hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong phải được đặt ngang hàng nhau: “Có đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa mới phá được các giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi, mà có phá tan được chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”¹⁵. Đến Đại hội lần thứ nhất của Đảng (tháng 3/1935), cùng với sự phát triển của thực tiễn đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Đông Dương đã bắt đầu có những nhận thức đúng đắn về mâu thuẫn cơ bản trong xã hội thuộc địa, về nhiệm vụ của cách mạng thuộc địa, về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp... Hội nghị Trung ương 6 (tháng 11/1939), lý luận về tổ chức lực lượng cách mạng của Đảng đã trở về với tư tưởng của Hồ Chí Minh đề ra trong *Chánh cương vắn tắt* của Đảng rằng, nhiệm vụ đánh Pháp đuổi Nhật... là nhiệm vụ chung của toàn dân Việt Nam, từ đó khẳng định “Thống nhất lực lượng dân tộc là điều kiện cốt yếu để đánh đổ đế quốc Pháp”¹⁶.

Ngày 28/1/1941, Hồ Chí Minh đã trở về nước triệu tập Hội nghị lần thứ VIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ ngày 10 - 19/5/1941). Hội nghị đã phân tích một cách khoa học tác động của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đối với nhân loại nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng giống như một cơn lốc lớn đang làm biến đổi số mệnh của hàng triệu con người, thúc đẩy các dân tộc phải vùng lên tự giải phóng cho mình khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và thực dân. Dưới sự soi sáng của con đường giải phóng dân tộc do Hồ Chí Minh lựa chọn và sự chỉ đạo trực tiếp của Người, một lần nữa, Đảng ta xác định: “Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền,... mà là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cần kíp dân tộc giải phóng”¹⁷. Hội nghị khẳng định mục tiêu và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập, tự do cho toàn dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹⁸. Để hiện thực hoá mục tiêu đó, Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh với chính sách mười điểm trong đó khẳng định: “Coi quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy”¹⁹. Mặt trận Việt Minh ra đời với chương trình hướng tới nhằm thực hiện hai mục

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.94.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.2, tr.94.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.2, tr.94.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.6, tr.554.

¹⁷ Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.38 - 40.

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.7, tr.113.

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.7, tr.161.

tiêu: “Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do”²⁰. Chính sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược này đã động viên toàn thể dân tộc đứng lên đi theo con đường cứu nước của Hồ Chí Minh đã lựa chọn nhằm đấu tranh lật đổ đế quốc thực dân, phát xít Pháp - Nhật, giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

Cuối năm 1944 đến giữa năm 1945, chiến tranh thế giới lần thứ 2 đã có những thay đổi về mặt tương quan giữa các bên, khi quân đồng minh liên tiếp giành những thắng lợi to lớn trên các mặt trận. Đây là thời cơ mà Hồ Chí Minh xác định ngàn năm có một: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”²¹. Từ lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đồng sức, đồng lòng đứng lên Tổng khởi nghĩa và đã tạo nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám 1945, giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc.

Ngày 02/09/1945, tại quảng trường Ba Đình, Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* tuyên bố với quốc dân và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”²². Bản Tuyên ngôn đã khai sinh ra nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa nước ta bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thành công của Cách mạng tháng Tám là minh chứng rõ ràng nhất cho tính cách mạng, đúng đắn và sáng tạo của con đường cứu nước giải phóng dân tộc do Hồ Chí Minh lựa chọn.

KẾT LUẬN

Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đất nước lâm vào khủng hoảng về đường lối cứu nước, tất cả các phong trào cách mạng lúc bấy giờ đều rơi vào bế tắc và thất bại. Từ thực tiễn đó, Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước và trên cơ sở kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại, bắt gặp và đến với chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Hồ Chí Minh tìm thấy và chủ động vạch ra một con đường cứu nước giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc. Con đường do Hồ Chí Minh lựa chọn đã được Người và Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng một cách sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Từ đó, đã đáp ứng đúng đắn nhu cầu của lịch sử, phù hợp với hoàn cảnh trong nước và xu thế thời đại, đáp ứng nguyện vọng của đại đa số tầng lớp nhân dân, vì vậy nó có sức động viên, trở thành *kim chỉ nam* cho hành động của Đảng lãnh đạo toàn thể nhân dân Việt Nam giành thắng lợi vĩ đại trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, qua đó giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sổ đ*, 2002, t.7, tr.370.

²¹ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, gồm 2 tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.2, tr.225.

²² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

ThS. Nguyễn Thị Thanh Xuân*

MỞ ĐẦU

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - đánh dấu mốc lịch sử đặc biệt của cách mạng Việt Nam, mở ra kỷ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Kể từ đó, nước được độc lập, nhân dân được tự do, được làm chủ cuộc đời mình. Trong thành công đó, có vai trò vô cùng to lớn và mang tính quyết định của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người không chỉ là người đặt nền móng lý luận, đường lối cho cuộc cách mạng, mà còn là nhà tổ chức thiên tài, người trực tiếp chỉ đạo và dẫn dắt cuộc khởi nghĩa đi đến thắng lợi vẻ vang. Tìm hiểu vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám không chỉ đơn thuần tìm lại dấu ấn của một vị lãnh tụ kiệt xuất, mà còn để thấy rõ sự kết tinh giữa tư tưởng, hành động cách mạng và khát vọng độc lập dân tộc trong con người Hồ Chí Minh từ đó làm cơ sở vững chắc cho kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

NỘI DUNG

1. Hồ Chí Minh - Người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc

Sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước lâm than, nhân dân nô lệ, ngay từ khi còn nhỏ, Hồ Chí Minh đã mang trong mình lòng yêu nước thương dân vô bờ bến. Với khát vọng đem lại độc lập cho Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho nhân dân, Người đã phân tích, đánh giá và vượt lên những hạn chế của các con đường cứu nước của các vị tiền bối, quyết đi sang phương Tây tìm đường cứu nước. Năm 1911, từ bến cảng Nhà Rồng, Văn Ba đã rời Tổ quốc để bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm đi tìm con đường giải phóng dân tộc. Người khẳng định: “Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹. Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Người đã tìm hiểu các cuộc cách mạng của tư sản như cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp (1789), nhưng rồi nhận thấy: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa, Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức”². Từ đó Người nhận thấy rằng, đây là những cuộc cách mạng không triệt để, không phù hợp với điều kiện của cách mạng Việt Nam. Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga nổ ra và thắng lợi, mở ra thời đại mới quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Tìm hiểu Cách mạng tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh nhận thấy: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam,...”³. Cách mạng tháng Mười Nga đã biến người vô sản thành người tự do, là cuộc cách mạng triệt để nhất trong lịch sử nhân loại.

Tháng 7/1920, Hồ Chí Minh đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin* đăng trên báo L’Humanité, số ra ngày 16 và

* Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

¹ Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr.11.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.296.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.4.

17/7/1920. Chính bản *Sơ thảo* đã chỉ ra cho Người con đường đúng đắn để giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Hồ Chí Minh thuật lại: “... Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: ‘Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ. Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!’⁴. Từ lý luận và thực tiễn, Người khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”⁵, đây phải chăng đã mở ra cánh cửa để Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và cách mạng vô sản. Sau khi thấy được vai trò quan trọng của chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, tìm hiểu sâu sắc hơn, bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin và xem đó là “cẩm nang thần kỳ”, là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của cách mạng Việt Nam.

Sau nhiều năm tìm đường cứu nước, qua nhiều nước ở các châu lục, tiếp xúc với nhiều luồng tư tưởng cách mạng, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin như một tất yếu lịch sử. Cuối năm 1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp lần thứ 18 ở Thành phố Tua, Hồ Chí Minh đã biểu quyết tán thành Quốc tế cộng sản (Đệ tam Quốc tế, Quốc tế III) do Lênin sáng lập, Người tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp. Đến đây, Người từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản, từ một thanh niên yêu nước trở thành người cộng sản và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Sự kiện này đã đánh dấu bước chuyển về chất trong tư tưởng, nhận thức của Hồ Chí Minh đó là kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa cộng sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”⁶. Đây là cơ sở tư tưởng quan trọng, có tính quyết định để Hồ Chí Minh xây dựng con đường cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước, giai đoạn từ năm 1921 đến 1923, Hồ Chí Minh hoạt động ở Pháp, Người đã tích cực hoạt động trong ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Xã hội Pháp, xuất bản tờ *Le Paria* mục đích để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta. Năm 1921, Hồ Chí Minh tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa. Năm 1922, Người được bầu là trưởng tiểu ban nghiên cứu vấn đề dân tộc thuộc địa của Đảng cộng sản Pháp, sáng lập báo *Le Paria* bằng tiếng Pháp. Hồ Chí Minh vừa làm chủ bút, tổng biên tập, kiêm cả công việc tổ chức phát hành ở nước Pháp và gửi đến hệ thống các nước thuộc địa của Pháp trong đó có Việt Nam và Đông Dương nhằm khơi dậy tinh thần giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước này.

Năm 1925, ở Quảng Châu, Trung Quốc, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra tờ báo Thanh niên - cơ quan ngôn luận của Hội bằng tiếng Việt, từng bước truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận cách mạng trong những người yêu nước và công nhân. Cùng năm này cuốn sách “Bản án chế độ thực dân Pháp” viết bằng tiếng Pháp được xuất bản tại Pari một mặt đã tố cáo tội ác của thực dân Pháp, mặt khác chỉ rõ con đường đấu tranh cách mạng đúng đắn, đồng thời truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Như vậy, thông qua báo chí và hoạt động cách mạng trong thực tiễn Hồ Chí Minh đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.12, tr.562

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.257.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.289.

nhân và phong trào yêu nước Việt Nam đưa đến sự phát triển của phong trào cách mạng như vũ bão.

Năm 1927, tại Quảng Châu, Trung Quốc, Hồ Chí Minh mở các lớp huấn luyện cán bộ, những bài giảng trong lớp này đã được Người tập hợp lại thành cuốn sách “Đường Kách mệnh” và xuất bản. Cuốn sách “Đường Kách mệnh” ra đời có nhiều nội dung cốt lõi, hình thành các vấn đề về đường lối, sách lược, phương pháp cách mạng; sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam để làm tròn sứ mệnh lãnh đạo cách mạng đưa nước đến độc lập, nhân dân được tự do. Từ năm 1928 đến năm 1929, Hồ Chí Minh sang Xiêm (Thái Lan) hoạt động và lập Hội người Việt Nam yêu nước.

Sau khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam, đến năm 1929, ở nước ta lần lượt xuất hiện 3 tổ chức Đảng đó là: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Sự ra đời của ba tổ chức Đảng đã thể hiện tính tất yếu trong hoạt động lãnh đạo quần chúng nhân dân, có tư tưởng, mục tiêu hoạt động tương tự nhau, nhưng chưa tập hợp lại được để thống nhất hoạt động. Mặt khác, qua kinh nghiệm từ Cách mạng tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng muốn thành công phải có Đảng cách mệnh “để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”⁷. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo và “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”⁸ và “cốt” của Đảng ta chính là chủ nghĩa Mác - Lênin, có nòng cốt là liên minh công nông, lực lượng cách mạng là toàn dân tộc Việt Nam.

Đầu năm 1930, dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh, Đảng cộng sản Việt Nam đã ra đời trên cơ sở hợp nhất ba tổ chức cộng sản tại Hương Cảng, Ma Cao, Trung Quốc (Hồng Kông hiện nay). Người soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, chương trình tóm tắt), xác định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là “đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp” để “làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập”.

Sự kiện Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đúng đắn và sáng tạo đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối, tổ chức và lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Thực tế khẳng định Hồ Chí Minh không những có vai trò sáng lập ra Đảng cộng sản Việt Nam mà còn là người đặt nền tảng tư tưởng, sách lược, chiến lược và tổ chức, xây dựng, rèn luyện Đảng tiên phong - nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

3. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chuẩn bị lực lượng, chớp thời cơ lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công

Sau ba mươi năm tìm đường cứu nước, ngày 28/1/1941, Hồ Chí Minh về nước hoạt động, Người trực tiếp chủ trì Hội nghị Trung ương 8, xác định nhiệm vụ hàng đầu là giải phóng dân tộc: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”⁹. Cũng trong năm 1941, Người mở lớp huấn luyện cán bộ và viết cuốn sách “*Con đường giải phóng*” nêu phương pháp cách mạng giành

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.289.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.289.

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, 2011, t.3, tr.230.

chính quyền. Ngày 19/05/1941, Hồ Chí Minh sáng lập Mặt trận Việt Minh để tập hợp lực lượng đánh Pháp đuổi Nhật, đây sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng giải phóng dân tộc, góp phần vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ngày 22/12/1944, Người sáng lập Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 8 năm 1945, khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã kịp thời triệu tập Hội nghị toàn quốc (từ ngày 13 - 15/8) và Đại hội Quốc dân (từ ngày 16 - 17/8) tại Tân Trào. Hồ Chí Minh ra lời hiệu triệu kêu gọi Tổng khởi nghĩa: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”¹⁰.

Thật vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh - Lãnh tụ vĩ đại có tầm nhìn chiến lược và năng lực, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, xác định thời cơ, chọn đúng thời điểm, chớp thời cơ, kiên quyết, sáng tạo. Trong thời khắc quyết định, Người đã thể hiện bản lĩnh lãnh đạo tài tình, nhạy bén chớp thời cơ vàng. Từ sự chỉ đạo sáng suốt của Người, trong vòng 15 ngày (từ 14 - 28/8), nhân dân ta đã giành được chính quyền, ít đổ máu, cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám thắng lợi trên phạm vi cả nước. Đây là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của Chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng, phát triển đúng và sát với thực tiễn cách mạng Việt Nam, phản ánh quy luật của cách mạng của dân tộc ta, giá trị, ý nghĩa, sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh đặc biệt là tư tưởng độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mở đầu bản *Tuyên ngôn*, Người khẳng định về mặt pháp lý quyền tự do độc lập của dân tộc Việt Nam: “,... Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc... tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”¹¹. Kết thúc bản *Tuyên ngôn*, Người trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹². Có thể khẳng định rằng, *Tuyên ngôn Độc lập* với những lý lẽ có tính chất pháp lý cao, rõ ràng, logic, đánh thép về quyền con người, quyền dân tộc, chủ quyền quốc gia, khát vọng được độc lập, tinh thần đấu tranh kiên cường để giành độc lập, tự do và giữ vững độc lập, tự do trong mọi hoàn cảnh đã thể hiện một cách sâu sắc tính dân tộc, nhân văn và thời đại, cũng như tầm nhìn chiến lược của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

4. Từ kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đất nước ta từng bước vượt qua những khó khăn, thách thức để xây dựng, phát triển, hội nhập. Ngày nay, nước ta đang bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc vì sự phát triển nhanh và bền vững.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, với lập trường “Không có gì quý hơn độc lập tự do”¹³ dân tộc Việt Nam đã dũng cảm chiến đấu, chiến thắng hai cuộc kháng chiến

¹⁰ Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.196.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.555.

¹² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.557.

¹³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.15, tr.131.

chống thực dân Pháp (1945 - 1954) kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ và kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai cứu nước (1954 - 1975) với đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân 1975 thống nhất đất nước, chiến đấu với hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, phía Tây Nam để bảo vệ bờ cõi. Các cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, đã chứng minh sức mạnh to lớn của tinh thần yêu nước, sự đoàn kết và khát vọng tự do, độc lập, quyết tâm của nhân dân ta.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, năm 1986, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã thổi một luồng sinh khí mới tạo nên bước ngoặt của cách mạng và nhân dân ta. Sau gần 40 năm đổi mới “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”¹⁴. Hiện nay, vị thế quốc tế của Việt Nam ngày được khẳng định, là điểm đến hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư trong khu vực và trên thế giới; kinh tế tăng trưởng ổn định, phát triển nhanh, bền vững; hạ tầng kỹ thuật - xã hội được cải thiện rõ rệt; chuyển đổi số, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo đang được thúc đẩy mạnh mẽ. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, đồng thuận, khát vọng vươn lên của dân tộc tiếp tục là động lực cho sự phát triển vì một Việt Nam thịnh vượng. Sự phát triển, vươn mình của hiện tại và tương lai của dân tộc ta trong kỷ nguyên mới có mạch nguồn từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và vai trò to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

KẾT LUẬN

Như vậy, từ lý luận và thực tiễn, vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là toàn diện và mang tính quyết định. Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức, lãnh đạo và trực tiếp chỉ đạo Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Với tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, Hồ Chí Minh đã góp phần đưa dân tộc Việt Nam từ xã hội thuộc địa nửa phong kiến trở thành nước độc lập, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ, làm thuê lên làm chủ xã hội, làm chủ cuộc đời.

Cách mạng tháng Tám là kết quả của sự kết tinh giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Vai trò của Người là tấm gương, là di sản tinh thần quý báu để thế hệ hôm nay, mai sau tiếp tục học tập và noi theo trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám 1945, dân tộc Việt Nam đã bước vào kỷ nguyên độc lập gắn liền với con đường xã hội chủ nghĩa, vượt qua bao thử thách để vươn lên mạnh mẽ. Ngày nay, với khát vọng hùng cường, phát triển và hội nhập, Việt Nam đang vững vàng tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, ra sức “tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh”¹⁵.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.104.

¹⁵ Xem: “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới” (Bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo nhân dân*, số 25193, ngày 01/11/2024. Truy cập tại: https://image.nhandan.vn/Uploaded/2024/tmuivppi/2024_11_01/docbao-ndhangngay-01112024-8657.pdf

VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

ThS. Dư Thị Huyền*

MỞ ĐẦU

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống ách đô hộ của thực dân Pháp. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã có đội tiên phong dẫn dắt nhân dân ta đấu tranh tiến tới giành những thắng lợi lớn, đó là cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1939 - 1945, trong đó thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tạo nên một bước ngoặt lịch sử, làm thay đổi căn bản vận mệnh của đất nước và dân tộc ta, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ, người dân mất nước lên địa vị làm chủ, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: *Kỷ nguyên độc lập gắn liền với chủ nghĩa xã hội*.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả tất yếu, khách quan của quá trình Đảng ta thường xuyên bổ sung, phát triển hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm về cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó xác định đúng chiến lược và sách lược cách mạng với điều kiện lịch sử cụ thể; tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng, bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; nhận thức tình thế và thời cơ cách mạng để chỉ đạo kiên quyết, tập trung, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, dẫn dắt các tầng lớp nhân dân chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động cách mạng, đưa phong trào cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng.

NỘI DUNG

Vào những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam rơi vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước thực chất là cuộc khủng hoảng về sự lãnh đạo cách mạng của một giai cấp tiên tiến mà đại biểu là chính đảng cách mạng. Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đây là kết quả của quá trình vận động cách mạng trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam từ đó đến nay. Về ý nghĩa của sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”¹.

1. Đảng lãnh đạo nhân dân tập dượt đấu tranh qua các phong trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939 và 1939 - 1945

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, thực hiện Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng thông qua, Đảng Cộng sản Việt Nam tập trung gây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở nhiều nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, nông thôn; đồng thời, chủ trương phát động quần chúng đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, chống khủng bố, đòi trả tự do cho những người yêu nước bị bắt,... Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng dâng cao mạnh mẽ với các nội dung đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện làm việc (của công nhân), đòi giảm sưu thuế (của nông dân) với các hình thức: đình công, bãi công, biểu tình,... Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát động một cao trào cách mạng rộng lớn trong cả nước, đỉnh cao là cao trào cách mạng Xô viết

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.406.

Nghệ - Tĩnh 1930 - 1931. Cao trào đã thu hút đông đảo quần chúng công nông cả nước đấu tranh chống ách thống trị của bọn đế quốc, phong kiến. Thành quả lớn nhất của cao trào cách mạng 1930 - 1931, mà cuộc khủng bố trắng tàn khốc của đế quốc và phong kiến đã không thể nào xóa nổi là ở chỗ, nó khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo duy nhất thuộc về Đảng ta; ở chỗ, nó đem lại cho quần chúng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Trong khi khẳng định đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta, khả năng cách mạng to lớn của công nông, nó cũng chứng tỏ tính chất phiêu lưu, cải lương của giai cấp phong kiến và tư sản mại bản. Đó là thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển về sau của cách mạng Việt Nam. “Trực tiếp mà nói, không có những trận chiến đấu rung trời chuyển đất những năm 1930 - 1931, trong đó công nông đã vung ra nghị lực cách mạng phi thường của mình, thì không thể có cao trào những năm 1936 - 1939”². Đây là “*cuộc tổng diễn tập đầu tiên*” cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Mặc dù bị đàn áp khốc liệt, nhưng phong trào cách mạng 1930 - 1931 đã khẳng định quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với cách mạng Việt Nam, chứng tỏ Đảng có năng lực lãnh đạo và tổ chức, có sức lôi cuốn quần chúng.

Những năm 1936 - 1939, một thời kỳ đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp kết hợp chặt chẽ với hoạt động bí mật, bất hợp pháp diễn ra ở nước ta. Khi Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, Đảng coi đây là một cơ hội tốt để đưa cách mạng tiến bước. Đảng đề ra mục tiêu cho thời kỳ này là “chống phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình”. Cao trào cách mạng 1936 - 1939 dưới sự lãnh đạo của Đảng là thời kỳ vận động quần chúng sôi nổi với nhiều hình thức tổ chức và hoạt động linh hoạt, phong phú, kể cả việc lợi dụng các “Viện dân biểu”, các “Hội đồng quản hạt” do thực dân Pháp lập ra. Đảng đã động viên, giáo dục cho hàng triệu quần chúng trong các cuộc đấu tranh chính trị rộng khắp. Phong trào cách mạng của quần chúng tuy nhằm vào những mục tiêu trực tiếp trước mắt là chống phản động thuộc địa, chống nguy cơ chiến tranh phát xít, đòi các quyền dân sinh dân chủ thiết thực, nhưng về cơ bản vẫn bao hàm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ, theo định hướng chiến lược mà Đảng đã xác định. Đảng Cộng sản Đông Dương không coi đấu tranh các quyền dân sinh dân chủ là mục đích cuối cùng, mà là một bước để phát triển lực lượng cách mạng nhằm đến mục tiêu chiến lược của cách mạng là giải phóng dân tộc.

Ngay khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9/1939), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 6 (tháng 11/1939) để điều chỉnh chiến lược cách mạng với nội dung: Đặt nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc lên hàng đầu. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, nhằm thu hút tất cả các dân tộc, giai cấp, đảng phái, tôn giáo và các cá nhân yêu nước để đánh đổ đế quốc và tay sai, giành độc lập hoàn toàn cho các dân tộc ở Đông Dương. Trung ương Đảng đã kịp thời chỉ đạo các tổ chức đảng và quần chúng nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, chuyển hướng hoạt động về nông thôn, tránh sự đàn áp khủng bố của kẻ thù.

Tháng 5/1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 đã họp tại Pắc Bó (Cao Bằng), do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chủ trì. Hội nghị này đã cụ thể hóa và hoàn thiện thêm một bước đường lối giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam. Hội nghị chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương và chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất ở mỗi nước. Tại Việt Nam, Hội nghị quyết định

² Lê Duẩn: *Dưới là cờ về vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.37.

thành lập tổ chức Việt Nam Độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh, gồm các đoàn thể cứu quốc trên cả nước. Hội nghị nhấn mạnh công tác chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm và dự kiến một số chủ trương, chính sách khi Tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Trong phong trào cách mạng 1939 - 1945, Đảng ta đã trực tiếp chuẩn bị cả về đường lối, căn cứ địa và lực lượng cách mạng để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến. Đảng ta xác định xây dựng căn cứ địa cách mạng vững chắc ở Bắc Sơn, Cao Bằng với các tên gọi khác nhau. Chúng ta đã xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa hoàn chỉnh; là “hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam”; trong đó, Tuyên Quang được xác định là “Thủ đô kháng chiến”. Việc xây dựng căn cứ địa vững chắc nhằm “tạo thế” quan trọng để Tổng khởi nghĩa đi đến thắng lợi sau này.

2. Đảng đánh giá tình hình, xác định đúng thời cơ, chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô đang truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến như vũ bão về phía Béc-lin. Số phận của phát xít Đức sắp kết liễu. Ở mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng rất nguy khốn. Mâu thuẫn đối kháng giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương càng trở nên gay gắt. Trước tình hình đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh nhận định: “Bây giờ tình hình phát triển cách mạng hòa bình đã qua, nhưng thời kỳ khởi nghĩa toàn dân chưa đến. Cho nên nếu chỉ hoạt động trong vòng chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào tiến tới, nhưng nếu phát động khởi nghĩa ngay thì sẽ bị quân địch làm cho nguy khốn. Đã đến lúc một cuộc đấu tranh phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự, nhưng lúc này chính trị vẫn trọng hơn quân sự, cần phải tiến hành hình thức đấu tranh thích hợp thì mới có thể đưa cách mạng tới thành công”³.

Ngày 09/3/1945, Nhật nổ súng, lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Dự đoán trước tình hình Nhật sắp sửa lật đổ Pháp ở Đông dương, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), ngay trước lúc Nhật nổ súng. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”. Bản Chỉ thị nhận định rằng cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi (chính trị khủng hoảng do cuộc đảo chính gây ra, nạn đói ghê gớm diễn ra và chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt); Chỉ thị cũng dự kiến những hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa như khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật đã bám chắc, tiến sâu trên đất ta và quân Nhật đã kéo ra mặt trận ngăn cản quân Đồng Minh về phía sau sơ hở khi phát xít Nhật đưa quân ra ngăn cản quân Đồng minh về phía sau sơ hở. Đồng thời bản Chỉ thị còn nêu rõ rằng “Dù sao ta không thể đem việc quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương làm điều kiện tất yếu cho cuộc khởi nghĩa của ta, vì như thế lại ỷ vào người và tự bỏ tay trong khi tình thế biến chuyển thuận lợi, mà phải nêu cao tinh thần dựa vào sức mình là chính. Nếu cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần thì khi ấy quân đồng minh chưa đổ bộ vào Đông Dương thì cuộc tổng khởi nghĩa của ta

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.4.

có thể bùng nổ thắng lợi”⁴. Dự kiến này gần đúng với sự thật diễn ra trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Thực hiện chỉ thị trên, Đảng phát động cao trào kháng Nhật cứu nước (thời kỳ tiền khởi nghĩa) lãnh đạo toàn dân gấp rút chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Hội nghị thay đổi khẩu hiệu (đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp) trước đây bằng khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Nhật và đề ra việc thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân. Bản Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào kháng Nhật cứu nước, quyết định trực tiếp đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945.

Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị về việc tổ chức Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp và trong phạm vi cả nước thì lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam tức chính quyền cách mạng lâm thời của nước Việt Nam mới. Để chuẩn bị tích cực và khẩn trương hơn nữa cho việc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước. Ban Thường vụ Trung ương triệu tập hội nghị quân sự Bắc Kỳ ở Hiệp Hoà, Bắc Giang (16/4/1945). Hội nghị quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân; phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang; xây dựng căn cứ kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ.

Trong cao trào tiền khởi nghĩa, tất cả các hoạt động của Đảng về chính trị, quân sự, tư tưởng đều chĩa mũi nhọn vào phát xít Nhật và chính phủ bù nhìn thân Nhật, nhằm mục tiêu trước mắt là tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Tháng 8/1945, Chính phủ Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng minh không điều kiện. Ngày 13/8/1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, Hội nghị quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Ngay đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư phụ trách. Ủy ban đã ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh tổng khởi nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam đã gửi thư tới đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Chỉ trong vòng 15 ngày cuối tháng 8/1945, cuộc tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, chính quyền trong cả nước về tay nhân dân.

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh của gần một triệu đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 là minh chứng cho sự chuẩn bị lâu dài, kiên trì, chu đáo của Đảng và nhân dân ta. Công cuộc chuẩn bị đó không chỉ diễn ra trong thời kỳ 1939 - 1945 mà là quá trình chuẩn bị suốt 15 năm kể từ khi Đảng ra đời, nhờ đó đã đưa đến sự thắng lợi mau lẹ của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Thắng lợi đó đã chấm dứt gần 100 năm nước ta dưới sự áp bức bóc lột của thực dân Pháp và xóa bỏ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm, đưa nước ta bước vào một kỷ nguyên mới từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến thành một nước tự do, độc lập. Thực tế thắng lợi của Cách mạng tháng Tám cũng chứng minh rằng: “Cách mạng không tự nó đến, phải chuẩn bị nó, giành lấy nó”. Có thể khẳng định, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.373.

là sự kết hợp chặt chẽ đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng với trí sáng tạo, tinh thần dũng cảm và sức mạnh đấu tranh của nhân dân ta. Kết hợp với các lực lượng dân chủ nói chung trên toàn thế giới chống chủ nghĩa đế quốc. Vì thời cơ cách mạng xuất hiện như một tất yếu, lịch sử đưa quần chúng đến ngưỡng cửa của khởi nghĩa giành chính quyền rồi trôi đi một cách nhanh chóng. Nếu Đảng tiên phong không chuẩn bị đầy đủ, không kịp thời chớp lấy thời cơ thì dù điều kiện khách quan có thuận lợi đến đâu cách mạng cũng không nổ ra được.

Đánh giá về vai trò của Đảng trong Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng viết “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”⁵.

KẾT LUẬN

Với thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã để lại nhiều kinh nghiệm quý cho nhiều quốc gia, dân tộc trên con đường đấu tranh giành, bảo vệ nền độc lập của mình. Đối với cách mạng Việt Nam, những cống hiến to lớn của Đảng trong Cách mạng tháng Tám không chỉ có giá trị đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam trong thế kỷ XX, đến nay vẫn còn giá trị rất to lớn trong công cuộc kiến dựng sức mạnh để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025). Cách đây 80 năm trước, chỉ với hơn 5 nghìn đảng viên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã dẫn dắt toàn dân tộc lập lên kỳ tích Cách mạng tháng Tám lịch sử. Thắng lợi vĩ đại này để lại cho hậu thế những bài học về xây dựng Đảng để phát triển đất nước hôm nay. Đến nay hơn 95 năm ra đời đã chứng minh sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam và sự ra đời của Đảng như là một tất yếu khách quan của lịch sử.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.25.

ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG VỚI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 - 80 NĂM NHÌN LẠI

*ThS. Nguyễn Thị Hiền**

MỞ ĐẦU

Mùa thu của 80 năm về trước, đã diễn ra một sự kiện có tính bước ngoặt trong lịch sử dân tộc ta - Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cuộc Cách mạng đã làm thay đổi căn bản vận mệnh của cả dân tộc và từng người dân Việt Nam. Thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của tổng hòa các yếu tố khách quan và chủ quan; trong đó, một trong những nhân tố có tính quyết định chính là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (gọi tắt là Đảng). Nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Tổng Bí thư Trường Chinh viết: “Nếu không có Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh, thì cách mạng sẽ chuyển sang một tình thế khác”¹. Bài viết này tập trung làm rõ vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 được thể hiện qua việc chuẩn bị chu đáo về xây dựng đường lối, tập hợp lực lượng cách mạng, xác định kẻ thù cần đánh đổ, nắm bắt thời cơ và kịp thời phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền, và xây dựng Đảng vững mạnh lãnh đạo cách mạng thắng lợi.

NỘI DUNG

1. Xây dựng và điều chỉnh đường lối kịp thời phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam

Ngay khi ra đời (1930), Đảng đã xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam, độc lập dân tộc chính là mục tiêu cao nhất mà toàn dân tộc hướng tới. Vì vậy, hướng tất cả hoạt động vào thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc được xem là nội dung xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng từ ngày thành lập đến khi Cách mạng tháng Tám thành công (1930 - 1945). Từ đó, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Đảng sẽ đưa ra mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn.

Trong những năm 1930 - 1936, có lúc Đảng ưu tiên nhiệm vụ giải phóng dân tộc (từ tháng 2 đến tháng 10/1930), có lúc lại đề cao vấn đề ruộng đất cho nông dân (10/1930 - 10/1936); nhưng nhìn chung xác định hai mục tiêu quan trọng gắn chặt với nhau là độc lập dân tộc và ruộng đất cho người cày. Giai đoạn này, Đảng xác định giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp và giải phóng nông dân khỏi ách thống trị của phong kiến phản động là hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đến những năm 1936 - 1939, tranh thủ những thuận lợi từ chính sách cải cách thuộc địa của thực dân Pháp, Đảng đã nêu mục tiêu đấu tranh lúc này là đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình, tức là đòi những quyền tự do, dân chủ thiết thực hàng ngày cho nhân dân. Trong những năm này, mục tiêu độc lập dân tộc không được nêu ra một cách trực tiếp, mà thông qua việc đấu tranh nhằm đạt được những mục tiêu trước mắt để chuẩn bị cho mục tiêu lâu dài - đó là giành lại độc lập cho dân tộc.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (tháng 9/1939), mâu thuẫn giữa thuộc địa và đế quốc ngày càng trở nên gay gắt, thôi thúc các thuộc địa đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, hướng mọi hoạt động, công tác vào việc chuẩn bị thực hiện thành công mục tiêu giành độc lập dân tộc. Năm 1941, thời cơ giải phóng dân tộc ta ngày càng rõ nét, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã về nước cùng với Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5/1941), hoàn chỉnh quá trình chuyển hướng chỉ đạo của Đảng đã được

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Đức Vương: *Tổng Bí thư Trường Chinh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.381.

nêu lên ở Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (tháng 11/1939) và Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (11/1940). Tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Đảng ta nhận định: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của các bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi được”².

Cuối năm 1944, chiến thắng vang dội của Hồng quân Liên Xô đã giải phóng các nước Đông Âu, làm cho quân Nhật ở Đông Dương hoang mang dao động. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh đã nhận định tình hình phát triển cách mạng hòa bình đã qua, nhưng thời kỳ khởi nghĩa toàn dân chưa đến. Cho nên, nếu chỉ hoạt động trong vòng chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào tiến tới, nhưng nếu phát động khởi nghĩa ngay thì sẽ bị quân địch làm cho nguy khốn. Đã đến lúc cuộc đấu tranh phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự, nhưng lúc này chính trị vẫn trọng hơn quân sự, cần phải tiến hành hình thức đấu tranh thích hợp thì mới có thể đưa cách mạng tới thành công.

Đêm 09/3/1945, ngay lúc Nhật đảo chính Pháp, Đảng đã triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh. Hội nghị đã ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị đã chỉ ra những biểu hiện thúc đẩy thời cơ cách mạng nhanh chóng chín muồi và dự kiến những tình huống thuận lợi có thể phát động Tổng khởi nghĩa, trong đó có việc quân Đồng minh vào Đông Dương giải giáp phát xít Nhật. Đồng thời Chỉ thị lưu ý: “Dù sao ta không thể đem việc quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương làm điều kiện tất yếu cho cuộc khởi nghĩa của ta, vì như thế lại ỷ vào người và tự bó tay trong khi tình thế biến chuyển thuận lợi. Nếu cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật thành lập hay nếu giặc Nhật mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh của Nhật mất tinh thần thì khi ấy quân Đồng minh chưa đổ bộ vào Đông Dương thì cuộc tổng khởi nghĩa của ta có thể bùng nổ thắng lợi”³.

Thực hiện Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, Đảng đã phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước rộng khắp cả nước, tạo tiền đề cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 13/8/1945, ngay khi nhận được tin phát xít Nhật đã bị đánh bại hoàn toàn và xin đầu hàng các nước Đồng minh, Đảng đã tiến hành Hội nghị toàn quốc tại Tân Trào (Tuyên Quang). Hội nghị toàn quốc của Đảng nhận định thời cơ cho dân tộc ta giành độc lập đã tới, phải nhanh chóng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai, trước khi quân Anh, Mỹ vào Việt Nam làm nhiệm vụ của Đồng minh. Ngay đêm 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc đã ra “Quân lệnh số 1” phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước. Từ ngày 13/8 đến ngày 02/9/1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước đã đứng lên tiến hành Tổng khởi nghĩa “đem sức mà tự ta giải phóng cho ta”, giành chính quyền, giành lại cho độc lập dân tộc và quyền tự do cho bản thân. Thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của sự kết hợp chặt chẽ giữa chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng với sự sáng tạo, tinh thần dũng cảm, ý chí quyết tâm giành lại độc lập dân tộc của toàn thể nhân dân Việt Nam.

2. Tập hợp lực lượng cách mạng

Vận dụng quan điểm “quần chúng nhân dân là người sáng tạo nên lịch sử” của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân”, từ khi ra đời Đảng đã quan tâm đến công tác tập hợp lực lượng, chuẩn bị cho

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.113.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.373.

việc thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc sau này. Để tập hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, từ khi ra đời đến khi giành chính quyền thành công, Đảng đã thành lập và lãnh đạo nhiều hình thức mặt trận dân tộc thống nhất.

Năm 1930, để tập hợp lực lượng phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Đảng đã thành lập Hội phản đế đồng minh. Trong “Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội phản đế đồng minh” đã nêu rõ “nếu không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật rộng, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công”. Năm 1935, trong Nghị quyết chính trị của Đại hội lần thứ nhất, Đảng xác định “Mặt trận phản đế bao hàm cả những quần chúng công nhân, nông dân lao động, dân nghèo thành thị mà cả các lớp, các phân tử lẻ tẻ, cấp tiên trong các giai cấp khác, các lớp lao động người dân tộc thiểu số, người ngoại quốc... Không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, tôn giáo, xu hướng chính trị, đảng phái, hễ ai có tính chất phản đế là có thể kéo vào Mặt trận phản đế...”⁴.

Trong giai đoạn 1936 - 1939, trước yêu cầu tập hợp lực lượng cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình, Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Trong thời gian này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã gửi ý kiến về đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương, chỉ rõ “phải ra sức tổ chức Mặt trận dân tộc, dân chủ rộng rãi, phải hết sức lôi kéo tư sản dân tộc và giữ họ trong Mặt trận, tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận...”⁵.

Năm 1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, giải phóng dân tộc trở thành vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với tất cả các dân tộc Đông Dương, Đảng đã chỉ thị thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. Nhiệm vụ của Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương là nhằm thu hút tất cả các dân tộc, giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm chống chiến tranh đế quốc, chống phát xít, đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương. Năm 1941, cơ hội giải phóng dân tộc ngày càng đến gần, để tập trung sức mạnh cả nước vào thực hiện nhiệm vụ chung, Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Chủ trương của Mặt trận Việt Minh là “liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa phát xít Nhật, giành quyền độc lập cho dân tộc Việt Nam”⁶.

3. Xác định kẻ thù chính, từ đó đề ra khẩu hiệu đấu tranh phù hợp

“Khẩu hiệu cách mạng, nhất là khẩu hiệu chiến lược, phải đặt một cách hết sức khách quan, căn cứ vào sự phân tích khoa học tình hình trong nước và ngoài nước, căn cứ vào sự nhận định sáng suốt về kẻ thù và các hạng đồng minh xa gần, và cố nhiên phải thích hợp với nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn”⁷. Xác định kẻ thù cần đánh đổ là một trong những yếu tố góp phần làm nên thắng lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cách mạng ở từng giai đoạn cụ thể. Trong phong trào cách mạng 1930 - 1936, Đảng xác định kẻ thù của nhân dân ta là thực dân Pháp xâm lược và phong kiến phản động, tay sai; từ đó, tập trung lực lượng đấu tranh vào chúng. Đến thời kỳ đấu tranh dân chủ, dân sinh (1936 - 1939), thực tế cho thấy không phải tất cả người Pháp đang làm việc trong bộ máy chính quyền thực dân tại Đông Dương đều ngăn cản cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ thiết thực hàng ngày của nhân dân ta; từ đó, Đảng đã xác định kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp phản động thuộc địa và tay sai của chúng. Nghĩa là trong thời kỳ

⁴ Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Văn Khoan: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và Mặt trận đoàn kết dân tộc*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2001, tr.68.

⁵ Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Văn Khoan: *Sđd*, 2001, tr.69 - 70.

⁶ Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Văn Khoan, *Sđd*, 2001, tr.70.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.414.

này, chỉ những tên thực dân Pháp và tay sai của chống lại hoặc tìm cách ngăn trở nhân dân ta thực hiện mục tiêu tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình mới là đối tượng chính mà cách mạng cần đánh đổ. Nhờ sự nhạy bén và khôn khéo của Đảng trong việc xác định kẻ thù chính, lực lượng cách mạng vừa không bị dàn trải vừa có thể tranh thủ sự ủng hộ của một bộ phận người Pháp dân chủ, tiến bộ ngay trong chính quyền Pháp tại Đông Dương; qua đó, giúp nhân dân ta có thể thuận lợi hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng nhất lúc này.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương phát xít hóa bộ máy cai trị, loại những người Pháp tiến bộ ra khỏi chính quyền và thi hành chính sách thời chiến phản động nhằm vơ vét sức người, sức của cung ứng cho chiến tranh. Thực tế thay đổi, việc xác định kẻ thù chính cũng được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình. Từ tháng 9/1939, Đảng xác định kẻ thù chính của nhân dân ta là thực dân Pháp xâm lược và tay sai. Tháng 9/1940, phát xít Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp và phát xít Nhật bắt tay nhau vơ vét của cải, bắt thanh niên đi lính, đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta... Trước thực tế nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng” của thực dân Pháp và phát xít Nhật, Đảng chỉ rõ kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là bọn đế quốc Nhật - Pháp, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.

Từ nửa cuối năm 1940 đến đầu năm 1945, khẩu hiệu đấu tranh của ta là “đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp” giành độc lập dân tộc. Tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Trung Quốc đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, cũng như thông qua quân Tưởng làm cầu nối để ta có thể liên lạc với các lực lượng Đồng Minh cùng nhau chống phát xít Nhật - Pháp; Đảng đã đưa ra khẩu hiệu “phản Pháp - kháng Nhật - liên Hoa - độc lập”. Đảng khẳng định đánh phát xít Nhật - Pháp tức là “đánh đuổi bọn thống trị Nhật - Pháp hay bọn phát xít Nhật - Pháp, chứ không phải đánh tất cả các hạng người Pháp, không phân biệt phát xít hay chống phát xít”⁸.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương (09/3/1945), phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính trước mắt duy nhất của nhân dân ta lúc này, Đảng đã quyết định thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”. Đảng nhấn mạnh “Chẳng qua kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của ta là phát xít Nhật, thì ta phải đặt khẩu hiệu thế nào để tập trung mọi lực lượng đánh đuổi được Nhật hay cô lập mọi lực lượng chưa cần phải đánh khiến cho ta rảnh tay đánh đuổi Nhật. Hiện nay bọn Pháp ở Đông Dương đã đổ, ta hô đánh đổ Pháp là thừa”⁹ và điều chỉnh khẩu hiệu “phản Pháp - kháng Nhật - liên Hoa - độc lập” thành “kháng Nhật - liên Hoa - độc lập”. Nhận được tin phát xít Nhật đã bị đánh bại và chuẩn bị đầu hàng Đồng minh, Đảng đã quyết định phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền. Lúc này, Đảng chỉ rõ cần phải tránh tình huống một mình phải đối phó với nhiều lực lượng, nên ta sẽ tập trung vào đánh bại hoàn toàn sự kháng cự của tàn quân Nhật và tay sai ngoan cố, giành chính quyền và thiết lập ngay chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở. Đồng thời, “cần tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Mỹ chống lại mưu mô của Pháp định khôi phục địa vị cũ ở Đông Dương và mưu mô của một số quân phiệt Tàu định chiếm nước ta”¹⁰.

Việc xác định chính xác kẻ thù cần đánh đổ và kịp thời điều chỉnh khẩu hiệu đấu tranh của Đảng đã góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử, đặc biệt là Cách mạng tháng Tám năm 1945.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.414.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.414.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.427.

4. Kịp thời nắm bắt thời cơ, phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền

Việc xác định đúng thời cơ và hành động kịp thời là một trong những nhân tố quan trọng đảm bảo thắng lợi của cách mạng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Làm cách mệnh phải biết dựa vào thời cơ và phải nhìn chung phong trào mọi nơi, mọi chốn mới chắc thắng”¹¹; Cách mạng tháng Tám năm 1945 là ví dụ điển hình về thành công của Đảng trong việc nắm bắt, tận dụng thời cơ. Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939), Đảng đã nhận định thời cơ giải phóng dân tộc sẽ xuất hiện khi cuộc chiến này kết thúc. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu (từ ngày 06 - 08/11/1939) đã chỉ rõ “Ở các nước thuộc địa, hết thảy dân tộc bị áp bức sẽ vùng dậy tranh đấu liều sống liều chết với đế quốc xâm lược để cỡi vắt cái ách tội đời. Dân các nước tư bản đòi giải phóng. Dân tộc các thuộc địa đòi độc lập”¹².

Ở Đông Dương, cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị do chiến tranh đế quốc gây ra “sẽ nung nấu cách mệnh Đông Dương bùng nổ và tiền đề cách mệnh giải phóng Đông Dương nhất định sẽ vinh quang, rực rỡ”, từ đó lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống Pháp - Nhật và chuẩn bị lực lượng cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Khi Nhật đảo chính lật Pháp độc chiếm Đông Dương (09/3/1939), Đảng nhận định “những cơ hội tốt đang giúp cho những điều kiện khởi nghĩa mau chóng chín muồi” và quyết định phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Nhận được tin phát xít Nhật bại trận và chuẩn bị đầu hàng, Đảng đã ra “Lời hiệu triệu” toàn dân chuẩn bị sẵn sàng đứng lên “Phát xít Nhật đã chết gục theo phát xít Đức, Ý. Quân đội Nhật đang bị tan rã và bị tước khí giới ở tất cả các mặt trận. Quân Đồng minh sắp kéo vào Đông Dương. Giờ hành động quyết liệt đã đến”¹³.

Trong “*Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*”, Đảng ta cũng lưu ý: “Không phải cứ Nhật bại mà bỗng nhiên ta được giải phóng, tự do. Chúng ta phải ra sức phấn đấu. Chỉ có đoàn kết, phấn đấu, nước ta mới được độc lập”¹⁴. Khi nhận thấy thời cơ chín muồi, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động nhân dân nổi dậy “*Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*”¹⁵. Bên cạnh thời cơ, Đảng cũng chỉ rõ những nguy cơ, khó khăn, phức tạp mà cuộc đấu tranh giành độc lập phải đương đầu và vượt qua. Đó là lợi dụng việc Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam và quân phiệt Trung Quốc định chiếm nước ta. Nhờ nắm bắt thời cơ, kịp thời phát động nhân dân nổi dậy, có phương án đối phó trước những nguy cơ tác động xấu đến tiến trình cách mạng, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền vào mùa thu năm 1945.

5. Xây dựng Đảng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo cách mạng thành công

Nếu như Đảng lãnh đạo là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, thì công tác xây dựng Đảng giữ vai trò quan trọng trong tiến trình vận động cách mạng. Lúc bước vào cuộc vận động trực tiếp cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (sau tháng 9/1939), đội ngũ cán bộ, đảng viên bị hao tổn khá lớn, nhiều tổ chức đảng bị phá vỡ do cuộc khủng bố trắng của kẻ thù. Năm 1940, lãnh tụ Nguyễn Ái

¹¹ Dẫn theo: Trịnh Nhu: *Mấy vấn đề lịch sử Việt Nam - Tái hiện và suy ngẫm*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.458.

¹² Dẫn theo Trịnh Nhu: *Sđđ*, 2007, tr.457.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.416.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđđ*, 2000, t.7, tr.417 - 418.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđđ*, 2000, t.7, tr.418.

Quốc đã nhận định: “Tóm lại, các điều kiện khách quan thuận lợi cho những thành công của chúng tôi, nhưng lực lượng chủ quan của chúng tôi - Đảng - yếu. Như đã nói trên, Đảng 10 tuổi của chúng tôi đã trải qua hai cuộc khủng bố lớn. Hiện nay, những cán bộ có kinh nghiệm đang bị giam cầm”¹⁶.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã làm sáng tỏ kinh nghiệm quý báu về công tác xây dựng đảng trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức. Về chính trị, Đảng đã tiến hành xây dựng thành công đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn được phản ánh trong các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong tiến trình Cách mạng tháng Tám. Đường lối đó phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như nước ta; là kết quả của quá trình vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tế Việt Nam, là kết tinh của tư duy độc lập, sáng tạo, khoa học và cách mạng,... Đường lối đó đáp ứng nguyện vọng thiêng liêng, cấp bách của toàn dân về độc lập, tự do, hạnh phúc. Về tổ chức, nhiệm vụ trọng tâm được đặt ở chỗ xây dựng, khôi phục tổ chức, tăng cường sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, của cấp ủy đảng. Đội ngũ đảng viên mới được lựa chọn trong số quần chúng tích cực, trung thành, bổ sung cho Đảng một lớp đảng viên trẻ, nhanh chóng trưởng thành; loại trừ những phần tử cơ hội, thoái hóa, không còn ý chí đấu tranh; cảnh giác, vạch mặt những phần tử phản bội, chống Đảng.

Từ thực tế công tác xây dựng Đảng trong tiến trình Cách mạng tháng Tám, càng hiểu rõ nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của Đảng là chất lượng đảng viên và đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng, được thể hiện ở lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng với Tổ quốc, ở trình độ trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn sáng tạo, nhạy bén, tự giác đảm nhiệm vai trò của người chiến sĩ tiên phong, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

KẾT LUẬN

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam; là minh chứng sáng ngời cho truyền thống yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc ta và sự thành công trong công tác lãnh đạo của Đảng. Nói về ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và các dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, nắm chính quyền toàn quốc”¹⁷.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.460.

¹⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.25.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ BÀI HỌC VỀ PHÁT HUY Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH

*TS. Hoàng Trần Như Ngọc**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lênin ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Cách mạng đã đập tan xiềng xích của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đập tan chế độ quân chủ phong kiến thối nát trên đất nước ta, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Đó là thành quả của cuộc đấu tranh kiên cường của cả dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời là biểu hiện tập trung nhất của ý chí tự lực, tự cường, khát vọng độc lập, tự do, phát triển đất nước mà Hồ Chí Minh nêu cao và được cả dân tộc nhận thức và hành động. Thắng lợi này không chỉ là kết quả của hoàn cảnh lịch sử thuận lợi mà còn là minh chứng hùng hồn cho ý chí tự lực, tự cường của toàn dân tộc.

NỘI DUNG

1. Ý chí tự lực, tự cường trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Ý chí tự lực tự cường là sự khơi dậy quyết tâm, nghị lực của cả một dân tộc, dấy lên sức mạnh nội sinh, phát triển đất nước. Tinh thần tự lực, tự cường là giá trị cốt lõi, xuyên suốt trong hệ giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam. “Tự lực, tự cường là dựa vào sức lực, thể mạnh của mình mà giải quyết công việc, không phụ thuộc, dựa dẫm vào người khác”¹. Tự lực, tự cường trái ngược hoàn toàn với sự ỷ lại, dựa dẫm vào lực lượng bên ngoài. Tự lực, tự cường là điều kiện, tiền đề của tự chủ, tự quyết, của tinh thần độc lập, tự do. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, từ thời các Vua Hùng dựng nước, đến Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa “đền nợ nước, trả thù nhà”, ước vọng của Triệu Thị Trinh “đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn”, hay qua lời tuyên ngôn trong “Nam quốc sơn hà”, “Hịch tướng sĩ”, “Bình Ngô đại cáo”, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng độc lập và hùng cường dân tộc đã được nuôi dưỡng, hun đúc trở thành giá trị truyền thống, lẽ sống và sức mạnh Việt Nam.

Kế thừa, thấm đẫm những giá trị cao đẹp ấy, Hồ Chí Minh trong quá trình dẫn dắt lãnh đạo cách mạng Việt Nam luôn đề cao tinh thần tự lực, tự cường. Theo Người, “có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do”²; tự lực là điều kiện cần, tự cường là điều kiện đủ. Người nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công phải “tự lực cánh sinh”, “dựa vào sức mình là chính”, độc lập, tự chủ, không trông chờ, ỷ lại, phụ thuộc vào bên ngoài, “muốn người ta giúp cho thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”, “một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”³.

Trong Cách mạng tháng Tám, ý chí tự lực tự cường thể hiện trước hết ở phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc. Để giải phóng dân tộc, nhân tố mang tính chất quyết định chính là phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc. Bởi “dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Nguyễn Như Ý (chủ biên): *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.1763.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.553.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.7, tr.445.

mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁴. Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta đã hình thành từ rất sớm và rất mãnh liệt. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo léo tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân, tạo thành thế trận chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁵. Nhưng không phải ở đâu, lúc nào quần chúng cũng làm được cách mạng. Muốn làm cách mạng, quần chúng nhân dân phải được giác ngộ, vận động, tổ chức, rèn luyện. Như vậy, mới có thể huy động, phát huy cao nhất vai trò, sức mạnh của mọi lực lượng quần chúng, biến ý chí tự lực tự cường của quần chúng thành sức mạnh của cách mạng. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, chỉ khi nào lòng dân quy về một mối, khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố vững chắc thì nội lực dân tộc mới được phát huy cao nhất. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng xác định quyền lợi của bộ phận của giai cấp phải đặt dưới sự tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Ý chí tự lực, tự cường và khát vọng về quyền sống chân chính của dân tộc đã lan tỏa trong mọi giai tầng xã hội Việt Nam. Ngày 16/8/1945, Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) nhất trí tán thành, ủng hộ chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi nhân dân toàn quốc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hồ Chí Minh đã gửi Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa trong cả nước: “Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta,... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm lên!”⁶. Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa thể hiện tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh về tính chủ động cách mạng ở các nước thuộc địa mà Người đã nêu lên từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, đã trở thành hiện thực ở Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám. Đồng thời, Cách mạng tháng Tám là biểu tượng cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc biết nương tựa vào nhau, chung sức đồng lòng, là biểu tượng cao đẹp, là kết quả của sự phát huy các nguồn lực con người, trí tuệ và của cải của chính nhân dân, nhằm giải phóng chính họ, đúng với tinh thần “toàn thể dân tộc Việt quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ quyền tự do và độc lập ấy”⁷.

Trong Cách mạng tháng Tám, ý chí tự lực, tự cường còn thể hiện ở sự chủ động, chuẩn bị các điều kiện của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để tiến hành cách mạng thì điều kiện trước hết là phải có đảng cách mệnh có sức mạnh lôi cuốn và tập hợp các lực lượng trong một tổ chức chặt chẽ, “để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên hệ với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”⁸. Sự thành công của Cách mạng tháng Tám trước hết nằm ở đường lối đúng đắn, độc lập, tự chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thay vì trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài hay bị động trước thời cuộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện một tầm nhìn chiến lược sâu sắc với tinh thần chủ động cách mạng khi đặt nền móng cho một quá trình chuẩn bị lâu dài, toàn diện. Bằng việc tổ chức xây dựng lực lượng, thiết lập căn cứ cách mạng, và phát triển mặt trận dân tộc thống nhất như một không gian thống nhất ý chí và hành động của toàn thể nhân dân, Đảng đã tạo ra cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho cuộc đấu tranh

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.7, tr.38.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.10, tr.453

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.596.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.3.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.289.

giành chính quyền. Tư duy biện chứng trong hành động cách mạng của Đảng được thể hiện rõ qua việc xác lập phương pháp đấu tranh từ khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa giành chính quyền; chuẩn bị bộ máy tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ chín muồi và dự kiến các công việc sau khi giành được chính quyền. Đây là những nội dung quan trọng, là vấn đề xuyên suốt trong công tác chuẩn bị của Đảng và nhân dân ta, đóng góp vào thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Qua các cao trào cách mạng, Đảng ta tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, giai cấp tạo dựng lực lượng cách mạng, tích cực chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đặc biệt, năm 1941, việc thành lập Mặt trận Việt Minh bao gồm các tổ chức quần chúng như Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc,... Đảng đã động viên tinh thần ái quốc của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, bồi dưỡng và phát huy cao độ sức mạnh to lớn của lực lượng chính trị trong chuẩn bị và thực hành tổng khởi nghĩa. Bên cạnh đó, Đảng ta cũng luôn nhấn mạnh việc chuẩn bị căn cứ cách mạng làm chỗ dựa cho vũ trang khởi nghĩa. Khu vực giải phóng Việt Bắc đã được thành lập gồm các tỉnh: Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái đóng vai trò là căn cứ địa quan trọng của tổng khởi nghĩa. Nhờ có phương pháp cách mạng đúng đắn, bằng cuộc cách mạng như vũ bão chỉ trong vòng nửa tháng, nhưng được tích cực chuẩn bị suốt 15 năm liền, Cách mạng tháng Tám diễn ra nhanh gọn, ít đổ máu, giành thắng lợi hoàn toàn trên cả nước, khai sinh nền dân chủ cộng hoà, mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, những người nô lệ từ vị thế của kẻ bị thống trị, nô dịch đã được nâng lên địa vị là người chủ đất nước, được quyền quyết định vận mệnh của dân tộc mình. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã khẳng định tính đúng đắn của tinh thần, ý chí tự lực tự cường của toàn dân tộc Việt Nam. Đó là sự chủ động, tự tin vào sức mạnh nội sinh, không ỷ lại vào bất kỳ thế lực bên ngoài nào, để tự mình giành độc lập và tự do.

2. Bài học phát huy ý chí tự lực, tự cường trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Cách mạng tháng Tám 1945 để lại những di sản về lý luận, bài học vô cùng quý giá. Từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, chúng ta có thể rút ra những bài học sâu sắc về phát huy ý chí tự lực, tự cường khát vọng phát triển của toàn dân tộc trở thành nguồn sức mạnh nội sinh to lớn.

Thứ nhất, ý chí tự lực, tự cường trong công cuộc đổi mới phải được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực. Hồ Chí Minh luôn đề cập việc xây dựng thực lực cách mạng Việt Nam tạo ra sức mạnh tổng hợp từ tất cả các nguồn lực, trong tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, v.v. Đảng ta luôn quán triệt sâu sắc và thực hiện nhất quán tư tưởng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam luôn xác định tăng cường và mở rộng quan hệ quốc tế nhưng giữ vững cốt cách, đặc tính của dân tộc mình; tự lực, tự cường không có nghĩa là đóng cửa, tự cô lập mình, đồng thời cũng không được phép ỷ lại sự giúp đỡ của các nước khác, không đánh mất chính mình. Trong bối cảnh tình hình thế giới rất phức tạp, vừa hợp tác, vừa đấu tranh với sự cạnh tranh gay gắt, với sự thao túng của các nước lớn trong các mối quan hệ, chỉ có tự lực, tự cường theo tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, song song với đẩy mạnh hợp tác quốc tế thì đất nước mới phát triển một cách bền vững.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên

tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi,... Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁹, những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác; kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, giữ vững môi trường hòa bình để phát triển kinh tế - xã hội; chủ động hội nhập nhưng luôn đề cao ý thức dân tộc, ý chí tự lực, tự cường.

Hiện nay, trong công cuộc đổi mới, “đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử... Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹⁰, một trong những nguyên nhân căn bản là do chúng ta biết quy tụ, phát huy ý chí tự lực tự cường, khát vọng phát triển toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những thành tựu của công cuộc đổi mới là nền tảng quan trọng giúp chúng ta củng cố niềm tin, sự quyết tâm, nỗ lực, tiếp tục vững bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của dân tộc. Ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc luôn là động lực vĩ đại trong tiến trình thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới. Đảng đã xác định các quan điểm chỉ đạo công cuộc đổi mới hiện nay, trong đó nhấn mạnh: “Khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển đất nước, phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hoá, con người Việt Nam...thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước”¹¹; đồng thời nhấn mạnh: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”¹².

Thứ hai, củng cố và tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết tụ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại đoàn kết toàn dân tộc là quy luật giành thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong dựng nước và giữ nước, là động lực và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Đại đoàn kết toàn dân tộc cũng là một trong những nhân tố quan trọng nhất đảm bảo cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trong 9 thập niên qua cho thấy: khi nào Đảng nắm vững và giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất sẽ phát huy được sức mạnh cả dân tộc, vượt qua mọi khó khăn thử thách, đảm bảo thành công của cách mạng. Ngược lại, khi buông lỏng ngọn cờ dân tộc, hoặc xem nhẹ vấn đề đại đoàn kết dân tộc sẽ khiến cho cách mạng gặp khó khăn. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước chính là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nhân, nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể, xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế và của toàn xã hội.

Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi oanh liệt và nhanh chóng do nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân chủ yếu là chính sách đại đoàn kết dân tộc của Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh thành

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t.1, tr. 161 - 162

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.104.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.110, 180.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.110.

lập và lãnh đạo. Mặt trận Việt Minh là nhân tố quan trọng góp phần tập hợp đông đảo quần chúng, hình thành lực lượng chính trị hùng hậu để xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đưa Cách mạng tháng Tám đi tới thắng lợi vẻ vang. Thành công của Mặt trận Việt Minh không chỉ tạo dấu ấn lịch sử trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, mà còn để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác xây dựng Mặt trận, tập hợp lực lượng, đoàn kết dân tộc trong các giai đoạn cách mạng sau này.

Trải qua các thời kỳ hoạt động với những tên gọi khác nhau, Mặt trận không ngừng phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc Việt Nam. Kế tục và phát huy vai trò lịch sử của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam các thời kỳ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức nòng cốt trong phát huy truyền thống, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; ý chí tự lực, tự cường, nhằm tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức, cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân;

Trong giai đoạn hiện nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần làm tốt vai trò nòng cốt, chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên đoàn kết các giai tầng, cá nhân tiêu biểu, phát huy cao độ vai trò tiên phong của giai cấp công nhân, khơi dậy tiềm năng to lớn của giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và người lao động, bảo đảm thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng và hành động, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa; Đồng thời, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để luôn là tổ chức tin cậy, đại diện cho quyền, lợi ích chính đáng của nhân dân. Đặc biệt, cần khơi dậy tiềm năng, trí tuệ của quần chúng nhân dân và các tầng lớp xã hội cùng chung tay xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới. Khi người dân có ý chí tự vươn lên, cống hiến cho đất nước, xã hội sẽ ngày càng tiến bộ, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự hùng cường của quốc gia.

Thứ ba, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Lịch sử Việt Nam đã minh chứng cho sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định đưa đến những thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng ra đời là một tất yếu, phù hợp với quy luật phát triển văn minh, tiến bộ của dân tộc và của nhân loại. Trong kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, dân tộc Việt Nam đã phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, giải quyết thành công yêu cầu lịch sử và hoàn thành xuất sắc mục tiêu chiến lược. Sau 50 năm đất nước thống nhất, gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã thực hiện thắng lợi các yêu cầu lịch sử, đổi mới thành công, vượt thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, đạt được những thành tựu to lớn. Tiến bước vào kỷ nguyên mới, ngoài việc tăng cường sức mạnh vật chất, kinh tế, thì việc nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng vẫn là một nhân tố mang tính quyết định. Chính vì thế, đòi hỏi toàn Đảng và hệ thống chính trị phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và toàn diện, phải thực sự trong sạch, vững mạnh ngang tầm với những nhiệm vụ lịch sử đang đặt ra trước vận mệnh dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tự bản thân Đảng phải là một tổ chức thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ trí tuệ và bản lĩnh. Đảng phải tổ chức một cách chặt chẽ, đảng viên của Đảng phải là những người thật sự ưu tú của giai cấp và dân tộc, có đủ các phẩm chất cần thiết, đáp ứng được những yêu cầu đặt ra của cách mạng. Đội ngũ đảng viên của Đảng phải là những người được tôi luyện, bản lĩnh, loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất và kết nạp vào hàng ngũ của mình thêm những người ưu tú đủ đức, đủ tài, có đủ phẩm chất và năng lực để gánh vác trọng trách to lớn nhưng đầy vinh quang của dân tộc. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng phải làm sao để xứng đáng với tư cách là người lãnh đạo nhưng đồng thời cũng là người

đầy tớ trung thành của nhân dân. Để hoàn thành vai trò đó, Đảng phải gắn bó chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; phải khiêm tốn, tiếp thu học hỏi nhân dân. Đảng phải trở thành tổ chức “vừa đạo đức, vừa văn minh”, vừa là lương tâm, danh dự, trí tuệ của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vững được quyền lãnh đạo khi và chỉ khi Đảng giữ vững được tự mình là tổ chức trong sạch, vững mạnh, ra sức phấn đấu vì lợi ích của đất nước, của nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân và dân tộc. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong những năm qua, Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm là phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chiến lược, đặc biệt quan trọng nữa là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm làm gương tốt để mọi người noi theo. “Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”¹³. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để Đảng sử dụng và phát huy tốt quyền lực do dân giao phó nhằm phục vụ sự phát triển của đất nước, nhất là các vụ việc gây bức xúc trong dư luận để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng; bảo đảm Đảng là “người cầm lái vĩ đại” đưa dân tộc ta tiến lên bứt phá, tăng tốc trong kỷ nguyên mới.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là một sự kiện lịch sử vĩ đại mà còn là biểu tượng sống động của ý chí tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, huy động sức mạnh toàn dân tộc, Việt Nam đã tự mình giành lấy độc lập, tự do. Bài học về phát huy ý chí này vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục phục vụ đắc lực trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI nước ta “trở thành nước phát triển, thu nhập cao”, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.180.

PHÁT HUY TINH THẦN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA TRONG THỜI ĐẠI MỚI

*TS. Nguyễn Thị Tùng**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đánh dấu sự thắng lợi của khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây không chỉ là cuộc cách mạng lật đổ ách thống trị thực dân, phong kiến, giành lại độc lập dân tộc mà còn mở ra kỷ nguyên mới: kỷ nguyên của độc lập, tự do và xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Tinh thần cách mạng ấy, với sức mạnh của ý chí tự lực, tự cường, khát vọng độc lập vẫn là nguồn cảm hứng và động lực to lớn trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển động mạnh mẽ dưới tác động của toàn cầu hóa, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cạnh tranh chiến lược và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia đặt ra những yêu cầu mới, toàn diện và phức tạp hơn. Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám không chỉ dừng lại ở việc tưởng nhớ quá khứ để soi sáng tương lai, mà cần được chuyển hóa thành sức mạnh chính trị, tư tưởng và hành động thực tiễn để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia trong điều kiện mới – thời đại của toàn cầu hóa, chuyển đổi số.

NỘI DUNG

1. Tinh thần Cách mạng tháng Tám – Giá trị lịch sử và hiện thực sâu sắc

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của sự kết tinh ý chí kiên cường, lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân tộc đã vùng lên giành chính quyền trong cả nước, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ thực dân, phong kiến, thiết lập Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Tinh thần ấy thể hiện ở ba “trụ cột” sau:

Thứ nhất, khát vọng độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam.

Khát vọng độc lập, tự chủ là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, được hun đúc và nâng tầm bởi tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định rõ ràng mục tiêu tối thượng của dân tộc là giành lại quyền sống, quyền làm người, quyền làm chủ đất nước: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”¹.

Kế thừa tinh thần ấy, tại Đại hội XIII, Đảng ta cũng nhấn mạnh: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”². Có thể khẳng định, quan điểm này là sự tiếp nối nhất quán tư tưởng yêu nước, độc lập dân tộc gắn với con đường tự chủ, tự cường, vươn lên ngang tầm thời đại của nhân dân ta.

Trải qua hàng nghìn năm chống ngoại xâm, nhân dân ta luôn kiên cường đấu tranh vì mục tiêu cao cả: giành lại quyền làm chủ đất nước, quyền tự quyết vận mệnh dân tộc. Tinh thần ấy được hun đúc qua các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc, các triều đại phong

* Trường Chính trị tỉnh Nghệ An.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.161-162.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.111-112.

kiến bảo vệ bờ cõi và đặc biệt được kết tinh rực rỡ trong thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nơi lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, nhân dân Việt Nam lập nên một Nhà nước độc lập, do nhân dân làm chủ. Khát vọng độc lập không chỉ là quyền tự do thoát khỏi ách đô hộ mà còn là khát khao phát triển tự cường, xây dựng một đất nước giàu mạnh, văn minh, sánh vai cùng cường quốc năm châu như mong muốn thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ hai, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn thể dân tộc không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc đã đồng lòng đứng lên giành chính quyền, thể hiện sức mạnh thống nhất vì mục tiêu độc lập, tự do. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 về “Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc” là một trong những phương châm hành động quan trọng của thời kỳ mới. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công*”³. Lời hiệu triệu này đã trở thành chân lý trong suốt hành trình cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập và những thách thức mới, tinh thần đoàn kết vẫn là nền tảng để củng cố niềm tin, huy động mọi nguồn lực, phát huy trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam trong sự nghiệp phát triển đất nước và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đoàn kết không chỉ là sức mạnh vật chất mà còn là giá trị văn hóa và tinh thần trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, sự lãnh đạo sáng suốt, quyết đoán của Đảng trong việc nắm bắt thời cơ lịch sử.

Thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả trực tiếp của sự lãnh đạo sáng suốt, quyết đoán và nhạy bén thời cơ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước tình hình Nhật đầu hàng Đồng minh, bộ máy chính quyền tay sai rệu rã, Đảng đã nhận định đúng “thời cơ ngàn năm có một” để phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Văn kiện Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ ngày 13 đến 15/8/1945) chỉ rõ: *Đảng phải kiên quyết lãnh đạo nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương*. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định rõ quyết tâm hành động: *Lúc này thời cơ thuận lợi đã đến, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập*. Chính sự chủ động, bản lĩnh và dứt khoát ấy đã làm nên thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng tháng Tám, một sự kiện vĩ đại đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do. Những giá trị đó không chỉ là di sản của quá khứ mà còn là hành trang quý báu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

2. Những thách thức đối với bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia trong thời đại mới

Trong thời đại ngày nay, khái niệm độc lập - chủ quyền không chỉ giới hạn ở biên giới lãnh thổ mà còn mở rộng ra các không gian mới như không gian mạng, không gian kinh tế số, chủ quyền dữ liệu, chủ quyền công nghệ, chủ quyền văn hóa và thông tin... Việt Nam đang đứng trước những thách thức lớn:

Thứ nhất, tình hình địa chính trị khu vực phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng.

Trong thời gian gần đây, bối cảnh chính trị khu vực và thế giới đang diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường, đặc biệt là sự cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn. Những xung đột về lợi ích, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, sự hình thành

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.13, tr. 119, 120.

các liên minh an ninh mới và cuộc chạy đua vũ trang công nghệ cao đang tạo ra nhiều biến động trong môi trường an ninh khu vực.

Tình hình đó đòi hỏi Việt Nam cần kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; tăng cường quốc phòng – an ninh và chủ động thích ứng trước những thay đổi chiến lược để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia.

Thứ hai, nguy cơ mất an ninh phi truyền thống như tội phạm mạng, chiến tranh thông tin, lệ thuộc công nghệ.

An ninh phi truyền thống đang trở thành thách thức nghiêm trọng đối với chủ quyền và ổn định quốc gia, đặc biệt là trong các lĩnh vực như không gian mạng, thông tin và công nghệ số. Sự gia tăng của các hành vi tấn công mạng, thao túng dữ liệu, lan truyền thông tin xấu độc, cùng với nguy cơ lệ thuộc vào công nghệ và nền tảng số nước ngoài đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia. Tại Đại hội lần thứ XIII (2021), Đảng ta nhận định: “Những vấn đề toàn cầu, như: bảo vệ hòa bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường,... tiếp tục diễn biến phức tạp”⁴. Nhiệm vụ đặt ra là cần phải “sẵn sàng ứng phó hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống”, bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng và an ninh xã hội. Kịp thời đấu tranh trấn áp có hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Chủ động phối hợp với các quốc gia bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong đó, bảo đảm an ninh phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và chủ quyền số, trở thành nhiệm vụ cấp thiết, gắn với việc nâng cao năng lực số quốc gia và phát triển hệ sinh thái số tự chủ, an toàn, bền vững.

Thứ ba, mặt trái của toàn cầu hóa đe dọa đến các giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mang lại nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn đối với việc bảo vệ bản sắc văn hóa và giá trị truyền thống dân tộc. Sự du nhập và lan truyền thiếu chọn lọc các giá trị ngoại lai, cùng với ảnh hưởng từ các nền tảng số xuyên quốc gia đã khiến không ít biểu hiện lệch chuẩn, xa rời cội nguồn xuất hiện trong đời sống xã hội. Các giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống, nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Điều đó đòi hỏi việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phải trở thành một nhiệm vụ chiến lược, gắn chặt với xây dựng con người Việt Nam hiện đại, có bản lĩnh, có lòng tự tôn và ý thức bảo vệ giá trị cội nguồn trong dòng chảy hội nhập. Đặc biệt, chủ quyền trên không gian mạng đang là một chiến tuyến mới. Sự lan truyền thông tin xấu độc, thao túng dư luận, can thiệp từ bên ngoài có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến ổn định chính trị và an ninh quốc gia.

3. Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia hiện nay

Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám trong bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia hiện nay không chỉ là một yêu cầu lịch sử mà còn là đòi hỏi cấp thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Tinh thần ấy, với cốt lõi là khát vọng độc lập, ý chí tự lực tự cường và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục là động lực lớn cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước.

Trong thời đại mới, khái niệm độc lập – chủ quyền không chỉ gói gọn trong biên giới lãnh thổ mà đã mở rộng sang các không gian chiến lược như không gian mạng, chủ

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr. 106-107.

quyền số, chủ quyền kinh tế và văn hóa. Đảng ta xác định rõ: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁵.

Trong dòng chảy thời đại, phát huy tinh thần Thám Tám chính là kế thừa truyền thống giữ nước của dân tộc bằng bản lĩnh chính trị kiên định, năng lực công nghệ hiện đại và lòng yêu nước trách nhiệm – không chỉ trên không gian địa lý, mà cả trong không gian số và mặt trận tư tưởng.

Một là, tăng cường xây dựng thể trận quốc phòng – an ninh toàn dân.

Trước tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, việc xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân là nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Đây là sự kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh tổng hợp của toàn dân với tiềm lực quốc phòng – an ninh hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Về điều này, Đảng ta khẳng định: “Tiềm lực quốc phòng và an ninh được tăng cường; thể trận lòng dân được chú trọng; thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm, được củng cố vững chắc. Bước đầu hình thành hệ thống pháp luật và cơ sở vật chất cho việc bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin quốc gia, không gian mạng quốc gia”⁶.

Trong thời đại số, xây dựng thể trận quốc phòng – an ninh không chỉ giới hạn ở không gian địa lý, mà cần mở rộng sang không gian mạng, bảo vệ chủ quyền số, chủ quyền thông tin, dữ liệu quốc gia. Muốn vậy, phải phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức chính trị – quốc phòng cho toàn dân, xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc, tạo nền tảng để giữ gìn và phát huy thành quả cách mạng, bảo vệ độc lập, chủ quyền trong mọi tình huống.

Tiếp tục hoàn thiện thể trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, không gian mạng và không gian số. Cần coi trọng phát triển các tiềm lực an ninh mạng, an ninh thông tin, và nâng cao năng lực phòng vệ phi truyền thống.

Hai là, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quyết định thành công trong sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia trong tình hình mới. Trước những thách thức ngày càng phức tạp như cạnh tranh địa chính trị, xâm nhập tư tưởng, tội phạm mạng và nguy cơ lệ thuộc công nghệ, vai trò lãnh đạo của Đảng càng cần được khẳng định và củng cố. Đảng ta đã xác định rõ: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”⁷.

Đồng thời, phải phát huy mạnh mẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc cội nguồn của mọi thắng lợi cách mạng, được kết tinh từ truyền thống yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Trong thời đại mới, đại

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.156 - 157.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.68.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.35.

đoàn kết không chỉ là kết nối cộng đồng trong không gian truyền thống mà còn là sự gắn kết trách nhiệm giữa các thế hệ, các tầng lớp nhân dân, giữa trong và ngoài nước, cùng hành động vì mục tiêu chung: giữ vững chủ quyền, bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước bền vững, phồn vinh.

Ba là, chủ động hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia từ sớm, từ xa.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược ngày càng phức tạp, bảo vệ độc lập, chủ quyền không chỉ dừng lại ở biên giới lãnh thổ mà phải gắn chặt với năng lực chủ động hội nhập quốc tế và khả năng định hình thể trận chính trị - kinh tế - an ninh từ sớm, từ xa. Hội nhập quốc tế sâu rộng là xu thế tất yếu, đồng thời cũng là cơ hội để Việt Nam khẳng định vai trò, nâng cao vị thế và thúc đẩy lợi ích quốc gia, dân tộc trong môi trường khu vực và toàn cầu đang biến động nhanh chóng.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh định hướng chiến lược: “Chủ động ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh xung đột từ sớm từ xa; kiên quyết, kiên trì, bảo vệ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”⁸. Tư tưởng “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy” được Đảng ta phát triển như một nguyên tắc hành động mới trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa, với yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thể trận tổng hợp.

Chủ động hội nhập đồng nghĩa với việc chủ động tham gia, thiết lập và định hình luật chơi, thay vì bị động thích nghi. Việc ký kết và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tham gia vào các cơ chế đa phương, cũng như tăng cường “ngoại giao chủ quyền” vừa mềm dẻo, vừa kiên định đã giúp Việt Nam tranh thủ được thời cơ, ngăn ngừa xung đột, giảm thiểu rủi ro, đồng thời tạo thế và lực mới trong bảo vệ lợi ích quốc gia. Thực tiễn cho thấy, “giữ nước từ khi nước chưa nguy” như lời phát biểu của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Quân chính toàn quân năm 2013 là bài học chiến lược, đặt ra yêu cầu không chỉ về cảnh giác quốc phòng mà còn về tư duy dự báo, hành động sớm trong môi trường chính trị đối ngoại. Vì vậy, để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền trong tình hình mới, cần nâng cao năng lực hội nhập quốc tế một cách toàn diện, từ kinh tế, chính trị đến quốc phòng, an ninh, khoa học – công nghệ; đồng thời xây dựng thể trận lòng dân vững chắc, tăng cường nội lực quốc gia và chủ động ứng xử với các thách thức từ môi trường bên ngoài bằng tầm nhìn chiến lược và bản lĩnh chính trị vững vàng.

Phát huy đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa đối ngoại chính trị, quốc phòng, kinh tế, văn hóa và chuyển đổi số. Tham gia sâu rộng vào các cơ chế đa phương, đóng góp cho hòa bình khu vực, đồng thời bảo vệ lợi ích cốt lõi của quốc gia.

Bốn là, hình thành đội ngũ công dân số yêu nước, có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia.

Trong thời đại chuyển đổi số mạnh mẽ, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia không chỉ diễn ra trên không gian vật lý mà đã mở rộng sang không gian mạng – nơi các giá trị, dữ liệu và nhận thức của người dân, nhất là thế hệ trẻ, đang chịu sự tác động sâu sắc từ môi trường số toàn cầu. Do đó, xây dựng công dân số yêu nước, có bản lĩnh chính trị và ý thức chủ quyền quốc gia trở thành nhiệm vụ chiến lược, gắn với mục tiêu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong điều kiện mới. Đảng ta khẳng định rõ quan điểm: “Kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định an ninh, an toàn phát triển đất nước”⁹. Trong đó, “thế trận lòng dân” trong

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.38.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.29.

thời đại số không chỉ là niềm tin chính trị mà còn là năng lực số, đạo đức số và ý thức chủ quyền số, những yếu tố cần được hình thành sớm thông qua giáo dục, truyền thông và hệ sinh thái số an toàn.

Công dân số yêu nước không đơn thuần là người sử dụng thành thạo công nghệ mà quan trọng hơn, là người biết khai thác công nghệ để phục vụ lợi ích đất nước, có khả năng nhận diện, phản bác các thông tin sai trái, thù địch trên không gian mạng, và tích cực lan tỏa các giá trị tích cực của dân tộc. Đây là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh các thế lực chống phá ngày càng sử dụng thủ đoạn tinh vi để xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ lãnh đạo, gây chia rẽ lòng dân qua các nền tảng số. Sinh thời, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nhấn mạnh: *Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ phải gắn với bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; gắn với bảo vệ văn hóa dân tộc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*. Ý thức đó phải được cụ thể hóa trong mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ, qua các chương trình giáo dục công dân số, giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật và quốc phòng – an ninh trong môi trường số.

Xây dựng công dân số yêu nước là quá trình lâu dài, toàn diện, đòi hỏi sự phối hợp giữa Đảng, Nhà nước, nhà trường, gia đình và xã hội; trong đó, Đảng giữ vai trò định hướng tư tưởng, Nhà nước tạo thể chế bảo vệ chủ quyền số, còn cộng đồng và doanh nghiệp số góp phần định hình một không gian mạng lành mạnh, nhân văn và an toàn, nơi công dân được sống, thể hiện và cống hiến với tinh thần trách nhiệm cao nhất đối với Tổ quốc. Trong kỷ nguyên số, mỗi người dân cần trở thành một “công dân số có trách nhiệm”, có ý thức về bảo vệ thông tin cá nhân, an toàn không gian mạng, đấu tranh với thông tin xấu độc và lan tỏa giá trị tích cực. Cần tăng cường giáo dục chính trị, giáo dục quốc phòng – an ninh và kỹ năng số trong nhà trường và toàn xã hội.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là đỉnh cao của trí tuệ, bản lĩnh và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tinh thần “lấy ít thắng nhiều, lấy chí nhân thay cường bạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước dân tộc và lịch sử” vẫn còn nguyên giá trị soi đường cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

Ngày nay, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia tiếp tục đối diện với những thách thức mới cả trên không gian địa lý lẫn không gian mạng, từ truyền thống đến phi truyền thống. Việc bảo vệ vững chắc Tổ quốc đòi hỏi chúng ta không chỉ giữ gìn, củng cố quốc phòng – an ninh mà còn phải chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng công dân số yêu nước, tăng cường nội lực và phát huy thế trận lòng dân.

Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám trong giai đoạn hiện nay chính là tiếp tục khơi dậy khát vọng độc lập – tự chủ, tinh thần đoàn kết, bản lĩnh chính trị vững vàng và tư duy hành động chiến lược. Đây không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan lãnh đạo, lực lượng vũ trang mà còn là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong đó mỗi cán bộ, đảng viên phải là hạt nhân nêu gương về tinh thần trách nhiệm, cảnh giác cách mạng và ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia trong mọi hoàn cảnh.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là biểu tượng vĩ đại của khát vọng độc lập – tự do của dân tộc Việt Nam. Tinh thần ấy đến nay vẫn là ngọn đuốc soi đường cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên số, hội nhập và phát triển nhanh chóng nhưng cũng đầy thách thức. Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám không chỉ là nhắc lại lịch sử hào hùng mà còn là lời hiệu triệu hành động: giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia bằng sức mạnh tổng hợp của lòng dân, của thế trận hiện đại và trí tuệ Việt Nam trong thời đại mới.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945: MỘT TIẾP CẬN TỪ QUAN ĐIỂM VĂN HÓA CỦA HỒ CHÍ MINH

*ThS. Đặng Nữ Hoàng Quyên**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Thành công vang dội của cuộc cách mạng không chỉ đánh dấu thắng lợi của một cuộc khởi nghĩa toàn dân, đó còn là đỉnh cao của một quá trình tích lũy về ý chí độc lập, tư tưởng tự chủ và bản lĩnh của cả một dân tộc thắng lợi bằng sức mạnh văn hóa. Trong tiến trình ấy, vai trò tư tưởng và tầm nhìn văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh là trung tâm, vừa dẫn đường, vừa bồi đắp cho tinh thần cách mạng Việt Nam với một chiều sâu nhân văn và bản sắc.

Vượt xa khuôn khổ của một sự kiện chính trị - xã hội đơn thuần, Cách mạng tháng Tám năm 1945 thực sự là một minh chứng hùng hồn cho sự giao thoa đặc biệt giữa tư duy cách mạng khoa học và chiều sâu văn hóa truyền thống của dân tộc. Tại đây, tư tưởng Hồ Chí Minh nổi lên như một điểm hội tụ, một trục trung tâm, không chỉ là kim chỉ nam định hướng hành động mà còn là nguồn cảm hứng không ngừng nghỉ. Nguồn cảm hứng ấy được bồi đắp từ một nền tảng văn hóa Việt Nam nhân văn sâu sắc và tiến bộ. Vì thế, Cách mạng tháng Tám không chỉ có ý nghĩa to lớn về mặt chính trị - xã hội mà còn được nâng tầm thành một hiện tượng lịch sử mang đậm giá trị nhân văn và văn hóa đặc sắc.

Việc đi sâu tiếp cận Cách mạng tháng Tám từ nền tảng tư tưởng và chiều sâu văn hóa của Hồ Chí Minh không chỉ là một hành trình khám phá lịch sử, mà còn là chìa khóa để làm sáng tỏ những yếu tố độc đáo, kiến tạo nên bản sắc riêng biệt của cách mạng Việt Nam trên trường quốc tế. Hơn thế nữa, đây còn là cơ sở lý luận và thực tiễn vô cùng quan trọng, giúp chúng ta khơi mở những giá trị tinh thần sâu sắc và bền vững. Những giá trị ấy cần được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh hiện nay ngày càng phồn vinh và bền vững.

NỘI DUNG

1. Văn hóa Hồ Chí Minh - cội nguồn tinh thần kiến tạo cách mạng Việt Nam

Văn hóa Hồ Chí Minh là một hệ giá trị sâu sắc, kết tinh từ tư tưởng, đạo đức, phong cách và lối sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó không chỉ là di sản tinh thần quý báu của dân tộc mà còn là nguồn lực nội sinh mạnh mẽ, giữ vai trò cốt lõi trong việc hình thành bản lĩnh dân tộc, hun đúc nên tinh thần bất khuất của một dân tộc luôn khao khát tự do, tạo sức mạnh có kết cộng đồng, dẫn đường cho thắng lợi cho sự nghiệp của cách mạng Việt Nam.

Văn hóa Hồ Chí Minh - Sức sống từ cội nguồn dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là một dòng chảy không ngừng nghỉ, kết tinh từ những mạch nguồn sâu xa của dân tộc và tinh hoa trí tuệ nhân loại, được tôi luyện trong ngọn lửa khốc liệt của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc kiến thiết đất nước. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy đến đỉnh cao giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa nhân loại. Với tầm nhìn vượt thời đại, Người đã vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam. Chính sự kết hợp hài hòa, uyển chuyển giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc dân tộc và những giá trị phổ quát của nhân loại đã tạo nên sức sống mãnh liệt và giá trị vượt thời gian của tư tưởng Hồ Chí Minh, có khả năng định hướng hành động cách mạng trong mọi giai đoạn lịch sử.

Xây dựng một nền cách mạng vì con người. Văn hóa là nền tảng tinh thần của cách mạng, trực tiếp hướng tới mục tiêu cao cả phục vụ, giải phóng và phát triển con người

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

toàn diện. Con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh luôn giữ vị trí trung tâm, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của mọi hoạt động cách mạng. Với Người, việc xây dựng một nền cách mạng chân chính đồng nghĩa với việc kiến tạo một sự nghiệp vì lợi ích vì con người, trong đó văn hóa đóng vai trò dẫn đường. Người luôn nhấn mạnh rằng con đường cách mạng phải gắn liền với mục tiêu cụ thể, thiết thực: “Ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Vì vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hóa không tồn tại độc lập mà gắn chặt với chính trị, kinh tế, xã hội, hướng đến việc bồi dưỡng con người mới vừa hồng, vừa chuyên. Xây dựng một nền văn hóa vì con người chính là xây dựng một nền cách mạng đặt lợi ích và sự phát triển của con người làm trung tâm. Văn hóa Hồ Chí Minh chính là biểu hiện sinh động của một nền cách mạng nhân văn, nơi mỗi con người không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể sáng tạo lịch sử. Tư tưởng xuyên suốt này đã và đang soi sáng con đường phát triển đất nước theo hướng bền vững, tiến bộ và vì con người.

Kiến tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam. Văn hóa Hồ Chí Minh là một chỉnh thể đặc sắc, giữ vai trò then chốt trong việc kiến tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh khẳng định: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”². Trong tư tưởng của Người, văn hóa là một yếu tố chiến lược, có chức năng định hướng và dẫn dắt sự phát triển xã hội. Với khát vọng “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”³, Hồ Chí Minh đã kiến tạo nên con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã giúp cách mạng Việt Nam tránh khỏi những bế tắc, đưa dân tộc đi đúng hướng tới mục tiêu giải phóng và phát triển. Người khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất”⁴. Những giá trị văn hóa mà Hồ Chí Minh kiến tạo đã góp phần hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng, củng cố niềm tin vào lý tưởng cách mạng, và tạo nên sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa chính là động lực nội sinh của phát triển, là nhân tố quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính điều đó đã góp phần kiến tạo nên một sức mạnh cách mạng toàn diện, bền vững và có chiều sâu lịch sử, làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Gắn cách mạng với đạo đức và văn hóa. Hồ Chí Minh luôn coi cách mạng không chỉ là sự nghiệp chính trị, kinh tế đơn thuần, mà còn là một quá trình chuyển hóa sâu sắc về đạo đức và văn hóa. Người cho rằng người cách mạng phải có “đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được sự nghiệp cách mạng vẻ vang”⁵. Với Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng không chỉ là chuẩn mực cá nhân mà còn là nền tảng văn hóa tinh thần của Đảng và xã hội, đồng thời là nguồn lực tinh thần tạo nên sức mạnh, niềm tin, sự gắn kết giữa Đảng với nhân dân. Người nhấn mạnh: đạo đức là gốc của người cách mạng, “Cũng như sông thì phải có nguồn, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”⁶. Ở đây, đạo đức không tách rời tư duy hành động, mà gắn bó mật thiết với lối sống, phong cách, ý chí phụng sự nhân dân. Tư tưởng đó thấm sâu vào nguyên tắc “nói đi đôi với làm”, phản ánh một hệ giá trị văn hóa thực

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.4, tr.62.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.3, tr.431.

³ Hồ Chí Minh: *Biên niên tiêu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.1, tr.112.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.1, tr.496.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.11, tr.612.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.5, tr.229 - 306.

tiền: lý tưởng cách mạng phải được thể hiện bằng hành vi, bằng lao động, cống hiến và hy sinh. Khẳng định vai trò dẫn đường và nâng cao của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh coi văn hóa không chỉ là sản phẩm của xã hội mà còn là công cụ để xây dựng xã hội mới, bồi dưỡng những con người mới. Việc gắn bó mật thiết giữa đạo đức, văn hóa và cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã làm nên chiều sâu nhân văn và sức sống lâu bền cho con đường cách mạng Việt Nam.

2. Cách mạng tháng Tám nhìn từ quan điểm văn hóa Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh không chỉ là người tìm đường mà còn là người dẫn đường, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua bao sóng to gió lớn. Sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Người là lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hóa. Và sáng tạo của Cách mạng tháng Tám chính là đấu tranh giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hóa như tư tưởng Người hoạch định.

Điều đặc biệt lớn lao, có ý nghĩa cách mạng và khoa học sâu sắc và tầm nhìn thời đại là Hồ Chí Minh đã đưa văn hóa vào trong đường lối giải phóng dân tộc và dùng văn hóa để kiến tạo tổ chức, xây dựng lực lượng cách mạng và đưa văn hóa vào trong chiến lược xây dựng phát triển đất nước.

Đó là nền văn hóa chứa đựng tâm lý và luân lý dân tộc - một nền văn hóa thấm đượm lòng yêu nước, tinh thần độc lập tự cường, đoàn kết, nhân nghĩa và khát vọng cháy bỏng về tự do. Cách mạng tháng Tám năm 1945 chính là đỉnh cao rực rỡ của tinh thần yêu nước và khát vọng độc lập dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đúng như khẳng định của Người: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁷. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc Tổng khởi nghĩa đã diễn ra thần tốc, quyết liệt mà vẫn đậm tính nhân văn. Đây là cuộc cách mạng của toàn thể dân tộc, như lời kêu gọi hào hùng của Người: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁸. *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 02/09/1945 không chỉ chính thức khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn là bản tuyên ngôn đánh thép thể hiện khát vọng mãnh liệt của dân tộc Việt Nam, được làm chủ vận mệnh của mình, sống trong tự do, bình đẳng, và sánh vai với các quốc gia trên thế giới. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám vì vậy không chỉ mang ý nghĩa lịch sử to lớn, mà còn là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh của tư tưởng yêu nước gắn liền với lý tưởng độc lập dân tộc và con đường cách mạng đúng đắn do Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn.

Đó là nền văn hóa của sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc - cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng lịch sử rõ nét cho sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - nhân tố quyết định làm nên bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết là thắng lợi của chúng ta”⁹ và trong mọi giai đoạn cách mạng, Người luôn đề cao chiến lược “đại đoàn kết” coi đây là nền tảng tư tưởng - văn hóa - chính trị để tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong một khối thống nhất chung. Trong bối cảnh lịch sử năm 1945, khi tình hình quốc tế và trong nước tạo ra thời cơ “ngàn năm có một”, chính sự thống nhất ý chí và hành động của toàn dân dưới ngọn cờ Việt Minh đã làm nên một cuộc khởi nghĩa toàn dân, toàn diện,

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.15, tr.131.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.3, tr.595 - 596.

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.14, tr.18.

nhanh chóng giành chính quyền về tay nhân dân. Từ nông thôn đến đô thị, từ miền xuôi đến miền ngược, nhân dân khắp nơi vùng lên với khí thế sục sôi, thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và khát vọng cháy bỏng về độc lập, tự do. Chính tinh thần đoàn kết ấy đã giúp dân tộc ta làm nên điều tưởng như không thể, giành chính quyền trên phạm vi cả nước chỉ trong vòng vài tuần lễ, không cần đến những trận đánh quy mô lớn, mà chủ yếu bằng sức mạnh lòng dân và sự thống nhất hành động. Cách mạng tháng Tám vì thế không chỉ là thắng lợi của một cuộc khởi nghĩa vũ trang, mà là kết tinh của cả một quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đó là nền văn hóa xây dựng chính trị mà nội dung cốt lõi là dân quyền. Sức mạnh đích thực của văn hóa là bảo đảm các quyền về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... của mọi công dân. Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng hùng hồn cho một mô hình cách mạng mang đậm dấu ấn văn hóa chính trị Việt Nam, mô hình cách mạng của dân, do dân, vì dân. Trong đó, tư tưởng Hồ Chí Minh đóng vai trò trung tâm, đặt nền móng cho quan niệm cách mạng không chỉ là sự thay đổi thể chế, mà là quá trình kiến tạo một đời sống chính trị mới, nơi người dân thực sự là chủ thể của quyền lực và là trung tâm của mọi quyết sách. Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh được xây dựng trên triết lý lấy dân làm gốc “Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”¹⁰, coi nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực. Người luôn nhấn mạnh rằng: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”¹¹. Điều này không chỉ đảm bảo tính dân chủ rộng rãi mà còn khơi dậy sức mạnh nội sinh vô tận từ nhân dân. Người từng khẳng định: “Việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh”¹². Chính vì lấy dân làm gốc, Cách mạng tháng Tám đã không diễn ra như một cuộc đổ máu toàn diện, mà là một cuộc chuyển giao quyền lực mang tính chất đồng lòng, nhanh chóng, thể hiện rõ nét mối quan hệ mật thiết giữa Đảng - dân - quân. Đó là minh chứng cho thuyết phục cho đạo đức và uy tín chính trị của một phong trào cách mạng vì dân. Từ thành quả ấy, Nhà nước của dân, do dân, vì dân ra đời chính là hiện thân rõ ràng nhất cho một văn hóa chính trị cách mạng mang khát vọng độc lập, tự do. Cách mạng tháng Tám vì thế không chỉ để lại bài học về đấu tranh giành chính quyền, mà còn để lại một mô hình chính trị đặc sắc mang tính khai sáng, khẳng định vai trò trung tâm của nhân dân trong tiến trình lịch sử.

Đó là nền văn hóa đạo đức cách mạng - sức mạnh nội lực quyết định thắng lợi. Đó chính là nền văn hóa đạo đức cách mạng, nguồn nội lực tinh thần đóng vai trò quyết định trong mọi thắng lợi của cách mạng. Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh nội sinh ấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người từng khẳng định: “Đạo đức là gốc của người cách mạng”¹³, một quan niệm xuyên suốt, trở thành kim chỉ nam cho việc rèn luyện, tu dưỡng của mỗi cán bộ, đảng viên. Chính nhờ sự thấm nhuần sâu sắc các chuẩn mực đạo đức cách mạng mà Đảng ta đã xây dựng được đội ngũ cán bộ kiên trung, trong sạch, giàu lý tưởng, vừa có năng lực thực tiễn, vừa có phẩm chất đạo đức cao đẹp, luôn đặt lợi ích dân tộc, lợi ích nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời về sự thống nhất giữa lý luận và hành động, giữa đạo đức và phong cách sống giản dị, chân thành. Phong cách “nói đi đôi với làm” của Người không chỉ truyền cảm hứng mạnh mẽ mà còn trở thành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ cách mạng. Người cán bộ mang phẩm

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.5, tr.501 - 502, 333 - 335.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.6, tr.232.

¹² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.5, tr.298.

¹³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2021, t.11, tr.611.

chất đạo đức cách mạng không chỉ là người tổ chức, lãnh đạo mà còn là biểu tượng của tinh thần phụng sự, liêm chính và trách nhiệm. Từ đó có thể khẳng định rằng, văn hóa đạo đức cách mạng chính là nền tảng bền vững, là cội nguồn sức mạnh tạo nên đội ngũ cán bộ tận tâm, tận lực - một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và của cả sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Đây cũng là di sản tinh thần vô giá mà các thế hệ cán bộ hôm nay cần tiếp tục gìn giữ, phát huy để góp phần xây dựng một đất nước phát triển bền vững, phồn vinh và hạnh phúc.

Nhìn một cách tổng quát, nếu văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng thì Cách mạng tháng Tám thắng lợi là nhờ động lực văn hóa. Đó là sức mạnh văn hóa của cả dân tộc Việt Nam. Cách mạng tháng Tám thắng lợi mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đó vừa là cuộc cách mạng chính trị, vừa là cuộc cách mạng văn hóa. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là minh chứng cho thấy văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh có sức mạnh giáo dục, cảm hóa và động viên quần chúng nhân dân một cách sâu sắc. Nó không chỉ giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ mà còn giải phóng con người khỏi những xiềng xích của tư tưởng cũ, lạc hậu, mở ra một kỷ nguyên mới cho đất nước. Giá trị của Cách mạng tháng Tám, dưới lăng kính văn hóa Hồ Chí Minh góp phần định hình những giá trị văn hóa mới trong cuộc sống của người Việt Nam. Đây là di sản vô giá, tiếp tục soi sáng con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong mọi giai đoạn lịch sử.

KẾT LUẬN

Tiếp cận Cách mạng tháng Tám từ chiều sâu văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ góp phần làm sáng rõ tầm vóc lịch sử của một cuộc cách mạng vĩ đại, mà còn mở ra cách nhìn biện chứng và toàn diện về bản sắc riêng có của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ thiên tài của dân tộc, mà còn là người đã khơi nguồn cho một hệ giá trị cách mạng giàu tính nhân văn, trong đó văn hóa không đứng ngoài cuộc đấu tranh giành độc lập, mà trở thành nền tảng tinh thần và động lực cho sự phát triển. Chính những yếu tố văn hóa ấy đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để toàn dân tộc giành chính quyền trong một thời khắc lịch sử quyết định. Cách mạng tháng Tám không chỉ là sự kiện chấm dứt ách nô lệ mà còn là minh chứng hùng hồn cho vai trò dẫn đường của văn hóa trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

Di sản văn hóa Hồ Chí Minh và bài học về việc kiến tạo sức mạnh từ nền tảng văn hóa trong Cách mạng tháng Tám vẫn vẹn nguyên giá trị, soi sáng con đường phát triển bền vững và vì con người của đất nước ta ngày nay. Trong bối cảnh đất nước đang vươn mình trong kỷ nguyên mới với nhiều cơ hội và thách thức đan xen, việc kế thừa và phát huy giá trị văn hóa của Cách mạng tháng Tám theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là trách nhiệm đối với quá khứ, mà còn là đòi hỏi cấp thiết để xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc, nuôi dưỡng bản lĩnh chính trị, và phát triển con người Việt Nam toàn diện. Phát huy di sản văn hóa Hồ Chí Minh chính là khơi dậy nguồn nội lực to lớn trong mỗi người dân, hun đúc khát vọng cống hiến, từ đó cùng nhau dựng xây một nước Việt Nam hùng cường, dân chủ, văn minh và hạnh phúc trong thời đại mới.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

*TS. Nguyễn Thành Minh**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã mở ra bước ngoặt lịch sử vĩ đại cho dân tộc Việt Nam, đưa đất nước ta thoát khỏi ách xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp kéo dài hơn 80 năm, đồng thời lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại cả hàng ngàn năm, đưa nhân dân ta từ thân phận của những người bị áp bức, bị bóc lột, bị nô dịch trở thành người làm chủ đất nước. Cách mạng tháng Tám đã mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Quá trình chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám đi đến thắng lợi của Đảng ta đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu có giá trị bền vững. Một trong những bài học đó chính là quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng về vấn đề dân tộc thiểu số và đường lối cách mạng đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Chính sự đúng đắn, khoa học, sáng tạo và nhân văn trong quan điểm, đường lối cách mạng này đã tạo nên niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần đưa Cách mạng tháng Tám đi đến thắng lợi.

NỘI DUNG

Ngày 31/8/1958, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã dàn trận tại cửa biển Đà Nẵng bắt đầu cuộc chiến xâm lược nước ta. Trong gần 30 năm tiếp theo, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Nam Kỳ, Bắc Kỳ rồi tiến công vào kinh đô Huế, buộc triều đình nhà Nguyễn từng bước phải nhượng bộ. Đến năm 1884, thông qua Hiệp ước Giáp Thân, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã thừa nhận nền thống trị của thực dân Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Từ một quốc gia phong kiến độc lập Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam anh dũng, kiên cường, bất khuất không ngừng đứng lên chống lại sự thống trị của kẻ thù và lực lượng tay sai phản động. Tuy nhiên, do thiếu con đường đấu tranh đúng đắn, cách mạng và khoa học, do phải đương đầu với sự xâm lăng từ một nước phương Tây, hoàn toàn chiếm ưu thế về tiềm lực kinh tế, quân sự, nhất là về vũ khí, công nghệ quân sự mà tất cả các cuộc đấu tranh trước khi có Đảng (trước năm 1930) đều thất bại và chịu sự đàn áp dã man. Trước chính sách khai thác thuộc địa khốc liệt, chính sách chia để trị, chính sách kích động thù hằn dân tộc của thực dân Pháp, các dân tộc ở Việt Nam từ đồng bằng đến miền núi đều phải chịu thân phận nô lệ, bị bóc lột dã man đến tận cùng và tẩm tòi.

1. Nội dung quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số trước Cách mạng tháng Tám (1945)

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em trong đó có 53 dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống rải rác trên những vùng rừng núi của đất nước, nơi có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái. Tuy có tập quán, tâm lý, trình độ phát triển khác nhau nhưng các dân tộc đều là anh em một nhà, tương thân, tương ái, cùng tạo ra bản sắc văn hóa đặc trưng của Việt Nam trong nền văn hóa đa dạng của các tộc người.

Sự phát triển của lịch sử cộng đồng các dân tộc Việt Nam gắn liền với cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước, là lịch sử của tinh thần đoàn kết tạo nên sức mạnh to lớn để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Truyền thống đoàn kết đã trở thành bản sắc văn hóa

* Khoa Giáo dục chính trị, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

riêng của con người Việt Nam, nó được bắt nguồn từ hàng ngàn năm lịch sử và được nâng lên một tầm cao mới kể từ khi có sự lãnh đạo của Đảng.

Trong suốt giai đoạn lãnh đạo cách mạng Việt Nam kể từ khi ra đời (03/02/1930) cho đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xem vấn đề dân tộc thiểu số là vấn đề có vị trí chiến lược của sự nghiệp cách mạng, việc giải phóng đồng bào dân tộc thiểu số khỏi những áp bức bóc lột của thực dân phong kiến và sự nghèo nàn lạc hậu là nhiệm vụ lớn của cách mạng Việt Nam. Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc thiểu số giai đoạn này gồm những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, vạch trần âm mưu chia rẽ, đàn áp các dân tộc thiểu số của thực dân Pháp.

Khái quát bước đầu về tình hình các dân tộc ở Đông Dương, Trong Nghị quyết Chính trị của Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương, diễn ra từ ngày 27 - 31/3/1935 tại Ma Cao, Đảng ta khẳng định: “Đông - dương gồm 5 xứ (1), ước độ 22 triệu người, trong đó dân tộc Việt Nam ở 3 kỳ: Trung, Nam, Bắc choán 18 triệu, còn độ 4 triệu thì người Cao - miên hơn 2 triệu, Ai - lao độ 80 vạn, còn độ 1 triệu chia ra các dân tộc nhỏ khác rải rác ra các vùng Trung, Nam, Bắc - kỳ như: Thổ, Mường, Nùng, Mèo, Mán, Thái, Giao, Lô - lô,... (Bắc - kỳ) và Thượng, Kha, Chàm, Ra - đê,... Các điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội các xứ và các miền dân tộc thiểu số đều khác nhau”¹.

Từ khi thực dân Pháp áp đặt ách thống trị lên đất nước ta, chúng tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa khốc liệt nhằm tận lực vơ vét tài nguyên thiên nhiên và bóc lột nguồn lao động. Chúng thẳng tay đàn áp dã man những phong trào yêu nước, đòi tự do và bình đẳng. Thực dân Pháp thực hiện chính sách cô lập, chia rẽ gây kỳ thị dân tộc giữa đồng bào dân tộc thiểu số đối với người Kinh. Bên cạnh đó, chúng cũng ráo riết thực hiện chính sách tuyên truyền, bóp méo sự thật, mị dân để lừa phỉnh đồng bào dân tộc thiểu số. Ngay trong Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng ta đã khẳng định: “Từ lúc Đông Dương bị chiếm cứ, đế quốc chủ nghĩa vẫn thi hành chính sách chia rẽ và duy trì lòng ác cảm của dân tộc này đối với dân tộc khác, đế quốc chủ nghĩa chiếm đất đai của các dân tộc miền núi không chịu quy phục, đế quốc đã dã man bắn giết đàn áp thẳng tay, cố bịt mắt bùng tai họ”². Trong Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng ngày 6, 7, 8, 9 tháng 11 năm 1939, Đảng ta một lần nữa chỉ rõ chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với các dân tộc ở Đông Dương: “Khủng bố, lừa gạt chưa đủ, đế quốc Pháp còn dùng chính sách chia rẽ. Chia rẽ dân tộc Việt Nam với dân Việt Nam, chia rẽ dân Việt Nam với các dân tộc Miên - Lào và các dân tộc thiểu số khác (chúng lợi dụng người dân tộc này bắn người dân tộc kia)”³.

Từ việc chỉ rõ hoàn cảnh khốn cùng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và Đông Dương, Đảng Cộng sản Đông Dương đã vạch trần, tố cáo âm mưu và tội ác của Thực dân Pháp. Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định sự thống khổ của các dân tộc Đông Dương chính là kết quả của chính sách bóc lột phi nhân tính của chính quyền thuộc địa: “Các dân tộc nhỏ yếu ở Đông Dương dốt nát, chậm trễ, không phải vì bản tánh của họ mà chính vì chính sách dã man của đế quốc”⁴. Chính việc nhìn nhận rõ tình hình các dân tộc thiểu số ở Đông Dương cũng như vạch trần tội ác và âm mưu chia rẽ của thực dân Pháp đã giúp Đảng ta đưa ra được các khẩu hiệu đấu tranh

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.5, tr.69.

² Ủy ban Dân tộc: *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.9.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.6, tr.518.

⁴ Ủy ban Dân tộc: *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.10.

phù hợp với thực tiễn cách mạng, tập hợp lực lượng để tiến tới giành chính quyền và đặt ra những nhiệm vụ cần phải thực hiện đối với đông bào dân tộc thiểu số khi chính quyền cách mạng được thiết lập.

Thứ hai, kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, khẳng định ủng hộ quyền bình đẳng, quyền tự quyết và liên hiệp công nhân các dân tộc.

Ngay từ khi chủ nghĩa Mác ra đời, vấn đề dân tộc đã được đặt lên vị trí trung tâm trong chiến lược đấu tranh của giai cấp công nhân. Cùng với giai cấp, giải quyết vấn đề dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cuộc đấu tranh cách mạng.

Những quan điểm về vấn đề dân tộc của C. Mác và Ph.Ăngghen đã được Lênin kế thừa, bổ sung và phát triển thành những quan điểm chung của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc trong điều kiện đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. Trên cơ sở tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về vấn đề dân tộc, sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới cũng như cách mạng nước Nga và cả sự phân tích sâu sắc về hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, Lênin đã viết rất nhiều tác phẩm kinh điển về vấn đề dân tộc như: “Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc”, “Quyền dân tộc tự quyết”, “Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết”, “Tổng kết cuộc tranh luận về quyền dân tộc tự quyết”,... Đặc biệt tháng 7/1920, Lênin viết sơ thảo lần thứ nhất “những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” trình bày trong Đại hội II của Quốc tế cộng sản và được Đại hội thông qua, trở thành những chính sách của Quốc tế cộng sản về vấn đề dân tộc - thuộc địa. “Cương lĩnh dân tộc” của Đảng Cộng sản với ba nội dung cơ bản: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc có quyền tự quyết, liên hiệp công nhân các dân tộc lại.

Các dân tộc có quyền bình đẳng. Các dân tộc đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau trong quan hệ xã hội cũng như quan hệ quốc tế. Không có đặc quyền, đặc lợi của dân tộc này đối với dân tộc khác. Lênin đã chỉ ra rằng: “nguyên tắc bình đẳng hoàn toàn gắn liền chặt chẽ với việc đảm bảo quyền lợi của các dân tộc thiểu số...bất cứ một thứ đặc quyền nào dành cho một dân tộc, và bất cứ một sự vi phạm nào đến quyền lợi của một dân tộc thiểu số đều bị bác bỏ”⁵.

Các dân tộc có quyền tự quyết. Đây là nguyên tắc quan trọng thứ hai trong cương lĩnh dân tộc của Lênin. Thực chất đây là quyền làm chủ của một dân tộc, tự mình quyết định vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình, là giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và đi theo con đường tiến bộ xã hội. Lênin chỉ ra rằng: “Quyền dân tộc tự quyết hoàn toàn chỉ có nghĩa là các dân tộc có quyền độc lập về chính trị, có quyền tự do phân lập, về mặt chính trị, khỏi dân tộc áp bức họ. Nói một cách cụ thể, yêu sách đòi dân chủ chính trị đó có nghĩa là hoàn toàn tự do tuyên truyền cho việc phân lập và có nghĩa là giải quyết vấn đề phân lập bằng con đường trưng cầu dân ý trong dân tộc muốn phân lập. Như vậy là yêu sách đó hoàn toàn không đồng nghĩa với yêu sách đòi phân lập, phân tán thành lập những quốc gia nhỏ. Nó chỉ là biểu hiện triệt để của cuộc đấu tranh chống mọi áp bức dân tộc”⁶.

Liên hiệp công nhân các dân tộc lại. Theo Lênin thì đoàn kết công nhân tất cả các dân tộc lại chính là điều kiện thực hiện tốt các quan hệ dân tộc, thực hiện quyền bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết trên thực tế. Đây là liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống áp bức giai cấp và áp bức dân tộc vì sự giải phóng dân tộc và xã hội, là liên

⁵ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.24, tr.179.

⁶ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.27, tr.327.

minh của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

Kế thừa và phát triển những luận điểm về dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin trong hoàn cảnh cách mạng Việt Nam và Đông Dương, Đảng ta khẳng định quyền bình đẳng, quyền tự quyết và tinh thần đoàn kết các dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

Về quyền bình đẳng các dân tộc. Đảng ta đã khẳng định bình đẳng giữa các dân tộc là quyền tự nhiên của tất cả các dân tộc trên thế giới và trên cõi Đông Dương. Mặc dù Đông Dương có nhiều dân tộc khác nhau nhưng tất cả các dân tộc đều có quyền ngang nhau trong mọi lĩnh vực. Xét trên bình diện quốc tế, các dân tộc ở Đông Dương cũng có quyền và nghĩa vụ như các dân tộc lớn khác kể các dân tộc ở chính quốc. Đấu tranh vì bình đẳng cho các dân tộc ở Đông Dương được Đảng ta khẳng định là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết của cách mạng. Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định Đảng Cộng sản đấu tranh cho: “Sự bình đẳng hoàn toàn của các dân tộc”⁷...”Trong một vùng có nhiều dân tộc sinh sống và nhất là ở Đông Dương, nơi có không ít dân tộc nhỏ với dân số chỉ mấy ngàn người thì khẩu hiệu “Quyền tự quyết cho đến độc lập dân tộc” là chưa đủ, nó phải được bổ sung bằng khẩu hiệu “Bình đẳng dân tộc”⁸.

Từ đó, Đảng ta chủ trương đấu tranh nhằm thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc. Nghị quyết về công tác trong các dân tộc thiểu số của Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định: “Đảng Cộng sản thừa nhận cho các dân tộc được quyền tự do hoàn toàn. Đảng chống chế độ thuộc địa, chống hết các hình thức trực tiếp và gián tiếp đem dân tộc này đàn áp bóc lột dân tộc khác”⁹.

Bên cạnh quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tự quyết của các dân tộc cũng là quyền không thể tách rời của các dân tộc. Quyền tự quyết của các dân tộc đã được Đảng ta đưa ra từ những ngày đầu thành lập Đảng. Nghị quyết về công tác dân tộc thiểu số ngày 28/3/1935, Đảng ta đã đưa ra “khẩu hiệu cho các dân tộc tự quyết”. Khẩu hiệu này không chỉ đáp ứng đúng tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam mà còn được sự đồng thuận và ủng hộ của Quốc tế Cộng sản. “Đảng Đại hội công nhận khẩu hiệu “cho các dân tộc được quyền tự quyết” đã đề xướng năm 1932 trong Chương trình hành động của Đảng và đã được Quốc tế Cộng sản hoàn toàn đồng ý”.

Nghị quyết về công tác dân tộc thiểu số ngày 28/3/1935, Đảng ta cũng đã giải thích quyền tự quyết của các dân tộc ở Đông Dương bao gồm: “Đảng Cộng sản thừa nhận quyền tự do hoàn toàn”. Đảng Cộng sản Đông Dương cũng khẳng định quyền tự quyết của các dân tộc ở Đông Dương là quyền tự quyết định vận mệnh và con đường đi của dân tộc mình. Quyền đó bao gồm cả việc Đảng Cộng sản thừa nhận ủng hộ các dân tộc ở Đông Dương sau khi đánh đổ được thực dân Pháp tự do lựa chọn chính thể theo ý chí của họ. Các dân tộc có thể ở trong Liên bang Cộng hòa Xô viết Đông Dương hoặc tách ra thành nhà nước độc lập và theo bất cứ chính thể nào họ muốn. Đảng Cộng sản ủng hộ các dân tộc tham gia Liên bang Cộng hòa Xô viết Đông Dương vì lợi ích của các dân tộc và tăng cường sức mạnh của khối đoàn kết nhằm chống lại “quân thù giai cấp” để xây dựng xã hội chủ nghĩa. Liên bang Cộng hòa Xô viết Đông Dương sẽ được xây dựng dựa trên nguyên tắc “chân thật, tự do và bình đẳng”, “các dân tộc ở liên bang được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm như nhau”.

Đảng Cộng sản Đông Dương đặc biệt ủng hộ liên minh giữa các dân tộc trên tinh thần của giai cấp công nhân. Trước hết là liên minh giữa những dân tộc ở Liên bang

⁷ Ủy ban Dân tộc: *Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.20.

⁸ Ủy ban Dân tộc: *Sdd*, 2013, tr.20.

⁹ Ủy ban Dân tộc: *Sdd*, 2013, tr.14.

Đông Dương sau đó là mối liên hệ với các dân tộc khác trên thế giới. Trên tinh thần quốc tế trong sáng của giai cấp vô sản, Đảng Cộng sản Đông Dương luôn khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, các dân tộc Việt Nam và Đông Dương sẽ có mối quan hệ tốt đẹp với các dân tộc khác trên thế giới để đấu tranh chống lại thực dân đế quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội nghị Trung ương lần thứ tám của Đảng đã khẳng định: “Cuộc cách mạng Đông Dương là một bộ phận cách mạng thế giới và giai đoạn hiện tại là một bộ phận dân chủ chống phát xít. Bởi vì Pháp - Nhật hiện nay là một bộ phận đế quốc xâm lược và là một bộ phận phát xít thế giới”¹⁰. Liên hiệp công nhân các dân tộc lại phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp lao động rộng rãi thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Đây chính là sự khẳng định nhất quán của Đảng ta không chỉ trong những ngày đầu chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám mà trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng.

Thứ ba, chỉ ra mục tiêu và quyết tâm giải phóng các dân tộc thiểu số của cách mạng Đông Dương.

Mục tiêu chính của cách mạng là giải phóng hoàn toàn các dân tộc ở Việt Nam và Đông Dương để các dân tộc đó có quyền tự quyết, quyền bình đẳng và sự tự chủ trong việc tham gia liên hiệp công nhân các dân tộc để tiếp tục đấu tranh vì sự tiến bộ của các dân tộc. Đảng ta đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến quyền lợi của các dân tộc thiểu số ngay từ những ngày đầu cách mạng. Đảng chỉ ra chính sách “ngu dân”, sự áp bức, nô dịch và những âm mưu gây chia rẽ thù hằn giữa các dân tộc của thực dân Pháp và tay sai là nguyên nhân dẫn đến sự bần cùng của các dân tộc ở Việt Nam và Đông Dương.

Để giải quyết triệt để thực trạng bệ tắc và cùng quẫn của các dân tộc ở Việt Nam và Đông Dương, chỉ có duy nhất là đoàn kết các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đấu tranh giải phóng các dân tộc thoát khỏi ách thống trị của thực dân đế quốc và bè lũ tay sai và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định: “Vấn đề dân tộc là một vấn đề quan trọng của cách mạng Đông Dương. Nếu những dân tộc này được giải phóng khỏi kiếp ngựa trâu thì sẽ có thể mở đầu thắng lợi hoàn toàn cuộc cách mạng tư sản dân chủ”¹¹. Sẽ không có những quyền bình đẳng, tự quyết của các dân tộc nếu như những dân tộc ấy vẫn phải chịu sự nô dịch của thực dân đế quốc. Đảng ta chủ trương đấu tranh chống đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến tới xã hội cộng sản. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng năm 1930 đã xác định chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đây chính là con đường cách mạng của Việt Nam - con đường để đưa các dân tộc thiểu số được hoàn toàn bình đẳng, tự quyết và phát triển.

Thứ tư, chủ trương phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số làm nòng cốt cho cách mạng.

Trong hệ thống các chủ trương chính sách dân tộc của Đảng, chính sách cán bộ dân tộc thiểu số đóng vai trò rất quan trọng bởi vì cán bộ chính là chìa khóa cho thành công hay thất bại của mọi công việc. Vì thế, ngay từ những ngày đầu thành lập, Đảng ta đã rất quan tâm đến việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số làm nền tảng cho các phong trào cách mạng ở miền núi.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (tháng 3/1935), Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Nghị quyết về công tác trong các dân tộc thiểu số. Đây là nghị quyết đầu tiên của Đảng

¹⁰ Ủy ban Dân tộc: *Sđd*, 2013, tr.32.

¹¹ Ủy ban Dân tộc: *Sđd*, 2013, tr.19.

về công tác dân tộc thiểu số. Nghị quyết có bốn nội dung chính: 1. Sự sinh hoạt kinh tế, chính trị và xã hội của dân chúng lao động các dân tộc thiểu số. 2. Vận động giải phóng các dân tộc thiểu số. 3. Khẩu hiệu cho các dân tộc được quyền tự quyết. 4. Nhiệm vụ cần kíp. Riêng về vấn đề phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, Nghị quyết đã ghi nhận những thành tựu bước đầu: “Công nông các dân tộc thiểu số chẳng những đã vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản và các đoàn thể cách mạng khác do đảng chỉ đạo mà thôi, mà họ đã giữ một địa vị rất quan trọng trong cơ quan chỉ đạo từ hạ cấp tới thượng cấp”¹². Đây chính là lực lượng nòng cốt trong công tác dân vận, xây dựng, phát triển phong trào cách mạng ở vùng miền núi. Trên cơ sở ban đầu đó, Nghị quyết cũng chỉ ra nhiệm vụ cấp bách cần phải thực hiện đó là cần đẩy mạnh phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, vận động đồng bào dân tộc tham gia các tổ chức cách mạng, củng cố vững chắc cơ sở cách mạng: “Phải nỗ lực tổ chức quần chúng lao động các dân tộc ấy vào Đảng, Công hội, Nông hội, Phản đế liên minh,... cho đông”¹³.

Trên tinh thần của Cương lĩnh chính trị và Nghị quyết về công tác dân tộc thiểu số (1935), Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng ngày 6, 7, 8 tháng 11/1939 tiếp tục khẳng định nhiệm vụ phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số là phải tổ chức cho được những phần tử hăng hái của các dân tộc thiểu số vào Đảng. Có như thế mới tạo ra một lực lượng nòng cốt để tiến hành vận động đồng bào các dân tộc thiểu số đoàn kết thực hiện những nhiệm vụ cách mạng.

Như vậy, trong những ngày đầu cách mạng, vấn đề xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số đã được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng giúp Đảng ta xây dựng được cơ sở cách mạng vững chắc ở những vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã trở thành căn cứ cách mạng, là bàn đạp cho những bước nhảy vọt thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong đó có Cách mạng tháng Tám.

2. Ý nghĩa lịch sử của quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc thiểu số trước Cách mạng tháng Tám (1945)

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã chỉ rõ nguyên nhân của tình trạng bần cùng, nghèo nàn, lạc hậu của các dân tộc thiểu số đã tồn tại lâu dài dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Đó là chính sách bóc lột tàn bạo, chính sách chia để trị, chính sách cô lập miền núi với vùng đồng bằng thành thị, chính sách dùng người của dân tộc này đàn áp, bắn giết người dân tộc khác của thực dân Pháp. Chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến thực trạng bần cùng của các dân tộc thiểu số dưới ách thống trị của thực dân và phong kiến giúp Đảng ta nhận diện rõ vấn đề dân tộc trước cách mạng, tập hợp lực lượng và đưa ra mục tiêu, phương hướng đấu tranh đúng đắn nhằm xóa bỏ ách thống trị của thực dân Pháp và tay sai phong kiến, giải phóng các dân tộc.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số phù hợp với nguyện vọng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Trải qua cả trăm năm chịu sự nô dịch của thực dân Pháp và triều đình phong kiến, các dân tộc Việt Nam rơi vào cảnh cùng quẫn, cơ cực, mất hết quyền tự do, dân chủ. Đồng bào các dân tộc thiểu số mong muốn thoát khỏi kiếp làm than, nô lệ; mong muốn được làm chủ cuộc sống, không còn bị đàn áp, cướp bóc hay bắt phu, bắt lính, phu phen, tạp dịch... và trên hết là mong muốn được đối xử công bằng được sống tự do và mưu cầu hạnh phúc. Tuy nhiên, tất cả những

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.73.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.5, tr.74.

nguyên vọng chính đáng trên đã bị khước từ bằng những chính sách phản động của thực dân - phong kiến. Những phong trào yêu nước trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có sự hưởng ứng của đông bào dân tộc thiểu số đều đi vào ngõ cụt và thất bại. Vì vậy, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số với những nguyên tắc tiến bộ của chủ nghĩa Mác - Lênin như: bình đẳng, tự quyết và liên hiệp công nhân các dân tộc; với mong muốn đưa các dân tộc thiểu số thoát khỏi áp bức, bóc lột để hướng đến tự do, bình đẳng, tiến bộ và phát triển... đã đáp ứng nguyện vọng của các dân tộc thiểu số để đông bào dân tộc thiểu số tin và đi theo cách mạng, chở che và bảo vệ cách mạng.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số đã thể hiện tính tiến bộ và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. Tính tiến bộ và nhân văn đó được thể hiện thông qua việc thừa nhận và ủng hộ mạnh mẽ quyền bình đẳng tộc người, chống lại sự kỳ thị dân tộc; chủ nghĩa Mác - Lênin cũng khẳng định sự ủng hộ các dân tộc có quyền tự quyết định vận mệnh của mình và mong muốn hòa hợp, đoàn kết các dân tộc dưới ngọn cờ của giai cấp công nhân. Trong bối cảnh những năm đầu thế kỷ XX, có khoảng 165 đến 180 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới (khoảng 85 đến 90% dân số thế giới) từng bị chiếm đóng hoặc trở thành thuộc địa thì những tư tưởng tiến bộ và nhân văn về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành động lực cho cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong đó có Việt Nam. Đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, vấn đề dân tộc luôn luôn được xem xét trong mối liên hệ chặt chẽ với vấn đề giai cấp, đấu tranh giải phóng dân tộc gắn liền với đấu tranh giai cấp. Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam, linh hoạt kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn lịch sử - xã hội của Việt Nam, từ đó đưa ra đường lối cách mạng phù hợp, hiệu quả. Đó là con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc lãnh đạo nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc thiểu số đã góp phần củng cố sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân tộc trước Cách mạng tháng Tám. Tinh thần đoàn kết là truyền thống quý báu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được hình thành và củng cố suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Tinh thần đoàn kết đó đã được nâng lên một tầm cao mới từ khi có Đảng. Dưới sự soi sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là trung tâm tập hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam với quan điểm nhân văn, tiến bộ và cách mạng về vấn đề dân tộc đã đáp ứng nguyện vọng của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Đảng cương quyết đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân chủ và giàu mạnh của đất nước. Đây cũng chính là nguyện vọng của tất cả các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam là trung tâm tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì có đường lối đúng đắn, đại diện cho lợi ích dân tộc, luôn gắn bó với nhân dân và giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống chính trị. Đó là nhân tố quyết định để quy tụ, phát huy và tổ chức hiệu quả sức mạnh của toàn dân tộc, là động lực lớn cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

KẾT LUẬN

Từ những ngày đầu thành lập, trong các cương lĩnh đầu tiên Đảng ta đã rất quan tâm đến vấn đề dân tộc thiểu số. Kế thừa và phát triển sáng tạo những nội dung cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin như: các dân tộc có quyền bình

đảng, các dân tộc có quyền tự quyết và đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc lại, Đảng ta đã xây dựng đường lối, chính sách dân tộc ở Việt Nam và Đông Dương trong quá trình đấu tranh giành chính quyền. Và ngay từ giai đoạn đầu tiên này, đường lối, chính sách dân tộc của Đảng đã thể hiện rõ nét sự tiến bộ, khoa học và phát triển. Có thể thấy, tinh thần bình đẳng, đoàn kết và tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc đã được Đảng khẳng định trong đường lối của mình từ những ngày mới thành lập. Đây chính là mục tiêu và cũng là động lực to lớn góp phần vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc thiểu số có ý nghĩa lịch sử quan trọng, thể hiện sự công nhận và tôn trọng quyền tự quyết, bình đẳng của các dân tộc thiểu số và tạo tiền đề cho việc xây dựng một Việt Nam thống nhất, độc lập, tự do và hạnh phúc.

CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Chí Ngàn*

MỞ ĐẦU

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 53 tộc người thiểu số sống trên mọi miền đất nước. Các tộc người thiểu số ở Việt Nam có những đặc điểm riêng so với các quốc gia khác trên thế giới như: có mối quan hệ khăng khít, gắn bó lâu dài trong lịch sử; các tộc người sống xen kẽ lẫn nhau; có trình độ phát triển kinh tế xã hội không đồng đều; có nền văn hóa thống nhất trong đa dạng và tuy dân số chỉ chiếm hơn 13% nhưng các tộc người thiểu số lại cư trú trên các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh. Vì vậy, vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc luôn có vai trò và vị trí quan trọng trong đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ.

Cách mạng tháng Tám thành công đánh dấu một mốc cực kỳ quan trọng, là trang sử vàng của lịch sử Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới cho đất nước - kỷ nguyên của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cách mạng tháng Tám thắng lợi xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó việc xác định vấn đề dân tộc đúng đắn đã góp phần khẳng định tính nhất quán trong chính sách dân tộc của Đảng tuân thủ nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết, tương trợ trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Điều này đã góp phần tạo nên thắng lợi vẻ vang của Cách mạng tháng Tám, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm trong xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân hiện nay.

NỘI DUNG

1. Công tác tộc người thiểu số trước Cách mạng tháng Tám

Trong các đặc điểm phân bố tộc người ở Việt Nam có hai đặc điểm đáng lưu ý: các tộc người thiểu số ở Việt Nam sống xen kẽ lẫn nhau và mặc dù chiếm số lượng ít nhưng phần lớn các tộc người thiểu số sinh tụ ở vùng sâu, vùng xa, biên giới trên khắp cả nước. Quá trình sống xen kẽ lẫn nhau tạo nên mối đoàn kết gắn bó một cách mật thiết giữa các tộc người; và sự hiện diện ở khắp các vùng miền, đặc biệt là Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long; là những địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế đã khẳng định vai trò trọng yếu của các tộc người thiểu số trong quá trình lịch sử xây dựng bảo vệ đất nước¹.

Trước khi Đảng thành lập, nhiều cuộc khởi nghĩa, phong trào yêu nước ở các vùng núi thuộc nơi cư trú của các tộc người thiểu số đã nổ ra mạnh mẽ, gây được nhiều tiếng vang; tuy về cơ bản đều thất bại nhưng đã cho thấy ý chí đấu tranh, sức mạnh đoàn kết và tinh thần yêu nước của các tộc người thiểu số. Nhận thức rõ được vai trò của các tộc người thiểu số, nhất là ở Tây Bắc, vùng đất có vị trí mang tính chiến lược; trong nội dung của Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương, bên cạnh những nhiệm vụ trọng tâm, Đảng đã chỉ ra *Những điều yêu cầu của các dân tộc thiểu số Đông Dương* như sau: “Từ lúc Đông Dương bị chiếm cứ, đế quốc chủ nghĩa vẫn thi hành chính sách chia rẽ và duy trì lòng ác cảm của dân tộc này với dân tộc khác. Đế quốc chủ nghĩa chiếm đoạt đất đai của các dân tộc ở miền núi không chịu quy phục. Các dân tộc nhỏ yếu ở Đông

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Nguyễn Chí Ngàn: “Chính sách dân tộc thiểu số (1960 - 1975) theo tinh thần Nghị quyết số 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa II (1959). *Kỷ yếu Hội thảo Nghị quyết số 15 của Đảng (1959) với Cách mạng Việt Nam*, Trường Đại học Khoa học Huế, 2024, tr.273.

Dương đốt nát chậm trễ, không phải vì bản tánh của họ, mà vì chính sách dã man của đế quốc... Đảng kêu gọi các dân tộc thiểu số đồng dậy lên: - Đánh đổ chính sách chia rẽ, chính sách gây oán sinh thù của đế quốc chủ nghĩa!”².

Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định vai trò của đoàn kết dân tộc, trong đó đoàn kết các tộc người thiểu số đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập là vấn đề bức thiết và cấp bách nhằm chống lại âm mưu chia rẽ của kẻ thù. Vì vậy, ngay từ những ngày đầu, đồng bào các tộc người thiểu số đã có nhiều người tham gia và trở thành nòng cốt của Đảng trong đó phải kể đến các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hoàng Đình Gióng, Hoàng Như thuộc tộc người Tày.

Nhờ có sự tham gia tích cực của các đồng chí đảng viên là tộc người thiểu số; chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ trương của Đảng ngay từ những ngày đầu đã được tuyên truyền sâu rộng đến miền rừng núi, là những nơi có địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng và đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận. Nhiều cơ sở cách mạng đáng tin cậy đã được thành lập ở vùng đồng bào các tộc người thiểu số, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động của cán bộ cách mạng, tiêu biểu như trường hợp anh Lò Văn Giá, người dân tộc Thái ở xã Chiềng An (thị xã Sơn La)³. Ở khu vực miền Trung, nơi có nhà tù Lao Bảo nổi tiếng, nhiều chiến sĩ cách mạng vượt ngục đã được người Bru - Vân Kiều, Tà Ôi giúp đỡ, đào thoát thành công. Ở miền Nam, sau này trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, Trung ương Đảng khẳng định các tộc người thiểu số ở miền Nam Việt Nam “sống trên một vùng rừng núi rộng lớn (2/3 của đất đai miền Nam), ở vào một vị trí chiến lược rất quan trọng. Họ có truyền thống chống ngoại xâm, trước đây đã cùng với toàn dân đoàn kết, đấu tranh trong Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng”⁴.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ vào ngày 27/09/1940, sự nổi dậy của các tộc người thiểu số nơi đây đã góp phần xóa bỏ chính quyền tay sai, thành lập đội du kích hơn 200 người, là tiền đề cho việc thành lập các đội Cứu quốc quân và chính quyền cách mạng. Chỗ dựa chính trị vững chắc giúp hoạt động cách mạng ở chiến khu (vùng dân tộc thiểu số) đứng vững trước hành động khủng bố trắng của thực dân Pháp, trở thành những căn cứ lớn của cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa. Du kích Bắc Sơn mà nòng cốt phần lớn thuộc các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc đã phát triển thành Cứu quốc quân, một trong những đội quân tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, theo chỉ đạo của Trung ương Đảng, căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai đã hình thành. Tháng 2/1941, ngay khi về nước Bác Hồ đã chỉ đạo xây dựng thêm căn cứ địa ở Cao Bằng. Hai căn cứ địa ngày càng được mở rộng, hình thành nên khu giải phóng rộng lớn trên địa bàn 6 tỉnh Việt Bắc và một phần các tỉnh Phú Thọ, Bắc Giang, Yên Bái, Vĩnh Yên. Không phải ngẫu nhiên mà sau hơn 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, ngày 28/1/1941, Bác Hồ chọn Cao Bằng làm nơi dừng chân ban đầu, trực tiếp

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập (1932 - 1934)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.4, tr.27.

³ Anh Lò Văn Giá thạo địa hình Tây Bắc đã được chọn làm người đưa đường cho cuộc vượt ngục của 4 đồng chí: Trần Đăng Ninh, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Văn Trân và Lưu Đức Hiểu. Sau khi đưa được 4 đồng chí đến nơi an toàn; anh Lò Văn Giá đã bị thực dân Pháp bắt; mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng anh vẫn nhất mực không khai. Sau thời gian bị giam cầm, thực dân Pháp đã lén lút thủ tiêu anh. Với công lao đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, anh Lò Văn Giá đã được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân ngày 20/12/1994.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà*, truy cập tại:

<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-ii/ngphi-quyet-hoi-nghi-trung-uong-lan-thu-15-mo-rong-ve-tang-cuong-doan-ket-kien-quyet-dau-tranh-giu-vung-hoa-binh-thuc-805>

chỉ đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc. Tây Bắc ngoài việc có vị trí địa chiến lược, còn là vùng sinh tụ chủ yếu của các tộc người: Thái, Mông, Mường, Tày, Nùng, Dao... vốn dĩ từ lâu đã có sự gắn bó mật thiết với các phong trào yêu nước, với cách mạng Việt Nam và nhất là có ý chí đấu tranh, sức mạnh đoàn kết cùng tinh thần yêu nước của các tộc người thiểu số nơi đây.

2. Vai trò của các tộc người thiểu số trong Cách mạng tháng Tám

Trước khi Cách mạng tháng Tám nổ ra, hàng loạt căn cứ cách mạng đã được hình thành ở các vùng tộc người thiểu số, trong đó quan trọng nhất là căn cứ địa Việt Bắc. Những cơ sở và căn cứ địa cách mạng ở vùng các tộc người thiểu số đóng vai trò trọng yếu trong thành công của Cách mạng tháng Tám (cũng như trong suốt 2 cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc sau này). Ngày 22/12/1944, chính nhờ có sự tích cực chuẩn bị về lực lượng và căn cứ từ trước, tại Cao Bằng, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam) được thành lập ở rừng Trần Hưng Đạo. Trong 34 chiến sĩ đầu tiên, có 29 chiến sĩ thuộc các tộc người thiểu số. Đây chính là những hạt nhân xây dựng nền móng để sau này phát triển thành lực lượng vũ trang lớn mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày 16/8/1945, tại căn cứ địa cách mạng Việt Bắc, Quốc dân Đại hội thành lập Chính phủ lâm thời ra lệnh tổng khởi nghĩa. Cuộc Cách mạng tháng Tám nhanh chóng lan rộng trên khắp mọi miền đất nước và đã giành được thắng lợi rực rỡ, lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Cách mạng tháng Tám thành công đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử Việt Nam, là công lao chung của các giai tầng trong xã hội, trong đó có sự đóng góp tích cực của đồng bào các tộc người thiểu số về sức người, sức của.

Sự đoàn kết dân tộc và hoạt động cách mạng ở vùng tộc người thiểu số đã góp phần quan trọng để Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Điều đó đã được minh chứng thông qua việc chỉ hơn một tháng sau khi tuyên bố Việt Nam độc lập, vào ngày 18/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư gửi cho đồng bào các tộc người thiểu số ở tỉnh Lào Cai. Trong thư, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đồng bào chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ, phải tranh đấu đến kỳ cùng để mưu tự do hạnh phúc cho dân tộc... Tất cả nhân dân Lào Cai, không phân biệt trai gái, già trẻ, giàu nghèo, lương giáo, không phân biệt Mán, Mường, Mèo,... cùng nhau hăng hái đứng lên phấn đấu để củng cố nền độc lập của nước nhà và xây dựng nền hạnh phúc tự do cho dân chúng.”⁵

Tiếp đó, hơn một tháng sau, trong “*Bài nói chuyện với đoàn đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Tuyên Quang*” vào ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại lần nữa khẳng định tinh thần đoàn kết giữa các tộc người trong cả nước: “Tuy ta được độc lập, nhưng dân ta sẽ còn gặp phải rất nhiều nỗi khó khăn, còn phải hy sinh phấn đấu nhiều hơn nữa. Từ người giàu cho chí kẻ nghèo cần phải một lòng giữ vững nền độc lập, chống bọn Pháp muốn trở lại nước ta lần nữa. Bao giờ bọn giặc Pháp không trở lại được nữa, đồng bào Kinh sẽ được rảnh rang giúp đồng bào Thổ, Mán nhiều hơn. Chính phủ cũng sẽ giúp cho đồng bào Thổ, Mán như sẽ giúp cho các dân tộc nhỏ khác được có đủ ruộng làm, đủ trâu bò cày,...”⁶.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của các tộc người thiểu số ở Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám, chỉ hơn 3 tháng sau ngày giành được chính quyền và thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chính phủ đã sớm tổ chức *Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số*

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, 2011, t.4, tr.67.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.119.

Việt Nam (03/12/1945). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục nhấn mạnh vấn đề phải xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số: “Nhờ sức đoàn kết trong đấu tranh của tất cả các dân tộc, nước Việt Nam ngày nay được độc lập, các dân tộc thiểu số được bình đẳng cùng dân tộc Việt Nam, tất cả đều như anh chị em trong một nhà, không có sự phân chia nòi giống, tiếng nói gì nữa. Trước kia, các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa”⁷.

Ngày 19/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo Chính phủ tiến hành Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam, tổ chức tại Pleiku. Do không vào được vì công việc của những ngày đầu thành lập nước, Người đã viết thư gửi Đại hội: “Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau. Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu giấy liên lạc, hai là vì có kẻ xúi giục để chia rẽ chúng ta. Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có “Nha Dân tộc thiểu số” để săn sóc cho tất cả các đồng bào. Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta. Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta...”⁸.

Sự quan tâm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với các tộc người thiểu số ngay sau Cách mạng tháng Tám đã cho thấy nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc luôn luôn được Đảng thực hiện một cách nhất quán suốt từ những ngày đầu thành lập cho đến hiện nay.

3. Chính sách đoàn kết của Đảng đối với các tộc người thiểu số hiện nay

Xuyên suốt chặng đường lịch sử, nhất là qua thành công của Cách mạng tháng Tám và thắng lợi của hai cuộc kháng chiến, các tộc người thiểu số luôn đóng vai trò không nhỏ; vì vậy vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam đặt làm trọng tâm qua các kỳ Đại hội, cụ thể “vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, phát triển kinh tế đảm bảo với an ninh, quốc phòng. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc”⁹.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.130.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.217 - 218.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.121 - 122.

Trong quá trình hoạch định chính sách cho cả nước, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm xây dựng chính sách cho vùng các tộc người thiểu số và miền núi. Điều này được thể hiện qua các chính sách cụ thể về kinh tế, văn hóa, giáo dục, an sinh xã hội và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng. Chính sách đại đoàn kết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam luôn tập trung bảo vệ quyền lợi chính đáng, xây dựng môi trường hòa bình, ổn định, phát triển toàn diện và bình đẳng cho các cộng đồng tộc người thiểu số. Giai đoạn hiện nay, để tăng cường hơn nữa khối Đại đoàn kết dân tộc, nhiều chính sách lớn về phát triển kinh tế, xã hội vùng tộc người thiểu số và miền núi đã được ban hành thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước thông qua các văn bản chỉ đạo như *Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019* của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII, XIII luôn xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị. Quốc hội khóa XIV đã phê duyệt *Nghị quyết số 88/2019/QH14* ngày 18/11/2019 về *Đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*; *Nghị quyết số 120/2020/QH14* ngày 19/06/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1014/QĐ-TTg ngày 14/07/2020 về thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương *Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*.

Thông qua thực hiện các chính sách; Nhà nước ta đã và đang đẩy mạnh các dự án phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa. Các giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số được ưu tiên bảo tồn và phát huy, việc sử dụng ngôn ngữ, giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người được khuyến khích. Chất lượng giáo dục được chú trọng nâng cao, mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho các tộc người thiểu số, phát triển trình độ dân trí của người dân ở các vùng sâu, vùng xa. Tập trung xây dựng hệ thống an sinh xã hội đầy đủ, các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ cộng đồng đối với vùng các tộc người thiểu số được đảm bảo. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các tộc người thiểu số được tôn trọng, góp phần bảo tồn và phát huy các phong tục, tập quán truyền thống tốt đẹp... Đặc biệt, việc tăng cường sự tham gia của đại diện tộc người thiểu số vào cơ quan lập pháp, chính quyền địa phương đã tạo điều kiện cho đồng bào các tộc người thiểu số phát huy năng lực, đóng góp cho sự phát triển đất nước.

KẾT LUẬN

Theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, khối Đại đoàn kết dân tộc, với nhiệm vụ chính là đoàn kết các dân tộc đã được phát huy tối đa qua các thời kỳ, để lại nhiều bài học kinh nghiệm về lý luận và thực tiễn. Hiện nay, chính sách đoàn kết dân tộc trong đó có các tộc người thiểu số vẫn còn giữ nguyên giá trị; Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, tập trung các nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế, xã hội nâng cao đời sống của đồng bào các tộc người thiểu số, vừa đảm bảo phát triển bền vững gắn liền với an sinh xã hội, vừa gắn liền ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, đáp ứng yêu cầu phát triển của các tộc người thiểu số ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

TỪ ĐỘC LẬP DÂN TỘC ĐẾN HỘI NHẬP QUỐC TẾ: HÀNH TRÌNH VƯỜN MÌNH CỦA NGOẠI GIAO VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

*ThS. Nguyễn Thị Thu Hà**

MỞ ĐẦU

Xuyên suốt chiều dài lịch sử 80 năm độc lập của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác đối ngoại, ngoại giao Việt Nam đã đóng góp quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược mà Đảng xác định. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi này đã tạo động lực để dân tộc ta đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Trước thềm kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc, trước thách thức, cơ hội mới, đối ngoại Việt Nam sẽ tiếp nối truyền thống, tiếp nối thành quả đã đạt được trong chặng đường tám thập niên qua, tiếp tục đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò, góp phần đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững. Tư tưởng độc lập, tự chủ trong đối ngoại và hợp tác quốc tế đã trở thành “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt các hoạt động đối ngoại từ khi lập quốc đến nay.

NỘI DUNG

Ngoại giao Việt Nam hiện đại bắt đầu từ cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á được thành lập. Trong điều kiện trực tiếp lãnh đạo chính quyền, Đảng Cộng sản Đông Dương đã hoạch định đường lối đối ngoại với phương châm: nền ngoại giao Việt Nam quán triệt quan điểm: độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Ngay từ những ngày đầu lập nước, trong bức thư gửi Tổng Thư ký Liên hợp quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ tinh thần: “Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”¹. Tư tưởng coi trọng hợp tác đa phương đã được Đảng ta kế thừa và phát triển thể hiện qua chủ trương, định hướng về đối ngoại đa phương trong mỗi giai đoạn phát triển của đất nước. Đây có thể được coi là “bản tuyên ngôn” đầu tiên về cách tiếp cận của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với cộng đồng quốc tế.

Trong những năm 1945 - 1946: Đây là thời kỳ cực kỳ khó khăn của đất nước nói chung và ngoại giao Việt Nam nói riêng. Nhà nước độc lập non trẻ đứng trước vô vàn thử thách (chính quyền vừa ra đời, kinh tế đình đốn, ngân sách trống rỗng, chưa được nước nào công nhận, thiên tai liên miên, đặc biệt là 30 vạn thù trong, giặc ngoài). Nước ta lâm vào tình cảnh ngàn cân treo sợi tóc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam đã thực hiện những sách lược hết sức đúng đắn, khôn khéo vừa kiên quyết vừa linh hoạt: lúc hòa với Tưởng, tập trung sức chống Pháp xâm lược ở miền Nam, rồi hoà với Pháp với việc ký kết Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 để đuổi Tưởng về nước, góp phần giữ vững Nhà nước độc lập non trẻ. Thành công ở giai đoạn này là nhờ nhận thức đúng tình thế và so sánh lực lượng; kiên trì phương châm “thêm bạn, bớt thù”, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương, tránh đối phó cùng lúc với nhiều kẻ thù; nhân nhượng có nguyên tắc, kéo dài hoà hoãn để củng cố lực lượng cách mạng. Những tư tưởng chỉ đạo này

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.523.

không chỉ tạo nền móng vững chắc cho việc hoạch định đường lối đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến, mà còn tiếp tục là kim chỉ nam cho hoạt động ngoại giao Việt Nam trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước sau này.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1946 - 1975), hoạt động đối ngoại, đấu tranh ngoại giao trở thành một bộ phận quan trọng của hai cuộc kháng chiến. Việt Nam đã mong muốn thiết lập quan hệ ngoại giao bình đẳng với Pháp và Mỹ nhưng cả hai thực dân cũ và mới này đều muốn biến Việt Nam thành thuộc địa của riêng mình. Chúng đã khước từ, bỏ lơ mọi nỗ lực ngoại giao của Đảng, Nhà nước Việt Nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gây ra hai cuộc chiến tranh thảm khốc kéo dài gần một phần ba thế kỷ. Với đường lối đối ngoại đúng đắn, Đảng ta đã xây dựng được một mặt trận nhân dân thế giới rộng rãi, đoàn kết và ủng hộ Việt Nam chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Mặt trận đó gồm: các nước xã hội chủ nghĩa, các nước độc lập dân tộc, các lực lượng yêu chuộng hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới, trong đó có cả bộ phận nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ. Cách mạng Việt Nam đã tranh thủ, tập hợp được một lực lượng quốc tế mạnh mẽ góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Hiệp định Giơnevơ (1954) và Hiệp định Paris (1973) là minh chứng cho những nỗ lực ngoại giao không mệt mỏi, cho nghệ thuật tài tình về kết hợp “đánh” - “đàm” giúp chấm dứt chiến tranh, buộc đối phương phải công nhận nền hòa bình, độc lập, tự do của Việt Nam và mở đường cho thống nhất đất nước.

Giai đoạn 1975 - 1986: Đây là thời kỳ ngoại giao phục vụ khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh và bảo vệ Tổ quốc. Những năm đầu sau chiến tranh, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hàng chục nước, nhất là các nước tư bản chủ nghĩa, tranh thủ được sự giúp đỡ về vật chất của nhiều quốc gia, các tổ chức quốc tế nhằm khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh. Về chủ trương đối ngoại, Đảng cộng sản Việt Nam xác định: “Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại của Việt Nam; xác định quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia là một quy luật phát triển của cách mạng cả ba nước, là điều có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh ba dân tộc”². Thực hiện chủ trương mở rộng quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, trong giai đoạn này, Việt Nam đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước³, Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc (tháng 9/1977), tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế (tháng 6/1978), ký Hiệp ước hữu nghị và Hợp tác với Liên Xô (tháng 11/1978). Từ năm 1977, có nhiều nước tư bản mở cửa quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam. Viện trợ của các nước tư bản cho Việt Nam chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng số viện trợ nước ngoài cho Việt Nam. Tuy nhiên, thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước không dài, Việt Nam đã phải đưa quân vào Campuchia, giúp nhân dân Campuchia đập tan chế độ diệt chủng và bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia. Nhưng, khi diễn ra “Sự kiện Campuchia”, các nước ASEAN đã tích cực tham gia bao vây chống phá Việt Nam, làm cho quan hệ Việt Nam - ASEAN căng thẳng, đối đầu.

Trong thời kỳ đổi mới, đối ngoại luôn thực hiện nhiệm vụ bao trùm và thường xuyên giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ các yếu tố quốc tế thuận lợi cho công

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t.1, tr.143.

³ Vũ Dương Huân (Chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975-2002)*, Nxb Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2002, tr.35.

cuộc đổi mới và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế đất nước. Với Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI (tháng 12/1986), Việt Nam đã khởi đầu công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đường lối, chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao.

Chủ trương thực hiện đường lối đổi mới đã mở đường cho quá trình hội nhập quốc tế của nước ta, mặc dù lúc đó chưa đề cập đến khái niệm “hội nhập” nhưng Đại hội đã nhận định “đóng cửa hay khép kín nền kinh tế nội địa sẽ là nguy cơ tụt hậu”. Từ đó, Đại hội chủ trương “tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật”, tham gia rộng rãi vào sự phân công hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời mở rộng quan hệ với các nước trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi. Lợi ích cao nhất của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn này là “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế-xã hội”. Đó cũng là mục tiêu bao trùm của chính sách đối ngoại Việt Nam. Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (tháng 5/1988) xác định quan điểm: “thêm bạn, bớt thù”, ra sức tranh thủ các nước anh em bầu bạn và dư luận rộng rãi trên thế giới, phân hóa hàng ngũ đối phương, làm thất bại âm mưu bao vây, cô lập ta về kinh tế, chính trị; kiên quyết chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình. Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị (tháng 5/1988) tạo ra bước ngoặt trong đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam.

Đến Đại hội VII (tháng 6/1991), tư duy của Đảng về hội nhập quốc tế đã bắt đầu hình thành với việc “thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế”. Đại hội VII khẳng định chủ trương “hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”, theo phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”⁴. Dưới ánh sáng của Đại hội VII của Đảng và Cương lĩnh 1991, từ chỗ bị cô lập, cấm vận, đất nước ta đã chủ động phá thế bao vây, bình thường hóa quan hệ với các nước lớn, thực hiện chủ trương “muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới”. Đây là minh chứng sinh động và ý nghĩa về tầm quan trọng của việc nhận thức và phát triển lý luận về độc lập, tự chủ của Đảng trong lựa chọn con đường phát triển đất nước trước những biến động của thời cuộc.

Đại hội đại biểu lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996) khái niệm “hội nhập” được chính thức đề cập cùng với chủ trương “xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới”, nhấn mạnh việc tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá; mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế, chính trị, khu vực và quốc tế; giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng. Cái mới trong nhận thức và phát triển lý luận về độc lập, tự chủ của Đại hội VIII là đưa thuật ngữ “hội nhập kinh tế quốc tế” vào văn kiện, đồng thời làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội VIII của Đảng khẳng định: “Mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc”⁵. Đến Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII (tháng 12/1997) nhận thức rõ hơn: Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường là cơ sở vững chắc để đẩy mạnh hơn nữa đoàn kết, hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nâng cao ý chí tự lực, tự

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tr.147.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.74.

cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Đại hội IX (tháng 4/2001), Đảng nhấn mạnh chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực. Lần đầu tiên, Đảng nêu rõ quan điểm về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ: “Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp phát triển đất nước”⁶. Với chủ trương này, nước ta tích cực tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời chủ động chuẩn bị các điều kiện trong nước về cơ cấu lại nền kinh tế, hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Nhận thức đầy đủ “thế” và “lực” của đất nước sau 15 năm đổi mới, Đại hội IX đã phát triển phương châm của Đại hội VII “Việt Nam muốn là bạn với các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển” thành “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”⁷.

Đại hội đại biểu lần thứ X (tháng 4/2006) của Đảng hình thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Đồng thời, đề ra chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”⁸, coi đây là ý chí, quyết tâm của Đảng, Nhà nước và toàn dân; và của mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và xã hội. Với định hướng này, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội được đẩy mạnh, nhất là trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và do ASEAN làm chủ đạo.

Đại hội đại biểu lần thứ XI (tháng 1/2011) của Đảng đã chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế lên hội nhập quốc tế. Đây là điểm mới trong tư duy hội nhập quốc tế của Đảng ta. Đại hội XI đã phát triển và bổ sung chính sách đối ngoại, không chỉ là “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”⁹ mà còn phải “nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế”¹⁰. Đây là văn kiện có ý nghĩa chiến lược, thống nhất nhận thức về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, xác định mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và phương hướng nhiệm vụ hội nhập quốc tế của Việt Nam giai đoạn tới. Hội nhập quốc tế là “đặt đất nước vào dòng chảy chính của thời đại, đập cùng nhịp đập, thở cùng hơi thở của thời đại”, gia tăng sức mạnh của mình thông qua việc gắn kết với thế giới. Đảng đã đề ra chủ trương hội nhập quốc tế, trước là hội nhập kinh tế, sau là hội nhập toàn diện để khơi thông, mở rộng quan hệ với các quốc gia và tổ chức quốc tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho phát

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, phần I, tr.914.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.119.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.112.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, phần I, tr.434 - 435.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.83 - 84.

triển kinh tế-xã hội và nâng cao vai trò, vị thế của quốc gia, đưa Việt Nam hội nhập vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế quốc tế và nền văn minh nhân loại.

Tại Đại hội XII, Đảng ta chủ trương triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, kiên định độc lập, tự chủ, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹¹. Đảng ta coi hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị. Hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, hội nhập kinh tế là trọng tâm, từng bước mở rộng hội nhập các lĩnh vực khác, tuân thủ nghiêm các cam kết quốc tế đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng, thực hiện các chuẩn mực chung bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta xác định: “Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khuôn khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác. Chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác khác”,... “Hội nhập quốc tế tiếp tục được triển khai chủ động, tích cực, tạo không gian quan hệ rộng mở, tranh thủ được sự hợp tác, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế. Vị thế, uy tín, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới ngày càng được nâng cao”¹². Trong chặng đường 80 năm giành độc lập và gần 40 năm đổi mới, kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, công tác đối ngoại, ngoại giao đã đạt được những kết quả, thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, góp phần tạo dựng cục diện đối ngoại rộng mở, thành công của đất nước. Đặc biệt, việc nâng tầm, nâng cấp quan hệ với các đối tác chủ chốt, quan trọng cùng các hoạt động đối ngoại cấp cao sôi động trong những năm qua, nhất là từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đã góp phần tạo nên tầm vóc chiến lược mới, đưa hợp tác đi vào chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài và bền vững của các mối quan hệ.

Nhìn lại lịch sử, kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa (02/9/1945) đến nay, đất nước ta đã và đang trải qua: 1 - Kỷ nguyên độc lập dân tộc và tự do; 2 - Kỷ nguyên đổi mới và phát triển; và đang bước vào: 3 - “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

Kỷ nguyên độc lập dân tộc và tự do được mở đầu từ thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945; lần đầu tiên trong lịch sử, một Nhà nước công - nông ra đời ở Việt Nam; nhân dân Việt Nam trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình; nước Việt Nam từ một nước thuộc địa và nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do và dân chủ.

Kỷ nguyên đổi mới và phát triển bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 12/1986), tạo bước ngoặt quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Qua thực tiễn gần 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhờ sự vào cuộc quyết liệt và sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân ta trong triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.154.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t.1, tr.70 - 71.

nước, đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đã hoàn thành cơ bản những nhiệm vụ, làm cho Việt Nam “chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Từ một nước bị bao vây cấm vận, từ một nước bị tàn phá sau nhiều cuộc chiến tranh, nghèo nàn, lạc hậu, thiếu đói, bị bao vây, cấm vận suốt 30 năm, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, có quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với 34 nước, trong đó có tất cả các thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, các nước lớn; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có quan hệ chính trị, quốc phòng, an ninh phát triển sâu rộng, thực chất.

Từ nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã trở thành một trong 34 nền kinh tế lớn nhất thế giới, quy mô kinh tế tăng gần 100 lần so với năm 1986, thu nhập bình quân đầu người tăng từ dưới 100 USD lên gần 5.000 USD.

Việc tham gia các thỏa thuận hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế đa tầng, nhất là 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã gắn kết Việt Nam với hơn 60 nền kinh tế chủ chốt, tham gia sâu hơn vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu, đưa Việt Nam lọt vào nhóm 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất thế giới; nằm trong nhóm 20 nền kinh tế thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất thế giới từ năm 2019 đến nay, là một trong 10 quốc gia có lượng kiều hối lớn nhất thế giới.

Với hành trang lịch sử hàng ngàn năm, những thành tựu nổi bật từ gần 40 năm đổi mới và quyết tâm của toàn Đảng và toàn dân, Việt Nam chủ động vững vàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Kinh nghiệm từ các quốc gia đi trước đã cho thấy, với nền tảng vững chắc và quyết tâm cao, các quốc gia có thể vươn mình đứng vào hàng ngũ các nước phát triển thu nhập cao chỉ sau 2 - 3 thập kỷ công nghiệp hóa. Với nền tảng là thành tựu vĩ đại của gần 40 năm đổi mới và tâm thế của một dân tộc đang khát khao vươn lên sánh vai cùng các cường quốc năm châu, ngoại giao Việt Nam được kỳ vọng sẽ có nhiều đóng góp hơn nữa, có những bước phát triển mạnh mẽ hơn để nỗ lực hoàn thành sứ mệnh đóng góp cho kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

KẾT LUẬN

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là mốc son chói lọi, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc, mà còn ghi dấu sự hình thành ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh. Chính nhờ sự vận dụng những giá trị ngoại giao Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần duy trì môi trường hòa bình, thu hút các nguồn lực cho phát triển, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên vươn mình tới thịnh vượng, hùng cường, ‘dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh’, đòi hỏi phải có tâm thế, vị thế mới và tư duy, cách tiếp cận mới về hội nhập quốc tế”¹³. Năm 2026, Đại hội XIV của Đảng sẽ được tổ chức. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, mà nòng cốt là toàn hệ thống chính trị, chuẩn bị tâm thế, khí thế, quyết tâm mới, để đến Đại hội XIV của Đảng, chúng ta triệu người như một đồng lòng, tự tin tuyên bố: Việt Nam chính thức bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

¹³ Vươn mình trong hội nhập quốc tế (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo Nhân dân điện tử* (03/4/2025). Truy cập tại: <https://special.nhandan.vn/vuon-minh-trong-hoi-nhap-quoc-te/index.html>

VAI TRÒ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN

*ThS. Lâm Thái Bảo Ngân**

MỞ ĐẦU

Cách đây 80 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã đồng lòng, triệu người như một đã đứng lên tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của phát xít Nhật và thực dân Pháp, lật đổ chế độ phong kiến nhà Nguyễn, giành chính quyền về tay nhân dân, lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Qua thực tiễn qua 80 năm xây dựng, đã chứng minh cho nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh: giành chính quyền là việc khó nhưng giữ được chính quyền lại càng khó hơn. Để giữ được chính quyền trước hết Đảng phải lãnh đạo xây dựng cho chính quyền ấy đủ mạnh, đủ sức gánh vác công việc của dân, do dân, vì dân, đồng thời phải làm tốt trách nhiệm của mình trước lịch sử đó là: Tổ chức nhân dân chiến đấu bảo vệ chính quyền, giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và tiến lên chủ nghĩa xã hội theo con đường mà chúng ta đã lựa chọn.

NỘI DUNG

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là cuộc chiến đấu anh dũng của cả dân tộc, là đỉnh cao của ý chí quật cường, sức mạnh đoàn kết toàn dân, thể hiện trí tuệ dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Với Cách mạng tháng Tám, “dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”¹. Cách mạng tháng Tám đã tạo nên bước ngoặt vĩ đại cho toàn dân tộc, từ thân phận nô lệ, nhân dân ta trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Trong những ngày Cách mạng tháng Tám (từ ngày 14 đến ngày 28/8/1945), quần chúng nhân dân thông qua nhiều hình thức đấu tranh chính trị, như mít tinh, biểu tình, vận động binh lính,... có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, đã nhanh chóng giành thắng lợi.

Có thể nhận thấy, Cách mạng tháng Tám diễn ra chỉ với một khoảng thời gian ngắn, gánh chịu ít hy sinh, tổn thất là do sự nhạy bén, sáng tạo của Đảng trong việc đánh giá tình hình, chủ động nắm bắt thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa bằng phương pháp đấu tranh phù hợp. Trong bối cảnh phát xít Nhật ở Đông Dương tan rã, chính quyền tay sai tê liệt, quân đồng minh chưa tiến vào Việt Nam, lực lượng chính trị và vũ trang cách mạng được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh,... Đảng ta đã phát động tổng khởi nghĩa, lãnh đạo quần chúng nhân dân giành chính quyền. Nhờ vậy, cách mạng đã tránh được sự đối đầu với kẻ thù khi còn đang mạnh, đồng thời tạo nên thế hợp pháp, chính nghĩa của Chính phủ lâm thời khi đón tiếp quân đồng minh. Tổng kết về Cách mạng tháng Tám, Nghị quyết Đại hội III của Đảng chỉ rõ: “Nếu Đảng ta trước đó không xây dựng lực lượng vũ trang và thành lập những khu căn cứ rộng lớn để làm chỗ dựa cho lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh chính trị, và khi điều kiện đã chín muồi không mau lẹ phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang thì cách mạng cũng không thể mau chóng giành được thắng lợi”².

Sự đúng đắn, nhất quán của Đảng trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, xây dựng lực lượng và phương pháp đấu tranh cách mạng, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.4, tr.3.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.631.

nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn của xã hội Việt Nam, một nước thuộc địa, nửa phong kiến, thành quả của sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo đó đã được kiểm nghiệm qua chặng đường 15 năm đấu tranh cách mạng, mà đỉnh cao là thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Nếu không có sự chuẩn bị kỹ càng, cụ thể về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và chiến khu, căn cứ địa thì cho dù điều kiện khách quan có thuận lợi đến mấy cũng không thể tận dụng được để phát động toàn dân đứng lên giành chính quyền trên phạm vi cả nước trong một khoảng thời gian nhanh chóng như vậy.

Từ thắng lợi đó, nhân dân chúng ta đã nắm chính quyền về tay mình, giờ đây người dân Việt Nam có thể hoàn toàn làm chủ vận mệnh của bản thân, toàn tâm toàn ý xây dựng, phát triển đất nước. Tuy nhiên, khi giành được chính quyền và bảo vệ nó, xây dựng và phát triển nó là một chặng đường còn dài và chúng ta phải đối đầu với nhiều thử thách. V.I.Lênin đã từng nhận định “Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền nhà nước”³. Có thể nói, thắng lợi của nhân dân ta trong Cách mạng tháng Tám mới chỉ dừng lại ở mức “giành chính quyền”, còn cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân sau khi Cách mạng tháng Tám thành công và cả quá trình tiếp theo mới là “vấn đề cơ bản” của cuộc cách mạng. Thực tế đã chứng minh “những cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế và xã hội dân chủ đến sự sụp đổ của hàng loạt quốc gia trên thế giới có nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân quan trọng là những quốc gia đó buông lỏng vai trò của bộ máy chính quyền nhà nước. Vì thế không phải ngẫu nhiên mà các quốc gia, dù dưới chính thể nào cũng đều chăm lo xây dựng và củng cố chính quyền nhà nước”⁴.

Trên tinh thần đó, có thể khẳng định rằng thắng lợi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám mang ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đó chính là nền tảng vững chắc cho việc hình thành, củng cố và phát triển hệ thống chính quyền các cấp trong giai đoạn tiếp theo. Công việc xây dựng và bảo vệ chính quyền là sự nghiệp của toàn dân, do dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự vận động “vào cuộc” của cả hệ thống chính trị. Ngay từ ban đầu, chúng ta đã nhận thức rõ cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; nhân dân là người làm nên lịch sử, là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng, của Đảng và nhà nước; từ tư tưởng “lấy dân làm gốc” nên ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chính quyền, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân để thực hiện quyền làm chủ chính trị của nhân dân.

Chỉ một ngày sau khi tuyên bố bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời (03/9/1945) Người đã đề nghị phải tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước càng sớm càng tốt, theo chế độ phổ thông đầu phiếu. Đây là bước đi có ý nghĩa quyết định, nhằm xây dựng cơ sở nền móng pháp lý cho sự ra đời của chính thể nhà nước non trẻ - nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong một bài viết đăng trên báo Cứu quốc (31/12/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nhà nước... Do tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra chính phủ. Chính phủ đó thực sự là chính phủ của toàn dân”⁵. Lời khẳng định ấy không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của dân chủ trong một nhà nước cách mạng, mà còn khẳng

³ V.I. Lênin: *Tuyển tập*, quyển 2, phần I, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, tr.13.

⁴ Văn Tạo: *Kinh nghiệm xây dựng và quản lý chính quyền các cấp trong lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr.7.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.4, tr.133.

định nguyên tắc “lấy dân làm gốc” là nền tảng cho mọi hoạt động tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước.

Cùng với việc chuẩn bị tiến hành cuộc bầu cử quốc hội, chính phủ lâm thời đã xúc tiến việc soạn thảo Hiến pháp nhằm tạo cơ sở pháp lý cho nhà nước Việt Nam kiểu mới. Cần phải nói rằng, công cuộc xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân sau Cách mạng tháng Tám diễn ra trong một hoàn cảnh lịch sử hết sức đặc biệt, trước một tình thế hiểm nghèo “ngàn cân treo sợi tóc”. Trong hoàn cảnh ấy, một vấn đề lớn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đặt ra là: Đảng, nhà nước và nhân dân ta làm thế nào để vừa bảo vệ, vừa xây dựng chính quyền nhân dân, vừa phát triển lực lượng chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong lúc chính phủ lâm thời vừa mới được thành lập, chính quyền nhân dân tuy đã có nhưng còn mang tính lâm thời, cơ cấu tổ chức còn đơn giản, những nguyên tắc vận hành của chính quyền cũng chưa được xác định... Nói tóm lại, hình thức “lâm thời” còn mang tính sơ khai, là bước chuyển tiếp đi lên chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân. Về phương diện pháp lý của một chính thể nhà nước vào thời điểm chính phủ lâm thời nắm quyền sau Cách mạng tháng Tám, ta chưa có hiến pháp tức là chưa có một văn bản pháp lý nào cao nhất với những quy định làm cơ sở nền tảng, mang tính định hướng nguyên tắc pháp lý cho các văn bản pháp luật dưới nó, để làm công cụ quản lý và điều hành đất nước.

Để khắc phục, Chính phủ lâm thời cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhạy bén linh hoạt trong việc xây dựng cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan chính quyền từ trung ương đến địa phương. Trong khi chờ đợi một cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc dân đại hội và Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành một loạt các sắc lệnh quan trọng, trong đó có 11 sắc lệnh liên quan trực tiếp về chính quyền địa phương; 06 sắc lệnh quy định về đảm bảo đủ cơ sở pháp lý cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; 05 sắc lệnh bổ sung, sửa đổi và điều chỉnh một số nội dung không còn phù hợp.

Trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn chồng chất, thù trong, giặc ngoài điên cuồng chống phá nhằm bóp chết chính quyền cách mạng còn non trẻ, chính quyền các cấp phải giải quyết muôn vàn công việc khẩn cấp để bảo vệ độc lập chủ quyền và quản lý đất nước; trong lúc đội ngũ cán bộ lại chưa quen với công việc hành chính, công tác quản lý kinh tế - chính trị - xã hội - pháp luật, hiến pháp lại chưa có... nhưng một khối lượng công việc khổng lồ mang nội dung pháp lý về chính quyền địa phương các cấp vẫn được triển khai kịp thời nhanh gọn, có kết quả.

Bằng những hình thức linh hoạt, trong những ngày đầu của chính thể dân chủ cộng hòa ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký 2 sắc lệnh đặc biệt quan trọng đầu tiên về chính quyền nhân dân: Đó là sắc lệnh số 63/SL ngày 22/11/1945 về việc tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp; Sắc lệnh số 77/SL ngày 21/12/1945 về tổ chức chính quyền nhân dân ở các thị xã và thành phố. Nội dung các sắc lệnh này quy định cụ thể về tổ chức các cơ quan chính quyền nhà nước ở địa phương, được thiết lập hoàn toàn mới, thay thế cho bộ máy cai trị của chính quyền thực dân phong kiến. Đây là sự thể chế hóa tinh thần của bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 02/9/1945 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh bại chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập làm chế độ dân chủ cộng hòa”⁶.

⁶ *Tuyên ngôn Độc lập*, Dẫn theo Việt Nam Dân quốc Công báo số ra ngày 29/9/1945.

Những nội dung trong hai sắc lệnh nêu trên đã trở thành cơ sở nền tảng chủ yếu cho bản Hiến pháp trong tương lai: đó là Hiến pháp 1946, ở chương V có nội dung quy định về Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính. Đây là sự khái quát hóa nội dung hai Sắc lệnh số 63/SL và số 77/SL trong đó nhấn mạnh: “Hội đồng nhân dân được tổ chức ở các đơn vị hành chính tỉnh, thành phố, thị xã và xã. Hội đồng nhân dân quyết nghị về những vấn đề thuộc địa phương mình nhưng không được trái với chỉ thị của cấp trên. Ủy ban hành chính được tổ chức 4 cấp chính quyền địa phương (kỳ, tỉnh, huyện, xã); Ủy ban hành chính do Hội đồng nhân dân bầu ra, chịu trách nhiệm đối với cấp trên và đối với Hội đồng nhân dân địa phương...”⁷.

Thực tế lúc này ở Việt Nam, ngoài Đảng Cộng sản thì không có một lực lượng chính trị xã hội nào có thể đảm trách vai trò lãnh đạo đất nước; ngay cả những thời điểm Đảng ra “Thông cáo tự ý giải tán” (11/11/1945) rút lui vào hoạt động bí mật để tránh mũi nhọn tấn công của kẻ thù đế quốc bên ngoài và bọn phản động bên trong hòng thủ tiêu Đảng, cướp quyền lãnh đạo thì sự kiện “Tự ý giải tán” Đảng ta đã chứng tỏ quyết tâm của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Vì lẽ đó Đảng thực hiện sự hy sinh cao cả để đẩy mạnh và xây dựng khối đoàn kết dân tộc; để gạt bỏ những băn khoăn, nghi hoặc do luận điệu xuyên tạc của kẻ thù gieo rắc trong nhân dân, từng bước lột trần bộ mặt phản bội nhân dân, phản bội tổ quốc của các phần tử phản động như Việt Quốc, Việt Cách,...

Cùng với việc giải quyết những khó khăn cấp bách của đất nước sau Cách mạng tháng Tám, như giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhanh chóng xây dựng bộ máy chính quyền từ Trung ương đến các cấp chính quyền địa phương, từ các cơ quan quyền lực đến các cơ quan hành chính, chuyên môn, hoạch định hiến pháp và các văn bản pháp luật khác để làm nguyên tắc hoạt động cho bộ máy chính quyền. Ở cấp trung ương: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị với chính phủ lâm thời “tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”. Ngày 06/1/1946, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam tham gia Tổng tuyển cử bầu quốc hội với một thể thức hoàn toàn dân chủ. Tỷ lệ cử tri đi bầu trung bình đạt 85%, có nơi đạt 100%. Kết quả nhân dân cả nước đã bầu được 333 đại biểu vào quốc hội đầu tiên, trong đó đàn ông chiếm 96%, đàn bà chiếm 4%; Những người trong các đảng phái 57%; không đảng phái 43%; trí thức 61%; nông dân 22%; công nhân 06%; kỹ nghệ gia 06%; thương gia 05%⁸.

Sau Tổng tuyển cử, ngày 02/3/1946 tại Hà Nội, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành kỳ họp đầu tiên với sự tham dự của hơn 300 đại biểu. Trong phiên họp đầu tiên chưa được tiến hành một cách thuận lợi (chỉ trong 5 giờ đồng hồ) nhưng đã giải quyết được nhiều vấn đề trọng đại của đất nước như: cử ra Ban Thường trực Quốc hội; Chính phủ; Cố vấn đoàn và Kháng chiến Ủy viên hội; Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Từ ngày 28/10 - 09/11/1946, Quốc hội tiến hành kỳ họp thứ hai thông qua Hiến pháp đầu tiên (Hiến pháp năm 1946); bầu Ban Thường trực Quốc hội mới và lập chính phủ mới do Hồ Chí Minh làm chủ tịch kiêm ngoại giao. Ngày 09/11/1946, Quốc hội ra nghị quyết ủy nhiệm cho Chính phủ và ban thường trực Quốc hội thi hành Hiến pháp, nêu “trong thời kỳ chưa thi hành được thì chính phủ phải dựa vào nguyên tắc đã định trong Hiến pháp để ban hành sắc lệnh”⁹.

⁷ *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, được Quốc hội thông qua ngày 08/1/1946.

⁸ Theo báo Cứu Quốc số ra ngày 6/3/1946.

⁹ Dẫn theo tài liệu Trung tâm Lưu trữ quốc gia I Phòng Quốc hội, hồ sơ số 4, hộp số II.

Việc thành lập Quốc hội và định ra một bản Hiến pháp có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc xác lập chính quyền. Nó chứng tỏ chính quyền là của nhân dân, đề cao tính dân chủ mới và bước đầu thể hiện tư tưởng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, đại đoàn kết toàn dân để xây dựng một chính quyền mạnh mẽ, đó là ý chí cơ bản của quốc hội đồng thời là tư tưởng chủ đạo của chủ tịch Hồ Chí Minh, như lời Người đã khẳng định “Tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước quốc dân, trước thế giới, tôi chỉ có một Đảng, Đảng Lao động Việt Nam”¹⁰. Thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 là biện pháp tích cực nhất để đánh bại bọn phản cách mạng trong và ngoài nước, làm cho chúng bị phá sản về mưu đồ chính trị đòi lật đổ chính quyền và phá hoại nền độc lập của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa còn non trẻ, mặc dù chúng ta vẫn còn phải nhân nhượng để đấu tranh với chúng.

Đến tháng 10/1946, trên cơ sở mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất, Đảng và Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đấu tranh vạch trần bộ mặt bọn Việt Quốc, Việt Cách, bọn phản cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng bị quét sạch. Chúng ta có điều kiện thành lập một chính phủ mới thích hợp với tình thế mới. Tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I ngày 18/06/1946, chủ tịch Hồ Chí Minh được Quốc hội ủy nhiệm thành lập một chính phủ mới, với quan điểm chủ đạo: đó là một chính phủ chú trọng thực tế và nỗ lực làm việc để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới. Chính phủ này là chính phủ của toàn quốc, có đủ nhân tài Bắc - Trung - Nam - Bắc tham gia.

Với tư cách là người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ, chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy trí tuệ của Đảng, toàn dân thông qua Quốc Hội được bầu ra ngày 06/1/1946 và bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên trong lịch sử nước ta. Nhà nước cách mạng được xây dựng qua 14 tháng trong hoàn cảnh cách mạng nước ta “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, thế nước “ngàn cân treo sợi tóc” phải vượt qua bao khó khăn thách thức của thù trong, giặc ngoài. Đây là thành quả to lớn của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân ở nước ta; đồng thời là hiện tượng đặc biệt của lịch sử cách mạng thế giới. Việc chăm lo xây dựng củng cố chính quyền dân chủ nhân dân sau Cách mạng tháng Tám được coi là công cụ chủ yếu để phát triển cuộc cách mạng của nhân dân ta, mặc dù có lúc chúng ta phải nhượng bộ cho bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, phải nhường 70 ghế trong Quốc hội không thông qua bầu cử và 5 ghế trong Chính phủ. Nhưng đó là sự nhượng bộ với tinh thần tích cực để có thời gian củng cố lực lượng của chính quyền nhân dân, củng cố Mặt trận Dân tộc Thống nhất. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh luôn kiên định nguyên tắc: vấn đề căn bản của cách mạng là vấn đề chính quyền và khi chính quyền nhân dân đã ăn sâu bén rễ vào quần chúng nhân dân thì không một thế lực nào có thể lay chuyển được. Sự chỉ đạo về sách lược của Đảng và Bác Hồ càng linh hoạt bao nhiêu, thì càng giữ vững nguyên tắc bấy nhiêu và trong tất cả mọi trường hợp, Đảng ta đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh đã theo đúng tinh thần của Lênin: Chính sách có nguyên tắc là chính sách duy nhất đúng. Chính tính nguyên tắc cao độ đó đã làm cho cách mạng Việt Nam giữ vững bản chất giai cấp tiên phong của mình, bất luận trong hoàn cảnh nào Đảng vẫn giữ vai trò là một Đảng Mác-xít - Lênin-nít chân chính trung thành tuyệt đối với lý tưởng cách mạng và lợi ích của nhân dân lao động.

KẾT LUẬN

Sự kết hợp giữa tính nguyên tắc cao độ và tính linh hoạt của Đảng trong việc xây dựng chính quyền dân chủ, nhân dân sau Cách mạng tháng Tám, biểu hiện của sự vững

¹⁰ Trích báo Cứu quốc số ra ngày 19/5/1948.

vàng về lập trường chính trị, sự khéo léo trong hoạt động thực tiễn. Đó là bài học quý báu mà Đảng ta có được trong thời kỳ trước, trong và sau Cách mạng tháng Tám. Bài học ấy đã được Đảng tiếp tục vận dụng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ. Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ý nghĩa và bài học lịch sử của cuộc Cách mạng tháng Tám và phương diện xây dựng Nhà nước; xây dựng Chính quyền dân chủ nhân dân mãi mãi là bài học kinh nghiệm lớn, định hướng trong việc không ngừng hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân; là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Đây chính là quá trình tiếp tục phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám và sự vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước và Chính quyền dân chủ nhân dân vào trong thời kỳ đổi mới của đất nước ta hiện nay.

TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN THỜI KỲ VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM: NHỮNG BÀI HỌC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TS. Võ Anh Tuấn*

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của cuộc cách mạng không chỉ đánh dấu sự sụp đổ của chế độ thực dân - phong kiến kéo dài hàng thế kỷ mà còn mở đường cho sự hình thành một nhà nước độc lập, tự chủ của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cách mạng tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần 100 năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây nền tảng cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử của nước ta”¹. Thành công này có được nhờ sự kết tinh của tinh thần yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết, sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và khát vọng cháy bỏng giành lại chủ quyền dân tộc.

Từ sau Cách mạng tháng Tám, Việt Nam bước vào một hành trình đầy gian khổ nhưng vinh quang - đó là hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại, công cuộc thống nhất đất nước, đổi mới và hội nhập. Trong hành trình ấy, các giá trị tư tưởng, chiến lược và tinh thần từ cuộc cách mạng vẫn luôn là kim chỉ nam, là nền tảng vững chắc để dân tộc Việt Nam vươn mình mạnh mẽ.

NỘI DUNG

1. Những bài học lớn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945

Cách mạng tháng Tám (1945) là một trong những mốc son chói lọi nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam hiện đại. Thắng lợi vĩ đại này không chỉ chấm dứt chế độ thực dân - phong kiến kéo dài hàng thế kỷ, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ vận mệnh đất nước, mà còn mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, hướng tới chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trải qua 80 năm, thời gian có thể làm lùi xa khoảng cách lịch sử, nhưng giá trị của Cách mạng tháng Tám vẫn vẹn nguyên tính thời sự và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Việc nhận diện, phân tích những bài học lịch sử từ sự kiện trọng đại này chính là cơ sở quan trọng để tiếp tục củng cố niềm tin, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, và vững bước trên con đường phát triển bền vững trong kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam.

Thứ nhất, bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng.

Cách mạng tháng Tám là minh chứng hùng hồn cho vai trò lãnh đạo sáng suốt, quyết đoán và đầy sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam, con đường giải phóng dân tộc đã được xác lập đúng đắn, khoa học và hiệu quả.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là sự thể nghiệm thành công đầu tiên của học thuyết Mác - Lênin tại một nước thuộc địa ở châu Á, khẳng định tính cách mạng, tính khoa học và tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đó cũng là sự tiếp nối và phát triển tất yếu từ thành tựu của Cách mạng tháng Mười Nga (1917). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã

* Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.26.

chứng minh sự đúng đắn của học thuyết Mác - Lênin về vấn đề dân tộc thuộc địa, đã chứng minh sự đúng đắn của con đường của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại đã vạch ra”². Đặc biệt, Cách mạng tháng Tám còn là minh chứng thuyết phục cho hiệu quả của tư tưởng Hồ Chí Minh - sự kết tinh giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự lãnh đạo của Đảng - với tư cách là người tổ chức, lãnh đạo trực tiếp và duy nhất - đã phát huy vai trò hạt nhân chính trị, đoàn kết, quy tụ và phát động toàn dân đứng lên giành chính quyền trong thời điểm quyết định. Thực tiễn Cách mạng tháng Tám đã chứng minh rằng cách mạng giải phóng dân tộc do một đảng mác xít lãnh đạo hoàn toàn có khả năng giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, phong kiến lạc hậu, đưa cả dân tộc tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, ngay cả trong điều kiện cách mạng vô sản ở các nước “chính quốc” còn chưa thành công. Trong bài viết *Cách mạng tháng Mười Nga mở đường giải phóng cho các dân tộc trên thế giới*, Người nhấn mạnh: “Thực tiễn ở Việt Nam đã chứng tỏ rằng nhờ có sự lãnh đạo của đảng Mác-Lênin mà cách mạng đã thu được thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội”³.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám còn đánh dấu sự chuyển mình mang tính bước ngoặt của Đảng Cộng sản Việt Nam: từ một chính đảng hoạt động bí mật, không hợp pháp, trở thành một đảng cầm quyền, hoạt động công khai, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam. Đây là một sự kiện chưa từng có trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc, thể hiện rõ năng lực tổ chức, tầm nhìn chiến lược và bản lĩnh chính trị của Đảng. Sau năm 1945, vai trò lãnh đạo của Đảng tiếp tục được khẳng định và phát huy cao độ trong các cuộc kháng chiến trường kỳ, công cuộc thống nhất đất nước và trong tiến trình đổi mới, hội nhập. Đảng đã cho thấy sự nhạy bén trong hoạch định chính sách, linh hoạt trong điều chỉnh chiến lược, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đồng thời thích ứng với những biến động của tình hình trong nước và quốc tế. Chính sự lãnh đạo ấy đã đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam, đặc biệt là thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đã khẳng định chân lý mang tính nguyên tắc: một đảng cách mạng chân chính, nếu có đường lối đúng đắn, tổ chức chặt chẽ, đội ngũ cán bộ - đảng viên trong sạch, gương mẫu, tận tụy và luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, thì sẽ có được sức mạnh vô địch. Chính từ sự ủng hộ của nhân dân, Đảng trở thành trung tâm quy tụ và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, đủ khả năng chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa dân tộc vươn lên mạnh mẽ trên con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, bài học về đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố có tính quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, mọi tầng lớp nhân dân - từ công nhân, nông dân đến trí thức, tiểu tư sản, dân tộc thiểu số - đã đoàn kết, đứng lên giành chính quyền trong cả nước chỉ trong vòng vài tuần. Chính khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã tạo nên sức mạnh vô biên, đưa cuộc cách mạng đến thành công vang dội. Thực tiễn cách mạng Việt Nam, đặc biệt là thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, đã chứng minh rằng đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố quyết định trong mỗi thắng lợi. Cách mạng tháng Tám là kết quả của cuộc tổng khởi nghĩa toàn dân, huy động sức mạnh của hơn 20 triệu người

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.175.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.13, tr.488.

Việt Nam yêu nước. Trong đó, giai cấp công nhân và nông dân đóng vai trò động lực chính, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Liên minh công - nông, được hình thành và phát triển qua ba cao trào cách mạng lớn, đến đỉnh cao là Tổng khởi nghĩa tháng Tám, đã trở thành lực lượng nòng cốt, vững mạnh.

Đặc biệt, sự đoàn kết rộng rãi bao trùm các tầng lớp nhân dân - học sinh, trí thức, tiểu tư sản, tiểu địa chủ, dân nghèo thành thị,... đã tạo nên một sức mạnh to lớn, lan tỏa và thống nhất, có khả năng quét sạch mọi lực cản để giành chính quyền trong thời cơ chín muồi. Chính sự kết hợp giữa khối liên minh công - nông và đại đoàn kết dân tộc đã là yếu tố quan trọng giúp cách mạng giành thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu. Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết”⁴. Trong đó, “công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi”⁵. Đây chính là chân lý đã được chứng minh qua Cách mạng tháng Tám, khi mọi tầng lớp nhân dân đứng lên dưới sự lãnh đạo của Đảng để giành lấy quyền tự do, độc lập cho dân tộc.

Một trong những yếu tố quan trọng khác dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta. Đảng đã xác định độc lập dân tộc là mục tiêu hàng đầu và đồng thời khéo léo khai thác mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù. Đặc biệt, Đảng ta đã lợi dụng mâu thuẫn giữa các khối đế quốc, giữa đế quốc và phong kiến tay sai, mâu thuẫn trong hàng ngũ nguy quyền thân Pháp và thân Nhật. Nhờ vậy, kẻ thù chính - bọn đế quốc phát xít và tay sai phản động - bị cô lập cao độ, trong khi một bộ phận khác bị trung lập hóa hoặc chuyển hóa thành lực lượng ủng hộ. Chính sự kết hợp giữa sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và nghệ thuật lãnh đạo chính trị khôn khéo của Đảng đã giúp Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi nhanh chóng, gần như không đổ máu, để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc.

Truyền thống đại đoàn kết này không chỉ phát huy mạnh mẽ trong các cuộc kháng chiến, mà còn tiếp tục được giữ vững và phát triển trong thời kỳ đổi mới. Ngày nay, trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo vệ chủ quyền quốc gia và hội nhập quốc tế, khối đại đoàn kết dân tộc càng được coi trọng và là nền tảng bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Việc phát huy sức mạnh của toàn dân, tạo sự đồng thuận xã hội, phát triển cộng đồng gắn bó, nhân ái chính là yếu tố quan trọng để bảo vệ và phát triển nền độc lập, tự do của dân tộc. Đó cũng là nền tảng vững chắc để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong thời đại mới.

Thứ ba, bài học về nắm bắt thời cơ và hành động kịp thời.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam. Thắng lợi của cuộc cách mạng này không chỉ là thành quả của sự nỗ lực và hy sinh to lớn của toàn thể dân tộc, mà còn là minh chứng rõ ràng cho tài năng lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt, khả năng nắm bắt thời cơ và nghệ thuật chỉ đạo cách mạng của Đảng trong thời kỳ này đóng vai trò then chốt, góp phần tạo nên thành công nhanh chóng và ít đổ máu.

Một trong những yếu tố quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám chính là sự kết hợp giữa lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của các cuộc

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.288.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.288.

cách mạng thế giới và những bài học đúc kết từ các cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam. Trong suốt giai đoạn từ năm 1939 đến nửa đầu năm 1945, Đảng ta đã có những bước đi chiến lược, xác định rõ các yếu tố chủ quan và khách quan tạo ra thời cơ cách mạng. Đặc biệt, với sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chí Minh, Đảng ta đã nhận định đúng đắn tình hình, đánh giá chính xác thời điểm, và ra quyết định tổng khởi nghĩa vào thời cơ chín muồi. Những chỉ thị quan trọng của Đảng, như Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng vào tháng 3/1945 với nội dung “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” và Quân lệnh số 1 của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc vào đêm 13/8/1945, chính là minh chứng cho sự nhạy bén trong việc nắm bắt cơ hội.

Thực tế lịch sử đã chứng minh, khi Nhật đầu hàng Đồng minh, khoảng trống quyền lực đã mở ra, tạo cơ hội cho cách mạng. Trong khi đó, chính quyền phát xít ở Đông Dương lúc này hoang mang và suy yếu, còn nhân dân Việt Nam đang phải chịu đựng nỗi khổ cực tột cùng do chiến tranh và nạn đói. Đảng ta đã khéo léo khai thác các yếu tố này, huy động toàn thể nhân dân nổi dậy giành chính quyền trước khi thực dân Pháp kịp trở lại. Chính sự chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng trong mọi tình huống và quyết đoán hành động của Đảng đã giúp Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi nhanh chóng, không đổ máu nhiều, tạo nên một bước ngoặt lịch sử quan trọng.

Một trong những điểm sáng của Đảng ta trong việc chỉ đạo Cách mạng tháng Tám là sự kết hợp linh hoạt giữa việc nắm bắt thời cơ và chiến lược chính trị khôn ngoan. Đảng đã không chỉ đánh giá đúng thời điểm, mà còn khéo léo khai thác mâu thuẫn giữa các lực lượng đế quốc và phong kiến tay sai, cô lập kẻ thù chính - đế quốc phát xít và tay sai phản động. Đảng cũng đã trung lập hóa một bộ phận các thế lực không có khả năng chống đối, tạo nên sự đồng thuận xã hội rộng rãi, hình thành khối đại đoàn kết toàn dân tộc mạnh mẽ, quyết tâm giành chính quyền.

Những bài học từ Cách mạng tháng Tám về khả năng nắm bắt thời cơ và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng không chỉ có giá trị trong bối cảnh của cuộc cách mạng năm 1945, mà còn có ý nghĩa sâu sắc trong công cuộc phát triển đất nước hiện nay. Trong một thế giới đầy biến động như hiện nay, khả năng phân tích tình hình, dự báo xu hướng và đưa ra quyết sách kịp thời là yếu tố sống còn đối với mọi lãnh đạo, đặc biệt là trong các lĩnh vực như chuyển đổi xanh, kinh tế số, an ninh phi truyền thống và hội nhập quốc tế.

Cách mạng tháng Tám đã dạy cho chúng ta một bài học quý báu về sự quyết đoán, về nghệ thuật lãnh đạo sáng suốt và khả năng nắm bắt thời cơ, qua đó khẳng định rằng sức mạnh của nhân dân, khi được Đảng lãnh đạo đúng đắn, là vô cùng to lớn. Đây chính là nền tảng quan trọng giúp đất nước vượt qua thử thách và tiếp tục vững bước trên con đường phát triển bền vững.

Thứ tư, bài học về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, và vì dân.

Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vạch ra, đã xác định con đường cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta nhận thức rõ ràng rằng nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến không thể tách rời nhau. Tuy nhiên, qua ba cao trào cách mạng, Đảng ta nhận thấy nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu, còn chống phong kiến phải được thực hiện theo từng bước, nhằm tập trung giải phóng dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám chính là sự kết hợp đúng đắn giữa hai nhiệm vụ đó, và là cơ sở vững chắc để xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước đầu tiên ở Đông Nam Á do công nông làm chủ.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là minh chứng sống động cho tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Chủ tịch Hồ Chí

Minh đã khẳng định rõ ràng trong tác phẩm “*Dân vận*” những tư tưởng cốt lõi về xây dựng Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tư tưởng này không chỉ được thể hiện trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, mà còn xuyên suốt trong công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng một Nhà nước có nhiệm vụ phục vụ và bảo vệ quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân. Đây chính là nền tảng vững chắc để phát triển một chính quyền mang đậm tính dân chủ, công bằng và chăm lo cho sự phát triển toàn diện của người dân.

Trong quá trình xây dựng và củng cố Nhà nước, Đảng ta đã kiên trì bám sát nguyên lý “lấy dân làm gốc”. Tư tưởng này đã trở thành kim chỉ nam trong việc xây dựng các thể chế chính trị, pháp lý và các cơ chế hoạt động của Nhà nước. Mục tiêu của Nhà nước là bảo vệ lợi ích của nhân dân, bảo vệ quyền tự do, dân chủ và phát triển xã hội, đảm bảo công bằng xã hội, và thúc đẩy sự thịnh vượng của đất nước.

2. Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Giá trị lịch sử và tinh thần thời đại

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là một sự kiện lịch sử mang tính cột mốc quan trọng, mà còn là khởi nguồn của một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do và vươn lên mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam. Được xây dựng trên nền tảng yêu nước và khát vọng tự do, độc lập của nhân dân, Cách mạng tháng Tám đánh dấu sự kết thúc của hơn một thế kỷ bị áp bức, mở ra một giai đoạn lịch sử mới - giai đoạn dân tộc Việt Nam bước vào thời kỳ độc lập tự chủ. Đồng thời, Cách mạng tháng Tám cũng đã tạo ra những thay đổi sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, đem lại cho dân tộc Việt Nam một nền tảng tư tưởng và chính trị vững chắc để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong suốt hơn bảy thập kỷ qua.

Thành công của cuộc Cách mạng tháng Tám đã chấm dứt ách thống trị thực dân, phong kiến kéo dài hàng thế kỷ, đồng thời mở ra một thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng một đất nước độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một thắng lợi vĩ đại không chỉ mang lại cho nhân dân Việt Nam quyền làm chủ vận mệnh đất nước mà còn đưa đất nước từ tình trạng bị xâm lược, chia cắt sang một quốc gia thống nhất và độc lập, được xác lập một chế độ chính trị mới, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của đại đa số nhân dân. Đây là một minh chứng rõ rệt cho sức mạnh nội sinh và khả năng tự quyết của dân tộc Việt Nam trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt và khắc nghiệt.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ tạo ra những thay đổi căn bản trong lĩnh vực chính trị mà còn tác động sâu sắc đến toàn bộ đời sống xã hội của đất nước. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam làm chủ vận mệnh của chính mình, một nhà nước cách mạng được thiết lập để đại diện cho ý chí và nguyện vọng của quốc dân. Đây không chỉ là một chiến thắng về mặt chính trị mà còn là sự khẳng định mạnh mẽ về sức mạnh đoàn kết, ý chí tự lực và khát vọng vươn lên của toàn thể dân tộc Việt Nam. Cuộc Cách mạng tháng Tám đã đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển đất nước, mang lại một niềm tin mới vào khả năng tự quyết, và mở ra con đường cho những cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước, cũng như cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội sau này.

Từ nền tảng vững chắc của Cách mạng tháng Tám, Việt Nam đã vươn mình mạnh mẽ trong những giai đoạn khó khăn, đặc biệt là sau công cuộc đổi mới toàn diện bắt đầu từ năm 1986. Công cuộc đổi mới đã đưa Việt Nam từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nghèo đói, trở thành một quốc gia có nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dần dần hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu. Những thành tựu to lớn mà đất nước đạt được trong suốt hơn ba thập kỷ qua là minh chứng rõ rệt cho sức mạnh của sự đoàn kết dân tộc, cho sự đúng đắn của đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và cho bản lĩnh vượt qua thử thách của dân tộc Việt Nam.

Thành tựu của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới không chỉ thể hiện ở sự phát triển kinh tế mà còn ở sự chuyển mình trong các lĩnh vực khác. Việt Nam đã không chỉ chủ động tiếp cận các công nghệ hiện đại, mà còn sáng tạo và phát triển trong lĩnh vực chuyển đổi số, công nghiệp 4.0, phát triển xanh, và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, Việt Nam cũng đã vươn lên từ một quốc gia bị bao vây, cấm vận thành một thành viên chủ động và tích cực trong cộng đồng quốc tế, tham gia và giữ vai trò quan trọng trong các tổ chức đa phương khu vực và toàn cầu như ASEAN, APEC, và Liên hợp quốc.

Tinh thần và giá trị của Cách mạng tháng Tám không chỉ được bảo tồn mà còn tiếp tục trở thành động lực chính trị mạnh mẽ cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong bối cảnh thế giới đang biến đổi nhanh chóng, với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia gia tăng, bài học của Cách mạng tháng Tám vẫn luôn giữ nguyên giá trị. Đặc biệt, bài học về sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại - biết tận dụng cơ hội, hành động kịp thời và chiến lược - ngày càng trở nên quan trọng. Đây chính là nền tảng tư tưởng chính trị để Việt Nam vươn mình mạnh mẽ trong thế kỷ XXI, hướng tới mục tiêu trở thành một quốc gia phát triển vào giữa thế kỷ này.

Với những bài học quý giá từ Cách mạng tháng Tám, Việt Nam tiếp tục khẳng định khát vọng và sức mạnh của một dân tộc tự do, tự chủ, không ngừng vươn lên và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nhân loại. Những giá trị của Cách mạng tháng Tám không chỉ còn là bài học lịch sử mà còn là kim chỉ nam cho Việt Nam trong việc đối mặt với những thách thức và nắm bắt những cơ hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế ngày nay. Tinh thần dân thân, đổi mới và vươn lên của Cách mạng tháng Tám sẽ mãi là động lực cho sự nghiệp phát triển và thịnh vượng của đất nước trong những thập kỷ tới.

Cách mạng tháng Tám 1945 đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam, đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam độc lập, tự do và bước vào một hành trình phát triển bền vững. Thành công vĩ đại của cuộc cách mạng không chỉ giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho một kỷ nguyên phát triển, nơi Việt Nam vươn mình mạnh mẽ trên con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam bắt đầu từ Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam, nơi Đảng đã đề ra các mục tiêu chiến lược rõ ràng, với khát vọng xây dựng một quốc gia phát triển thịnh vượng, có thu nhập cao, sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Đến năm 2030, Việt Nam sẽ trở thành một quốc gia đang phát triển với công nghiệp hiện đại và thu nhập trung bình cao, và đến năm 2045, sẽ trở thành một quốc gia xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao. Kỷ nguyên này không chỉ là sự kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, mà còn là khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, với khát vọng phát triển đất nước và đóng góp vào sự phát triển chung của thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam sẽ đoàn kết, chung sức đồng lòng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh, hướng tới một tương lai tươi sáng, vươn lên sánh vai với các cường quốc năm châu. Từ thực tiễn lịch sử và yêu cầu phát triển, cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, phát huy tinh thần độc lập, tự chủ trong hoạch định và thực thi chiến lược phát triển quốc gia. Tinh thần tự lực, tự cường chính là yếu tố nền tảng tạo nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, Việt Nam cần tiếp tục xây dựng mô hình phát triển dựa trên nội lực - đặc biệt là nội lực kinh tế, khoa học công nghệ và văn hóa. Điều này đòi hỏi tăng cường năng lực tự chủ về công nghệ, năng lực, tài chính và nhân lực; giảm thiểu sự phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng bên ngoài, đồng thời làm chủ các lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế số và công nghiệp hiện đại.

Hai là, kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Cách mạng tháng Tám đã thành công nhờ Đảng ta biết tận dụng thời cơ lịch sử, huy động toàn dân tộc tham gia cách mạng. Trong giai đoạn mới, bài học ấy cần tiếp tục được phát huy thông qua việc chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, tận dụng các xu hướng lớn như Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, phát triển xanh và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, phải giữ vững bản sắc dân tộc, lấy văn hóa làm nền tảng tinh thần cho sự phát triển bền vững.

Ba là, củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong sự nghiệp phát triển đất nước. Cách mạng tháng Tám khẳng định vai trò quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc lãnh đạo cách mạng, tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân. Trong thời kỳ mới, cần tiếp tục xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; nâng cao năng lực hoạch định chính sách, năng lực lãnh đạo và quản trị quốc gia, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Bốn là, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển đất nước, tinh thần yêu nước và ý chí tự lực, tự cường trong mọi tầng lớp nhân dân. Từ thành công của Cách mạng tháng Tám, có thể thấy rằng sức mạnh nội sinh của dân tộc là yếu tố quyết định. Vì vậy, cần đẩy mạnh giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng, khơi dậy niềm tin, khát vọng cống hiến trong thế hệ trẻ. Đồng thời, tạo lập môi trường thuận lợi để người dân, doanh nghiệp, trí thức được đóng góp và phát triển, nhất là trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, sáng tạo và khởi nghiệp.

Năm là, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Sau Cách mạng tháng Tám, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, lần đầu tiên đặt nền móng cho một thể chế chính trị vì nhân dân. Trong kỷ nguyên mới, tiếp tục hoàn thiện thể chế theo hướng dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả. Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công vụ, mở rộng dân chủ thực chất và phát huy vai trò giám sát của nhân dân là những nhiệm vụ trọng tâm để đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, phục vụ nhân dân và do nhân dân kiểm soát.

Sáu là, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã chấm dứt ách đô hộ ngoại bang, giành lại độc lập cho dân tộc. Bài học giữ nước luôn song hành với dựng nước vẫn còn nguyên giá trị. Trong bối cảnh hiện nay, cần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; chủ động đấu tranh với các âm mưu “diễn biến hòa bình”; đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ và lợi ích quốc gia.

Bảy là, thực hiện thành công các mục tiêu phát triển chiến lược đến năm 2030 và 2045 - những cột mốc đánh dấu bước ngoặt của kỷ nguyên phát triển mới. Đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao và xã hội chủ nghĩa. Để đạt được điều đó, cần đẩy mạnh cải cách thể chế, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đầu tư vào khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và hạ tầng chiến lược. Đồng thời, phát triển bền vững trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và công bằng xã hội.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một dấu mốc lịch sử chói lọi, để lại cho dân tộc Việt Nam một di sản tinh thần vô cùng to lớn - đó là nền tảng tư tưởng, lý luận và thực tiễn sâu sắc cho sự nghiệp cách mạng, xây dựng và phát triển đất nước. Những bài học quý giá về vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, tinh thần

tự lực tự cường, khả năng nắm bắt thời cơ và tư duy phát triển vì con người... vẫn giữ nguyên giá trị và sức sống mạnh mẽ trong thời đại ngày nay. Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và sự chuyển mình nhanh chóng của thế giới, việc tiếp tục kế thừa, phát huy và vận dụng sáng tạo những bài học từ Cách mạng tháng Tám là yêu cầu cấp thiết, nhằm đưa Việt Nam không chỉ phát triển về kinh tế mà còn khẳng định vững chắc vị thế chính trị, văn hóa và con người trên trường quốc tế.

Nhìn lại chặng đường lịch sử vẻ vang kể từ năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta có quyền tự hào về những thành tựu to lớn đã đạt được qua các thời kỳ phát triển của dân tộc. Phía trước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức đan xen với những thời cơ thuận lợi, song một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - đã thực sự bắt đầu. Đây là thời kỳ nước rút có tính chiến lược để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước, phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính trong hành trình ấy, lý tưởng và tinh thần của Cách mạng tháng Tám sẽ tiếp tục soi đường, truyền cảm hứng và củng cố niềm tin cho toàn dân tộc trên con đường hiện thực hóa khát vọng “Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu” như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

DI SẢN NGOẠI GIAO CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Trần Thị Hà Trang*

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự kiện chính trị trọng đại, đánh dấu bước ngoặt lịch sử khi nhân dân Việt Nam giành lại chính quyền từ tay thực dân, phong kiến. Ngay sau khi giành độc lập, đối ngoại trở thành một lĩnh vực chiến lược nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, khẳng định chủ quyền quốc gia và tạo dựng vị thế trên trường quốc tế. Di sản đối ngoại từ thời kỳ này không chỉ mang tính lịch sử mà còn có giá trị sâu sắc trong hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời đại hội nhập và phát triển. Theo giáo sư Vũ Dương Huân, nguyên Giám đốc Học viện Ngoại giao: “Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, đối ngoại luôn là một mặt trận, một công cụ chiến lược sắc bén để bảo vệ lợi ích dân tộc”¹. Việc nhận diện rõ những giá trị đó và vận dụng linh hoạt trong kỷ nguyên mới là yêu cầu cấp thiết đối với nghiên cứu và thực tiễn ngoại giao hiện nay. Đường lối này mang đậm tính cách mạng, độc lập, chủ động, linh hoạt - trở thành “di sản đối ngoại” có giá trị lâu dài.

NỘI DUNG

1. Nội dung cốt lõi trong di sản đối ngoại của Cách mạng tháng Tám

Tư tưởng độc lập, tự chủ trong đối ngoại.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập năm 1945 là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam chính thức trở thành một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Ngay từ bản *Tuyên ngôn Độc lập* (02/9/1945), Hồ Chí Minh đã khẳng định tinh thần độc lập, tự chủ như một nguyên lý bất biến: “Dân tộc Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập”². Việc giữ vững độc lập, tự chủ đó chính là đường lối đối ngoại nổi bật nhất trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Người khẳng định: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”³. Trong *Lời kêu gọi nhân ngày kỷ niệm Độc lập ngày 02/9/1945*, Người viết: “Độc lập mà không có quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế riêng. Nhân dân Việt Nam quyết không thêm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy”⁴. Độc lập, tự chủ được xem là đặc trưng của bản lĩnh chính trị, đối ngoại của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh đã kế thừa và vận dụng một cách khéo léo trong quá trình vạch ra đường lối đối ngoại phù hợp với điều kiện lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”⁵. Chính vì vậy, mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ với đoàn kết, hợp tác quốc tế chính là biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa sức mạnh bên trong và sức mạnh bên ngoài. Đây là tiền đề tư tưởng cho nguyên tắc “độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển” trong chính sách đối ngoại hiện đại.

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Bộ Ngoại giao: *Sách trắng Ngoại giao Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.22.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.12.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.11 - 12.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.5, tr.316.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.417.

Hòa bình, hữu nghị - phương châm ứng xử đối ngoại cốt lõi.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn hoạt động đối ngoại của Nhà nước ngay sau Cách mạng tháng Tám, phương châm hòa bình, hữu nghị được đề cao. Câu nói nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”⁶ đã trở thành triết lý nền tảng trong chính sách đối ngoại. Nhờ đó, cùng với các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa... mặt trận ngoại giao luôn đóng vai trò trọng yếu trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, góp phần tạo nên những thắng lợi hết sức to lớn, làm rạng rỡ lịch sử dân tộc. Đặc biệt, vai trò đó được thể hiện trong việc “vừa đánh, vừa đàm”⁷, từ đàm phán, bảo vệ Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ, lúc mới thành lập sau Cách mạng tháng Tám năm 1945; đàm phán, ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Và từ đó, đối ngoại đã trở thành một mặt trận tạo lõi, mở đường, đi đầu từng bước phá vỡ thế trận bao vây, cấm vận, khơi thông quan hệ với nhiều đối tác, mở ra cục diện mới cho công cuộc đổi mới, hội nhập, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Linh hoạt, mềm dẻo trong chiến lược ngoại giao.

Một trong những bài học quý giá từ Cách mạng tháng Tám là sự linh hoạt trong đối ngoại. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quán triệt quan điểm chỉ đạo “phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ” để biết mình, biết người, luôn làm chủ tình thế; hiểu rõ vị trí chiến lược của Việt Nam trong mối quan hệ giữa các nước lớn. Người đặc biệt coi trọng việc xử lý khéo léo quan hệ với các nước, nhất là các nước láng giềng và các nước lớn. Người nhấn mạnh: “Tầm nhìn phải rộng, suy nghĩ phải sâu, biết mình, biết người, biết thời, biết thế. Lạc nước hai xe đánh bỏ phí, gặp thời một tốt cũng thành công”⁸. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, với bối cảnh đất nước ở thế “ngàn cân treo sợi tóc” nhưng nhờ sự mềm dẻo, uyển chuyển trong sách lược cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa dân tộc giành được độc lập, chủ quyền.

2. Bài học kinh nghiệm cho chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Kế thừa tư tưởng, nghệ thuật, phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã không ngừng đổi mới, phát triển tư duy về đối ngoại, ngoại giao, phục vụ tốt nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Sự đổi mới tư duy lý luận giúp chúng ta nhìn nhận, đánh giá đúng các quy luật phát triển, các xu thế lớn trong sự vận động của thế giới, các lực lượng trên trường quốc tế; nhận diện rõ các đối tác, đối tượng trong quan hệ đối ngoại, lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam; định vị Việt Nam trên trường quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tranh thủ các điều kiện bên ngoài thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tại Đại hội Đảng lần thứ XIII, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã thống nhất rất cao về nhận thức và quyết tâm: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”⁹.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sổ tay*, 2011, t.4, tr.414.

⁷ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.181.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổ tay*, 2011, t.3, tr.326.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2021, t.1, tr.161 - 162.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, Đảng ta đã kiên định chủ trương hội nhập quốc tế theo lộ trình, vừa có trọng tâm, vừa có trọng điểm. Có thể thấy, hơn 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc đối ngoại, ngoại giao và văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới và tư tưởng tiên bộ của thời đại. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: “Việt Nam là một quốc gia đang phát triển mạnh mẽ, có vị trí địa lý chiến lược quan trọng trước những chuyển dịch hiện nay của thời đại. Trong thế giới biến động và khó lường, thách thức luôn luôn đan xen với cơ hội, rủi ro luôn đi kèm với thời cơ”¹⁰. Chúng ta đã xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao rất độc đáo và đặc sắc của thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”, gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển, thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam.

Từ thực tiễn đã chứng minh, đường lối đối ngoại, ngoại giao mang bản sắc “cây tre Việt Nam” đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, giúp tạo lối, mở đường, từng bước phá thế bao vây, cấm vận, khơi thông quan hệ, mở ra cục diện mới thuận lợi cho công cuộc bảo vệ và phát triển đất nước, nâng cao thế và lực của Việt Nam. Đến nay, với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng, “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹¹.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng về công tác đối ngoại, trong hơn 35 năm qua, trên cơ sở những kết quả và thành tích đáng tự hào, chúng ta cũng rút ra được một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, bài học bao trùm và bất biến là luôn luôn bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, quản lý tập trung của Nhà nước đối với công tác đối ngoại, ngoại giao. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta luôn luôn kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để lãnh đạo công tác đối ngoại của đất nước phù hợp với tình hình thế giới trong giai đoạn phát triển của đất nước, bổ sung các quan điểm, chủ trương, biện pháp lớn về đối ngoại, ngoại giao.

Hai là, bài học về sự kiên định trong nguyên tắc và linh hoạt trong sách lược. Nguyên tắc của chúng ta là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sách lược của chúng ta là cơ động, linh hoạt điều chỉnh tùy theo từng vấn đề, từng thời điểm và tùy theo đối tác hay đối tượng, tuân thủ tư tưởng lớn của Bác Hồ: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, “thêm bạn bớt thù”, sẵn sàng “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với ai”¹².

Ba là, bài học về xây dựng sự đoàn kết, đồng thuận trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân như lời căn dặn của Bác Hồ: “Sự nghiệp làm nên bởi chữ Đồng”¹³. Đường lối đối ngoại đúng đắn, giương cao ngọn cờ chính nghĩa và sự triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách cụ thể đã góp phần tạo ra sự đồng thuận cao của toàn bộ hệ thống chính trị, sự đoàn kết của toàn dân tộc và sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của bạn bè quốc tế.

Bốn là, đối ngoại, ngoại giao là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Do vậy, phải khơi dậy niềm tự hào dân tộc và ý chí vươn lên phát triển đất nước, củng cố sự đoàn kết trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, sự tham gia tích cực của cả

¹⁰ Nguyễn Phú Trọng: *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “Cây tre Việt Nam”*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2024, tr.11.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2021, t.1, tr.104.

¹² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.256.

¹³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.279.

hệ thống chính trị để xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Cùng với quá trình hội nhập, hoạt động đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu. Tình hình đó đòi hỏi sự gắn kết và phối hợp nhịp nhàng giữa các ban, bộ, ngành, các cấp; các tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế; ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, ngoại giao quốc phòng, an ninh.

KẾT LUẬN

Di sản ngoại giao từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 là biểu hiện rõ nét nhất cho trí tuệ và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam trên mặt trận đối ngoại. Từ những nguyên tắc bất biến như độc lập tự chủ đến những chiến lược linh hoạt và sáng tạo, ngoại giao 1945 để lại nhiều bài học quý báu. Những nguyên tắc, tư tưởng, và phương pháp ngoại giao được hình thành từ giai đoạn này không chỉ giúp Việt Nam bảo vệ thành quả cách mạng mà còn tạo nền móng vững chắc cho chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên vươn mình. Trong thời kỳ đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ, việc tiếp tục kế thừa và phát huy những bài học này là điều kiện then chốt để nâng tầm vị thế Việt Nam trong trật tự quốc tế mới.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ BÀI HỌC CHO CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA THỰC DÂN KIỂU MỚI Ở MỘT SỐ NƯỚC CHÂU PHI

*ThS. Trương Phi Long**

*ThS. Phạm Văn Thiện***

MỞ ĐẦU

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra bước ngoặt vĩ đại, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Tiếp nối tinh thần “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹ nhân dân Việt Nam đã làm nên một Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ chấn động địa cầu mở đầu quá trình sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đang sống dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới vùng dậy đấu tranh giành quyền độc lập và tự do. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã làm cho hệ thống thuộc địa hoàn chỉnh của Pháp đã bị phá vỡ khâu quan trọng. Điều đó tạo ra những thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân một số nước châu Phi nằm trong hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

Trước sức ép mạnh mẽ từ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước châu Phi và phong trào cách mạng thế giới, để không mất đi những lợi ích của mình từ những năm 50, 60 của thế kỷ XX, thực dân Pháp đã áp dụng những thủ đoạn mới với những hiệp ước ràng buộc về kinh tế, chính trị, văn hoá, quân sự... Để rồi đến hôm nay nhiều quốc gia mang danh “độc lập” nhưng người dân chưa từng được hưởng một cuộc sống độc lập, tự do đúng nghĩa. Từ thực tiễn trên, qua bài viết tác giả muốn chỉ ra những bài học và ý nghĩa thời đại to lớn của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mang lại cho nhân dân, dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới, đặc biệt là những quốc gia đang “gồng mình” để thoát khỏi vòng tay của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

NỘI DUNG

1. Thuế thuộc địa - một biểu hiện của chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở châu Phi

Nhắc đến chủ nghĩa thực dân thường nhắc chúng ta đến một giai đoạn lịch sử từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX khi những người châu Âu tiến hành xâm lược, chiếm đóng, kiểm soát và khai thác tài nguyên của quốc gia bị chiếm đóng để phục vụ lợi ích kinh tế và chính trị của quốc gia thực dân với những mục tiêu như: thu lợi về kinh tế, mở rộng uy quyền của mẫu quốc, trốn thoát sự ngược đãi tại mẫu quốc, cải đạo cho người dân bản xứ sang tín ngưỡng của những người thực dân,... Nhưng điều làm nhiều người ngạc nhiên nhất chính là việc chủ nghĩa thực dân vẫn còn tồn tại ở thế kỷ XXI trong khi đây là một cụm từ đã dừng lại ở thế kỷ XX và đối tượng của chủ nghĩa này lại là các nước Trung Phi, Tây Phi đã tuyên bố độc lập.

Vậy câu hỏi đặt ra ở đây là: Các nước đã được độc lập sao lại còn là thuộc địa? Để giải thích được điều này chúng ta cần phải làm rõ cái cách mà một số nước châu Phi có được “độc lập”. “Độc lập tự giành lấy” hay “Độc lập được trao trả”. Khác với Việt Nam - một quốc gia giành được độc lập nhờ sự hi sinh xương máu của biết bao thế hệ người

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

** Trường Trung cấp Nông lâm nghiệp Bình Dương

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.534.

Việt, còn một số nước từng là thuộc địa của Pháp tại châu Phi lại được trao trả độc lập bởi chính nước Pháp. Đây có phải là một điều quá dễ dàng đối với các nước thuộc địa trong việc giành lại độc lập không? Câu trả lời là không. Cái gọi là “*trao trả độc lập trong hòa bình*” này không phải các nước châu Phi tự đấu tranh triệt để giành lấy, mà là bị Pháp đã ép ký hiệp định thuộc địa mở rộng với những điều khoản vô lý để đổi lại một cái danh “*nước độc lập*”. Bản chất sâu bên trong là Pháp đã trao trả quyền độc lập, quyền tự quyết thật sự cho các nước hay không? Hay chỉ là một cách để chủ nghĩa thực dân Pháp “*ăn mình*” tồn tại và duy trì đến ngày nay.

Quay lại quá khứ, kế thừa trang sử vàng trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, chỉ trong vòng 15 năm (1930 - 1945), Đảng ta đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến hành ba cao trào cách mạng và kết thúc bằng cuộc “*tổng khởi nghĩa, đánh đổ đế quốc phong kiến, thành lập nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á... với tinh thần độc lập tự chủ, dựa vào sức mình, chủ động sáng tạo, xóa bỏ xiềng xích nô lệ, tự thay đổi cuộc sống của mình, là thắng lợi mở đầu cho cao trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai*”². Tiếp đến với 9 năm trường kỳ kháng chiến để tới trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ, đánh sập ý chí xâm lược của địch.

Với nguy cơ mất đi sự giàu có và quyền lực to lớn, Pháp buộc phải tìm cách giữ lại các nước thuộc địa còn lại. Năm 1950 - 1962, với các chiêu trò của mình Pháp buộc 14 quốc gia châu Phi (Benin, Burkina Faso, Guinea-Bissau, Bờ Biển Ngà, Mali, Niger, Senegal, Togo, Cameroon, Cộng hòa Trung Phi, Chad, Congo - Brazzaville, Guinea Xích đạo và Gabon) buộc phải kí Hiệp ước để đổi lại nền độc lập cho mình, với tổng cộng 11 điều khoản trói buộc trên các lĩnh vực như: “*Phải trả ‘Khoản nợ thuộc địa’ để đền bù những lợi ích từ chế độ thuộc địa của Pháp; Tự động thu nộp dự trữ quốc gia; Phải ưu tiên cho Pháp khai thác đối với bất kỳ nguồn tài nguyên nào được tìm thấy trong các nước này; Phải ưu tiên cho Pháp và các công ty Pháp trong mua sắm công và đấu thầu công khai; Pháp được độc quyền cung cấp thiết bị quân sự và đào tạo cho các cán bộ quân sự nước cựa thuộc địa; Phải cho Pháp để sẵn sàng triển khai quân đội trên lãnh thổ nước mình để bảo vệ lợi ích của Pháp; Dùng tiếng Pháp là ngôn ngữ chính thức của quốc gia và ngôn ngữ cho giáo dục; Phải sử dụng hệ thống tiền tệ thuộc địa Pháp FCFA; Phải gửi cho Pháp dự trữ và cân đối thu chi hàng năm; Không được phép gia nhập bất cứ liên minh quân sự nào khác trừ khi được sự cho phép của Pháp; Phải liên minh với Pháp trong hoàn cảnh chiến tranh hay khủng hoảng toàn cầu*”³.

Có thể hiểu rằng, việc ràng buộc bởi các điều khoản trong hiệp ước của Pháp với các nước châu Phi có thể được coi như là một hình thức chủ nghĩa thực dân kiểu mới, kiểm soát thông qua kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ thay vì bằng quân sự. Bằng cách thúc đẩy nền tuyên truyền văn hóa, ngôn ngữ mới bằng phương tiện truyền thông kiểu thuộc địa, làm xói mòn những giá trị văn hoá, lịch sử dân tộc bản địa. Cổ vũ các giá trị văn hóa kiểu phương Tây vốn xa lạ (thậm chí độc hại) vào các nước. Nuôi dưỡng và xây dựng bộ máy chính phủ thân Pháp với mục đích cuối cùng tương tự chủ nghĩa tư bản, chính là có thể kiếm được lợi nhuận cao nhất.

Hiệp ước thuộc địa mà Pháp đưa ra thực chất chỉ mang lại sự “*tự do*”, “*độc lập*” hão huyền cho các nước cựa thuộc địa. Các nước phải trả các khoản nợ thuộc địa chiếm đến khoảng 40% ngân sách quốc gia (1963) để đổi lấy sự độc lập mà họ hiển nhiên phải có.

² Nguyễn Anh Thái (chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr.314.

³ Mawuna Koutonin, “14 African Countries Forced by France to Pay Colonial Tax For the Benefits of Slavery and Colonization” (14 quốc gia châu Phi bị Pháp ép phải nộp “thuế thuộc địa” để đổi lấy những “lợi ích” từ chế độ nô lệ và thời kỳ thực dân), *Silicon Africa*, 28/1/2014. Truy cập tại: <https://siliconafrika.com/france-colonial-tax/>

Chính sách tiền tệ bị chi phối, bản thân các nước cũng không biết và cũng không được biết có bao nhiêu dự trữ ngoại hối đang giữ bởi Kho bạc Pháp thuộc về họ. Thậm chí còn phải vay mượn tiền của chính mình với lãi suất thương mại. Các ngành kinh tế trọng điểm, các vấn đề về giáo dục, chính trị, quân sự tại châu Phi cũng bị Pháp can thiệp sâu. Hậu quả là các quốc gia trên phải đối mặt với vô số các vấn đề xã hội như tình trạng nghèo đói, chênh lệch giàu nghèo rất lớn giữa giới tinh hoa và người dân, chia rẽ sắc tộc, sự tham nhũng của các chính phủ, các cuộc đảo chính và bạo loạn, sự lạc hậu về cơ sở vật chất, giáo dục và dân trí, và cả sự cạn kiệt của tài nguyên thiên nhiên.

Cho đến nay chúng ta mới thấy rằng, dù đã được tuyên bố “độc lập”, các quốc gia ở châu Phi vẫn bị quá phụ thuộc và ràng buộc vào những nghĩa vụ, kiểm soát tài chính của Pháp. Đến năm 2024 hầu hết quốc gia kể trên vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả “*khoản nợ thuộc địa*” cho Pháp. Lãnh đạo nước nào của châu Phi từ chối, không hợp tác sẽ là nạn nhân của những cuộc đảo chính. Các nguồn tin quốc tế khẳng định hệ thống “thuộc địa kiểu mới” từ châu Phi đã đem về cho nước Pháp mỗi năm khoảng 500 tỷ đôla. Pháp còn được lợi về nguồn tài nguyên giàu có và cả các nhân tài. Điều đó cho thấy Pháp đã có những thủ đoạn đầy dã tâm và tinh vi thế nào trong việc rút cạn tài nguyên của các nước cựu thuộc địa. Về số tiền quốc gia châu Phi trong các ngân hàng Pháp, cựu Tổng thống Pháp Jacques Chirac thừa nhận rằng, một phần lớn số tiền trong ngân hàng Pháp đến, chính xác là, từ việc khai thác lục địa châu Phi, đồng thời nhấn mạnh nếu không có châu Phi, Pháp sẽ tụt xuống vị trí cường quốc thứ ba thế giới. Vậy câu hỏi đặt ra: Nêu không đấu tranh để chống lại sự bóc lột phi lý thì các quốc gia châu Phi này phải trả thuế đến khi nào? Con đường nào để họ có thể giải phóng và làm chủ vận mệnh của dân tộc mình?

2. Cách mạng tháng Tám năm 1945 chứng minh tính cách mạng, tính khoa học về vấn đề dân tộc thuộc địa và bài học cho phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở một số nước châu Phi

Với tinh thần “đem sức ta mà giải phóng cho ta”, tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đã đập tan ách phát xít Nhật, lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp hơn 80 năm, xóa bỏ chế độ phong kiến hàng nghìn năm, giành quyền độc lập dân tộc, đưa nhân dân ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi nơi kết tinh, hội tụ và tỏa sáng ý chí độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam là tầm cao trí tuệ của dân tộc hòa quyện với những tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh. “Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã chứng minh sự đúng đắn của học thuyết Mác - Lênin về vấn đề dân tộc thuộc địa, đã chứng minh sự đúng đắn của con đường của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại đã vạch ra”⁴.

Cách mạng tháng Tám thành công là kết quả chuẩn bị chu đáo về mọi mặt của Đảng và nhân dân ta trong suốt 15 năm (1930 - 1945), từ việc Đảng ta đã nghiên cứu, phân tích quy luật mâu thuẫn trong xã hội tư bản, giữa chủ nghĩa thực dân với các nước thuộc địa, mâu thuẫn địa chính trị của chủ nghĩa đế quốc, phát xít để tìm ra những khâu yếu nhất của kẻ thù; Nhận thức đúng chủ nghĩa Mác-Lênin, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Đảng ta luôn luôn chú trọng xây dựng cả hai lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp cả các hình thức đấu tranh chính trị và quân sự; Nắm vững tình thế cách mạng để phát động tổng nghĩa giành chính quyền. Nhưng bài học lớn nhất mang ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám cũng như lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam đó là phải tự lực, tự cường, tự chủ, luôn biết chủ động và dựa vào sức mình là chính để tự giải phóng mình.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2011, t.11, tr.180

Rời quê hương sau 30 năm trở về lãnh đạo cách mạng Việt Nam, dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh việc giải phóng của ta phải do ta tự làm lấy chứ không thể trông mong vào lực lượng bên ngoài. “Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”⁵. Trước tình hình quốc tế và trong nước có nhiều thuận lợi, Đảng ta đã có những quyết sách nhằm đẩy mạnh công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Ngay sau đại hội Quốc dân, Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên!”⁶. Hưởng ứng lời kêu gọi của người, chỉ trong nửa tháng, cả dân tộc Việt Nam đã nhất tề đứng lên giành chính quyền trong cả nước, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Thắng lợi đó là minh chứng khả năng phát huy cao độ ý chí tự cường dân tộc, truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của ông cha ta. Toàn dân một lòng không sợ gian khổ hy sinh, dám đánh thì sẽ tìm ra cách đánh linh hoạt, sáng tạo bằng mọi khả năng, mọi phương tiện có thể có, từ thô sơ đến hiện đại; Là vai trò to lớn của Đảng trong việc tập hợp được các tầng lớp nhân dân, xây dựng được khối đại đoàn kết trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi lấy liên minh công nông làm nòng cốt, coi trọng công tác đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo và cá nhân yêu nước thuộc tầng lớp trên để tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân; là thắng lợi của công tác xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, kết hợp chặt chẽ, triển khai thế trận chiến tranh nhân dân, dựa vào dân, bảo vệ dân, gắn bó với dân.

Với thành công của Cách mạng tháng Tám, Đảng đã tiếp tục đưa ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh để thực hiện và hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Đây chính là những bài học có “giá trị quốc tế” cho phong trào đấu tranh giải phóng tộc của nhân dân các nước Châu Phi. “Giá trị quốc tế” của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến chiến dịch Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam như là “ngọn roi làm thức tỉnh” ý thức dân tộc của nhân dân châu Phi thuộc địa, là điểm khởi đầu của một cuộc chiến đấu mới để tự giải phóng hoàn toàn của nhân dân Algeria, Tunisia, Morocco, Đông Sudan, Ghana, Guinea như một minh chứng cho tinh thần: “*Chúng tôi thích nghèo khổ nhưng được tự do, hơn giàu có mà bị nô lệ!*” của Tổng thống Guinea Sékou Touré.

Cùng với xu thế của cách mạng thời đại, đến những năm 1960, với tên gọi lịch sử là “Năm Châu Phi” điểm xoáy của cơn bão cách mạng là đã giúp 17 nước tuyên bố độc lập. Nhưng nhiều trong số các nước được xem là độc lập Guinea-Bissau, Bờ Biển Ngà, Mali, Niger, Guinea Xích đạo và Gabon,... từng là “thuộc địa cũ” của Pháp vẫn phải trả một cái giá rất đắt cho con đường đấu tranh giành độc lập của mình, để cho đến hôm nay như lời Tổng thống Burkina Faso, Ibrahim Traore nói: Các thế hệ trẻ không thể hiểu tại sao, dù giàu có tài nguyên, châu Phi vẫn mãi là khu vực nghèo nhất thế giới. Hệ quả cái “độc lập nửa vời” đó là một sự hình thức thuộc địa kiểu mới của Pháp với sự lệ thuộc chính trị, kinh tế, quân sự,... làm cho các quốc gia này rơi vào khủng hoảng về mọi mặt. Theo trang Web The Conversation thống kê, từ năm 1952 đến nay, châu Phi đứng đầu thế giới về số lượng đảo chính với không dưới 214 cuộc chính biến. Trong số 54 quốc gia trên Lục địa đen, 45 nước đã ghi nhận ít nhất xảy ra một âm mưu đảo chính. Bên cạnh đó, nhiều quốc

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.138.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.596.

gia châu Phi vẫn phải đối mặt với các thách thức như: khủng bố, nổi dậy và tội phạm có tổ chức, sự bất bình đẳng kinh tế và nghèo đói, tình trạng tham nhũng cũng một vấn nạn nguy hiểm tại rất nhiều quốc gia ở Lục địa đen.

Những lý do khiến châu Phi luẩn quẩn trong vòng tuần hoàn đảo chính là sự thiếu vắng nền tảng dân chủ ở nhiều quốc gia. Thực tế là, việc nhiều chính phủ lãnh đạo tại các nước châu Phi bị chi phối và lệ thuộc vào Pháp không chỉ khiến cho nền kinh tế và xã hội chậm phát triển, mà còn làm cho người dân trở nên bất mãn và mất lòng tin. Các cuộc đảo chính gần đây ở các quốc gia vùng Sahel, như Mali, Burkina Faso, Niger đều xuất phát từ nguyên nhân sâu xa là sự bất mãn của quân đội và người dân đối với sự lãnh đạo của các vị tổng thống đương nhiệm dưới sự chi phối rõ rệt của nước Pháp. Nó là dấu hiệu cho ý thức dân tộc tự quyết đang trỗi dậy mạnh mẽ để thoát khỏi cái bóng của chế độ thực dân kiểu mới và hướng tới một thế giới đa cực dựa trên chân lý và vũ khí đem lại chiến thắng của người Việt Nam trước đây: Đem sức ta mà giải phóng cho ta!

KẾT LUẬN

80 năm đã trôi qua những giá trị lịch sử to lớn và ý nghĩa thời đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945 luôn tỏa sáng và không bao giờ bị phai mờ theo thời gian. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám - nơi kết tinh và tỏa sáng của ý chí độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu. Sự kiện này như một mốc son chói lọi trong lịch sử phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, tạo những điều kiện thuận lợi và cổ vũ phong trào giải phóng thuộc địa trên thế giới.

Với một ý chí nhất quán từ tư tưởng Hồ Chí Minh: “Độc lập mà không có quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế riêng, nhân dân Việt Nam quyết không thềm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy”⁷ nhân dân Việt Nam đã viết thêm những trang sử hào hùng trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước thời đại Hồ Chí Minh. Tinh thần đó tiếp tục khơi nguồn để Đảng ta khởi xướng công cuộc đổi mới đất và hôm nay đây là “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

Giá trị độc lập dân tộc qua góc nhìn từ vấn đề thuế thuộc địa và thực tiễn kinh tế - xã hội của một số nước Châu Phi hiện nay, giúp chúng ta càng nhận thức rõ hơn về bản chất, giá trị của độc lập, tự do mà Cách mạng tháng Tám đã mang lại. Thấu hiểu và trân trọng nền độc lập, tự do thực sự mà chúng ta đang có. Qua đó, nâng cao ý thức chủ quyền dân tộc và cảnh giác với các âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ. Đây cũng là vấn đề để cho mỗi người, đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay có thêm những kiến thức, thông tin về thế giới và cả một “cái đầu” thật tinh táo để góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.5, tr.602.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 - BÀI HỌC VỀ HUY ĐỘNG SỨC MẠNH TOÀN DÂN TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC HIỆN NAY

*ThS. Nguyễn Thị Thương Uyên**

MỞ ĐẦU

Lịch sử dân tộc Việt Nam là bản anh hùng ca bất tận về tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập và ý chí quật cường vượt qua mọi áp bức, xâm lược để làm chủ vận mệnh quốc gia. Trong tiến trình đó, Cách mạng tháng Tám năm 1945 là dấu mốc bản lề, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thành công vĩ đại của cuộc cách mạng không chỉ do vận động khách quan của lịch sử, mà trước hết là nghệ thuật lãnh đạo cách mạng ưu việt - nghệ thuật huy động và phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Đây là bài học chiến lược, giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, khẳng định chân lý: không thể lực nào có thể khuất phục một dân tộc đoàn kết, đồng lòng vì mục tiêu độc lập, tự do và hạnh phúc. Lần đầu tiên trong lịch sử, tất cả các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, đồng bào tôn giáo, kiều bào, dân tộc thiểu số, cùng “đứng lên đáp lời sông núi”, tạo nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm nên cuộc tổng khởi nghĩa long trời lở đất, lật đổ ách thống trị thực dân, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và các thách thức mới, phát huy bài học đoàn kết toàn dân trong Cách mạng tháng Tám trở nên cấp thiết. Đây là nền tảng vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, động lực chiến lược thực hiện khát vọng phát triển hùng cường, thịnh vượng của Việt Nam giữa thế kỷ XXI. Bài viết tập trung phân tích bài học huy động sức mạnh toàn dân tộc từ Cách mạng tháng Tám, làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn, đồng thời đề xuất giải pháp phát huy tinh thần đại đoàn kết trong thời kỳ mới.

NỘI DUNG

1. Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Đỉnh cao của nghệ thuật huy động và phát huy sức mạnh toàn dân tộc

1.1. Bối cảnh và yêu cầu lịch sử

Giữa thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn diện chưa từng có: đất nước bị đặt dưới ách thống trị kếp của thực dân Pháp và phát xít Nhật; xã hội rơi vào cảnh lầm than; đạo lý dân tộc bị chà đạp; hơn hai triệu người chết đói trong nạn đói khủng khiếp năm 1944 - 1945. Đó là hệ quả của sự cấu kết tàn bạo giữa các thế lực ngoại bang và sự bất lực của chế độ tay sai, làm lộ rõ bản chất phản động của hệ thống thống trị cũ.

Trong bối cảnh đó, mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với các thế lực thực dân, phong kiến, phát xít trở thành mâu thuẫn đối kháng không thể điều hòa. Khát vọng độc lập, tự do, quyền làm chủ và mong muốn kiến tạo một xã hội công bằng, nhân văn đã bùng lên mãnh liệt trong mọi tầng lớp nhân dân. Đây không chỉ là tất yếu khách quan của lịch sử, mà còn là biểu hiện cao nhất của khát vọng dân tộc đã được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Tình thế lúc bấy giờ đặt ra yêu cầu cấp thiết *phải khơi dậy và quy tụ toàn bộ sức mạnh của dân tộc - không phân biệt giai cấp, tôn giáo, vùng miền - thành một lực lượng thống nhất, có tổ chức, có mục tiêu chiến lược rõ ràng, đủ sức đánh đổ chế độ thực dân -*

* Trường Đại học Nghệ An.

phong kiến và thiết lập nên một chính quyền của dân, do dân và vì dân. Đáp ứng yêu cầu lịch sử ấy, Đảng Cộng sản Đông Dương dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị, trí tuệ chiến lược và năng lực tổ chức ưu việt. Bằng đường lối đúng đắn, phương pháp cách mạng linh hoạt, Đảng ta đã tập hợp được mọi lực lượng yêu nước - công nông, trí thức, tôn giáo, dân tộc thiểu số, kiều bào - thành một khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm nên cuộc Tổng khởi nghĩa “long trời lở đất”, lật đổ ách đô hộ kéo dài hơn 80 năm.

Cách mạng tháng Tám vì vậy là minh chứng lịch sử sống động cho chân lý cách mạng: muốn thành công phải bắt nguồn từ dân, dựa vào dân, gắn bó với dân, vì lợi ích của toàn dân, và trên hết là biết phát huy sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

1.2. Nghệ thuật huy động và tổ chức lực lượng toàn dân - nhân tố quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám

Thành công “chớp nhoáng” nhưng mang tầm vóc vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là đỉnh cao của một quá trình chuẩn bị công phu và đầy bản lĩnh của Đảng ta trong việc tổ chức, tập hợp và huy động sức mạnh toàn dân tộc. Ở đó, nghệ thuật lãnh đạo của Đảng - kết tinh trong phương thức “dựa vào dân, phát động dân và tổ chức dân” - đã phát huy đến mức cao độ, tạo nên bước ngoặt mang tính thời đại trong lịch sử Việt Nam. Để làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám 1945, có thể khái quát ba nhân tố nổi bật thể hiện sâu sắc tầm cao trí tuệ, bản lĩnh và phương pháp cách mạng của Đảng ta:

Thứ nhất, từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

Ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định rõ ràng rằng: cách mạng muốn thành công phải có sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân, trong đó công - nông là lực lượng nòng cốt, đồng thời phải liên minh với các tầng lớp trí thức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, các lực lượng yêu nước, tiến bộ khác trong xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân, nhất quán với nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã sớm được Đảng ta vận dụng sáng tạo để xây dựng một chiến lược tập hợp lực lượng rộng rãi nhất trong mặt trận dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là then chốt của thành công”¹. Và Người nhấn mạnh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”².

Tư tưởng đó không chỉ là khẩu hiệu động viên tinh thần, mà được cụ thể hóa thành một chiến lược tổ chức lực lượng cách mạng khoa học, linh hoạt và hiệu quả, từ việc xây dựng Mặt trận Việt Minh, tổ chức các Hội cứu quốc theo từng giới, từng ngành, từng vùng, đến việc vận dụng mềm dẻo chính sách dân tộc - tôn giáo, chính sách đối ngoại và sách lược cách mạng nhằm thu hút tối đa mọi lực lượng yêu nước vào quỹ đạo đấu tranh cách mạng.

Thứ hai, Mặt trận Việt Minh - kênh huy động sức dân toàn diện, sáng tạo.

Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh năm 1941 là bước ngoặt chiến lược thể hiện rõ nghệ thuật tổ chức cách mạng và tư duy huy động lực lượng của Đảng. Việt Minh không chỉ là một tổ chức chính trị, mà còn là một phong trào quần chúng rộng lớn, trở thành cái “trung tâm đoàn kết” của toàn dân tộc, từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền ngược, từ Bắc chí Nam. Thông qua Việt Minh và các tổ chức cứu quốc, Đảng đã phát động quần chúng bằng khẩu hiệu thiết thực, gần gũi: “Phá kho thóc Nhật chia cho dân nghèo”, “Chống thuế, chống bắt lính”, “Giết giặc Nhật, đuổi giặc Tây”,... Từ đó, từng lớp

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.367.

² Hồ Chí Minh: *Sđđ*, 2011, t.11, tr.367.

người dân bị áp bức, bóc lột đã được giác ngộ, thức tỉnh, tổ chức và hành động - không còn là những cá nhân đơn lẻ chịu đựng, mà trở thành những chủ thể cách mạng có ý thức, có tổ chức, có niềm tin và mục tiêu rõ ràng. Chính việc tạo lập được hình thái liên minh dân tộc rộng rãi ấy đã làm nên ưu thế vượt trội của Cách mạng tháng Tám: một cuộc tổng khởi nghĩa mà toàn dân là chủ thể hành động, và mỗi người dân đều mang trong mình một niềm tin thiêng liêng: giành lại độc lập cho dân tộc, quyền sống cho mọi người dân.

Thứ ba, kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo tập trung và phát huy tính tự giác của quần chúng.

Một đặc điểm nổi bật của nghệ thuật huy động toàn dân trong Cách mạng tháng Tám là sự kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng với tính chủ động, sáng tạo và tự giác của nhân dân ở cơ sở. Các đội tự vệ, các Ủy ban khởi nghĩa, các Hội cứu quốc ở địa phương,... đều được tổ chức linh hoạt, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng đối tượng. Trong khi Trung ương Đảng đưa ra những chủ trương, chiến lược lớn, thì cán bộ cơ sở đóng vai trò then chốt trong việc chuyển hóa ý chí cách mạng thành hành động cụ thể, phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện.

Chính sự linh hoạt đó đã làm nên sức mạnh tổng hợp, khiến cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra trên phạm vi cả nước gần như cùng một lúc, mà không cần chờ mệnh lệnh hành chính cứng nhắc từ trên xuống. Đó là một biểu hiện sinh động của nguyên lý: “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”³, nơi nhân dân không chỉ là đối tượng được giác ngộ, mà chính là chủ thể sáng tạo ra lịch sử.

1.3. Giá trị lý luận và thực tiễn của bài học huy động sức mạnh toàn dân tộc từ Cách mạng tháng Tám đối với sự nghiệp phát triển đất nước hiện nay

Cách mạng tháng Tám đã lùi xa gần 80 năm, những bài học về huy động và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc mà Đảng ta vận dụng trong cuộc cách mạng ấy vẫn vẹn nguyên tính thời sự và có ý nghĩa sâu sắc trong thời kỳ đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và khát vọng phát triển phồn vinh, hạnh phúc. Đó không chỉ là bài học lịch sử, mà còn là kim chỉ nam mang tính nguyên lý trong tư duy và hành động chính trị, tổ chức xã hội hiện đại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Thứ nhất, Đại đoàn kết toàn dân tộc - nền tảng chiến lược trong phát triển bền vững quốc gia.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc - cốt lõi trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám - ngày nay tiếp tục được khẳng định là đường lối chiến lược, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ trước những thời cơ và thách thức đan xen, khi quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc càng trở thành yêu cầu cấp thiết. Đó là sức mạnh của khối liên minh giữa các giai cấp - tầng lớp trong xã hội, giữa các dân tộc - tôn giáo, giữa người Việt Nam trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài - cùng chung một mục tiêu là xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁴.

Thành công của Cách mạng tháng Tám cho thấy: sức mạnh của dân tộc không phải tự nhiên có, mà là kết quả của một quá trình vận động, tổ chức, giáo dục và thuyết phục liên tục - có lý luận dẫn đường, có tổ chức làm nòng cốt, có phương pháp phù hợp, có mục tiêu truyền cảm hứng. Trong giai đoạn hiện nay, bài học đó cần được cụ thể hóa

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.7, tr.123.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.112.

bằng những chính sách phát triển toàn diện, lấy người dân làm trung tâm, làm chủ thể, đồng thời cũng là mục tiêu và động lực của sự phát triển.

Thứ hai, huy động sức dân trong xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế và giữ vững an ninh - chủ quyền.

Nếu như trong Cách mạng tháng Tám, việc huy động sức dân tập trung vào mục tiêu giành độc lập dân tộc, thì ngày nay, công cuộc huy động ấy cần mở rộng trong tất cả các lĩnh vực: từ chính trị, kinh tế, văn hóa đến khoa học - công nghệ, an ninh - quốc phòng, đối ngoại. Đặc biệt, trong bối cảnh yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, việc khơi dậy và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân càng có ý nghĩa chiến lược.

Đây không chỉ là khẩu hiệu, mà đòi hỏi những cơ chế bảo đảm để nhân dân tham gia xây dựng chính sách, giám sát quyền lực, phản biện xã hội, sáng tạo trong phát triển, đồng thời cũng là lực lượng trực tiếp thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội ở từng địa bàn. Việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái - công nghiệp hiện đại, đô thị thông minh, quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân... tất cả đều cần có sự đồng thuận, góp sức và sáng tạo từ nhân dân. Không một mô hình phát triển nào có thể thành công nếu thiếu nền tảng xã hội vững chắc - điều mà Cách mạng tháng Tám đã chứng minh cách đây gần một thế kỷ.

Thứ ba, từ “khởi nghĩa toàn dân” đến “hành động toàn dân” vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Trong điều kiện cách mạng mới, việc huy động sức dân không còn là “khởi nghĩa” mang tính vũ trang như năm 1945, mà chuyển hóa thành những “hành động toàn dân” mang tính kiến tạo, đổi mới và hội nhập. Đó là hành động của mỗi người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, trí thức, văn nghệ sĩ, chiến sĩ và các thế hệ trẻ trong việc thực hiện trách nhiệm công dân, nghĩa vụ xã hội và sứ mệnh dân tộc trong thời đại mới.

Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo, của kinh tế xanh - kinh tế số - kinh tế tuần hoàn, đồng thời cũng đối diện với những thách thức toàn cầu về biến đổi khí hậu, dịch bệnh, cạnh tranh địa chính trị và nguy cơ suy thoái văn hóa, đạo đức. Trong bối cảnh đó, bài học từ Cách mạng tháng Tám dạy chúng ta rằng: chỉ khi nào toàn dân đồng lòng, đồng sức, đồng chí hướng - thì dân tộc mới có thể vươn mình mạnh mẽ, phát triển bền vững và có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế.

2. Phát huy bài học huy động sức mạnh toàn dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết quốc gia thời kỳ mới

Lịch sử Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã để lại một bài học vĩ đại về cách thức huy động sức mạnh của toàn dân tộc để giành độc lập, tự do và xây dựng quốc gia. Trong bối cảnh hiện nay - khi đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với khát vọng hùng cường, thịnh vượng vào giữa thế kỷ XXI - việc phát huy bài học ấy không chỉ mang tính nguyên tắc chính trị, mà còn là một yêu cầu cấp thiết về chiến lược phát triển toàn diện và bền vững đất nước.

2.1. Đại đoàn kết dân tộc - động lực nội sinh quan trọng trong xây dựng xã hội hiện đại, phát triển bền vững

Trong thời kỳ mới, đại đoàn kết dân tộc không chỉ là khẩu hiệu tinh thần, mà phải được hiện thực hóa thành động lực nội sinh, nguồn lực phát triển của đất nước. Đó là sự kết nối bền chặt giữa các giai cấp - tầng lớp xã hội, các dân tộc - tôn giáo, vùng miền, giới tính, thế hệ, giữa nhân dân trong nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Chỉ khi nào khối đại đoàn kết ấy được củng cố, gắn bó bằng lòng tin chiến lược, bằng

cơ chế bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm và sự tham gia thực chất của các lực lượng trong xã hội, thì mới có thể huy động được tối đa nguồn lực con người - yếu tố then chốt trong mọi mô hình phát triển.

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn đang định hình trật tự mới, sức mạnh con người - sức mạnh xã hội - sức mạnh văn hóa sẽ quyết định vị thế quốc gia. Bài học của Cách mạng tháng Tám cho thấy: không có lực lượng bên ngoài nào có thể cứu dân tộc nếu không dựa vào nội lực của chính mình. Điều đó càng đúng trong hiện tại.

2.2. Củng cố niềm tin và khơi dậy tinh thần yêu nước trong nhân dân - yếu tố quyết định thành công của khối đại đoàn kết

Đoàn kết không thể có được nếu thiếu lòng tin - đặc biệt là niềm tin vào mục tiêu phát triển, vào năng lực tổ chức, quản trị và hành động của Đảng và Nhà nước. Do đó, trong thời kỳ mới, việc củng cố niềm tin xã hội là nhiệm vụ hàng đầu để phát huy sức mạnh toàn dân.

Đó là niềm tin được khơi dậy và củng cố từ những chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, thể hiện ở việc nâng cao minh bạch trong quản trị nhà nước, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, từng bước làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức. Niềm tin ấy được tiếp sức từ những nỗ lực không ngừng nhằm bảo đảm công bằng xã hội, chăm lo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân; từ việc mở rộng dân chủ, tạo điều kiện để nhân dân thực sự tham gia vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát chính sách - đúng với tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁵. Đó còn là niềm tin được vun đắp bởi sự quan tâm đặc biệt đến giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và tinh thần yêu nước, trách nhiệm công dân - đặc biệt trong thế hệ trẻ - nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong thời đại mới.

Tất cả những yếu tố ấy đều nhằm hướng tới mục tiêu cao cả mà Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁶.

Khi được gắn kết với niềm tự hào dân tộc và khát vọng phát triển đất nước hùng cường, những giá trị ấy sẽ không chỉ dừng lại ở nhận thức hay tình cảm, mà sẽ biến thành hành động cụ thể, thành sự đồng thuận xã hội sâu rộng, thành sức mạnh tổng hợp của toàn dân - đúng như sức mạnh đã từng được hun đúc và phát huy rực rỡ trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2.3. Đổi mới phương thức huy động sức dân theo hướng hiện đại, đa chiều, thích ứng bối cảnh toàn cầu hóa

Khác với thời kỳ kháng chiến, ngày nay việc huy động sức dân không còn giới hạn trong phạm vi vật lực, nhân lực để đấu tranh chống ngoại xâm, mà đòi hỏi phải chuyển hóa thành năng lực phát triển trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

Điều đó đòi hỏi các cấp, các ngành cần: Đổi mới phương thức vận động quần chúng theo hướng chủ động, sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội và truyền

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.27.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.111 - 112.

thông mới để tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực; Xây dựng hệ sinh thái chính sách, pháp luật, môi trường đầu tư - khởi nghiệp - sáng tạo phù hợp để khơi dậy tinh thần cống hiến của người dân, đặc biệt là trí thức, doanh nhân, người trẻ; Tạo điều kiện và cơ chế thuận lợi để người dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, phản biện và giám sát xã hội, từ đó nâng cao năng lực quản trị nhà nước và năng lực thực thi của chính quyền cơ sở; Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ nhưng phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc - nhân tố cốt lõi của sức mạnh mềm quốc gia. Từ bài học lịch sử, có thể khẳng định rằng: càng trong thời đại hội nhập, sự đồng lòng của dân tộc càng là yếu tố sống còn để giữ vững độc lập tự chủ và khẳng định bản lĩnh Việt Nam.

2.4. Đoàn kết quốc gia trong thời đại mới là đoàn kết phát triển - hướng đến tương lai thịnh vượng

Khác với thời kỳ tiền khởi nghĩa khi mục tiêu là độc lập dân tộc, hiện nay, khát vọng của dân tộc ta là “đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.” Mục tiêu ấy không thể thành hiện thực nếu thiếu một khối đại đoàn kết toàn dân tộc thống nhất trong tư duy, đồng hành trong hành động, và chung chí hướng về tương lai.

Do đó, bài học huy động toàn dân cần được nâng tầm thành chiến lược phát triển quốc gia, trong đó: nhân dân là chủ thể sáng tạo; Nhà nước là trung tâm điều phối và bảo đảm công bằng; Đảng là người lãnh đạo định hướng phát triển bền vững và lâu dài.

Khối đại đoàn kết quốc gia hôm nay, do đó, không chỉ là sự quy tụ về mặt tình cảm dân tộc, mà phải là sự kết nối thông minh, hài hòa giữa lợi ích quốc gia - lợi ích cộng đồng - lợi ích cá nhân, giữa yêu nước và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại.

3. Vận dụng và phát huy bài học huy động sức mạnh toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một sự kiện vĩ đại, chứng minh sinh động cho chân lý: khi sức mạnh của toàn dân tộc được khơi dậy và quy tụ dưới một mục tiêu cách mạng rõ ràng, một lực lượng lãnh đạo sáng suốt, thì không gì là không thể. Bài học lịch sử ấy không chỉ có giá trị trong quá khứ mà đang tiếp tục tỏa sáng như một cảm nang dẫn đường cho cách mạng Việt Nam hiện nay trong công cuộc phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Đặt bài học huy động sức mạnh toàn dân tộc trong tầm nhìn chiến lược phát triển quốc gia.

Từ Đại hội XIII, Đảng ta đã xác định rõ tầm nhìn chiến lược: “Đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam trở thành một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁷. Đó không chỉ là một mục tiêu mang tính kinh tế - kỹ thuật, mà còn là một khát vọng mang chiều sâu văn hóa - xã hội, đòi hỏi sự dấn thân, đồng hành của toàn dân tộc.

Trong bối cảnh ấy, việc vận dụng bài học huy động sức mạnh toàn dân không chỉ dừng lại ở các khẩu hiệu chính trị hay các chương trình vận động quần chúng theo lối cũ, mà phải: Chuyển hóa bài học ấy thành một định hướng tư duy phát triển, dựa trên nền tảng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; Coi nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực của quá trình phát triển, như tư tưởng Hồ Chí Minh đã khẳng định; Thiết lập các cơ chế huy động sức dân theo hướng hiện đại, trên cả ba bình diện: thể chế (cơ chế chính sách), xã hội (niềm tin và sự đồng thuận), và công nghệ (ứng dụng chuyển đổi số để tương tác đa chiều với nhân dân). Việc đặt bài học ấy vào trong tổng thể chiến lược phát triển quốc gia sẽ giúp Việt Nam phát huy nội lực một cách bền vững, chủ động thích ứng với những thách thức mang tính toàn cầu như biến

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.112.

đổi khí hậu, bất ổn địa chính trị, cạnh tranh công nghệ và chuyển dịch chuỗi cung ứng.

- *Phát triển “mặt trận lòng dân” trong điều kiện mới: từ vận động sáng kiến tạo.*

Trong Cách mạng tháng Tám, “lòng dân” là cơ sở cho sự nghiệp khởi nghĩa giành chính quyền thành công. Ngày nay, trong thời kỳ hòa bình và phát triển, việc phát triển “mặt trận lòng dân” cần được tiếp cận với tinh thần đổi mới tư duy, chuyển từ “vận động” sang “kiến tạo” - tức là không chỉ kêu gọi sự ủng hộ mà phải kiến tạo điều kiện để nhân dân chủ động tham gia vào sự nghiệp đổi mới.

Điều đó bao gồm: Tôn trọng quyền tham gia, quyền giám sát và phản biện xã hội của nhân dân, qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, đặc biệt trong giám sát thực thi công vụ; Tạo cơ chế và không gian chính sách để người dân, doanh nghiệp, trí thức được đóng góp ý tưởng phát triển và đề xuất sáng kiến cải cách, kể cả trong những lĩnh vực khó như cải cách hành chính, thể chế, giáo dục hay môi trường; Tăng cường minh bạch hóa hoạt động công quyền, để củng cố niềm tin của người dân, làm cho lòng dân trở thành “nguồn vốn chính trị” bền vững của Đảng và Nhà nước. Chỉ khi lòng dân an, thể nước mới vững. Cũng như trong Cách mạng tháng Tám, khi “người người cách mạng, nhà nhà khởi nghĩa”, thì vận nước mới chuyển.

- *Vận dụng bài học vào xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.*

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta đang tập trung chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, coi đó là một trong ba đột phá chiến lược. Quá trình này không thể thành công nếu không kế thừa và phát huy bài học huy động sức dân của Cách mạng tháng Tám, với tinh thần: Nhà nước phải thực sự là công cụ thể hiện ý chí, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân; Cán bộ, công chức phải “gần dân, hiểu dân, trọng dân và vì dân”, chống xa dân, vô cảm, hách dịch, nhũng nhiễu; Các thiết chế dân chủ ở cơ sở, các phong trào tự quản, sáng kiến cộng đồng cần được cổ vũ và bảo vệ, như một phần của nền quản trị hiện đại mang tính cộng đồng. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền không chỉ là câu chuyện kỹ thuật lập pháp - hành pháp - tư pháp, mà là một cuộc cải cách tư duy chính trị - hành chính, đòi hỏi sự vào cuộc của toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự giám sát của nhân dân.

- *Khơi dậy tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước trong thế hệ trẻ - bảo đảm sức mạnh trường tồn của khối đại đoàn kết.*

Một trong những vấn đề cấp bách hiện nay là nguy cơ “mất phương hướng” trong một bộ phận giới trẻ do ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, tôn sùng vật chất, thờ ơ với lý tưởng dân tộc. Trong khi đó, thanh niên chính là lực lượng kế thừa và quyết định vận mệnh dân tộc trong tương lai. Do đó, cần vận dụng bài học lịch sử để: Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, truyền thống yêu nước, tinh thần dân tộc và lòng tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ thông qua các hình thức sáng tạo, phù hợp với ngôn ngữ và phương tiện truyền thông hiện đại; Tạo điều kiện để thế hệ trẻ được tham gia thực chất vào các chương trình phát triển đất nước, từ khởi nghiệp, sáng tạo, đến cải cách hành chính, chuyển đổi số, đổi mới giáo dục; Hình thành hệ sinh thái phát triển tài năng trẻ gắn với lợi ích quốc gia, tạo sự kết nối giữa lý tưởng dân tộc với con đường phát triển cá nhân. Chính sự gắn kết giữa khát vọng cá nhân và lý tưởng dân tộc sẽ tạo ra một thế hệ công dân mới, yêu nước trong hành động, và có năng lực cống hiến thực chất.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám 1945 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc, không chỉ bởi thắng lợi to lớn trong việc giành chính quyền trong thời gian ngắn, mà còn bởi những giá trị lý luận - thực tiễn sâu sắc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí

Minh, dân tộc ta đã vươn mình đứng dậy, khẳng định khí phách và trí tuệ của một dân tộc biết huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để giành lại quyền làm chủ vận mệnh.

Gần 80 năm sau, bài học huy động và phát huy sức mạnh toàn dân tộc ấy vẫn còn nguyên giá trị, là kim chỉ nam cho công cuộc phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và nhiều thách thức nội tại, tư tưởng “lấy dân làm gốc”, “phát huy nội lực quốc gia” càng trở nên cấp thiết. Vận dụng bài học ấy đòi hỏi chiến lược toàn diện: từ hoàn thiện thể chế phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng văn hóa chính trị, đến tổ chức bộ máy nhà nước hiệu quả.

Đại đoàn kết toàn dân không chỉ dựa trên mối liên kết truyền thống, mà còn phải bao hàm các lực lượng mới như trí thức trẻ, doanh nhân, người lao động di cư, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đó phải là một đại đoàn kết thực chất, gắn với công bằng, cơ hội và phát triển đồng đều. Đặc biệt, Cách mạng tháng Tám để lại bài học quý về tổ chức lòng dân - một mô hình huy động sức mạnh xã hội, không chỉ để khởi nghĩa mà để kiến tạo. Khi dân tộc Việt Nam biết đoàn kết, phát huy trí tuệ, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, thì sẽ đủ sức vượt mọi thử thách, vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.

THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM DƯỚI ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ BÀI HỌC CHO KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*ThS. Trần Nguyên Hà**

MỞ ĐẦU

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - một trong những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX - là tổng hợp của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Những nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã trở thành những bài học quý báu cho chúng ta: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn kết toàn dân tộc thành một khối nhất trí, vững mạnh là sức mạnh vô địch,... Những bài học đó thấm đậm tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc đã tỏa sáng rực rỡ trong tiến trình của Cách mạng tháng Tám và tiếp tục soi sáng cho con đường cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam bước vào một “kỷ nguyên vườn mình”, thời đại của hội nhập, chuyển đổi số và phát triển bền vững, việc nhìn lại và kế thừa bài học về sức mạnh đại đoàn kết dân tộc từ tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa chiến lược đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

NỘI DUNG

1. Vai trò của Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người về đại đoàn kết dân tộc đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám

Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nhận thức được một trong những nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước, đấu tranh chống thực dân Pháp, giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là chưa tập hợp, lôi cuốn được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Mặt khác, Người nhận thức sâu sắc được sức mạnh của tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong lịch sử - một sức mạnh đã góp phần to lớn giúp dân tộc ta đánh thắng các thế lực xâm lược hung bạo và lớn mạnh, giữ vững nền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia suốt hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Chủ nghĩa yêu nước gắn với truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc là tiền đề xuất phát được Hồ Chí Minh kế thừa, phát triển lên một tầm cao mới để hình thành nên tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, đồng thời nó đã trở thành hành trang giúp Hồ Chí Minh tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sâu sắc, toàn diện. Cơ sở lý luận quan trọng nhất đối với quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử; giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng phải đại diện cho lợi ích của dân tộc và phải nắm lấy ngọn cờ dân tộc; liên minh công nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng; đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế. Từ đó, Người đã vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn Việt Nam cũng như các nước phương Đông.

Ngay từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: Đối với các nước thuộc địa ở phương Đông, “Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước”¹. Chủ nghĩa dân tộc bản xứ mà Nguyễn Ái Quốc nói ở đây chính là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước phương Đông được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử, nó khác về bản chất so với chủ nghĩa sô-vanh, vị trí của giai

* Trường Đại học Hà Tĩnh.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1, tr.466.

cấp tư sản đã bị lịch sử lên án. Như vậy, theo Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa dân tộc chân chính mà nổi bật là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của toàn dân tộc được gắn kết chặt chẽ với nhau bởi truyền thống đoàn kết sẽ là một động lực lớn của cách mạng Việt Nam mà những người cộng sản phải nắm lấy và phát huy, không để ngọn cờ dân tộc rơi vào tay giai cấp nào khác. Có được nhận định đúng đắn đó là nhờ Nguyễn Ái Quốc đã phân tích một cách sâu sắc thực tiễn Việt Nam cũng như thực tiễn các dân tộc thuộc địa phương Đông lúc bấy giờ và nhận thấy được các đặc thù so với thực tiễn các nước phương Tây. Đó là “đấu tranh giai cấp không giống như ở phương Tây”²,..., “những đại địa chủ thì chỉ là những tay lùn tịt bên cạnh những người trùn tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ,... Nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng chẳng có vốn liếng gì lớn,... nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc,... Sự xung đột về quyền lợi của học được giảm thiểu”³. Trái lại, giữa họ vẫn có sự tương đồng lớn: dù là địa chủ hay nông dân, họ đều là người nô lệ mất nước. Ngay từ đầu năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập khả năng một cuộc khởi nghĩa vũ trang sẽ xảy ra ở Đông Dương.

Nhờ phân tích thực tiễn Việt Nam một cách đầy đủ và chính xác như trên, Hồ Chí Minh đã không rơi vào rập khuôn giáo điều và khuynh hướng “tả”, quá nhấn mạnh đến vấn đề giai cấp, mà Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản mắc phải lúc bấy giờ. Ngược lại, Người đã thể hiện một tư duy độc lập tự chủ, sáng tạo nhưng không xa rời các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin khi xác định các vấn đề cơ bản cho con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Trong phạm vi cuộc cách mạng này, đối tượng cần đánh đổ trước hết là bọn đế quốc và chính quyền phong kiến tay sai cùng đại địa chủ phản động nhằm giành lại độc lập dân tộc và dân chủ. Nên Nguyễn Ái Quốc chủ trương cần vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân Việt Nam vào trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để huy động sức mạnh của toàn dân tộc, đấu tranh giành độc lập, tự do. Người nhận thức sâu sắc rằng cách mạng “là việc chung của dân chúng” nhưng dân chúng phải được tổ chức lại thành một khối vững chắc, nhất trí, đồng tâm hiệp lực, có tổ chức, có sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng cách mạng thì sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc mới được phát huy triệt để, đem lại thắng lợi cho cách mạng. Vì vậy, để biến cuộc khởi nghĩa vũ trang từ khả năng trở thành hiện thực ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để mở rộng và củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó Đảng là hạt nhân có vai trò lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo toàn dân tộc, mà trước hết là “trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”⁴. Đảng Cộng sản Việt Nam muốn thực hiện tốt được vai trò phải có chính sách, sách lược đoàn kết, tập hợp lực lượng đúng đắn. Điều này đã được Nguyễn Ái Quốc vạch ra trong *Sách lược vắn tắt* do Người khởi thảo được trình tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt,... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”⁵. Trong khi chủ trương đoàn kết, tập hợp rộng rãi các lực lượng dân tộc chống đế quốc, giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc vẫn nhắc nhở phải quán triệt quan điểm giai cấp: “Công nông là gốc cách mệnh, còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư sản áp bức, song không cực khổ bằng

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.1, tr.464.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.1, tr.464.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.2, tr.267 - 268.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.3, tr.3.

công nông, ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi”⁶. Và “trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào thương lượng một chút lợi ích của công nông mà đi vào con đường thỏa hiệp”⁷. Những tư tưởng trên cho thấy trong tư duy chiến lược của Nguyễn Ái Quốc, đại đoàn kết phải rộng rãi, thêm bạn bớt thù, làm phân hóa, suy yếu lực lượng của kẻ thù nhưng vừa phải có nòng cốt, nền tảng, có định hướng đúng đắn theo lập trường của giai cấp tư sản; chiến lược đại đoàn kết dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện, vì thế vừa phải mềm dẻo, linh hoạt về sách lược, vừa phải chặt chẽ về nguyên tắc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc nói trên là hết sức đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Ở một nước thuộc địa, mọi người dân đều là những người mất nước, chịu thân phận nô lệ. Vì vậy, với niềm tin vững chắc vào nhân dân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Phải khơi dậy được lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và ý thức về chủ quyền quốc gia, về độc lập của Tổ quốc và tự do, ấm no, hạnh phúc trong mỗi người dân Việt Nam. Theo Người, trừ những “bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng,... thì phải đánh đổ”⁸, còn lại không phân biệt xuất thân từ giai cấp, tầng lớp nào, ai có tinh thần yêu nước, có tinh thần cách mạng thì Đảng phải thực hiện đoàn kết với họ, tập hợp họ đi theo mình tạo nên sức mạnh tổng hợp để tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng cho bản thân họ.

Những tư tưởng sâu sắc mang tầm chiến lược của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đã được Người triển khai trong thực tiễn chỉ đạo cách mạng và đã được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng vào chiến lược đại đoàn kết tập hợp lực lượng tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc. Các phong trào đấu tranh trước Cách mạng tháng Tám đã thu hút đông đảo các giai cấp, tầng lớp tham gia với sự đoàn kết, nhất trí và có tổ chức là những cuộc tập duyệt, từng bước khẳng định sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến Cách mạng tháng Tám, 1945, tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh đã tỏa sáng rực rỡ với thắng lợi vĩ đại, kết tinh sức mạnh của muôn triệu người Việt Nam đã đồng sức, đồng lòng, đồng tâm nhất trí, đấu tranh kiên cường bất khuất, chấp nhận hy sinh, đứng lên giành chính quyền, giành độc lập, tự do, xây dựng nền Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thực sự của dân, do dân, vì dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đã biến thành sức mạnh vật chất to lớn, góp phần quan trọng làm nên thắng lợi mang tầm vóc thời đại này.

2. Bài học về đại đoàn kết dân tộc từ tư tưởng Hồ Chí Minh và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đối với phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên mới

Trong bối cảnh toàn cầu đang bước vào giai đoạn phát triển vượt bậc về công nghệ, kinh tế và trí tuệ nhân tạo; Việt Nam đang bước vào “kỷ nguyên vươn mình”, yêu cầu đặt ra đối với nước ta không chỉ là phát triển nhanh và bền vững, mà còn phải bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Những bài học về đoàn kết dân tộc được đúc kết từ lý luận của Hồ Chí Minh và thực tiễn thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 mang lại nhiều giá trị thực tiễn sâu sắc cho Việt Nam hôm nay trong việc phát huy nội lực, tăng cường niềm tin và khai thác tối đa sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, trách nhiệm cộng đồng.

Một trong những bài học có giá trị lâu dài là việc khơi dậy tinh thần yêu nước -

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.2, tr.266.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.3, tr.3.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.3, tr.3.

nhân tố nền tảng tạo nên động lực nội sinh cho phát triển. Theo Hồ Chí Minh, lòng yêu nước không chỉ là tình cảm thiêng liêng, mà còn là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn, có khả năng “kết tinh và quy tụ mọi tầng lớp nhân dân vào mục tiêu chung của dân tộc”⁹. Trong kỷ nguyên mới, tinh thần yêu nước cần được thể hiện bằng trách nhiệm cộng đồng, bằng hành động cụ thể trong mọi lĩnh vực của đời sống, từ sản xuất kinh doanh, nghiên cứu khoa học, công nghệ, đến gìn giữ văn hóa dân tộc và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Tinh thần yêu nước hiện đại phải gắn liền với tinh thần kiến tạo - đổi mới, nghĩa là người dân không chỉ yêu nước trong suy nghĩ, mà còn trong hành động cụ thể, như chấp hành pháp luật, tham gia phát triển kinh tế tri thức, gìn giữ môi trường, và tham gia các phong trào cộng đồng. Việc phát huy trách nhiệm cộng đồng cần được Nhà nước khuyến khích bằng các cơ chế chính sách, đặc biệt là trong giáo dục công dân, truyền thông chính sách và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong các nhóm xã hội khác nhau.

Xây dựng đồng thuận xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội.

Một đất nước muốn phát triển nhanh và bền vững cần có sự đồng thuận cao trong xã hội - tức là sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám cho thấy rõ: khi lòng dân được quy tụ, khi mọi tầng lớp nhân dân cùng đồng lòng, thì mọi khó khăn, trở lực dù lớn đến đâu cũng có thể vượt qua. Bài học đó hiện vẫn còn nguyên giá trị trong việc hoạch định và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.

Để tạo dựng sự đồng thuận xã hội trong thời đại mới, cần tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, tạo điều kiện để người dân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, đồng thời phản biện và giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước. Đồng thuận không thể áp đặt từ trên xuống, mà phải được xây dựng từ sự tin tưởng, minh bạch thông tin và đối thoại bình đẳng. Trong đó, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và truyền thông là hết sức quan trọng trong việc phản ánh tiếng nói của nhân dân, định hướng dư luận và thúc đẩy sự liên kết giữa các nhóm xã hội.

Gắn kết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn nhất quán với quan điểm: “Bất kỳ người Việt Nam nào, dù sống ở đâu, làm nghề gì, cũng là một phần máu thịt không thể tách rời của Tổ quốc”¹⁰. Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài không chỉ là nguồn lực kiều hối, mà còn là cầu nối quan trọng giữa Việt Nam và thế giới trong các lĩnh vực công nghệ, tri thức, văn hóa và đối ngoại nhân dân.

Việc gắn kết kiều bào cần được thực hiện trên cả hai phương diện: tình cảm và thể chế. Về tình cảm, cần tiếp tục tuyên truyền về truyền thống dân tộc, vun đắp lòng tự hào và ý thức cội nguồn trong kiều bào, đặc biệt là thế hệ trẻ. Về thể chế, cần hoàn thiện chính sách thu hút nguồn lực kiều bào, tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư, công nghệ, chuyển giao tri thức, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài. Việc coi cộng đồng người Việt ở nước ngoài là một phần hữu cơ của khối đại đoàn kết dân tộc chính là hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới.

Ứng dụng công nghệ và truyền thông để lan tỏa tinh thần đại đoàn kết.

Trong thời đại số, công nghệ thông tin và truyền thông đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc truyền tải thông tin, xây dựng ý thức cộng đồng và hình thành không gian đoàn kết mới - không giới hạn bởi địa lý, thời gian hay khoảng cách văn hóa. Từ

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.6, tr.321

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.9, tr.428.

tưởng đại đoàn kết dân tộc không chỉ được lan tỏa qua các phương tiện truyền thông như báo chí, hội thảo, mà còn cần được thể hiện mạnh mẽ trên các nền tảng số như mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến, các nền tảng học tập mở.

Ứng dụng công nghệ hiện đại để tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng là một xu thế tất yếu. Đồng thời, cũng cần có chiến lược truyền thông phù hợp để đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp đổi mới. Việc lan tỏa tinh thần đoàn kết qua môi trường số không chỉ là giải pháp tình thế, mà cần được xây dựng như một chiến lược dài hạn nhằm củng cố văn hóa chính trị - xã hội trong kỷ nguyên số hóa.

KẾT LUẬN

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là “hiện thân” của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong thực tiễn, để rồi tư tưởng đó tiếp tục tạo nên tảng cho những thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam sau này. Bài học sâu sắc nhất mà chúng ta rút ra từ tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và từ những thành quả to lớn mà cách mạng Việt Nam đạt được từ Cách mạng tháng Tám đến nay chính là Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến điểm tương đồng, mẫu số chung của mỗi người dân Việt Nam, lấy đó làm cơ sở và nền tảng cho chiến lược đại đoàn kết. Điểm tương đồng, mẫu số chung đó chính là nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc, là cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc, dân chủ, yên bình của nhân dân cần phải xây dựng từ hôm nay cho đến mãi mãi về sau. Nó đáp ứng ước mơ, khát vọng ngàn đời của dân tộc Việt Nam và lợi ích chân chính của dân tộc, của các giai cấp, tầng lớp nhân dân dân lao động và của chính mỗi người dân Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước bước vào “kỷ nguyên vươn mình”, bài học từ tư tưởng và thực tiễn đại đoàn kết của Hồ Chí Minh càng có giá trị thời sự sâu sắc. Việc tiếp tục kế thừa và phát huy tinh thần này chính là chìa khóa để đưa Việt Nam tiến lên một tầm cao mới: hùng cường, nhân văn và phát triển bền vững.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 Ở THỪA THIÊN - HUẾ

TS. Trần Văn Lực*

MỞ ĐẦU

Cách đây 80 năm, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”¹, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, mở đường đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên mới- kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Về ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”². Để làm nên chiến công hiển hách đó là nhờ vào trí tuệ, sức mạnh, sự đồng lòng của cả dân tộc “cùng ra trận” dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà Thừa Thiên - Huế là một trong những địa phương tiêu biểu. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ quá trình khởi nghĩa giành chính quyền ở Thừa Thiên - Huế từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp (09/3/1945) đến khi chính quyền về tay nhân dân, vua Bảo Đại thoái vị (30/8/1945).

NỘI DUNG

1. Tình hình và chủ trương của Đảng bộ Thừa Thiên

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai đang dần đến hồi kết, phe đồng minh liên tiếp giành được nhiều thắng lợi trên mọi mặt trận. Trong lúc đó, Nam triều vẫn đang loay hoay với việc củng cố thế lực. Ngày 06/03/1945, vua Bảo Đại chỉ định Phạm Quỳnh thành lập nội các gồm 7 bộ³. Tuy nhiên, nội các này chưa kịp làm gì thì đêm 09/3/1945, phát xít Nhật đảo chính và hất cẳng thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Ở Huế, 21 giờ, quân Nhật đồng loạt tấn công quân Pháp ở đồn Mang Cá, Tòa Khâm, sân bay Phú Bài,... Sáng 10/3/1945, quân Nhật làm chủ hoàn toàn thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên. Ngày 11/3/1945, quân Nhật yêu cầu vua Bảo Đại triệu tập Hội đồng cơ mật của triều đình ra “Tuyên cáo Việt Nam độc lập”, xóa bỏ những hiệp ước đã ký với Pháp, xác định sự “tin cậy lòng thành ở Nhật Bản để quốc” và xác lập quan hệ với Chính phủ Nhật Bản để xây dựng “khối thịnh vượng chung đại Đông Á”. Ngày 16/3, nội các Phạm Quỳnh - tay sai của thực dân Pháp phải từ chức, ngày 17/3, Bảo Đại lập ra Chính phủ Trần Trọng Kim - Chính phủ thân Nhật nhưng trong hàng ngũ bộ trưởng lại có nhiều trí thức yêu nước⁴. Sự ra đời của nội các này kéo theo sự xuất hiện của nhiều tổ chức thân Nhật. Anh em Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Diệm ráo riết hoạt động, chuẩn bị đưa Cường Để về thay Bảo Đại;

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.3.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.7, tr.25.

³ Phạm Quỳnh: Thượng thư Bộ Lại; Hồ Đắc Khải: Thượng thư Bộ Hộ; Ứng Úy: Thượng thư Bộ Lễ; Bùi Bằng Đoàn: Thượng thư Bộ Hình; Trần Thanh Đạt: Thượng thư Bộ Học; Trương Như Đĩnh: Thượng thư Bộ Kinh tế. Xem: Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Huế: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Huế (1930-2000)*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2010.

⁴ Vua Bảo Đại ký đạo dụ số 05 chuẩn y thành phần nội các: Trần Trọng Kim: Thủ tướng; Trần Văn Chương: Phó thủ tướng kiêm Bộ Ngoại giao; Trần Đình Nam: Bộ Nội vụ; Vũ Văn Hiến: Bộ Tài chính; Hồ Tá Khanh: Bộ Kinh tế; Nguyễn Hữu Thi: Bộ Tiếp tế; Hoàng Xuân Hãn: Bộ Giáo dục; Trịnh Đình Thảo; Bộ Tư pháp; Lưu Văn Lang: Bộ Giao thông công chính; Vũ Ngọc Anh: Bộ Y tế; Phan Anh: Bộ Thanh niên. Tổ chức Thanh niên Việt Nam, do Bộ trưởng Bộ thanh niên Phan Anh thành lập, phát triển mạnh mẽ. Ngày 16/6/1945, Trường Thanh niên tiên tuyến được thành lập theo sáng kiến của Phan Anh và Tạ Quang Bửu. Ngay từ khi mới thành lập, Trường đã được “Việt Minh hóa”, góp phần đào tạo cán bộ chỉ huy quân sự cho lực lượng vũ trang cách mạng sau này. Xem: Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Huế: *Sđd*, 2010.

các tổ chức “Đại Việt quốc gia liên minh”, “Đại Việt Duy Dân”, “Quốc dân Đảng” thì nhau hoạt động. Quân đội của Chính phủ Trần Trọng Kim tại Huế chỉ có khoảng 100 lính bảo an (lính khố xanh cũ). Thực dân Pháp tuy bị đánh đổ nhưng vẫn còn 500 binh lính, sĩ quan, công chức đang bị quân Nhật tập trung quản chế⁵.

Sau khi Chính phủ Trần Trọng Kim ra lệnh ân xá tù chính trị, một số cán bộ, đảng viên chủ chốt của Thừa Thiên Huế được trả tự do, liền quay về địa phương hoạt động như Nguyễn Vĩnh⁶ (Nguyễn Chí Thanh), Hoàng Anh, Lê Tự Đồng, Tôn Quang Phiệt, Đào Duy Anh,...

Trước tình hình đó, từ ngày 23 - 25/5/1945, tại đầm Cầu Hai (huyện Phú Lộc), Tỉnh ủy Thừa Thiên họp hội nghị cán bộ lãnh đạo, đảng viên chủ chốt của tỉnh, huyện và thành phố gồm 28 đồng chí trên một con thuyền lớn do đồng chí Nguyễn Sơn - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì⁷. Hội nghị đã thống nhất những nội dung sau:

Về thời cơ khởi nghĩa, có thể nhân lúc quân đồng minh đổ bộ vào Đông Dương, trực tiếp đánh Nhật, hoặc có thể nhân lúc Nhật đầu hàng đồng minh. Bất kỳ tình huống nào, Tỉnh ủy cũng tận dụng thời cơ với thế chủ động, kiên quyết lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Về công tác tổ chức, cần đặt rõ trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên phải mạnh dạn, đi đầu tiếp xúc rộng rãi với quần chúng, tuyên truyền chính sách cứu nước của Mặt trận Việt Minh, vận động mọi người tham gia các tổ chức cứu quốc ủng hộ Việt Minh; đẩy mạnh xây dựng các cơ sở của Việt Minh trong thanh niên, học sinh, công chức, binh lính, thân sĩ trí thức,...

Đối với các tổ chức thân Nhật, cán bộ Việt Minh không được tham gia, tuy nhiên cần phải có kế hoạch nắm chắc, nắm rõ, phân biệt được đối tượng Việt gian theo phát xít Nhật với những người do nhầm lẫn mà có thái độ ứng xử đúng mức, một mặt vạch trần bộ mặt phản nước, lừa dân, một mặt vận động, lôi kéo những người lầm đường sớm trở về với chính nghĩa, ủng hộ Việt Minh.

Nhanh chóng xúc tiến mạnh mẽ việc thành lập các tổ, đội tự vệ mật với trang bị tại chỗ gồm gươm, giáo, súng săn và vũ khí cũ của Pháp; mở rộng hoạt động xã hội, tiếp xúc, vận động quần chúng nhân dân tham gia cách mạng.

Hội nghị bầu Ban Chấp hành Việt Minh tỉnh Thừa Thiên với bí danh Việt Minh Nguyễn Tri Phương gồm 13 đồng chí; ban Thường vụ gồm 5 đồng chí do đồng chí Nguyễn Sơn làm Bí thư và các ủy viên: Hoàng Anh, Nguyễn Đình, Lê Tự Đồng, Trần Thanh Từ⁸. Trước sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình, trong điều kiện chưa nhận được chỉ đạo của Trung ương Đảng, Hội nghị Cầu Hai của Tỉnh ủy đã chủ động đề ra chủ trương để lãnh đạo phong trào cách mạng. “Sau này, chúng tôi đối chiếu với các chỉ thị của Trung ương thấy rất phù hợp. Hội nghị đã đề ra những chủ trương chỉ đạo cho việc chuẩn bị khởi nghĩa rất kịp thời và đúng đắn”⁹.

⁵ Ban Chấp hành Đảng bộ Thừa Thiên Huế: *Lịch sử Đảng bộ Thừa Thiên - Huế, tập 1 (1930-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.171.

⁶ Đồng chí Nguyễn Vĩnh ra khỏi nhà tù Buôn Mê Thuật được phân công về hoạt động ở phía nam Trung kỳ, sau đó dự Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (ngày 14 và 15/8/1945), được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, làm Bí thư Xứ ủy Trung kỳ (từ đây đồng chí Nguyễn Vĩnh mang tên mới là Nguyễn Chí Thanh).

⁷ Vì chưa liên lạc được với Trung ương nên Tỉnh ủy chưa tiếp thu đầy đủ nội dung Chỉ thị: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, mà chỉ “dựa vào tài liệu xin được của một số đồng chí quen biết ở các tỉnh bạn, qua đồng chí Hồng Xích Tâm và các tài liệu đã được chế biến trong các nhà tù”. Xem: *Bình Trị Thiên Tháng Tám bốn năm*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1985, tr.13.

⁸ Ban Chấp hành Đảng bộ Thừa Thiên Huế: *Lịch sử Đảng bộ Thừa Thiên - Huế, tập 1 (1930 - 1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.174 - 176.

⁹ Lê Tự Đồng: *Tình dân biến cải*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr.46.

2 Quá trình khởi nghĩa giành chính quyền ở Thừa Thiên - Huế (từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945)

Sau Hội nghị Cầu Hai, ngày 27/5/1945, cơ quan Ban Thường vụ Việt Minh tỉnh chuyển về đóng tại Bao Vinh, các đồng chí đại biểu tỏa về các địa phương khẩn trương triển khai nhiệm vụ. Thông qua tuyên truyền miệng, truyền đơn, đảng viên và cán bộ các đoàn thể đã tuyên truyền cho quần chúng nhân dân thấy những thiệt thòi, nhục nhã của người dân mất nước, chỉ rõ thời cơ cứu nước đang tới gần, vận động quần chúng ủng hộ và gia nhập các tổ chức của Việt Minh. Sau hai tháng hoạt động, phong trào các huyện và thành phố phát triển mạnh, Việt Minh ra đời ở nhiều huyện: Phong Điền (Việt Minh Trường Sơn), Quảng Điền (Việt Minh Trường Giang), Hương Trà (Việt Minh Bình Sơn), Phú Vang (Việt Minh Thủy Tú), Phú Lộc (Việt Minh Bạch Vân). Ở thành phố Huế, các tổ chức cứu quốc bí mật được hình thành ở trường Quốc học, Đồng Khánh, Thuận Hóa, Việt Anh,... trong các chợ Đông Ba, Bến Ngự, An Cựu, các phường Phú Bình, Phú Hòa, Phú Vĩnh, Phú Hội,... đặc biệt là ở các công sở, Trường Thanh niên tiên tuyến, các đơn vị lính bảo an. Ở một số cơ quan, nhà máy, xí nghiệp đã tổ chức các đội tự vệ cứu quốc mật, tiến hành tập luyện quân sự như Nhà máy vôi Long Thọ, Ga Huế, Nhà máy đèn, Trường Kỹ nghệ thực hành... Tất cả đều tích cực chuẩn bị vũ khí tự tạo, sẵn sàng vùng lên giành lấy chính quyền về tay nhân dân.

Tại Huế, bên cạnh Việt Minh Nguyễn Tri Phương còn có Việt Minh Thuận Hóa, phát triển khá mạnh trong công chức, nhân sĩ, trí thức, học sinh, sinh viên. Cuối tháng 6/1945, ban lãnh đạo hai tổ chức Việt Minh đã quyết định sáp nhập tổ chức Việt Minh Thuận Hóa¹⁰ vào Việt Minh Nguyễn Tri Phương, cử ra ban Chỉ đạo thống nhất gồm 5 đồng chí, do Hoàng Anh làm Bí thư, Nguyễn Đình phụ trách tổ chức và tuyên huấn, Lê Tự Đồng phụ trách binh vận, Nguyễn Kèn phụ trách công chức và học sinh, Nguyễn Tấn phụ trách tài chính, Phan Tử Quang làm liên lạc¹¹. Hội nghị hợp nhất thành công đã tăng thêm sức mạnh và địa bàn hoạt động của Việt Minh, lực lượng các bộ phận được bổ sung, phương tiện, cơ sở vật chất được tăng cường, nhất là xây dựng các khối đoàn kết, thống nhất hành động. Không khí chuẩn bị Tổng khởi nghĩa lan rộng khắp các huyện và thành phố Huế.

Trong bối cảnh đó, tháng 7/1945, Ban Thường vụ Việt Minh tỉnh triệu tập hội nghị tại An Cựu để xúc tiến khởi nghĩa vũ trang. Hội nghị nhận định thời cơ cách mạng đang đến gần, phải gấp rút tổ chức các đội tự vệ chiến đấu, vận động các thành viên trong Chính phủ Trần Trọng Kim từ chức, cô lập những phần tử phản động, lôi kéo những phần tử trung gian và kêu gọi binh lính người Việt quay súng trở về với nhân dân.

Ngày 15/8/1945, nhận được tin phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy dưới danh nghĩa Việt Minh Nguyễn Tri Phương đã mở Hội nghị tại nhà số 4B Giáp Hạ (Phú Bình, Huế). Hội nghị nhất trí chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh, không thụ động ngồi chờ lệnh của Trung ương; quyết định chọn huyện Phú Lộc và Phong Điền giành chính quyền trước nhằm rút kinh nghiệm cho các huyện khác; tạo điều kiện thuận lợi để thành phố Huế tiến hành khởi nghĩa. Đây là quyết định táo bạo và sáng suốt bởi Thừa Thiên - Huế là địa bàn khá phức tạp, nhất là thành phố Huế - trung tâm cai trị của phát xít Nhật ở Trung bộ và Nam triều phong kiến.

Do đặc điểm chính trị phức tạp ở Huế, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Việt Minh cố gắng tranh thủ mọi khả năng làm giảm bớt sức chống phá cách mạng của kẻ thù. Đối với

¹⁰ Việt Minh Nguyễn Tri Phương có Nguyễn Đình, Lê Tự Đồng, Hoàng Anh; Việt Minh Thuận Hóa có Nguyễn Tấn, Nguyễn Kèn, Phan Tử Quang.

¹¹ Hoàng Anh: *Hồi ký Quê hương và cách mạng*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2001, tr.152.

Chính phủ Trần Trọng Kim, Việt Minh viết thư cho các thành viên Chính phủ, Tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên, Đốc lý thành phố Huế, Huyện trưởng sáu huyện nói rõ chủ trương của Mặt trận Việt Minh là đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân để cứu nước khỏi ách nô lệ, kêu gọi mọi người tham gia khởi nghĩa, tránh những việc làm có hại cho sự nghiệp giải phóng Tổ quốc mà Mặt trận Việt Minh đang tiến hành; cán bộ Việt Minh trực tiếp gặp mặt vận động những người có trách nhiệm trong các tổ chức thân Nhật và chính quyền bù nhìn ở địa phương. Đối với quân đội Nhật, Thường vụ Tỉnh ủy viết thư gửi cố vấn Nhật Yôcôhama yêu cầu không được can thiệp vào công việc của Việt Minh.

Ngày 17/8/1945, Đoàn cán bộ Trung ương gồm các đồng chí Tố Hữu, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Duy Trinh đến Huế tham gia chỉ đạo khởi nghĩa. Ngày 20/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa được thành lập gồm các đồng chí Tố Hữu (Chủ tịch), Hoàng Anh (Phó Chủ tịch) và các ủy viên Lê Tự Đồng, Lê Khánh Khang, Hoàng Phương Thảo, Nguyễn Sơn¹²,... Ủy ban khởi nghĩa quyết định đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, tích cực làm tốt công tác binh vận, nhanh chóng làm tê liệt bộ máy chính quyền bù nhìn và sắp xếp kế hoạch huy động quần chúng ở các làng, tổng, huyện và thành phố tham gia mít tinh tuần hành. Các đoàn thể cứu quốc có nhiệm vụ phát động quần chúng chiếm giữ cơ quan, công sở, kho tàng của địch. Lực lượng vũ trang bao gồm các đội tự vệ, các đội lính bảo an ta đã nắm được và học viên Trường Thanh niên tiên tuyến làm nhiệm vụ bảo vệ quần chúng tuần hành, bảo vệ cuộc mít tinh ở sân vận động Huế.

Một không khí sôi nổi, hào hùng của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân diễn ra trong toàn tỉnh vào những ngày cuối tháng 8 năm 1945.

Tối ngày 21/8, Ủy ban khởi nghĩa phổ biến kế hoạch, giao nhiệm vụ cho các huyện, thành phố và từng cán bộ đảm nhiệm việc tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế. Trong “cơn hấp hối”, vào ngày 23/8/1945, Chính phủ Trần Trọng Kim có kế hoạch tổ chức cuộc mít tinh lớn ở sân vận động Huế để “mừng” việc Nhật trả quyền cai trị Nam kỳ cho triều đình Huế, hòng thăm dò dư luận, thăm dò uy tín của triều đình, gây thanh thế cho chính phủ bù nhìn và để thử sức Việt Minh¹³. Tương kế tựu kế, Việt Minh tính định lợi dụng thể hợp pháp này để huy động nhân dân các huyện về Huế khởi nghĩa giành chính quyền¹⁴; Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên quyết định chớp thời cơ giành chính quyền vào ngày 23/8/1945. Như vậy, Tỉnh ủy và Mặt trận Việt Minh tỉnh đã có sách lược mềm dẻo để cô lập, phân hóa kẻ thù, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân tạo thế và lực có lợi cho cách mạng.

Hưởng ứng chủ trương của Tỉnh ủy, của Mặt trận Việt Minh tỉnh và Ủy ban khởi nghĩa, tại các huyện, từ ngày 18 - 23/8/1945, quần chúng đã đứng lên đấu tranh giành chính quyền thắng lợi: Phong Điền (18/8), Phú Lộc (19/8), Hương Thủy (22/8), Phú Vang (22/8), Quảng Điền (23/8), Hương Trà (23/8).

Tại Huế, ngày 22 và sáng ngày 23/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa gửi tối hậu thư buộc Bảo Đại phải thoái vị, trao chính quyền cho nhân dân và huy động quần chúng có trang bị vũ khí thô sơ, gương băng, cờ, biểu ngữ biểu tình thị uy trên đường phố và kéo đến chiếm lĩnh các bộ, các công sở và doanh trại lính bảo an. Đến 16 giờ ngày 23/8/1945, tại sân vận động Huế, hàng vạn đồng bào Thừa Thiên - Huế tập trung trong hàng ngũ chỉnh tề

¹² Ban Chấp hành Đảng bộ Thừa Thiên Huế: *Lịch sử Đảng bộ Thừa Thiên - Huế, tập 1 (1930 - 1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.184.

¹³ Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1 (1930-1954), quyển 1 (1930 - 1945)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.707 - 708.

¹⁴ Theo *Việt Nam Tân báo*, số 124, ngày 21/08/1945, “Cuộc biểu tình toàn quốc trước kia định vào ngày 23/8/1945 dương lịch nay hoãn lại một ngày khác sẽ định sau”.

dưới rừng cờ đỏ sao vàng, dự cuộc mít-tinh chào mừng khởi nghĩa thắng lợi. Thay mặt Ủy ban khởi nghĩa, đồng chí Tố Hữu đọc diễn văn nêu rõ ý nghĩa, tầm vóc của cuộc khởi nghĩa, tuyên bố từ nay chính quyền về tay nhân dân và giới thiệu thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời do đồng chí Tôn Quang Phiệt làm Chủ tịch, đồng chí Hoàng Anh làm Phó Chủ tịch. Thay mặt Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, đồng chí Tôn Quang Phiệt kêu gọi toàn dân đoàn kết, xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân. Cả thành phố Huế sống trong ngày hội của một cuộc cách mạng triệt để, sâu sắc, làm đổi đời cuộc sống của nhân dân, viết nên một trang sử mới vẻ vang của dân tộc.

Sau thắng lợi ở Huế, Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam gửi đến vua Bảo Đại bức điện với nội dung: “Hoan nghênh tinh thần dân chủ và đoàn kết, thống nhất của Hoàng đế. Yêu cầu Hoàng đế hạ dụ chính thức thoái vị để yên lòng dân”¹⁵. Chiều ngày 25/8/1945, Phạm Khắc Hòe cho niêm yết Chiếu thoái vị và bản Tuyên chiếu với Hoàng tộc tại Phủ Văn Lâu.

Trưa ngày 29/8/1945, phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời gồm các đồng chí Trần Huy Liệu (Trưởng đoàn), Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận từ Hà Nội đến Huế tiếp nhận sự thoái vị của vua Bảo Đại. Chiều ngày 30/8/1945, lễ thoái vị được tổ chức tại Ngọ Môn trong kinh thành. Hơn 5 vạn người thuộc 6 huyện (Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang, Hương Thủy, Phú Lộc) và thành phố Huế đã tập hợp với hàng ngũ chính tề, chứng kiến vua Bảo Đại thoái vị và trao ấn kiếm cho Trưởng đoàn Trần Huy Liệu, đánh dấu sự cáo chung của chế độ phong kiến.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Thừa Thiên - Huế thắng lợi nhanh chóng và không đổ máu. Thành công này có ý nghĩa to lớn. Huế là dinh lũy của chế độ phong kiến và chính quyền bù nhìn thân Nhật. Khởi nghĩa thắng lợi ở Thừa Thiên - Huế ta đã làm chủ được một địa bàn cực kỳ quan trọng; “tượng trưng cho sự chấm dứt chế độ phong kiến hàng nghìn năm trên đất nước ta”; “bồi tiếp một đòn sấm sét vào chính quyền bù nhìn còn lại ở các tỉnh Nam Trung Bộ”¹⁶; động viên, cổ vũ, tạo thêm sức mạnh tinh thần to lớn cho nhân dân các tỉnh Nam Trung Bộ và Nam Bộ vùng lên, giành chính quyền.

KẾT LUẬN

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân đấu tranh giành thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam mới ra đời, dân tộc ta bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Cùng với cả nước, nhân dân Thừa Thiên Huế cũng giành thắng lợi rực rỡ trong cuộc cách mạng vĩ đại này. Có nhiều nhân tố góp phần làm nên trang sử vẻ vang Huế - Tháng Tám năm 1945, nhưng quan trọng và quyết định nhất là sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Đảng bộ Thừa Thiên, nhất là quá trình khởi nghĩa giành chính quyền từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1945. Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên - Huế mãi tự hào vì đã hoàn thành sứ mệnh giành chính quyền ở địa phương, góp phần xứng đáng vào công cuộc đấu tranh giành chính quyền trên phạm vi cả nước, xây dựng Nhà nước mới “của dân, do dân và vì dân”. Sau 80 năm, Đảng bộ và nhân dân thành phố Huế - Thành phố trực thuộc Trung ương thứ 6 đã, đang gặt hái được nhiều thành tựu to lớn và ngày càng khẳng định, phát huy được truyền thống vẻ vang của quê hương: “Tiến công - Nổi dậy - Anh dũng - Kiên cường”.

¹⁵ Dẫn theo Ban Chấp hành Đảng bộ Thừa Thiên Huế: *Lịch sử Đảng bộ Thừa Thiên - Huế, tập 1 (1930 - 1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.189.

¹⁶ Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1 (1930 - 1954), quyển 1 (1930 - 1945)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.709.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ MỤC TIÊU GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM

*ThS. Nguyễn Hồng Đức**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử vô cùng trọng đại đối với dân tộc Việt Nam. Đây là mốc son chói lọi đánh dấu sự chấm dứt hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, sự sụp đổ của cách chiếm đóng phát xít Nhật và sự cáo chung của chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm. Với thắng lợi này, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chính thức được thành lập, mở ra một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Không đơn thuần chỉ là sự chuyển đổi về thể chế chính trị, Cách mạng tháng Tám còn mang ý nghĩa của một cuộc cách mạng toàn diện, trong đó mục tiêu giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp và, một cách sâu sắc, là giải phóng con người - bao gồm cả giải phóng phụ nữ.

NỘI DUNG

1. Tình cảnh của phụ nữ Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám

Trong xã hội phong kiến Việt Nam, tư tưởng Nho giáo đóng vai trò trung tâm trong việc định hình cấu trúc xã hội và gia đình. Những quan niệm về trật tự xã hội như “nam tôn, nữ ti” (trọng nam khinh nữ) và “nam ngoại, nữ nội” (đàn ông lo việc bên ngoài, phụ nữ lo việc nội trợ), hay các chuẩn mực đạo đức như “tam tòng, tứ đức” đã góp phần duy trì một trật tự bất bình đẳng giới kéo dài qua nhiều thế kỷ. Phụ nữ không chỉ bị giới hạn vai trò trong phạm vi gia đình mà còn bị xem như phụ thuộc hoàn toàn vào nam giới. Quan điểm này ăn sâu vào tâm thức cộng đồng, khiến cho vị thế xã hội của người phụ nữ luôn ở mức thấp kém. Sự bất bình đẳng này không phải là tình trạng nhất thời mà là hệ quả của một hệ tư tưởng được thể chế hóa.

Khi thực dân Pháp xâm lược và áp đặt ách thống trị lên Việt Nam, thân phận người phụ nữ càng thêm nhiều cay đắng. Chế độ thuộc địa không những không xóa bỏ những bất bình đẳng sẵn có từ thời phong kiến mà còn tạo ra những hình thức bóc lột và áp bức mới, đặc biệt đối với phụ nữ lao động. Chính sách khai thác thuộc địa của Pháp đã tạo ra một lực lượng lao động nữ đông đảo vào các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền, những điều kiện làm việc của họ vô cùng tồi tệ. Trong khi đó, ở nông thôn, phụ nữ nông dân cũng chịu cảnh cùng cực do gánh nặng tô thuế và các chính sách chiếm đoạt ruộng đất của thực dân và phong kiến tay sai.

Không chỉ bóc lột kinh tế, chế độ thực dân còn duy trì sự bất bình đẳng giới thông qua hệ thống giáo dục hạn chế cho phụ nữ. Dù có mở một số trường học kiểu phương Tây, nhưng tỷ lệ nữ sinh luôn thấp hơn nam sinh đáng kể. Giáo dục cho nữ chủ yếu xoay quanh nữ công gia chánh, vệ sinh và quản lý gia đình, thay vì phát triển trí tuệ hay năng lực công dân. Gần như toàn bộ phụ nữ nông thôn mù chữ, còn phụ nữ đô thị, dù có tiếp cận giáo dục, vẫn bị hạn chế nghiêm trọng trong cơ hội học hành và thăng tiến. Thực dân Pháp, dù tuyên bố khai hóa văn minh, nhưng thực chất đã duy trì cấu trúc xã hội bất bình đẳng và cản trở sự phát triển của phụ nữ.

Trong bối cảnh áp bức đó, một lớp phụ nữ mới bắt đầu xuất hiện ở các đô thị lớn, được gọi là “nữ sinh tân học” hay “gái mới”. Dù số lượng còn ít ỏi, nhưng họ đã tiếp cận được với tư tưởng phương Tây thông qua trường học, báo chí và các hoạt động văn hóa

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

mới. Những người phụ nữ này bắt đầu đặt câu hỏi về vai trò truyền thống của giới mình và lên tiếng về các quyền lợi của phụ nữ, trong đó có quyền được học hành, làm việc và tham gia xã hội. Các tờ báo như “Nữ giới chung” (1918) và “Phụ nữ tân văn” (1929) đã tạo ra diễn đàn để phụ nữ thảo luận, phản biện và nâng cao nhận thức về giới. Dù chưa hình thành một phong trào nữ quyền rõ rệt, nhưng đây chính là những bước đi đầu tiên cho quá trình thức tỉnh và đòi hỏi quyền bình đẳng giới sau này.

Như vậy, người phụ nữ Việt Nam trước năm 1945 phải gánh chịu sự áp bức đa tầng: từ những tàn dư nặng nề của chế độ phong kiến gia trưởng, từ chính sách bóc lột hà khắc của chủ nghĩa thực dân, và từ chính sự phân biệt đối xử dựa trên giới tính trong mọi lĩnh vực của đời sống.

2. Đường lối cách mạng Việt Nam trước 1945 về giải phóng phụ nữ

Từ buổi đầu cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam cùng với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tức Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã luôn coi vấn đề giải phóng phụ nữ là một phần tất yếu trong công cuộc giải phóng dân tộc và giai cấp. Trong các bài giảng cho các đảng viên cách mạng trước năm 1945, Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh rằng, xã hội mà cách mạng Việt Nam hướng đến đó là một xã hội “đàn ông, đàn bà đều phải bình đẳng”¹. Do đó, từ rất sớm, các văn kiện của Đảng đã nhất quán chủ trương xóa bỏ tư tưởng phong kiến trọng nam khinh nữ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho phụ nữ, và bảo vệ quyền lợi của họ bằng những chính sách cụ thể. Nguyễn Ái Quốc đã nhiều lần tố cáo tội ác và sự bóc lột mà phụ nữ Việt Nam phải gánh chịu dưới ách phong kiến và thực dân. Theo Người, chỉ có cách mạng vô sản mới thực sự mở đường cho sự giải phóng của người phụ nữ. Vì chừng nào dân tộc còn bị áp bức, chừng đó phụ nữ vẫn phải chịu cảnh thiệt thòi, lệ thuộc.

Ngay từ thời kỳ tiền khởi nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam và mặt trận Việt Minh đã đưa vấn đề phụ nữ vào chương trình hành động cách mạng. Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* năm 1930 đã xác định xã hội mà cách mạng Việt Nam hướng đến là một xã hội có “Nam nữ bình quyền”². Đây cũng chính là một trong những nội dung mà *Chương trình Việt Minh* đặt ra cho Chính phủ của nước Việt Nam sau khi đất nước giành được độc lập³. Chương trình Việt Minh cũng khẳng định “Phụ nữ. Về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá, đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông”⁴. Đó là một tuyên bố đầy tính cách mạng, thể hiện rõ sự cam kết của Đảng đối với sự nghiệp bình đẳng giới. Chủ trương ấy không chỉ dừng ở khẩu hiệu, mà đã được thể hiện cụ thể bằng việc xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng của phụ nữ. Từ Hội Phụ nữ phản đế Đông Dương năm 1930, đến Hội Phụ nữ Dân chủ năm 1936, và Hội Phụ nữ Cứu quốc trong thời kỳ kháng chiến, phụ nữ Việt Nam đã được tổ chức, giáo dục và huy động thành lực lượng cách mạng mạnh mẽ. Họ không chỉ tham gia đấu tranh chính trị, tuyên truyền vận động quần chúng, mà còn góp phần tích cực trong việc chuẩn bị vũ khí, hậu cần cho tổng khởi nghĩa. Chính sự tham gia đông đảo và tích cực của họ đã góp phần làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Nhờ có sự lãnh đạo của Đảng và tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vai trò và vị thế của người phụ nữ Việt Nam đã được khẳng định và nâng cao trong dòng chảy cách mạng dân tộc.

3. Thành tựu của Cách mạng tháng Tám với việc giải phóng phụ nữ

Thắng lợi lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mang lại cho phụ nữ Việt Nam một địa vị mới trong đời sống trên nhiều lĩnh vực, từ pháp luật, chính trị đến kinh tế, văn hóa và xã hội.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.333.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.1.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.630.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.631.

- *Luật hóa các quyền bình đẳng của phụ nữ.*

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, phụ nữ Việt Nam phải chịu đựng sự bất bình đẳng sâu sắc dưới ách phong kiến và thực dân, bị tước bỏ nhiều quyền cơ bản và bị giam hãm trong các khuôn khổ xã hội lạc hậu. Với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lần đầu tiên, bình đẳng giới được chính thức đưa vào hệ thống luật pháp, thể hiện cam kết mạnh mẽ của chính quyền cách mạng trong việc xây dựng một xã hội công bằng và văn minh. Đây không chỉ là một tuyên bố chính trị mà còn là bước khởi đầu cho những cải cách sâu rộng, nhằm nâng cao vị thế và vai trò của phụ nữ trong mọi mặt đời sống.

Một trong những thành quả tiêu biểu và có ý nghĩa lịch sử nhất của Cách mạng tháng Tám là sự ra đời của Hiến pháp năm 1946⁵, bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chính thức xác lập nguyên tắc không phân biệt giới tính trong việc thụ hưởng các quyền con người. Đây chính là sự cụ thể hóa luận điểm “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng”⁶. Trong *Bản Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945. Những quy định này không chỉ mang tính tuyên ngôn mà còn có giá trị pháp lý trực tiếp, tạo cơ sở cho việc thay đổi nhận thức và thực tiễn xã hội.

- Điều thứ nhất của Hiến pháp quy định: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Điều khoản này khẳng định một cách dứt khoát rằng chủ quyền quốc gia thuộc về toàn thể nhân dân, và trong “toàn dân” đó, không có sự phân biệt đối xử nào dựa trên giới tính. Phụ nữ, cũng như nam giới, là những người chủ thực sự của đất nước.

- Điều thứ sáu đã cụ thể hóa nguyên tắc bình đẳng trong các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa”. Nó có nghĩa là phụ nữ có quyền tham gia vào các hoạt động chính trị, có quyền bình đẳng trong các quan hệ kinh tế, lao động, và có quyền tiếp cận, thụ hưởng các giá trị văn hóa như nam giới.

- Điều thứ bảy của Hiến pháp đã khẳng định mạnh mẽ về nguyên tắc bình đẳng về cơ hội: “Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình”. Việc tham gia vào bộ máy nhà nước và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước không còn dựa trên giới tính hay xuất thân, mà dựa trên năng lực và phẩm chất của mỗi cá nhân. Điều này mở ra con đường cho phụ nữ phát huy tài năng của mình.

- Điều thứ chín Hiến pháp ghi rõ “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”. Đây được coi là điều khoản mang tính biểu tượng và có ý nghĩa then chốt nhất trong việc xác lập quyền bình đẳng của phụ nữ Việt Nam. Điều khoản quan trọng này đã công nhận rằng mọi công dân, dù là nam hay nữ, đều có quyền ngang nhau trong đời sống chính trị và xã hội. Với một ngôn ngữ khẳng định, trực tiếp và vô cùng súc tích, Điều 9 đã xóa bỏ mọi rào cản pháp lý tồn tại từ trước đó, tuyên bố một cách dứt khoát sự bình đẳng tuyệt đối giữa nam và nữ. Cụm từ “về mọi phương diện” mang một hàm ý sâu rộng, bao trùm tất cả các khía cạnh của đời sống, từ lĩnh vực công như chính trị, kinh tế, xã hội, đến lĩnh vực tư như quan hệ gia đình và hôn nhân. So với bối cảnh lịch sử trước năm 1946, nơi người phụ nữ bị hạn chế và phụ thuộc “về mọi phương diện”, Điều 9 đã tạo ra một sự đảo ngược pháp lý mang tính cách mạng. Vào thời điểm đó, ngay cả ở nhiều quốc gia phương Tây phát

⁵ *Hiến pháp năm 1946* được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 09/11/1946. Truy cập tại: <https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=535>

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1.

triển, quyền của phụ nữ vẫn còn bị giới hạn ở nhiều mặt, ví dụ như quyền bầu cử, quyền sở hữu tài sản, hay các quyền trong gia đình. Do đó, Điều 9 của Hiến pháp 1946 không chỉ là một quy định pháp lý đơn thuần mà còn là một tuyên ngôn chính trị mạnh mẽ, thể hiện quyết tâm của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong việc xóa bỏ triệt để sự bất bình đẳng giới đã tồn tại hàng ngàn năm, đồng thời đặt ra một chuẩn mực cao mà các chính sách và thực tiễn xã hội phải nỗ lực hướng tới.

- Hiến pháp năm 1946 cũng đã ghi nhận quyền bầu cử và ứng cử của phụ nữ. Việc mở rộng quyền phổ thông đầu phiếu cho cả nam và nữ, cùng với quyền ứng cử đã đánh dấu một bước tiến vượt bậc trong việc bảo đảm sự tham gia chính trị của phụ nữ. Điều thứ 18 quy định: “Tất cả công dân Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người mất công quyền. Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi, và phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”. Điều khoản này đã hiến định hóa quyền bầu cử phổ thông, một trong những quyền chính trị cơ bản nhất của công dân. Việc quy định rõ ràng “không phân biệt gái trai” đã đảm bảo cho phụ nữ Việt Nam có quyền tham gia một cách bình đẳng vào quá trình dân chủ, lựa chọn những người đại diện cho mình trong các cơ quan quyền lực nhà nước.

Những quy định này thể hiện cam kết mạnh mẽ của chính quyền cách mạng trong việc chấm dứt bất bình đẳng giới từng tồn tại suốt hàng thế kỷ, chính thức xóa bỏ địa vị công dân hạng hai của phụ nữ Việt Nam. Những quy định trên, đặc biệt là Điều 9, đã tạo nên một khung pháp lý vô cùng tiên bộ, đặt nền móng vững chắc cho việc giải phóng phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định rằng Hiến pháp 1946 “tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân”⁷.

Bảng 1. So sánh tổng quan địa vị pháp lý của phụ nữ Việt Nam

Khía cạnh quyền	Địa vị trước 1945 (thời phong kiến/thuộc địa)	Địa vị sau 1945 (Hiến pháp 1946 & luật pháp)
Bình đẳng chung trước pháp luật	Phụ thuộc về mặt pháp lý và đạo đức vào nam giới	Bình đẳng trên mọi người diện
Quyền Chính trị - bầu cử, ứng cử	Không có quyền bầu cử, ứng cử	Ngang quyền về chính trị, có quyền bầu cử phổ thông và quyền ứng cử
Quyền kinh tế - lao động	Điều kiện lao động bị bóc lột, phân biệt tiền lương	Ngang quyền về kinh tế
Quyền văn hóa - giáo dục	Tiếp cận cực kỳ hạn chế, ít cơ hội học hành	Quyền được giáo dục được tích cực thúc đẩy, Ngang quyền về văn hóa

- Phụ nữ tích cực tham gia vào đời sống chính trị.

Cách mạng tháng Tám mở ra một con đường mới cho phụ nữ tham gia vào đời sống chính trị của đất nước. Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 để bầu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đánh dấu lần đầu tiên phụ nữ thực thi quyền bầu cử và ứng cử. Trong tổng số 333 đại biểu trúng cử, có 10 đại biểu nữ. Dù tỷ lệ còn khiêm tốn, nhưng vào thời điểm đó, đây là một bước tiến vượt bậc, một sự kiện lịch sử đánh dấu

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.491.

lần đầu tiên phụ nữ Việt Nam có đại diện của mình trong cơ quan lập pháp cao nhất của quốc gia. Sự hiện diện của các nữ đại biểu Quốc hội không chỉ là biểu tượng của sự bình đẳng mà còn là tiếng nói đại diện cho quyền lợi và nguyện vọng của phụ nữ Việt Nam trong cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước.

Không chỉ dừng lại ở lá phiếu, phụ nữ còn trực tiếp tham gia vào các hoạt động cách mạng, quản lý nhà nước và xây dựng chính quyền cách mạng. Họ có mặt trong các ủy ban nhân dân, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa ở địa phương như bà Hà Thị Quế (Bắc Giang), bà Trương Thị Mỹ (Hoài Đức), bà Nguyễn Thị Định (Bến Tre), bà Trần Thị Nhượng (Sa Đéc), và nhiều người khác. Họ không chỉ diễn thuyết, tuyên truyền, mà còn trực tiếp tổ chức lực lượng quần chúng, cầm vũ khí khi cần thiết. Hình ảnh nữ đội viên Đàm Thị Loan và nữ trí thức Lê Thị trong lễ kéo cờ ngày 02/09/1945 tại Quảng trường Ba Đình là minh chứng rõ nét cho vị thế mới của người phụ nữ trong đời sống chính trị non trẻ của nước Việt Nam độc lập.

Từ chỗ bị xem là phái yếu, phụ nữ nay đã trở thành lực lượng cách mạng quan trọng. Nhiều người được cử vào bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương. Dù các vị trí lãnh đạo chủ chốt vẫn chủ yếu thuộc về nam giới, nhưng sự hiện diện của phụ nữ trong Quốc hội, trong các tổ chức đoàn thể và cơ quan hành chính là bước đầu hiện thực hóa khẩu hiệu “nam nữ bình quyền” mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định từ những ngày đầu cách mạng.

- *Đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của phụ nữ được cải thiện.*

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ mang lại độc lập dân tộc mà còn tạo ra những biến chuyển sâu sắc về kinh tế, đặt nền móng cho sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động sản xuất và phát triển đất nước. Trước Cách mạng, phụ nữ bị hạn chế đáng kể trong các hoạt động kinh tế chính thức, chủ yếu bó hẹp trong phạm vi gia đình và các ngành nghề thủ công nhỏ lẻ, thiếu cơ hội tiếp cận tài nguyên và giáo dục cần thiết để phát triển năng lực kinh tế. Tuy nhiên, với việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các chính sách kinh tế mới đã được ban hành, khuyến khích sự tham gia bình đẳng của mọi công dân, bao gồm cả phụ nữ, vào lực lượng lao động trong nước. Điều này mở ra cơ hội cho phụ nữ được đào tạo nghề, tiếp cận các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, từ đó nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Sự tham gia tích cực của phụ nữ vào sản xuất và kinh doanh đã góp phần quan trọng vào quá trình khôi phục và phát triển kinh tế đất nước sau chiến tranh, khẳng định vai trò không thể thiếu của họ trong kiến thiết đất nước.

Bên cạnh những chuyển biến kinh tế, Cách mạng tháng Tám năm 1945 còn tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực văn hóa - xã hội, phá vỡ những định kiến lỗi thời và thúc đẩy một nền văn hóa bình đẳng giới. Xã hội phong kiến và thực dân trước đây đã duy trì các giá trị văn hóa trọng nam khinh nữ, hạn chế quyền được học tập, tham gia xã hội và thể hiện bản thân của người phụ nữ. Song, với *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945 và *Hiến pháp năm 1946*, nguyên tắc bình đẳng giới đã được pháp luật hóa, tạo cơ sở cho việc thay đổi nhận thức và hành vi trong xã hội. Điều này khuyến khích phụ nữ không chỉ tham gia vào các hoạt động chính trị mà còn đóng góp vào sự phát triển văn hóa, giáo dục và khoa học. Các hình ảnh nữ chiến sĩ, nữ trí thức xuất hiện phổ biến đã trở thành biểu tượng cho sự giải phóng và vươn lên của phụ nữ Việt Nam, góp phần xây dựng một nền văn hóa mới đề cao giá trị con người, không phân biệt giới tính. Qua đó, phụ nữ dần thoát khỏi xiềng xích của những hủ tục lạc hậu, tự tin khẳng định tài năng và trí tuệ của mình trên mọi phương diện của đời sống văn hóa, nghệ thuật.

Cách mạng tháng Tám đã tạo nên sự chuyển biến của người phụ nữ Việt Nam từ thân phận của một “kẻ phụ thuộc” trở thành những công dân đầy đủ quyền lợi và nghĩa

vụ, thực sự trở thành người làm chủ vận mệnh của chính mình, cùng nam giới chung tay gánh vác sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Điều này đã góp phần khơi dậy niềm tự hào, sự tự tin và ý thức vươn lên của đông đảo phụ nữ.

- Ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám đối với công tác phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đặt nền móng cho những bước tiến vượt bậc trong công cuộc giải phóng và nâng cao vị thế của phụ nữ Việt Nam. Sự kiện lịch sử này không chỉ khiến xã hội từ bỏ những quan niệm lạc hậu, lỗi thời mà còn tạo ra một không khí đổi mới, nơi phụ nữ được trao quyền và tôn trọng. Các chính sách và tư tưởng mới đã xóa tan định kiến của quá khứ, mở đường cho nhiều quyền lợi mà trước đây phụ nữ chưa từng mơ ước. Qua đó, di sản của Cách mạng tháng Tám đã trở thành nguồn động lực không ngừng phát triển cho bình đẳng giới. Dù qua thời gian, những thành tựu đã đạt được vẫn tiếp tục được khẳng định và mở rộng qua từng giai đoạn tiếp theo.

Việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý và chính trị về bình đẳng giới đã được tiếp nối và phát huy một cách quyết liệt sau Cách mạng tháng Tám. Từ những nguyên tắc tiên phong này, các Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã không ngừng củng cố định hướng này. Nhà nước Việt Nam đã khẳng định vai trò của phụ nữ trong sự phát triển của xã hội, tạo ra môi trường thuận lợi để họ phát huy năng lực và sáng tạo. Sự ra đời của *Luật Bình đẳng giới* (2006)⁸ là minh chứng rõ ràng cho nỗ lực này, khi nó nhằm xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử và đảm bảo cơ hội phát triển ngang nhau giữa nam và nữ. Chính phủ cũng đã triển khai nhiều kế hoạch hành động cụ thể, từ việc tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước đến chiến lược giảm thiểu bạo lực giới, nhằm củng cố nền tảng của một xã hội công bằng, tiến bộ và hiện đại.

Sự phát triển trong lĩnh vực kinh tế và giáo dục luôn tạo đà cho sự phát triển toàn diện của phụ nữ ở Việt Nam. Phụ nữ hiện nay không chỉ chiếm tỷ lệ đáng kể trong lực lượng lao động mà còn chủ động khẳng định vị thế của mình trong mọi lĩnh vực kinh tế, từ nông nghiệp cho đến các ngành công nghiệp và dịch vụ hiện đại. Họ đã trở thành những doanh nhân tài ba, góp phần đáng kể vào phong trào khởi nghiệp quốc gia và đưa Việt Nam lên bảng xếp hạng toàn cầu với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Song song với đó, nền giáo dục đã hỗ trợ phụ nữ vượt qua rào cản tri thức, khi tỷ lệ biết chữ và trình độ học vấn của họ được nâng cao một cách rõ rệt. Di sản của phong trào “Bình dân học vụ” vẫn sống mãi qua sự gia tăng số lượng nữ sinh theo học các cấp học, giúp phụ nữ tự tin bước vào những lĩnh vực việc làm đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao.

Sự phát triển của giá trị xã hội và mô hình gia đình hiện đại cũng là động lực thúc đẩy vị thế của phụ nữ trong xã hội Việt Nam. Các mô hình gia đình mới khuyến khích mối quan hệ dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và hợp tác, loại bỏ những áp đặt bất công từng tồn tại lâu đời. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam luôn nỗ lực vận động, tổ chức các hoạt động thiết thực như chương trình “Phụ nữ cùng phát triển kinh tế gia đình” hay phong trào “Xây dựng gia đình hạnh phúc”, qua đó lan tỏa những giá trị tích cực và phát huy tinh thần độc lập của phụ nữ. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều cải thiện, những rào cản như gánh nặng công việc nội trợ và quan niệm ưu tiên con trai vẫn còn tồn tại, đòi hỏi một quá trình chuyển đổi nhận thức sâu sắc và lâu dài.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám 1945 đánh dấu sự khởi đầu cho quá trình chuyển đổi vai trò xã hội của phụ nữ Việt Nam. Phụ nữ Việt Nam lần đầu tiên được công nhận là chủ thể của quyền công dân. Sự kiện này không chỉ trao cho họ cơ hội tham gia chính trị mà còn

⁸ *Luật Bình đẳng giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

mở rộng không gian cho phụ nữ trong các lĩnh vực khác như kinh tế, văn hóa và xã hội. Chính những thay đổi này đã đặt nền móng cho quá trình xây dựng một xã hội công bằng hơn, tốt đẹp hơn.

Cuộc cách mạng vì quyền phụ nữ mà Cách mạng tháng Tám đặt nền móng vẫn tiếp tục diễn ra trong thời hiện đại. Những giá trị về bình đẳng, công bằng và quyền con người vẫn là nguyên tắc cốt lõi cho các chính sách và hoạt động xã hội liên quan đến giới. Việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao ý thức cộng đồng và thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào mọi mặt của đời sống là những bước đi cần thiết. Di sản của năm 1945 vì thế không chỉ là lịch sử mà còn là động lực cho tương lai, khẳng định rằng công cuộc giải phóng phụ nữ vẫn là một hành trình cần được tiếp tục bền bỉ và kiên định.

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA - TINH THẦN CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM TRONG VIỆC XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA SỐ Ở VIỆT NAM

*ThS. Trịnh Thị Hợp**

MỞ ĐẦU

“Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ đánh dấu bước ngoặt lịch sử đưa dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách đô hộ, mà còn hun đúc nên những giá trị văn hóa tinh thần bền vững như khát vọng độc lập, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết và tư duy đổi mới. Những giá trị này đã trở thành nền tảng tư tưởng vững chắc, tiếp tục soi đường cho công cuộc đổi mới và phát triển đất nước trong các giai đoạn tiếp theo”¹.

Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đang từng bước xây dựng xã hội số và định hình nền văn hóa số đặc sắc, việc kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa từ Cách mạng tháng Tám càng trở nên quan trọng. Văn hóa số không thể tách rời khỏi chiều sâu văn hóa truyền thống và di sản tinh thần của dân tộc. Do đó, việc vận dụng những giá trị văn hóa từ Cách mạng tháng Tám không chỉ mang ý nghĩa lịch sử mà còn có ý nghĩa thiết thực trong việc xây dựng một xã hội số vừa hiện đại, vừa giàu bản sắc. Việc nghiên cứu giá trị văn hóa tinh thần của Cách mạng tháng Tám 1945 đã được nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam quan tâm từ sớm, đặc biệt là sau công cuộc Đổi mới (1986), khi các giá trị lịch sử - văn hóa được nhìn nhận từ góc độ phát triển con người và quốc gia trong bối cảnh hiện đại.

Về lĩnh vực văn hóa số, các công trình nghiên cứu tập trung nhiều về vấn đề chuyển đổi số trong giáo dục, truyền thông và quản trị văn hóa. Từ đó, khuyến nghị việc tích hợp giá trị văn hóa dân tộc, trong đó có tinh thần cách mạng, vào hệ sinh thái số đang phát triển. Nghiên cứu của Đỗ Hữu Hợp và Nguyễn Thanh Tâm đã khẳng định “vai trò của văn hóa số trong việc nâng cao năng lực mềm quốc gia và gìn giữ bản sắc dân tộc. Đồng thời đề xuất một lộ trình phát triển văn hóa số hài hòa giữa công nghệ và giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam”². Như vậy, có thể thấy rõ xu hướng nghiên cứu hiện nay là tìm kiếm sự kết nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa giá trị lịch sử - văn hóa với phương tiện và không gian số. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu kết nối trực tiếp giữa giá trị văn hóa tinh thần của Cách mạng tháng Tám với việc kiến tạo nền văn hóa số Việt Nam hiện nay. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu mối liên hệ này không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn đóng vai trò định hướng chính sách văn hóa trong kỷ nguyên số.

Bài viết này tập trung làm rõ mối liên hệ giữa các giá trị tinh thần từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ này với định hướng phát triển văn hóa số hiện nay, qua đó khẳng định vai trò của di sản tư tưởng trong kiến tạo tương lai số hóa mang đậm bản sắc Việt Nam.

NỘI DUNG

1. Cách mạng tháng Tám năm 1945: Bản hùng ca văn hóa - tinh thần của dân tộc Việt Nam

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám không chỉ đánh dấu thắng lợi vang dội về quân sự và chính trị, mà còn là một cuộc cách mạng mang đậm chiều sâu văn hóa - tinh thần của dân tộc Việt Nam. Trong suốt quá trình chuẩn bị và thực hiện khởi nghĩa, các giá trị

* Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

¹ Bùi Thị Hồng Anh: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - Bài học từ Cách mạng tháng Tám năm 1945. *Cổng thông tin điện tử Trường Chính trị Tô Hiệu - Hải Phòng (19/08/2022)*. Truy cập tại: <https://truongchinhtritohieu.haiphong.gov.vn/Bai-viet-chuyen-de/Phat-huy-suc-manh-dai-doan-ket-toan-dan-toc---Bai-hoc-tu-cach-mang-thang-tam-nam-1945-98416.html>.

² Đỗ Hữu Hợp, Nguyễn Thanh Tâm: “Phát triển văn hóa số trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 4, 2021.

cốt lõi như lòng yêu nước, khát vọng độc lập, tinh thần tự lực tự cường và niềm tin vững chắc vào sức mạnh của nhân dân đã được đánh thức và lan tỏa rộng khắp xã hội. Thắng lợi đó là minh chứng sống động cho sự hòa quyện giữa sức mạnh văn hóa dân tộc và vai trò lãnh đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chính những yếu tố tinh thần đã trở thành nhân tố then chốt, nhất là trong bối cảnh lực lượng vũ trang còn non trẻ, điều kiện vật chất khan hiếm. Niềm tin vào thắng lợi và khát khao tự do đã trở thành sợi dây gắn kết dân tộc, thôi thúc cả nước hành động như một chỉnh thể thống nhất. Vì vậy, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám chính là minh chứng rõ rệt cho sức mạnh tinh thần - văn hóa của dân tộc, được hun đúc từ truyền thống ngàn đời và được Đảng chuyển hóa thành lý tưởng cách mạng. Chiến thắng vĩ đại năm 1945 không thể tách rời khỏi hệ giá trị văn hóa tinh thần sâu sắc đã được nuôi dưỡng qua bao thế hệ. Có thể khái quát một số giá trị nổi bật như sau:

Trước hết, Cách mạng tháng Tám không chỉ là bước ngoặt chính trị trọng đại mà còn là hiện tượng văn hóa - tinh thần sâu sắc, góp phần hình thành bản sắc dân tộc trong thời kỳ hiện đại. “Những giá trị như khát vọng độc lập, tinh thần đoàn kết, tình yêu nước nồng nàn và trách nhiệm cộng đồng được kết tinh trong cuộc cách mạng này đã trở thành di sản văn hóa phi vật thể quý báu của dân tộc”³. Những giá trị ấy không chỉ được nhắc đến trong các khẩu hiệu hay văn bản chính trị, mà còn thấm sâu vào hành vi, lối sống và tư duy của các thế hệ người Việt. Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập số, khi văn hóa ngoại lai len lỏi qua nhiều kênh truyền thông và không gian mạng, việc củng cố các giá trị văn hóa truyền thống - đặc biệt là từ Cách mạng tháng Tám - chính là chìa khóa để bảo vệ bản sắc văn hóa và giữ vững chủ quyền tinh thần. Minh chứng rõ nét là trong đại dịch Covid - 19, sự đồng lòng và tinh thần cộng đồng - vốn được hình thành từ truyền thống cách mạng - đã giúp Việt Nam kiểm soát dịch bệnh hiệu quả trong giai đoạn đầu. Đây là “sức mạnh mềm” đặc trưng, được nuôi dưỡng từ chiều sâu văn hóa lịch sử. Đồng thời, theo UNESCO (2022), những quốc gia sở hữu nền tảng giá trị văn hóa vững chắc có khả năng thích ứng và đổi mới tốt hơn khi đối mặt với khủng hoảng - từ biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho tới cách mạng công nghệ. Những thành tựu trên góp phần chứng minh, thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ có giá trị lịch sử (mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội), mà còn là nguồn lực văn hóa tinh thần cho những bước phát triển vững chắc và lâu bền của dân tộc ta.

Thứ hai, khát vọng về một quốc gia độc lập, tự do là động lực xuyên suốt và bền bỉ. Đây không chỉ là lý tưởng của đội ngũ lãnh đạo cách mạng mà còn là mong muốn thiết tha của toàn thể dân tộc.

Thứ ba, tinh thần đại đoàn kết toàn dân là yếu tố quyết định. Chính sự thống nhất giữa các tầng lớp, giai cấp đã tạo nên sức mạnh tập thể để giành chính quyền trong thời khắc lịch sử.

Thứ tư, lòng tự tin, ý chí tự cường trong nghịch cảnh. Dù đất nước bị đô hộ, kinh tế kiệt quệ, nhưng nhân dân vẫn kiên cường đứng lên chiến đấu với niềm tin không lay chuyển vào thắng lợi cuối cùng.

Thứ năm, tư duy đổi mới và khả năng nắm bắt thời cuộc linh hoạt. Đảng Cộng sản Việt Nam đã biết cách kết hợp sáng tạo giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, đồng thời kế thừa tinh thần yêu nước truyền thống và tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại.

³ Bùi Hoài Sơn: “Giá trị văn hóa Việt Nam nhìn từ các chiều cạnh giá trị quốc gia, vùng, miền, tộc người”, *Tạp chí Cộng sản điện tử* (10/08/2022). Truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/gia-tri-van-hoa-viet-nam-nhin-tu-cac-chieu-can-gia-tri-quoc-gia-vung-mien-toc-nguoi.

2. Vai trò của giá trị văn hóa - tinh thần trong thời đại số

2.1. Giá trị văn hóa tinh thần của Cách mạng tháng Tám - động lực tư tưởng cho phát triển văn hóa số Việt Nam

Cách mạng tháng Tám 1945 không chỉ là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc mà còn có khả năng lan toả, truyền cảm hứng và định hướng cho sự phát triển văn hoá Việt Nam trong mọi giai đoạn lịch sử, đặc biệt là trong thời đại số hiện nay.

Tinh thần độc lập, tự chủ của Cách mạng tháng Tám là nền tảng cho việc xây dựng bản lĩnh văn hóa số: Khát vọng độc lập, tự do và tinh thần tự lực, tự cường là giá trị cốt lõi của Cách mạng tháng Tám, thúc đẩy dân tộc Việt Nam làm chủ vận mệnh sau gần một thế kỷ bị thực dân thống trị. Ngày nay, tinh thần đó cần được chuyển hóa thành bản lĩnh văn hoá số - khả năng làm chủ công nghệ, không gian mạng và xây dựng nền văn hoá số mang đậm bản sắc Việt Nam, không sao chép, lệ thuộc, mà văn hoá nhập sâu sắc vào dòng chảy toàn cầu. Do đó, việc phát huy tinh thần tự chủ từ Cách mạng tháng Tám là nền tảng quan trọng để định hình chiến lược văn hoá số mang bản sắc dân tộc⁴.

Tinh thần đoàn kết toàn dân của Cách mạng tháng Tám là tiền đề cho xây dựng văn hoá số toàn diện: Cách mạng tháng Tám đã huy động sức mạnh toàn dân, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Trong kỷ nguyên số, sự đoàn kết ấy cần được phát huy trong việc xây dựng cộng đồng số gắn kết, không phân biệt vùng miền, thể hệ hay điều kiện kinh tế - xã hội⁵. Mỗi công dân sẽ trở thành một chủ thể tích cực trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong không gian số.

Tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm - động lực cho sáng tạo trong không gian số: Thành công của Cách mạng tháng Tám thể hiện một tư duy đột phá, “chớp thời cơ”, cách mạng. Giá trị này cần được phát huy để dẫn dắt quá trình chuyển đổi số văn hoá, nơi sáng tạo và cải tiến là yếu tố sống còn. Từ việc số hoá di sản văn hoá, ứng dụng AI trong bảo tồn văn hoá, đến phát triển các nền tảng nội dung số mang bản sắc Việt - tất cả đòi hỏi một tinh thần dân thân, đổi mới, vượt qua lối mòn tư duy. Cách mạng tháng Tám chứng minh khi dân tộc có niềm tin vào tương lai và quyết tâm hành động, thì mọi giới hạn đều có thể bị vượt qua - đó chính là bài học lịch sử để bước vào kỷ nguyên số một cách chủ động và sáng tạo.

Giá trị văn hoá yêu nước và khát vọng phát triển - trụ cột tinh thần của chiến lược văn hoá số: Khát vọng xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, dân chủ, hiện đại đã khởi nguồn từ cuộc cách mạng vĩ đại năm 1945. Ngày nay, khát vọng đó được chuyển hóa thành mục tiêu phát triển quốc gia số, trong đó văn hoá số là một trụ cột quan trọng. Mỗi người dân Việt Nam trong không gian số phải mang trong mình lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và bản lĩnh để bảo vệ giá trị dân tộc trước các thách thức như thông tin độc hại, xuyên tạc, phản văn hoá. Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị khẳng định: “Phát triển kinh tế số gắn với bảo đảm an ninh mạng, an ninh văn hoá số, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc trong môi trường số”⁶ là yêu cầu cấp thiết. Điều này cho thấy sự nối tiếp trực tiếp giữa lý tưởng cách mạng 1945 và tầm nhìn chiến lược trong thời đại mới.

⁴ Nguyễn Trọng Phúc, Nguyễn Mạnh Hà: “Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của Cách mạng tháng Tám 1945”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 9, 2020.

⁵ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

⁶ *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Hà Nội.

Có thể khẳng định rằng, giá trị văn hoá tinh thần của Cách mạng tháng Tám chính là gốc rễ, là điểm tựa lịch sử - tinh thần để xây dựng một nền văn hoá số Việt Nam vững chắc, nhân văn và hiện đại.

2.2. Vai trò của giá trị văn hóa - tinh thần trong thời đại số

Chuyển đổi số không chỉ là cuộc cách mạng về công nghệ, mà còn là sự chuyển hóa toàn diện trong tư duy, hành vi và hệ giá trị của con người. Trong tiến trình ấy, việc khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc trở nên cấp thiết, nhằm đảm bảo sự phát triển số có chiều sâu, có bản sắc, tránh rơi vào tình trạng vô hồn, mất phương hướng hay lệ thuộc vào các mô hình ngoại lai.

Theo báo cáo Digital Vietnam 2024 của We Are Social, vào đầu năm 2024, Việt Nam có 78,44 triệu người dùng Internet, khi đó tỷ lệ thâm nhập Internet đạt 79,1%; có 72,70 triệu người dùng mạng xã hội, tương đương với 73,3 phần trăm tổng dân số; Tổng cộng có 168,5 triệu kết nối di động đang hoạt động tại Việt Nam, tương đương với 169,8 phần trăm tổng dân số⁷. Tuy nhiên tỷ lệ nội dung số trên các nền tảng phổ biến ở Việt Nam mang tính bản địa hoặc phản ánh giá trị văn hóa dân tộc, thấp hơn khá nhiều so với Hàn Quốc và Nhật Bản. Sự chênh lệch này đặt ra một thách thức rõ ràng: nội dung số Việt Nam cần được “bản sắc hóa” bằng chính những giá trị truyền thống và tinh thần văn hóa dân tộc.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa chỉ có thể thành công nếu được xây dựng trên nền tảng vững chắc của di sản tinh thần. Các hoạt động như số hóa di sản, giáo dục lịch sử qua nền tảng số, xây dựng bảo tàng ảo, phát triển thư viện điện tử. Ở góc độ giáo dục, nếu chỉ trang bị cho sinh viên kỹ năng công nghệ mà không gắn liền với đạo đức và giá trị truyền thống, sẽ dễ dẫn đến một thế hệ thanh niên thiếu bản lĩnh, dễ bị cuốn theo các xu hướng lệch chuẩn trong môi trường số.

Chính vì vậy, việc tích hợp các giá trị cách mạng - đặc biệt là tinh thần Cách mạng tháng Tám - vào chương trình học, sách giáo khoa điện tử và các hoạt động truyền thông số chính là giải pháp mang tính căn cơ để thực hiện quá trình chuyển đổi số mà không đánh mất bản sắc dân tộc. Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 của Chính phủ cũng đã nêu rõ định hướng: Phát triển công nghiệp văn hóa gắn liền với bảo tồn giá trị truyền thống, trong đó chuyển đổi số là động lực, nhưng giá trị văn hóa dân tộc là linh hồn⁸. Đây là cách tiếp cận hài hòa và biện chứng giữa đổi mới và kế thừa, giữa công nghệ hiện đại và di sản văn hóa dân tộc.

Như vậy, chuyển đổi số không đơn giản là việc phát triển công nghệ mà còn có mối liên quan chặt chẽ đến con người, văn hóa và bản sắc dân tộc. Nếu không có sự chuyển biến toàn diện trong tư duy, hành vi và hệ giá trị, thì mọi nỗ lực số hóa dễ trở nên hình thức hoặc lệch hướng. Do đó, phát huy những giá trị văn hóa từ Cách mạng tháng Tám là điều kiện tiên quyết để bảo đảm rằng trong dòng chảy toàn cầu hóa, văn hóa số Việt Nam vẫn giữ được bản sắc riêng.

Văn hóa số là khái niệm mô tả các giá trị, thói quen, hành vi, và cách ứng xử của con người trong môi trường số hóa, nơi công nghệ và internet trở thành trung tâm. Đây là sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại và các yếu tố văn hóa truyền thống, hình thành nên một hệ sinh thái văn hóa mới, linh hoạt và không biên giới. Theo cảm nang chuyển đổi số của Bộ thông tin và Truyền thông: Văn hóa trong xã hội loài người được hình thành trong một thời

⁷ <https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam>.

⁸ Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch: *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội, 2025.

gian dài, qua hàng trăm năm, hàng nghìn năm; trong khi xã hội số là một vấn đề rất mới đang hình thành trong thời gian gần đây. Vì vậy văn hóa số đang hình thành và có thể hiểu văn hóa số quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức của con người trong môi trường số⁹. Tại Việt Nam, văn hóa số đang phát triển mạnh mẽ, tác động đến nhiều lĩnh vực như giao tiếp, giáo dục, giải trí, thương mại, và quản lý xã hội. Nó không đơn thuần là sự thích nghi với công nghệ mà còn là sự thay đổi sâu sắc trong tư duy, hành vi và cách thức tổ chức xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, văn hóa số đã và đang trở thành một công cụ quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy và lan tỏa các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc. Văn hóa số không chỉ đơn thuần là việc chuyển đổi nội dung văn hóa sang định dạng số, mà còn là quá trình tái hiện, tương tác và truyền tải các giá trị truyền thống qua nền tảng công nghệ hiện đại, từ đó mở ra không gian tiếp cận rộng lớn và đa chiều.

Trước hết, văn hóa số góp phần bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc một cách hiệu quả. Những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể như lễ hội truyền thống, văn học dân gian, âm nhạc, trang phục, ẩm thực,... đều có thể được xây dựng thành những dạng tư liệu số và lưu trữ trực tuyến, từ đó đưa các giá trị này đến với cộng đồng một cách nhanh chóng, hiệu quả và sinh động. Với nền tảng số, những câu chuyện về Cách mạng tháng Tám, về lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc,... có thể được truyền tải qua các sản phẩm như video ngắn, phim hoạt hình, game lịch sử hay bảo tàng số.

Thứ hai, văn hóa số mở ra không gian sáng tạo văn hóa mới, đa dạng và hiện đại. Với việc ứng dụng công nghệ số trong sáng tạo văn hóa, giúp việc truyền tải tinh thần cách mạng và bản lĩnh Việt Nam qua nhiều sản phẩm số như phim, ảnh, video... giúp chúng “sống động hoá”, tiếp cận hiệu quả hơn. Thế hệ trẻ ngày nay, không chỉ tiếp nhận một chiều mà có thể “sống cùng lịch sử” thông qua công nghệ thực tế ảo (VR), trải nghiệm di sản số, hoặc tham gia sáng tạo nội dung về văn hoá dân tộc trên các mạng xã hội TikTok, YouTube, Podcast,... Đây là phương pháp công nghệ để thế hệ trẻ chủ động tiếp cận các giá trị tinh thần cốt lõi như lòng tự hào dân tộc, tinh thần hi sinh vì cộng đồng, khát vọng tự cường, thay vì bị động tiếp nhận các giá trị ngoại lai.

Thứ ba, văn hóa số mở rộng khả năng lan tỏa giá trị tinh thần dân tộc thông qua các nền tảng mạng xã hội, truyền thông kỹ thuật số, phim ảnh, trò chơi điện tử mang đậm bản sắc văn hóa Việt. Những yếu tố như tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, ý thức cộng đồng, tôn trọng truyền thống... được lồng ghép một cách sáng tạo vào nội dung kỹ thuật số, tạo ra sức hút mạnh mẽ đối với người xem và giúp nhân dân tiếp cận các giá trị văn hóa dân tộc một cách hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, việc khai thác các giá trị văn hóa số trong thời kỳ bùng nổ thông tin và kết nối toàn cầu như hiện nay cũng tiềm ẩn nhiều vấn đề cần phải quan tâm như: việc gìn giữ và bảo vệ những giá trị bản sắc, truyền thống của dân tộc trước những luồng ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai, hoặc việc thương mại hóa quá mức sẽ dẫn đến những sản phẩm văn hóa thiếu chất lượng. Hoặc sự lan truyền những sản phẩm văn hóa xấu, chưa được kiểm duyệt cũng sẽ gây ra những ảnh hưởng đến việc tiếp thu các giá trị văn hóa của nhân dân... Vì vậy, đòi hỏi sự tham gia của các cơ quan quản lý văn hóa trong việc kiểm duyệt các sản phẩm văn hóa số, vấn đề trách nhiệm của những người sáng tạo nội dung số và ý thức tiếp nhận có chọn lọc từ phía công chúng.

Tóm lại, văn hóa số chính là một phương tiện truyền thông hiện đại để kết nối giữa các giá trị truyền thống với hiện đại. Hình thành một dòng chảy xuyên suốt gắn liền qua

⁹ Bộ Thông tin và Truyền thông: *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 2021.

khứ, với hiện tại và tương lai. Giúp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3. Phát huy giá trị văn hóa - tinh thần của Cách mạng tháng Tám trong việc xây dựng nền văn hóa số ở Việt Nam hiện nay - kết quả đạt được và giải pháp

3.1. Kết quả đạt được

Việc phát huy giá trị văn hoá tinh thần của Cách mạng tháng Tám 1945 trong bối cảnh xây dựng nền văn hoá số hiện nay ở Việt Nam được triển khai trên nhiều phương diện, với một số nội dung cốt lõi sau:

“Chuyển hóa tinh thần yêu nước và ý chí độc lập dân tộc thành động lực sáng tạo trong môi trường số”¹⁰: Đây là yếu tố xuyên suốt trong chiến lược phát triển nội dung số Việt Nam, thể hiện qua việc khuyến khích sản xuất các sản phẩm văn hoá - nghệ thuật, game, phim ảnh, sách số có nội dung mang tính dân tộc, lan tỏa giá trị lịch sử và khơi dậy tinh thần yêu nước trong giới trẻ.

Bảo tồn và truyền bá di sản văn hóa truyền thống bằng công nghệ số: Những nền tảng như số hóa di sản, bảo tàng ảo, bản đồ di sản văn hoá số quốc gia đang góp phần giữ gìn, phổ biến các giá trị lịch sử gắn với Cách mạng tháng Tám một cách sinh động. Như hệ thống trưng bày 3D tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia đã ứng dụng công nghệ thực tế ảo để giới thiệu về sự kiện Tổng khởi nghĩa năm 1945.

Xây dựng bản lĩnh chính trị, tinh thần dân tộc và đạo đức số cho thế hệ trẻ: Các chương trình giáo dục công dân số, giáo dục lịch sử - văn hoá qua mạng xã hội, học liệu điện tử (MOOCs, E-learning) tích hợp nội dung Cách mạng tháng Tám, đang được triển khai tại nhiều trường đại học và phổ thông.

Việc phát huy các giá trị văn hoá tinh thần nêu trên đã bước đầu đạt được những kết quả tích cực, thể hiện trên nhiều lĩnh vực:

Hình thành hệ sinh thái nội dung số mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc: Theo thông tin từ Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), tỷ lệ sản phẩm nội dung số do Việt Nam sản xuất tăng 35% so với năm 2020, với hàng loạt phim tài liệu, gameshow, ứng dụng học tập tích hợp giá trị lịch sử - văn hoá được phổ biến rộng rãi trên nền tảng số.

Gia tăng tiếp cận di sản và lịch sử qua môi trường số: Hơn 200 bảo tàng, di tích và trung tâm văn hoá địa phương đã triển khai chương trình số hoá. Trang thông tin điện tử về “Hành trình Cách mạng tháng Tám” do Bảo tàng Hồ Chí Minh vận hành đã thu hút hơn 1 triệu lượt truy cập trong năm 2023. Số liệu này cho thấy nhu cầu tiếp cận lịch sử dân tộc trong không gian số đang ngày càng gia tăng, đặc biệt từ giới trẻ.

Lan tỏa giá trị yêu nước, trách nhiệm công dân trong giới trẻ qua truyền thông số: Các chiến dịch truyền thông như “Tự hào Việt Nam”, “Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh - Biểu tượng của khát vọng phát triển” trên TikTok, YouTube, Facebook đạt hơn 200 triệu lượt xem trong năm 2022 - 2023.

Góp phần định hình nhân cách số cho công dân trẻ: Nhiều trường đại học đã tích hợp môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và kỹ năng công dân số trong chương trình đào tạo.

Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo gắn với di sản: Theo báo cáo của UNESCO (2023), Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu Đông Nam Á trong việc kết hợp văn hóa sáng tạo và công nghệ số để tái hiện các giá trị lịch sử, trong đó có tinh thần

¹⁰ Dự án “Tinh yêu nước trong thời đại mới”: *Lan tỏa những giá trị lịch sử ở thế hệ trẻ*, (17/04/2025). Truy cập tại: <https://songtre.com.vn/du-an-%25E2%2580%259Ctinh-yeu-nuoc-trong-thoi-dai-moi%25E2%2580%259D-lan-toa-nhung-gia-tri-lich-su-o-the-he-tre-p30250.html>.

Cách mạng tháng Tám.

Tuy nhiên, việc phát huy các giá trị văn hoá tinh thần vào văn hoá số vẫn còn những hạn chế: Nội dung số hoá vẫn còn thiên về hình thức, thiếu chiều sâu tư tưởng và tính giáo dục chính trị - lịch sử rõ nét; “thiếu cơ chế phối hợp giữa các cơ quan văn hoá, giáo dục, truyền thông và công nghệ; ý thức chủ động tiếp cận các giá trị truyền thống của một bộ phận giới trẻ còn hạn chế”¹¹. Do đó, cần có chiến lược đồng bộ giữa nhà nước - doanh nghiệp - cộng đồng nhằm vừa bảo tồn giá trị lịch sử, vừa đổi mới sáng tạo theo xu hướng công nghệ mới.

3.2. Giải pháp

Việc phát huy giá trị văn hoá tinh thần của Cách mạng tháng Tám 1945 không chỉ là nhiệm vụ lịch sử mà còn là đòi hỏi cấp thiết trong công cuộc phát triển văn hoá số hiện nay. Để làm được điều đó một cách bền vững, thiết nghĩ cần tập trung triển khai đồng bộ những giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, thể chế hoá và định hướng chính sách phát triển văn hoá số gắn với giá trị cách mạng: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách quốc gia về phát triển văn hoá số đặt trên nền tảng các giá trị cốt lõi của dân tộc như yêu nước, ý chí độc lập, khát vọng tự cường. Tích hợp nội dung lịch sử cách mạng, đặc biệt là tinh thần Cách mạng tháng Tám, vào chiến lược phát triển nội dung số quốc gia và chiến lược chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá. Ban hành các chính sách khuyến khích doanh nghiệp công nghệ, đơn vị sáng tạo nội dung phát triển các sản phẩm số mang bản sắc dân tộc và chiều sâu tư tưởng cách mạng.

Thứ hai, đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, giáo dục giá trị văn hoá tinh thần cách mạng: Sử dụng các công cụ truyền thông kỹ thuật số như TikTok, YouTube, Podcast, nền tảng thực tế ảo (VR/AR), game giáo dục lịch sử để kể lại những câu chuyện về Cách mạng tháng Tám một cách sáng tạo, gần gũi, sinh động. Tăng cường giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc trên các nền tảng số, kết hợp giữa giáo dục chính quy và giáo dục xã hội. Đưa nội dung tinh thần yêu nước, lý tưởng cách mạng vào chương trình đào tạo kỹ năng công dân số tại các trường đại học, trung học.

Thứ ba, phát triển hệ sinh thái sáng tạo số dựa trên di sản và cảm hứng cách mạng: Đầu tư vào bảo tàng số, phim tài liệu tương tác, ứng dụng du lịch thông minh tích hợp thông tin lịch sử cách mạng. Khuyến khích giới trẻ khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hoá số dựa trên cảm hứng từ lịch sử cách mạng và giá trị truyền thống. Hình thành các liên minh sáng tạo văn hoá - công nghệ giữa nhà nước, doanh nghiệp, trường đại học và nghệ sĩ trẻ.

Thứ tư, bảo đảm không gian mạng lành mạnh, văn minh, lan toả giá trị tích cực: Tăng cường kiểm soát và xử lý thông tin sai lệch, xuyên tạc lịch sử, bóp méo giá trị cách mạng trên không gian mạng. Định hướng dư luận và truyền thông tích cực, lan toả những nội dung tích cực về lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Phát triển hệ thống “bộ lọc đạo đức số” trên nền tảng AI nhằm bảo vệ người dùng trẻ khỏi thông tin độc hại.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đào tạo nhân lực văn hoá số gắn với tinh thần cách mạng: Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ số cho các đơn vị văn hoá (thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá). Tích hợp mục tiêu bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống với phát triển bền vững trong mục tiêu phát triển văn hóa

¹¹ Nguyễn Thị Liên: “Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của sinh viên hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử* (31/01/2024), truy cập tại: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/01/30/phat-huy-cac-gia-tri-van-hoa-truyen-thong-cua-sinh-vien-hien-nay/>

Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

KẾT LUẬN

Giá trị văn hóa tinh thần của Cách mạng tháng Tám 1945 không chỉ là di sản lịch sử mà còn là nguồn lực mềm quý giá để kiến tạo tương lai. Trong kỷ nguyên số, việc phát huy những giá trị này không chỉ nhằm bảo tồn bản sắc dân tộc mà còn định hướng cho sự phát triển một nền văn hóa số lành mạnh, nhân văn và hiện đại. Đây cũng là cách để khẳng định vị thế Việt Nam trên bản đồ văn hóa số toàn cầu - một quốc gia độc lập, tự cường, giàu truyền thống và luôn đổi mới vì tương lai.

BỐI CẢNH QUỐC TẾ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ GIỮA HOA KỲ VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỪ 1945 ĐẾN 1950

ThS. Lê Thị Thu Hương*

TS. Trần Thúy Hiền**

MỞ ĐẦU

Bối cảnh lịch sử chính là hoàn cảnh và sự cố xung quanh một sự kiện nào đó. Theo khái niệm này, không có một sự kiện nào có thể xảy ra mà đứng ngoài bối cảnh lịch sử. Đặc biệt, bước vào thời cận đại, nhất là thời hiện đại khi các quốc gia có sự liên hệ và tương thuộc chặt chẽ vào nhau; trên cơ sở đó chủ nghĩa khu vực và liên khu vực hình thành, trở thành những xu hướng, dòng chảy chung lôi cuốn các chủ thể quan hệ quốc tế tham gia và để lại những dấu ấn sâu sắc đối với từng quốc gia, khu vực và nhân loại. Quan hệ Hoa Kỳ và Việt Nam không phải là ngoại lệ, nghĩa là chịu chung tác động rất lớn của bối cảnh lúc đương thời. Có thể thấy, từ năm 1945 đến năm 1950, quan hệ Hoa Kỳ và Việt Nam chịu ba bối cảnh quốc tế chủ yếu chi phối: (1) *Sự hình thành Mặt trận Đồng Minh trên thế giới chống chủ nghĩa phát xít đã đưa các quốc gia xích lại gần hơn, sẵn sàng hợp tác để đạt mục tiêu chung*; (2) *Sự rạn nứt trong quan hệ giữa các nước Đồng Minh, mà biểu hiện tập trung của hai chủ thể Hoa Kỳ và Liên Xô khi Chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn chót đã thay đổi chính sách, thái độ trong quan hệ*; và (3) *Cuộc Chiến tranh Lạnh diễn ra đã dẫn đến việc thế giới chia thành hai cực, đối đầu căng thẳng đã làm đảo ngược chính sách giữa hai phe*.

Trong vòng 5 năm, bối cảnh quốc tế đã có những thay đổi phức tạp, nhanh chóng, thậm chí đảo chiều khiến cho quan hệ giữa Hoa Kỳ với Việt Nam trải qua những cung bậc thăng trầm, đi vào khúc quanh của lịch sử.

NỘI DUNG

1. Bối cảnh quốc tế tác động đến quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam từ năm 1945 đến 1950

1.1. Sự hình thành Mặt trận Đồng Minh trên thế giới chống chủ nghĩa phát xít đã đưa các quốc gia xích lại gần hơn, sẵn sàng hợp tác để đạt mục tiêu chung

Bước vào thập niên 30 của thế kỉ XX, trên cơ sở những Hiệp ước ký kết, chủ nghĩa phát xít Đức - Ý - Nhật hình thành và tiến hành chiến tranh phân chia lại lợi ích, bắt đầu từ châu Âu sau lan rộng ra toàn thế giới. Sau khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ (07/12/1941), hầu hết các nước trên thế giới đã bị lôi cuốn vào cuộc chiến, trong đó có Hoa Kỳ. Hoà bình và an ninh thế giới cũng như vận mệnh của tất cả các dân tộc đang bị đe dọa một cách nghiêm trọng. Việc thành lập một liên minh quốc tế chống chủ nghĩa phát xít là vấn đề được đặt ra bức thiết và trở thành nguyện vọng chung của các lực lượng tiến bộ, dân chủ và hòa bình trên thế giới. Cuối năm 1941, các điều kiện cho sự ra đời một mặt trận đồng minh chống phát xít trên phạm vi thế giới đã hội đủ. Trên cơ sở đó, ngày 01/1/1942, tại Washington DC, đại diện Liên Xô, Mỹ và Anh đã ký kết bản “*Tuyên bố Liên hợp quốc*” của 26 nước. Bản Tuyên bố nhấn mạnh về sự cam kết của các Chính phủ nhằm dồn toàn bộ sức mạnh quân sự và kinh tế chống phát xít và tay sai của chúng; Bất kỳ quốc gia nào có đóng góp vào cuộc đấu tranh chiến thắng chủ nghĩa phát xít đều có thể tham gia bản tuyên bố trên¹. Bản Tuyên bố không chỉ là văn kiện xác nhận sự ra

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

** Trường Chính trị Thành phố Đà Nẵng.

¹ Declaration by the United Nations (January 1, 1942).

đòi của Mặt trận Đồng Minh chống phát xít mà còn nêu lên điều kiện cho các quốc gia, đảng phái có thể tham gia.

Bản Tuyên bố này phù hợp với tình hình Đông Dương đang chịu sự chiếm đóng của phát xít Nhật, nên trong thông cáo “Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng”, Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định: “Vô sản giai cấp Đông Dương và nhân dân Đông Dương phải đứng về phe dân chủ chống phát xít xâm lược”². Ngay sau đó, trong Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”³, Đảng đã xác định: *Nhật là kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương*.

Triển khai chủ chương trên, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã tìm kiếm sự giao thiệp và ủng hộ từ các lực lượng dân chủ, bao gồm Mỹ nhằm khẳng định vị trí của cách mạng Việt Nam trong phe Đồng minh chống phát xít. Trong khi đó, phía Mỹ cũng gặp những khó khăn về thu thập thông tin ở khu vực Đông Dương, nhất là sau ngày Nhật đảo chính Pháp (09/3/1945). Từ lợi ích song trùng, Chính phủ Mỹ cho phép Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS) và Phòng Thông tin Chiến tranh (OWI) được tiếp xúc, liên lạc với Việt Minh. Kết quả là, ngày 29/3/1945 tại cuộc gặp giữa Hồ Chí Minh với Tướng Claire Chennault, tư lệnh Tập đoàn Không quân 14 Hoa Kỳ, ở Côn Minh (Trung Quốc), hai bên đã có những thoả thuận hợp tác giúp đỡ lẫn nhau. Theo đó, phía Việt Minh sẽ lập trạm cứu trợ phi công Mỹ ở Bắc Kỳ, cung cấp tin tức về tình hình quân đội Nhật ở Đông Dương; còn phía Mỹ sẽ giúp các phương tiện cần thiết bao gồm vũ khí và huấn luyện quân sự cho Việt Minh⁴. Dựa vào quan hệ mới thiết lập, hai bên đã triển khai những hoạt động thiết thực và có hiệu quả. Cụ thể là, Việt Minh đã cho in 8 vạn tờ truyền đơn bằng tiếng Việt cổ động cho hợp tác Việt - Mỹ trong chiến đấu, được rải khắp Bắc Kỳ. Việt Minh còn tiếp đón đội biệt kích Mỹ nhảy dù xuống khu giải phóng Việt Bắc và đưa về đồn trú tại cơ quan đầu não của cách mạng ở Tân Trào. Trong khi đó, phía Mỹ đã giúp huấn luyện khoảng 200 chiến sĩ du kích Việt Minh, cung cấp nhiều vũ khí, khí tài và điện đài... Đặc biệt, những người Mỹ đã có mặt khi Việt Minh tiến đánh Thái Nguyên và tiến về Hà Nội. Chính sự hiện diện của nhiều sĩ quan cao cấp Mỹ trong các sự kiện quan trọng của Việt Minh phản ánh một thực tế rằng: Mỹ đã có quan hệ chính thức với chế độ Việt Minh và hoàn toàn ủng hộ những người cách mạng⁵.

1.2. Sự rạn nứt trong quan hệ giữa các nước Đồng Minh, mà biểu hiện tập trung của hai chủ thể Hoa Kỳ và Liên Xô khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai đi vào giai đoạn chót đã thay đổi chính sách, thái độ trong quan hệ

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam non trẻ phải đối diện với muôn vàn khó khăn, phức tạp. Ở trong nước, nạn đói, nạn dốt và khó khăn tài chính đang hoành hành nghiêm trọng. Trong khi đó, sứ mệnh của đại diện lực lượng Đồng minh vào giải giáp quân Nhật lại thực hiện những chính sách bất lợi cho cách mạng Đông Dương. Cụ thể là, nếu ở miền Bắc quân Trung Hoa Dân Quốc kéo với âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, thì ở miền Nam, quân Anh cũng dọn đường cho người Pháp tái chiếm thuộc địa. Hoàn cảnh đó đặt Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Hơn bao giờ hết, việc tranh thủ sự ủng hộ của các nước lớn như một điều kiện được đặt

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.239

³ “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (12/03/1945), trong Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.364 - 373.

⁴ Charles Fenn: *Hồ Chí Minh - A Biographical Introduction*, Studio Vista, 1973.

⁵ Bộ Ngoại giao Việt Nam: *Đấu tranh ngoại giao trong Cách mạng Dân tộc Dân chủ nhân dân (1945 - 1954)* (lưu hành nội bộ), Hà Nội, 2002, tr.109.

ra cấp bách để chính quyền non trẻ góp phần hoá giải những thách thức này.

Dựa vào sự hợp tác Việt - Mỹ trong Cách mạng tháng Tám và Tuyên bố thiết lập chế độ uỷ thác quốc tế ở Đông Dương, như khẳng định của đại diện Mỹ và Liên Xô tại Hội nghị Tam cường ở Tehran (1943), rằng: Pháp phải trả giá cho sự cộng tác với phát xít Đức và nhất trí không để cho Pháp khôi phục chế độ thuộc địa ở Đông Dương⁶, Hồ Chí Minh đã thông qua các kênh để kết nối với chính phủ Hoa Kỳ. Khoảng nửa năm đầu của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho Tổng thống và Ngoại trưởng Mỹ 8 bức thư và điện, trong đó yêu cầu công nhận nền độc lập hoàn toàn của Việt Nam và sự hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ⁷ cũng như đề nghị Mỹ và các nước lớn can thiệp, ngăn chặn cuộc đổ máu đang diễn ra ở Nam Bộ, đi tới một giải pháp cấp bách và hợp lý cho vấn đề Đông Dương, đồng thời đưa vấn đề Đông Dương ra trước tổ chức Liên Hiệp Quốc⁸. Những yêu cầu chính đáng của Hồ Chí Minh rất phù hợp với thực tế Việt Nam và những cam kết, tuyên bố của các nước lớn lúc bấy giờ nhưng chính phủ Mỹ đã không hồi đáp. Điều đó đã phản ánh một thực tế rằng, bối cảnh lịch sử đã thay đổi nên thái độ của Mỹ cũng có sự chuyển dịch.

Thực tế, mặt trận Đồng Minh là một khối bao gồm các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, thậm chí đối lập về ý thức hệ. Cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít như một nhân tố tạm thời hoà hoãn các xung đột đó lại. Nhưng khi thắng lợi của phe Đồng Minh trở nên rõ ràng, nhất là vào năm cuối của cuộc chiến tranh, những xung đột, bất hoà bộc lộ sự rạn nứt của các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Liên Xô, không chỉ toan tính qua thực địa chiến trường mà còn thể hiện sâu sắc trong các hội nghị Yalta, Potsdam để phân chia phạm vi ảnh hưởng... Mỹ nhanh chóng có những động thái tập hợp lực lượng nhằm chống lại Liên Xô sau kết thúc chiến tranh. Biểu hiện rõ ràng chính sách xây dựng đồng minh của Mỹ là thay đổi lập trường với Pháp: từ không ủng hộ sang ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương. Hơn nữa, xét trên phương diện ý thức hệ, việc Mỹ cho rằng Hồ Chí Minh là người của quốc tế cộng sản⁹ cũng là nhân tố góp phần cản trở quan hệ Việt - Mỹ. Phân tích bối cảnh trên, để lý giải một thực tế rằng, vì sao Mỹ đã từ chối những yêu cầu chính đáng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam rơi vào “khoảng lặng”.

1.3. Cuộc Chiến tranh Lạnh diễn ra đã dẫn đến việc thế giới chia thành hai cực, đối đầu căng thẳng đã làm đảo ngược chính sách giữa hai phe, trong đó có quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mặc dù chịu nhiều tổn thất nhưng Liên Xô vẫn khẳng định được vị thế và nhanh chóng khôi phục để vươn lên trở thành siêu cường, bên cạnh siêu cường Mỹ chi phối quan hệ quốc tế trong trật tự hai cực Yalta. Trước sự mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô, ngày 12/3/1947, tổng thống Mỹ Harry S. Truman đã cho ra đời Học thuyết Truman, khẳng định Liên Xô là địch thủ, sẵn sàng chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản. Học thuyết Truman đã chính thức phát động cuộc Chiến tranh Lạnh, buộc các quốc gia phải chọn phe hoặc là Chủ nghĩa tư bản hoặc là Chủ nghĩa cộng sản do Mỹ và Liên Xô đại diện. Thế giới từ đó chứng kiến cuộc tranh giành ảnh hưởng và đối đầu căng thẳng giữa hai phe trên mọi lĩnh vực cũng như trên mọi phạm vi địa lý. Chính hoàn cảnh đó đã tác động mạnh mẽ đối với chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với thế giới, trong đó có Việt Nam.

⁶ Declaration of the Three Powers - Tehran Conference, December 1, 1943.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.176 - 177.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sổ đ*, 2000, tr.182.

⁹ Archimedes L.A. Patti: *Tại sao Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, 2008, tr.725.

Sau Cách mạng tháng Tám, Mỹ đã từng bước ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương. Đến khi phát động cuộc Chiến tranh Lạnh, quan điểm đó trở nên rõ ràng, khi Bộ Ngoại giao Mỹ chính thức khẳng định “Lập trường chủ yếu trong nhận thức của chúng ta là ở Đông Nam Á, chúng ta nhất thiết phải cùng hội với người Pháp, cũng như với người Anh và Hà Lan”¹⁰.

Hơn nữa, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở châu Á, trong đó có Việt Nam, đặc biệt là thắng lợi của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong cuộc nội chiến, Mỹ đã thúc đẩy Pháp về một giải pháp Bảo Đại, lập chính phủ đối lập với Chính phủ Hồ Chí Minh, để cung cấp vũ khí và viện trợ kinh tế khi điều kiện thích hợp. Dưới tác động của Mỹ, ngày 07/01/1949, Chính phủ lâm thời Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại làm quốc trưởng đã ra đời. Ngay lập tức, ngày 04/02/1950, Tổng thống Mỹ Truman đã công nhận và chính thức đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ mới này. Ngày 01/05/1950, chính phủ Mỹ đã phê duyệt gói viện trợ 10 triệu đô la cho Pháp. Tháng 9 cùng năm, Phái bộ Cố vấn Quân sự Mỹ cho Đông Dương (*Military Assistance Advisory Group - MAAG*) do tướng Brink chỉ huy đã có mặt tại Sài Gòn với nhiệm vụ hỗ trợ Pháp trong nỗ lực chống lại Việt Minh. Như vậy, lo ngại trước sự lớn mạnh của chủ nghĩa cộng sản, cho đến năm 1950, Mỹ đã công khai ủng hộ Pháp và chính quyền bù nhìn trên các phương diện chính trị, kinh tế và quân sự, trực tiếp dính líu đến cuộc chiến tranh Đông Dương. Đây cũng là cơ sở để Mỹ tiếp tục sa lầy vào cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất và trực tiếp gây ra cuộc Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai. Những phân tích trên đây cũng phản ánh một thực tế rằng, quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuyển thành đối đầu, thù địch. Trong bối cảnh đó, năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước Đông Âu lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ đây, chính phủ do chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã đứng hẳn về phe xã hội chủ nghĩa chống lại chủ nghĩa tư bản, chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, bối cảnh quốc tế là những nhân tố khách quan nhưng những gì phân tích cho thấy, thực chất đó chính là chính sách của các nước lớn, mà Hoa Kỳ có tầm quan trọng chủ chốt trong việc định hình và thúc đẩy. Vì là người tạo ra bối cảnh trên, nên trong quan hệ với Việt Nam, Hoa Kỳ luôn nắm giữ vai trò chủ động và định đoạt. Còn phía Việt Minh, sau này là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đóng vai trò thụ động và phụ thuộc.

Thứ hai, từ năm 1945 đến năm 1950, bối cảnh quốc tế có những biến động nhanh chóng và phức tạp, tác động và chi phối sâu sắc đến quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ. Trong đó, có bối cảnh thuận chiều, phù hợp đã tạo nên sự song trùng lợi ích, đưa đến kết quả hợp tác hiệu quả, đầy triển vọng của Hoa Kỳ và Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám. Nhưng cũng có những bối cảnh bất thuận, đảo chiều đã cản trở, thậm chí khiến cho Mỹ và Việt Nam đối đầu thù địch trong gần nửa thế kỷ sau đó. Đến năm 2023, quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ đã trở thành đối tác chiến lược toàn diện. Từ đó cho thấy, khi bối cảnh thay đổi thì cũng kéo theo sự thay đổi về hợp tác quan hệ.

Thứ ba, nhận thức được bối cảnh là do chính sách của các nước lớn tạo ra, để từ đó xây dựng một Việt Nam hùng mạnh, có vai trò và vị thế tương xứng, nhằm góp phần cùng các quốc gia định hình nên những bối cảnh, khung khổ trong bàn cờ khu vực và thế giới.

¹⁰ Archimedes L.A. Patti, *Sdd*, 2008, tr.732.

PHẦN II
TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

VIỆT NAM VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

*TS. Nguyễn Lê Thu**
*ThS. Phạm Văn Toàn***

MỞ ĐẦU

Trong phát biểu tại Lễ kỷ niệm 79 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2024), tổng kết cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930, Tổng Bí thư Tô Lâm lần đầu tiên khẳng định: “Nhất định Việt Nam sẽ tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc, không ngừng phấn đấu, đóng góp nhiều hơn nữa duy trì hòa bình, ổn định, phát triển ở khu vực và trên thế giới”¹.

Có thể thấy, trong dòng chảy lịch sử hiện đại, mỗi dân tộc đều có những thời khắc mang tính bước ngoặt, đánh dấu sự chuyển mình về chất trong tiến trình phát triển. Với Việt Nam, gần bốn thập niên đổi mới đã tạo nền tảng vững chắc để đất nước không chỉ vượt qua khủng hoảng, duy trì ổn định chính trị - xã hội, mà còn vươn lên mạnh mẽ về kinh tế, hội nhập quốc tế sâu rộng, khẳng định rõ hơn vị thế và vai trò trong khu vực và thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu đang chuyển đổi nhanh chóng, Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.

Từ góc nhìn lý luận và thực tiễn, bài viết tập trung làm rõ các điều kiện thuận lợi - cả nội sinh và ngoại sinh - đang tạo nên “thế và lực” mới cho Việt Nam vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển toàn diện. Qua đó góp phần khẳng định tính tất yếu và khả thi của con đường phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay và những năm tới.

NỘI DUNG

1. Kỷ nguyên vườn mình - Bước phát triển tất yếu trong tiến trình cách mạng Việt Nam

Khái niệm “kỷ nguyên” thường dùng để chỉ một giai đoạn có tính chất bước ngoặt trong lịch sử, được xác định bởi những biến động lớn hoặc sự thay đổi căn bản trong các lĩnh vực như chính trị, xã hội, khoa học, công nghệ, hay lịch sử tự nhiên. Việc phân chia lịch sử thành các kỷ nguyên nhằm phản ánh những chuyển biến có ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của nhân loại.

Có thể nói, quá trình lịch sử Việt Nam, từ năm 1930, khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo cách mạng đến nay, đã trải qua hai kỷ nguyên và đang bước vào Kỷ nguyên mới. Các kỷ nguyên nối tiếp nhau là logic phát triển tất yếu trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Kỷ nguyên thứ nhất: Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

“Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do”². Một kỷ nguyên mới đã được mở ra năm 1945 đối với dân tộc Việt Nam. Từ thân phận của một thuộc địa nghèo nàn, lạc hậu, gần như không được ghi

* Học viện Ngân hàng.

** Đại học Bách khoa Hà Nội.

¹ <https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/toan-van-bai-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-tai-le-ky-niem-quoc-khanh-2-9-119240829210529339.htm>

² Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Tài liệu Đại hội XI của Đảng, 2011. Truy cập tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/cuong-linhxay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-quá-do-len-chu-nghia-xa-hoi-bo-sung-phat-trien-nam-2011-1528>

nhận trên bản đồ thế giới, Việt Nam đã vươn lên khẳng định vị thế của một quốc gia độc lập, có chủ quyền, một chế độ của nhân dân. Kỷ nguyên mới huy hoàng của dân tộc đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khắc họa trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”³. Trong *Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội*, quân và dân Việt Nam đã kiên cường tiến hành các cuộc kháng chiến lâu dài, vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh để đánh bại các thế lực thực dân, đế quốc và phản động quốc tế. Mùa Xuân năm 1975, với thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, mở ra thời kỳ cả nước cùng tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là sự kiện đánh dấu sự hoàn thành xuất sắc mục tiêu chiến lược của kỷ nguyên độc lập và tự do. Thắng lợi này không chỉ mang ý nghĩa to lớn đối với dân tộc Việt Nam mà còn là biểu tượng đầy sức mạnh của thời đại - thời đại đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Kỷ nguyên thứ hai: Kỷ nguyên đổi mới và phát triển.

Kể từ năm 1975, khi non sông đã thu về một mối, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong khi đang gồng mình để khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh thì đất nước lại phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu biên giới (1977 - 1989) và làm nghĩa vụ quốc tế cao cả. Đây là thời kỳ đầu của Kỷ nguyên thứ hai - thời kỳ tiến hành các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội VI của Đảng (1986) khởi xướng công cuộc đổi mới, đất nước thực hiện nhiệm vụ lịch sử của kỷ nguyên thứ hai: Đổi mới đất nước toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kể từ đó đến nay, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã quyết tâm tiến hành công cuộc đổi mới, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, Việt Nam ngày nay là một minh chứng quan trọng trong nhiều lĩnh vực phát triển của thế giới. “Chưa bao giờ đất nước có cơ đồ, vị thế, sức mạnh và uy tín quốc tế như ngày nay”⁴.

Kỷ nguyên thứ ba: Kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc.

Kỷ nguyên vươn mình - là thời kỳ có sự phát triển đột phá, định hình một tầm vóc mới của dân tộc Việt Nam, một vị thế mới của dân tộc trong lịch sử nhân loại. Trong Kỷ nguyên mới (từ năm 2025 trở đi), toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phấn đấu tích cực, liên tục phát triển để đạt đến các mốc phát triển quan trọng: nước thu nhập trung bình cao (2030), nước phát triển, thu nhập cao (2045) và tiếp tục phát triển lên những mốc cao hơn trên con đường đạt đến mục tiêu nước phát triển cao, phồn vinh, hạnh phúc.

Như vậy, lịch sử của dân tộc Việt Nam là sự phát triển nối tiếp nhau từ Kỷ nguyên thứ nhất đến Kỷ nguyên thứ hai và đang bước vào Kỷ nguyên thứ ba - Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đây chính là logic tất yếu hợp quy luật trong lịch sử phát triển của dân tộc.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - không phải là một khẩu hiệu mang tính hình thức, mà là kết tinh của cả quá trình phát triển lịch sử, là kết quả tất yếu của những nỗ lực bền bỉ và định hướng đúng đắn của Đảng, Nhà nước và toàn dân tộc Việt Nam. Đây không chỉ đơn thuần là quá trình tăng trưởng, mà là sự bứt phá đầy ấn tượng, là lời khẳng định vị thế và tầm vóc mới của dân tộc Việt Nam trên bản đồ thế giới. Đó là kỷ nguyên của tiến bộ, phồn vinh, của sự phát triển toàn diện, hiện thực hóa khát vọng ngàn đời là vươn tầm, sánh

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.4, tr.3.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.104.

vai cùng các cường quốc năm châu - như lời căn dặn thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

2. Ngoại lực hỗ trợ, nội lực củng cố - thuận lợi kép cho Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên phát triển

2.1. Bối cảnh quốc tế mới - lực đẩy quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia của Việt Nam

Chúng ta đang sống trong thế giới đầy năng động với diễn biến phức tạp, khó lường, những biến đổi lớn lao mang tính thời đại. Nhưng trong mọi biến đổi cũng có một số điều quan trọng không hề thay đổi. Kỷ nguyên phát triển mới của thế giới tập trung vào chủ đề “Không để ai bị bỏ lại phía sau, hoạt động đoàn kết, thúc đẩy hòa bình, phát triển bền vững, phẩm giá con người vì thế hệ hôm nay và tương lai”. Kiến tạo tương lai hòa bình, ổn định, thịnh vượng và bền vững cho mọi người dân là đòi hỏi khách quan trong kỷ nguyên phát triển mới của thế giới, kỷ nguyên của chủ nghĩa đa phương, trong thể chế và tư duy toàn cầu. Tuy đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức mới, nghiêm trọng, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác, phát triển và tiến bộ xã hội vẫn là xu thế lớn, không hề thay đổi.

Cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư, với nền tảng là sự hội tụ của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và điện toán đám mây, đang định hình lại trật tự phát triển toàn cầu. Đối với Việt Nam, đây không chỉ là một xu thế công nghệ, mà còn là điều kiện khách quan quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình hiện đại hóa đất nước. Trong bối cảnh dân tộc ta bước vào giai đoạn phát triển mới với khát vọng khẳng định vị thế, Cách mạng 4.0 tạo ra một môi trường thuận lợi để chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, dựa trên đổi mới sáng tạo, kinh tế số và tri thức. Việc ứng dụng các thành tựu công nghệ mới giúp Việt Nam nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa quy trình sản xuất, cải thiện hiệu quả quản trị, đồng thời mở rộng không gian phát triển cho các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao. Đây chính là thời cơ chiến lược để rút ngắn khoảng cách phát triển, gia nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và tăng cường khả năng thích ứng trước các biến động kinh tế - chính trị khu vực và thế giới. Hơn nữa, cuộc cách mạng này cũng đang góp phần định hình nền tảng cho xã hội số, kinh tế số và chính phủ số - những trụ cột thiết yếu để từng bước xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại, kiến tạo một Việt Nam phát triển bền vững, tự chủ và có năng lực cạnh tranh toàn diện trong kỷ nguyên mới.

2.2. Vị thế địa chính trị - nền tảng chiến lược cho sự vươn lên của Việt Nam

Địa chính trị là không gian quyền lực chính trị của một quốc gia trong quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới. Địa chính trị của Việt Nam được định hình bởi trước hết là vị trí địa lý chiến lược, cùng với tiềm năng kinh tế - xã hội và các mối quan hệ quốc tế.

Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng, nằm trên tuyến đường giao thương quốc tế nối liền Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương. Bờ biển dài hơn 3.260 km, tiếp giáp Biển Đông, nơi có tuyến hàng hải quan trọng bậc nhất thế giới với giá trị giao thương chiếm khoảng 1/3 lưu lượng toàn cầu. Với diện tích vùng biển có chủ quyền hơn 1 triệu km² (gấp 3 lần diện tích đất liền) và tỷ lệ chiều dài bờ biển so với diện tích đất liền là 1/100 (gấp 6 lần tỷ lệ trung bình của thế giới). Biển Đông cung cấp nguồn tài nguyên, bao gồm dầu khí, hải sản, và các dịch vụ hàng hải. Việt Nam nằm ở trung tâm Đông Nam Á, gần Trung Quốc và các nền kinh tế phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác và giao thương.

Việt Nam là đất nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với nhiều loại

khoáng sản quan trọng chiến lược cho phát triển kinh tế như: đất hiếm, bô xít, vonfram, dầu khí,... Việt Nam tuy đất không rộng, nhưng nằm trong top 3 quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới. Riêng đồng bằng sông Cửu Long là vừa lúa, vừa trái cây và vừa thủy sản có thể nuôi sống 100 triệu người.

Việt Nam là quốc gia có dân số hơn 100 triệu, đang trong thời kỳ dân số vàng với lực lượng lao động chiếm hơn 60% dân số, là nguồn nhân lực quan trọng cho sự phát triển đất nước. Những phẩm chất tốt đẹp được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của con người Việt Nam như: yêu nước, đoàn kết, quật khởi, nhân ái, cần cù, thông minh, sáng tạo,... chính là nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển bền vững của đất nước.

2.3. Thành tựu gần 40 năm đổi mới - nền tảng nội lực đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Sau gần 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự chung sức, đồng lòng của cả dân tộc, Việt Nam đã đạt được thành tựu nổi bật về kinh tế: “Nền kinh tế phát triển và tăng trưởng liên tục với tốc độ tương đối cao. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2023 đạt khoảng 430 tỷ USD, trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 trong ASEAN và thứ 35 trong 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới. GDP bình quân đầu người tăng 58 lần, lên mức khoảng 4.300 USD năm 2023. Nhờ đó, từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Hiện Việt Nam có gần 80% dân số sử dụng Internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Thiên niên kỷ”⁵.

Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm. “Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% theo chuẩn cũ năm 1993 của Chính phủ xuống còn 2,93% theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước) năm 2023... (...) tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2023”⁶. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hóa phát triển phong phú, đa dạng. “Năm 2022, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,737, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có trình độ phát triển cao hơn. Chỉ số hạnh phúc của Việt Nam năm 2023 được các tổ chức xếp thứ 65/137 quốc gia được xếp hạng”⁷.

Cùng với những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh luôn được củng cố, tăng cường; “chủ quyền quốc gia, môi trường hòa bình, ổn định luôn luôn được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội luôn luôn được bảo đảm; Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được chăm lo đầu tư, xây dựng ngày càng tinh gọn, mạnh cả về chính trị, tư tưởng và vũ khí, trang thiết bị”⁸.

Trên lĩnh vực đối ngoại, “Việt Nam hiện đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện hoặc đối tác chiến lược với tất cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an

⁵ Nguyễn Phú Trọng: *Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng*. Báo nhân dân, ngày 31 tháng 1 năm 2024. Truy cập tại <https://special.nhandan.vn/Tong-Bi-thu-Nguyen-Phu-Trong-tu-hao-tin-tuong-duoi-la-co-ve-vang-cua-Dang/index.html>

⁶ Nguyễn Phú Trọng: *tlđđ*, ngày 01/02/2024.

⁷ Nguyễn Phú Trọng: *tlđđ*, ngày 01/02/2024.

⁸ Nguyễn Phú Trọng: *tlđđ*, ngày 01/02/2024.

Liên hợp quốc và mở rộng quan hệ kinh tế - thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam đã và đang thể hiện tốt vai trò là bạn, là đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế; có nhiều sáng kiến, đề xuất và chủ động, tích cực tham gia có hiệu quả vào các hoạt động của ASEAN, tổ chức Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế khác”⁹. Đó những kết quả quan trọng, tạo nên: “cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹⁰.

2.4. Ý Đảng - Lòng dân - Khát vọng dựng xây: Nguồn sức mạnh đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới

Thực tiễn lịch sử Việt Nam, từ khi Đảng ra đời và lãnh đạo là bằng chứng sinh động và hùng hồn chứng tỏ: Khi nào phát huy được ý chí và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thì khi đó cách mạng thắng lợi. Điều này thể hiện rõ trong các thời kỳ lịch sử. Trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám năm 1945, khi thời cơ cách mạng đã chín muồi, với chủ trương: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹¹ và quyết tâm “dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập”¹², lãnh tụ Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹³. Tinh thần và quyết tâm đó đã giúp Đảng và dân tộc Việt Nam làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kết thúc hơn 80 đô hộ của thực dân, phát xít, thay đổi vận mệnh dân tộc và thân phận mỗi người dân Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, với tinh thần “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, sau chín năm trường kỳ kháng chiến, với nhiều hy sinh, gian khổ, quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với quyết tâm: “Nước Việt Nam ta nhất định phải thống nhất. Đồng bào Nam và Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹⁴ và với niềm tin sắt đá “... dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa song nhất định thắng lợi hoàn toàn”¹⁵, dân tộc Việt Nam một lần nữa đứng lên đánh bại các chiến lược quân sự của kẻ thù, đánh cho “Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, kết thúc bằng thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Chiến thắng này là đỉnh cao rực rỡ nhất của hành trình đấu tranh giành độc lập dân tộc; khép lại chặng đường 30 năm chiến đấu liên tục vì độc lập, tự do, đồng thời chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân trên lãnh thổ Việt Nam. Thắng lợi này đã mở ra thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc - thời kỳ độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Khát vọng độc lập dân tộc và giải phóng đất nước, được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh khơi dậy và dẫn dắt, đã chạm đến tâm nguyện sâu thẳm của toàn thể nhân dân Việt Nam. Điều đó thể hiện sự hòa quyện giữa ý chí của Đảng và lòng dân - “*Ý Đảng hợp lòng dân*”.

⁹ Nguyễn Phú Trọng: *tlđđ*, ngày 01/02/2024.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.25.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.113.

¹² Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.2, tr.225.

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Sdd*, 2011, t.10, tr.359 - 360.

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Sdd*, 2011, t.12, tr.509.

Bước vào thời kỳ đổi mới, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; đồng thời, kiên định mục tiêu mà Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra cũng như những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với ý chí, quyết tâm không chấp nhận là một nước nghèo, kém phát triển, toàn Đảng, toàn dân đã chung sức, đồng lòng đưa Việt Nam từ một nước nghèo nàn, lạc hậu (những năm đầu đổi mới), chính thức thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội vào năm 1996 và tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, trở thành một nước có thu nhập bình quân đầu người đạt 1.168 USD vào năm 2010. Đó là thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo thế, tạo lực và tiền đề thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước trong thế kỷ XXI. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã xác định rõ định hướng chiến lược: khơi dậy khát vọng phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng và hạnh phúc; phát huy cao độ ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc gắn liền với việc tận dụng hiệu quả những thành tựu của thời đại. Đồng thời, Đảng nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị - xã hội. Mục tiêu hướng tới là đến giữa thế kỷ XXI, nước ta cơ bản trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ trương lớn này đã thể hiện khát vọng vươn lên mãnh liệt của toàn Đảng, toàn dân và nhận được sự đồng thuận, ủng hộ sâu rộng trong toàn xã hội, phản ánh tinh thần nhất trí và quyết tâm chính trị cao trong việc hiện thực hóa lý tưởng phát triển bền vững đất nước trong thời đại mới.

Hiện nay, có thể khẳng định rằng khát vọng phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng và sớm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội đang trở thành điểm gặp gỡ thiêng liêng giữa ý chí của Đảng và nguyện vọng của nhân dân. Đó cũng là sự hòa quyện giữa tầm nhìn chiến lược và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm đưa Việt Nam vươn lên trên trường quốc tế. Điều này đã được Tổng Bí thư nhiều lần chỉ rõ khi nhắc đến nội hàm của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đó là: “Kỷ nguyên vươn mình hàm ý tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được nhiều thành tựu vĩ đại”, (...) “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu”¹⁶.

Trên nền tảng những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử được tích lũy trong suốt gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với việc nắm bắt hiệu quả các cơ hội do bối cảnh quốc tế và khu vực mang lại, có thể khẳng định rằng Việt Nam đang hội tụ đầy

¹⁶ “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (01/11/2024), truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie

đủ “thế và lực” cần thiết để sẵn sàng bước vào một thời kỳ phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của dân tộc, kế tiếp các giai đoạn lịch sử quan trọng: giành độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

KẾT LUẬN

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc không đơn thuần là một khẩu ngữ mang tính biểu tượng, mà là sự khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới - trang sử rực rỡ được viết tiếp bằng niềm tin, khát vọng và ý chí vươn lên mạnh mẽ của toàn dân tộc Việt Nam.

Nhận thức về một kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam - phản ánh tầm nhìn sâu rộng và tư duy chiến lược của lãnh đạo cấp cao Đảng ta. Đó là kết tinh giữa “ý Đảng” và “lòng dân”, là sự hòa quyện giữa định hướng chiến lược của Đảng với niềm tin, ý chí và khát vọng cháy bỏng của toàn thể dân tộc về một nước Việt Nam phát triển thịnh vượng, hạnh phúc trong tương lai. Chặng đường phía trước tuy còn không ít khó khăn, thách thức, nhưng với ngọn cờ dẫn lối là sự lãnh đạo sáng suốt, bản lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam; với nền tảng vững chắc là khối đại đoàn kết toàn dân tộc; với ý chí tự lực, tự cường được hun đúc qua bao biến thiên của lịch sử; cùng sự đồng hành, sẻ chia từ cộng đồng quốc tế, chúng ta có đầy đủ cơ sở vững tin rằng dân tộc Việt Nam sẽ hiện thực hóa thành công những mục tiêu chiến lược và khát vọng phát triển lớn lao đã được xác lập.

BỐI CẢNH THẾ GIỚI ĐẦU THẾ KỶ XXI VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*TS. Nguyễn Thị Vân**

*TS. Quách Thành Long***

MỞ ĐẦU

Đầu thế kỷ XXI, thế giới chứng kiến những chuyển động mang tính bước ngoặt của lịch sử nhân loại: toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, cách mạng khoa học công nghệ phát triển với tốc độ chưa từng có, cục diện địa chính trị diễn biến phức tạp và các thách thức phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu,... đang tác động sâu rộng đến mọi quốc gia, dân tộc. Trong bối cảnh ấy, đòi hỏi Việt Nam không chỉ khẳng định độc lập- tự chủ về chính trị mà còn là sự thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và khát vọng vươn lên phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và không ngừng nâng cao vị thế quốc gia trên trường thế giới. Việc nhận diện đúng bối cảnh thế giới đầu thế kỷ XXI và những tác động cụ thể của nó là cơ sở quan trọng để dân tộc ta tiếp tục khẳng định bản lĩnh, trí tuệ và khát vọng vươn lên trong kỷ nguyên mới- kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam.

NỘI DUNG

1. Bối cảnh thế giới đầu thế kỷ XXI

Bắt đầu từ cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, trước sự bùng nổ mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ trên phạm vi toàn thế giới, có thể thấy, bộ mặt của các quốc gia trên thế giới có sự thay đổi vượt bậc so với những thời kỳ trước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Công nghệ sinh học cũng có sự phát triển đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Những điều này đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và làm chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế trên phạm vi toàn thế giới trong đó có Việt Nam.

Hiện nay, kinh tế tri thức là một trong những đòi hỏi cấp thiết quyết định đến sự phát triển của các quốc gia, dân tộc, là kết quả và cũng là động lực cho trình độ phát triển mới của lực lượng sản xuất trên thế giới. Quá trình quốc tế hóa sản xuất cùng với phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng, toàn cầu hóa với vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen hết sức phức tạp.

Kinh tế thị trường đang phát triển mạnh mẽ ở các quốc gia trên thế giới nhưng vẫn tiếp tục tồn tại các mâu thuẫn, khủng hoảng mang tính chu kỳ ở các quốc gia, đặc biệt ở các nước tư bản vẫn là một hiện tượng gắn liền với sự tồn tại và phát triển của nó. Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu đã trở thành yêu cầu đối với các nền kinh tế trên thế giới.

Trong quan hệ quốc tế, quan hệ địa chính trị, cục diện đa cực, đa trung tâm ngày càng thể hiện rõ thay thế cho cục diện hai cực trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Quan hệ quốc gia, dân tộc và giữa các bộ phận, các nhóm dân cư,... có nhiều sự thay đổi và ngày càng phức tạp. Hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn, bên cạnh đó vẫn tiếp tục diễn ra xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh giành vị thế, tầm ảnh hưởng của các quốc gia phát triển với những quốc gia đang và kém phát triển trên thế giới.

Biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên, dịch bệnh, tội phạm, khủng bố, bùng nổ dân số, đói nghèo,... đặt ra cho các quốc gia trên thế giới một nhiệm vụ cấp bách cần phải được giải quyết kịp thời để cùng phát triển, đó chính là vấn đề phát triển bền vững.

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

** Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình.

Xung đột giữa các nền văn hóa cùng với giao lưu văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc đưa đến nhiều thuận lợi nhưng cũng chứa đựng nhiều thách thức trong vấn đề xây dựng, phát triển và bảo tồn văn hóa của các dân tộc.

Các thế lực thù địch với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc lợi dụng “diễn biến hòa bình” cùng với sự phát triển của chủ nghĩa dân túy trên thế giới mà đặc biệt là ở các quốc gia phương Tây đã làm cho tình hình xung đột ở nhiều quốc gia trên thế giới diễn biến phức tạp. Mặt khác, các thế lực thù địch liên tục có những hành động chống phá sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản trên phạm vi toàn thế giới, gây mất đoàn kết, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, sử dụng chiêu bài tự do, dân chủ để có những hành động can thiệp gây xói mòn lòng tin của quần chúng nhân dân với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

2. Tác động của bối cảnh thế giới đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam hiện nay

Một là, hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn.

Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến kết thúc thời kỳ chiến tranh lạnh, hậu quả của các cuộc chiến tranh, xung đột sắc tộc trên thế giới đã làm cho các quốc gia, dân tộc đều nhận thấy được tầm quan trọng của hòa bình, ổn định cùng phát triển. Không có quốc gia nào có thể phát triển trong tình trạng bất ổn về chính trị và quân sự, vì vậy hòa bình để phát triển đã trở thành nhu cầu bức thiết của các dân tộc trên thế giới. Các quốc gia bắt tay, hợp tác với nhau chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

Ngày nay, các nước lớn đã không còn sự mâu thuẫn phải giải quyết vấn đề phân chia thuộc địa như các thế kỷ trước mà có những lợi ích kinh tế và ảnh hưởng về địa chính trị của mình với những khu vực cục bộ trên thế giới. Các quốc gia phát triển sử dụng những công cụ về kinh tế, chính trị của mình để lôi kéo các nước đang phát triển và chậm phát triển trở thành đồng minh hoặc biến các nước phụ thuộc thành sân sau của mình, tuy nhiên đã vấp phải sự phản kháng quyết liệt của các quốc gia có chủ quyền yêu chuộng hòa bình và không được dư luận quốc tế đồng tình.

Đặc biệt do nhu cầu mở rộng thị trường và cùng với đó là sự liên kết giữa các tập đoàn lớn đã hình thành nên các thị trường chung thống nhất, tạo thành các liên minh kinh tế, điều đó làm cho các nước lớn ngày càng có xu hướng xích lại gần nhau để cùng phát triển. Đây là xu thế tất yếu của thế giới, nó đem lại tiềm năng kinh tế lớn cho các quốc gia, tranh thủ được các phát minh của khoa học kỹ thuật, tận dụng tốt các nguồn tài nguyên đồng thời làm cho sản xuất vật chất phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, cùng với những thuận lợi đó thì xu thế này cũng gây ra một số những khó khăn nhất định. Đó là việc gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia và các vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đang là một trong những quốc gia có nền chính trị ổn định nhất trên thế giới, không có bạo động vũ trang, không có sự xung đột sắc tộc, tôn giáo. Mặt khác, là quốc gia yêu chuộng hòa bình, luôn đấu tranh vì nền hòa bình, hợp tác, hữu nghị nên Việt Nam đã đề ra những chính sách về quốc phòng mang tính chất hòa bình và tự vệ; kiên quyết, kiên trì đấu tranh giải quyết mọi tranh chấp, bất đồng bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; tích cực, chủ động ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, thực hiện phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược. Việt Nam chủ trương không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Cùng với đó là đường lối “Ngoại giao cây tre Việt

Nam” đã làm cho Việt Nam trở thành điểm đến của hòa bình, hợp tác và phát triển. Bên cạnh đó việc cân bằng trong quan hệ với các nước đã làm cho Việt Nam luôn giữ được nền hòa bình, ổn định. Đây chính là điều kiện quan trọng để Việt Nam vững bước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh.

Toàn cầu hóa trở thành xu thế lớn thu hút hầu như tất cả các quốc gia, dân tộc tham gia với rất nhiều những cơ hội và thách thức lớn. Xu hướng mở rộng hợp tác, hội nhập quốc tế ngày càng được tăng cường, toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan. Bối cảnh mới đó buộc các quốc gia, dân tộc phải có sự định hướng mới mẽ trong tư duy về vấn đề phát triển, trong đó phát triển kinh tế trở thành mục tiêu hàng đầu.

Tất cả các quốc gia đều có xu hướng đẩy nhanh quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là vấn đề trọng tâm của quá trình toàn cầu hóa, đây là một quá trình lâu dài và bao quát tổng thể các lĩnh vực trên phạm vi toàn cầu với sự tham gia của hầu hết các quốc gia từ kém phát triển đến các quốc gia phát triển. Toàn cầu hóa làm tăng tốc độ phát triển kinh tế, mở ra kỹ thuật mới và nâng cao mức sống cho người dân. Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mục tiêu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sẽ giúp cho nước ta có được những điều kiện cần thiết để hướng đến những mục tiêu lớn trong phát triển mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Hội nhập để tận dụng các nguồn “ngoại lực” cho phát triển để Việt Nam tăng tốc, bứt phá trong kỷ nguyên mới. Ngày nay, khi bước vào thế kỷ XXI, tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đang có nhiều thay đổi. Hầu hết các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam đều điều chỉnh chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới thể chế kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt, kinh tế tri thức. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các hiệp định kinh tế song phương, đa phương thế hệ mới.

Bên cạnh đó, toàn cầu hóa cũng tấn công vào chủ quyền của các quốc gia, trong đó có Việt Nam, có nguy cơ làm xói mòn nền văn hóa và truyền thống của các dân tộc, tạo ra khả năng quốc tế hóa các hiện tượng tiêu cực của đời sống xã hội như buôn bán ma túy, mại dâm, các phong trào ly khai, nhập cư trái phép, đe dọa gây bất ổn định kinh tế - xã hội. Đồng thời khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn kéo theo sự bất bình đẳng giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Đây chính là những vấn đề Việt Nam cần phải xử lý và phải có những phương án ứng phó trong mọi vấn đề mà toàn cầu hóa mang lại.

Ba là, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ số tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia trong đó có Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Có thể thấy, sự bùng nổ của công nghệ thông tin chính là động lực to lớn trong thế kỷ XXI đưa sản xuất phát triển mạnh mẽ, tự động hóa đang làm cho cuộc sống của con người ngày càng tiện lợi, giúp cho con người xích lại gần nhau hơn. Ngày nay, chúng ta đang bước sang một giai đoạn mới của lịch sử với những biến động mạnh mẽ, tạo ra những thay đổi có tính bước ngoặt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tự động hóa đang giúp cho con người tạo ra sức sản xuất mà những thời kỳ trước con người chưa bao giờ có thể nghĩ đến.

Phát triển khoa học và công nghệ trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay chứa đựng nhiều thời cơ và thách thức. Các quốc gia đang phát triển như Việt Nam có khả năng được tiếp cận ngay với các thành tựu khoa học công nghệ và ứng

dụng vào sản xuất chứ không mất nhiều thời gian và kinh phí để nghiên cứu. Tạo động lực cho nền kinh tế phát triển đồng thời sẽ nâng mức sống của người dân và các chế độ an sinh xã hội sẽ được bảo đảm... Tuy nhiên, cũng rất dễ trở thành những bãi rác công nghiệp của những quốc gia phát triển. Tốc độ phát minh khoa học ngày càng gia tăng. Khoảng cách từ phát minh đến ứng dụng rút ngắn cùng với đó là sự cạnh tranh về công nghệ cao diễn ra hết sức quyết liệt một mặt thúc đẩy nhanh hơn các phát minh, sáng chế nhưng mặt khác cũng làm cho các nước kém phát triển ngày càng trở nên tụt hậu nếu như không linh hoạt và không thể tiếp cận được nhanh các ứng dụng của khoa học công nghệ. Hiện nay, đất nước ta đang đứng trước yêu cầu cần có chủ trương, quyết sách mạnh mẽ, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao, trong tình hình đó, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đây chính là tiền đề quan trọng nhằm đưa Việt Nam bắt kịp xu thế phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong giai đoạn hiện nay.

Bốn là, tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh, diễn biến rất phức tạp, khó lường.

Tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ, cạnh tranh ảnh hưởng địa chính trị giữa các quốc gia và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh mạng, chiến tranh cục bộ,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực, các tổ chức khủng bố mới ra đời làm ảnh hưởng đến chính trị, kinh tế của các quốc gia đặc biệt là các nước Trung Đông và một số nước châu Âu. Các quốc gia nắm trong tay tiềm lực kinh tế và quân sự lớn đều ra sức tạo ảnh hưởng của mình về địa chính trị, sử dụng các công cụ về quân sự, kinh tế để tạo sức ép với các quốc gia khác, làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế, ổn định chính trị của nhiều quốc gia trên thế giới. Bằng các thủ đoạn và các chiêu bài của mình, các nước lớn có xu hướng muốn bành trướng và có nhiều hành động xâm phạm chủ quyền quốc gia bằng cả quyền lực cứng và quyền lực mềm. Cùng với quá trình hội nhập quốc tế đặc biệt là sự bùng nổ của công nghệ thông tin nên tình hình an ninh mạng đã đặt ra cho các quốc gia nhiều thách thức. Việc kiểm soát bảo mật cùng với chống tin tặc đang là yêu cầu hết sức quan trọng đối với mọi quốc gia. Mặt khác, các vấn đề an ninh phi truyền thống đang là những thách thức rất lớn cho sự phát triển của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Các vấn đề như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang ngày càng trở thành vấn đề toàn cầu chứ không chỉ riêng một quốc gia. Chúng ta đang đối mặt với tình trạng trái đất nóng dần lên, nước bị ô nhiễm và ngày càng cạn kiệt do khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên. Từ đó đã kéo theo vấn đề mất an ninh lương thực. Dân số thế giới đang ngày càng tăng. Tình hình dân số thế giới đang diễn biến hết sức phức tạp ảnh hưởng đến giải quyết nhu cầu của đời sống, đặc biệt là vấn đề lương thực và sinh thái. Tình trạng di dân từ nông thôn ra thành thị gây sức ép rất lớn về lao động đi liền với đó là tệ nạn xã hội tăng lên. Quỹ đất dần thu hẹp, đất sản xuất nhường chỗ cho các khu công nghiệp, sản xuất lương thực gặp khó khăn khi thiên tai, lũ lụt, và tình trạng hạn hán diễn ra thường xuyên và mức độ ngày càng nghiêm trọng đã dẫn đến tình trạng mất an ninh lương thực trên phạm vi toàn cầu. Đi liền với đó là dịch bệnh đang ngày càng

phổ biến ở các quốc gia đặc biệt là chúng ta đang được chứng kiến đại dịch trên phạm vi toàn thế giới là đại dịch Covid - 19 đã gây ra rất nhiều thiệt hại trên tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Mặt khác, ngày càng xuất hiện những loại bệnh lạ có khả năng lây lan cao mà chúng ta chưa có thuốc chữa. Ở một số quốc gia chậm và đang phát triển thì dịch vụ y tế còn lạc hậu chưa đủ khả năng để kiểm soát dịch bệnh nếu bùng phát trên diện rộng. Tình hình ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là vấn đề hết sức cấp bách của các quốc gia và quốc tế đòi hỏi phải có một chiến lược tổng thể để có thể phát triển bền vững, đây cũng là những vấn đề mang tính cấp bách cần phải có sự giải quyết kịp thời và có các biện pháp ứng phó nếu muốn Việt Nam vững bước đi lên trước những bất lợi mà tình hình thế giới hiện nay đặt ra.

Năm là, châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có những yếu tố tiềm ẩn bất ổn.

Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài. Đại hội XII của Đảng ta đã nhận định: “Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức tiếp tục được đẩy mạnh. Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á đã trở thành một cộng đồng, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa - kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng; đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn; tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông còn diễn ra gay gắt”¹.

Tình hình trên gây ảnh hưởng đa chiều đến các quốc gia, trước hết là các nước đang phát triển như Việt Nam. Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để trở thành một nước công nghiệp cơ bản theo hướng hiện đại, cùng với những thành tựu cơ bản trên các lĩnh vực thì Việt Nam cũng đang và sẽ đứng trước những thách thức phức tạp trên con đường phát triển và hội nhập quốc tế, nhất là từ sự tác động của những diễn biến còn phức tạp trên Biển Đông.

Trong những năm tới là thời kỳ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN, WTO, TPP, và tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải nỗ lực rất cao để tận dụng thời cơ, vượt qua những thách thức lớn trong quá trình hội nhập quốc tế. Cần phải phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế, chú trọng đưa các quan hệ đối tác đã được thiết lập đi vào chiều sâu đồng thời xây dựng các mối quan hệ thực chất, ổn định và lâu dài. Khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tới đa những khó khăn, thách thức khi ra nhập các tổ chức quốc tế.

Với sự quan tâm của các nước lớn đối với khu vực, Việt Nam có điều kiện phát triển quan hệ hợp tác với tất cả các nước lớn, tính đến nay, Việt Nam đã có quan hệ đối

¹ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII” (2019), <https://dangcongsan.vn/tu-lieu-tham-khao-cuoc-thi-trac-nghiem-tim-hieu-90-nam-lich-su-ve-vang-cua-dang-cong-san-viet-nam/tu-lieu-cuoc-thi/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xii-544856.html>, (xem ngày 13/04/2025).

tác chiến lược toàn diện với 12 quốc gia trên thế giới. Hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư mặt khác sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn cũng khiến Việt Nam phải có đường lối và chính sách ứng xử khéo léo, mềm dẻo để duy trì, củng cố quan hệ tốt đẹp với tất cả các nước, cả trên bình diện đa phương và song phương. Sự gia tăng hiện diện quân sự ở Biển Đông của một số nước lớn cũng gây thách thức khó lường về an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, vai trò trung tâm của ASEAN bị thách thức cũng ảnh hưởng đến chỗ dựa của Việt Nam trong việc bảo vệ các lợi ích quan trọng như Biển Đông và nguồn nước sông Mê Công. Bối cảnh hiện nay với những mối quan hệ giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế chông chéo vừa là thời cơ, vừa là thách thức cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Sáu là, cùng với quá trình hội nhập quốc tế, hiện nay thế giới đã và đang bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các luồng văn hóa theo đó mà lan tỏa mạnh mẽ đến các quốc gia trong đó có cả những yếu tố tích cực và tiêu cực.

Văn hóa đã trở thành nguồn lực trực tiếp để phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa không chỉ có chức năng nhận thức và giáo dục xã hội mà có chức năng kinh tế, tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam đang ở trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Các hoạt động kinh tế không thể tách rời môi trường văn hóa, môi trường xã hội của dân tộc. Môi trường văn hóa này chính là “bà đỡ” cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường nhân văn, chấp nhận tự do cạnh tranh trên cơ sở tôn trọng pháp lý và đạo lý xã hội, tạo động lực cho kinh tế - xã hội phát triển. Ngược lại, quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ không thể thực hiện thành công trong môi trường văn hóa bị nhiễu loạn, đạo đức xã hội bị tha hóa và luật pháp bị coi thường. Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Trong thực tiễn, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà đất nước ta đã đạt được qua gần 40 năm đổi mới đã chứng minh cho đường lối văn hóa đúng đắn của Đảng: “Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiên bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững”². Mới đây nhất, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 55.

manh văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Hiện nay, văn hóa chính là động lực để Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Bây là, cùng với quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế, các thế lực thù địch trong và ngoài nước trỗi dậy cùng với sự hậu thuẫn của nhiều tổ chức phản động trên thế giới bằng diễn biến hòa bình trong thời đại 4.0.

Lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội để chống phá gây chia rẽ dân tộc, bôi nhọ các anh hùng dân tộc, các vị lãnh tụ của Đảng dưới chiêu bài “xét lại lịch sử”, đánh vào tư tưởng của thế hệ trẻ cùng với những luồng văn hóa ngoại lai có tính chất phản động làm cho thế hệ trẻ mơ hồ về lịch sử dân tộc, có những nhận định, đánh giá sai lầm về sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, các thế lực thù địch với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc gây chia rẽ lòng tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng, kích động bạo loạn ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã phần nào ngăn trở sự phát triển của đất nước. Đây chính là vấn đề có tính chất sống còn của Đảng và Nhà nước ta, mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân không được hoang mang, dao động, mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa chính là thách thức và cũng là yêu cầu đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước để Việt Nam vững bước tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

KẾT LUẬN

Có thể thấy rằng, thế kỷ XXI là thế kỷ của sự phát triển, là thế kỷ của bứt tốc vươn mình của Việt Nam. Có những thuận lợi nhưng khó khăn cũng không ít, chính vì vậy, Đảng cần phải có những quyết sách có tính sáng tạo, đúng đắn, phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước, phải tranh thủ tận dụng thời cơ phát triển đồng thời phải đối mặt với những khó khăn, thách thức để tìm ra con đường đi đúng đắn cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thời đại mới. Xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc, đuổi kịp, tiến cùng, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; mọi người dân đều được phát triển toàn diện, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, văn minh.

KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM: ĐỘNG LỰC TỪ LỊCH SỬ, KHÁT VỌNG CỦA HIỆN TẠI

ThS. Nguyễn Diệu Hằng*

MỞ ĐẦU

Đối với Việt Nam, một kỷ nguyên mới đã được mở ra từ năm 1945. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 đã chấm dứt ách thống trị của chế độ thực dân, phong kiến, đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và thiết lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Việt Nam đã khẳng định với thế giới về một đất nước độc lập, có chủ quyền, có nhà nước của nhân dân lao động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khắc họa rõ nét kỷ nguyên mới ấy qua lời khẳng định đầy tự hào trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* (02/9/1945), khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như sau: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”¹.

Trải qua gần một thế kỷ, tinh thần và bài học từ Cách mạng tháng Tám vẫn không ngừng soi sáng con đường phát triển đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, đất nước ta đang bước vào một giai đoạn mới - kỷ nguyên vươn mình - với những mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là thời kỳ đất nước cần phải phát huy tối đa tiềm năng, tận dụng các cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng, đồng thời đối diện với không ít thách thức như biến đổi khí hậu, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, bất bình đẳng xã hội và các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Chính vì vậy, việc phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám, giá trị của độc lập, tự do và bài học đổi mới là nền tảng và động lực quan trọng để Việt Nam tiếp tục tiến bước. Đó là khát vọng vươn lên, là ý chí tự lực tự cường, là niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đã lựa chọn. Do đó, bài viết muốn nhấn mạnh mối liên hệ giữa động lực lịch sử và khát vọng vươn mình của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay; đồng thời chỉ ra các cơ hội, thách thức và định hướng chiến lược của nước ta trong tương lai nhằm thực hiện thành công “kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình”.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

1.1. Cách mạng tháng Tám và khát vọng độc lập, tự cường của dân dân tộc Việt Nam

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chấm dứt ách thống trị hơn 80 năm của chủ nghĩa thực dân, phát xít đồng thời xóa bỏ chế độ phong kiến, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc, tự do và nhân dân làm chủ. Đây là bước ngoặt lịch sử vĩ đại không chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà còn là sự kiện mang tính thời đại.

Thành công của Cách mạng tháng Tám là một minh chứng sinh động cho bản lĩnh chính trị và tư duy chiến lược sắc sảo của Đảng ta. Đảng đã vận dụng linh hoạt và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Chính nhờ sự nhạy bén trong đánh giá tình hình, kịp thời chớp lấy thời cơ và phát động tổng khởi nghĩa đúng lúc,

* Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

cách mạng đã giành thắng lợi nhanh chóng, ít tổn thương nhất.

Cách mạng tháng Tám còn là biểu tượng của sức mạnh đoàn kết dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, mọi tầng lớp nhân dân đã chung sức, đồng lòng vùng lên giành chính quyền. Bài học lớn về phát huy sức mạnh toàn dân được Đảng ta vận dụng hiệu quả trong suốt chặng đường 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Một nét đặc sắc là tinh thần tự lực, tự cường - “lấy sức ta mà giải phóng cho ta” - đã trở thành động lực mạnh mẽ, đồng thời kết hợp hài hòa với sự ủng hộ quốc tế phù hợp với điều kiện lịch sử.

Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, nước Việt Nam xuất hiện trên bản đồ thế giới với tư cách là một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh rằng: “Lịch sử dân tộc ta có nhiều thời kỳ rất vẻ vang. Nhưng trước ngày Cách mạng tháng Tám, dân tộc ta đã trải qua gần một thế kỷ vô cùng tủi nhục. Trên địa đồ thế giới, tên nước ta đã bị xoá nhoà dưới bốn chữ “Đông Dương thuộc Pháp”... Cách mạng tháng Tám thành công. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời... nhân dân ta tự làm chủ vận mệnh của mình. Tên tuổi của nước ta lại lừng lẫy khắp năm châu, bốn biển”².

Cuộc cách mạng ấy đã khơi dậy và hun đúc một giá trị nền tảng của dân tộc ta: khát vọng độc lập, tự cường và khẳng định chủ quyền quốc gia. Tinh thần ấy đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tiến trình cách mạng dân tộc giúp Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Đó cũng chính là động lực to lớn để chúng ta tiếp tục xây dựng một nước Việt Nam ngày càng phát triển, có vị thế trên trường quốc tế.

Vì vậy, Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là cuộc “đổi đời” của một dân tộc, mà còn là biểu tượng của sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại; giữa sức mạnh dân tộc và tinh thần thời đại. Thắng lợi này đã trở thành minh chứng sống động cho sự vận dụng sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cách mạng Việt Nam; là thành quả của việc kết hợp giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết nối sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Giá trị và tinh thần của Cách mạng tháng Tám 1945 vẫn tiếp tục là nguồn cảm hứng, là động lực tinh thần to lớn, tiếp thêm sức mạnh cho dân tộc Việt Nam trên con đường phát triển trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, và của khát vọng vươn lên mạnh mẽ, sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

1.2. Kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam và khát vọng dân tộc: Động lực từ Cách mạng tháng Tám 1945

Kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam: Thời đại của khát vọng, hội nhập và đổi mới sáng tạo.

Trong bối cảnh thế giới đang thay đổi sâu sắc và nhanh chóng, Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới - “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, là giai đoạn đất nước bước vào thời kỳ phát triển toàn diện, sâu rộng và bền vững với khát vọng trở thành quốc gia hùng cường vào giữa thế kỷ XXI. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định tầm nhìn đến năm 2045, đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Đây là thời đại mà dân tộc ta mang trong mình khát vọng mãnh liệt: xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đuổi kịp, tiến cùng và sánh vai với các cường quốc năm châu. Một số những đặc điểm nổi bật của kỷ nguyên được Đảng ta xác định là:

Thứ nhất, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; Việt Nam tham gia năng động vào

² Hồ Chí Minh: Sđd, 2011, t.14, tr.621.

chuỗi giá trị toàn cầu, đóng vai trò chủ động trong các tổ chức, diễn đàn khu vực, quốc tế, qua đó nâng cao vị thế và ảnh hưởng trên trường quốc tế.

Thứ hai, chuyển đổi mô hình hình phát triển; từ mô hình tăng trưởng dựa vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ, Việt Nam đang từng bước chuyển sang mô hình phát triển dựa trên đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh và phát triển bền vững.

Thứ ba, phát triển con người toàn diện; con người được xác định là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của quá trình phát triển. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng một xã hội ấm no, hạnh phúc là những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Việt Nam.

Thứ tư, khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; đây được Đảng và Nhà nước ta xác định là yếu tố then chốt tạo nội lực vững chắc cho công cuộc phát triển đất nước trong thời đại mới.

Tất cả những đặc điểm này không chỉ phản ánh định hướng phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, mà còn gợi nhắc và gắn bó sâu sắc với tinh thần, giá trị và động lực từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - cuộc cách mạng mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và nền móng cho mọi thành tựu sau này của dân tộc Việt Nam.

Khát vọng vươn mình - Sự kế thừa và phát triển của khát vọng độc lập dân tộc từ năm 1945.

Khát vọng vươn mình của Việt Nam hôm nay là sự tiếp nối tự nhiên của khát vọng độc lập, tự do đã được khẳng định trong mùa thu lịch sử năm 1945. Nếu khát vọng ấy ngày xưa là *giành lấy quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc*, thì hôm nay là *phát triển toàn diện con người Việt Nam, xây dựng một quốc gia hùng cường và hạnh phúc*.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nhấn mạnh: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”³. Đây là định hướng mang tính kế thừa lịch sử, vừa mang tính mở đường cho tương lai.

Với khát vọng ấy, Tổng Bí thư Tô Lâm cũng đã nhấn mạnh kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là “kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu”⁴. Việt Nam không chỉ đặt ra các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế mà hướng đến xã hội phát triển bền vững, công bằng, nhân văn. Lịch sử cho thấy, khát vọng độc lập tự do đã, đang và luôn là động lực của dân tộc Việt Nam trong hàng nghìn năm lịch sử.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”⁵, đồng thời “xác định mục tiêu đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao”⁶. Chính vì lẽ đó, khát vọng vươn mình của Việt Nam trở thành một yêu cầu khách quan, động lực nội sinh, và thể hiện ý chí quyết tâm của toàn dân tộc.

Chặng đường phía trước sẽ còn không ít khó khăn, thách thức, nhất là trong bối

³ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 171.

⁴ Báo Điện tử Chính phủ: “Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề ‘Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam’”. Truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-trao-doi-chuyen-de-ky-nguyen-phat-trien-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam-102241125190606526.htm>. 25/11/2024.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.34.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.34.

cảnh thế giới biến động khó lường. Nhưng cũng giống như thời điểm trước Cách mạng tháng Tám - trong gian nan, dân tộc ta lại biến thách thức thành cơ hội, biến yếu thành mạnh, biến bị động thành chủ động, nhờ đó tạo nên những kỳ tích lịch sử.

Kỷ nguyên mới của Việt Nam là kỷ nguyên của niềm tin, của ý chí, của quyết tâm đổi mới sáng tạo và khát vọng vươn lên. Trong hành trình ấy, ánh sáng của Cách mạng tháng Tám 1945 vẫn rực rỡ như ngọn đèn dẫn lối cho dân tộc ta. Tinh thần bất khuất, ý chí độc lập, khát vọng tự do của mùa thu năm 1945 chính là mạch nguồn nội lực chảy mãi trong tâm hồn người Việt, là động lực tinh thần vô giá giúp dân tộc ta vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội hiện thực hóa giấc mơ Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

2. Cơ hội, thách thức và định hướng phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là sự tiếp nối hợp lý, tự nhiên của quá trình phát triển cách mạng Việt Nam suốt gần một thế kỷ qua, đặc biệt là từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 - mốc son khởi đầu cho tiến trình giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, bước vào kỷ nguyên mới không chỉ là một hành trình trải đầy hoa hồng. Bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay đang tạo ra những thời cơ song cùng đặt ra những thách thức to lớn, đòi hỏi tư duy đổi mới, hành động quyết liệt và sự kiên định về lý tưởng phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.1. Những cơ hội của Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình

Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, hoà bình, hợp tác để phát triển vẫn là dòng chảy chính trong quan hệ quốc tế. Đây là điều kiện cần thiết để Việt Nam tiếp tục vận dụng thời cơ, tập trung vào phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao vị thế quốc gia. Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với hơn 230 quốc gia, trong đó có 13 nước Đối tác chiến lược toàn diện (tính đến tháng 5/2025), đứng thứ 17 trên 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới (tính đến tháng 4/2024)⁷, tham gia vào nhiều định chế quốc tế và khu vực. Chính điều này đã tạo ra cho Việt Nam nhiều cơ hội trong việc khẳng định độc lập, tự chủ của quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay; đem lại nhiều cơ hội cho chúng ta bứt phá trong giai đoạn mới.

Việt Nam duy trì được mối quan hệ ổn định, hoà bình và ngày càng sâu rộng với các nước lớn, nhất là các nước Ủy viên Thường trực Bảo an Liên hợp quốc, luôn là thành viên tích cực tham gia xử lý các vấn đề trong khu vực và trên thế giới. Việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP... giúp chúng ta mở rộng không gian hợp tác, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Việt Nam chủ động, tích cực trong tiến trình khu vực hóa, toàn cầu hóa trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là một trong những trung tâm kinh tế năng động nhất thế giới. Việt Nam nằm trong khu vực có tiềm năng phát triển lớn, là điểm đến của các dòng vốn đầu tư, thương mại và công nghệ tiên tiến. Cùng với đó, vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc của khu vực mở ra không gian hợp tác đa tầng với các đối tác lớn ngoài khu vực. Do đó, chúng ta có thêm nhiều cơ hội để đón nhận những dòng vốn mới để phát triển đất nước.

Việt Nam tham gia tích cực vào tiến trình khu vực hóa, toàn cầu hóa còn giúp chúng

⁷ https://www.wto.org/english/res_e/booksp_e/trade_outlook24_e.pdf.

ta có thêm các cơ hội nhằm quảng bá về giá trị xã hội và văn hóa truyền thống của dân tộc; góp phần không nhỏ cho quảng bá du lịch ra thế giới thông qua các yếu tố như lịch sử, ngôn ngữ, trang phục, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể,...

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ thì trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, công nghệ sinh học hay năng lượng tái tạo đã và đang tạo ra những cơ hội chưa từng có với các quốc gia đang phát triển, giúp Việt nam có khả năng “đi tắt đón đầu” bứt phá trong nhiều lĩnh vực nếu có chiến lược đầu tư hợp lý, chú trọng đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là một trong những yếu tố then chốt để Việt Nam có nhiều cơ hội để thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong tương lai gần.

2.2. Những thách thức đặt ra đối với Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Bối cảnh thế giới còn nhiều biến động.

Hiện nay, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các trung tâm quyền lực như Mỹ - Trung - Nga - EU... tạo ra môi trường chính trị khó lường, tác động đa chiều đến kinh tế, quốc phòng và an ninh của Việt Nam. Mặt khác, âm mưu “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch ngày càng tinh vi hơn thông qua các chiêu bài về nhân quyền, dân quyền, tôn giáo. Vì vậy, việc giữ vững độc lập, tự chủ và cân bằng quan hệ đối ngoại giữa các nước lớn trở thành thách thức lớn đối với công tác đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Việt Nam cần hết sức khôn khéo, linh hoạt với đường lối đối ngoại “cây tre” của mình để có thể đảm bảo được lợi ích quốc gia trong quan hệ với các nước lớn.

Bên cạnh đó, một trong những thách thức lớn đặt ra đối với nền kinh tế Việt Nam khi chúng ta tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu cũng đồng nghĩa với việc Việt Nam phải đối mặt với những áp lực lớn về đổi mới thể chế, nâng cao năng lực quản lý, năng suất lao động, đổi mới sáng tạo và chất lượng nguồn nhân lực. Nếu không kịp thay đổi để thích ứng, chúng ta sẽ đối mặt với nguy cơ tụt hậu, lệ thuộc hoặc bị gạt ra ngoài cuộc chơi là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, khi khoa học công nghệ tiên tiến ngày càng phát triển dẫn đến các thách thức đến từ an ninh phi truyền thống càng ngày càng trở nên phổ biến và nghiêm trọng hơn; trở thành thách thức vô cùng to lớn đến nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam.

Những vấn đề nội tại của nền kinh tế và xã hội.

Mặc dù Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định trong phát triển kinh tế tuy nhiên mức độ tăng trưởng của chúng ta chưa thực sự bền vững và đang có dấu hiệu chững lại. Chất lượng tăng trưởng vẫn còn nhiều hạn chế, thể hiện qua năng suất lao động chưa cao và có xu hướng giảm. Bên cạnh đó, chính sách pháp luật còn thiếu ổn định, chưa thực sự đáp ứng kịp yêu cầu của thực tiễn, bộc lộ nhiều bất cập. Một trong số những thách thức lớn hiện nay là làm sao duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý để đưa nền kinh tế vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

Mặt khác, những điều kiện nền tảng quan trọng như thể chế, nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng ở Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Đây là rào cản lớn trong việc tận dụng các cơ hội mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại. Mặc dù Việt Nam đã xây dựng chiến lược quốc gia về chuyển đổi số nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nhưng trên thực tế vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là tiếp nhận công nghệ, mà còn đòi hỏi phải có sự chuẩn bị toàn diện về thể chế, nhân lực và năng lực đổi mới sáng tạo - những yếu tố mà chúng ta còn thiếu.

Theo dự báo của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), giai đoạn dân số vàng của

Việt Nam chỉ kéo dài đến khoảng năm 2039⁸, do đó việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao cũng trở thành thách thức lớn đối với tiến trình phát triển đất nước ta hiện nay.

Tóm lại, bối cảnh đặc thù của thế giới và trong nước hiện nay vừa mở ra những triển vọng phát triển đầy hứa hẹn cho Việt Nam trong kỷ nguyên mới, vừa đặt ra nhiều nhiệm vụ to lớn và đầy thách thức. Cơ hội và nguy cơ đan xen, tác động nhiều chiều đến tiến trình phát triển đất nước. Trong bối cảnh đó, với bản lĩnh chính trị vững vàng, được hun đúc từ kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ vai trò tiên phong của giai cấp công nhân và nền tảng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với truyền thống yêu nước, gắn bó với nhân dân, Đảng ta tiếp tục khẳng định là lực lượng duy nhất đủ năng lực dẫn dắt dân tộc. Nhờ đó, nhân dân Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng, tự tin bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của sự thịnh vượng, hạnh phúc và hội nhập sâu rộng của thời đại.

2.3. Định hướng phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam

Kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - là giai đoạn đất nước bước vào chặng đường mạnh mẽ, toàn diện, mang tầm vóc mới. Để thực hiện mục tiêu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định, Việt Nam cần kiên định định hướng xã hội chủ nghĩa, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phát huy mọi nguồn lực và sức mạnh thời đại. Trong đó, các định hướng chiến lược sau đây đóng vai trò then chốt:

Phát triển bền vững dựa trên đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trước những biến động nhanh chóng của thế giới và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nền kinh tế, Việt Nam không thể phát triển theo lối mòn cũ. Trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ “tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn”⁹. Trước yêu cầu đó, kỷ nguyên mới đòi hỏi Việt Nam chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực cốt lõi. Kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển các ngành mũi nhọn sẽ đóng vai trò động lực trong chiến lược phát triển, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng dài hạn.

Phát triển con người toàn diện - nền tảng cho tương lai.

Một quốc gia chỉ có thể phát triển bền vững khi con người được đặt ở vị trí trung tâm. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục, y tế, văn hóa xây dựng hệ sinh thái khuyến khích tài năng, sáng tạo và khởi nghiệp; phát triển toàn diện con người Việt Nam cả về trí tuệ, đạo đức, thể chất và tâm hồn. Hướng tới mục tiêu xây dựng xã hội tiến bộ, công bằng, văn minh; nơi mọi người dân đều được đảm bảo an sinh, sống hạnh phúc và phát huy đầy đủ tiềm năng của mình.

Củng cố nền tảng chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Sự phát triển bền vững của đất nước phải được đặt trên nền tảng vững chắc về chính trị - xã hội. Đảng ta đã nhấn mạnh yêu cầu kiên định, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn

⁸ UNFPA: *Tận dụng cơ hội dân số ‘vàng’ ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và các gợi ý chính sách*. Quỹ Dân số Liên hợp quốc. Hà Nội: UNFPA, 2010: Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/Demographic_Bonus_Viet.pdf

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.107.

liền với chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong kỷ nguyên vươn mình, việc giữ vững ổn định chính trị và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc là yếu tố then chốt. Lịch sử đã chứng minh: tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, khát vọng phát triển, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - những giá trị đã hun đúc nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 - và nay tiếp tục là nền tảng vững chắc cho sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định vai trò lãnh đạo, không ngừng nâng cao năng lực, bản lĩnh, đạo đức cách mạng và hiệu quả điều hành của hệ thống chính trị.

Khơi dậy và hiện thực hóa khát vọng phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc không chỉ là khẩu hiệu mà là lý tưởng hành động của cả dân tộc trong thời đại mới. Mỗi bước phát triển lớn của dân tộc đều bắt nguồn từ khát vọng - khát vọng độc lập, khát vọng tự do, khát vọng vươn lên sánh vai với các cường quốc năm châu. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”¹⁰. Do đó, trong kỷ nguyên vươn mình, hơn bao giờ hết, cần nuôi dưỡng và lan tỏa khát vọng phát triển trong toàn xã hội, để khát vọng đó trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy hành động và cống hiến vì một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

Việt Nam đang bước vào thời điểm “bước ngoặt lịch sử” với đầy cơ hội và triển vọng nhưng cũng chứa nhiều thách thức, khó khăn. Định hướng bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - mà Đảng đã đề ra là một bước đi đúng đắn phù hợp với logic phát triển cách mạng và xu thế thời đại. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là sự kế thừa và phát triển từ tinh thần bất diệt của Cách mạng tháng Tám. Động lực từ lịch sử kết hợp với khát vọng phát triển hiện tại chính là nguồn sức mạnh đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thách thức để vững bước tiến lên con đường dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Với hành trang là những thành tựu to lớn của hơn 90 năm đấu tranh và xây dựng, đặc biệt là động lực tinh thần vô giá từ Cách mạng tháng Tám 1945, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ vững tin để hiện thực hóa khát vọng xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hùng cường, phồn vinh và hạnh phúc.

KẾT LUẬN

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là thời kỳ đất nước hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh, bền vững và toàn diện. Tuy nhiên, phía trước vẫn còn nhiều thách thức đan xen, đòi hỏi chúng ta phải có tầm nhìn chiến lược, tư duy đổi mới và quyết tâm hành động. Bài học lịch sử từ Cách mạng tháng Tám 1945 cho thấy, khi khơi dậy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phát huy trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam, thì dân tộc ta có thể vượt qua mọi thử thách và làm nên những kỳ tích vĩ đại.

Trong bối cảnh mới, phát triển bền vững dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; lấy con người làm trung tâm của sự phát triển; giữ vững nền tảng chính trị - xã hội và khơi dậy mạnh mẽ khát vọng vươn lên là những định hướng chiến lược then chốt. Đây không chỉ là yêu cầu từ thực tiễn mà còn là nội dung cốt lõi được xác định rõ trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và tầm nhìn phát triển đến năm 2045.

Với bản lĩnh, trí tuệ và khát vọng không ngừng vươn lên, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc, sánh vai cùng các cường quốc năm châu, như tâm nguyện thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.23.

THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS. Phan Văn Thám*

MỞ ĐẦU

Trong tiến trình phát triển lịch sử, dân tộc Việt Nam đã không ít lần đối mặt với những thách thức to lớn từ thiên nhiên khắc nghiệt, ngoại bang xâm lược đến những biến động sâu sắc của thời đại. Thế kỷ XXI với những chuyển động mạnh mẽ của toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cùng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh, xung đột địa - chính trị và các cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia đã và đang đặt ra cả cơ hội lẫn thách thức chưa từng có đối với mọi quốc gia - trong đó có Việt Nam.

Việt Nam bước vào kỷ nguyên vườn mình với khát vọng phát triển hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045 như Đại hội XIII của Đảng đã xác định. Đây là thời kỳ hội tụ của các yếu tố thuận lợi như: vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao, tiềm lực kinh tế ngày càng vững mạnh, nguồn lực con người ngày càng được chú trọng đầu tư. Tuy nhiên, dân tộc ta cũng đang đứng trước những thách thức gay gắt như nguy cơ tụt hậu, khoảng cách giàu nghèo gia tăng, ô nhiễm môi trường, và những biểu hiện suy thoái về đạo đức, văn hóa trong một bộ phận xã hội.

Trong bối cảnh đó, việc nhận diện rõ ràng và đầy đủ những *thách thức và cơ hội* mà Việt Nam phải đối mặt trong giai đoạn “vườn mình” hiện nay không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn mang giá trị thực tiễn sâu sắc. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng các chiến lược phát triển phù hợp, bền vững, đồng thời phát huy sức mạnh nội sinh, tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển của toàn dân tộc.

Chính vì vậy, bài viết này tập trung làm rõ các thách thức và cơ hội lớn mà Việt Nam đang đối diện trong kỷ nguyên mới, từ đó đề xuất một số định hướng chiến lược góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước hùng cường vào giữa thế kỷ XXI.

NỘI DUNG

1. Phương pháp tiếp cận

Theo triết học Mác - Lênin, sự phát triển xã hội luôn diễn ra theo quy luật biện chứng, trong đó mâu thuẫn giữa cái cũ và cái mới, giữa tiến bộ và lỗi thời, giữa nguy cơ và thời cơ luôn đặt ra song hành. Đồng thời, ý thức và hành động của con người - với tư cách là chủ thể lịch sử - là yếu tố then chốt quyết định động lực và chiều hướng của sự phát triển.

Quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử cho rằng, mọi hệ thống kinh tế - xã hội đều bao gồm những mâu thuẫn nội tại, và chính việc nhận diện - giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn đó là nguồn gốc của sự tiến bộ. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, việc nhận diện rõ ràng nguy cơ và thời cơ trong tiến trình hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số,... đóng vai trò như kim chỉ nam lý luận cho việc xây dựng các chính sách quốc gia.

Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng khẳng định rằng: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”¹. Người coi sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước hướng đến chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp lớn lao nhất, và phát triển phải là “cho dân, do dân và vì dân”. Tư tưởng đó tựa như góc

* Khoa Triết học, Học viện Chính trị khu vực III.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.30.

nhìn triết học cho mọi chính sách đổi mới hiện nay.

2. Nhận diện những thách thức và cơ hội chủ yếu trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

2.1. Những thách thức chủ yếu

Bước vào thế kỷ XXI, Việt Nam đang đối mặt với những biến chuyển nhanh chóng của thời đại. Các thách thức đặt ra không chỉ mang tính toàn cầu, mà còn mang tính đặc thù bên trong nội tại quá trình chuyển đổi về tư duy, thể chế, con người và văn hóa. Qua nghiên cứu có thể nhận thấy một số thách thức chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, thách thức từ bối cảnh toàn cầu: Toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đang định hình lại trật tự thế giới trên nhiều phương diện, trong đó nổi bật là sự tái cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu, thay đổi phương thức sản xuất và phân phối tri thức. Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, quá trình này vừa mang lại cơ hội nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức hết sức nghiêm trọng.

Một trong những thách thức nổi bật là sự lệ thuộc vào công nghệ cao, khi phần lớn các công nghệ cốt lõi hiện nay như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), tự động hóa, dữ liệu lớn (Big Data) đều do các nước phát triển làm chủ. Việt Nam hiện vẫn chủ yếu nhập khẩu công nghệ, thiếu năng lực nội sinh để phát triển các sáng chế mang tính nền tảng. Điều này dẫn đến tình trạng bị động trong quá trình chuyển đổi số và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ở những khâu có giá trị gia tăng thấp.

Bên cạnh đó, nguồn lực trí tuệ - một yếu tố quyết định vị thế cạnh tranh trong thời đại kinh tế tri thức - vẫn còn là điểm yếu. Theo Nguyễn Xuân Thắng (2021), năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng khoảng 60% mức trung bình của nhóm ASEAN 6 (gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam)², điều này cho thấy khoảng cách lớn trong khả năng tận dụng cơ hội từ cách mạng công nghiệp 4.0 để bứt phá.

Ngoài ra, sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc cũng tạo ra áp lực ngày càng tăng đối với Việt Nam trong việc lựa chọn mô hình phát triển độc lập, tự chủ nhưng vẫn hội nhập sâu rộng. Trong bối cảnh các nền kinh tế lớn đang có xu hướng bảo hộ, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam cần phải nâng cao năng lực ứng phó linh hoạt, đa dạng hóa thị trường và chủ động thích nghi với các chuẩn mực toàn cầu.

Tóm lại, để vượt qua những thách thức từ bối cảnh toàn cầu, Việt Nam không thể chỉ trông đợi vào nguồn vốn đầu tư hay xuất khẩu lao động giản đơn, mà cần một chiến lược phát triển lấy đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm trung tâm. Có như vậy, đất nước mới có thể vươn lên thành quốc gia có vị thế trong trật tự toàn cầu đang định hình lại hiện nay.

Thứ hai, thách thức từ thể chế: Một trong những thách thức cơ bản mà Việt Nam đang phải đối mặt trong kỷ nguyên vươn mình chính là sự trì trệ và bất cập của thể chế kinh tế. Trong nhiều thập niên, mô hình tăng trưởng của Việt Nam dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, lao động giá rẻ và đầu tư từ khu vực nước ngoài. Cách tiếp cận này tuy đã mang lại những thành tựu bước đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng cũng để lại những hệ lụy lớn về dài hạn: cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và đặc biệt là sự lệ thuộc vào chuỗi giá trị toàn cầu ở những khâu có giá trị gia tăng thấp.

Theo Báo cáo Phát triển Việt Nam của World Bank (2023), cấu trúc nền kinh tế Việt Nam vẫn chưa thật sự chuyển dịch mạnh mẽ từ chiều rộng sang chiều sâu. Điều này biểu hiện ở năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) còn thấp, đổi mới sáng tạo còn manh

² Nguyễn Xuân Thắng (Chủ biên): *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

mún và thể chế hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo còn thiếu đồng bộ³. Thể chế chậm đổi mới không chỉ cản trở khả năng thích ứng nhanh với môi trường toàn cầu mà còn làm gia tăng chi phí cơ hội của nền kinh tế.

Thêm vào đó, quá trình đô thị hóa vốn là động lực quan trọng để tái cơ cấu kinh tế và cải thiện môi trường sống lại diễn ra thiếu quy hoạch và chậm so với yêu cầu phát triển. Điều này dẫn tới tình trạng “đô thị nửa vời” ở nhiều địa phương, thiếu không gian sáng tạo, thiếu hạ tầng hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và kém hấp dẫn với giới trẻ tri thức. Sự thiếu liên kết giữa khu vực nghiên cứu, giáo dục - đào tạo và khu vực sản xuất kinh doanh là một điểm nghẽn mang tính thể chế nghiêm trọng.

Một rào cản khác là sự phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu. Theo UNDP (2022), phần lớn doanh nghiệp Việt Nam hiện nay sử dụng công nghệ ở mức trung bình hoặc lạc hậu, trong khi tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, phát triển chỉ chiếm chưa đến 2%⁴. Trong khi đó, nguồn nhân lực đảm nhiệm công nghệ cao và chuyển đổi số còn thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng. Điều này gây ra sự chênh lệch lớn giữa nhu cầu đổi mới và năng lực thực thi, khiến nền kinh tế Việt Nam dễ rơi vào tình trạng “lỡ nhịp” trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tóm lại, để vượt qua thách thức từ thể chế, Việt Nam cần đẩy mạnh cải cách thể chế theo hướng minh bạch, linh hoạt, lấy đổi mới sáng tạo làm trung tâm, đồng thời xây dựng hệ sinh thái thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường,... tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”⁵.

Thứ ba, thách thức văn hóa và tư tưởng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đang đứng trước một thách thức nghiêm trọng về văn hóa và tư tưởng. Sự giao thoa mạnh mẽ giữa các nền văn hóa, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền thông, đã và đang làm thay đổi sâu sắc đời sống tinh thần của người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ. Trong khi tiếp cận được với những giá trị tích cực của nhân loại, không ít bộ phận thanh niên đang bị cuốn vào lối sống thực dụng, hưởng thụ, xa rời chuẩn mực đạo đức truyền thống và các giá trị nhân văn sâu sắc của dân tộc.

Theo Báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), xu hướng “sống nhanh, sống gấp” ngày càng phổ biến trong giới trẻ, biểu hiện ở việc chạy theo những giá trị vật chất ngắn hạn, lệ thuộc vào không gian mạng và thiếu định hướng tư tưởng rõ ràng⁶. Điều này đặt ra thách thức đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc - vốn là nền tảng tinh thần vững chắc cho sự phát triển bền vững.

Thách thức văn hóa còn thể hiện ở sự mai một các giá trị truyền thống: lòng yêu nước, hiếu thảo, thủy chung, vị tha,... Một số biểu hiện tiêu cực: thờ ơ với cộng đồng, cổ súy cho lối sống cá nhân cực đoan, suy giảm đạo đức nghề nghiệp đã xuất hiện trong các tầng lớp xã hội. Trong khi đó, các sản phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài: nội dung phản

³ World Bank: *Vietnam Economic Update - Harnessing the Potential of the Services Sector*.

<https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication>, 2023.

⁴ UNDP: *Vietnam's Digital Readiness Assessment Report*. UNDP Vietnam, 2022.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t.1, tr.114.

⁶ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Báo cáo tổng kết công tác văn hóa năm 2022 và phương hướng năm 2023*, Hà Nội, 2022.

văn hóa, khiêu dâm, bạo lực, mê tín dị đoan... lại dễ dàng tiếp cận qua các nền tảng số.

Tư tưởng là lĩnh vực phức tạp hơn cả, bởi nó liên quan đến thế giới quan, nhân sinh quan và hệ giá trị nội tại của con người. Nếu không kịp thời định hướng, dễ dẫn tới “khủng hoảng bản sắc” trong một bộ phận thanh niên - thế hệ kế cận của quốc gia. Triết học Mác - Lênin nhấn mạnh rằng tư tưởng, nếu không được định hướng đúng đắn bằng lý luận khoa học và gắn với thực tiễn cách mạng, có thể trở thành lực cản nghiêm trọng của sự phát triển. Quan điểm này được nhiều học giả Việt Nam đúc kết lại như một cảnh báo đối với việc buông lỏng công tác tư tưởng trong thời kỳ hiện đại hóa và hội nhập⁷.

Từ góc độ triết học, thách thức văn hóa - tư tưởng không đơn thuần là hiện tượng xã hội, mà còn là biểu hiện của sự mất cân bằng giữa các yếu tố vật chất - tinh thần trong tiến trình hiện đại hóa. Việc phát triển kinh tế nhanh nhưng thiếu quan tâm đến giáo dục lý tưởng, đạo đức và bản sắc văn hóa sẽ dẫn đến sự rạn nứt trong nền tảng xã hội.

Giải pháp cho thách thức này không chỉ dừng ở việc quản lý nhà nước đối với hoạt động văn hóa - truyền thông, mà phải đặt trọng tâm vào giáo dục giá trị sống, hình thành hệ giá trị văn hóa - con người Việt Nam trong thời đại mới. Trong Nghị quyết số 33-NQ/TW (2014), Đảng ta xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước”⁸.

Thứ tư, thách thức môi trường và phát triển bền vững: Một trong những thách thức nghiêm trọng nhất đối với sự phát triển của Việt Nam hiện nay là giữa tăng trưởng kinh tế nhanh và yêu cầu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Trong ba thập niên qua, Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng, với mức trung bình trên 6% mỗi năm. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng dựa vào khai thác tài nguyên, sử dụng năng lượng hóa thạch, mở rộng công nghiệp nặng và đô thị hóa thiếu kiểm soát đã gây sức ép lớn lên hệ sinh thái và môi trường sống của người dân.

Theo Báo cáo Môi trường Quốc gia năm 2022, nhiều vùng kinh tế trọng điểm đang đối mặt với tình trạng ô nhiễm không khí, nước và đất nghiêm trọng. Các chỉ số như chất lượng không khí tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số khu công nghiệp lớn thường xuyên vượt ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn của WHO. Đồng thời, tình trạng khai thác cát, phá rừng, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long đang đe dọa an ninh sinh thái và lương thực quốc gia⁹.

Biến đổi khí hậu là một thách thức xuyên quốc gia, nhưng Việt Nam lại nằm trong nhóm 10 quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới, nếu mực nước biển dâng thêm 1 mét, khoảng 20% diện tích TP. Hồ Chí Minh và 40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long có thể bị ngập¹⁰. Hệ quả là hàng triệu người sẽ bị mất nhà ở, kế sinh nhai và buộc phải di cư.

Sự bất bình đẳng xã hội cũng là hệ quả gián tiếp của phát triển không bền vững. Khi môi trường bị ô nhiễm, nhóm dân cư thu nhập thấp là những người dễ bị tổn thương nhất,

⁷ Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên): *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, truy cập tại: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/nghi-quyet-so-33-nqtw-ngay-962014-hoi-nghi-lan-thu-9-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-xay-dung-va-phat-trien-590>

⁹ Bộ Tài nguyên và Môi trường: *Báo cáo Môi trường quốc gia năm 2022*. Hà Nội, 2022.

¹⁰ World Bank: *Climate Risk Country Profile: Vietnam*. Washington DC, 2021. Truy cập tại: <https://climateknowledgeportal.worldbank.org/sites/default/files/2021-04/15077-Vietnam%20Country%20Profile-WEB.pdf>

do họ sống ở các khu vực kém an toàn, ít có khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, nước sạch và giáo dục môi trường. Điều này làm gia tăng chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, giữa đô thị và nông thôn, gây áp lực lên ổn định xã hội.

Để vượt qua thách thức này, Việt Nam cần đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và năng lượng tái tạo. Đồng thời, tăng cường năng lực thể chế về quản lý môi trường, đầu tư vào giáo dục sinh thái và xây dựng ý thức bảo vệ thiên nhiên từ cộng đồng. Điều này được nhấn mạnh trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, phát triển bền vững không còn là lựa chọn mà là điều kiện sống còn cho tương lai của đất nước¹¹.

2.2. Những cơ hội chủ yếu

Bên cạnh những thách thức vừa phân tích ở trên, thì trong giai đoạn hiện nay cũng mở ra nhiều cơ hội lớn, nếu biết nắm bắt, có thể đưa dân tộc Việt Nam phát triển mạnh mẽ và bền vững. Những cơ hội đó đến từ vị thế địa chính trị chiến lược, tiềm năng con người, sự ổn định chính trị và khát vọng dân tộc được khơi dậy mạnh mẽ trong thời đại hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng hiện nay.

Thứ nhất, cơ hội từ vị thế địa - chính trị và hội nhập quốc tế: Việt Nam đang đứng trước một cơ hội chiến lược từ vị thế địa lý - chính trị giữa trung tâm khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi đang là động lực phát triển của thế giới. Là thành viên của hơn 15 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, Việt Nam được đánh giá là điểm đến hấp dẫn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Theo Báo cáo của Ngân hàng thế giới, Việt Nam là một trong những quốc gia có khả năng “tái định vị” chuỗi giá trị toàn cầu hiệu quả nhất sau đại dịch Covid-19¹².

Thứ hai, cơ hội từ tiềm năng con người và nguồn lực sáng tạo: Với hơn 100 triệu dân, trong đó trên 60% là dân số trẻ, có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ mới, Việt Nam đang sở hữu một lợi thế “dân số vàng” mà nhiều quốc gia phát triển đã không còn. Theo số liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ, tính đến đầu năm 2024, Việt Nam đã có 78,44 triệu người dùng Internet, đạt gần 79,1% dân số, với thời gian sử dụng trung bình gần 7 giờ mỗi ngày¹³, điều đó mở ra cơ hội lớn cho chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực giáo dục, kinh tế, quản lý xã hội và văn hóa.

Hơn thế, trong truyền thống dân tộc, tinh thần hiếu học, cần cù, sáng tạo và đoàn kết đã trở thành nền tảng nội sinh để tiếp thu tri thức mới và khơi dậy ý chí tự cường dân tộc. Đây là nguồn vốn văn hóa - xã hội vô giá cần được phát huy mạnh mẽ trong phát triển đất nước.

Thứ ba, cơ hội từ sự ổn định chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam: Trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới đang đối mặt với chia rẽ chính trị, bất ổn nội bộ, thì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội ở Việt Nam là nền tảng vững chắc cho phát triển lâu dài. Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò lãnh đạo toàn diện đã xác định rõ mục tiêu phát triển đến năm 2045: đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao, dân chủ, văn minh, hạnh phúc¹⁴.

Việc xác định rõ tầm nhìn, chiến lược và từng bước cụ thể trong thể chế hóa khát vọng dân tộc là cơ hội rất lớn để huy động sức mạnh toàn dân tộc cùng tham gia phát triển quốc gia.

¹¹ Thủ tướng Chính phủ: *Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050*, Hà Nội, 2021. Truy cập tại:

<https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2021/10/1658.signed.pdf>

¹² World Bank: *Climate Risk Country Profile: Vietnam 2021*. 2021. Truy cập tại:

<https://climateknowledgeportal.worldbank.org/>

¹³ Xem: <https://mst.gov.vn/internet-viet-nam-ba-muoi-nam-phat-trien-than-toc-197241227122858638.htm>

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.112.

Thứ tư, cơ hội từ chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên ở ASEAN xây dựng Chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030. Đây không chỉ là một yêu cầu thích ứng mà còn là cơ hội để bứt phá. Theo Báo cáo của UNDP (2022), nếu tận dụng tốt chuyển đổi số, Việt Nam có thể tăng trưởng GDP thêm 1,1 - 1,5% mỗi năm đến 2030¹⁵.

Việc đầu tư vào công nghệ cao, thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC), khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo (startup), và thúc đẩy chuyển giao công nghệ với các nước phát triển là cơ hội chiến lược để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị và chất lượng cuộc sống.

Thứ năm, cơ hội từ nền tảng văn hóa dân tộc và hệ giá trị Việt Nam trong thời đại mới: Việt Nam là một quốc gia có nền văn hóa đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc, được hình thành qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Trong thời đại toàn cầu hóa, việc phát huy giá trị văn hóa truyền thống kết hợp với những giá trị phổ quát của nhân loại (nhân quyền, dân chủ, phát triển bền vững) chính là nền tảng tinh thần để xây dựng con người Việt Nam mới có bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức và khát vọng cống hiến.

Theo Nghị quyết số 33-NQ/TW (2014) của Đảng, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước. Đây là một cơ hội chiến lược trong việc xây dựng hệ giá trị quốc gia, phát triển “sức mạnh mềm” Việt Nam trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế.

3. Một số định hướng trong xử lý mối quan hệ giữa thách thức và cơ hội chủ yếu trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Mối quan hệ giữa thách thức và cơ hội là một cặp phạm trù biện chứng có tính phổ quát trong triết học Mác - Lênin. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, sự phát triển của lịch sử không đi theo đường thẳng mà là kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn, trong đó các thách thức chính là biểu hiện của những mâu thuẫn xã hội cần được nhận diện và chuyển hóa. Ngược lại, cơ hội không bao giờ xuất hiện một cách đơn thuần, mà luôn gắn liền với khả năng vượt qua, làm chủ hoặc giải quyết thành công những thách thức đó.

Thứ nhất, quan điểm biện chứng về mối quan hệ giữa thách thức và cơ hội

Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, mọi hiện tượng trong thế giới hiện thực đều mang tính hai mặt: vừa có yếu tố tích cực, vừa có yếu tố tiêu cực, vừa là nguy cơ vừa là cơ hội¹⁶. Vấn đề cốt lõi là ở cách nhận thức và hành động thực tiễn. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, nguy cơ tụt hậu về công nghệ có thể trở thành cơ hội nếu chúng ta thúc đẩy đầu tư vào nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Cũng như khủng hoảng môi trường toàn cầu có thể là đòn bẩy cho nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.

Thứ hai, vai trò của tư duy biện chứng trong hoạch định chính sách phát triển

Việc nhận diện rõ ràng những thách thức và cơ hội đòi hỏi phải vượt lên lối tư duy siêu hình, phiến diện, thay vào đó là tư duy biện chứng, toàn diện và lịch sử - cụ thể. Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong quá trình hoạch định chính sách quốc gia, nhất là trong các lĩnh vực như giáo dục, kinh tế số, văn hóa, môi trường và quốc phòng, an ninh. Như Lênin từng nhấn mạnh: "Chủ nghĩa duy vật biện chứng đòi hỏi phải xem xét mọi sự vật trong mối liên hệ phổ biến và trong sự vận động không ngừng"¹⁷.

Con người không chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh mà còn là chủ thể sáng tạo nên lịch sử. Mỗi người dân Việt Nam hôm nay đều đang sống trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt

¹⁵ UNDP: *Vietnam's Digital Readiness Assessment Report*. United Nations Development Programme Vietnam. 2022.

¹⁶ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.38, tr.177.

¹⁷ V.I. Lênin: *Sđd*, 2005, t.18, tr.273.

- giai đoạn đất nước vươn mình để thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, vươn tới quốc gia phát triển. Do đó, con người cần phát huy vai trò chủ thể thông qua việc nâng cao trình độ, đổi mới tư duy, sống có lý tưởng, có trách nhiệm xã hội và khát vọng cống hiến.

Thứ tư, tư tưởng Hồ Chí Minh về thời cơ và vận mệnh dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện rõ quan điểm lịch sử - cụ thể và nhân văn sâu sắc về mối quan hệ thách thức - cơ hội. Người nhấn mạnh rằng: “Khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng¹⁸”. Đây là tuyên ngôn của tinh thần chủ động, niềm tin vào sức mạnh nội sinh của dân tộc. Thực tiễn Việt Nam chứng minh, nhiều thời khắc lịch sử hiểm nghèo lại trở thành bước ngoặt tạo nên sự vươn dậy mạnh mẽ. Có thể thấy rằng, các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và công cuộc đổi mới từ năm 1986 là những minh chứng cho sự vươn mình mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Thứ năm, văn hóa như một yếu tố điều tiết biện chứng giữa thách thức và cơ hội

Văn hóa là hình thái ý thức xã hội có vai trò định hướng hành vi. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, văn hóa truyền thống chính là “bộ lọc” giúp tiếp thu tinh hoa nhân loại mà không bị đồng hóa. Do đó, xử lý mối quan hệ thách thức - cơ hội không thể thiếu sự điều tiết của văn hóa. Theo Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”¹⁹.

Thứ sáu, nguyên tắc kế thừa và phát triển trong tư duy đổi mới.

Đổi mới không đồng nghĩa với phủ nhận cái cũ, mà là kế thừa những giá trị phù hợp và phát triển theo chiều hướng tiến bộ. Nguyên tắc kế thừa và phát triển là một nội dung cốt lõi trong phép biện chứng duy vật, đặc biệt phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam hiện nay khi vừa phải bảo tồn di sản, vừa phải đổi mới thể chế, mô hình tăng trưởng và quản trị xã hội.

KẾT LUẬN

Bài viết đã làm rõ một thực tế khách quan rằng: kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là một giai đoạn lịch sử đặc biệt, mang tính bước ngoặt đối với sự phát triển của đất nước. Đây không chỉ là giai đoạn tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng mà còn là giai đoạn định hình một mô hình phát triển mới có tính bản sắc, tự cường và bền vững. Trong bối cảnh ấy, những thách thức và cơ hội không tồn tại riêng rẽ mà luôn đan xen, chuyển hóa lẫn nhau, đòi hỏi phải có tư duy biện chứng, phương pháp tiếp cận toàn diện, lịch sử - cụ thể để xử lý hiệu quả.

Trước hết, cần khẳng định rằng, nhận diện được thách thức chính là bước đầu để hóa giải, còn phát hiện được cơ hội chính là tiền đề để bứt phá. Triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp công cụ nhận thức hữu hiệu để lý giải mối quan hệ này. Đó là cách nhìn biện chứng, toàn diện, dựa trên cơ sở lý luận vững chắc và gắn bó chặt chẽ với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Từ những phân tích đã trình bày trong bài viết, có thể rút ra một số kết luận và kiến nghị như sau:

Một số kết luận:

Việt Nam đang đứng trước một cơ hội lịch sử để chuyển mình thành quốc gia phát triển vào giữa thế kỷ XXI, song cũng phải đối mặt với nhiều thách thức mang tính cơ cấu,

¹⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.11, tr.350.

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/07/1998, của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương lần thứ năm (khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Truy cập tại: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-03-nqtw-ngay-1671998-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-tai-hoi-nghi-trung-uong-5-khoa-viii-ve-xay-dung-va-phat-1692>

lâu dài và sâu sắc. Các thách thức chủ yếu gồm: nguy cơ tụt hậu, biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội, tha hóa đạo đức và bản sắc văn hóa bị mai một. Ngược lại, các cơ hội đến từ vị thế địa - chính trị chiến lược, dân số vàng, chuyển đổi số, khát vọng phát triển và sự ổn định chính trị. Mối quan hệ giữa thách thức và cơ hội là một chỉnh thể biện chứng, việc nhận thức và ứng xử đúng đắn với mối quan hệ này là điều kiện sống còn cho sự phát triển của dân tộc.

Một số kiến nghị:

Về lý luận: Tiếp tục nghiên cứu, làm sâu sắc thêm hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện mới; phát triển tư duy biện chứng hiện đại, kết hợp giữa lý luận triết học và thực tiễn quản lý phát triển đất nước.

Về chính sách: Xây dựng chính sách phát triển theo hướng toàn diện, cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, giữa hiện đại hóa với bảo tồn văn hóa truyền thống, giữa phát triển công nghệ với đảm bảo đạo đức - nhân văn.

Về giáo dục và con người: Đẩy mạnh giáo dục triết học, lịch sử tư tưởng, tư duy phản biện trong hệ thống giáo dục quốc dân; bồi dưỡng thế hệ trẻ có lý tưởng cách mạng, bản lĩnh văn hóa và năng lực thích ứng cao với thời đại.

Về tổ chức bộ máy: Tiếp tục cải cách thể chế theo hướng minh bạch, hiệu quả, dân chủ; phát huy vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong định hướng chiến lược, giữ vững ổn định chính trị và khơi dậy khát vọng phát triển đất nước.

Về văn hóa - đạo đức: Khơi dậy và phát huy các giá trị truyền thống như yêu nước, nhân ái, cần cù, hiếu học, đoàn kết trong bối cảnh hội nhập; đồng thời xây dựng hệ giá trị quốc gia mang tính mở, gắn với yêu cầu phát triển bền vững.

TƯ DUY CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM NHẪM ĐƯA ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH

TS. Lâm Bá Hoà*

MỞ ĐẦU

Việt Nam hiện đang bước vào “kỷ nguyên vườn mình” của dân tộc, tiếp nối kỷ nguyên độc lập dân tộc - tự do và kỷ nguyên đổi mới - phát triển trước đó. Trong kỷ nguyên vườn mình của dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định nội lực là yếu tố quyết định, đồng thời vẫn phải đặt việc phát triển trong bối cảnh quốc tế nhiều biến động. Đi liền với khát vọng “đất nước phồn vinh, hùng cường” vào giữa thế kỷ XXI, Đại hội XIII của Đảng đã xác định tầm nhìn dài hạn đến năm 2045: *phấn đấu trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Để thực hiện mục tiêu cao cả này, Đại hội XIII đã nêu lên những định hướng chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ 2021 - 2030: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; phát triển con người toàn diện; ...*”¹, nhằm gia tăng tiềm lực mọi mặt của quốc gia. Trong bối cảnh đó, “tư duy chiến lược” trở thành công cụ quan trọng để Đảng Cộng sản Việt Nam hoạch định đường lối và nhiệm vụ lâu dài.

Theo Văn kiện Đại hội XIII và các nghị quyết Trung ương gần đây, tư duy chiến lược của Đảng là khả năng tư duy về vấn đề tổng thể, dài hạn, mang tầm vĩ mô, vận dụng thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào điều kiện cụ thể, góp phần tham mưu, xây dựng nên quyết sách lớn. Nói cách khác, tư duy chiến lược gắn liền với tầm nhìn chiến lược, là năng lực “nhìn xa, trông rộng” định hướng phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định tầm nhìn chiến lược của mình chính là ngọn đuốc soi đường, tạo thống nhất nhận thức và hành động trong toàn đảng, toàn dân hướng tới mục tiêu dài hạn.

Trong nghiên cứu này, tác giả sẽ khái quát những nội dung cơ bản nhất thể hiện tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc định hướng để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vườn mình, các nội dung cơ bản của tư duy chiến lược của Đảng, cụ thể như: (1) Về đổi mới và nâng cao năng lực của Đảng; (2) Về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Về phát triển văn hóa, con người toàn diện; (4) Về bảo vệ quốc phòng, an ninh vững chắc; (5) Về chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Mục tiêu của bài viết là làm sáng tỏ vị trí trung tâm của tư duy chiến lược trong xây dựng đường lối phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao sức mạnh quốc gia, từ đó góp phần thực hiện thắng lợi “kỷ nguyên vườn mình” của dân tộc.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

1.1. Khái niệm tư duy chiến lược

Trong hệ thống lý luận Đảng Cộng sản Việt Nam, tư duy chiến lược được xác định là một năng lực cốt lõi, đóng vai trò then chốt trong công tác lãnh đạo và quản lý quốc gia. Theo Vũ Trọng Lâm, tư duy chiến lược là “phương thức tư duy về vấn đề tổng thể, dài hạn, mang tầm vĩ mô”², đòi hỏi đội ngũ cán bộ lãnh đạo phải có khả năng nhìn nhận bao quát từ

* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr. 36 - 38.

² Vũ Trọng Lâm: “Tăng cường năng lực tư duy chiến lược của đội ngũ cán bộ tham mưu ở các cơ quan Đảng Trung ương, góp phần nâng tầm trí tuệ của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản online*, 2025. Truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xoi/-/2018/1060502/view_content

tầm cao chính trị, chủ động đánh giá các cơ hội và thách thức trong dài hạn. Tư duy chiến lược gắn liền với tầm nhìn chiến lược của Đảng, đây cũng chính là năng lực xác định đúng đắn tương lai phát triển của đất nước và định hướng lâu dài nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, hùng cường.

Như vậy, tư duy chiến lược được hiểu là phương thức tư duy tổng thể, có chiều sâu thời gian và tầm vóc vĩ mô. Năng lực này thể hiện qua khả năng nhận diện các vấn đề mang tính chiến lược trong tiến trình phát triển quốc gia, từ đó đề xuất những định hướng và hoạch định các quyết sách lớn. Điều này đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, đặc biệt ở cấp cao, phải có năng lực phân tích và tổng hợp toàn diện, có khả năng đánh giá hệ thống, dự báo chính xác các xu hướng phát triển cả trong nước và quốc tế. Tác giả Vũ Thị Mỹ Hằng thì cho rằng, tư duy chiến lược là cách thức, quy trình và năng lực tư duy, giúp cho chủ thể lãnh đạo có thể xác định được chiến lược phát triển, các điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, biết cách liên tục cập nhật và rà soát môi trường để xác định các cơ hội và các nguy cơ cần khắc phục, từ đó tìm ra con đường và các giải pháp đưa tổ chức đến thành công. Đó là sự kết hợp giữa cách tư duy rộng, tư duy sâu và tư duy dài hạn³.

Trên bình diện nhận thức, chúng tôi cho rằng, tư duy chiến lược và tầm nhìn chiến lược luôn song hành với nhau. Nghĩa là, tư duy chiến lược và tầm nhìn chiến lược chính là năng lực hình dung và định hướng cho sự phát triển dài hạn của đất nước. Tầm nhìn này mang những đặc điểm cốt lõi và mang tính bao trùm. Đối với người đứng đầu hệ thống chính trị, đây còn là phẩm chất nền tảng, thể hiện qua khả năng xây dựng chiến lược, dẫn dắt và khơi gợi cảm hứng phát triển đất nước. Tầm nhìn ấy không chỉ dựa trên kiến thức chuyên môn hay kinh nghiệm thực tiễn mà còn đòi hỏi tư duy biện chứng, tính linh hoạt và khả năng thích ứng cao trước bối cảnh thay đổi nhanh chóng.

Tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam có phạm vi ảnh hưởng rộng, chi phối toàn bộ quá trình lãnh đạo, từ khâu hoạch định chủ trương, chính sách cho tới tổ chức thực hiện và giám sát hiệu quả. Theo nhiều nhà nghiên cứu lý luận, nhờ tư duy chiến lược, Đảng có thể nhìn nhận được toàn cảnh trong nước và quốc tế, từ đó xác định mục tiêu phát triển dài hạn một cách chính xác và lựa chọn phương án hành động phù hợp nhất. Cũng chính việc vận dụng tư duy chiến lược giúp Đảng kịp thời nắm bắt thời cơ, điều chỉnh định hướng phát triển khi có sự biến động của tình hình, đồng thời xây dựng các đột phá chiến lược phù hợp với tiềm lực và điều kiện thực tế của đất nước. Đây chính là cơ sở để Đảng giữ vững sự ổn định trong lãnh đạo, đồng thời duy trì tính linh hoạt trong quản lý, hướng tới đạt hiệu quả cao nhất trong triển khai các mục tiêu phát triển.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này vận dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu đặc trưng của khoa học chính trị và lý luận Mác - Lênin nhằm bảo đảm tính hệ thống, khách quan và khoa học trong quá trình phân tích. *Thứ nhất*, phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng nhằm khai thác các nội dung từ văn kiện chính thức như Văn kiện Đại hội XIII, các nghị quyết Trung ương khóa XIII và các bài viết của lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu chuyên khảo, báo cáo chuyên đề cũng được phân tích nhằm củng cố và làm rõ luận điểm. *Thứ hai*, phương pháp lịch sử - logic được áp dụng để tái hiện tiến trình hình thành và phát triển của tư duy chiến lược trong từng giai đoạn lịch sử lãnh đạo của Đảng, từ giai đoạn giành độc lập dân tộc, thời kỳ đổi mới đến

³ Vũ Thị Mỹ Hằng: “Nâng cao năng lực tư duy chiến lược của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp”, *Tạp chí Lý luận chính trị online*, truy cập tại: <https://lyluanchinhtri.vn/nang-cao-nang-luc-tu-duy-chien-luoc-cua-doi-ngu-can-bo-lanh-dao-cac-cap-958.html>, 19/5/2021.

hiện nay - thời kỳ đất nước hội nhập và phát triển. Sự kết hợp giữa phân tích lịch sử và lập luận logic giúp làm rõ tính kế thừa và phát triển nhất quán của tư duy chiến lược. *Thứ ba*, bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp lý luận, nhằm liên kết các quan điểm từ nhiều nguồn lý luận và thực tiễn thành một hệ thống thống nhất, qua đó xác định rõ nội hàm và vai trò của tư duy chiến lược. *Thứ tư*, phương pháp so sánh hệ thống được vận dụng để đối chiếu các chiến lược qua các giai đoạn lịch sử của Đảng cũng như với kinh nghiệm quốc tế, nhằm nhận diện sự đổi mới và những đặc điểm riêng biệt trong tư duy chiến lược của Việt Nam. Phương pháp này góp phần làm rõ sự chuyển dịch từ mô hình lãnh đạo tập trung hành chính sang mô hình linh hoạt, thích ứng hơn với tiến trình toàn cầu hóa. Các phương pháp nêu trên đã tạo nên cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, góp phần khẳng định vai trò trung tâm của tư duy chiến lược trong hoạch định đường lối phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI.

2. Định hướng chiến lược lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh mới

2.1. Tư duy định hướng chiến lược của Đảng về nâng cao năng lực lãnh đạo

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng là một nội dung cốt lõi trong tư duy định hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới. Bối cảnh mới đặt ra những yêu cầu toàn diện và phức tạp hơn, khi “*đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta⁴. Có thể nói, đây là giai đoạn đất nước đang chuyển mình từ giai đoạn “phát triển trung bình” sang giai đoạn “tăng trưởng nhanh, bền vững”, bên cạnh đó cũng phải đối mặt với các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự biến đổi sâu sắc của đời sống xã hội.

Để đáp ứng yêu cầu đó, tư duy chiến lược của Đảng về nâng cao năng lực lãnh đạo không chỉ dừng ở việc củng cố tổ chức và cán bộ, mà còn bao hàm sự đổi mới toàn diện trong phương thức lãnh đạo, phong cách làm việc và năng lực tư duy lý luận. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra quan điểm chỉ đạo và được xác định rõ một trong ba đột phá chiến lược là: xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả⁵. Điều này thể hiện sự nhất quán trong việc đặt năng lực lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định cho mọi thành tựu phát triển quốc gia. Như vậy, việc đổi mới tư duy và phương pháp lãnh đạo, xem đây là điều kiện tiên quyết để Đảng có thể dẫn dắt đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Năng lực lãnh đạo của Đảng không chỉ thể hiện ở việc đề ra chủ trương đúng, mà còn ở khả năng tổ chức thực hiện hiệu quả và giữ được niềm tin của nhân dân.

Một trong những trọng tâm của tư duy định hướng chiến lược hiện nay là đẩy mạnh xây dựng Đảng về đạo đức, lấy việc nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu làm đột phá chiến lược. Hội nghị Trung ương 4, khóa XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh yêu cầu “*kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tạo chuyển biến rõ rệt trong xây dựng văn hóa chính trị liêm chính, trong sạch*”⁶. Như vậy, nâng cao năng lực lãnh đạo không chỉ là yêu cầu tổ chức, mà còn là yêu cầu

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr. 25 - 26.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.111.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII*, 2021. Truy cập tại: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xiii/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-be-mac-hoi-nghi-lan-thu-tu-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-3759>.

đạo lý và chính trị cấp thiết. Tư duy chiến lược về nâng cao năng lực lãnh đạo còn được thể hiện rõ trong việc xây dựng Đảng trí tuệ, đổi mới, sáng tạo, có khả năng thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của thời đại.

Trong giai đoạn hiện nay, năng lực lãnh đạo còn phải được mở rộng sang các lĩnh vực quản trị phát triển hiện đại như chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, nền kinh tế tuần hoàn, mô hình phát triển xanh,... những điều chưa từng có trong các giai đoạn trước đây. Tư duy chiến lược vì vậy phải dựa trên khả năng nhận diện sớm các xu thế, đồng thời có giải pháp tạo dựng năng lực nội sinh tương thích. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định “phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”⁷. Việc xác định chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số, xã hội số được xem là một trong các tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo trong thời đại mới.

Một nội dung quan trọng khác trong tư duy định hướng chiến lược của Đảng về nâng cao năng lực lãnh đạo trong bối cảnh mới là tăng cường năng lực lãnh đạo thông qua thực tiễn và bằng thực tiễn. Nghĩa là năng lực tổng kết thực tiễn, lý luận hóa thực tiễn, và vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách sáng tạo, linh hoạt. Đây là đặc điểm cốt lõi của Đảng cầm quyền mang bản chất cách mạng. Tư duy định hướng chiến lược của Đảng về nâng cao năng lực lãnh đạo trong bối cảnh mới không chỉ là phản ứng trước yêu cầu khách quan của thời đại, mà còn thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và tầm nhìn phát triển lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự chuyển hóa từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy lãnh đạo chiến lược, linh hoạt, sáng tạo, gần dân chính là nền tảng để Đảng ta giữ vững vai trò tiên phong, dẫn dắt dân tộc tiến lên trong thế kỷ XXI. Thực tiễn vận dụng tư duy chiến lược của Đảng trong nâng cao năng lực lãnh đạo.

Thực tiễn gần đây cho thấy, tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang từng bước được hiện thực hóa trong các chủ trương lớn, đặc biệt là thông qua việc triển khai đồng bộ các nghị quyết về xây dựng Đảng, đổi mới mô hình tăng trưởng, hoàn thiện thể chế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Sau Đại hội XIII, tư duy chiến lược không chỉ dừng lại ở tầm nhìn đến năm 2030 và 2045, mà đã được cụ thể hóa trong việc nâng cao năng lực điều hành, năng lực quản trị phát triển và năng lực phản ứng chính sách của toàn hệ thống chính trị.

2.2. Tư duy định hướng chiến lược của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tư duy định hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận suốt hơn ba thập niên đổi mới. Tư duy này đã không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, thể hiện tầm nhìn xa, năng lực dự báo và khả năng điều chỉnh linh hoạt trước những biến đổi sâu sắc của tình hình trong nước và quốc tế.

Như chúng ta đã biết, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một mô hình kinh tế đặc thù, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử phát triển của nhân loại, là sản phẩm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm kết hợp giữa các quy luật khách

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.214.

quan của kinh tế thị trường với mục tiêu, bản chất và giá trị của chủ nghĩa xã hội. Đảng ta xác định rõ đây là mô hình kinh tế nhiều thành phần, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Từ Đại hội VI (1986), tư duy về kinh tế thị trường bắt đầu hình thành một cách dè dặt. Đến Đại hội IX (2001), lần đầu tiên Đảng chính thức khẳng định mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, Đại hội XIII (2021) đánh dấu bước phát triển đột phá trong tư duy chiến lược khi xác định rõ đặc trưng, cấu trúc và cơ chế vận hành của mô hình này, trong đó “thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai⁸. Bên cạnh đó, Nhà nước giữ vai trò định hướng, dẫn dắt và điều tiết sự phát triển theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Trong tư duy chiến lược của Đảng về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới phải kể đến tư duy chiến lược về vai trò của Nhà nước và thị trường trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong tư duy chiến lược mới, Đảng đã xác lập lại quan hệ giữa Nhà nước và thị trường một cách linh hoạt và biện chứng. Thị trường được khẳng định là “nhân tố quyết định trong phân bổ hiệu quả nguồn lực”, nhưng Nhà nước không thụ động mà giữ vai trò kiến tạo phát triển, bảo đảm công bằng, khắc phục các thất bại thị trường và bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Điểm nổi bật trong tư duy mới là nhấn mạnh đến nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập, vận hành đầy đủ các quy luật khách quan như quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu, đồng thời vẫn giữ vững vai trò định hướng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước không can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động của thị trường, mà thông qua pháp luật, quy hoạch, chính sách thuế, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp,... để định hướng sự phát triển theo mục tiêu lâu dài.

Bên cạnh những đổi mới trên, tư duy chiến lược của Đảng còn được thể hiện trong quản lý và phát triển các thành phần kinh tế. Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ rằng tất cả các thành phần kinh tế đều là bộ phận hợp thành quan trọng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, được pháp luật bảo hộ, được cạnh tranh bình đẳng, và cùng phát triển lâu dài. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong các lĩnh vực then chốt, kinh tế tập thể và hợp tác xã được khuyến khích phát triển đa dạng, còn kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng” của nền kinh tế. Tư duy chiến lược này thể hiện rõ nỗ lực của Đảng trong việc tháo gỡ những rào cản tư tưởng, tránh tình trạng “kỳ thị” khu vực tư nhân hoặc “thần thánh hóa” kinh tế nhà nước. Thay vào đó là tiếp cận thực chứng, dựa trên hiệu quả, năng lực cạnh tranh và đóng góp cho nền kinh tế quốc dân.

2.3. Tư duy định hướng chiến lược của Đảng về phát triển văn hóa, con người toàn diện

Phát triển văn hóa và xây dựng con người Việt Nam toàn diện là một trong những trụ cột chiến lược quan trọng trong tư duy lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư duy này đã không ngừng được bổ sung, hoàn thiện và nâng lên tầm chiến lược tổng thể, đặc biệt trong bối cảnh đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới với nhiều thách thức và cơ hội đan xen.

Việc xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước đã được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định từ rất

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.215.

sớm. Tư duy chiến lược của Đảng về phát triển văn hóa, con người bắt đầu hình thành rõ nét từ *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991 và được phát triển sâu sắc qua các kỳ Đại hội Đảng. Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII khẳng định vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước, Nghị quyết đã nêu rõ: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”⁹, đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”¹⁰. Khác với những giai đoạn trước, tư duy hiện nay không xem văn hóa như một lĩnh vực phụ trợ mà coi đây là yếu tố cốt lõi để kiến tạo hệ giá trị quốc gia, bồi đắp sức mạnh mềm, nâng cao nội lực dân tộc trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và khủng hoảng giá trị. Văn hóa không chỉ là sản phẩm tinh thần mà còn là yếu tố cấu thành bản sắc dân tộc, làm nên sức mạnh trường tồn của quốc gia.

Đại hội XIII đánh dấu sự phát triển tư duy toàn diện và sâu sắc về con người trong chiến lược phát triển đất nước. Đảng nhấn mạnh yêu cầu: “Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”¹¹. Tư duy này cho thấy một bước tiến lớn từ mô hình phát triển “lấy tăng trưởng kinh tế làm trung tâm” sang mô hình phát triển nhân văn, coi con người là mục tiêu cao nhất và cũng là động lực căn bản nhất.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, toàn cầu hóa và tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, khuyến khích tinh thần sáng tạo, năng lực thích ứng, tư duy phản biện, học tập suốt đời của mỗi cá nhân. Đặc biệt, phát triển con người không chỉ về mặt tri thức mà còn toàn diện về đạo đức, lối sống, bản lĩnh chính trị và tinh thần yêu nước, từ đó tạo ra nguồn lực con người chất lượng cao cho công cuộc hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước.

Trước bối cảnh thế giới đang trải qua nhiều biến động nhanh chóng và phức tạp, từ chiến tranh thông tin, khủng hoảng giá trị đến sự lan tỏa mạnh mẽ của các trào lưu văn hóa ngoại lai, những yêu cầu đổi mới tư duy phát triển văn hóa, con người lại càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Hơn lúc nào hết, việc phát triển văn hóa, con người đòi hỏi phải được tiếp cận từ tầm nhìn chiến lược, toàn diện và bền vững. Không chỉ vậy, văn hóa còn có vai trò quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trong việc đề cao giá trị gia đình, cộng đồng, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa công vụ, và cảnh báo nguy cơ “tự diễn biến” trong lĩnh vực văn hóa nếu không kịp thời nhận diện và xử lý. Tư duy chiến lược mới của Đảng hướng đến việc xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, đồng thời “hòa nhập mà không hòa tan”, chủ

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.17.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.330.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.116.

động tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và phát triển công nghiệp văn hóa như một ngành kinh tế mũi nhọn.

Điểm đột phá trong tư duy chiến lược hiện nay là coi văn hóa như một cấu phần hữu cơ trong quản trị quốc gia hiện đại. Đảng yêu cầu hoàn thiện thể chế văn hóa, trong đó bao gồm luật pháp, chính sách và cơ chế tài chính cho phát triển văn hóa, đầu tư cho sáng tạo nghệ thuật, bảo tồn di sản, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên không gian mạng và trong đời sống xã hội. Tư duy chiến lược này nhằm chuyển văn hóa từ vai trò “bị động” sang “chủ động” trong việc dẫn dắt, điều tiết hành vi xã hội, đồng thời góp phần hình thành bản sắc và thương hiệu quốc gia trong tiến trình hội nhập toàn cầu.

2.4. Tư duy định hướng chiến lược của Đảng về bảo đảm quốc phòng, an ninh vững chắc

Giữ vững quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, được xác định là một trong những trụ cột chiến lược để phát triển đất nước bền vững. Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, nhất là những tác động đa chiều từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và chuyển đổi địa chính trị toàn cầu, Đảng ta đã tiếp tục phát triển tư duy chiến lược về quốc phòng, an ninh theo hướng toàn diện, chủ động, linh hoạt và thích ứng cao. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán trong công tác quốc phòng, an ninh, và xem đây là nhiệm vụ sống còn gắn với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với phương châm “giữ nước từ khi nước chưa nguy”, trong đó Đảng ta đã xác định rõ: “Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt”¹². Đây là quan điểm nhất quán của Đảng ta, tạo cơ sở quan trọng cho Đảng, Nhà nước, cả hệ thống chính trị, toàn dân và toàn quân quán triệt và thực hiện. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trong mọi chiến lược, kế hoạch, quy hoạch và chính sách phát triển. Tư duy này thể hiện sự gắn bó hữu cơ giữa “thế trận lòng dân” với “thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân” trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, khẳng định rằng an ninh, quốc phòng không thể tách rời khỏi sự ổn định chính trị và phát triển bền vững về kinh tế - xã hội.

Trước bối cảnh mới, khi các nguy cơ an ninh truyền thống và phi truyền thống đang ngày càng đan xen, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chuyển đổi từ tư duy ứng phó sang tư duy chủ động thích ứng chiến lược với các thách thức phi truyền thống. Đặc biệt, các nguy cơ như an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia và chiến tranh thông tin... được xác định là những thách thức lớn, có tính chất lâu dài, không thể xem nhẹ. Đảng ta cũng nhấn mạnh và yêu cầu kiên định nguyên tắc nhưng phải nhạy bén, linh hoạt trước tình hình mới; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân một cách vững chắc nhưng không rơi vào tư duy bảo thủ, đóng kín. Đây là bước phát triển mới trong tư duy lãnh đạo, thể hiện sự nhấn mạnh đến tính mở, tích hợp và thích nghi của hệ thống quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa.

Một trong những nội dung cốt lõi của tư duy chiến lược hiện nay là việc xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại gắn với “xây dựng, phát triển nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh hiện đại, lưỡng

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.156.

dụng, vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội”¹³. Đây không chỉ là sự đổi mới về kỹ thuật, trang bị mà còn là chuyển đổi căn bản về tư duy tác chiến, hệ thống tổ chức, nguồn nhân lực và khả năng phối hợp liên ngành. Việc đẩy mạnh hiện đại hóa lực lượng, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng - an ninh và đối ngoại luôn được Đảng dành sự quan tâm đặc biệt. Song song với đó, Đảng nhấn mạnh yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại. Chủ động bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và lợi ích quốc gia trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong khi vẫn duy trì quan hệ hòa bình, ổn định với các nước láng giềng, tăng cường hợp tác quốc tế về an ninh mạng, phòng chống tội phạm, bảo vệ môi trường an ninh khu vực. Chiến lược quốc phòng và an ninh mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến lược phòng ngừa, kiểm soát rủi ro từ sớm, từ xa, chủ động thay vì bị động, kết hợp giữa sức mạnh cứng và mềm, giữa công nghệ và con người, giữa trong nước và quốc tế.

Cùng với đó, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng không ngừng nhấn mạnh việc phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tư duy chiến lược mới của Đảng về quốc phòng, an ninh vững chắc trong bối cảnh mới nhấn mạnh vai trò của “thể trận lòng dân” như một nền tảng căn bản cho bảo vệ an ninh, quốc phòng. Đảng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về chính trị, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; đồng thời coi trọng công tác dân vận, tuyên truyền, nắm bắt dư luận xã hội để định hướng thông tin, phòng chống “diễn biến hòa bình” trên không gian mạng. Việc phát huy vai trò của toàn dân, của mỗi địa phương, tổ chức cơ sở Đảng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là sự thể hiện rõ nét tư duy đổi mới: kết hợp sức mạnh thể chế với sức mạnh văn hóa, xã hội trong bảo vệ Tổ quốc.

2.5. Tư duy định hướng chiến lược của Đảng về chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng

Hội nhập quốc tế là chiến lược phát triển toàn diện, mang tính sống còn của đất nước. Tư duy chiến lược của Đảng về hội nhập quốc tế được khẳng định là một trong những nhiệm vụ trung tâm và xuyên suốt trong sự nghiệp phát triển đất nước. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng”¹⁴. Hội nhập không chỉ gói gọn trong lĩnh vực kinh tế mà còn mở rộng sang chính trị, quốc phòng, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và các lĩnh vực khác, tạo thành một tổng thể chiến lược, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ nhưng có tính kết nối và liên kết quốc tế chặt chẽ.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và cạnh tranh chiến lược quốc tế ngày càng gay gắt, tư duy chiến lược của Đảng thể hiện rõ sự chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong hội nhập, nhằm không bị động, bị động ứng phó với những biến động của thế giới. Theo đó, hội nhập được thực hiện trên nguyên tắc “đi tắt đón đầu”, chủ động khai thác các cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), các diễn đàn khu vực và toàn cầu (APEC, ASEAN, CPTPP, EVFTA,...) để mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.158 - 159.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.161 - 162.

định rõ việc phải bảo vệ quyền, lợi ích quốc gia trong hội nhập, không đánh đổi chủ quyền, độc lập dân tộc để có sự phát triển bền vững, cân bằng giữa mở cửa và kiểm soát. Tư duy này phản ánh nhận thức sâu sắc về các nguy cơ tiềm ẩn khi hội nhập mà không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đồng thời coi trọng việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trên các mặt trận hội nhập. Đảng ta luôn nhấn mạnh vai trò trung tâm, chủ động của Việt Nam trong quá trình hội nhập, tránh tư duy “bị động nhập cuộc”. Tư duy chiến lược mới thể hiện ở việc nâng cao năng lực quản trị quốc gia, đổi mới thể chế, cải cách hành chính, hoàn thiện chính sách để tạo thuận lợi tối đa cho hội nhập.

Hội nhập trên cơ sở giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia và an ninh quốc gia. Trong khi thúc đẩy hội nhập sâu rộng, Đảng luôn cảnh giác, chủ động phòng ngừa các tác động tiêu cực từ bên ngoài ảnh hưởng đến độc lập, tự chủ, bản sắc văn hóa và an ninh quốc gia. Việc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, trên không gian mạng, bảo đảm an ninh kinh tế và an ninh con người được coi là những nhiệm vụ song hành với hội nhập. Quan điểm này thể hiện tầm nhìn chiến lược toàn diện, không chỉ tập trung phát triển kinh tế mà còn cân bằng với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ quốc phòng, an ninh trong bối cảnh quốc tế phức tạp.

Hội nhập quốc tế là quá trình lâu dài, liên tục, đòi hỏi sự đổi mới tư duy và hành động. Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh hội nhập quốc tế không phải là hoạt động mang tính thời điểm mà là một quá trình chiến lược lâu dài, đòi hỏi sự liên tục, đổi mới tư duy và hành động phù hợp với sự thay đổi của tình hình thế giới. Tư duy chiến lược của Đảng nhấn mạnh sự phối hợp hài hòa giữa mở cửa và bảo vệ, giữa linh hoạt và nguyên tắc, giữa phát huy lợi thế và khắc phục điểm yếu để nâng cao hiệu quả hội nhập.

KẾT LUẬN

Tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế là một hệ thống tư duy khoa học, toàn diện, có tầm nhìn dài hạn và khả năng thích ứng linh hoạt với các điều kiện lịch sử cụ thể. Thông qua việc xác định đúng đắn các trọng tâm phát triển như nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; củng cố quốc phòng, an ninh vững chắc; và thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, tư duy chiến lược của Đảng đã thể hiện rõ vai trò định hướng, dẫn dắt toàn bộ tiến trình phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Những nội dung cơ bản của tư duy chiến lược không chỉ phản ánh tầm vóc trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực tổng hợp của Đảng mà còn cho thấy sự gắn kết hữu cơ giữa lý luận và thực tiễn, giữa mục tiêu trước mắt và tầm nhìn lâu dài. Tư duy ấy được kiến tạo trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kinh nghiệm thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời không ngừng được bổ sung, phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu mới của thời đại.

Việc nhận diện rõ vị trí trung tâm của tư duy chiến lược trong hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối phát triển kinh tế - xã hội là tiền đề quan trọng để nâng cao năng lực quản trị quốc gia, bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững và toàn diện. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và cạnh tranh chiến lược gia tăng, tư duy chiến lược càng trở nên cấp thiết nhằm bảo đảm cho đất nước không chỉ thích ứng hiệu quả mà còn chủ động kiến tạo, vươn lên mạnh mẽ. Qua đó, tư duy chiến lược của Đảng tiếp tục giữ vai trò then chốt trong hiện thực hóa khát vọng phát triển và khẳng định vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI: BÀI HỌC LỊCH SỬ TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘI NHẬP VÀ HIỆN ĐẠI

TS. Nguyễn Hồ Minh Trang*

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là một bước ngoặt lịch sử, mà là sự khởi đầu cho một kỷ nguyên mới - nơi dân tộc Việt Nam lần đầu tiên bước lên vũ đài thế giới với tư cách là một quốc gia độc lập, làm chủ vận mệnh của chính mình. Chiến thắng ấy không đơn thuần là sự sụp đổ của một chế độ thực dân, mà là sự khẳng định dứt khoát con đường phát triển của dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng một nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Tám mươi năm đã trôi qua, thế giới đổi thay với tốc độ chóng mặt. Việt Nam hôm nay không còn đối mặt với ách đô hộ hay chiến tranh, mà đang đứng trước thách thức không kém phần phức tạp: hội nhập toàn cầu trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược, chuyên đôi số và bất định địa chính trị. Chúng ta bước vào một kỷ nguyên mới - nơi những giá trị của Cách mạng tháng Tám vẫn là nền tảng, nhưng cần được chuyển hóa thành bản lĩnh phát triển, năng lực thích ứng và tư duy kiến tạo.

Sứ mệnh hôm nay không còn là giành chính quyền, mà là giành lấy quyền phát triển, quyền được tôn trọng trong trật tự toàn cầu, và quyền tự lựa chọn mô hình phát triển phù hợp với bản sắc dân tộc. Để làm được điều đó, Việt Nam không chỉ cần sự tri ân với quá khứ, mà còn cần một chiến lược mới - nơi tinh thần Cách mạng tháng Tám 1945 sống lại bằng hành động, bằng cải cách thể chế, đổi mới tư duy và phát huy tối đa nội lực quốc gia.

NỘI DUNG

1. Cơ sở lý thuyết

1.1. Lý thuyết Đảng Cộng sản cầm quyền và vai trò lãnh đạo chiến lược trong phát triển

Theo học thuyết Mác - Lênin và thực tiễn chính trị các quốc gia xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản cầm quyền không đơn thuần là một tổ chức chính trị, mà là lực lượng lãnh đạo toàn diện về chính trị, tư tưởng và tổ chức đối với nhà nước và xã hội. Trong bối cảnh xây dựng mô hình phát triển quốc gia, Đảng không chỉ đề ra đường lối mà còn định hướng chiến lược, thiết kế thể chế và kiểm soát thực hiện chính sách thông qua hệ thống chính trị thống nhất.

Các nghiên cứu chính trị học hiện đại (Linz, 2000; Schmitter, 2010) cũng ghi nhận vai trò của các đảng chính trị cầm quyền trong các chế độ phi tập quyền theo định hướng phát triển, nơi mà tính chính danh không chỉ dựa trên quy trình bầu cử, mà chủ yếu dựa vào hiệu quả lãnh đạo, tính nhất quán trong chiến lược phát triển, và khả năng tập hợp lực lượng xã hội^{1,2}.

Đối với Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất đã lãnh đạo thành công Cách mạng tháng Tám năm 1945, giành độc lập dân tộc và đặt nền móng cho mô hình phát triển hiện đại có bản sắc. Các nghị quyết của Đảng qua các kỳ Đại hội - đặc biệt là Đại hội VI (1986), XI (2011), XIII (2021) - đều xác định rõ vai trò trung tâm của Đảng trong kiến tạo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế gắn

* Khoa Kinh tế chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

¹ J. J. Linz: *Totalitarian and authoritarian regimes*. Boulder, CO: Lynne Rienner Publishers, 2000.

² P. C. Schmitter: "Twenty-five years, fifteen findings". *Journal of Democracy*, 21(1), 2010, pp. 17 - 28.

với tiên bộ - công bằng xã hội và chủ động hội nhập quốc tế. Lý luận về Đảng cầm quyền ở Việt Nam khẳng định rằng sự phát triển của đất nước là kết quả trực tiếp của năng lực tư duy chiến lược, phẩm chất cách mạng và khả năng tổ chức lãnh đạo của Đảng.

1.2. Lý thuyết nhà nước kiến tạo phát triển

Lý thuyết nhà nước kiến tạo phát triển do Chalmers Johnson (1982) khởi xướng, được xem là một trong những nền tảng quan trọng trong nghiên cứu quá trình hiện đại hóa kinh tế ở Đông Á. Theo lý thuyết này, nhà nước không chỉ đóng vai trò điều tiết mà còn là lực lượng kiến tạo, chủ động định hình cấu trúc kinh tế, phát triển công nghiệp nền tảng và dẫn dắt hội nhập quốc tế. Trọng tâm của mô hình là sự kết hợp giữa tầm nhìn chiến lược của nhà nước, năng lực thể chế mạnh và sự phối hợp chặt chẽ với khu vực tư nhân³.

Đối với Việt Nam, vai trò trung tâm của nhà nước đã được thể hiện rõ qua tiến trình đổi mới từ năm 1986 đến nay, đặc biệt trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược hội nhập và điều phối các FTA thế hệ mới cho thấy nhà nước Việt Nam không thụ động “theo sau” toàn cầu hóa, mà đang từng bước chủ động “định hình” không gian phát triển quốc gia trong một trật tự khu vực biến động.

1.3. Chủ nghĩa dân tộc phát triển

Chủ nghĩa dân tộc phát triển là trường phái tư tưởng xem độc lập dân tộc không chỉ là thành quả chính trị, mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng một nền kinh tế tự chủ và có bản sắc. Học giả Anthony D. Smith (1991) cho rằng bản sắc dân tộc là nguồn động lực sâu xa để các quốc gia phát triển không đánh đổi bản sắc lấy tăng trưởng⁴. Trong khi đó, Dani Rodrik (2011) khẳng định rằng toàn cầu hóa kinh tế đặt ra “nghịch lý” phát triển: nếu không có chiến lược riêng, quốc gia sẽ dễ rơi vào lệ thuộc và đánh mất quyền định đoạt mô hình tăng trưởng⁵.

Ở Việt Nam, tư tưởng độc lập - tự chủ hình thành từ thời kỳ Cách mạng tháng Tám tiếp tục chi phối sâu sắc cách tiếp cận hội nhập hiện nay. Việt Nam lựa chọn hình thức hội nhập “có chọn lọc” - nghĩa là tham gia tích cực vào kinh tế khu vực và toàn cầu nhưng vẫn giữ vững vai trò điều tiết của nhà nước, không từ bỏ các công cụ chính sách bảo vệ lợi ích dân tộc cốt lõi. Đây là biểu hiện đặc trưng của một mô hình hội nhập mang tính dân tộc phát triển.

1.4. Mô hình hiện đại hóa có bản sắc

Khác với các lý thuyết cổ điển vốn coi phương Tây là hình mẫu tuyệt đối, hướng tiếp cận hiện đại hóa có bản sắc nhấn mạnh rằng quá trình phát triển cần phù hợp với điều kiện lịch sử - văn hóa - thể chế của từng quốc gia. Theo Ha - Joon Chang (2002), các nước đang phát triển cần tránh “kịch bản đuổi theo mù quáng” mà phải xây dựng mô hình hiện đại hóa dựa trên đặc điểm nội sinh⁶. Trong khi đó, Amartya Sen (1999) khẳng định rằng tự do - dưới góc nhìn phát triển - không chỉ là mục tiêu mà còn là phương tiện giúp con người và quốc gia tự quyết định hướng đi của mình⁷.

Đối với Việt Nam, bài học từ Cách mạng tháng Tám là minh chứng điển hình cho khả năng xây dựng mô hình phát triển có tính bản sắc, phản ánh khát vọng dân tộc và định hướng chính trị độc lập. Trong quá trình hiện đại hóa nền kinh tế, việc Việt Nam thúc đẩy chuyển đổi số, công nghiệp hóa, tăng trưởng xanh và bảo tồn văn hóa dân tộc

³ C. Johnson: *MITI and the Japanese miracle: The growth of industrial policy, 1925-1975*. Stanford University Press, 1982.

⁴ A.D. Smith: *National identity*. University of Nevada Press, 1991.

⁵ D. Rodrik: *The globalization paradox: Democracy and the future of the world economy*. W.W. Norton & Company, 2011.

⁶ H.-J. Chang: *Kicking away the ladder: Development strategy in historical perspective*. Anthem Press, 2002.

⁷ A. Sen: *Development as freedom*. Oxford University Press, 1999.

chính là biểu hiện của hiện đại hóa có bản sắc - một mô hình thích ứng cao với biến động toàn cầu mà vẫn giữ vững bản lĩnh quốc gia.

1.5. Lý thuyết phát triển kinh tế trong hội nhập

Lý thuyết này cho rằng hội nhập quốc tế không chỉ là xu thế mà là một công cụ phát triển kinh tế quan trọng, thông qua việc mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và gia nhập chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, như Bela Balassa (1961)⁸ và Paul Collier (2007)⁹ nhấn mạnh, các quốc gia chỉ có thể hưởng lợi từ hội nhập nếu họ có năng lực thể chế, hạ tầng kinh tế đủ mạnh và chiến lược nội sinh rõ ràng.

Việt Nam được xem là một hình mẫu điển hình trong việc tận dụng hội nhập để thúc đẩy phát triển. Sự gia nhập WTO, ký kết CPTPP, EVFTA và RCEP đã góp phần tái cấu trúc nền kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút FDI và tiếp cận công nghệ mới. Tuy nhiên, để không rơi vào “bẫy phụ thuộc”, Việt Nam đồng thời theo đuổi các chính sách nâng cao năng lực nội tại, cải cách thể chế, phát triển công nghiệp hỗ trợ và chủ động tham gia thiết lập luật chơi toàn cầu.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Bài học lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945: Vai trò lãnh đạo của Đảng và nền tảng tư tưởng cho mô hình phát triển kinh tế Việt Nam

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cột mốc vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, không chỉ vì sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á - mà quan trọng hơn, bởi nó mở ra một bước ngoặt căn bản trong tư duy phát triển của dân tộc: từ thân phận bị trị, lệ thuộc vào thực dân - phong kiến, chuyển sang thể chủ động kiến tạo một mô hình tổ chức xã hội độc lập, tự chủ, hướng tới tiến bộ và công bằng xã hội. Thắng lợi của cuộc cách mạng này không thể tách rời vai trò lãnh đạo sáng suốt, kiên định và bản lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh - lực lượng duy nhất đã hội tụ được ý chí dân tộc, khát vọng tự do và năng lực hành động cách mạng để biến cơ hội lịch sử thành hiện thực.

Từ thành công đó, có thể rút ra ba bài học lịch sử lớn mang tính nền tảng, vẫn còn nguyên giá trị trong việc định hình chiến lược phát triển kinh tế hội nhập và hiện đại của Việt Nam.

Thứ nhất, độc lập dân tộc, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với đoàn kết và hợp tác quốc tế là điều kiện tiên quyết để hội nhập có bản lĩnh và bền vững.

Ngay từ năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đã khẳng định một chân lý mang tính thực tiễn sâu sắc và giá trị lý luận trường tồn: mỗi bước ngoặt lịch sử, mỗi chặng đường phát triển đều phải bắt nguồn từ nền tảng chính trị vững chắc, từ tư tưởng độc lập - tự chủ, và từ sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Đây không chỉ là tuyên ngôn chính trị, mà còn là một định hướng phát triển lâu dài. Trong bối cảnh hiện đại, khi hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam vẫn kiên trì giữ vững nguyên tắc này thông qua việc chủ động đàm phán và tham gia các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, đồng thời vẫn đảm bảo vai trò trung tâm của Nhà nước trong định hướng chiến lược công nghiệp, phát triển công nghệ và bảo vệ lợi ích quốc gia.

⁸ B. Balassa: *The theory of economic integration*. Routledge, 1961.

⁹ P. Collier: *The bottom billion: Why the poorest countries are failing and what can be done about it*. Oxford University Press, 2007.

Thứ hai, phát triển là kết quả của sự kết hợp biện chứng giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và sức mạnh nội sinh của nhân dân.

Thành công của Cách mạng tháng Tám là minh chứng rõ nét nhất cho sự gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân - một Đảng biết lắng nghe, tổ chức và dẫn dắt; một nhân dân tin tưởng, đồng lòng và hành động. Trong thời kỳ hiện đại, bài học đó tiếp tục được hiện thực hóa thông qua các chính sách phát triển kinh tế bao trùm, xây dựng Nhà nước kiến tạo, mở rộng vai trò chủ thể cho doanh nghiệp trong nước, người dân sáng tạo, và tầng lớp trí thức - công nhân trí thức mới. Mô hình tăng trưởng không thể hiệu quả nếu tách rời khỏi sức mạnh nhân dân - đúng như tinh thần “lấy dân làm gốc” mà Đảng đã khẳng định ngay từ năm 1945.

Thứ ba, hiện đại hóa phải gắn liền với bản sắc dân tộc và giá trị văn hóa riêng có.

Việt Nam sau năm 1945 không đi theo con đường phát triển rập khuôn. Trong bối cảnh hội nhập ngày nay, tư duy “hiện đại hóa có bản sắc” càng trở nên cần thiết. Chúng ta phải khẳng định rằng: phát triển không có nghĩa là đồng hóa, mà là nâng cao chất lượng sống trên nền tảng giữ gìn giá trị văn hóa dân tộc, bản lĩnh chính trị và chủ quyền phát triển. Đây là lý do vì sao Đảng ta luôn nhất quán quan điểm: tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường, giữ gìn truyền thống văn hóa và đảm bảo công bằng xã hội - đúng như tinh thần “phát triển toàn diện con người Việt Nam.” Khi Việt Nam bước vào các không gian mới như chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn hay xã hội sáng tạo, bài học từ Cách mạng tháng Tám nhắc nhở rằng: muốn phát triển bền vững thì không thể chỉ dựa vào tăng trưởng kinh tế, mà phải phát huy cội rễ văn hóa - tinh thần - nhân cách dân tộc như một cấu phần không thể tách rời của phát triển hiện đại.

2.2. Quá trình phát triển kinh tế hội nhập và hiện đại ở Việt Nam

Quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam trong gần 80 năm kể từ Cách mạng tháng Tám 1945 là một hành trình chuyển hóa toàn diện: từ một nền kinh tế thuộc địa lạc hậu, trải qua chiến tranh triền miên, đến việc xây dựng thành công một mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Thành tựu này không chỉ thể hiện qua các chỉ số tăng trưởng, mà còn thể hiện ở chiều sâu chuyển dịch cơ cấu, thể chế, chất lượng sống và vị thế quốc tế.

Giai đoạn 1945 - 1985: Nền kinh tế phục hồi trong chiến tranh, vận hành theo mô hình kế hoạch hóa.

Ngay sau khi giành được độc lập vào tháng 8/1945, Việt Nam phải đối mặt với một loạt thách thức kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Đó là hậu quả trực tiếp của chế độ thực dân kéo dài cùng với sự sụp đổ của hệ thống sản xuất, tài chính và hậu cần trong nước. Không những vậy, tình trạng nạn đói lớn (1945), tỷ lệ mù chữ cao, tài nguyên bị vơ vét và cơ sở hạ tầng kiệt quệ khiến nền kinh tế Việt Nam ở điểm khởi đầu gần như trắng tay.

Từ năm 1954, sau Hiệp định Genève, Việt Nam bị chia cắt. Tại miền Bắc, mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung theo kiểu Liên Xô cũ được áp dụng, lấy Nhà nước làm trung tâm phân phối, định hướng sản xuất, giá cả và phân bổ tài nguyên. Từ năm 1975, sau khi đất nước thống nhất, mô hình này tiếp tục được mở rộng ra cả nước với mục tiêu huy động tổng lực để phục hồi sau chiến tranh và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế bị chia rẽ, chiến tranh biên giới diễn ra ở hai đầu đất nước, cùng với mô hình phát triển thiên về bao cấp, thiếu tính linh hoạt thị trường, nền kinh tế dần rơi vào trì trệ. Những đặc điểm nổi bật của giai đoạn này bao gồm:

- Tăng trưởng thấp và không ổn định: Sản lượng công - nông nghiệp tăng chậm, có năm tăng trưởng âm. Cơ cấu sản xuất thiếu hiệu quả, dựa nhiều vào hỗ trợ vật tư từ các nước xã hội chủ nghĩa.

- Lạm phát phi mã: Trong thập niên 1980, tỷ lệ lạm phát nhiều năm vượt mức 100 -400%, đỉnh điểm lên tới hơn 700% năm 1986 - phản ánh sự mất cân đối nghiêm trọng trong cung cầu tiền tệ và phân phối.

- Hiệu suất sản xuất - phân phối thấp: Cơ chế quản lý bằng mệnh lệnh hành chính, tập trung hóa mọi khâu khiến năng suất lao động trì trệ, khuyến khích tâm lý ỷ lại và làm suy giảm động lực cải tiến.

- Đời sống nhân dân khó khăn kéo dài: Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới, đến năm 1985, GDP cả nước đạt khoảng 19 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt khoảng 200 USD/năm¹⁰. Tỷ lệ đói nghèo phổ biến ở hầu hết vùng nông thôn, khu vực sản xuất tự cung tự cấp chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế.

Giai đoạn 1945 - 1985 là giai đoạn xây dựng nền móng chính trị - thể chế của quốc gia, đặt trọng tâm vào bảo vệ độc lập dân tộc và khôi phục sản xuất sau chiến tranh. Tuy nhiên, về mặt kinh tế, đây cũng là giai đoạn bộc lộ rõ giới hạn của mô hình kế hoạch hóa, với những hệ lụy nghiêm trọng về năng suất, hiệu quả, và phân phối nguồn lực.

Giai đoạn 1986 - 2000: Cải cách thể chế, mở cửa thị trường và đặt nền móng hội nhập.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986 đánh dấu bước ngoặt có tính lịch sử trong tư duy và mô hình phát triển kinh tế của Việt Nam. Lần đầu tiên, đường lối phát triển được điều chỉnh căn bản từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - một mô hình phát triển có sự kết hợp giữa vai trò điều tiết vĩ mô của nhà nước và cơ chế vận hành linh hoạt của thị trường. Đây được xem là giai đoạn bản lề về mặt thể chế, đặt nền móng cho một loạt cải cách sâu rộng trong cấu trúc kinh tế và môi trường kinh doanh, đồng thời mở ra không gian mới cho hội nhập khu vực và quốc tế. Trong giai đoạn này, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả nổi bật:

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt khoảng 7,5%/năm, đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng suy thoái kéo dài của thập niên trước và từng bước khôi phục niềm tin vào khả năng phục hồi của nền kinh tế quốc dân.

Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng từ dưới 1 tỷ USD năm 1986 lên khoảng 14 tỷ USD vào năm 2000, phản ánh rõ nét quá trình mở cửa thị trường và phát triển năng lực sản xuất hướng ngoại. Đây cũng là giai đoạn hình thành các ngành xuất khẩu mũi nhọn như dệt may, da giày, thủy sản và gạo¹¹.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) bắt đầu đóng vai trò quan trọng, đặc biệt sau khi ban hành Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987. Từ năm 1991 trở đi, vốn FDI giải ngân liên tục tăng mạnh, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến - chế tạo, xây dựng hạ tầng và dịch vụ đô thị, tạo động lực thúc đẩy công nghiệp hóa bước đầu.

Hội nhập kinh tế quốc tế được khởi động một cách có hệ thống. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm 1995, mở rộng hợp tác thương mại và đầu tư trong khu vực Đông Nam Á. Bên cạnh đó, việc ký kết Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ năm 2000 được coi là tiền đề chiến lược giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới và chuẩn bị cho tiến trình gia nhập WTO sau này.

Giai đoạn 1986 - 2000 không chỉ mang ý nghĩa phục hồi tăng trưởng, mà còn là giai đoạn xây dựng nền tảng thể chế thị trường đầu tiên trong lịch sử hiện đại của Việt Nam. Các yếu tố căn bản của nền kinh tế thị trường như thị trường hàng hóa, thị trường lao động, thị trường tài chính và chính sách cạnh tranh bắt đầu hình thành và vận hành. Bên

¹⁰ World Bank. (n.d.). *GDP (current US\$) - Viet Nam*. Retrieved from <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?locations=VN>

¹¹ Vietnam News Agency: *Export turnover of 14.3 billion USD in 2000*. Vietnam Embassy in the USA (2000, December 27). Truy cập tại: <https://vietnamembassy-usa.org/news/2000/12/export-turnover-143-billion-usd-2000>

canh đó, khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước được khuyến khích phát triển, đóng vai trò ngày càng lớn trong tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới và lan tỏa động lực thị trường.

Đây là giai đoạn chuyển đổi mô hình kinh tế từ “kinh tế tự cung tự cấp” sang “kinh tế định hướng thị trường”, đặt nền móng cho quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 2001 - 2024: Tăng trưởng nhanh, hội nhập sâu rộng và từng bước hiện đại hóa.

Bước vào thế kỷ XXI, nền kinh tế Việt Nam chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, với những thay đổi mang tính chất chiến lược về mô hình tăng trưởng, định hướng hội nhập và cách tiếp cận phát triển dài hạn. Đây là giai đoạn mà Việt Nam không chỉ khẳng định năng lực phục hồi sau khủng hoảng, mà còn từng bước nâng tầm vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu và hệ thống thương mại đa phương.

Một là, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và mở rộng quy mô kinh tế. Từ năm 2001 đến năm 2024, quy mô GDP của Việt Nam đã tăng gần 14 lần, từ khoảng 33,7 tỷ USD lên 459,5 tỷ USD. Tăng trưởng GDP duy trì ổn định với tốc độ trung bình khoảng 6,3 - 6,8%/năm, ngay cả trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008), đại dịch Covid-19 (2020 - 2021) và các bất ổn địa chính trị gần đây. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ mức 430 USD năm 2000 lên 4.670 USD năm 2024, đưa Việt Nam tiệm cận nhóm nước thu nhập trung bình cao theo phân loại của Ngân hàng Thế giới¹². Tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn này không chỉ thể hiện ở sự gia tăng số lượng, mà còn hàm ý những bước chuyển căn bản về chất lượng phát triển, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng suất toàn nền kinh tế.

Hai là, mở rộng không gian hội nhập kinh tế đa tầng và đa hướng. Một trong những điểm nhấn quan trọng là việc Việt Nam chủ động thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế một cách bài bản, đa tầng và có chiều sâu. Việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007 là cột mốc mở ra không gian phát triển mới, giúp Việt Nam tăng cường tiếp cận thị trường quốc tế và thúc đẩy cải cách thể chế trong nước. Tiếp đó, Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Nhờ đó, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đã tăng vọt từ 14 tỷ USD năm 2001 lên trên 405 tỷ USD năm 2024. Với tỷ lệ tổng kim ngạch xuất nhập khẩu so với GDP vượt 160%, Việt Nam đã trở thành một trong những nền kinh tế có độ mở lớn nhất châu Á. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia trên thế giới, có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với 30 nước; trong đó, có tất cả các thành viên Hội đồng bảo an Liên hợp quốc và nhiều nước lớn (các nước G20) và là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế; ký kết 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) với hơn 60 quốc gia và nền kinh tế lớn, góp phần đưa Việt Nam nằm trong nhóm 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới¹³.

Ba là, FDI tiếp tục là động lực chiến lược của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục giữ vai trò động lực chiến lược trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng được cải thiện; Việt Nam tiếp tục là điểm sáng trong thu hút đầu tư nước ngoài; năm 2023, thu hút được trên 39,4 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 23,2 tỷ USD, lọt vào nhóm 20 nước dẫn đầu thế giới về thu hút vốn đầu

¹² Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO): *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2023. Truy cập tại: <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2023/06/Sach-Nien-giam-TK-2022-final.pdf>

¹³ Phạm Minh Sơn, Trần Mai Hương: “‘Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam’ - Nhận thức và triển khai hành động”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 561 (11-2024).

tư trực tiếp nước ngoài (FDI)¹⁴. Đáng chú ý, cơ cấu FDI đang có sự chuyển dịch tích cực từ các ngành thâm dụng lao động sang lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, năng lượng sạch, linh kiện điện tử và trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D). Điều này cho thấy Việt Nam không còn là điểm đến “chi phí rẻ”, mà đang từng bước trở thành đối tác tin cậy trong chiến lược tái định vị chuỗi cung ứng toàn cầu. FDI đóng góp gần 20% GDP, chiếm khoảng 72% kim ngạch xuất khẩu, tạo việc làm cho hơn 4 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp. Việt Nam trở thành điểm đến đầu tư chiến lược trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh xu hướng Trung Quốc +1 và tái cấu trúc chuỗi giá trị sau đại dịch¹⁵.

Bốn là, chuyển dịch cơ cấu kinh tế: từ công - nông nghiệp sang công nghệ - dịch vụ. Cơ cấu kinh tế quốc dân tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng hiện đại. Đến năm 2023, tỷ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP giảm xuống khoảng 12%, trong khi công nghiệp - xây dựng đạt gần 39%, và dịch vụ chiếm trên 41% GDP. Ngành công nghiệp chế biến - chế tạo đã thực sự trở thành động lực chủ đạo của tăng trưởng, với sự dẫn dắt của các tập đoàn FDI lớn, trong khi các lĩnh vực dịch vụ như logistics, tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử, giáo dục và du lịch tiếp tục mở rộng nhanh chóng, tạo thêm việc làm và tăng nguồn thu nội địa. Đây là kết quả của quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu.

Năm là, sự trỗi dậy của kinh tế số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Theo Báo cáo e - Conomy SEA 2023, Việt Nam là nền kinh tế số phát triển nhanh nhất trong nhóm ASEAN-6, với quy mô kinh tế số đạt 36 tỷ USD năm 2024, tương đương 18,3% GDP¹⁶. Chính phủ đã ban hành nhiều chiến lược chuyển đổi số toàn diện, thúc đẩy thanh toán điện tử, xây dựng hạ tầng số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong giáo dục, y tế và quản trị công. Song song với đó, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ, với hơn 3.000 doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động tích cực trong các lĩnh vực fintech, AI, edtech, nông nghiệp công nghệ cao, trong đó có nhiều startup đang tiệm cận ngưỡng kỳ lân công nghệ. Hạ tầng số như 5G, trung tâm dữ liệu quốc gia, dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 đang từng bước hoàn thiện, thúc đẩy năng suất, minh bạch hóa quản trị và gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

Sáu là, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống. Cùng với những thành tựu về tăng trưởng và hội nhập, Việt Nam cũng đạt được kết quả tích cực trong phát triển con người và nâng cao chất lượng sống. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm từ trên 14% năm 2010 xuống dưới 4% vào năm 2023. Chỉ số Phát triển Con người (HDI) đạt 0,726, thuộc nhóm trung bình cao, phản ánh những nỗ lực đáng ghi nhận trong mở rộng tiếp cận y tế, giáo dục, bảo hiểm và các dịch vụ cơ bản¹⁷. An sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên, với tinh thần “*không để ai bị bỏ lại phía sau*”. Các chính sách với người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững được đặc biệt quan tâm; tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 giảm xuống còn 2,93% so với hơn 58% năm 1993, được thế giới ghi nhận, đánh giá cao và coi là hình mẫu thành công về xóa đói, giảm nghèo của các nước đang phát triển trong suốt 30 năm qua. Việt Nam đã hoàn thành trước hạn nhiều chỉ tiêu

¹⁴ Phạm Minh Sơn, Trần Mai Hương: *Sđđ*, (11/2024).

¹⁵ World Trade Organization (WTO): *World Trade Statistical Review 2024*. <https://www.wto.org>

¹⁶ <https://en.vietnamplus.vn/vietnams-digital-economy-estimated-at-36-billion-usd-in-2024-post303816.vnp?utm>

¹⁷ UNDP: *Human Development Report 2023/2024. Breaking the gridlock: Reimagining cooperation in a polarized world*. United Nations Development Programme. Truy cập tại: <https://hdr.undp.org/content/human-development-report-2023-24>, 13/3/2024.

trong Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) và được Liên hợp quốc công nhận là một trong những nước đi đầu trong nỗ lực thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDG)¹⁸. Các chính sách phát triển bền vững được thúc đẩy mạnh hơn trong giai đoạn gần đây, đặc biệt là chiến lược tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng tái tạo và cải thiện chất lượng môi trường đô thị.

Những thành tựu mang tầm vóc thời đại của “Kỷ nguyên độc lập, tự do” và những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của “Kỷ nguyên đổi mới và phát triển” đã tạo ra tiền đề vững chắc cho đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới - “*Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*”. *Kỷ nguyên vươn mình* hàm ý tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại.

Bên cạnh các thành tựu nêu trên, tiến trình phát triển của Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế lớn mang tính cấu trúc, nếu không kịp thời điều chỉnh sẽ trở thành lực cản của quá trình hiện đại hóa:

- Năng suất lao động thấp và chất lượng tăng trưởng chưa bền vững: Theo ILO (2022), năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng khoảng 40% của Thái Lan và chưa đến 10% của Singapore, trong khi nền kinh tế vẫn phụ thuộc nhiều vào lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên.

- Mức độ nội địa hóa và năng lực đổi mới sáng tạo còn hạn chế: Mặc dù xuất khẩu tăng mạnh, nhưng phần lớn giá trị gia tăng thuộc về các doanh nghiệp FDI; khu vực doanh nghiệp trong nước vẫn còn yếu trong đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Thể chế chưa đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu của kinh tế thị trường hiện đại: Một số lĩnh vực vẫn vận hành theo tư duy hành chính bao cấp; khung pháp lý về chuyển đổi số, dữ liệu, công nghệ cao và năng lượng tái tạo còn thiếu tính chủ động và tiên phong.

3. Khuyến nghị chính sách

3.1. Giữ vững vai trò lãnh đạo tiên phong của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong bối cảnh thế giới bước vào giai đoạn cạnh tranh địa chính trị gay gắt, chuyển đổi công nghệ sâu rộng và các chuẩn phát triển ngày càng phức tạp, vai trò lãnh đạo của Đảng cần tiếp tục được khẳng định không chỉ ở tầm tư tưởng, mà ở năng lực hành động chiến lược: tổ chức lại cấu trúc phát triển, huy động toàn xã hội vào các mục tiêu lớn của quốc gia, và giữ vững nguyên tắc: Độc lập - Tự chủ - Phát triển toàn diện vì con người.

Do vậy, để thực hiện các khuyến nghị nêu trên một cách hiệu quả và có định hướng lâu dài, trước hết cần tiếp tục nâng cao chất lượng hoạch định chính sách của Đảng; phát huy hơn nữa vai trò của hệ thống chính trị trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả; đảm bảo sự thống nhất giữa tư tưởng chỉ đạo và hành động triển khai. Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng thể chế, phát triển doanh nghiệp trong nước, bảo vệ chủ quyền phát triển số và chuyển hóa kinh tế xanh - tất cả những điều đó chỉ có thể thành công khi được lãnh đạo một cách nhất quán, kiên định và quyết đoán từ trung ương đến cơ sở dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng.

3.2. Kiến tạo mô hình phát triển dựa trên nội lực và năng lực công nghệ quốc gia

Việt Nam cần thoát khỏi mô hình tăng trưởng lệ thuộc vào vốn rẻ, lao động giá rẻ và gia công xuất khẩu. Thay vào đó, chiến lược phát triển phải lấy năng suất tổng hợp, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ làm động lực chính. Cần đầu tư có

¹⁸ Phạm Minh Sơn, Trần Mai Hương: “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” - Nhận thức và triển khai hành động”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 561 (11/2024).

chọn lọc vào các lĩnh vực có khả năng làm chủ chuỗi giá trị - như công nghiệp bán dẫn, AI, công nghệ sinh học, chuyển đổi số và năng lượng sạch - với sự đồng hành của Nhà nước trong vai trò kiến tạo và dẫn dắt. Bài học từ Cách mạng tháng Tám cho thấy: không có một con đường phát triển thực sự nào được mở ra từ sự lệ thuộc. Tự chủ là khởi đầu của phát triển có bản lĩnh.

3.3. Củng cố năng lực thể chế và hành động chính sách có chiến lược, đồng bộ và hiện đại

Sự thiếu đồng bộ và kém năng lực thực thi trong hệ thống chính sách là một rào cản đáng kể đối với tiến trình hiện đại hóa. Việt Nam cần xây dựng thể chế thị trường hiện đại, minh bạch, có khả năng dự báo và điều phối hiệu quả các nguồn lực phát triển. Đặc biệt, cần nhanh chóng hoàn thiện các khung pháp lý về dữ liệu số, kinh tế nền tảng, công nghệ xanh, chuyển đổi số quốc gia và đầu tư vào R&D. Kinh nghiệm từ 1945 chứng minh: chính quyền cách mạng thành công không phải vì quy mô hay nguồn lực vật chất, mà vì năng lực tổ chức và lòng tin xã hội - hai yếu tố sống còn cho bất kỳ thể chế nào muốn kiến tạo phát triển.

3.4. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân và doanh nghiệp bản địa thành trụ cột phát triển quốc gia

Cần thiết kế một chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp Việt Nam, với ba trọng tâm: (1) Tạo sân chơi bình đẳng giữa doanh nghiệp nội - ngoại, (2) Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với chuỗi cung ứng toàn cầu, và (3) Phát triển các doanh nghiệp công nghệ chủ lực của quốc gia. Đây không đơn thuần là vấn đề kinh tế, mà là vấn đề chủ quyền phát triển. Cách mạng tháng Tám đã khẳng định một chân lý: muốn có độc lập dân tộc thực sự, phải có lực lượng nội sinh làm chủ vận mệnh - ngày nay chính là cộng đồng doanh nghiệp có bản lĩnh, có năng lực công nghệ và có khát vọng vươn lên.

3.5. Bảo vệ bản sắc và phát triển bền vững trong hội nhập

Trong khi toàn cầu hóa mở ra cơ hội, nó cũng đi kèm nguy cơ đánh mất bản sắc, gia tăng bất bình đẳng và tạo áp lực sinh thái. Việt Nam cần xác lập chiến lược phát triển hội nhập có bản sắc, gắn tăng trưởng kinh tế với gìn giữ văn hóa dân tộc, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Điều này bao gồm cả việc thiết kế chính sách tăng trưởng xanh, trung hòa carbon, kinh tế tuần hoàn; đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, y tế cơ sở và hệ thống an sinh đa tầng. Một xã hội phát triển hiện đại phải là một xã hội không bỏ ai lại phía sau - đúng như khát vọng “dân chủ, công bằng, văn minh” mà Cách mạng tháng Tám đã khai mở từ năm 1945.

3.6. Tái khẳng định vai trò kiến tạo chiến lược của Nhà nước - từ phản ứng sang dẫn dắt

Nhà nước cần được xác lập lại vai trò không phải là người can thiệp vi mô, mà là thiết kế thể chế - dẫn dắt chuyển đổi - và bảo đảm công bằng phát triển. Đó là Nhà nước có tầm nhìn dài hạn, biết tổ chức xã hội để thực hiện các mục tiêu quốc gia. Trong giai đoạn mới, cần tăng cường năng lực chiến lược của Nhà nước trong quy hoạch phát triển vùng, dẫn dắt đầu tư công - tư, phân bổ nguồn lực cho khoa học công nghệ và quản trị rủi ro vĩ mô. Đây chính là tinh thần kế thừa của một nhà nước cách mạng được khai sinh từ năm 1945: không chờ thế giới định hình, mà chủ động tham gia kiến tạo trật tự phát triển mới với bản lĩnh riêng.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám đã cho thấy sức mạnh của một quốc gia không nằm trong vũ khí hay ngân khố, mà trong mối liên kết máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Một Đảng biết lắng nghe dân, dựa vào dân, hành động vì dân thì có thể làm nên điều tưởng không

thể. Bài học đó vẫn còn nguyên vẹn giá trị trong bối cảnh hôm nay - khi mô hình tăng trưởng bền vững đòi hỏi phải dựa vào sức dân: từ tinh thần khởi nghiệp của giới trẻ, sáng tạo của doanh nghiệp Việt, đến bản lĩnh của những người nông dân chuyển đổi số và lực lượng lao động sẵn sàng tái học để không bị bỏ lại trong thời đại trí tuệ nhân tạo. “Lấy dân làm gốc” không phải khẩu hiệu, mà là căn cốt của một mô hình phát triển hiện đại, có chiều sâu và có chủ quyền.

Vì thế, nếu có điều gì vẫn cần nhắc lại sau gần 80 năm, thì đó chính là thông điệp từ Cách mạng tháng Tám: *Muốn phát triển thật sự, quốc gia phải có một Đảng đủ bản lĩnh để dẫn đường, một Nhà nước đủ trí tuệ để kiến tạo, một xã hội đủ đồng thuận để tiến bước, và một dân tộc đủ kiêu hãnh để giữ bản sắc riêng giữa muôn vàn lựa chọn phát triển.*

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ YÊU CẦU MỚI TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS. Nguyễn Văn Duyệt*

MỞ ĐẦU

Với gần 40 năm đổi mới, Đảng ta không ngừng đổi mới tư duy lý luận và thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó, tiềm lực chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học - công nghệ, an ninh, quốc phòng của đất nước không ngừng nâng cao. Qua nghiên cứu quá trình lịch sử Việt Nam, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 và lãnh đạo cách mạng đến nay, đã và đang trải qua 03 kỷ nguyên phát triển nối tiếp nhau là phát triển tất yếu trong lịch sử Việt Nam, cụ thể là:

Thứ nhất, kỷ nguyên giành độc lập, thống nhất đất nước (1930 – 1975). Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo nhân dân làm nên thắng lợi Cách mạng tháng Tám vĩ đại năm 1945, với sự ra đời kỷ nguyên mới giành độc lập, thống nhất đất nước.

Thứ hai, kỷ nguyên về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1975 - 2025). Từ năm 1975, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, vừa khắc phục hậu quả của chiến tranh, vừa làm nghĩa vụ quốc tế và tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu biên giới (1977 - 1989). Đại hội VI của Đảng (1986) khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với mục tiêu là đổi mới, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa về cơ bản đã hoàn thành, làm tiền đề cho đất nước bước vào kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.

Thứ ba, kỷ nguyên khát vọng phát triển phồn vinh, hạnh phúc (từ 2025 trở đi). Đây là kỷ nguyên vườn mình của dân tộc với mục tiêu là phát triển cao, phồn vinh, hạnh phúc. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân là phấn đấu phát triển đến năm 2030 đạt nước thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 đạt nước phát triển, thu nhập cao và tiếp tục phát triển lên những mốc cao hơn phát triển phồn vinh và hạnh phúc.

Do vậy, muốn bước vào kỷ nguyên vườn mình của dân tộc, phải “đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành, lề lối làm việc”¹. Mà cụ thể hơn là “năng lực tư duy của con người, khả năng đủ để thực hiện tốt công việc: có năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức”². Đó là người “đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức, động viên thực hiện. Đảng lãnh đạo cách mạng”³. Cho nên, “cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”⁴ hiện nay.

Một trong những trọng tâm của kỷ nguyên vườn mình là phải nâng cao đội ngũ cán bộ để góp phần ổn định, phát triển kinh tế, chính trị, xã hội. Để đảm bảo chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, chỉ số cải cách hành chính. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) theo hướng đổi mới sáng tạo, bảo đảm đánh giá toàn diện, khách quan, công bằng, kịp thời,

* Trường Đại học Quảng Bình.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.210.

² Nguyễn Như Ý: *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1998, tr.1172.

³ Hoàng Phê (chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà Nội, 1992, tr.540.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.309.

phản ánh đầy đủ đa chiều kết quả cải cách hành chính trong quá trình thực thi công vụ là đòi hỏi cấp thiết về yêu cầu mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Bài viết tập trung giải quyết vấn đề quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về kỷ nguyên mới. Vấn đề thực tiễn sức sản xuất và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

NỘI DUNG

1. Vấn đề lý luận về yêu cầu mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

1.1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về kỷ nguyên vươn mình

Trước hết đó là với tinh thần yêu nước của mỗi người dân Việt Nam chính là nền tảng, để Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập hợp lực lượng, đoàn kết, đứng lên giành độc lập, tự do với khát vọng “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁵; với ý chí “dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, chúng ta cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”⁶.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao tự lực, tự cường, coi đây là phương châm hành động của cách mạng với tinh thần “có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do”⁷ và kỷ nguyên mới “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁸. Từ khát vọng tự do chuyển hóa thành sức mạnh quật khởi đánh tan thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, cho đến khát vọng chiến thắng nghèo nàn, đến khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh có khát vọng đó là làm sao cho “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁹. Với mong muốn là “toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹⁰.

Đại hội VI của Đảng với khát vọng “toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”¹¹. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh”¹². Đại hội XIII của Đảng đã “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam”¹³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khắc họa kỷ nguyên mới trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* với tinh thần: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”¹⁴. Để giữ vững độc lập, tự do trong kỷ nguyên mới, Việt Nam

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.534.

⁶ Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.196.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.5, tr.553.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.596.

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.187.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.15, tr.614.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.371.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.1, tr.110.

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.3.

đã phải tiến hành các cuộc kháng chiến trường kỳ, và giành thắng lợi vẻ vang trước các thế lực thực dân, đế quốc và phản động quốc tế. Đến mùa Xuân năm 1975, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của kỷ nguyên độc lập, tự do đã được hoàn thành trọn vẹn. Thắng lợi của Việt Nam không chỉ có ý nghĩa vĩ đại với quốc gia dân tộc, mà còn mang tầm vóc thời đại cao cả, thời đại của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

1.2. Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình

Tại Lớp bồi dưỡng cán bộ quy hoạch Ủy viên Trung ương Đảng tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 10 năm 2024. GS.TS. Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đã nhấn mạnh một số nội dung về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc như sau:

Kỷ nguyên là giai đoạn lịch sử được đánh dấu bởi những đặc điểm quan trọng có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội, văn hóa, chính trị, kinh tế¹⁵.

Kỷ nguyên vươn mình là “sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình”¹⁶ để đạt được những mục tiêu đề ra.

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình là “kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu”¹⁷. Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Với mục đích vươn đến là “dầu giàu, nước mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu”¹⁸.

Những định hướng chiến lược về đội ngũ cán bộ phải đáp ứng yêu cầu bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là phải xác định công tác cán bộ là vấn đề “rất trọng yếu”, cấp thiết của đất nước. Vì vậy, cán bộ trong kỷ nguyên mới phải có phẩm chất sau:

Thứ nhất, bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung và luôn đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết.

Thứ hai, sẵn sàng dấn thân, hy sinh lợi ích cá nhân; dám đi đầu, loại bỏ cái cũ, cái lạc hậu; khơi thông điểm nghẽn, ách tắc trong thực tiễn.

Thứ ba, có năng lực cụ thể, đưa chủ trương chiến lược của Đảng vào thực tiễn, luôn quan tâm đến chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển hạ tầng, chú trọng cải cách thủ tục hành chính.

Đến nay, sau gần 40 năm đổi mới, quy mô nền kinh tế năm 2023 đạt gần 435 tỷ USD, tăng gấp 96 lần so với năm 1986; bình quân đầu người đạt gần 4600 USD. Việt Nam là một trong 40 nền kinh tế có quy mô GDP hàng đầu thế giới; một trong 20 thị trường thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất toàn cầu; có quan hệ ngoại giao với 193 nước là thành viên Liên hợp quốc; xây dựng 30 quan hệ đối tác toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc trên thế giới và khu vực¹⁹.

¹⁵ “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (01/11/2024), truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie

¹⁶ Xem: *Tlđđ*, 01/11/2024.

¹⁷ Xem: *Tlđđ*, 01/11/2024.

¹⁸ Xem: *Tlđđ*, 01/11/2024.

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t1, tr.104.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, dựa theo chuẩn hiện hành, thế giới ngày nay có 38 quốc gia thành viên Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) được xem là các nước phát triển, bao gồm các nước G7, các nước công nghiệp hóa mới và một số quốc gia khác có nền sản xuất công nghiệp hiện đại²⁰. Để trở thành quốc gia phát triển, trước hết phải là một nước công nghiệp hóa, có nền sản xuất công nghiệp tiên tiến, xã hội hiện đại, văn minh và thu nhập bình quân tính theo đầu người ở mức cao, trên 12.050 USD/năm.

Vì vậy, về mặt lý luận đến năm 2045 Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao là có đầy đủ căn cứ như trên. Đó là sức mạnh tổng hợp quốc gia được tạo ra từ các thời kỳ trước, nhất là trong quá trình đổi mới. Là cơ hội mới do bước ngoặt vận động của thế giới đem lại cho các nước đi sau có thể về đích sớm. Đó là động lực tinh thần to lớn của hơn 100 triệu người Việt Nam quyết tâm thực hiện khát vọng Hồ Chí Minh xây dựng đất nước ngày càng “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, “sánh vai với các cường quốc năm châu”.

2. Vấn đề thực tiễn về yêu cầu mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

2.1. Thực tiễn sức sản xuất trong kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam

Hiện nay nền kinh tế nước ta đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội, thực tiễn đã chứng minh từ 1986 đến nay tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân khoảng 6,5%/năm. Về quy mô GDP năm 1986: 818 tỷ đồng, đến năm 2023: 10.221,8 nghìn tỷ đồng (430 tỷ USD) gấp 12.496 lần năm 1986. Năm 2024 đạt 465 tỷ USD và năm 2025 ước đạt 5000 tỷ USD, nằm trong top 35 nền kinh tế lớn nhất thế giới²¹. Cơ cấu kinh tế chuyển hướng tích cực, năm 2023, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,12%, khu vực dịch vụ chiếm 42,54%, khu vực nông lâm nghiệp thủy sản chiếm 11,96% (so với năm 1986 tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm 17,9%, công nghiệp, xây dựng tăng 9,9%, dịch vụ tăng 12,6%).

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện tạo lập môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển. Việt Nam đã đẩy mạnh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện, các đối tác toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện²² và tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới²³. Thể hiện quyết tâm hội nhập sâu rộng và tạo ra những cơ hội lớn cho Việt Nam tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường xuất khẩu, thu hút FDI, thúc đẩy tăng trưởng GDP và hoàn thiện thể chế, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 5,7-5,9%/năm, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực và thế giới; quy mô nền kinh tế tăng 1,45 lần, ước đạt 500 tỉ USD vào năm 2025. Đồng thời, sự sụt giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP (từ 38,6% (1986) xuống còn 11,96% (2023) kéo theo sự dịch chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ có năng suất lao động cao hơn. Năm 2023, khu vực dịch vụ chiếm 42,54% (so với 33,06% năm 1986), khu vực công

²⁰ <https://www.oecd.org/en/about/members-partners.html>

²¹ Về năm 2025, Chính phủ đặt ra các chỉ tiêu: tăng trưởng GDP khoảng 6,5 - 7% và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn (7-7,5%) để đến hết năm 2025 xếp hạng 31 - 33 thế giới về quy mô GDP. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.900 USD.

²² Tính đến tháng 11/2024, Việt Nam có quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với 8 quốc gia. Đó là: Trung Quốc (2008), Liên bang Nga (năm 2012), Ấn Độ (2016), Hàn Quốc (2022), Mỹ (9/2023), Nhật Bản (11/2023), Australia (3/2024) và Pháp (10/2024); 19 Đối tác Chiến lược (bao gồm cả 8 Đối tác Chiến lược Toàn diện, mới nhất là Brazil ngày 17/11/2024) và 13 Đối tác Toàn diện.

²³ Tính đến tháng 10/2024, Việt Nam đã ký kết, thực thi 17 FTA và đang đàm phán 2 FTA khác.

ngành xây dựng chiếm 37,12%% (so với 28,8% năm 1986); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,53%²⁴.

Thứ hai, các loại hình doanh nghiệp phát triển đa dạng, từ chỗ phụ thuộc chủ yếu khu vực kinh tế nhà nước, đã phát triển nên kinh tế nhiều thành phần với tỷ trọng đóng góp ngày càng cao của kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng 40 - 43% GDP, thu hút khoảng 85% lực lượng lao động, góp phần quan trọng trong huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước²⁵.

Thứ ba, lực lượng lao động sản xuất đã có xu hướng gia tăng. Lực lượng lao động tăng từ 27,874 triệu người (năm 1986) lên 52,4 triệu người (năm 2023), tham gia vào tất cả các thành phần kinh tế, lĩnh vực sản xuất. Về cơ cấu ngành nghề, năm 2023, lao động có việc làm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 13,81873 triệu người, giảm 90,87 nghìn người; lao động khu vực công nghiệp và xây dựng là 17,1751 triệu người, tăng 200,7 nghìn người, tương ứng tăng 1,18%; lao động khu vực dịch vụ với 20,3939 triệu người, tăng 601,4 nghìn người, tương ứng tăng 3,05% và duy trì mức tăng cao nhất so với 2 khu vực còn lại. Tỷ trọng đóng góp của ngành chuyên môn, khoa học và công nghệ vào GDP năm 2023 ước đạt 2,15%, tốc độ tăng của ngành chuyên môn khoa học và công nghệ đạt 6,45%. Kinh tế số ngày càng có vai trò quan trọng đối với kinh tế - xã hội thể hiện ở tỷ trọng đóng góp ngày càng cao trong GDP (năm 2023: ngành kinh tế số lõi đạt 7,42%, chiếm 60,19% tổng tỷ trọng của toàn bộ nền kinh tế số²⁶).

2.2. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến đổi nhanh chóng và sâu sắc. Với khát vọng phát triển đất nước để tận dụng lợi thế, vượt qua thách thức với một số định hướng chiến lược:

Thứ nhất, bảo vệ nền kinh tế độc lập tự chủ, phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, tăng năng suất lao động

Bảo vệ nền kinh tế độc lập tự chủ, không bị lệ thuộc vào nước ngoài, lệ thuộc vào đầu tư trực tiếp và quan hệ thương mại với bất kỳ một nước nào, tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế trước những biến động quốc tế. Phát triển kinh tế số là một giải pháp đột phá để tăng năng suất lao động khi lực lượng sản xuất xã hội đã xuất hiện yếu tố mới (dữ liệu lớn – tri thức xã hội phổ biến) và các tư liệu sản xuất mới như AI, dữ liệu đám mây, internet vạn vật.

Xây dựng nền kinh tế xanh và bền vững. Đầu tư mạnh vào năng lượng mặt trời, gió, và thủy điện để giảm phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch. Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả và giảm tác động đến môi trường. Thắt chặt các quy định về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Phát triển kinh tế số: Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ AI, blockchain và dữ liệu lớn (Big Data) để nâng cao năng suất và đổi mới mô hình kinh doanh. Nền kinh tế năm 2023 “tăng gấp 96 lần so với năm 1986” và là “40 nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới

²⁴ “Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới” (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (2024), truy cập tại:

https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/chuyen-doi-so-dong-luc-quan-trong-phat-trien-luc-luong-san-xuat-hoan-thien-quan-he-san-xuat-dua-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi

²⁵ Nguyễn Hạnh (2024), *Kinh tế thị trường: Dấu ấn của sự nỗ lực cải cách sau gần 40 năm*, <https://congthuong.vn/kinh-te-thi-truong-dau-an-cua-su-no-luc-cai-cach-sau-gan-40-nam-336448.html&link=autochanger>

²⁶ Số liệu của Tổng cục thống kê.

và 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại”²⁷. Đây là thời điểm ý Đảng hòa quyện với lòng dân trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ hai, về cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong 95 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng cộng sản Việt Nam không ngừng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền. Đây là yếu tố then chốt bảo đảm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh. Tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của Đảng, thực sự là hạt nhân, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước. Đảng ta xác định, “Đại hội XIV là đại hội đánh dấu thời điểm đất nước bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”²⁸.

Thứ ba, về đổi mới tư duy của con người trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Cụ thể là đổi mới tư duy pháp lý, tư duy lý luận khoa học. Từ đó, thay đổi hiện thực thông qua hoạt động thực tiễn cuộc sống hiện tại và tương lai. Về vai trò của tư duy, lý luận khoa học, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác khẳng định: “lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó xâm nhập vào quần chúng”²⁹ và “ý thức con người không phải chỉ phản ánh thế giới khách quan, mà còn tạo ra thế giới khách quan”³⁰. Vì vậy, trong 3 điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là thể chế, hạ tầng và nhân lực, thì thể chế là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn”, đặt ra yêu cầu cấp thiết phát huy tính đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, về chống lãng phí cần nắm vững thực tiễn “lãng phí tuy không lấy của công đút túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô”³¹. Đẩy mạnh phòng, chống lãng phí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Từ ban hành quy định của Đảng để nhận diện, quy định của pháp luật và thực thi. Xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện” trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ năm, về kinh tế cần đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, phát triển khoa học và công nghệ đồng bộ, thông suốt, tất cả vì sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Phát triển nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, phát triển lực lượng sản xuất mới gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất hiện đại.

Thứ sáu, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Việt Nam cần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nghề, đặc biệt chú trọng vào đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số. Cần thiết lập các mạng lưới toàn cầu kết nối với công nghệ thế giới bằng cách nhập khẩu công nghệ cao, mời các chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, tiến hành các hoạt động liên doanh đào tạo và nghiên cứu, phát triển nhân lực số. Chính phủ cần có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

²⁷ “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (01/11/2024), truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie

²⁸ Phát biểu Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại phiên khai mạc Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.046 (9-2024), tr.9.

²⁹ C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.580.

³⁰ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.29, tr.228.

³¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.357.

KẾT LUẬN

Thực tiễn chứng minh giải phóng sức sản xuất là chìa khóa để Việt Nam đạt được các mục tiêu chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên vươn mình. Qua 40 năm đổi mới đã đạt được những bước tiến vượt bậc trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để giải phóng sức sản xuất. Trước hết phải phát triển nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số quốc gia. Đặc biệt, có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Có cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số. Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo³².

Chúng ta đang đứng trước cánh cửa kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đòi hỏi những nỗ lực lớn lao, sự bứt phá mạnh mẽ, sự chung sức đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Cần phát triển nguồn nhân lực cho “công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài”³³. Bên cạnh đó, xây dựng con người mới có tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Tóm lại, phải xây dựng đội ngũ cán bộ trong chính quyền địa phương đáp ứng yêu cầu bước vào kỷ nguyên vươn mình phải “thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³⁴. Vì vậy, một trong những vấn đề mang tính căn bản trong kỷ nguyên vươn mình là phải xác định khung tiêu chí chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, từ đó ra sức tu dưỡng, phấn đấu, rèn luyện, tạo chuyển biến tốt về đạo đức, lối sống, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xứng đáng là đạo đức, là văn minh, là người lãnh đạo trung thành và tận tụy của nhân dân.

³² Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội.

³³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.2, tr.338.

³⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.611 - 612.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG: MỘT NHIỆM VỤ THEN CHỐT TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền**

*NCS. Dương Xuân Ngọc Hà***

MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đang đối mặt với nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng không ít thách thức. Một trong những thách thức lớn là sự gia tăng hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, thông qua việc phát tán quan điểm sai trái, xuyên tạc và kích động tư tưởng phản động, đặc biệt trong không gian mạng. Đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan chức năng, mà còn là nhiệm vụ quan trọng của toàn xã hội, nhất là khi đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế toàn diện. Nhìn lại Cách mạng tháng Tám 1945, chúng ta thấy rõ sự kiện này mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền và phát triển đất nước. Trong kỷ nguyên này, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và độc lập dân tộc là nhiệm vụ then chốt. Vì vậy, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, bảo vệ độc lập dân tộc và phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Bài viết này phân tích các quan điểm sai trái, thực trạng chống phá hiện nay và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phản bác trong bối cảnh mới.

NỘI DUNG

1. Nhận diện, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch

Trong bối cảnh hiện nay, khi cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận ngày càng trở nên quyết liệt, sự xuất hiện và lan truyền của những quan điểm sai trái, thù địch đã và đang đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với sự ổn định chính trị, xã hội và định hướng phát triển của đất nước. Các quan điểm sai lệch, phản động này biểu hiện thông qua việc xuyên tạc, bóp méo, phủ nhận những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, chúng cũng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Nhà nước, công kích hệ thống chính trị và thể chế pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đây là những hành vi có chủ đích, không phải sự hiểu lầm đơn thuần, mà là sản phẩm của chiến lược, mưu đồ nhằm làm suy yếu, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, thay đổi bản chất chế độ chính trị hiện tại.

Các tư tưởng sai trái, thù địch thường không bộc lộ một cách thô thiển, công khai, mà được truyền bá hết sức tinh vi, khéo léo thông qua nhiều hình thức và phương tiện hiện đại, đặc biệt là các nền tảng truyền thông số như mạng xã hội, blog cá nhân, video clip, hình ảnh chế tác, tài liệu giả mạo, hoặc thông qua các hội thảo, tọa đàm đội lốt khoa học, học thuật. Chính sự đa dạng về hình thức truyền tải và sự linh hoạt trong việc lồng ghép thông tin xuyên tạc vào các vấn đề đời sống xã hội đã khiến cho nhiều người, đặc biệt là giới trẻ và những người ít có khả năng tiếp cận thông tin chính thống, dễ bị tác động, lôi kéo và dẫn dắt về nhận thức.

Một đặc điểm nổi bật của các quan điểm thù địch là tính chất có hệ thống, có chiến lược và mục tiêu rõ ràng. Những thông tin sai lệch không được tung ra một cách ngẫu nhiên mà thường nhắm vào các vấn đề nhạy cảm trong xã hội như: dân chủ, nhân quyền,

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

** NCS Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

tự do tôn giáo, chống tham nhũng, cải cách thể chế, chủ quyền lãnh thổ,... Các thế lực thù địch thường lợi dụng những sai phạm, khuyết điểm cá biệt trong quản lý, điều hành của chính quyền hoặc cá nhân cán bộ, đảng viên để quy chụp, bôi nhọ toàn bộ hệ thống chính trị, qua đó làm dấy lên tâm lý nghi ngờ, hoang mang, bất mãn trong nhân dân, từng bước xói mòn niềm tin vào Đảng và Nhà nước.

Về bản chất, các quan điểm sai trái, thù địch có thể được hiểu là những phát ngôn, hành động, sản phẩm truyền thông của các cá nhân, tổ chức có tư tưởng phản động, cố tình phản ánh sai lệch hoặc bóp méo tình hình thực tế chính trị, kinh tế, xã hội của quốc gia. Không chỉ dừng lại ở việc “nói sai sự thật”, các quan điểm này còn phóng đại, thổi phồng các hiện tượng tiêu cực, khoét sâu vào những mâu thuẫn xã hội, kích lệ sự bất mãn, cổ vũ cho các hành vi chống đối. Mục tiêu cuối cùng của chúng không gì khác hơn là làm suy yếu tính chính danh, uy tín và hiệu lực quản lý của nhà nước, từng bước tạo ra sự rối loạn xã hội, mất ổn định chính trị, hướng đến việc lật đổ, thay thế chế độ hiện hành bằng một trật tự chính trị mới phục vụ cho lợi ích của các thế lực đứng sau.

Để đạt được mục tiêu đó, các thế lực phản động triển khai các chiến lược truyền thông tinh vi, khéo léo gắn các luận điệu sai trái vào những nội dung tưởng chừng như khách quan, khoa học. Chúng sử dụng các khẩu hiệu quen thuộc như “tự do báo chí”, “dân chủ đa nguyên”, “đa đảng đối lập” như những công cụ nguy trang cho các luận điệu chống phá, đồng thời tiến hành phân tích, bình luận các vấn đề xã hội dưới góc nhìn thiên lệch nhằm gieo rắc nghi ngờ, gây chia rẽ giữa chính quyền với nhân dân, làm gia tăng xung đột nội bộ trong hệ thống chính trị và trong lòng dân tộc. Không dừng lại ở đó, chúng còn cố tình thổi phồng các tranh chấp quốc tế, lợi dụng vấn đề chủ quyền lãnh thổ, quốc phòng, an ninh để gây mâu thuẫn giữa Việt Nam với các quốc gia khác, từ đó cô lập Việt Nam trên trường quốc tế và làm suy yếu thế và lực của đất nước.

Xét trên phương diện lịch sử, các quan điểm sai trái, thù địch đã xuất hiện từ rất sớm, song hành cùng quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Tuy nhiên, từ sau thắng lợi “chấn động địa cầu” của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - sự kiện đánh dấu bước ngoặt lịch sử khi nhân dân Việt Nam giành được chính quyền từ tay thực dân, phong kiến, xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á - thì mức độ, tần suất và quy mô chống phá của các thế lực thù địch ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Những hoạt động này ngày càng trở nên quyết liệt, bài bản khi Việt Nam lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau Hiệp định Genève (1954), đất nước ta bị chia cắt làm hai miền, các thế lực phản động trong và ngoài nước đã lợi dụng hoàn cảnh lịch sử ấy để đẩy mạnh các hoạt động chống phá miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu thuẫn cho chính quyền tay sai ở miền Nam nhằm ngăn chặn sự lan tỏa của chủ nghĩa xã hội trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Trong suốt hai thập kỷ tiếp theo, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước, biến miền Nam thành một tiền đồn chống cộng sản của chủ nghĩa đế quốc đã được thực hiện thông qua nhiều phương tiện: chiến tranh quân sự, chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, và đặc biệt là chiến tranh tư tưởng, văn hóa. Tuy nhiên, với thắng lợi vĩ đại của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vào mùa xuân năm 1975, non sông thu về một mối, Việt Nam bước vào thời kỳ thống nhất đất nước, mở ra một chương mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, sự thống nhất lãnh thổ không đồng nghĩa với sự kết thúc của các hoạt động chống phá. Từ sau năm 1975, các thế lực phản động càng gia tăng âm mưu “diễn biến hòa bình”, tập trung phá hoại từ bên trong, lợi dụng những khó khăn của đất nước trong thời kỳ bao cấp, bị cấm vận và đặc biệt là trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế - xã

hội cuối những năm 1980 để tuyên truyền các luận điệu đòi “đa nguyên chính trị”, “đa đảng đối lập”, cổ xúy mô hình xã hội tư sản phương Tây, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc các thành tựu cách mạng.

Những luận điệu ấy càng bùng phát mạnh mẽ khi Việt Nam thực hiện công cuộc Đổi mới từ năm 1986 - một bước ngoặt mang tính lịch sử, nhằm thoát khỏi tình trạng trì trệ, lạc hậu kéo dài, khôi phục niềm tin của nhân dân và đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng. Công cuộc Đổi mới không chỉ là cải cách kinh tế, mà còn là tiến trình đổi mới tư duy lý luận, tổ chức, quản lý, từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, chính trong quá trình đổi mới đó, các thế lực thù địch đã nhanh chóng điều chỉnh phương thức chống phá, triệt để lợi dụng các khoảng trống về thể chế, sự phát sinh các vấn đề xã hội, những biểu hiện tiêu cực, tệ nạn, tham nhũng để đánh vào niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Thực tế cho thấy, ngay từ cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, trong bối cảnh khủng hoảng, sụp đổ và tan rã của Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, các thế lực thù địch đã tung ra nhiều chiến dịch truyền thông lớn nhằm gieo rắc tâm lý hoài nghi về tính tất yếu của con đường xã hội chủ nghĩa. Các diễn đàn quốc tế và tài liệu tuyên truyền ra sức khuếch đại thất bại của mô hình xã hội chủ nghĩa cũ để nhằm dẫn dắt đến việc cho rằng “Việt Nam nên từ bỏ con đường này càng sớm càng tốt nếu không muốn đi vào vết xe đổ của các quốc gia khác.” Từ đó, các luận điệu sai trái, thù địch xuất hiện ngày càng dày đặc trên các phương tiện truyền thông nước ngoài, các trang mạng phản động như RFA, BBC tiếng Việt, VOA, Dân Làm Báo, Việt Tân,... với nội dung xuyên tạc đường lối đổi mới, kích động “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đòi “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, cổ xúy hình thành “xã hội dân sự” đối lập với Đảng và chính quyền. Vì thế, giai đoạn Đổi mới 1986 không chỉ là một bước ngoặt phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là thời kỳ khốc liệt trên mặt trận tư tưởng và bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng. Việc kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời chủ động đấu tranh với các luận điệu sai trái, thù địch là điều kiện sống còn để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước trong suốt quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

Chiến lược “diễn biến hòa bình” về thực chất là quá trình tác động từ bên trong, sử dụng công cụ tư tưởng, văn hóa, truyền thông, kinh tế để dần làm suy yếu nền tảng chính trị của các quốc gia xã hội chủ nghĩa. Đây là cuộc “chiến tranh không tiếng súng” nhưng hậu quả vô cùng nguy hiểm. Từ khi mô hình xã hội chủ nghĩa ra đời ở Liên Xô, các thế lực tư bản đã không ngừng sử dụng chiến lược này để phá hoại phong trào cách mạng thế giới. Những luận điệu phản động, sai trái mà chúng gieo rắc tại Việt Nam cũng nằm trong tổng thể chiến lược ấy: từ việc gây nhiễu thông tin, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đến việc cổ súy cho lối sống thực dụng, xa rời lý tưởng cách mạng, gây hoang mang trong xã hội và làm suy giảm niềm tin của quần chúng nhân dân.

Tại Việt Nam, các hoạt động tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch không chỉ xuất hiện rải rác mà đang diễn ra với tính chất dai dẳng, có hệ thống và ngày càng tinh vi, bài bản hơn. Trong những năm gần đây, đặc biệt khi công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, các thế lực thù địch đã lợi dụng triệt để môi trường truyền thông số để lan truyền quan điểm phản động, gây nhiễu loạn thông tin, làm suy yếu nền tảng tư tưởng và hệ thống chính trị. Chúng không chỉ tập trung công kích vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn tìm mọi cách xuyên tạc vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó phủ nhận tính chính danh và chính nghĩa của chế độ ta. Mục tiêu cuối cùng của chúng là làm lệch hướng phát triển xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy quá trình “tư

bản hóa” cả về tư tưởng, thể chế, biến Việt Nam thành một quốc gia phụ thuộc vào hệ thống tư bản toàn cầu, lệ thuộc về kinh tế, chính trị và văn hóa - trở thành “sân sau” của chủ nghĩa đế quốc trong khu vực.

Các chiến dịch chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam thường đi kèm với các sự kiện chính trị quan trọng như Đại hội Đảng, bầu cử Quốc hội, hoặc các sự kiện liên quan đến chủ quyền quốc gia, an ninh nội bộ và các vấn đề xã hội nhạy cảm. Một ví dụ điển hình là trước và trong thời điểm tổ chức Đại hội XIII của Đảng (năm 2021), các thế lực thù địch đã đẩy mạnh các chiến dịch tuyên truyền trên không gian mạng, sử dụng hàng ngàn tài khoản mạng xã hội giả mạo, fanpage trá hình để tung tin xuyên tạc về công tác nhân sự, bịa đặt về mâu thuẫn nội bộ, dựng chuyện về “cuộc chiến phe phái” trong Đảng nhằm gây mất đoàn kết nội bộ và làm giảm uy tín của Đảng đối với quần chúng nhân dân. Trong một báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2021, chỉ riêng trong thời gian diễn ra Đại hội XIII, các cơ quan chức năng đã phát hiện hơn 500 bài viết, video, tài khoản Facebook có nội dung sai lệch, xuyên tạc về Đảng, Nhà nước và các đồng chí lãnh đạo cấp cao.

Các thế lực thù địch còn triệt để khai thác những sự kiện nhạy cảm trong xã hội như các vụ việc khiếu kiện đông người, xung đột giữa người dân và chính quyền trong vấn đề giải phóng mặt bằng, phòng chống tham nhũng hoặc tai nạn, thiên tai để xuyên tạc chính sách, kích động bất mãn. Ví dụ, trong vụ việc tại Đồng Tâm (huyện Mỹ Đức, Hà Nội) năm 2020 - một vụ vi phạm pháp luật liên quan đến đất quốc phòng - các đối tượng phản động trong và ngoài nước đã nhanh chóng đăng tải, chia sẻ hàng loạt bài viết, video trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, YouTube nhằm bóp méo bản chất vụ việc, biến đối tượng vi phạm pháp luật thành “người hùng”, từ đó kích động chống đối chính quyền. Báo cáo của Bộ Công an năm 2020 cho thấy, chỉ trong vòng chưa đầy một tuần sau sự kiện này, đã có hơn 300 bài viết xuyên tạc được lan truyền với tốc độ chóng mặt, thu hút hàng triệu lượt xem và bình luận.

Không dừng lại ở những sự kiện trong nước, các thế lực thù địch còn lợi dụng các vấn đề quốc tế, đặc biệt là những diễn biến phức tạp liên quan đến biển Đông, mối quan hệ Việt - Trung, để tạo ra những luận điệu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy tư tưởng bài ngoại, cực đoan hóa nhận thức chính trị trong một bộ phận nhân dân. Nhiều bài viết trên các trang như Việt Tân, Dân làm báo, Nhật ký yêu nước,... đã lợi dụng sự kiện Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam năm 2014 để tung ra các bài viết công kích chính sách ngoại giao của Đảng, bôi nhọ các quyết sách đối ngoại của Nhà nước, thậm chí kêu gọi biểu tình, bất tuân dân sự dưới danh nghĩa “yêu nước”.

Một điểm đáng lưu ý là sự chuyển hóa về hình thức và nội dung của các hoạt động tuyên truyền phản động. Không chỉ còn là những bài viết công kích trực diện, chúng còn nguy trang dưới các hình thức “nghiên cứu học thuật”, “phân tích độc lập”, “báo cáo nghiên cứu nhân quyền”,... được viết bằng văn phong khoa học nhưng chứa đựng nội dung xuyên tạc. Chúng cố tình tạo ra vẻ ngoài trung lập để tăng tính thuyết phục, từ đó đánh vào đối tượng trí thức, sinh viên, những người có xu hướng phản biện và dễ bị tác động bởi thông tin có vẻ “đa chiều”. Âm mưu cuối cùng của các thế lực thù địch là tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - lực lượng lãnh đạo duy nhất, trực tiếp và toàn diện của sự nghiệp cách mạng - để thay thế bằng một thể chế đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, phục vụ cho lợi ích của các nhóm tư bản nước ngoài. Điều này không chỉ làm chệch hướng phát triển đất nước, mà còn đặt dân tộc ta vào nguy cơ mất độc lập tự chủ, bị phụ thuộc về chính trị, kinh tế, văn hóa. Chính vì vậy, trong toàn bộ

chiến lược chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch, việc phá hoại Đảng được xác định là “khâu đột phá”, là “mũi nhọn chiến lược”, xuyên suốt và nguy hiểm nhất.

2. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở Việt Nam trong tình hình hiện nay

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng, hưởng ứng tích cực của nhân dân trong nước cũng như cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức lớn - từ đại dịch Covid -19 đến thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu, suy thoái kinh tế toàn cầu,... Những thành tựu ấy không chỉ là kết quả của sự nỗ lực toàn dân mà còn là minh chứng sinh động, thuyết phục cho tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần yêu nước, nhân ái, và ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam. Trong gian khó, truyền thống ấy không những không bị mai một mà còn được khơi dậy và nhân lên mạnh mẽ, trở thành nguồn lực nội sinh và động lực quan trọng để xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đưa đất nước tiếp tục phát triển nhanh, bền vững, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam”¹. Một trong những nhiệm vụ then chốt góp phần củng cố vai trò ấy chính là công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch - lĩnh vực ngày càng có tính chất phức tạp, đa diện, đòi hỏi sự vào cuộc mạnh mẽ, đồng bộ của toàn xã hội.

Trong thời gian qua, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đã đạt được nhiều kết quả tích cực, phản ánh sự chuyển biến rõ nét cả về nhận thức lẫn hành động của toàn hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Trước sự gia tăng về quy mô, mức độ và thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp của các thế lực thù địch nhằm tấn công vào hệ tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, công tác đấu tranh tư tưởng đã được triển khai một cách đồng bộ, bài bản, trong đó nổi bật là vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông, các cơ sở nghiên cứu lý luận và đặc biệt là đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Hệ thống báo chí, truyền thông chính thống đã kịp thời đưa tin, phân tích, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, đồng thời cung cấp thông tin chính xác, khách quan, góp phần định hướng dư luận xã hội, củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan nghiên cứu lý luận và các viện, trường đại học cũng đã công bố nhiều công trình khoa học, bài viết có tính phản biện sâu sắc, góp phần phản bác có cơ sở khoa học các quan điểm lệch lạc, đồng thời khẳng định tính đúng đắn và bền vững của con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, những người trực tiếp truyền bá, bảo vệ và phát triển hệ tư tưởng của Đảng trong môi trường học đường, đã và đang đóng vai trò then chốt, là lực lượng nòng cốt trên mặt trận tư tưởng. Với vốn tri thức chuyên sâu, bản lĩnh chính trị vững vàng, cùng phương pháp sư phạm hiện đại và tinh thần trách nhiệm cao, đội

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.104.

ngũ này không chỉ giúp sinh viên - nhất là thế hệ trẻ - hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, mà còn trang bị cho họ khả năng “miễn dịch tư tưởng” trước các luồng quan điểm sai trái, thù địch đang lan truyền nhanh chóng trong xã hội, đặc biệt trong không gian mạng. Nhiều giảng viên không chỉ dừng lại ở việc giảng dạy lý thuyết, mà còn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài phản biện, tổ chức tọa đàm học thuật, dẫn đầu sinh viên nhằm lan tỏa thông tin chính thống, nâng cao tư duy phản biện và tinh thần trách nhiệm của sinh viên trong công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Không chỉ là người “truyền lửa” tri thức chính trị - tư tưởng, các giảng viên Lý luận chính trị còn là cầu nối giữa nhà trường với xã hội, là “người lính tư tưởng” trên mặt trận giáo dục lý luận, góp phần định hình tư tưởng và bản lĩnh chính trị cho thế hệ tương lai của đất nước. Việc chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn sâu, năng lực tư duy độc lập và khả năng thích ứng với môi trường thông tin hiện đại là yêu cầu cấp thiết để tăng cường hiệu quả công tác đấu tranh tư tưởng trong tình hình mới. Có thể khẳng định, vai trò tiên phong của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, cùng với sự vào cuộc đồng bộ của các lực lượng truyền thông, nghiên cứu và quần chúng nhân dân, đã tạo nên thế trận tư tưởng vững chắc, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nâng cao sức đề kháng của toàn dân trước các luận điệu phản động, và tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong thời gian qua vẫn còn tồn tại không ít hạn chế, đòi hỏi chúng ta phải nhận diện rõ ràng và có biện pháp khắc phục kịp thời để nâng cao hiệu quả công tác này trong bối cảnh hiện nay. Một trong những hạn chế nổi bật là tính chủ động chưa cao trong công tác phản bác. Việc phản ứng đối với các luận điệu xuyên tạc và thông tin sai lệch thường mang tính bị động, chỉ thực sự có hiệu quả khi sự việc đã lan rộng và tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực trong xã hội. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh, mà còn tạo cơ hội cho các thế lực thù địch khai thác thời gian “vàng” để gia tăng sự hoài nghi và chia rẽ trong dư luận. Nếu chỉ tập trung phản bác khi sự việc đã quá muộn, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và Nhà nước sẽ trở nên khó khăn hơn rất nhiều. Do đó, cần phải có một chiến lược phòng ngừa và phản ứng nhanh chóng, chủ động, thông qua việc theo dõi sát sao các diễn biến trên các nền tảng truyền thông và không gian mạng.

Nội dung và phương pháp tuyên truyền vẫn còn chưa đa dạng. Mặc dù các cơ quan chức năng đã nỗ lực trong việc đưa ra các thông tin định hướng dư luận, tuy nhiên, nội dung tuyên truyền chưa đủ hấp dẫn và sáng tạo để thu hút sự quan tâm của giới trẻ, đối tượng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển lâu dài của đất nước. Các thông điệp truyền thông vẫn còn thiếu sự đổi mới trong cách thức trình bày, đôi khi mang tính hàn lâm, khô khan và khó tiếp cận với những người trẻ tuổi. Đặc biệt trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, với sự phổ biến của mạng xã hội và các nền tảng truyền thông trực tuyến, việc sử dụng các phương pháp truyền thống để tiếp cận đối tượng này đang dần trở nên kém hiệu quả. Các hình thức tuyên truyền cần được đa dạng hóa, sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại như video, hình ảnh động, livestream, thậm chí là các chiến dịch truyền thông xã hội để tạo ra sự tương tác và thu hút người xem. Việc này không chỉ giúp nâng cao chất lượng tuyên truyền mà còn giúp tăng tính lan tỏa của các thông điệp tích cực, đồng thời ngăn chặn sự phát tán của các luận điệu sai trái, thù địch.

Một vấn đề quan trọng khác cần được chú trọng là sự thiếu hụt nguồn lực nhân sự chuyên trách trong công tác đấu tranh, đặc biệt là trong không gian mạng. Các luận điệu sai trái và các thông tin xuyên tạc thường xuyên được phát tán qua mạng xã hội và các nền tảng

trực tuyến với tốc độ rất nhanh. Tuy nhiên, đội ngũ nhân sự chuyên trách để quản lý, kiểm soát và phản bác các thông tin sai lệch này vẫn còn thiếu hụt trầm trọng. Các cơ quan, tổ chức, và chính quyền địa phương hiện nay chưa có đủ số lượng nhân sự có đủ chuyên môn và năng lực để đối phó với sự phức tạp của các chiến dịch tuyên truyền sai trái trên mạng, dẫn đến sự lúng túng và chậm trễ trong việc xử lý các thông tin sai lệch. Để nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh này, cần đầu tư mạnh mẽ vào việc đào tạo và xây dựng đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên có kỹ năng tốt trong việc phân tích và phản bác các thông tin sai lệch, cũng như trong việc xử lý các tình huống khẩn cấp trong không gian mạng.

Sự phối hợp giữa các lực lượng và cơ quan chức năng hiện nay còn thiếu tính đồng bộ, chưa đạt được sự liên kết chặt chẽ và phối hợp nhịp nhàng trong việc đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch. Các cơ quan chức năng, bao gồm Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan Đảng và các tổ chức đoàn thể, chưa có cơ chế kết nối liên ngành hiệu quả để triển khai các chiến lược tuyên truyền, phản bác một cách nhất quán. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu sự đồng bộ trong các hoạt động, làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh, đặc biệt trong bối cảnh các luận điệu sai trái đang được tổ chức rất bài bản và tinh vi. Việc thiếu cơ chế phối hợp giữa các lực lượng sẽ khiến các chiến lược tuyên truyền, phản bác không đủ sức mạnh và sự ảnh hưởng như mong muốn. Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện một cơ chế phối hợp liên ngành, với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến địa phương, sẽ giúp nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, đất nước ta phải đối diện với không ít thách thức, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, chuyển đổi số trong các lĩnh vực quan trọng, và yêu cầu cao về ổn định chính trị để phát triển kinh tế - xã hội. Để đáp ứng những yêu cầu này, công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phải có những tư duy và cách làm mới. Trước hết, cần kết hợp giữa lý luận với công nghệ, giữa định hướng tư tưởng với kỹ năng truyền thông số, để thông tin có thể được truyền tải hiệu quả trong môi trường số. Công tác này không chỉ là nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên mà là của toàn xã hội, đặc biệt là giới trẻ và thanh niên. Công tác bảo vệ tư tưởng cần phải đi đôi với phát triển, không thể bảo thủ mà phải sáng tạo, khoa học, tôn trọng sự thật khách quan. Đồng thời, phải kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý các luận điệu sai trái, thù địch, tạo dựng một “lá chắn tư tưởng” vững chắc, ngăn chặn các thông tin độc hại ngay từ khi chúng chưa lan rộng. Trong đó, vai trò của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, các chuyên gia và các tổ chức khoa học, xã hội là hết sức quan trọng, giúp truyền tải, giải thích và bảo vệ những giá trị tư tưởng đúng đắn của Đảng, từ đó nâng cao nhận thức của người dân và củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Những yêu cầu này sẽ giúp xây dựng nền tảng vững chắc cho một xã hội ổn định, phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài và không thể thiếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để đạt được hiệu quả cao nhất trong công tác này trong thời gian tới, cần có sự đổi mới mạnh mẽ, hoàn thiện và bổ sung các phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng, đồng thời chủ động, kiên quyết trong việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Cụ thể như sau:

Một là, tăng cường giáo dục lý luận chính trị và bản lĩnh cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ. Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới, cần đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo hướng sinh động, thực tiễn và dễ áp dụng vào công tác, đời sống xã hội. Đồng thời, đưa kiến thức về nhận diện luận điệu sai trái và kỹ năng phản bác thông tin sai lệch vào chương trình đào tạo ở các bậc đại học và cao đẳng, nhằm trang bị cho sinh viên khả năng đối phó với thông tin sai lệch. Phát triển phong trào “tự

học, tự nghiên cứu chính trị” trong các tổ chức đoàn, hội, câu lạc bộ để thể hệ trẻ chủ động trong việc nâng cao kiến thức và kỹ năng chính trị.

Hai là, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng vững mạnh, giàu tri thức và bản lĩnh chính trị. Cần tuyển chọn và bồi dưỡng chuyên sâu đội ngũ cán bộ lý luận, báo chí và truyền thông có bản lĩnh chính trị vững vàng cùng với khả năng sử dụng kỹ năng số để thích ứng với công tác tuyên truyền trong kỷ nguyên số. Đồng thời, xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý, cơ chế đào tạo và sử dụng hợp lý để giữ chân các nhân tài trong lĩnh vực lý luận và truyền thông. Xây dựng cơ sở dữ liệu chung về tài liệu phản bác, dẫn chứng lý luận, thông tin chính thống để phục vụ công tác tuyên truyền, giúp đội ngũ làm công tác tư tưởng luôn được trang bị những công cụ hữu ích.

Ba là, đổi mới công tác truyền thông và tuyên truyền: Trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ, cần đẩy mạnh truyền thông trên nền tảng số như mạng xã hội, YouTube, podcast, infographic, video ngắn... để tiếp cận nhanh chóng và hiệu quả với đông đảo người dân, đặc biệt là giới trẻ. Xây dựng các “kênh truyền thông mềm” như vlog, TikTok, fanpage sinh viên, diễn đàn khoa học - tranh luận lành mạnh, tạo điều kiện cho giới trẻ tham gia thảo luận về các vấn đề chính trị và xã hội. Đồng thời, cần kịp thời “đi trước - dẫn dắt dư luận” bằng thông tin chính xác, khách quan, giàu tính nhân văn để định hướng dư luận xã hội.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế pháp lý và phối hợp hành động: Cần cập nhật, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến an ninh mạng, thông tin truyền thông và trách nhiệm pháp lý đối với tin giả, tạo nền tảng pháp lý vững chắc để đấu tranh với thông tin sai lệch. Thiết lập các trung tâm kiểm soát thông tin xấu độc ở cả trung ương và địa phương, giúp phát hiện và xử lý nhanh chóng các thông tin sai trái. Tăng cường phối hợp liên ngành giữa các cơ quan chức năng như công an, quân đội, báo chí, giáo dục và đoàn thể trong việc phát hiện, xử lý thông tin sai lệch, đảm bảo sự đồng bộ và hiệu quả trong công tác đấu tranh.

Năm là, phát huy vai trò của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội: Đưa nội dung đấu tranh phản bác vào sinh hoạt chi bộ, tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể để nâng cao nhận thức cộng đồng về các luận điệu sai trái. Khuyến khích mô hình “công dân tuyên truyền viên”, “tổ truyền thông cộng đồng”, “diễn đàn đấu tranh trên mạng xã hội”, huy động sức mạnh cộng đồng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng. Bên cạnh đó, cần vinh danh và khen thưởng kịp thời các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, từ đó tạo động lực thúc đẩy toàn xã hội tham gia tích cực vào công tác bảo vệ sự thật.

KẾT LUẬN

Đấu tranh và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ chiến lược không thể thiếu trong việc bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh kỷ nguyên mới của dân tộc, khi đất nước bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển bền vững và chuyển đổi số mạnh mẽ, công tác này không chỉ có tính cấp thiết mà còn đòi hỏi phải được triển khai một cách bài bản, có hệ thống và khoa học. Để thực hiện nhiệm vụ này hiệu quả, cần có sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân và sự lãnh đạo sáng suốt, quyết đoán của Đảng. Đặc biệt, đội ngũ trí thức, cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận và truyền thông cần phát huy vai trò tiên phong, giữ vững lập trường, kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước những luận điệu sai trái, xuyên tạc. Việc xây dựng “sức đề kháng tư tưởng” cho nhân dân và hình thành một “tường thành tinh thần” vững chắc là yếu tố then chốt để bảo vệ và phát triển đúng đắn con đường mà dân tộc ta đã chọn, bảo vệ những giá trị cốt lõi của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

DI SẢN TINH THẦN VÀ GIÁ TRỊ CHIẾN LƯỢC CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐỐI VỚI HIỆN THỰC HÓA KHÁT VỌNG QUỐC GIA HÙNG CƯỜNG TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI

TS. Thái Doãn Việt*

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những sự kiện vĩ đại và chói lọi nhất trong lịch sử hiện đại Việt Nam. Chỉ trong vòng nửa tháng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã nhất tề vùng lên đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lật đổ chế độ cũ và thiết lập nên một Nhà nước kiểu mới - Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Với thắng lợi ấy, dân tộc Việt Nam lần đầu tiên trong lịch sử đã bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và làm chủ vận mệnh của chính mình. Cách mạng tháng Tám không chỉ là một mốc son lịch sử mà còn để lại những di sản tinh thần và giá trị chiến lược vô giá - đó là lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, khát vọng độc lập, tự do và quyết tâm dấn thân vì lý tưởng dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trong bối cảnh thế giới và khu vực đang có những biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường; trước yêu cầu phát triển đất nước mạnh mẽ, toàn diện và bền vững, Đảng ta tại Đại hội XIII đã xác định rõ mục tiêu: “đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam trở thành một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹. Đó không chỉ là một tầm nhìn chiến lược mà còn là một khát vọng dân tộc mang tính thời đại - khát vọng quốc gia hùng cường. Trên hành trình hiện thực hóa khát vọng ấy, việc kế thừa, phát huy những giá trị của Cách mạng tháng Tám 1945 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa là nguồn động lực tinh thần to lớn, vừa là nền tảng chiến lược để đất nước tiếp tục “đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ”, vươn tới những đỉnh cao phát triển mới trong thế kỷ XXI.

Bài viết tập trung làm rõ những giá trị bền vững của Cách mạng tháng Tám 1945, qua đó luận giải vai trò định hướng chiến lược và sức mạnh cổ vũ to lớn mà di sản lịch sử ấy tiếp tục phát huy trong công cuộc phát triển đất nước hiện nay - một cuộc cách mạng phát triển toàn diện, mang tầm vóc lịch sử, kế thừa và phát huy khí phách quật khởi của mùa Thu cách mạng năm 1945.

NỘI DUNG

1. Tầm vóc và ý nghĩa lịch sử - thời đại của Cách mạng tháng Tám 1945

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những cuộc cách mạng vĩ đại nhất của thế kỷ XX, đánh dấu bước ngoặt trọng đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam và để lại dấu ấn sâu sắc trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Với thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước, nhân dân Việt Nam đã đập tan ách thống trị hơn 80 năm của thực dân Pháp, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế hàng ngàn năm, đánh bại âm mưu tái xâm lược của đế quốc Nhật Bản, đồng thời thiết lập một nhà nước dân chủ nhân dân - nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Đây là một sự kiện mang tầm vóc lịch sử và thời đại sâu sắc.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo và quyết đoán của Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) - đội tiên phong chính trị duy nhất đủ bản lĩnh, trí tuệ và uy tín để quy tụ sức mạnh

* Trường Chính trị tỉnh Nghệ An.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.112.

toàn dân tộc trong bối cảnh lịch sử đặc biệt. Đồng thời, cuộc cách mạng ấy thể hiện một bước phát triển nhảy vọt về chất trong lịch sử dân tộc - từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, từ lệ thuộc ngoại bang trở thành quốc gia độc lập, có chủ quyền, có chính phủ cách mạng lâm thời và công bố *Tuyên ngôn Độc lập* (02/9/1945) - văn kiện lịch sử vĩ đại khẳng định quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

Cách mạng tháng Tám còn mang ý nghĩa thời đại to lớn khi mở đầu cho thời kỳ suy yếu và tan rã của hệ thống thuộc địa kiểu cũ trên toàn cầu, cổ vũ và truyền cảm hứng mạnh mẽ cho các phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Nhiều nhà nghiên cứu quốc tế đã khẳng định rằng: thắng lợi của nhân dân Việt Nam năm 1945 là “sự khởi đầu của hồi kết cho chủ nghĩa thực dân thế giới”, đặc biệt Giáo sư, nhà Sử học L.Esmonson, trường Đại học Cornell (Mỹ) cho rằng: “Đó là một sự kiện lớn của thế giới. Cuộc Cách mạng tháng Tám của Việt Nam có một ý nghĩa lịch sử rất to lớn, nó giải phóng con người, giải phóng cho một dân tộc bị áp bức. Trên bình diện quốc tế, nó còn là hình mẫu và là động lực cho nhiều nước khác đứng lên đấu tranh, đánh đuổi thực dân, giành lại chính quyền. Những quốc gia thuộc địa của Pháp, đặc biệt là các nước ở khu vực Đông Dương, châu Phi đã tiến hành công cuộc cách mạng theo đúng tiến trình cách mạng ở Việt Nam”². Thắng lợi này góp phần làm thay đổi cục diện chính trị toàn cầu.

Với dân tộc Việt Nam, Cách mạng tháng Tám không chỉ là cuộc cách mạng mang tính chất giải phóng dân tộc đơn thuần, mà còn là sự kết tinh cao độ của trí tuệ, bản lĩnh và khí phách Việt Nam; là sự lựa chọn đúng đắn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Di sản lớn lao nhất mà Cách mạng tháng Tám để lại là khẳng định sức mạnh vô song của tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập - tự do và ý chí quật cường của cả dân tộc khi được tổ chức và dẫn dắt bởi một lực lượng cách mạng chân chính.

Tầm vóc và ý nghĩa lịch sử - thời đại ấy không chỉ làm rạng danh dân tộc Việt Nam mà còn để lại những bài học quý báu về phát huy sức mạnh đại đoàn kết, nghệ thuật lãnh đạo cách mạng, tư duy nhạy bén trong chớp thời cơ, và đặc biệt là sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân - những giá trị có ý nghĩa trường tồn đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

2. Những giá trị cốt lõi của Cách mạng tháng Tám 1945 cần tiếp tục phát huy trong kỷ nguyên phát triển mới

Cách mạng tháng Tám 1945 là một trong những sự kiện trọng đại, có ý nghĩa bước ngoặt không chỉ đối với lịch sử hiện đại Việt Nam mà còn để lại nhiều bài học và giá trị trường tồn trong tiến trình phát triển đất nước. Trong bối cảnh mới, những giá trị đó không những không mai một mà ngày càng khẳng định vai trò nền tảng, soi sáng con đường phát triển toàn diện và bền vững của dân tộc. Việc kế thừa và phát huy những giá trị cốt lõi ấy chính là yêu cầu cấp thiết để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2.1. Giá trị về sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc, mà còn là biểu tượng đỉnh cao của sự kết hợp chặt chẽ, có tính nguyên tắc giữa chủ nghĩa yêu nước nồng nàn và chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính. Đây là sự thấm thấu sâu sắc tinh thần truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam với tư tưởng

² Nguyễn Đức Thắng: Tầm vóc và ý nghĩa thời đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945, *Báo Biên phòng*, ngày 10/08/2015, tr.2.

cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, do Đảng Cộng sản Việt Nam tiên phong lãnh đạo. Chính sự kết hợp đó đã tạo nên sức mạnh cách mạng tổng hợp, thúc đẩy sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt được những thành tựu to lớn.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược gay gắt hiện nay, giá trị này càng mang ý nghĩa chiến lược sống còn. Việc phát huy giá trị ấy đòi hỏi chúng ta phải phát triển đất nước trên nền tảng kiên định độc lập, tự chủ, không bị lệ thuộc, đồng thời chủ động, linh hoạt hội nhập sâu rộng với thế giới. Định hướng xã hội chủ nghĩa cần được giữ vững với tinh thần đổi mới sáng tạo, không giáo điều cứng nhắc, để phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu thế phát triển chung của nhân loại. Chủ động khai thác các nguồn lực, mở rộng quan hệ đối ngoại đa phương, đa dạng hóa đối tác là những giải pháp quan trọng để nâng cao vị thế quốc gia, bảo vệ lợi ích tối thượng của dân tộc trong một thế giới nhiều biến động và phức tạp. Điều này đã được Đại hội XIII của Đảng xác định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng”³.

Do đó, sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính không chỉ là giá trị lịch sử quý báu mà còn là kim chỉ nam, là sức mạnh nội sinh quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng trong thời đại mới.

2.2. Giá trị về vai trò lãnh đạo của Đảng - nhân tố quyết định thắng lợi

Thắng lợi rực rỡ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã khẳng định một chân lý bất biến trong lịch sử cách mạng Việt Nam: vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu mọi thắng lợi của dân tộc. Đảng không chỉ là người khởi xướng mà còn là trung tâm tổ chức, huy động và dẫn dắt khối đại đoàn kết toàn dân tộc bước vào cuộc đấu tranh cách mạng với ý chí và sức mạnh vô song.

Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang trên đà đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mở rộng hội nhập quốc tế sâu rộng, vai trò lãnh đạo của Đảng càng trở nên sống còn và cấp thiết hơn bao giờ hết. Đòi hỏi cấp thiết là phải tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, dân chủ, gần dân, trọng dân và vì nhân dân. Việc xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là yêu cầu cốt lõi nhằm bảo đảm vai trò trung tâm và sức mạnh lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây cũng là điều quan tâm hàng đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong *Di chúc*, Người nhấn mạnh: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁴. Chỉ có Đảng lãnh đạo sáng suốt mới tạo dựng được nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước, bảo vệ độc lập, chủ quyền và đưa dân tộc tiến lên đỉnh cao của thời đại mới.

2.3. Giá trị về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng sống động cho sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - sức mạnh vượt lên trên mọi rào cản về giai cấp, tầng lớp,

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.161-162.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.622.

dân tộc và tôn giáo. Chính nhờ sự hòa hợp, thống nhất ý chí và hành động của mọi thành phần trong xã hội, từ nông dân, công nhân, trí thức đến các tầng lớp khác, cuộc cách mạng đã bùng nổ và giành thắng lợi vang dội chỉ trong vòng nửa tháng, từ ngày 14- 30/8/1945.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của đại đoàn kết toàn dân, Người khẳng định: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”⁵.

Giá trị của đại đoàn kết không chỉ là bài học lịch sử quý báu mà còn là tài sản vô giá được khẳng định rõ nét trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, nhận định đây là “động lực chủ yếu và nguồn lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.” Trong bối cảnh đất nước phát triển nhanh và hội nhập sâu rộng, củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết càng trở nên cấp thiết và mang ý nghĩa sống còn.

Đại đoàn kết hôm nay cần được mở rộng trên cơ sở tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy lợi ích chính đáng của toàn dân; phát huy trí tuệ, tài năng và sức sáng tạo của từng cá nhân trong và ngoài nước. Qua đó, tạo dựng sự đồng thuận xã hội vững chắc để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Đây chính là nền tảng tinh thần và sức mạnh vật chất to lớn giúp dân tộc ta vững bước trên con đường phát triển và hội nhập toàn cầu.

2.4. Giá trị về niềm tin, khát vọng và bản lĩnh dân tộc

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 là minh chứng sống động cho sức mạnh của niềm tin và khát vọng dân tộc. Dù trải qua bao nhiêu gian truân, thử thách khắc nghiệt, dân tộc Việt Nam vẫn kiên định vươn lên, giành lại độc lập, tự do và quyền làm chủ vận mệnh đất nước. Niềm tin vào chính nghĩa, vào sức mạnh nội sinh của dân tộc chính là tài sản tinh thần vô giá, là sức mạnh nội lực không thể thay thế trong mọi chặng đường cách mạng và phát triển. Đây là giá trị căn cốt, cần được bảo tồn, vun đắp và phát huy một cách sáng tạo trong thời đại mới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng cùng những thách thức về phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng xanh, việc xây dựng một “hệ sinh thái tinh thần” lành mạnh, ổn định trở thành yêu cầu cấp thiết. Hệ sinh thái này phải tạo ra niềm tin vững chắc vào thể chế chính trị - một thể chế dân chủ, pháp quyền, xã hội chủ nghĩa; niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; niềm tin vào bản thân mỗi con người và tương lai tươi sáng của đất nước. Niềm tin ấy không chỉ góp phần tạo dựng sự đồng thuận xã hội, mà còn là nền tảng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, hiệu quả.

Bên cạnh đó, bản lĩnh dân tộc - bao gồm bản lĩnh văn hóa, chính trị và tinh thần kiên cường - là yếu tố quyết định giúp dân tộc ta đứng vững trước mọi thử thách, giữ vững mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu biến động. Bản lĩnh ấy không chỉ là sự kiên định, mà còn thể hiện tính linh hoạt và sáng tạo trong thực tiễn hành động, giúp đất nước thích ứng, vượt qua khó khăn, tranh thủ thời cơ để phát triển nhanh và bền vững. Chính niềm tin, khát vọng và bản lĩnh ấy đã, đang và sẽ là động lực mạnh mẽ đưa dân tộc ta vững bước trên con đường xây dựng quốc gia hùng cường, thịnh vượng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển của nhân loại.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.9, tr.244.

2.5. Giá trị về tinh thần dân chủ, vì dân và do dân

Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là bước ngoặt lịch sử mang tính chất quyết định đối với vận mệnh dân tộc Việt Nam mà còn là minh chứng sống động, hùng hồn về sức mạnh kỳ diệu của niềm tin và khát vọng tự do, độc lập của toàn dân tộc. Trước những thử thách khắc nghiệt, những gian lao cùng cực của thời kỳ chiến tranh và ách thống trị thực dân phong kiến, nhân dân Việt Nam vẫn kiên định vượt lên, phát huy tinh thần đoàn kết, quyết tâm không khuất phục để giành lại quyền làm chủ vận mệnh đất nước. Niềm tin sắt đá vào chính nghĩa, vào sức mạnh nội sinh của dân tộc, cùng với khát vọng cháy bỏng về một tương lai tự do, hạnh phúc đã trở thành nguồn sức mạnh tinh thần vô giá, tạo động lực nội tại không thể thay thế trên mọi chặng đường cách mạng và phát triển.

Trong bối cảnh thế giới đang trải qua quá trình toàn cầu hóa sâu rộng, hội nhập quốc tế ngày càng chặt chẽ cùng những thách thức mới về phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh, việc xây dựng một “hệ sinh thái tinh thần” lành mạnh, ổn định trở thành nhiệm vụ chiến lược cấp bách. Hệ sinh thái này không chỉ là nơi củng cố niềm tin vững chắc vào thể chế chính trị - một thể chế dân chủ, pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà còn tạo nền tảng cho niềm tin sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, niềm tin vào chính bản thân mỗi công dân và vào một tương lai tươi sáng của đất nước. Niềm tin ấy không chỉ góp phần tạo dựng sự đồng thuận xã hội rộng khắp, mà còn là nền tảng vững chắc để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, hiệu quả và toàn diện.

Cùng với niềm tin và khát vọng, bản lĩnh dân tộc - gồm bản lĩnh văn hóa, chính trị và tinh thần kiên cường - là yếu tố quyết định để dân tộc Việt Nam giữ vững được lập trường, mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp. Bản lĩnh ấy không đơn thuần là sự kiên định, mà còn thể hiện ở tính linh hoạt, sáng tạo và năng lực thích ứng trong thực tiễn, giúp đất nước không chỉ vượt qua khó khăn, thử thách mà còn biết tận dụng thời cơ để phát triển nhanh, mạnh và bền vững. Chính niềm tin, khát vọng và bản lĩnh ấy là sức mạnh nội sinh vững chắc, là động lực to lớn đưa dân tộc ta tiến lên xây dựng một quốc gia hùng cường, thịnh vượng, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp phát triển chung của nhân loại trong thế kỷ XXI.

3. Khát vọng quốc gia hùng cường và con đường phát triển đất nước hiện nay từ di sản Cách mạng tháng Tám

Khát vọng xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế không phải là điều mới mẻ trong lịch sử dân tộc. Đó là khát vọng đã được gieo mầm từ Cách mạng tháng Tám 1945 - cuộc cách mạng mang tính khai sinh một dân tộc tự do, độc lập, khởi đầu cho kỷ nguyên mới: kỷ nguyên của “nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình”. Di sản to lớn ấy không chỉ là thành quả chính trị vĩ đại mà còn là nền tảng tinh thần vững chắc, là nguồn động lực to lớn để dân tộc ta hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong thế kỷ XXI.

3.1. Khát vọng hùng cường bắt nguồn từ ý chí độc lập, tự cường dân tộc

Tuyên ngôn Độc lập ngày 02/9/1945 không chỉ là sự kiện lịch sử trọng đại, đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn là biểu tượng tinh thần về ý chí độc lập, tự chủ và tự cường kiên định của dân tộc Việt Nam. Khát vọng hùng cường ấy chính là ngọn lửa thiêng liêng thắp sáng tinh thần toàn dân, trở thành nguồn động lực vô cùng to lớn trong mọi chặng đường phát triển của đất nước. Ngày nay, khát vọng đó được Đảng ta khẳng định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của

Đảng Cộng sản Việt Nam, phần mục tiêu tổng quát: “đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁶. Đây không chỉ là một định hướng phát triển kinh tế - xã hội mà còn là khát vọng sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới, giữ vững vị thế và bản sắc văn hóa dân tộc trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Trong tiến trình đó, sức mạnh nội sinh của dân tộc là yếu tố cốt lõi, được hun đúc từ tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí vươn lên không ngừng nghỉ, sự kiên trì, bền bỉ vượt qua mọi khó khăn thử thách, và khát vọng cống hiến to lớn. Đây chính là nền tảng bền vững tạo nên bản lĩnh, bản sắc đặc trưng của dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế đa chiều, cạnh tranh gay gắt. Để biến khát vọng thành hiện thực, cần tiếp tục khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh ấy, chuyển hóa thành năng lực đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường năng lực tự chủ chiến lược trong các lĩnh vực trọng yếu như kinh tế, quốc phòng, khoa học công nghệ, tài chính và văn hóa. Việc phát huy triệt để các yếu tố này sẽ tạo ra sức bật mới, giúp Việt Nam không chỉ phát triển bền vững mà còn vững bước trở thành quốc gia hùng cường, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển chung của nhân loại.

3.2. Phát triển trên nền tảng dân chủ và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là dấu mốc vĩ đại không chỉ vì giành lại độc lập dân tộc, mà còn vì đã thiết lập thể chế dân chủ nhân dân đầu tiên trong lịch sử nước ta - nơi nhân dân lần đầu tiên thực sự nắm quyền làm chủ vận mệnh của mình. Kế thừa tinh thần đó, trong kỷ nguyên phát triển hiện nay, mục tiêu xây dựng một quốc gia hùng cường, hiện đại không thể tách rời nền tảng dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền - hai trụ cột tạo nên mô hình quản trị quốc gia tiên bộ, hiệu quả và bền vững.

Dân chủ ở nước ta không dừng lại ở hình thức, mà phải là dân chủ thực chất, thể hiện trong việc nhân dân là chủ và nhân dân làm chủ. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, phát huy vai trò, sự tham gia, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của hệ thống chính trị, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”⁷.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ, việc tiếp tục hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - nơi mọi quyền lực được kiểm soát bằng pháp luật, mọi hoạt động công quyền minh bạch, có trách nhiệm giải trình cao - là yêu cầu cấp thiết. Đó không chỉ là điều kiện để nâng cao chất lượng quản trị quốc gia mà còn là cơ sở để tăng cường niềm tin xã hội, khơi dậy nội lực sáng tạo trong nhân dân.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng khẳng định: “Xây dựng nhà nước pháp quyền là yêu cầu tất yếu của một nền dân chủ hiện đại, của sự phát triển bền vững, bảo đảm mọi quyền con người và quyền công dân được tôn trọng và thực hiện đầy đủ, thực chất”⁸. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền không chỉ là biểu hiện của một xã hội văn minh, mà còn là động lực nội sinh thúc đẩy phát triển đất nước trong thời đại toàn cầu hóa. Trên nền tảng ấy, việc phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, mở rộng dân chủ, bảo đảm công bằng và pháp lý minh bạch sẽ là chìa khóa để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới một Việt Nam phát triển toàn diện, bền vững và trường tồn với thời gian.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.112 - 113.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.171.

⁸ Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Hiến pháp 2013, Hà Nội, tháng 12/2023.

3.3. Khẳng định tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là mốc son mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam, mà còn đặt nền móng cho một lựa chọn phát triển mang tính lịch sử: kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là sự lựa chọn chiến lược, phản ánh khát vọng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, được Đảng và nhân dân ta xác lập trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của đất nước.

Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là một lý tưởng xa vời, mà là hệ giá trị nền tảng và tôn chỉ phát triển toàn diện, bền vững. Phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa nghĩa là phát triển vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân, trong đó lợi ích của nhân dân được đặt lên hàng đầu. Đó cũng là phát triển kinh tế đi đôi với công bằng, tiến bộ xã hội, văn hóa và đạo đức, gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng và phát triển bền vững. Trong bối cảnh toàn cầu nhiều biến động, tầm nhìn chiến lược này tiếp tục giữ vai trò then chốt, định hướng mọi nỗ lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Một trong những biểu hiện cụ thể của tầm nhìn chiến lược ấy là quyết tâm xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả và bền vững. Đây là bài học có giá trị thực tiễn sâu sắc rút ra từ thành công của Cách mạng tháng Tám. Độc lập về kinh tế là nền tảng bảo đảm độc lập về chính trị, đồng thời tạo thế chủ động trong hội nhập và phát triển trong môi trường toàn cầu cạnh tranh khốc liệt.

Đảng ta xác định rõ, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ phải dựa trên việc phát huy mạnh mẽ nội lực - từ nguồn nhân lực chất lượng cao, tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng khoa học - công nghệ, đến sức sáng tạo của toàn dân tộc. Bên cạnh đó, cần chủ động, tích cực hội nhập quốc tế bằng tư duy đổi mới, hành động linh hoạt và chiến lược hợp tác toàn diện. Trong bối cảnh mới, Việt Nam cần đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, cùng với các ngành công nghiệp mũi nhọn có giá trị gia tăng cao. Việc hình thành các tập đoàn kinh tế lớn có sức cạnh tranh toàn cầu, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển dịch mạnh mẽ sang nền kinh tế tri thức và khai thác hiệu quả các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ là những trụ cột tạo sức bật mới cho đất nước.

Con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong hội nhập sâu rộng chính là bảo đảm vững chắc cho khát vọng quốc gia hùng cường. Đây cũng là minh chứng sống động về giá trị trường tồn và sức sống của Cách mạng tháng Tám 1945 trong sự nghiệp phát triển toàn diện và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

3.4. Phát triển con người và văn hóa - nền tảng tinh thần vững chắc cho sự hùng cường của quốc gia

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ giành lại độc lập dân tộc về mặt chính trị mà còn khơi dậy mạnh mẽ khát vọng văn hóa và bản lĩnh con người Việt Nam. Cuộc cách mạng vĩ đại ấy đã mở ra kỷ nguyên mới, trong đó con người và văn hóa trở thành trung tâm, là nền tảng tinh thần, động lực nội sinh quan trọng cho phát triển bền vững và trường tồn của quốc gia. Một dân tộc muốn hùng cường không thể chỉ dựa vào kinh tế hay sức mạnh quân sự, mà cần có một nền văn hóa giàu bản sắc, vừa kế thừa truyền thống vừa thấm nhuần tinh thần thời đại.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay, phát triển con người toàn diện và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trở thành yêu cầu hàng đầu. Đó là quá trình gắn kết chặt chẽ giữa việc phát huy giá trị truyền thống như lòng yêu nước, nhân ái, đoàn kết, ý chí vươn lên,... với tinh thần đổi mới, sáng tạo và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Xây dựng con người Việt Nam hiện đại không chỉ là đào tạo kỹ năng hay nâng cao đời sống vật chất, mà còn là bồi dưỡng đức, trí, thể, mỹ toàn diện. Đó phải là những công dân có lý tưởng cách mạng vững vàng, ý thức trách nhiệm cao, bản lĩnh dân tộc sâu sắc và khả năng hội nhập quốc tế linh hoạt. Chính sự kết hợp giữa sức mạnh văn hóa và phẩm chất con người sẽ tạo nên thể và lực mới để đất nước vươn tới sự hùng cường, thịnh vượng trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là mốc son chói lọi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, thể hiện khát vọng độc lập, tự do mãnh liệt và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi ấy đã khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra thời đại Hồ Chí Minh - thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Những giá trị cốt lõi như tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng và bản lĩnh văn hóa - chính trị của nhân dân vẫn luôn là nền tảng chiến lược, có ý nghĩa định hướng cho mọi giai đoạn phát triển đất nước.

Bước vào kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ với khát vọng phát triển quốc gia hùng cường vào giữa thế kỷ XXI, việc kế thừa và phát huy giá trị của Cách mạng tháng Tám là yêu cầu có tính sống còn. Đó là cơ sở để khẳng định tính đúng đắn, hợp quy luật và hợp lòng dân của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Đổi mới tư duy phát triển, phát huy sức mạnh nội sinh, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu quả sẽ bảo đảm cho nhân dân thực sự là chủ thể kiến tạo tương lai.

80 năm đã trôi qua kể từ mùa Thu lịch sử ấy, nhưng ánh sáng của Cách mạng tháng Tám vẫn tiếp tục soi đường cho dân tộc Việt Nam trong hành trình bước vào kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ. Chính từ di sản tinh thần đó, ý chí độc lập, khát vọng phát triển và bản lĩnh Việt Nam không ngừng được hun đúc, trở thành động lực bền vững đưa đất nước tiến lên giữa một thế giới đầy biến động và cạnh tranh khốc liệt.

TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC: NHÌN TỪ VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TS. Vũ Thị Thu Hằng*

MỞ ĐẦU

Sự phát triển của một quốc gia không chỉ được đo lường qua tốc độ tăng trưởng kinh tế hay tiến bộ công nghệ mà còn phụ thuộc vào khả năng kiến tạo hệ giá trị, bảo tồn bản sắc văn hóa, và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người¹. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đánh dấu một cột mốc lịch sử trong hành trình tự chủ dân tộc. Tuy nhiên, nền độc lập này ban đầu chỉ mang tính danh nghĩa, khi đất nước liên tục đối mặt với các cuộc xâm lược của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, và các xung đột biên giới. Chỉ trong khoảng 50 năm qua, Việt Nam mới thực sự củng cố độc lập chính trị, nhưng giai đoạn này cũng đi kèm với những thách thức lớn: nền kinh tế kiệt quệ, đời sống nhân dân khó khăn, với hơn 90% dân số sống trong nghèo đói và đất nước chịu cấm vận kinh tế nghiêm trọng.

Để bảo vệ thành quả cách mạng và khẳng định tính đúng đắn của chế độ xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước đã tiến hành công cuộc Đổi mới từ năm 1986, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới mục tiêu đất nước giàu mạnh, nhân dân ấm no, hạnh phúc. Thành tựu của Đổi mới không chỉ dừng ở việc đáp ứng nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, và học hành, mà còn *“khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”*². Quá trình này đòi hỏi sự chuyển đổi sâu rộng, từ cải cách thể chế quản trị (giảm từ bốn cấp xuống ba cấp), tái cấu trúc nền kinh tế, đến thay đổi cấu trúc xã hội và đời sống văn hóa, nhằm vượt qua bẫy thu nhập trung bình thấp và hướng tới phát triển bền vững dựa trên công nghiệp thông minh và trí tuệ nhân tạo³. Trong bối cảnh thế giới đang trải qua những biến chuyển sâu sắc về kinh tế, chính trị, văn hóa, và công nghệ, Việt Nam đứng trước ngã rẽ lịch sử: chuyển từ “kỷ nguyên độc lập” tập trung bảo vệ chủ quyền và xây dựng nhà nước dân tộc sang “kỷ nguyên vươn mình,” nơi hội nhập toàn cầu, sáng tạo tri thức, và phát triển bền vững.

Khoa học xã hội và nhân văn đóng vai trò then chốt trong tiến trình này, chuyển từ chức năng hỗ trợ lý luận trong kỷ nguyên độc lập sang vai trò chiến lược, định hướng giá trị, phản biện chính sách, và tạo tri thức mới trong kỷ nguyên vươn mình. Bên cạnh đó, xuất phát từ chức năng của mình, khoa học xã hội và nhân văn không chỉ giúp nhận diện các thách thức xã hội (bất bình đẳng, biến đổi văn hóa, hay khủng hoảng niềm tin) mà còn cung cấp nền tảng triết lý để định hình bản sắc quốc gia và phát triển con người. Vậy, vai trò của khoa học xã hội và nhân văn qua các giai đoạn phát triển từ đấu tranh giành độc lập

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

¹ A. Sen: *Development as freedom*. Oxford University Press, 1999.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.206.

³ World Bank and Ministry of Planning and Investment of Vietnam. *Vietnam 2035: Toward Prosperity, Creativity, Equity, and Democracy*. Washington, DC: World Bank, 2016. Truy cập tại: <https://fileportalcms.mpi.gov.vn/FileDinhKem/1/VN2035English.pdf>.

đến hội nhập và vươn mình được thể hiện như thế nào? Vậy, khoa học xã hội và nhân văn đã thích ứng như thế nào với các bước chuyển mình của dân tộc, và trong bối cảnh hiện nay, ngành cần làm gì để góp phần đạt được các mục tiêu phát triển đầy hoài bão của Việt Nam?

NỘI DUNG

1. Từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình

Kỷ nguyên độc lập của nước ta bắt đầu từ năm 1945, khi Cách mạng tháng Tám thành công, đánh đuổi phát xít Nhật và thực dân Pháp ra khỏi đất nước, mở ra thời kỳ độc lập, dựng lên nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa đầu tiên của dân tộc. Sau đó, những chặng đường gian khổ của cuộc đấu tranh giữ vững nền độc lập của dân tộc, đó không chỉ là những cuộc đấu tranh quân sự mà còn là quá trình định hình bản sắc quốc gia, với các giá trị tự do, độc lập, công bằng, hạnh phúc được khắc sâu trong tâm thức dân tộc. Điểm nổi bật của kỷ nguyên độc lập là bảo vệ nền độc lập của dân tộc khỏi sự xâm lược của thực dân, đế quốc và xây dựng nền tảng kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu của kỷ nguyên này là bảo vệ nền độc lập của dân tộc, xây dựng thành công thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân giàu; một đất nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, nơi mọi người dân được sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển, làm giàu, và đóng góp tích cực cho hòa bình và tiến bộ toàn cầu. Quá trình này cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, người dân không còn sống dưới mức nghèo khổ, đất nước đã có những thành tựu nhất định về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, hội nhập quốc tế.

“Kỷ nguyên vươn mình”, theo Tổng Bí thư Tô Lâm, là “kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu”⁴. Kỷ nguyên này hàm nghĩa một kỷ nguyên phát triển toàn diện - giàu mạnh, thịnh vượng và bền vững - dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đích đến không chỉ là sự tăng trưởng kinh tế, mà còn là xây dựng thành công mô hình chủ nghĩa xã hội, nâng cao chất lượng sống, bảo đảm công bằng xã hội và khẳng định bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập sâu rộng. Nhận định này đánh dấu một bước chuyển giai đoạn quan trọng trong tiến trình phát triển quốc gia - từ kỷ nguyên giành độc lập, đến đổi mới, và hiện nay là giai đoạn vươn mình, khi các nguồn lực về nhân lực, vật lực và tài lực đã đạt độ chín muồi, tạo điều kiện để Việt Nam khẳng định vị thế và vai trò của mình trên trường quốc tế.

Về mặt học thuật, khái niệm “kỷ nguyên vươn mình” không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược phát triển quốc gia, mà còn đặt ra một hệ vấn đề đa chiều cần được phân tích từ góc nhìn khoa học xã hội và nhân văn. Đây là lĩnh vực giúp định hình các chỉ số phi kinh tế của sự phát triển, như mức độ dân chủ, chất lượng văn hóa, sự gắn kết xã hội và hiệu quả quản trị. Khoa học xã hội và nhân văn cung cấp công cụ để đánh giá sự phát triển theo hướng nhân văn, lấy con người làm trung tâm và vì con người.

Nhìn một cách tổng thể, chuyển dịch từ kỷ nguyên độc lập sang kỷ nguyên vươn mình phản ánh bước tiến quan trọng trong hệ mục tiêu phát triển - từ việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đến xây dựng một xã hội hạnh phúc, phồn vinh và bền vững.

⁴ Báo Điện tử Chính phủ: “Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề ‘Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam’”. Truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-trao-doi-chuyen-de-ky-nguyen-phat-trien-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam-102241125190606526.htm>. 25/11/2024.

Điều này đòi hỏi sự khai thác hiệu quả các nguồn lực mới: lực lượng sản xuất tri thức, vốn xã hội, vốn văn hóa và vốn tài chính, nhằm phục vụ cho sự phát triển toàn diện của quốc gia trong kỷ nguyên mới.

2. Khoa học xã hội và nhân văn từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình

2.1. Khoa học xã hội và nhân văn

Khoa học xã hội và Nhân văn là lĩnh vực nghiên cứu các mối quan hệ giữa con người với con người, với tự nhiên và các thể chế xã hội. Không chỉ dừng lại ở việc lý giải hiện tượng xã hội, khoa học xã hội và nhân văn còn cung cấp nền tảng tri thức để thiết kế và cải cách thể chế, giáo dục, văn hóa và kinh tế⁵.

Khoa học xã hội và nhân văn là công cụ quan trọng để hiểu đúng bản chất của xã hội, nó không như một hệ thống cơ học, mà như một chỉnh thể năng động và phức hợp bởi theo Marx, trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Con người không tồn tại độc lập mà được định hình trong tương tác với cộng đồng và môi trường lịch sử cụ thể. Wallerstein (1996) cho rằng, khoa học xã hội và nhân văn là lĩnh vực nghiên cứu tích hợp, vượt ra khỏi ranh giới truyền thống giữa khoa học xã hội và nhân văn⁶. Chính sự tích hợp này giúp khoa học xã hội và nhân văn phá vỡ lối tư duy tuyến tính, tiếp cận toàn diện các vấn đề xã hội, từ đó nhân bản hóa các quyết định chính trị và quản trị. Do đó, khoa học xã hội và nhân văn không chỉ phản ánh thực tiễn mà còn góp phần định hình các khung tư duy, xây dựng hệ giá trị xã hội, thúc đẩy các mô hình phát triển mới.

Bản chất liên ngành của khoa học xã hội và nhân văn thể hiện ở việc kết nối các bộ môn như xã hội học, nhân học, triết học, sử học và văn học để kiến tạo tri thức về con người và xã hội. Mục tiêu cốt lõi là khám phá quy luật vận động xã hội, từ đó thúc đẩy tiến bộ xã hội thông qua việc xây dựng nhân cách và phát triển năng lực con người. Tính đặc thù của khoa học xã hội và nhân văn còn thể hiện ở đặc điểm vừa phê phán vừa thực tiễn - đặt nó tại giao điểm giữa khoa học tự nhiên và triết học. Nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn không chỉ là người tư duy lý luận mà còn phải trở thành chuyên gia thực hành, có khả năng vận dụng tri thức vào giải quyết các vấn đề cụ thể. Thách thức lớn của lĩnh vực này trong thế kỷ 21 là rút ngắn khoảng cách văn hóa chuyên nghiệp (professional culture) và văn hóa trí tuệ (intellectual culture), đồng thời hài hòa giữa kiến tạo luận (constructivism) và hiện thực chủ nghĩa (realism)⁷. Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới cách thức nghiên cứu và ứng dụng, đảm bảo rằng các chính sách không chỉ hiệu quả về mặt kỹ thuật mà còn hợp lý về mặt xã hội.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng việc xem nhẹ vai trò của khoa học xã hội và nhân văn có thể dẫn đến hệ lụy nghiêm trọng. Trong giai đoạn cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20, sự thiên lệch dành ưu tiên cho khoa học tự nhiên và kỹ thuật đã không ngăn được thảm họa chiến tranh thế giới (Hobsbawm, 1994)⁸. Sau Thế chiến II, khoa học xã hội và nhân văn được tái khẳng định là trụ cột trong việc thiết kế chiến lược phát triển, quản trị quốc gia và đảm bảo ổn định xã hội. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa hiện nay, khoa học xã hội và nhân văn đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích sự biến đổi của văn hóa

⁵ Phạm Văn Đức: “Các định hướng nghiên cứu lớn về khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045”, Kỷ yếu Hội thảo *Vai trò của khoa học xã hội và nhân văn: Các Chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước trong phát triển khoa học xã hội và nhân văn*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội (15/05/2025), tr.78.

⁶ I. Wallerstein (ed.): *Open the social sciences: Report of the Gulbenkian Commission on the restructuring of the social sciences*. Stanford University Press, 1996.

⁷ D. L. Featherman, M.A. Vinovskis (eds.): *Social science and policy-making: A search for relevance in the twentieth century*, University of Michigan Press, 2009.

⁸ E.J. Hobsbawm, M. Cumming: *Age of Extremes: The Short Twentieth century, 1914-1991* (pp. 504-517). Michael Joseph, London, 1994.

truyền thông, ứng phó với xung đột giá trị, và bảo vệ bản sắc dân tộc⁹. Đồng thời, khoa học xã hội và nhân văn cũng góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực có tư duy phản biện và năng lực thích ứng cao - yếu tố then chốt để Việt Nam trở thành trung tâm số hóa khu vực (McKinsey, 2022).

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào “kỷ nguyên vươn mình”, yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững và nhân bản ngày càng rõ nét. Khoa học xã hội và nhân văn trở thành lực lượng tri thức thiết yếu cho định hướng phát triển quốc gia. Sự chuyển dịch từ “kỷ nguyên độc lập” sang “kỷ nguyên vươn mình” ở Việt Nam đặt ra yêu cầu phát triển không chỉ dựa vào công nghệ hay vốn tài chính, mà còn cần đến các nguồn lực mềm - trong đó khoa học xã hội và nhân văn giữ vai trò trung tâm. Khoa học tự nhiên và công nghệ có thể là công cụ, nhưng khoa học xã hội và nhân văn chính là người dẫn đường, giúp xác định mục tiêu phát triển, khơi dậy tinh thần công dân, ý thức cộng đồng và lòng yêu nước. Con người, vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển, là tài sản quý giá nhất của mỗi quốc gia. Khoa học xã hội và nhân văn cũng có vai trò đặc biệt trong gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc - một thành tố quan trọng của “sức mạnh mềm” quốc gia¹⁰. Trong quá trình hội nhập, nếu không có tri thức nhân văn sâu sắc, quốc gia dễ rơi vào tình trạng phát triển vật chất mà nghèo nàn văn hóa và bản sắc.

2.2. Khoa học xã hội và nhân văn trong kỷ nguyên độc lập, đổi mới

Nhìn từ góc độ lịch sử, trong kỷ nguyên độc lập, khoa học xã hội và Nhân văn đóng vai trò xây dựng nền tảng tư tưởng, nền tảng chính trị phục vụ quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, giữ vững nền hoà bình, độc lập của dân tộc. Đồng thời giữ vai trò cốt lõi trong xây dựng bản sắc dân tộc, xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, huy động sức người, sức của cho các cuộc đấu tranh giữ vững độc lập dân tộc, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và vào thắng lợi của cách mạng.

Tiếp theo, trước yêu cầu của sự chuyển đổi nền kinh tế mới, thay đổi về chất của cuộc cách mạng trong thời kỳ mới, không chỉ là đấu tranh giành và giữ nền hoà bình của dân tộc nữa mà phải giành thắng lợi trên mặt trận kinh tế, đảm bảo đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Đảng và Nhà nước đã tiến hành công cuộc Đổi mới. Công cuộc này đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử Việt Nam, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Công cuộc Đổi mới từ năm 1986 không chỉ là bước chuyển trong đường lối kinh tế mà còn là một thay đổi sâu sắc trong tư duy phát triển. Do đó, sự chuyển đổi này đặt ra nhiều vấn đề mới và phức tạp mà khoa học xã hội và nhân văn cần phân tích và giải quyết.

Trong thời kỳ Đổi mới, tư duy triết học và lý luận chính trị cũng có sự đổi mới để phù hợp với bối cảnh mới. Các nhà lý luận đã tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.¹ Khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp nền tảng lý luận cho mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - một khái niệm phức tạp cần sự giải thích, phản biện và định hướng từ giới học thuật. Các nghiên cứu về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách hệ thống chính trị và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện duy nhất một Đảng cầm quyền đã cung cấp cơ sở lý luận quan trọng cho công cuộc xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước trong thời kỳ Đổi mới.

⁹ United Nations: *Transforming Our World: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. 2015. Truy cập tại: <https://sdgs.un.org/2030agenda>.

¹⁰ <https://nhandan.vn/khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van-la-nen-tang-cho-phat-trien-ben-vung-post880451.html>

Ngoài ra, các nhà khoa học xã hội và nhân văn đã đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện và lý giải những mâu thuẫn, thách thức nảy sinh từ cơ chế thị trường, như bất bình đẳng xã hội, phân hóa giàu nghèo, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, và sự suy thoái đạo đức, lối sống. Nghiên cứu về xã hội học, tâm lý học, dân tộc học đã cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về sự biến đổi trong đời sống nhân dân, các mối quan hệ xã hội, và sự hình thành các giai tầng xã hội mới.

Triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và lý luận phát triển đã được vận dụng để xây dựng hệ quy chiếu lý luận cho những chính sách then chốt như công bằng xã hội, dân chủ hóa đời sống chính trị, vai trò của kinh tế tư nhân và hội nhập quốc tế. Các công trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn đã đóng vai trò như cơ sở tri thức để thiết kế chiến lược phát triển, điều chỉnh các mô hình phân phối, và dự báo rủi ro trong bối cảnh chuyển dịch toàn cầu. Các viện nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, trong quá trình thể chế hóa các nghị quyết Trung ương, đặc biệt là các Nghị quyết về văn hóa, phát triển con người, cải cách hành chính, về xã hội, con người; Về môi trường và phát triển bền vững; Về dân tộc, tôn giáo; Về ngôn ngữ, văn học, lịch sử; Về cục diện thế giới, quan hệ quốc tế, đối ngoại; Về quốc phòng, an ninh. Khoa học xã hội và nhân văn góp phần cung cấp bằng chứng thực nghiệm, khảo sát xã hội học, và khuyến nghị chính sách giúp nâng cao năng lực thực thi và phản hồi xã hội. Những bài học này khẳng định khoa học xã hội và nhân văn là trụ cột không thể thiếu trong kiến tạo tư duy chính sách và phản biện chiến lược phát triển.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII cũng khẳng định “Trong những năm qua, khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; khẳng định lịch sử hình thành và phát triển dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, bảo tồn các giá trị và bản sắc văn hóa Việt Nam”¹¹. Tuy nhiên, những thách thức nội tại như nghèo đói, bất bình đẳng giữa các nhóm xã hội, vùng miền, và nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội, khắc phục hậu quả chiến tranh đã đặt ra yêu cầu về việc phải có một lý giải khoa học đầy đủ về thực trạng phát triển, nguyên nhân cốt lõi, do đó, đòi hỏi vai trò diễn giải từ các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

2.3. Khoa học xã hội và nhân văn trong trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định rõ vai trò then chốt của khoa học xã hội và nhân văn trong sự nghiệp phát triển toàn diện và bền vững đất nước. Với chức năng nghiên cứu và phân tích sâu các vấn đề dân tộc, xã hội, văn hóa và chính trị, khoa học xã hội và nhân văn được xác định là nền tảng khoa học để hoạch định chính sách phù hợp, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, thúc đẩy phát triển bền vững và chủ động hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó, Văn kiện đã đề ra nhiệm vụ “thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn để có cơ sở khoa học phục vụ tốt nhất sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội. Khơi dậy sức sáng tạo, nâng cao trách nhiệm và tôn trọng sự khác biệt trong công tác nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Gắn kết chặt chẽ khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ trong quá trình triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước”¹².

Đất nước đang được định hình bởi khát vọng “vươn mình”, trong bối cảnh Việt Nam

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.118..

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.227.

đang hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện với với mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Bước vào kỷ nguyên “vươn mình” với quyết tâm vô cùng lớn của cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy trên cả nước từ trung ương đến địa phương, giảm từ 18 bộ, 4 cơ quan ngang bộ còn 14 bộ, 3 cơ quan ngang bộ, sáp nhập các sở, ngành, đơn vị, phòng, ban, , rồi cải cách hành chính theo hướng chuyển đổi số, hàng loạt các nghị quyết về kinh tế tư nhân, phát triển khoa học và công nghệ mới được ban hành là những trọng tâm chính sách hiện nay nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nước ta hiện nay¹³. Nhưng các vấn đề xã hội vẫn đang tồn tại dai dẳng như bất bình đẳng (giới, dân tộc thiểu số), nghèo đói, thách thức về việc làm trong bối cảnh tự động hóa, và nhu cầu đảm bảo an sinh xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương. Biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường cũng gây ra những tác động nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống và an ninh lương thực¹⁴; Các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng trở nên nổi bật, đặc biệt là an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ. Điều này đặt ra những đòi hỏi mới cho khoa học xã hội và nhân văn.

Đứng riêng từ góc độ phát triển của lực lượng sản xuất mới, Đảng và Nhà nước ta xác định trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, 3 yếu tố gồm *đổi mới sáng tạo; khoa học và công nghệ; chuyển đổi số* là những nhân tố giữ vai trò then chốt trong kỷ nguyên vươn mình. Trong đó, đổi mới sáng tạo đóng vai trò *động lực*; Khoa học, công nghệ là *nền tảng*, tạo ra tri thức và công cụ và chuyển đổi số là *hiện thực hóa* các ý tưởng, giải pháp thành sản phẩm, dịch vụ, tạo ra giá trị kinh tế. Nghị quyết cũng nhấn mạnh vai trò của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là *đột phá* quan trọng hàng đầu, là *động lực chính* để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới¹⁵.

Trong mối tương quan với khoa học xã hội và nhân văn mà cụ thể là cách tiếp cận triết học, những yếu tố này chính là phản ánh sự thay đổi trong quan niệm về lực lượng sản xuất và vai trò của tri thức, công nghệ trong sự phát triển. đổi mới sáng tạo; khoa học và công nghệ; chuyển đổi số không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là yếu tố định hình lại căn bản phương thức sản xuất, tổ chức xã hội, và tương tác giữa con người với nhau và với thế giới. Điều này đặt ra những câu hỏi về bản chất con người trong kỷ nguyên số, mối quan hệ giữa con người và máy móc, và sự biến đổi của các giá trị truyền thống trong bối cảnh văn hóa số sẽ được nhìn nhận như thế nào?

Một là, khoa học xã hội và nhân văn cần được tái định vị như một nền tảng tri thức cốt lõi, định hướng giá trị cho sự phát triển bền vững và nhân văn trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 17/04/2024 của Chính phủ đã xác lập ba đột phá chiến lược - phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - như động lực then chốt cho kiến tạo nền kinh tế tri thức gắn với phát triển con người toàn diện. Trong khuôn khổ đó, khoa học xã hội và nhân văn không chỉ cung cấp cơ sở lý luận và tư duy phản biện cho chính sách phát triển, mà còn đóng vai trò như nguồn lực mềm, định hình văn hóa đổi mới sáng tạo thông qua giáo dục, nghiên cứu và truyền bá các giá trị nền tảng. Việc tái cấu trúc hệ thống

¹³ Vu Nguyen Hanh & Melissa Cyrill: *Vietnam proposes major government restructuring to streamline bureaucracy*. Vietnam Briefing. 2025. Truy cập tại: <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnam-proposes-major-government-restructuring-to-streamline-bureaucracy.html/>

¹⁴ <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>

¹⁵ *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Truy cập tại: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-11162>

khoa học quốc gia đòi hỏi khoa học xã hội và nhân văn chuyển mình mạnh mẽ theo hướng liên ngành, ứng dụng và số hóa, gắn kết với nhu cầu thực tiễn của xã hội, thị trường và địa phương. Điều này bao gồm cả việc phát triển các ngành học mới như đạo đức công nghệ, triết học dữ liệu, xã hội học số và xây dựng nền tri thức nhân văn số hóa phục vụ quản trị, giáo dục và chính sách công. Đồng thời, khoa học xã hội và nhân văn cũng cần tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống như tư duy phản biện, tinh thần hợp tác, thái độ cởi mở và năng lực hành động - những phẩm chất thiết yếu để thích ứng và dẫn dắt xã hội trong kỷ nguyên số.

Hai là, phát huy vai trò thiết yếu của khoa học xã hội và nhân văn trong giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh từ phát triển nhanh và hội nhập sâu rộng. Để phát huy vai trò này, cần đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, gắn kết chặt chẽ với thực tiễn quản lý và đời sống xã hội. Việc nâng cao chất lượng công bố khoa học, đặc biệt trên các tạp chí quốc tế, là điều kiện quan trọng để khoa học xã hội và nhân văn hội nhập vào dòng chảy tri thức toàn cầu. Trong chuyển đổi số, khoa học xã hội và nhân văn góp phần làm rõ các khía cạnh xã hội, văn hóa, đạo đức và tâm lý mà công nghệ không thể tự giải quyết. Ví dụ, xây dựng chính phủ số đòi hỏi nghiên cứu liên ngành về niềm tin công chúng, quyền riêng tư và đạo đức số - những vấn đề cốt lõi của khoa học xã hội và nhân văn.

Ba là, khoa học xã hội và nhân văn cần tham gia sâu hơn vào quá trình hoạch định và phân biện chính sách. Nhờ khả năng phân tích đa chiều và hiểu biết sâu sắc về con người và xã hội, khoa học xã hội và nhân văn cung cấp các luận cứ khoa học giúp nâng cao tính khả thi và hiệu quả của chính sách¹⁶. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tư duy chiến lược quốc gia không thể chỉ dựa trên chỉ số kinh tế, mà phải bắt nguồn từ nền tảng văn hóa, con người và trí tuệ xã hội. Khoa học xã hội và nhân văn vì thế giữ vai trò then chốt trong việc kiến tạo tầm nhìn quốc gia - hướng tới một Việt Nam không chỉ hùng cường, mà còn công bằng, nhân ái và thích ứng hiệu quả với những thay đổi của thời đại mới.

Bốn là, tăng cường hợp tác liên ngành và quốc tế là hướng đi thiết yếu. Sự kết nối giữa khoa học xã hội và nhân văn và khoa học công nghệ giúp giải quyết các vấn đề phức tạp của kỷ nguyên số như đạo đức AI, phân hóa xã hội hay tác động của công nghệ đến văn hóa và lối sống. Việc hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNDP, World Bank, UNEP không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận phương pháp nghiên cứu tiên tiến và nguồn lực hỗ trợ, mà còn nâng cao năng lực triển khai các chương trình phát triển bền vững, quản trị tốt và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, trước những thách thức mới, khoa học xã hội và nhân văn đang tự đổi mới qua các lĩnh vực như nhân văn số, xã hội học dữ liệu, triết học công nghệ. Triết học trong thời đại thông tin cần chuyển từ vai trò lý giải sang thiết kế các hệ thống công lý và nhân cách số - một trọng trách mà khoa học xã hội và nhân văn có thể đảm nhiệm một cách toàn diện.

Sau cùng, khoa học xã hội và nhân văn giúp định hình các chính sách phát triển có định hướng nhân văn, tránh sa vào chủ nghĩa công cụ hóa con người. Từ góc độ triết học, điều này giúp duy trì sự cân bằng giữa phát triển vật chất và tinh thần, giữa tốc độ và chất lượng sống. Khoa học xã hội và nhân văn chính là tác nhân phản biện, điều tiết và góp phần nâng cao năng lực quản trị dựa trên nền tảng tri thức xã hội và văn hóa. Drucker (1994) từng nhấn mạnh, tri thức là yếu tố sản xuất quan trọng nhất trong xã hội hậu công nghiệp, và khoa học xã hội và nhân văn chính là nơi cấu trúc nên tri thức xã hội ấy¹⁷.

¹⁶ Đặng Quang Định: “Sự phát triển lý luận triết học Mác - Lênin ở Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Lý luận chính trị*. Truy cập tại: <https://lyluanchinhtri.vn/su-phat-trien-ly-luan-triet-hoc-mac-lenin-o-hoc-vien-chinh-tri-quoc-gia-ho-chi-minh-6368.html>

¹⁷ P.F. Drucker: *Post-capitalist society*, HarperBusiness, 1994.

KẾT LUẬN

Khoa học, theo giáo sư Trần Văn Đoàn, dù thuộc lĩnh vực nào cũng là hình thức tiếp cận của con người nhằm lý giải chính bản thân mình và thế giới xung quanh, bắt nguồn từ nhu cầu nhận thức, khát vọng tồn tại và bản tính tò mò của nhân loại. Trong đó, khoa học xã hội và nhân văn không chỉ là một hệ thống tri thức phản ánh hiện thực xã hội mà còn là công cụ giúp con người truy vấn về bản chất của chính mình. Khoa học xã hội và nhân văn là nơi tập trung những câu hỏi nền tảng: “Con người là gì?”, “Con người là ai?”, “Xã hội hình thành như thế nào?”, và làm sao để con người được nhận thức, tự thức và khẳng định giá trị của mình thông qua các vai trò và hành động xã hội¹⁸. Từ hành trình lịch sử của dân tộc Việt Nam, có thể thấy khoa học xã hội và nhân văn đã luôn đồng hành cùng các giai đoạn phát triển quốc gia. Trong kỷ nguyên đấu tranh giành độc lập và kiến tạo thể chế mới, khoa học xã hội và nhân văn giữ vai trò nền tảng lý luận cho các cuộc cách mạng xã hội. Trong thời kỳ Đổi mới, lĩnh vực này được yêu cầu đổi mới phương pháp tiếp cận để thích ứng với sự vận động của nền kinh tế thị trường, phục vụ cải cách thể chế và xây dựng nền dân chủ cơ sở. Đến kỷ nguyên “vươn mình” hiện nay khi Việt Nam xác định mục tiêu trở thành quốc gia phát triển dựa trên động lực của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vai trò của khoa học xã hội và nhân văn lại càng trở nên cấp thiết và chiến lược.

Trong bối cảnh phát triển dựa trên tri thức và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn không chỉ giúp lý giải bản chất và hệ quả phát triển xã hội của các quá trình chuyển đổi lớn như chuyển đổi số hay phát triển kinh tế số, mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc định hình văn hóa đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực có năng lực thích ứng cao, và bảo đảm rằng các chính sách phát triển thực sự phục vụ con người và công bằng xã hội. Khoa học xã hội và nhân văn cũng đóng góp quan trọng trong việc đánh giá tác động xã hội của công nghệ, định hướng giá trị đạo đức và nhân văn trong không gian số, đồng thời tham gia vào quá trình hoạch định chính sách bảo đảm sự phát triển bao trùm và bền vững.

Tuy nhiên, để khoa học xã hội và nhân văn phát huy đầy đủ vai trò này, Việt Nam cần vượt qua nhiều thách thức cả về thể chế, nguồn lực và cơ chế vận hành. Cơ chế tài chính thiếu linh hoạt, hạn chế trong tiếp cận dữ liệu, sự kiểm soát học thuật và môi trường nghiên cứu chưa thực sự khuyến khích sáng tạo đang kìm hãm năng lực phát triển của lĩnh vực này. Đồng thời, sự tụt hậu về phương pháp luận, sự thiếu gắn kết với các lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ cũng là những điểm nghẽn cần được nhận diện và tháo gỡ.

Vì vậy, để khoa học xã hội và nhân văn thực sự trở thành động lực cho sự “vươn mình” của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, cần có một chiến lược phát triển đồng bộ và dài hạn. *Trước hết*, cần tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý khoa học, tăng cường quyền tự chủ cho các viện nghiên cứu và có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút và giữ chân nhân tài. *Thứ hai*, cần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động nghiên cứu thông qua mở rộng quyền tiếp cận dữ liệu, nâng cao tự do học thuật trong khuôn khổ pháp luật và thúc đẩy hợp tác quốc tế. *Thứ ba*, nên khuyến khích các nghiên cứu liên ngành, đặc biệt là sự kết hợp giữa khoa học xã hội và nhân văn với khoa học công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp của thời đại. *Cuối cùng*, cần tăng cường vai trò tư vấn và phản biện chính sách của khoa học xã hội và nhân văn, bảo đảm rằng các quyết sách quan trọng của quốc gia được xây dựng trên nền tảng khoa học, gắn với thực tiễn và định hướng phát triển bền vững vì con người.

¹⁸ Trần Văn Đoàn: *Thông điệp học trong khoa học xã hội nhân văn*. Truy cập tại: <https://giaophandalat.com/thong-dien-hoc-trong-khoa-xa-hoi-nhan-van.html>

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*TS. Phạm Ngọc Bảo Liêm**

1. Bối cảnh và tiền đề cho một kỷ nguyên phát triển mới của Việt Nam

Bối cảnh quốc tế những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI gắn liền với quá trình toàn cầu hóa sâu rộng, các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, công nghệ, lao động, thị trường,...; cuộc cách mạng công nghiệp mới với những xu hướng khoa học công nghệ nổi bật (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa...) đang làm thay đổi mô hình sản xuất, quản trị và cạnh tranh toàn cầu; biến động địa chính trị - kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp, cạnh tranh chiến lược, xung đột thương mại, biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu đặt ra nhiều thách thức mới; xu hướng phát triển xanh, bền vững, chuyển đổi số trở thành ưu tiên ở nhiều nước, ảnh hưởng đến chiến lược phát triển ở nhiều quốc gia.

Đối với Việt Nam, sau gần 40 năm Đổi mới (1986 - 2025) nền kinh tế đã có bước phát triển khá, đời sống nhân dân được cải thiện, uy tín quốc tế của đất nước được nâng cao. Tuy vậy, những vấn đề tồn tại và thách thức nội tại trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội vẫn chưa được giải quyết triệt để. Nền kinh tế phát triển nhưng chưa thực sự bền vững, năng suất lao động còn thấp, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế,... Tình hình đó thúc đẩy Đảng Cộng sản Việt Nam phải xây dựng chiến lược phát triển mới, chủ động thích ứng với bối cảnh quốc tế cũng như trong nước, đáp ứng khát vọng xây dựng đất nước hùng cường vào giữa thế kỷ XXI.

Xuất phát từ thực tiễn đó Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương phát triển đất nước trong thời đại mới - được xác định là “kỷ nguyên vườn mình của dân tộc”. Có thể thấy rằng, cơ sở để định vị con đường phát triển mới của Việt Nam được xây dựng dựa trên nền tảng lịch sử vững chắc là thành tựu 95 năm của cách mạng Việt Nam, của nước Việt Nam mới được xác lập từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là nền tảng chính trị quan trọng quyết định sự phát triển của Việt Nam trong thời đại mới.

Thành công của công cuộc Đổi mới đất nước (từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, 1986) dẫn đến những thay đổi toàn diện về kinh tế - xã hội, tạo nên thay đổi lớn trong tư duy phát triển, mở đường cho Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Về động lực cho quá trình phát triển mới của đất nước, dựa trên truyền thống giáo dục của dân tộc, tiếp thu những thành tựu mới về khoa học của nhân loại, giáo dục và khoa học công nghệ được khẳng định là yếu tố then chốt trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững quốc gia. Ngoài ra, quá trình toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, cuộc cách mạng khoa học công nghệ với nhiều công nghệ mới ra đời đặt ra yêu cầu cấp thiết phải chuyển đổi số, đổi mới mô hình tăng trưởng, tận dụng tri thức và công nghệ hiện đại cũng là động lực mới để Việt Nam cần thiết phải xác định rõ con đường phát triển của chính mình. Bên cạnh đó, khát vọng phát triển quốc gia, mong muốn đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững, thịnh vượng là động lực định hướng mọi chiến lược phát triển của quốc gia dân tộc trong kỷ nguyên mới.

2. Vai trò của giáo dục đào tạo trong quá trình Đổi mới và phát triển đất nước (1986)

Lịch sử giáo dục Việt Nam khởi đầu với giáo dục Nho học thời Lý (thế kỷ XI), được tiếp nối bằng hệ thống giáo dục phương Tây hiện đại từ cuối thế kỷ XIX thông qua

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

hệ thống giáo dục được người Pháp thiết lập ở Việt Nam trong quá trình chinh phục và khai thác thuộc địa¹. Đến năm 1945, cùng với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám, một hệ thống giáo dục theo quan điểm, mục tiêu và phương pháp giáo dục mới dần được hình thành nhằm đáp ứng yêu cầu về đào tạo con người, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình xây dựng chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa - nhất là từ những năm 1960 trở đi ở miền Bắc.

Sau năm 1975, cùng với việc thống nhất đất nước về chính trị - kinh tế, văn hóa - xã hội, nền giáo dục của nước Việt Nam thống nhất cũng dần được tổ chức lại nhằm thực hiện chức năng của giáo dục là “đào tạo con người nhưng không phải là con người chung chung, như thế nào cũng được, mà là con người phù hợp với những yêu cầu nhất định của một chế độ xã hội cụ thể, lịch sử nhất định”².

Năm 1979, đứng trước đòi hỏi của quá trình phát triển, Việt Nam chủ trương cải cách hệ thống giáo dục³. Tuy vậy, những thành quả cải cách giáo dục trong giai đoạn này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình đổi mới kinh tế - xã hội diễn ra sau đó (bắt đầu từ năm 1986, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam), nhất là nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Bước sang những năm đầu thế kỷ XXI, “hệ thống giáo dục đào tạo của nước ta đang tụt hậu xa hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới”⁴. Thực trạng này đã sớm được phát hiện. Đảng và Nhà nước đã có nhiều nghị quyết và chủ trương đúng đắn mà chưa được thực hiện nghiêm túc. Mấy năm qua, chúng ta đã trăn trở tìm tòi cách giải quyết, nhưng tình hình chuyển biến rất chậm”⁵.

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo nhằm khắc phục quá trình đổi mới còn chắp vá trong tiến trình cải cách giáo dục từ sau năm 1975 trên phạm vi cả nước, “phù hợp với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện một trong các đột phá chiến lược là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao”⁶ trở thành nhiệm vụ cấp thiết trong quá trình phát triển quốc gia. Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn này cũng đã nhận định: giáo dục đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển, kể từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới (1986), Việt Nam đã bước vào một thời kỳ phát triển mới, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình ấy, giáo dục đào tạo đóng vai trò đặc biệt quan trọng, không chỉ là nền tảng để phát triển con người mà còn là động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Từ những ngày đầu Đổi mới đến năm 2025, hệ thống giáo dục đào tạo Việt Nam đã có những bước tiến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Trong giai đoạn 1986 - 2000, Việt Nam đã khẳng định vai trò then chốt của giáo

¹ Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng: *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

² *Dưới ánh sáng của những lời Bác Hồ dạy, ra sức xây dựng một nền giáo dục cách mạng ở miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng* (tài liệu dùng trong đợt học tập hè 1975 của giáo chức).

³ Nghị quyết số 14-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/01/1979 về cải cách giáo dục.

⁴ Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2006: Giáo dục Việt Nam đang bị tụt hậu so với các nước khác trong khu vực, chỉ có 2% dân số được học trong thời gian trên 13 năm. Việt Nam xếp hàng chót trong khu vực châu Á nếu xét trong độ tuổi từ 20 đến 24 chỉ có 10% học lên tới đại học (so với Trung Quốc 15%, Thái Lan 41%, Hàn Quốc 89%). Tỷ lệ 167 sinh viên/1 vạn dân là rất thấp so với khu vực và các nước phát triển.

⁵ Võ Nguyên Giáp: *Đổi mới có tính cách mạng nền giáo dục và đào tạo của nước nhà*, trong *Những vấn đề giáo dục hiện nay - quan điểm và giải pháp*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2008, tr.12.

⁶ Phạm Văn Linh: *Định hướng chiến lược, giải pháp đột phá nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.25.

dục đào tạo. Thời gian này tuy đất nước còn nhiều khó khăn về nguồn lực đầu tư cho giáo dục, Việt Nam vẫn xác định rõ vai trò chiến lược của giáo dục đào tạo đối với sự phát triển quốc. Hiến pháp năm 1992 đã nhấn mạnh: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”.

Mặc dù ngân sách còn hạn chế, Việt Nam đã ưu tiên dành nguồn lực cho phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy mạnh xoá mù chữ, phát triển giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông. Mạng lưới trường học được mở rộng tới vùng sâu, vùng xa, góp phần nâng cao dân trí, tạo cơ hội học tập cho mọi tầng lớp nhân dân. Cùng với đó, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp được phát triển, cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật và chuyên môn phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Giai đoạn hội nhập và phát triển (2001 - 2010), nền giáo dục Việt Nam có bước chuyển mình về chất lượng và quy mô. Thời gian này đất nước bước vào thời kỳ hội nhập sâu rộng hơn với khu vực và thế giới, giáo dục đào tạo tiếp tục được coi là một trong ba khâu đột phá chiến lược. Chính phủ đã đẩy mạnh cải cách giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, đa dạng hóa các loại hình đào tạo và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể như: phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; chất lượng giáo dục đại học và dạy nghề từng bước được cải thiện, nhiều trường đại học được nâng cấp, mở rộng quy mô đào tạo; hợp tác quốc tế trong giáo dục được mở rộng với hàng chục ngàn sinh viên du học; xã hội hóa giáo dục phát triển mạnh, nhiều trường dân lập, tư thục được thành lập, giảm tải cho ngân sách nhà nước và tăng cơ hội học tập cho người dân. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng từng bước áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học, bước đầu hình thành cơ sở cho chuyển đổi số trong giáo dục sau này.

Giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ (2011 - 2025), đây là giai đoạn giáo dục đào tạo Việt Nam tăng tốc làm nền tảng cho phát triển bền vững. Từ năm 2011 đến nay, giáo dục Việt Nam tiếp tục bước vào giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Một trong những dấu mốc quan trọng là việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới (ban hành năm 2018), chuyển từ “truyền thụ kiến thức” sang “phát triển phẩm chất và năng lực học sinh”. Phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm ngày càng phổ biến trong các cấp học.

Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo đại học, sau đại học và giáo dục nghề nghiệp được tập trung phát triển theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động. Việt Nam cũng chú trọng liên kết giữa nhà trường - doanh nghiệp - nhà nước để nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học,...

Giáo dục đào tạo đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Việt Nam có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động cao (gần 70%), trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng, tạo lợi thế cạnh tranh lớn. Đây là điều kiện để Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển các ngành công nghệ cao.

Ngoài ra, sự phát triển của giáo dục đào tạo còn góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo. Việt Nam liên tục cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), trong đó giáo dục là nhân tố trọng yếu. Giáo dục góp phần giảm đói nghèo, tăng cơ hội tiếp cận thông tin, nâng cao nhận thức và vai trò công dân trong xã hội.

Vai trò của giáo dục đào tạo đối với sự phát triển của Việt Nam trong thời đại mới ngày càng được khẳng định. Tuy vậy giáo dục Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Đó là sự chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, vùng sâu vùng xa; áp lực đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy, cải thiện trình độ giáo viên; chưa đồng bộ giữa đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, còn thiếu lao động kỹ năng cao; chuyển đổi số trong giáo dục còn chưa sâu rộng, thiếu hạ tầng và kỹ năng số của giáo viên, học sinh,...

3. Vai trò của khoa học và công nghệ trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Kể từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới vào năm 1986, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong nhiều lĩnh vực. Trong đó, khoa học và công nghệ ngày càng giữ vai trò quan trọng, là động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Quá trình đổi mới của Việt Nam không thể tách rời khỏi sự phát triển và ứng dụng của khoa học và công nghệ. Vai trò này ngày càng được khẳng định và mở rộng theo từng giai đoạn phát triển của đất nước.

- Giai đoạn 1986 - 2000 là giai đoạn đặt nền móng cho sự chuyển biến và thay đổi về tư duy đối với khoa học công nghệ. Giai đoạn này đánh dấu bước chuyển lớn trong tư duy và chính sách phát triển của Việt Nam, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trình độ công nghệ thấp, nguồn lực hạn chế, khoa học và công nghệ đã góp phần quan trọng trong việc tháo gỡ các “nút thắt” phát triển của đất nước.

Nhiều công trình nghiên cứu đã được triển khai nhằm ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp, giúp tăng năng suất lúa gạo, đưa Việt Nam từ một nước thiếu lương thực trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Điển hình là việc áp dụng các giống lúa ngắn ngày, kỹ thuật canh tác tiên tiến,... Trong công nghiệp, việc tiếp cận và chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến thông qua hợp tác quốc tế đã giúp hình thành nền tảng ban đầu cho các ngành công nghiệp nhẹ, khai thác khoáng sản và chế biến thực phẩm.

Chính phủ cũng đã bắt đầu chú trọng đến vai trò của khoa học và công nghệ qua việc ban hành Luật Khoa học và Công nghệ đầu tiên vào năm 2000⁷, khẳng định vị trí khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

- Giai đoạn hội nhập và phát triển (2001 - 2010), khoa học và công nghệ trở thành động lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Cùng với tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã từng bước nâng cao năng lực khoa học và công nghệ. Nhà nước đầu tư mạnh hơn cho nghiên cứu, khuyến khích xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ.

Trong nông nghiệp, công nghệ sinh học bắt đầu được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất, giúp nâng cao năng suất và khả năng chống chịu của cây trồng. Trong y tế, Việt Nam đã làm chủ được nhiều công nghệ sản xuất vaccine, phòng chống dịch bệnh như cúm A/H5N1, SARS,... Trong lĩnh vực công nghiệp, nhiều doanh nghiệp đã chủ động đầu tư đổi mới công nghệ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm. Việt Nam đã khởi xướng các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước như các chương trình về phát triển công nghệ thông tin, tự động hóa, vật liệu mới,...⁸

- Giai đoạn (2011 - 2025) được xem là giai đoạn phát triển nhanh gắn liền với cuộc cách mạng công nghệ. Trong giai đoạn này Nhà nước xác định khoa học và công nghệ là cơ sở của đổi mới sáng tạo; đóng vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển đất nước. Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương lớn như: Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp

⁷ Luật Khoa học và Công nghệ (Luật số 21/2000/QH10 ngày 09/6/2000) khẳng định khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nền tảng và động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh, bền vững đất nước.

⁸ Giai đoạn này ghi nhận sự hình thành của các khu công nghệ cao (như Khu Công nghệ cao Hòa Lạc) với mục tiêu thu hút đầu tư, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, gắn kết chặt chẽ giữa khoa học và công nghệ với sản xuất.

hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ (năm 2012)⁹, Nghị quyết của Bộ Chính trị (năm 2019)¹⁰ về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Từ chỗ chủ yếu nhập khẩu công nghệ, Việt Nam đã chuyển hướng sang tự nghiên cứu, cải tiến và đổi mới sáng tạo. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục được cải thiện, từ hạng 76 năm 2012 lên hạng 46 năm 2023 (theo WIPO). Đây là minh chứng cho nỗ lực đổi mới và hội nhập về khoa học và công nghệ của Việt Nam.

Trong thời gian này, các lĩnh vực khoa học và công nghệ mũi nhọn được tập trung phát triển bao gồm: trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ sinh học, robot, tự động hóa,... Nhiều startup công nghệ ra đời, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo được hình thành với sự tham gia của các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, quỹ đầu tư mạo hiểm,... Một số doanh nghiệp Việt Nam đã vươn lên làm chủ công nghệ lõi và khẳng định tên tuổi trong khu vực, như Viettel trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ quân sự, Vingroup trong lĩnh vực sản xuất ô tô điện (Vinfast), Tập đoàn FPT trong phát triển phần mềm và trí tuệ nhân tạo.

Chính sách ưu đãi và hỗ trợ cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo cũng được hoàn thiện, thông qua Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF), Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia (Đề án 844),...

Có thể thấy từ năm 1986 đến nay, khoa học và công nghệ đã, đang và sẽ tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Những thành tựu đạt được là kết quả của một quá trình nỗ lực không ngừng, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao về việc phát triển khoa học và công nghệ như một trụ cột chiến lược của quốc gia, là động lực đưa Việt Nam tiến nhanh hơn trên con đường trở thành quốc gia phát triển, có nền kinh tế tri thức và năng lực cạnh tranh toàn cầu.

KẾT LUẬN

Quá trình phát triển của Việt Nam những thập kỷ đầu thế kỷ XXI gắn liền với bối cảnh toàn cầu hóa, với cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Trong tiến trình phát triển đó, giáo dục đào tạo cùng khoa học công nghệ tiếp tục đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 - thời điểm Việt Nam phấn đấu trở thành nước phát triển với thu nhập cao.

Trong quá trình này, giáo dục đào tạo là cơ sở để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Việt Nam cần chú trọng đổi mới căn bản giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, gắn lý thuyết với thực hành, phát triển toàn diện năng lực người học. Đặc biệt, cần tăng cường giáo dục STEM, kỹ năng số và tư duy đổi mới sáng tạo cho thế hệ trẻ.

Song song với đó, khoa học và công nghệ là động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, đổi mới mô hình tăng trưởng. Trong giai đoạn

⁹ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Truy cập tại: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tulieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi/ngphi-quyet-so-20-nqtw-ngay-01112012-hoi-nghi-lan-thu-6-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-phat-trien-khoa-hoc-va-576>

¹⁰ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt mục tiêu “Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và các doanh nghiệp, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững”. Xem: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-52-nqtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715>

2025 - 2030, Việt Nam cần đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển (R&D), làm chủ các công nghệ lõi như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, robot, công nghệ sinh học, vật liệu mới,... để phục vụ phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn và giải quyết các bài toán của quá trình phát triển như: vấn đề biến đổi khí hậu, đô thị hóa, già hóa dân số,...

Tầm nhìn đến năm 2045, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ sẽ là hai trụ cột để Việt Nam xây dựng xã hội tri thức, nền kinh tế sáng tạo, nâng cao vị thế quốc gia. Đầu tư cho con người, tri thức và công nghệ sẽ là chìa khóa để Việt Nam bứt phá và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Do vậy, cần thiết có một chiến lược đồng bộ, thống nhất giữa hai lĩnh vực này.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu¹¹. Theo đó, khoa học công nghệ (cùng với giáo dục đào tạo) đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc ứng dụng khoa học công nghệ giúp hoàn thiện quan hệ sản xuất và đổi mới phương thức quản trị quốc gia, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của người dân. Bên cạnh đó, việc phát triển khoa học công nghệ giúp ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, bảo đảm vị thế của Việt Nam trong thời đại mới. Như vậy có thể thấy rằng, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ là yếu tố then chốt, có vai trò quan trọng đặc biệt và là động lực mới đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

¹¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về *đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia* đã khẳng định rõ: Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược được coi là những trụ cột then chốt, trong đó thể chế cần đi trước một bước. Nghị quyết đề ra các nhiệm vụ trọng tâm như nâng cao nhận thức toàn xã hội, hoàn thiện thể chế, đầu tư phát triển hạ tầng số và nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn và bảo đảm an ninh mạng, chủ quyền số quốc gia. Nghị quyết hướng đến mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển dựa trên tri thức, đổi mới sáng tạo và công nghệ trong kỷ nguyên số. Xem: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-11162>

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI - KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS. Trần Thị Ngọc Anh*

TS. Nguyễn Thị Vân**

MỞ ĐẦU

Trong thời gian qua, thuật ngữ “*Kỷ nguyên mới- kỷ nguyên vườn mình của dân tộc*” được nhắc đến ở nhiều nơi, từ cơ quan, đoàn thể, đến các hội nghị, hội thảo, từ các cụm dân cư, đến các tổ chức xã hội,... Cụm từ này đã khơi gợi cho mỗi người dân những kỳ vọng về sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện, thay đổi về chất của cách mạng Việt Nam.

Thuật ngữ “*Kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam*” được Tổng Bí thư Tô Lâm sử dụng lần đầu tiên tại cuộc họp Tiểu ban Văn kiện chuẩn bị cho Đại hội lần thứ XIV của Đảng vào ngày 13/08/2024; tiếp đó là trong phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 10, khóa XIII, ngày 20/9/2024, có đoạn: Với thể và lực đã tích lũy được sau 40 năm đổi mới, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, với những thời cơ, thuận lợi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã hội tụ đủ những điều kiện cần thiết và văn kiện Đại hội XIV phải đề ra được định hướng chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để giải phóng toàn bộ sức sản xuất, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, lấy nguồn lực nội sinh, nguồn lực con người là nền tảng, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của Dân tộc Việt Nam.

Nội hàm của khái niệm “*kỷ nguyên mới*” đã được Tổng Bí thư Tô Lâm xác định là “*Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam chính là kỷ nguyên phát triển giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng cao cho xã hội, đất nước*”¹. Mục tiêu hướng đến của *kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình của dân tộc* là “*dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*”².

Ngày 15/11/2024, tại Hà Nội, Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia

*** Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

¹ Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (01/11/2024), truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie

² “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới” (Bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo nhân dân*, số 25193, 01/11/2024. Truy cập tại: https://image.nhandan.vn/Uploaded/2024/tmuivpipi/2024_11_01/docbao-ndhangngay-01112024-8657.pdf

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Đây là hội thảo đầu tiên bàn về vấn đề quan trọng này, đặt cơ sở để giới khoa học tiếp tục đi sâu nghiên cứu làm sáng tỏ, sâu sắc, đầy đủ hơn những vấn đề lý luận, thực tiễn của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, từ đó làm cơ sở lý luận cho việc đề ra phương hướng phát triển của các lĩnh vực cụ thể trong đời sống xã hội. Vậy, đứng trước yêu cầu chung của Kỷ nguyên mới, giáo dục đại học Việt Nam cần phải thay đổi và phát triển như thế nào?

NỘI DUNG

1. Nhiệm vụ của giáo dục đại học trong kỷ nguyên mới

Có ý kiến khẳng định rằng: *giáo dục phải đi trước một bước*³, đặc biệt là giáo dục đại học - giáo dục ở bậc nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân. Xưa, thầy Chu Văn An đã từng nói: Ta chưa từng nghe nước nào coi nhẹ sự học mà khá lên được. Các quốc gia hưng thịnh trên thế giới đều tuân theo quy luật này, như Thụy Điển, Thụy Sĩ, Phần Lan, Hà Lan, Singapore, Nhật Bản,... Dân tộc Việt Nam vốn đã có truyền thống hiếu học. Vậy nên, đề cao giáo dục cũng là điều đặc biệt được coi trọng của Nhà nước ở các giai đoạn lịch sử. Riêng về giáo dục đại học, trong giai đoạn mới này càng cần có một định hướng rõ nét hơn.

Sứ mệnh cao cả của giáo dục đại học là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, rèn nghề và rèn người cho đội ngũ trí thức để phát triển đất nước trong tương lai. Với kỷ nguyên mới, sứ mệnh này càng được đề cao, bởi hơn lúc nào hết, lúc này, chất lượng nhân lực có thể coi là vấn đề mang ý nghĩa quyết định đến tốc độ, hiệu quả của công cuộc phát triển đất nước. Khi bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển vượt bậc, đất nước rất cần những con người dũng cảm, nghị lực, mạnh mẽ về tính cách, phong phú, giàu có về kiến thức, vững vàng, kiên định về lập trường, tư tưởng. Muốn có được những thế hệ như vậy, cần có sự đào tạo, bồi dưỡng bài bản, có kế hoạch, có tầm nhìn mà giáo dục đại học có nhiều ưu điểm để đảm bảo tiếp cận lớp trẻ. Sinh viên với một bầu nhiệt huyết, với sức trẻ tràn trề và cũng đã có một sự định hình, phát triển nhân cách nhất định, lựa chọn cho mình con đường để dẫn thân, để trưởng thành và để cống hiến. Nếu họ chọn vào các trường đại học, đây sẽ là đội ngũ ưu tú, là những chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng nòng cốt để xây dựng đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Hồ Chí Minh đã căn dặn: Non sông Việt nam có được vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu.

2. Thời cơ cho giáo dục đại học trong kỷ nguyên mới

Bước vào kỷ nguyên mới, giáo dục đại học Việt Nam đang có rất nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển.

Về *điều kiện khách quan*: tuy cục diện thế giới đang có sự chuyển biến nhanh, phức tạp theo hướng đa cực, đa trung tâm; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhưng hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn. Đó là nhận định của Đảng ta về xu thế mới của thời đại. Trong xu thế đó, giáo dục đại học có nhiều điều kiện để tăng cường giao lưu, hợp tác, học hỏi, chất lọc những kinh nghiệm quý báu từ quốc tế, xây dựng cho mình một lộ trình tốt đẹp nhất, hiệu quả nhất. Ngày nay, giáo dục đại học Việt nam có nhiều thuận lợi khi nhân loại đang trong một cục diện mới, với một số đặc điểm thúc đẩy phát triển như: Hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa mạnh mẽ, toàn diện với nhiều mục tiêu, giá trị, tiêu chí toàn cầu và những

³ Phạm Kim Thư: Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: Giáo dục cần phải “đi trước một bước”, *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam* (06/02/2025), truy cập tại: <https://giaoduc.net.vn/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-giao-duc-can-phai-di-truoc-mot-buoc-post248992.gd>

công dân toàn cầu; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cách mạng số và công nghệ cao; Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ và dịch vụ; Xu hướng phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường; Thay đổi thị trường lao động theo hướng gia tăng lao động chất lượng cao; Văn hóa ngày càng trở thành nguồn lực phát triển quan trọng của các quốc gia,... Giáo dục đại học sẽ có nhiều cơ hội giao lưu và phát triển, học tập và hội nhập cao, trên cơ sở có sự chuẩn bị các điều kiện chủ quan tương ứng.

Về *nhân tố chủ quan*: sau Cách mạng tháng Tám 1945, với 80 năm tiến hành nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, trải qua nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng lòng, đồng thuận và nỗ lực của toàn dân, “có thể nói rằng: *Đất nước ta* chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”⁴.

Riêng về giáo dục, tuy là một nước nghèo, đời sống nhân dân còn có vùng khá lạc hậu, thu nhập bình quân còn thấp, đất nước lại luôn có chiến tranh liên miên, nhưng Đảng và Nhà nước luôn đặt giáo dục là quốc sách hàng đầu, ngân sách cho giáo dục tuy chưa nhiều nhưng hiệu quả, có rất nhiều thành tích đạt được của thí sinh Việt nam trên trường quốc tế, từ phong trào Bình dân học vụ, diệt giặc dốt, cho đến các phong trào xóa mù chữ, phổ cập cấp 1, cấp 2,... đã đem đến một thành quả đáng mừng của giáo dục Việt nam. Giáo dục đại học, từng bước Việt Nam đã được thế giới và khu vực ghi nhận. Ngày 23/4/2025, Times Higher Education (THE) công bố bảng xếp hạng đại học châu Á năm 2025, Việt Nam có 9 đại diện được gọi tên, đã tăng 3 trường so với năm 2024, lần đầu tiên lọt top 150 trong số các trường đại học tốt nhất châu Á. Điều này cho thấy những dấu hiệu khả quan của giáo dục đại học Việt Nam. Hiện nay, theo thống kê của VNUR năm 2024, Việt Nam có khoảng 240 cơ sở giáo dục đại học, trong đó có 7 đại học và 216 trường đại học, 17 học viện, tính đến đầu năm 2025. Lớn mạnh về số lượng, trưởng thành về chất lượng, Giáo dục đại học khẳng định hoàn toàn có khả năng bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, mang trong mình những giá trị thời đại - và đây là điều kiện để kỷ nguyên tiếp tục đưa dân tộc ta phát triển xứng tầm thời đại⁵.

3. Những thách thức cho giáo dục đại học trong kỷ nguyên mới

Sự biến chuyển có tính thời đại đem đến thời cơ, thuận lợi mới, đồng thời cũng có nhiều thách thức to lớn đối với giáo dục đại học Việt Nam. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo và công nghệ số đem đến cơ hội mà những quốc gia đang phát triển, chậm phát triển có thể nắm bắt để đi trước, phát triển vượt bậc. Nhưng để có thể hội nhập vào cuộc cách mạng đó, cần một trình độ nhất định, cần một nền tảng cơ sở tương ứng, đội ngũ lãnh đạo cũng như các thể chế, chính sách kịp thời. Có thể nêu ra một số trở ngại, cũng là những vấn đề đặt ra cho giáo dục đại học Việt Nam hiện nay trên con đường bước vào kỷ nguyên mới:

Thứ nhất, các đại học Việt Nam đang cần một sự đầu tư lớn về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, giáo dục điện tử, giáo dục liên kết và luôn mở rộng phạm vi kết nối với giáo dục trên thế giới. Tuy nhiên, cơ sở vật chất còn là bài toán khá nan giải. Đa số các trường Đại học Việt Nam được thành lập từ sau Cách mạng tháng Tám hoặc khi hòa bình lập lại trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa⁶. Với điều kiện

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.25.

⁵ Nguyễn Lộc và cộng sự: *Vietnam Higher Education Outlook 2024: Toàn cảnh giáo dục đại học Việt Nam 2024*. (15/01/2024). Tổ chức Giáo dục VNUR. Xem:

<https://vnur.vn/wp-content/uploads/2024/01/VNUR-ToancanhGiaoducDaihocVietnam-2024-15Jan24-Final-2.pdf>

⁶ Đại học Y Hà Nội được người Pháp thành lập năm 1902 là trường đại học lâu đời nhất ở Việt Nam; Đại học tổng hợp Hà Nội được thành lập từ trường Khoa học cơ bản tại chiến khu Việt bắc năm 1951, cùng với trường Đại học Sư phạm Hà Nội, nhiều trường được thành lập sau khi đất nước thống nhất năm 1975, như trường Đại học Luật Hà

tái thiết sau chiến tranh, với hoàn cảnh đất nước còn nghèo, các trường đại học ra đời được trang bị cơ sở vật chất còn khiêm tốn, từng bước phát triển lại có sự bồi đắp, xây dựng thêm, và hiện nay cũng có nhiều cơ sở đã cũ nát, chắp vá. Tuy nhiên, với yêu cầu của kỷ nguyên mới, cần một sự đầu tư đầy đủ hơn, đồng bộ hơn. Những trường đại học thành lập mới sau này, đặc biệt là khối trường có vốn tư nhân, đã thể hiện rõ sự đầu tư rất bài bản, chất lượng vào cơ sở vật chất, đó là những tín hiệu vui cho giáo dục đại học nước nhà.

Thứ hai, lãnh đạo đại học (Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Hội đồng quản trị,...) cần nâng cao năng lực quản trị đại học theo phương thức hiện đại, tự chủ và năng động. Cầu thị trước những biến đổi lớn, không chỉ dựa vào bề dày kinh nghiệm truyền thống mới là hướng đi khôn ngoan của các trường đại học. Đội ngũ cán bộ, giảng viên vừa hồng vừa chuyên, không ngừng trau dồi cập nhật kiến thức mới, phương pháp mới. Những thách thức này đòi hỏi một trình độ chuyên môn cao, thêm trình độ công nghệ hiện đại, một tinh thần trách nhiệm lớn, một tình yêu nghề nghiệp sâu sắc, nhưng lại trong một nền kinh tế thị trường có khá nhiều tác động tiêu cực từ mặt trái của nó. Thử thách này là không hề nhỏ.

Thứ ba, sinh viên, học viên cần được học tập, nghiên cứu trong môi trường dân chủ, giàu tính sáng tạo, có hàm lượng tri thức cao, được học tập bằng những phương pháp hiện đại nhất, và được rèn luyện các kỹ năng sống tốt nhất. Với thời đại chuyển đổi số như hiện nay, những cách học hàn lâm, kinh viện không thể đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Trường đại học Việt Nam với truyền thống tôn sư trọng đạo rất tốt đẹp, nhưng cũng khiến cho những tư duy phản biện khó khăn trong việc được thầy, cô thừa nhận. Các phương pháp giảng dạy truyền thống vẫn còn chiếm một tỷ lệ đáng kể trong các giảng đường.

Đứng trước những thách thức và các cơ hội như trên của giáo dục đại học Việt Nam, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp căn bản sau:

4. Những giải pháp cho giáo dục đại học trong kỷ nguyên mới

Thứ nhất, chuyển đổi số - giải pháp hàng đầu cho giáo dục đại học.

Đây cũng là giải pháp cho cả nền kinh tế và vận hành chính phủ của Việt Nam trước kỷ nguyên mới. Vấn đề rất nóng hổi của lực lượng sản xuất khi bước vào kỷ nguyên mới là sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo; công nghệ cao trở thành tư liệu sản xuất chất lượng. Cách mạng chuyển đổi số phải được thực hiện với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại, đưa đất nước vào kỷ nguyên mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu,... Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đã khẳng định tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia số⁷. Tầm nhìn này tiếp tục được Đảng ta khẳng định tại Đại hội XIII với tính cách là một mục tiêu của *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030*: “Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số”⁸. Muốn đạt được mục tiêu ấy, giáo dục đại học cần tiên phong, từ lý thuyết đến thực hành, từ các phòng thí nghiệm, các giảng đường, các viện nghiên cứu,... để đưa thành tựu mới nhất của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến các công xưởng, nhà máy,

Nội thành lập năm 1979, trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh thành lập năm 1976, trường Đại học Cần thơ thành lập sau 1975, tiền thân là Viện Đại học Cần thơ (1966).

⁷ Thủ tướng Chính phủ: *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2020/06/749.signed.pdf>

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.225.

cơ quan công quyền, công ty, trụ sở, doanh nghiệp,... Điều đó cho thấy, *chuyển đổi số trong giáo dục đại học là tất yếu*. Công nghệ số đã và đang thay đổi cách chúng ta tiếp cận và lan tỏa tri thức. Việc áp dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng học tập trực tuyến giúp mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục, cá nhân hóa việc học và nâng cao hiệu quả giảng dạy. Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển. Các đại học Việt Nam muốn vươn mình trong lĩnh vực này, không thể khác là phải có một lộ trình chuyển đổi số hợp lý, khoa học, khẩn trương để chiếm lấy những thành tựu mới, nếu không muốn mãi bị lạc hậu so với thế giới.

Thứ hai, đột phá về thể chế, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản trong phát triển đại học.

Trong kỳ họp Quốc hội vừa qua, có ý kiến nêu nên xem xét lại thể chế, cơ cấu của một số đại học, tránh chồng chéo, giẫm chân lên nhau. Cũng tương tự, có nhiều ý kiến đóng góp Chính phủ nên tăng tính tự chủ cho đại học. Thể chế là một trong những điểm nghẽn cần tháo gỡ. Để tháo gỡ điểm nghẽn này, cần có tư duy giáo dục mở: Giáo dục không thể gói gọn trong phạm vi nhà trường, không bó hẹp độ tuổi, không giới hạn nguyện vọng. Học tập suốt đời, liên kết giữa giáo dục chính quy và phi chính quy, giữa trường công và trường tư, cũng như hợp tác quốc tế trong đào tạo là xu hướng tất yếu để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Những quốc gia có nền giáo dục tiên phong, ta thấy được nhiều bài học quý giá về tư duy mở của họ.

Thứ ba, đào tạo đội ngũ cán bộ giáo dục đại học, xây dựng đội ngũ giảng viên chất lượng cao, có năng lực, có bản lĩnh khoa học và bản lĩnh chính trị vững vàng.

Cán bộ quản lý giáo dục đại học luôn phải là những người tiên phong trong đổi mới. Quan điểm này có sự nhất quán của Đảng ta về vai trò của đội ngũ cán bộ chủ chốt, nhất là cán bộ cấp chiến lược, bởi vai trò của đội ngũ lãnh đạo và công chức chính quyền với thành công thần kỳ của nhiều nước trong khu vực châu Á và thế giới. Kết luận số 91 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29 (đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo) nhấn mạnh: “Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu địa phương, đơn vị tiếp tục nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện đầy đủ, sâu sắc quan điểm coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”. Một nội dung quan trọng trong “kỷ nguyên mới” là tinh gọn tổ chức bộ máy để hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Do vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Giáo dục đại học cũng cần rà soát, sắp xếp lại một số học viện, trường đại học để có thể quản lý và phát triển tốt hơn. Hiện nay, có ý kiến trong nhân dân và của đại biểu Quốc hội đề xuất xem xét vai trò của các trường đại học trong đại học, loại bỏ các cơ chế chồng chéo, gây phiền hà cho người học và người giảng, gây nặng nề trong vận hành đại học.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng cần trao quyền tự chủ tự quyết nhiều hơn cho các trường. Nếu làm tốt được điều này, việc chỉ đạo, quản lý sẽ không còn những vướng mắc, chồng chéo, từ đó, tạo động lực cho đội ngũ giảng viên chủ động đổi mới, sáng tạo nhiều hơn trong quá trình dạy học. Mặt khác, các vị trí cán bộ quản lý cũng sẽ có cơ hội chủ động, quyết định, thực thi các chức trách nhiệm vụ tốt hơn. Làm được như vậy, chúng ta đã cụ thể được một nội dung quan trọng là cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết, sắp xếp tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

Người đứng đầu, Hiệu trưởng các trường phải thực sự trong “tư thế” sẵn sàng và nhiệt huyết sáng tạo, đổi mới trong cách quản lý, quản trị. Người đứng đầu phải luôn đặt mình như là “người bạn” đồng hành với các thầy cô; là người hướng dẫn, tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên, giảng viên tiếp cận nhanh chóng đến các chính sách ưu tiên, ưu đãi của ngành.

Bên cạnh đó, người đứng đầu cần có tinh thần mạnh mẽ, sáng suốt, quyết đoán để đưa ra các giải pháp, quyết sách kịp thời trong các giai đoạn phát triển khác nhau của đơn vị. Hiệu trưởng cũng phải đưa ra được các kế hoạch, sứ mệnh, tầm nhìn ngắn và dài hạn để phát triển nhà trường. Cán bộ quản lý “dám nói, dám làm và sẵn sàng chịu trách nhiệm”, biết hy sinh vì đồng nghiệp sẽ là những phẩm chất quan trọng để các đơn vị giáo dục đại học phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Giáo dục kỹ năng sống: Chưa bao giờ cung cấp kiến thức là nhiệm vụ độc tôn của giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Kiến thức hàn lâm không đủ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động hiện đại. Những kỹ năng quan trọng như rèn luyện tư duy phản biện, tư duy đột phá, ứng dụng sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi hoàn cảnh và yêu cầu, kỹ năng quản trị cảm xúc, kỹ năng giao tiếp,... cần được tích hợp sâu vào chương trình, nội dung giảng dạy đại học, đáp ứng chuẩn đầu ra, phục vụ tốt cho những nhiệm vụ thực tiễn. Đây cũng là mảng nội dung còn nhiều hạn chế của đại học Việt Nam.

“Kỷ nguyên vươn mình không phải là điều xa vời, mà là cơ hội cho những quốc gia biết đặt giáo dục lên hàng đầu. Khi giáo dục đi trước một bước, xã hội sẽ phát triển bền vững, kinh tế sẽ bứt phá và con người sẽ có đủ năng lực để làm chủ tương lai. Một nền giáo dục tiên tiến hôm nay sẽ tạo nên một thế hệ công dân xuất sắc ngày mai - và đó chính là chìa khóa giúp đất nước vươn mình trong thời đại mới”⁹.

KẾT LUẬN

Đứng trước yêu cầu cấp thiết của đất nước khi bước vào kỷ nguyên mới, giáo dục đại học Việt Nam có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng đồng thời cũng chuẩn bị những điều kiện cơ bản, nội lực vững vàng. Trong nhiệm vụ chính trị chung của đất nước để *vuôn mình*, giáo dục đại học không thể không có những đột phá kiên quyết, những chuyển biến mạnh mẽ để đóng góp vào sự nghiệp cách mạng chung. Từ kỷ nguyên độc lập sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, giáo dục đại học Việt Nam đã có nhiều bài học kinh nghiệm để tiếp nối tinh thần, bước vào kỷ nguyên phát triển rực rỡ của dân tộc.

⁹ Phạm Kim Thư: Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc: Giáo dục cần phải “đi trước một bước”, *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam* (06/02/2025), truy cập tại: <https://giaoduc.net.vn/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-giao-duc-can-phai-di-truoc-mot-buoc-post248992.gd>

TỪ TINH THẦN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*TS. Nguyễn Văn Quế**

MỞ ĐẦU

Trong dòng chảy lịch sử nhân loại và dân tộc Việt Nam, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (02/9/1945) là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa chính trị đặc biệt quan trọng. Đây là mốc son hào hùng đánh dấu sự ra đời của một nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Sự ra đời của Nhà nước này đã đưa toàn thể nhân dân Việt Nam từ những người đang bị áp bức bóc lột (nô lệ) trở thành người làm chủ thực sự của đất nước. Từ đó cho đến nay, sức sống, tinh thần và những giá trị của thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 và Quốc khánh 02/9/1945 luôn hiện diện trong mỗi bước đi, mỗi chặng đường phát triển của đất nước và trở thành biểu tượng của khát vọng độc lập, tự do, hòa bình.

Những thành tựu của đất nước trong suốt 80 năm qua đã giúp cho chúng ta nhận thức một cách toàn diện và sâu sắc hơn về tầm vóc và giá trị của một sự kiện lịch sử trọng đại đối với sự phát triển của đất nước. Trên cơ sở đó, phát huy tinh thần của Cách mạng tháng Tám 1945 trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hướng đến kỷ nguyên vườn mình của Việt Nam giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG

1. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 và sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng 8/1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh lâu dài, đầy gian khổ, hy sinh với khát vọng độc lập, tự do và hòa bình dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 01/9/1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng. Trong thời điểm này, chế độ phong kiến Việt Nam đang rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc và mất dần vị thế lịch sử vốn có. Mặc dù không thực hiện được mục đích “đánh nhanh, chiếm nhanh” như mục đích đề ra, nhưng đến năm Giáp Thân - 1884 thực dân Pháp cũng đã đạt được mục tiêu hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam (Với Hòa ước Patenôtre). Sau khi đặt được ách thống trị ở Việt Nam, thực dân Pháp đã dùng chính sách cai trị nô dịch, hà khắc và tàn khốc với mục đích như: khai thác và tận dụng các tài nguyên thiên nhiên phong phú của Việt Nam như khoáng sản, nông sản và lao động giá rẻ để phục vụ cho nền kinh tế của thực dân Pháp; đàn áp mọi phong trào đấu tranh giành độc lập của người Việt Nam, giữ cho dân chúng trong tình trạng sợ hãi và phụ thuộc; áp dụng chính sách “chia để trị”, tạo ra sự phân biệt giữa các tầng lớp xã hội và các dân tộc khác nhau để ngăn chặn sự đoàn kết và nổi dậy chống lại họ; thực dân Pháp thiết lập một hệ thống hành chính chặt chẽ, với một hệ thống thuế quan nặng nề, từ trung ương đến địa phương, để kiểm soát mọi hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội. Những chính sách này đã gây ra nhiều đau khổ và bất công cho người dân Việt Nam, nhưng cũng là “động lực” thúc đẩy ngọn lửa đấu tranh và tinh thần yêu nước trong các phong trào đấu tranh giành ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các phong trào đấu tranh chống lại chính sách cai trị của thực dân Pháp đã nổ ra mạnh mẽ: Phong trào Cần Vương (cuối thế kỷ XIX), phong trào nông dân (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX), phong trào theo khuynh hướng

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

dân chủ tư sản (đầu thế kỷ XX),... Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan tất cả các phong trào ấy đều bị thất bại, bị “dìm trong biển máu”. Tuy bị thất bại, nhưng những phong trào này đã góp phần quan trọng vào việc thức tỉnh lòng yêu nước và ý chí đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam. Sau khi các phong trào đấu tranh diễn ra thực dân Pháp tiếp tục có những biện pháp hà khắc ngày càng gây ra càng nhiều hy sinh, tổn thất đối với nhân dân Việt Nam. Chính điều này lại là ngọn lửa thắp lên khát vọng độc lập, tự do và hòa bình của nhân dân Việt Nam, nhất là trong bối cảnh thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga thành công năm 1917, đây là sự thắng lợi của cách mạng vô sản ở hiện thực.

Sau nhiều năm làm việc và hoạt động ở nhiều qua quốc gia, châu lục, Nguyễn Ái Quốc đã tìm đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin sau khi đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin vào tháng 7 năm 1920. Sau khi đọc được Luận cương, Người nói: “Luận cương của Lênin đã làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: 'Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!’”¹. Người đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc đó là con đường cách mạng vô sản. Đồng thời Người cũng rút ra được chân lý của thời đại: “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”². Trước yêu cầu bức thiết của phong trào cách mạng ở Việt Nam, với sự tích cực và chủ động của Nguyễn Ái Quốc, từ ngày 06/1 - 07/2/1930 tại Hương Cảng - Trung Quốc, Hội nghị thành lập Đảng đã quyết định thành lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 10/1930 đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương). Đây chính là bước ngoặt quan trọng trên con đường đấu tranh vì độc lập, tự do. Cũng từ đây cách mạng của Việt Nam đã được đặt vào quỹ đạo chung của cách cuộc cách mạng vô sản trên thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa mới ra đời (03/2/1930), ngay trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Đảng đã vạch ra con đường cách mạng tất yếu lúc bấy giờ là “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”³, cũng từ đây nhiệm vụ độc lập dân tộc được đặt lên hàng đầu. Để thực hiện đường lối chung đó, trong *Sách lược vắn tắt* tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”⁴.

Với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo: kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng đã tập hợp và lãnh đạo đại bộ phận quần chúng nhân dân đoàn kết đấu tranh trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 và phong trào cách mạng 1939 - 1945 trong đó trực tiếp, mạnh mẽ nhất là Cao trào kháng Nhật giành chính quyền. Mục tiêu cao nhất của Đảng trong giai đoạn này là: Tập hợp, đoàn kết tất cả các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, nhằm cùng nhau hướng tới mục tiêu giải phóng cho dân tộc.

Từ năm 1941, Đảng đã chuẩn bị mọi mặt từ phát triển căn cứ địa, xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang đến xây dựng mặt trận đoàn kết cứu nước. Tất cả đã được sẵn sàng khi thời cơ cách mạng đến. Trong quần chúng nhân dân lúc này

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.562.

² Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.33.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.2.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.2, tr.4.

khát vọng độc lập, tự do, hòa bình và tinh thần đấu tranh đang sôi sục hơn bao giờ hết.

Tháng 8 năm 1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, quân đội, chính quyền và tay sai rơi vào tình trạng khủng hoảng và hoang mang cực độ. Toàn thể dân tộc Việt Nam lúc này chỉ còn một con đường duy nhất là đứng lên chứ không còn con đường nào khác. Nhận định “cơ hội ngàn năm có một” đã tới Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong phạm vi cả nước với quyết tâm sắt đá: “*Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập dân tộc*”⁵. Lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện cho ý chí sắt đá, quyết tâm của dân tộc Việt Nam. Với khí thế bão táp cách mạng. Chỉ trong vòng 15 ngày, từ ngày 14 - 18/9/1945 cuộc Tổng khởi nghĩa đã nổ ra thắng lợi hoàn toàn trong cả nước. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân dân Việt Nam được bước lên vũ đài chính trị, trở thành người làm chủ thật sự của đất nước.

Ngày 02/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, trong thời khắc thiêng liêng của lịch sử dân tộc, trước quốc dân đồng bào và nhân dân thế giới Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa - một sự kiện trọng đại mãi mãi ghi vào lịch sử Việt Nam. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh long trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng, “*nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ quyền tự do độc lập ấy*”⁶.

Đây chính là khát vọng vươn lên của một dân tộc, là thành quả tất yếu đối với những nỗ lực và sự hy sinh của một dân tộc nhỏ nhưng có một trái tim yêu chuộng hòa bình lớn. Điều này được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc ấy phải được độc lập!”⁷.

Trong 80 năm qua tinh thần độc lập, tự do và khát vọng vươn lên luôn được hun đúc cùng với chiều dài của lịch sử dân tộc. Hiện nay, tinh thần và khát vọng ấy lại một lần nữa đánh dấu mốc đặc biệt quan trọng là đưa dân tộc Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, phù hợp với yêu cầu của thời đại, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

2. Những giá trị nền tảng từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945

Trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước tính từ thế kỷ thứ III TCN đến thế kỷ XX dân tộc Việt Nam đã trải qua rất nhiều cuộc kháng chiến đánh đuổi giặc ngoại bang. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, những thắng lợi chống ngoại xâm đều có những ý nghĩa khác nhau, nhưng mẫu số chung của tất cả các cuộc chiến tranh bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc chính là sự đoàn kết các lực lượng dựa trên nền tảng tinh thần và truyền thống yêu nước của dân tộc. Có được thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng 8/1945 chính là nhờ vào sự bồi đắp những giá trị của dân tộc trong quá khứ và đã được hiện thực hiện hóa trong thời đại Hồ Chí Minh anh hùng cách mạng, thời đại của độc lập, tự do và hạnh phúc. Theo đó, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9/1945 để lại những di sản cả về lý luận lẫn thực tiễn, bài học vô cùng quý giá về phương pháp luận cần vận dụng, phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và khát vọng vươn mình của dân tộc Việt Nam hiện nay.

⁵ Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.196.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sổ đ*, 2011, t.4, tr.3.

Đó là bài học trong mọi hoàn cảnh, phải luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên trì thực hiện đường lối đổi mới. Là một trong những cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh, được thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, giải quyết một cách đúng đắn và xác đáng mối quan hệ chủ quyền quốc gia và lợi ích của nhân dân, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, giữa mục tiêu trước mắt và định hướng phát triển lâu dài, phù hợp với dòng chảy của lịch sử nhân loại, đặc điểm và khát vọng vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Chính đường hướng đó đã được vận dụng và thể nghiệm trong thực tiễn Việt Nam. Điều này đã được thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên và tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám và quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5 - 1941) đã thể hiện rõ chủ trương lớn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, với chủ trương “liên hiệp hết thảy các giới, đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn”⁸, “sẵn sàng giơ tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể, không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia, miễn thành thực muốn đánh đuổi Nhật, Pháp để dựng lên một nước Việt Nam tự do và độc lập”⁹. Tất cả các lực lượng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất do liên minh công, nông, trí thức làm nòng cốt, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tiếp theo là, bài học phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường kết tinh trong lời kêu gọi của Hồ Chí Minh “Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹⁰ đã được thực hiện triệt để trong Cách mạng tháng Tám.

Cách mạng muốn thành công thì không chỉ có vai trò lãnh đạo của Đảng, một yếu tố đảm bảo xuyên suốt cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng được rút ra từ Cách mạng tháng Tám đó là: biết phát huy và tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân. Thực tiễn đã chứng minh quần chúng nhân dân chính là chủ thể của các cuộc cách mạng, chủ thể ấy mạnh hay yếu là do lực lượng lãnh đạo có tin tưởng và biết phát huy hay không. Chính vì thế phải tập trung vào việc xây dựng lực lượng lãnh đạo cách mạng phải thật sự vững mạnh để thuyết phục và lãnh đạo cho được dân chúng.

Trong chiều sâu lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, khát vọng độc lập, tự do và hòa bình đã nhiều lần được nhắc đến như một ý chí bất khuất trường tồn với thời gian. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh như lời khẳng định đanh thép đối với những ý định xâm lược của thế lực ngoại bang, đây cũng là bài học kinh nghiệm chưa bao giờ cũ đối với đất nước khi trải qua những thời kỳ khó khăn sau này. Bên cạnh đó là bài học về phát huy bản chất và những giá trị của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đó là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Điều này đã được thể hiện qua những việc làm khẩn trương ngay sau khi nhà nước mới ra đời: củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, xây dựng nền móng của xã hội mới, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để đập tan mọi âm mưu xuyên tạc và hành động của các thế lực thù địch đang nuôi dưỡng mưu đồ đặt lại ách thống trị trên đất nước ta.

Có thể thấy, một dân tộc đã tự giải phóng mình khỏi ách thống trị đế quốc, thực

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.461.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, t.7, tr.461.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

dân đưa đất nước từ thuộc địa - phong kiến trở thành nước độc lập, tự do, dân chủ; một dân tộc đã làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám “long trời, lở đất” thì không lẽ gì không thể tiếp tục làm nên “Cách mạng tháng Tám” của thời kỳ đổi mới mở ra Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

3. Khát vọng Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Xu thế toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang lôi cuốn tất cả các quốc gia trên thế giới tham gia và tác động sâu rộng tới các lĩnh vực của đời sống xã hội, đến sự vận động, phát triển của mọi quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là một quá trình có tác động hai chiều, cả tích cực lẫn tiêu cực, đem lại cả thời cơ, vận hội phát triển lẫn thách thức, nguy cơ hiểm họa khó lường đối với các quốc gia, dân tộc.

Nhìn lại gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới và gần 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, bổ sung, phát triển năm 2011, Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, toàn diện, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; chưa bao giờ đất nước có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Nhân dân tin tưởng đất nước Việt Nam sẽ làm nên một cuộc “cách mạng trong thời kỳ đổi mới”.

Lịch sử đã chỉ ra cho chúng ta bài học: Nếu như trong chiến tranh, việc đề cao lợi ích tập thể tạo nên sức mạnh to lớn thì thời bình, cùng với đó phải chú trọng tác động trúng lợi ích và khơi dậy được hoài bão, khát vọng độc lập dân tộc, tạo thành động lực thường trực để mỗi cá nhân và tổ chức nỗ lực phấn đấu vì hòa bình, tự do vì sự phát triển thịnh vượng, phồn vinh của đất nước. Xây dựng khát vọng phát triển phải bằng những cơ chế, chính sách cụ thể, rõ ràng, bảo đảm quyền bình đẳng, làm cho người hiền tài thật sự được trọng dụng, tôn vinh; xóa bỏ mọi định kiến xã hội hoặc chủ nghĩa bình quân cản trở trọng dụng nhân tài. Lợi ích cá nhân là động lực thường trực cho mỗi người phấn đấu vươn lên, nhưng lợi ích mỗi thành viên của xã hội phải thuận chiều với lợi ích của quốc gia, dân tộc thì mới tạo nên sức mạnh tổng hợp. Đi đôi với tôn trọng lợi ích kinh tế, phải khơi dậy được động lực văn hóa - tinh thần.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, phải có cơ chế để duy trì, nuôi dưỡng và phát huy động lực văn hóa - tinh thần, khát vọng phát triển trong mỗi người dân bằng giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự cường. Đất nước phụng dưỡng hành động đó vẫn hoàn toàn không cũ; một số bộ, ngành, địa phương đang tích cực, quyết liệt trong khâu tổ chức thực hiện đã đem lại những kết quả rõ rệt. Điều này đã được Đảng ta đưa ra trong mục tiêu chiến lược phát triển đất nước tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII với những mục tiêu cụ thể như: “Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”¹¹. Không những đưa ra những mục tiêu cụ thể để cả Dân tộc quyết tâm cùng với sự lãnh đạo của Đảng thực hiện, mà một trong những nhiệm vụ trọng tâm đã được Đảng ta chỉ ra: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.11, tr. 326 - 327.

sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”¹².

Nhìn nhận một cách khách quan và toàn diện, cho đến bây giờ có thể nói, những chính sách, đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, những giá trị truyền thống, bài học từ tinh thần Cách mạng tháng Tám đã và đang được phát huy, các tầng lớp nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhưng nước ta vẫn phát triển chậm, thua kém nhiều mặt so với những nước có hoàn cảnh lịch sử gần giống chúng ta cũng là một điều đáng suy nghĩ. Trong khi nước ta có những lợi thế vượt trội so với một số nước. Như ưu thế về địa chính trị, địa kinh tế; rồi thế mạnh của rừng, biển và khoáng sản; đặc biệt chúng ta có nguồn nhân lực dồi dào, lao động cần cù, sáng tạo và đang ở thời điểm “dân số vàng”... Những tiềm lực đó chính là sức mạnh vô cùng quan trọng Việt Nam thực hiện để có thể làm nên “một kỷ nguyên vươn mình” của Việt Nam với một công cuộc xây dựng và phát triển đất nước thịnh vượng.

Hiện nay, được sự lãnh đạo và chỉ đạo rất sát sao của Đảng, sự quản lý và điều hành mạnh mẽ của chính phủ với phương châm “vừa chạy vừa xếp hàng” hàng loạt các quyết sách lớn đã được ra đời. Tạo cơ chế thông thoáng cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách đưa ra những giải pháp cụ thể, mạnh mẽ, đúng và trúng để tiếp tục làm cho đất nước phát triển đi lên. Đảm bảo cho người lao động có việc làm, đời sống cho nhân dân được nâng lên, các chính sách về an sinh xã hội ngày càng được đảm bảo nhất là đối với hai lĩnh vực được xem là trọng điểm và nhạy cảm liên quan trực tiếp đến nguồn lực và sức khỏe người dân Việt Nam nói chung và người lao động nói riêng đó là giáo dục và y tế. Chúng ta phải tận dụng nguồn nhân lực để phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... phải vươn, vượt kịp thời nắm bắt những thời cơ, để sánh vai cùng bạn bè quốc tế.

Đáng chú ý, ở thời điểm hiện tại và tương lai gần, chúng ta cần phải phát huy tinh thần đoàn kết, tận dụng được sức mạnh nội tại để chuyển mình đổi mới. Điều này cũng có nghĩa, Việt Nam - một đất nước với gần 100 triệu dân cần xây dựng các thị trường nội địa thực chất do các doanh nghiệp trong nước dẫn dắt, đây là một trong những chiến lược lâu dài mang lại hiệu quả nhất để giúp nền kinh tế Việt Nam có khả năng chống chịu với những cú sốc bên ngoài. Việt Nam chưa từng chùn bước trước khó khăn, luôn mạnh mẽ và đứng cao hơn thách thức nhờ vào khí chất dân tộc, sự quyết tâm, đồng thuận, trên dưới một lòng.

Với tinh thần và khát vọng vươn mình, một trong các đột phá chiến lược mà Đảng ta đã đưa ra: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹³. Điều này cần tiếp tục được phát huy trong mọi hoàn cảnh và nhân dân đang kỳ vọng đất nước ta sẽ làm nên một cuộc “Cách mạng trong thời kỳ đổi mới toàn diện”, “với một kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” tạo nên sức mạnh, tự tin “sánh vai với cường quốc năm châu”.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1I, tr.336.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1I, tr.338.

KẾT LUẬN

Tinh thần độc lập, tự do, hạnh phúc của Cách mạng tháng Tám và *Tuyên ngôn Độc lập* chính là nền tảng sức mạnh để cả dân tộc phát huy tinh thần chủ động, tự lực, tự cường, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, đưa Việt Nam tiến những bước nhanh bền vững, đất nước ngày càng giàu đẹp, phồn vinh. Suốt chặng đường 80 năm bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, bài học quý giá từ cuộc cách mạng của Mùa thu lịch sử ấy đó chính là tin vào sức mạnh nhân dân, cố kết nhân dân một lòng, một dạ theo Đảng. Để làm điều này Đảng ta cần “Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và công tác dân vận của Đảng”¹⁴; Đảng tiếp tục nắm bắt thời cơ, tăng cường sự chỉ đạo để phát triển Việt Nam ngày càng thịnh vượng và bền vững. Trong bối cảnh quốc tế có nhiều thời cơ nhưng cũng không ít thách thức đặt ra, nhưng nhân dân tin Đảng, Đảng tin nhân dân chính là mạch nguồn sức mạnh giúp dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường đổi mới toàn diện đất nước, phát triển đất nước hướng đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.11, tr.118 - 119.

GIÁ TRỊ TRIẾT HỌC CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VỚI KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS. Lê Văn Tùng*
ThS. Nguyễn Thị Thìn**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một dấu mốc lịch sử trọng đại của dân tộc Việt Nam, đánh dấu sự thành công của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thiết lập nền độc lập, tự do và mở ra kỷ nguyên mới cho sự phát triển toàn diện của đất nước. Từ góc nhìn triết học Mác - Lênin, sự kiện này không chỉ mang ý nghĩa lịch sử mà còn thể hiện các giá trị triết học sâu sắc, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên vườn mình hội nhập và phát triển. Bài viết này sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, logic và lịch sử, tập trung phân tích và luận giải các giá trị triết học của Cách mạng tháng Tám 1945, đồng thời bước đầu gợi mở sự vận dụng và phát huy các giá trị này trong kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam.

NỘI DUNG

1. Giá trị triết học của Cách mạng tháng Tám năm 1945

Một là, Cách mạng tháng Tám 1945 - cách mạng giải phóng dân tộc và dân chủ nhân dân mang ý nghĩa triết học sâu sắc.

Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng hùng hồn cho khả năng đồng thuận và vai trò trung tâm của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Theo tinh thần của triết học Mác-Lênin, cuộc cách mạng này là hình thức cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đặc thù, giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ trọng yếu là giành độc lập dân tộc và thiết lập một chế độ chính trị mới phù hợp với quy luật vận động lịch sử. Qua đó, cuộc Cách mạng tháng Tám xác nhận tính đúng đắn của việc vận dụng lý luận cách mạng vô sản vào bối cảnh thực tiễn cụ thể của Việt Nam, một xứ thuộc địa nửa phong kiến lúc bấy giờ. Thắng lợi của cuộc cách mạng ấy đã góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân, phản ánh sự vận động tất yếu của lịch sử qua sự phát triển mâu thuẫn giai cấp, dân tộc và xã hội. Đây là minh chứng sinh động cho nguyên lý biện chứng duy vật về sự vận động và phát triển của lịch sử thông qua sự đấu tranh giai cấp và dân tộc, đồng thời cũng khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân - lực lượng chủ thể lịch sử trong việc làm nên các bước ngoặt lịch sử. Thành công của Cách mạng tháng Tám hoàn toàn là nhờ sức mạnh của quần chúng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và đã được chuẩn bị, thử thách từ trước đó rất lâu, chứ không phải là “ngẫu nhiên”, “tự phát”, “ăn may”, tận dụng “khoảng trống quyền lực” như một số học giả quan niệm¹. Không ai khác, chính David G. Marr, nhà sử học nổi tiếng người Mỹ gốc Úc với công trình nghiên cứu đồ sộ *Việt Nam: Nhà nước, Chiến tranh và Cách mạng (1945 - 1946)*, đã khẳng định, “Tại các cuộc mít-tinh diễn ra trên khắp cả nước, các diễn giả ca ngợi công lý và bình đẳng cách mạng, việc xóa bỏ thuế thực dân, tịch thu tài sản của người Pháp, và chấm dứt sự bóc lột giữa người với người. Đối với nhiều người tham gia, những cuộc mít-tinh như vậy là trải nghiệm đầy phấn khích, làm thay đổi cuộc đời”².

*** Trường Đại học Đồng Tháp.

¹ Đinh Xuân Lâm, Phạm Hồng Tung: Cách mạng tháng Tám năm 1945 với giới nghiên cứu lịch sử nước ngoài. *Báo nhân dân*. Truy cập tại: <https://nhandan.vn/cach-mang-thang-tam-nam-1945-voi-gioi-nghien-cuu-lich-su-nuoc-ngoai-post499225.html>, 23/08/2006

² David G. Marr: *Vietnam: State, war, and revolution (1945 - 1946)*. University of California Press. 2013, p.3.

Hai là, vai trò Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh - Minh chứng cho giá trị phương pháp luận cách mạng.

Từ góc nhìn phép biện chứng duy vật, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám được quyết định trực tiếp bởi vai trò lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khác với nhiều cuộc cách mạng trên thế giới, Cách mạng tháng Tám đặc trưng bởi việc “giành chính quyền trong hòa bình” dựa vào nhận diện chính xác thời cơ cách mạng, huy động, khơi dậy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc và kế tục truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Thành công ấy thể hiện sự vận dụng sáng tạo và linh hoạt phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, khi Đảng Cộng sản Việt Nam biết kết hợp giữa lý luận cách mạng vô sản với thực tiễn cụ thể của một xứ thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam. Lãnh đạo Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp nhuần nhuyễn các lực lượng xã hội, xây dựng mặt trận dân tộc rộng rãi và phát huy vai trò quần chúng nhân dân làm trung tâm trong cách mạng, từ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp quyết định sự thành công của cách mạng. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng ngày 11/02/1951 khẳng định: “Do sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Đảng, do sức đoàn kết và hăng hái của toàn dân trong và ngoài mặt trận Việt Minh, cuộc Cách mạng tháng Tám đã thắng lợi... Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”³.

Ba là, sự kiện khôi phục tên nước Việt Nam - biểu tượng triết học về chủ quyền, bản sắc và tự cường dân tộc.

Việc chính thức tuyên bố quốc hiệu “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám không chỉ đánh dấu một thành quả cách mạng mà còn mang ý nghĩa triết học sâu sắc đối với sự xác lập địa vị của dân tộc Việt Nam độc lập và có chủ quyền. Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, quốc gia và dân tộc là chủ thể lịch sử, có quyền tự quyết định vận mệnh của mình. Việc khôi phục tên nước là một minh chứng cho ý chí tự lực, tự duy độc lập và khẳng định bản sắc của dân tộc, chấm dứt nỗi đau “mất nước” gắn với nhiều hy sinh, thống khổ của nhiều thế hệ Việt Nam yêu nước, thương non. Đúng như lời trịnh trọng tuyên bố với thế giới trong *Tuyên ngôn Độc lập*, rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁴. Đây cũng là sự minh chứng cho địa vị là chủ và làm chủ đất nước của dân tộc Việt Nam, thể hiện quyền làm chủ của dân tộc đối với vận mệnh của mình, đồng thời là sự xác nhận quyền tồn tại chính đáng trong cộng đồng các dân tộc trên thế giới. Việc này phù hợp với nguyên lý triết học về tính tự nhận thức và tự quyết của chủ thể lịch sử, đồng thời tạo nên nền tảng để xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân.

Bốn là, chuyển hóa địa vị lịch sử của nhân dân - từ nô lệ thành người làm chủ.

Một trong những giá trị triết học sâu sắc nhất của Cách mạng tháng Tám là chuyển hóa căn bản địa vị xã hội của nhân dân Việt Nam, từ thân phận nô lệ, bị áp bức và đô hộ sang địa vị chủ thể làm chủ đất nước. Đây là minh chứng sống động cho nguyên lý triết học Mác - Lênin rằng quần chúng nhân dân là chủ thể lịch sử, có khả năng tự giác nhận thức và làm chủ vận mệnh của mình.

Cách mạng không chỉ làm thay đổi đời sống chính trị mà còn làm thay đổi mối quan

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.25.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđđ*, 2011, t.4, tr.3.

hệ sản xuất, tạo cơ sở vật chất và tinh thần để nhân dân phát triển toàn diện, trở thành lực lượng sản xuất chủ đạo trong xã hội mới. Việc chuyển đổi này khẳng định sự vận động lịch sử không thể cưỡng lại của giai cấp bị áp bức khi họ nhận thức rõ vai trò của mình và tập hợp sức mạnh để giành quyền làm chủ. Trong bài viết “Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng”, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định vai trò lịch sử của nhân dân trong Cách mạng tháng Tám: “Cách mạng tháng Tám là một cuộc chuyển hóa vĩ đại địa vị lịch sử của nhân dân ta - từ thân phận nô lệ thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình”⁵.

Năm là, tinh thần đại đoàn kết dân tộc - yếu tố nền tảng mang giá trị nhân văn - đạo đức cách mạng.

Tinh thần đại đoàn kết dân tộc trong Cách mạng tháng Tám là hiện thân của giá trị nhân văn sâu sắc và là nền tảng đạo đức cách mạng, thể hiện sự thống nhất trong đa dạng giữa các giai cấp, tầng lớp và dân tộc dưới đường lối lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là sự vận dụng sáng tạo nguyên lý biện chứng duy vật về mâu thuẫn xã hội, trong đó các mặt đối lập được thống nhất thành sức mạnh chung vì mục tiêu giải phóng dân tộc. Tinh thần này đã phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết nối các lực lượng cách mạng đa dạng thành một mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa thực dân và phong kiến, Mặt trận Việt Minh. Tinh thần ấy được hiệu triệu từ *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁶. Đại đoàn kết dân tộc không chỉ là một chính sách dân tộc mà còn là nền tảng đạo đức mang giá trị nhân văn của dân tộc Việt Nam.

Sáu là, khẳng định tính chính đảng chính trị, vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lịch sử dân tộc.

Sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám, Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức trở thành lực lượng cầm quyền - một bước phát triển khách quan theo quy luật lịch sử và nguyên lý triết học Mác - Lênin. Vai trò cầm quyền của Đảng không chỉ phản ánh tính tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc mà còn đảm bảo sự ổn định, phát triển bền vững của xã hội mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã xây dựng nền tảng chính trị, kinh tế và xã hội dựa trên việc kiên trì nguyên tắc độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, hướng tới xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Vai trò này còn là sự tổ chức và điều phối các lực lượng xã hội, bảo đảm tính nhất quán và hiệu quả trong tiến trình phát triển đất nước, đồng thời cũng là cơ sở cho sự phát triển bền vững của cách mạng Việt Nam trong tương lai.

2. Vận dụng giá trị triết học của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam hiện nay

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, không chỉ vì thắng lợi có tính chất “long trời lở đất” của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, mà còn bởi tầm vóc lịch sử, ý nghĩa thời đại và giá trị trường tồn của nó đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Cuộc cách mạng này là

⁵ Nguyễn Phú Trọng: *Tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng*. Truy cập tại: <https://vpcp.chinhphu.vn/tu-hao-va-tin-tuong-duoi-la-co-ve-vang-cua-dang-quyet-tam-xay-dung-mot-nuoc-viet-nam-ngay-cang-giau-manh-van-minh-van-hien-va-anh-hung-115240321111832321.htm>, 31/01/2024

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

biểu tượng sáng ngời của tinh thần độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, khẳng định vai trò trung tâm của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng và kiến thiết quốc gia. Trong kỷ nguyên hội nhập và chuyển đổi sâu sắc hiện nay, những giá trị cốt lõi của Cách mạng tháng Tám tiếp tục soi đường, dẫn dắt Việt Nam vươn mình trở thành một quốc gia phát triển, dân chủ, giàu mạnh và văn minh vào giữa thế kỷ XXI.

Thứ nhất, giá trị đầu tiên và nổi bật nhất là tinh thần độc lập, tự chủ - nền tảng bất di bất dịch trong mọi đường lối phát triển. Cách mạng tháng Tám đã chứng minh rằng một dân tộc dù nhỏ bé, bị áp bức, nếu có khát vọng độc lập và lòng tin vào sức mạnh của mình, hoàn toàn có thể làm nên lịch sử. Tinh thần này ngày nay được kế thừa trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, xây dựng nền kinh tế tự cường, phát triển khoa học - công nghệ nội lực và chủ động hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược, tinh thần độc lập ấy càng trở nên cấp thiết để giữ vững bản sắc và định hướng phát triển riêng của Việt Nam.

Thứ hai, cách mạng tháng Tám thể hiện tư duy cách mạng triệt để và sáng tạo, đặt nền móng cho sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện Việt Nam. Cuộc cách mạng không chỉ lật đổ chế độ thực dân - phong kiến, mà còn thiết lập một thể chế chính trị mới - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, do dân và vì dân. Tư duy đó hiện vẫn là kim chỉ nam cho việc đổi mới thể chế, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền dân chủ thực chất, hiện đại, hiệu quả - nơi quyền lực được kiểm soát và quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tối đa trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ ba, cuộc cách mạng là minh chứng lịch sử cho sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - bài học mang tính xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Thành công của Cách mạng tháng Tám đến từ việc quy tụ mọi tầng lớp, giai cấp, tôn giáo, dân tộc dưới ngọn cờ chung của độc lập dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, bài học đó được vận dụng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy mọi nguồn lực xã hội, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt, tạo nên sự đồng thuận cao trong phát triển quốc gia, từ phát triển kinh tế đến gìn giữ bản sắc văn hóa và bảo vệ chủ quyền.

Cách mạng tháng Tám thể hiện rõ niềm tin và vai trò trung tâm của nhân dân trong mọi chuyển động cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”. Bài học lịch sử ấy hôm nay tiếp tục được khẳng định trong các chiến lược phát triển mới, với định hướng xây dựng nền kinh tế lấy con người làm trung tâm, thúc đẩy giáo dục, y tế, an sinh, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần cho toàn dân. Phát triển đất nước không còn là sự áp đặt từ trên xuống mà là sự đồng hành, tạo điều kiện để mỗi người dân trở thành chủ thể kiến tạo tương lai.

Từ giá trị cách mạng giải phóng dân tộc và dân chủ nhân dân trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến giải phóng sức sáng tạo của nhân dân và tư tưởng nhân dân làm trung tâm trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc hiện nay. Nếu phân chia lịch sử Việt Nam hiện đại thành ba kỷ nguyên⁷, thì Cách mạng tháng Tám tạo ra kỷ nguyên thứ nhất - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội; Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI khởi xướng kỷ nguyên thứ hai - kỷ nguyên đổi mới và phát triển; và, “Bộ tứ nghị quyết chiến lược”⁸ của Đảng Cộng sản Việt Nam,

⁷ Nguyễn Việt Thảo: Kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam trong thời đại mới: Tầm nhìn, mục tiêu và định hướng chiến lược, *Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách*, 7(11), 2024, tr.3 - 8.

⁸ “Bộ tứ nghị quyết chiến lược” gồm: *Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia* (Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024), *Về hội nhập quốc tế trong tình hình mới* (Nghị quyết số 59-Q/TW ngày 21/01/2025), *Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới* (Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025), *Về phát triển kinh tế tư nhân* (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025)

đang mở ra kỷ nguyên thứ ba - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

“Bộ tứ nghị quyết chiến lược” là hệ thống chính sách liên kết chặt chẽ, phản ánh tư duy phát triển toàn diện, hiện đại, chủ động thích ứng trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế. Mỗi nghị quyết giữ một trọng tâm chiến lược nhưng đều hướng đến một mục tiêu thống nhất: phát huy tối đa nội lực quốc gia, huy động toàn xã hội tham gia vào quá trình phát triển đất nước trên nền tảng đổi mới, sáng tạo và hội nhập sâu rộng, chủ động. Tổng thể các nghị quyết thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Đảng về việc đặt nhân dân ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển. Việc thúc đẩy khoa học - công nghệ và chuyển đổi số không chỉ nhằm hiện đại hóa quốc gia, mà còn mở rộng không gian sáng tạo, khơi thông các điểm nghẽn, khơi dậy tiềm năng sáng tạo. Việc hoàn thiện thể chế pháp luật là để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, đồng thời tạo điều kiện để các nguồn lực, lực lượng xã hội phát huy vai trò trong đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa. Cùng lúc đó, phát triển kinh tế tư nhân được xác định là một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, cho thấy sự chuyển biến căn bản từ vai trò điều tiết sang vai trò kiến tạo, bảo hộ và thúc đẩy của Nhà nước đối với người dân và doanh nghiệp.

“Bộ tứ nghị quyết chiến lược” không chỉ thể hiện một mô hình quản trị hiện đại, mà còn là sự cụ thể hóa đường lối phát triển đất nước dựa trên nền tảng dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học và đổi mới sáng tạo. Tư tưởng cốt lõi xuyên suốt là giải phóng sức sản xuất và sức sáng tạo của nhân dân - coi đây là yếu tố quyết định để Việt Nam vươn lên thành quốc gia phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Đó cũng là biểu hiện sinh động của đạo lý cách mạng Việt Nam: lấy nhân dân làm gốc, phát triển vì nhân dân, do nhân dân và bằng sức mạnh của nhân dân.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là một sự kiện lịch sử trọng đại đánh dấu bước ngoặt giải phóng dân tộc và thiết lập chính quyền cách mạng đầu tiên ở Việt Nam, mà còn là một hiện thực xã hội điển hình mang giá trị triết học sâu sắc, phản ánh tầm vóc tư tưởng, đạo lý và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam trong tiến trình lịch sử. Những giá trị cốt lõi như tinh thần độc lập, tự chủ; tư duy cách mạng sáng tạo; vai trò trung tâm của nhân dân; sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là bài học lịch sử mà còn là kim chỉ nam trong công cuộc phát triển đất nước hiện thời và tương lai. Trong bối cảnh kỷ nguyên mới đang mở ra với những cơ hội và thách thức đan xen, việc vận dụng sáng tạo các giá trị triết học từ Cách mạng tháng Tám là điều kiện tiên quyết để Việt Nam hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. “Bộ tứ nghị quyết chiến lược” mà Đảng ta xác lập không chỉ cụ thể hóa các định hướng phát triển hiện đại, mà còn kế thừa tinh thần Cách mạng tháng Tám - lấy nhân dân làm gốc, phát triển dựa trên nội lực, trí tuệ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Như vậy, từ ánh sáng lịch sử năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình và hội nhập ngày nay, tinh thần Cách mạng tháng Tám tiếp tục soi đường, truyền cảm hứng và khẳng định vị trí, vai trò, sứ mệnh của Việt Nam trong thế kỷ XXI.

PHÁT HUY NHỮNG BÀI HỌC CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Thu Hà*

MỞ ĐẦU

Cách đây tròn 80 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã nổi dậy tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa đập tan công xiềng nô lệ thiết lập nên một nhà nước mới - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước Dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của nhiều nhân tố như sự kết hợp của điều kiện chủ quan và điều kiện khách quan; là kết quả của ba cao trào cách mạng lớn do Đảng lãnh đạo từ cao trào cách mạng 1930 - 1931, cao trào cách mạng 1936 - 1939 đến cao trào đánh Pháp đuổi Nhật 1939 - 1945; là kết quả của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng kết hợp với trí sáng tạo, tinh thần dũng cảm và sức mạnh đấu tranh của nhân dân ta. Đã 80 năm trôi qua, nhưng những bài học lịch sử của cuộc cách mạng vĩ đại ấy còn nguyên giá trị, tiếp tục định hướng trong kỷ nguyên vườn mình của đất nước mà Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện. Bài viết làm rõ những bài học rút ra trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và vận dụng những bài học đó trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam.

NỘI DUNG

1. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi của đường lối gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là ngọn cờ vinh quang mà từ năm 1920 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận ra. Một thế kỷ trước, độc tác phẩm *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin đăng trên báo *L'Humanité* ngày 16 và 17/07/1920, Người đã “rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao!”¹. Trong bài viết *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*, Hồ Chí Minh những dòng đầy cảm xúc: “Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: ‘Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!’”². Con đường giải phóng cần thiết cho chúng ta mà Hồ Chí Minh nói tới, đó là con đường cách mạng vô sản, tức là độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

Ngay từ khi ra đời, Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam đã căn cứ vào chủ nghĩa Mác - Lênin và đặc điểm thực tế xã hội nước ta để xác định con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”³. Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn nắm vững và kiên định các mục tiêu chiến lược đó. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh mục tiêu chiến lược mà Đảng ta đã xác định được vận dụng một cách cụ thể vào thực tiễn cách mạng Việt Nam kể từ khi Đảng ra đời, qua thực tiễn cách mạng đã tạo nên sức mạnh to lớn, sự đoàn kết nhất trí của mọi giai tầng trong xã hội cùng chung sức, đồng lòng, nhất tề đứng dậy đánh đuổi quân xâm lược, đưa đến thành công rực rỡ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thành công

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.562.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.2, tr.562.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.1.

của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng rõ nhất cho sự kiên định con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay chính là sự tiếp nối con đường Cách mạng tháng Tám, là giai đoạn hai của cuộc cách mạng được khởi đầu từ mùa thu năm 1945. Đây là giai đoạn mà những nhiệm vụ tuy có những thay đổi nhưng đó vẫn là một tiến trình cách mạng thống nhất dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nếu không có độc lập dân tộc, nước ta không thể tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội và ngược lại, nếu không lựa chọn tiếp tục con đường xã hội chủ nghĩa chúng ta cũng không có điều kiện giữ vững độc lập tự do. Trong thời kỳ mới của cách mạng nước ta, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vẫn là ngọn cờ, là sự lựa chọn nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta. Suốt 95 năm qua, từ khi Đảng ra đời đến nay, dù trong hoàn cảnh nào, Đảng vẫn không xa rời mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bởi vì con đường xã hội chủ nghĩa là con đường đúng đắn phù hợp với quy luật và xu thế phát triển của thời đại. Chỉ có con đường xã hội chủ nghĩa mới bảo đảm dân tộc độc lập thật sự, đất nước phát triển phồn vinh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mới thực hiện được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, đồng thời Đảng không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao nhận thức của mình về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên ở nước ta. Đây là kết quả của cả một quá trình trăn trở, tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh tư tưởng gian khổ, kết tinh trí tuệ và công sức của toàn Đảng, toàn dân ta trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong gần một thế kỷ qua. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay đang hiện thực hóa những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà Cương lĩnh của Đảng đã đề ra, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân

Cách mạng tháng Tám thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước anh hùng của hơn 20 triệu người Việt Nam. Nhưng cuộc nổi dậy của toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đạo quân chủ lực này được xây dựng, củng cố qua ba cao trào cách mạng và lớn mạnh vượt bậc trong Tổng khởi nghĩa. Dựa trên đạo quân chủ lực làm nền tảng, Đảng xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên toàn dân Tổng khởi nghĩa thắng lợi. Đối với dân tộc Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Trước Cách mạng tháng Tám, sự ra đời của Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng Minh (Việt Minh), với tuyên ngôn: Việt Minh “chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị nào, giai cấp nào, đoàn kết chiến đấu để đánh đuổi Pháp - Nhật giành độc lập”⁴. Thành lập Mặt trận Việt Minh là một sáng tạo lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta, một nhân tố làm nên Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cách mạng tháng Tám năm 1945 chính là biểu trưng cao nhất kết quả của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là điểm hội tụ của các nguồn sức mạnh nội sinh toàn dân tộc trong thời khắc lịch sử trọng đại bậc nhất của dân tộc Việt Nam.

Vận dụng bài học này trong xây dựng và phát triển đất nước, Mặt trận Tổ quốc tiếp tục tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức thành viên

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.149.

tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; phát huy dân chủ, thi đua đổi mới sáng tạo; thực hiện giám sát và phản biện xã hội; đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Mặt trận Tổ quốc phải phối hợp chặt chẽ với các tổ chức trong hệ thống chính trị tuyên truyền, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong xã hội; tích cực tham gia xây dựng pháp luật, góp ý đối với các dự thảo Văn kiện, tham gia chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; kiến nghị với Đảng và Nhà nước nhiều nội dung quan trọng, góp phần hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Quan tâm chăm lo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vững mạnh, như: Thanh niên, Công đoàn, Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, các hội nghề nghiệp; đồng thời, mở rộng tổ chức, phát triển thành viên vào Mặt trận Tổ quốc để tập hợp, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện tốt công tác vận động, tập hợp và phát huy vai trò của người có uy tín, lực lượng cốt cán trong cộng đồng dân cư, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp, truyền thống của dân tộc, đi đôi với loại trừ các hủ tục, mê tín dị đoan. Kiên quyết đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn tìm cách chia rẽ nội bộ nhân dân, chia rẽ Đảng với nhân dân, nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc,... của các thế lực thù địch.

Phát huy giá trị của bài học về xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong bối cảnh mới hiện nay, để tập hợp, phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, cần tiếp tục nghiên cứu và thực hành quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”⁵. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định rõ, những kết quả, thành tựu to lớn của nước ta trong việc vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thực hiện thành công công cuộc đổi mới đó là do sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, sự đoàn kết thống nhất, chung sức đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, trong đó có vai trò quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sự đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên⁶.

3. Kịp thời nắm bắt thời cơ, chủ động, sáng tạo tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của nhiều nhân tố như sự kết hợp của điều kiện chủ quan và điều kiện khách quan; là kết quả của ba cao trào cách mạng lớn do Đảng lãnh đạo từ cao trào cách mạng 1930 - 1931, cao trào cách mạng 1936-1939 đến cao trào đánh Pháp đuổi Nhật 1939 - 1945. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, thời cơ tồn tại một cách khách quan trong vòng 20 ngày, bắt đầu từ khi Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng (ngày 15/8) và kết thúc khi quân Đồng minh vào tước khí giới quân Nhật

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.244.

⁶ <https://mega.vietnamplus.vn/phat-huy-suc-manh-dai-doan-ket-trong-ky-nguyen-vuon-minh-6739.html>

trên đất nước ta theo Hiệp định Pôt - xđam (ngày 05/9). Đảng ta đã nắm bắt chính xác thời cơ khách quan, kịp thời ban hành chủ trương, quyết sách để lãnh đạo, chỉ đạo toàn dân tiến hành Tổng khởi nghĩa, như: Chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta; Triệu tập Hội nghị quân sự Bắc kỳ; Chỉ thị tổ chức Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp; chuyển căn cứ chỉ đạo cách mạng từ Pắc Bó về Tân Trào; xác định các nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa,... Tại Đại hội quốc dân (16/8/1945) đã thông qua Lệnh Tổng khởi nghĩa và quy định quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, quốc ca là bài tiến quân ca; thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Bác Hồ làm Chủ tịch. Trong thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “*Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!*”⁷. Những chủ trương, quyết sách trên là sợi chỉ đỏ thống nhất trong toàn Đảng, toàn quân và quốc dân, đồng bào tranh thủ thời gian, chớp lấy thời cơ, nhất tề đứng lên, tiến hành Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi trên phạm vi cả nước chỉ trong 15 ngày, ít đổ máu. Ngày 02/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Bác Hồ đã đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Công cuộc đổi mới ở nước ta từ năm 1986 đến nay được triển khai trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi và nguy cơ, thách thức đan xen. Những thời cơ, thuận lợi lớn đã được Đảng và nhân dân nhận thức đầy đủ, kịp thời. Đó là: Hoà bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ yếu của thế giới ngày nay; cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nền kinh tế tri thức, quá trình toàn cầu hóa đang tạo điều kiện chưa từng có cho các quốc gia xích lại gần nhau, tăng cường hội nhập, phát huy lợi thế; xu hướng dân chủ hóa đời sống xã hội, đời sống quốc tế đang tạo hành lang rộng mở cho các chủ thể, các quốc gia khẳng định vai trò, vị trí của mình. Bên cạnh đó, nhiều khó khăn, thách thức, nguy cơ đang cản trở con đường phát triển của các quốc gia dân tộc: An ninh thế giới bị đe dọa nghiêm trọng bởi các nhân tố truyền thống và phi truyền thống (bạo loạn, xung đột, khủng bố, chiến tranh, tội phạm tài chính - tiền tệ, tội phạm công nghệ cao, thảm họa môi trường,...); các thế lực phản động tăng cường chiến lược diễn biến hoà bình chống phá chủ nghĩa xã hội và nhiều chính sách khác cản trở độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia của các nước trên thế giới,...

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc, đầy đủ về thời cơ và nguy cơ, Đảng, Nhà nước đã chủ động xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp, kịp thời và tổ chức thực hiện có hiệu quả; tranh thủ tốt các thời cơ, thuận lợi và ứng phó phù hợp trước các nguy cơ, thách thức, biến nguy cơ thành thời cơ, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách. Cụ thể: Đảng phải tiếp tục theo dõi, nhạy bén nắm bắt tình hình trong nước và quốc tế, dự báo chính xác cơ hội và thách thức để có chủ trương, phương án dự phòng thích hợp, tận dụng tối đa thời cơ thuận lợi cho sự phát triển, tránh rơi vào thế bị động, bất ngờ; Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tiên phong, gương mẫu, có đủ phẩm chất và năng lực nắm vững thời cơ, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trên từng lĩnh vực, đẩy lùi nguy cơ thách thức, giành lấy thắng lợi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Chủ trương hội nhập ngày càng sâu rộng vào đời sống quốc tế; với các chính sách mở rộng giao lưu hợp tác, thu hút các nguồn lực đầu tư nước ngoài; vừa tận dụng ngoại lực, vừa phát huy nội lực cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước; hay gần đây nhất là việc giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông bằng biện pháp hòa bình đã

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

được dư luận quốc tế đánh giá cao, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, tạo tiền đề vững chắc cho những bước phát triển tiếp theo. Trong từng thành tựu của công cuộc đổi mới và trong mỗi bước phát triển của đất nước hôm nay đều khởi nguồn từ những bài học kinh nghiệm quý báu được đúc kết từ các thời kỳ cách mạng trước đây. Trong đó, bài học kinh nghiệm nắm bắt và chớp thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

4. Xây dựng Đảng vững mạnh

Đảng ta rất coi trọng việc quán triệt đường lối chiến lược và sách lược. Chủ trương của Đảng trong đảng viên và quần chúng cách mạng, không ngừng đấu tranh khắc phục những khuynh hướng lệch lạc. Đảng chăm lo công tác tổ chức cán bộ, giáo dục rèn luyện cán bộ, đảng viên về ý chí bất khuất, phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch. Đảng biết phát huy triệt để vai trò của mặt trận Việt Minh với hàng triệu hội viên và thông qua mặt trận để lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Với những yếu tố trên và được tôi luyện qua 15 năm đấu tranh, mặc dù chỉ có 5000 Đảng viên, Đảng đã lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”⁸.

Trong 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng để đi đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, biết bao đồng bào và đồng chí đã hy sinh oanh liệt. Họ “đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hi sinh hết thảy, hi sinh cả tính mạng của mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đem xương máu mình vun tưới cho cây Cách mạng, cho nên cây Cách mạng đã khai hoa kết quả tốt đẹp như ngày nay. Tất cả chúng ta phải noi theo gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy mới xứng đáng là người Cách mạng”⁹. Nhờ đó, khi Đảng kêu gọi nhân dân đứng lên làm cuộc cách mạng thì muôn người như một, đoàn kết thành sức mạnh vô cùng to lớn đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên mới độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đưa dân tộc Việt Nam đứng vào hàng ngũ những dân tộc tiên phong trong đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là chân lý được đúc kết qua lịch sử vẻ vang gần một thế kỷ của Đảng, của dân tộc ta. Là người khởi xướng, lãnh đạo công cuộc kiến tạo kỷ nguyên mới, Đảng ta gánh trên vai sứ mệnh vinh quang, trọng trách nặng nề. Nhân dân đặt niềm tin và kỳ vọng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện: Bản lĩnh về chính trị, thống nhất về tư tưởng, cao về văn hóa, đẹp về đạo đức, khoa học về tổ chức, tiêu biểu về cán bộ, xứng đáng là “người cầm lái vĩ đại” đưa dân tộc đi đến phồn vinh, hạnh phúc. Nhân dân mong muốn và hy vọng cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, đặc biệt cán bộ cấp chiến lược, thực sự có đức, có tài, biết lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, có năng lực thiết kế, truyền cảm hứng và làm gương để nhân dân noi theo trên cuộc hành trình dựng xây kỷ nguyên mới.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.7, tr.25.

KẾT LUẬN

80 năm trôi qua, nhưng những bài học rút ra trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị, vẫn đang và tiếp tục soi đường cho sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong từng thành tựu của công cuộc đổi mới và trong mỗi bước phát triển của đất nước hôm nay đều khởi nguồn từ những bài học kinh nghiệm quý báu được đúc kết từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và các thời kỳ cách mạng. Điều này càng khiến chúng ta vững tin về Đảng quang vinh, dân tộc anh hùng, để tiếp tục tiến bước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của toàn thể dân tộc Việt Nam. Kỷ nguyên mới đặt ra những yêu cầu lịch sử đặc biệt, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần nhận thức sâu sắc, quyết tâm, quyết liệt hành động để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Khởi đầu Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Tổng bí thư Tô Lâm đã khẳng định: Đây “là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao”¹⁰.

¹⁰ “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới” (Bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo nhân dân*, số 25193, ngày 01/11/2024. Truy cập tại: https://image.nhandan.vn/Uploaded/2024/tmuiippi/2024_11_01/docbao-ndhangngay-01112024-8657.pdf

NĂM BẮT THỜI CƠ - MỘT BÀI HỌC LỚN TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Thắng*

MỞ ĐẦU

Lịch sử là dòng chảy không ngừng nghỉ của những biến chuyển thời đại. Trong dòng chảy ấy, dân tộc nào biết nhận diện và nắm bắt thời cơ sẽ tiến lên và phát triển, ngược lại sẽ bị tụt hậu hoặc đánh mất cơ hội làm chủ vận mệnh của dân tộc mình. Với Việt Nam - một quốc gia từng trải qua biết bao gian khổ để giành và giữ độc lập - bài học “nắm bắt thời cơ” không phải là lý thuyết suông, mà là sự trải nghiệm sống còn đã được đúc kết qua nhiều giai đoạn lịch sử trọng đại. Trong đó, Cách mạng tháng Tám năm 1945 chính là biểu tượng sâu sắc cho khả năng chớp thời cơ của dân tộc. Và bài học ấy, đến hôm nay, vẫn là kim chỉ nam, là yếu tố then chốt nhằm đưa đất nước Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hội nhập và vươn mình.

Bài viết tập trung phân tích vai trò của việc nắm bắt thời cơ thông qua ba giai đoạn then chốt trong lịch sử hiện đại của dân tộc Việt Nam: Cách mạng tháng Tám 1945, công cuộc Đổi mới 1986 và kỷ nguyên vươn mình hiện nay, qua đó chứng minh rằng, nắm bắt thời cơ là một bài học lớn, bài học của sự phát triển bước ngoặt trong lịch sử dân tộc.

NỘI DUNG

1. Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Một minh chứng điển hình cho bài học “nắm bắt thời cơ”

Thời cơ không phải lúc nào cũng xuất hiện rõ ràng hay dễ nhận biết, đó thường là sự hội tụ của các yếu tố khách quan lẫn chủ quan, là khoảnh khắc ngàn năm có một nhưng có thể xoay chuyển cục diện. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng hùng hồn cho việc tận dụng đúng thời điểm để giành chính quyền về tay nhân dân. Vậy thời cơ lúc này của dân tộc Việt Nam là gì? Trong tác phẩm *Con đường giải phóng*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên ba điều kiện của thời cơ khởi nghĩa: “*Một là, chính quyền thực dân đế quốc đã lung lay bối rối đến cao độ, chúng đã cảm thấy không thể nào ngồi yên giữ địa vị của chúng như trước. Hai là, quần chúng nhân dân đói khổ đã căm thù thực dân đế quốc đến cực điểm, đã thấy cần phải đồng tâm hiệp lực, nổi dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc thực dân, vì mọi người hiểu rằng nếu ngồi yên cũng chết. Ba là, đã có một chính đảng cách mạng đủ sức tổ chức lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy khởi nghĩa theo một đường lối đúng đắn, một kế hoạch phù hợp, bảo đảm giành thắng lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa*”¹.

Bối cảnh lúc bấy giờ cho thấy tình hình chính trị - quân sự quốc tế diễn biến mạnh mẽ: ngày 09/03/1945, Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương; đến ngày 15/08/1945, Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện trước phe Đồng minh, khoảng trống quyền lực tại Việt Nam xuất hiện. Trước tình thế đó, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: “Phát xít Nhật đã chết gục theo phát xít Đức, Ý. Quân đội Nhật đang bị tan rã và bị tước khí giới ở khắp các mặt trận. Quân Đồng minh sắp kéo vào Đông Dương. Giờ hành động quyết liệt đã đến”².

Trong khi chính quyền thực dân - phong kiến đang rơi vào khủng hoảng cao độ thì tinh thần cách mạng trong nhân dân lại đang sục sôi, cao trào chống Nhật lan rộng khắp nơi. Thời cơ “ngàn năm có một” đã đến. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hoàng Minh Thảo: Thế và thời trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 8 - 2003, tr.7.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.416.

Trung ương Đảng, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (13 - 15/08/1945) đã quyết định tổng khởi nghĩa trên toàn quốc. Hội nghị chỉ rõ: “Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc: a) Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính. b) Thống nhất - thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy. c) Kịp thời - kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội”³. Ngày 16/08/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ”⁴.

Chỉ thị lịch sử “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” được ban hành như một lời hiệu triệu toàn dân hành động. Lực lượng Việt Minh khi ấy không mạnh về vũ khí, không đông về quân số, nhưng lại có được điều quan trọng nhất: thời cơ, cùng với lòng dân và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

Kết quả là chỉ trong vòng hơn 10 ngày, chính quyền đã về tay nhân dân trong hầu hết các tỉnh thành mà không cần đến một cuộc chiến tranh quy mô lớn. Ngày 02/09/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự ra đời của nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á - đánh dấu bước ngoặt lịch sử vĩ đại trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là minh chứng điển hình cho việc thành công không chỉ đến từ sức mạnh vật chất, mà quan trọng hơn cả là trí tuệ và bản lĩnh trong việc nắm bắt thời cơ. Nếu chậm trễ, bỏ lỡ khoảnh khắc ấy, có thể dân tộc Việt Nam đã phải chịu thêm nhiều năm dưới ách đô hộ của ngoại bang.

2. Vận dụng bài học nắm bắt thời cơ trong giai đoạn phát triển mới của đất nước từ năm 1986 đến kỷ nguyên vươn mình hiện nay

Lịch sử không lặp lại, nhưng thời cơ luôn xuất hiện dưới hình thái mới. Bốn mươi năm sau, một thời cơ khác lại đến - nhưng lần này không phải trên chiến trường mà trong tư duy.

Sau chiến thắng năm 1975, Việt Nam bước vào giai đoạn thống nhất đất nước nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn: nền kinh tế trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, lạm phát tăng cao (năm 1985 lạm phát lên tới 774%), hệ thống bao cấp không còn phù hợp với thực tiễn; đời sống nhân dân vô cùng khó khăn; quan hệ đối ngoại bị bao vây cấm vận. Trong bối cảnh này, một thời cơ khác xuất hiện: thời cơ đổi mới tư duy và phương thức phát triển. Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đã mạnh mẽ khẳng định: “Phải đổi mới toàn diện”.

Công cuộc Đổi mới đã đưa Việt Nam đã bước ra khỏi mô hình bao cấp lỗi thời, chuyển mình sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cánh cửa hội nhập được mở ra. Từ một nền kinh tế trì trệ, Việt Nam đã vươn lên trở thành quốc gia có tốc độ phát triển nhanh của châu Á. Chỉ sau hơn ba thập kỷ tiến hành công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã vươn mình mạnh mẽ. Từ một quốc gia nghèo nàn, Việt Nam trở thành nước có mức thu nhập trung bình thấp từ năm 2008. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1990 - 2020 đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh từ hơn 58% năm 1993 xuống còn khoảng 2,9% vào cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều. GDP tăng gấp hàng chục lần, hàng triệu người thoát nghèo, đất nước hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế, mối quan hệ sâu rộng với nhiều đối tác khu vực và thế giới được Việt Nam xác lập. Theo dữ liệu của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), “Ở thời điểm năm 1986, GDP Việt Nam

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.425.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

chỉ đạt khoảng 8 tỷ USD. Trong số 9/10 quốc gia Đông Nam Á, Việt Nam chỉ xếp trên Myanmar (5,15 tỷ USD). Tuy nhiên, 36 năm sau, GDP Việt Nam đã tăng gấp 50 lần, đạt khoảng 406,45 tỷ USD. Đặc biệt, giai đoạn 1986-2022, Việt Nam lọt top 5 nước có quy mô kinh tế tăng nhiều nhất thế giới; bao gồm: Equatorial Guinea (GDP tăng 180,78 lần), Trung Quốc (GDP tăng 60,15 lần), Qatar (GDP tăng 53,51 lần), Việt Nam và Maldives (GDP tăng 39,28 lần)”⁵.

Nếu không “dám” và “kịp” đổi mới, thời cơ ấy đã biến thành khủng hoảng sâu rộng hơn, có thể khiến đất nước tụt hậu nhiều thập niên. Thành công của Đổi mới 1986 cho thấy rằng thời cơ không chỉ đến từ môi trường bên ngoài, mà còn đến từ nội lực bên trong - từ tư duy đổi mới, từ dám thay đổi chính mình. Đổi mới không chỉ là chính sách mà đây còn là bài học lớn: biết nhìn thấy thời cơ trong khủng hoảng - chính là nền tảng để bứt phá. Nếu năm 1986 là một quyết định sai lầm, chúng ta có thể đã đi chệch hướng lịch sử. Nhưng nhờ tầm nhìn chiến lược, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời nắm bắt thời cơ thay đổi, đưa đến sự phát triển vững mạnh của đất nước như ngày hôm nay.

Bước vào thế kỷ XXI, trước những thay đổi và phát triển nhanh chóng của làn sóng khoa học công nghệ thế giới, thời cơ không còn là những cuộc chiến giành chính quyền hay đổi mới cơ chế, mà là cuộc đua công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu. Những quốc gia chậm chân trong công nghệ sẽ đứng ngoài cuộc chơi. Việt Nam một lần nữa tìm cách nắm bắt thời cơ và không đứng ngoài làn sóng này. Chiến lược Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, được xây dựng và triển khai nhằm mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia số phát triển với “kinh tế số chiếm 20% GDP. 100% dịch vụ công mức độ 4 được cung cấp trực tuyến. Hình thành các nền tảng số quốc gia trong các lĩnh vực trụ cột: giáo dục, y tế, tài chính, giao thông...”⁶.

Trong giai đoạn hiện nay, khi trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ số,... đang làm thay đổi bản chất và mô hình của phát triển kinh tế - xã hội. Trong một thế giới mà tri thức, công nghệ, và dữ liệu là tài sản quý giá, quốc gia nào biết tận dụng thời cơ này sẽ bứt phá trong thời gian ngắn. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã chủ động bước vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 bằng tinh thần của người đi sau nhưng không chậm bước.

Việt Nam không chỉ nắm bắt xu thế hội nhập toàn cầu mà còn chủ động mở rộng quan hệ đa phương. Việc ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do đã mở cánh cửa đưa hàng hóa Việt Nam tiếp cận hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo Bộ Công Thương, “giá trị xuất khẩu năm 2023 của Việt Nam đạt hơn 355 tỷ USD, tăng gần 10 lần so với năm 2001 - năm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)”⁷.

Việt Nam hiện đang nắm bắt khá tốt làn sóng phát triển của kinh tế số. Năm 2023, nền kinh tế số Việt Nam đạt quy mô 30 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng 20%/năm - nhanh nhất Đông Nam Á (Google, Temasek & Bain, 2023). “Về kinh tế, thị trường thương mại điện tử Việt Nam tăng trưởng đến 16%, đạt mốc 14 tỷ USD trong năm 2021. Dự báo đến năm 2025, quy mô thương mại điện tử Việt Nam có thể đạt 52 tỷ USD, trở thành nền

⁵ <https://daidoanket.vn/thanh-tuu-cua-doi-moi-10260254.html>, truy cập ngày 10/06/2025

⁶ Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Hà Nội.

⁷ Những con số xuất nhập khẩu ấn tượng năm 2023, <https://mekongasean.vn/nhung-con-so-xuat-nhap-khau-an-tuong-nam-2023-truy-cap-ngay-10/06/2025>.

kinh tế có thị trường thương mại điện tử đứng thứ 3 khu vực ASEAN”⁸. Hệ sinh thái khởi nghiệp, chính phủ số, dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử,... đều đang phát triển mạnh mẽ. Đây chính là bước chuyển mình từ quốc gia phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, từ nền kinh tế dựa vào tài nguyên sang kinh tế dựa vào tri thức, sáng tạo và công nghệ. “Từ những mặt hàng thô sơ, 50 năm trước, nền kinh tế Việt Nam gần như khép kín, xuất khẩu chỉ vỏn vẹn vài trăm triệu USD. Hôm nay, kim ngạch xuất khẩu đã vượt 730 tỷ USD, vươn lên top 20 quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới. Dòng vốn FDI hơn 500 tỷ USD đăng ký đã đưa Việt Nam trở thành mắt xích chiến lược trong chuỗi cung ứng toàn cầu,... Không dừng lại ở vai trò là trung tâm sản xuất gia công, Việt Nam đang từng bước trở thành nơi xuất khẩu các sản phẩm phần mềm, công nghệ số và dịch vụ công nghệ cao. Việt Nam đang từng bước khẳng định vai trò là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu”⁹.

Những con số trên là minh chứng cho thấy, Việt Nam đang tận dụng khá tốt thời cơ từ làn sóng số hóa để nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và vị thế quốc tế. Đây là thời cơ đặc biệt - không phải đến từ suy thoái hay chiến tranh - mà đến từ sự chuyển mình mang tính toàn cầu. Nhưng như mọi thời cơ khác, nó sẽ không tự mang lại thành công nếu chúng ta không hành động kịp thời, đồng bộ và hiệu quả. Đổi mới thể chế, phát triển nguồn nhân lực số, đảm bảo an toàn dữ liệu và thúc đẩy tinh thần sáng tạo sẽ là những yếu tố quyết định cho sự phát triển của Việt Nam trong thời gian đến. Tuy nhiên, cần phải ý thức rằng, trong thế giới số hóa, thời cơ đến và đi nhanh hơn bao giờ hết. Nó đòi hỏi sự nhạy bén, linh hoạt và tầm nhìn chiến lược từ các cấp lãnh đạo đến từng cá nhân. Nếu Việt Nam không chuẩn bị đầy đủ về nguồn nhân lực, thể chế, và sự đồng bộ trong hành động, chúng ta hoàn toàn có thể bỏ lỡ cơ hội.

Bài học rút ra cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là: Nắm bắt cơ hội hội nhập và chuyển đổi số là yêu cầu sống còn để không bị tụt lại trong thời đại mới. Đây được xem như là “Mệnh lệnh của lịch sử” như Tổng Bí thư Tô Lâm đã từng nhấn mạnh. Trong tiến trình ấy, đổi mới tư duy, cải cách thể chế, đầu tư vào giáo dục và công nghệ là những “chiếc chìa khóa” để mở ra cánh cửa phát triển.

Qua các mốc lịch sử đã phân tích, chúng ta có thể rút ra một nguyên lý đơn giản mà vững chắc: thời cơ không tự đến, nó là kết quả của sự chuẩn bị, của tầm nhìn, và của hành động đúng lúc.

Phải có tầm nhìn xa trông rộng - như Bác Hồ và Đảng ta năm 1945.

Phải dũng cảm đổi mới - như thể hệ lãnh đạo năm 1986.

Phải nhanh nhạy, linh hoạt - như Việt Nam đang làm trong kỷ nguyên số.

Không ai khác ngoài nhân dân là chủ thể đưa đến mọi thành công trong giai đoạn mới của lịch sử này. Mỗi người dân, mỗi trí thức, mỗi doanh nhân, mỗi người trẻ đều là người nắm bắt thời cơ của chính mình và đồng thời góp phần vào thời cơ phát triển của dân tộc. Thời cơ chỉ được tận dụng hiệu quả khi cả hệ thống chính trị và người dân đồng lòng. Bài học từ Cách mạng tháng Tám hay Đổi mới đều nhằm khẳng định một chân lý: Khi ý Đảng và lòng Dân thông nhất với nhau, mọi nhiệm vụ và mục tiêu đều khả thi.

Từ Cách mạng tháng Tám đến thời kỳ Đổi mới, rồi đến kỷ nguyên số và hội nhập hôm nay, hành trình phát triển của Việt Nam là sự nối tiếp những thời điểm biêt “nắm bắt thời cơ, hành động đúng lúc, tiến bước vững vàng”.

⁸ Hữu Tuấn: Thương mại điện tử năm 2022: Cuộc thư hùng trên bàn phím, *Báo Đầu tư điện tử*, truy cập tại <https://baodautu.vn/thuong-mai-dien-tu-nam-2022-cuoc-thu-hung-tren-ban-phim-d159042.html>, 10/06/2025.

⁹ <https://vtv.vn/kinh-te/viet-nam-khang-dinh-vai-tro-la-mat-xich-quan-trong-trong-chuoi-cung-ung-toan-cau-20250426153152691.htm>, truy cập ngày 11/06/2025.

KẾT LUẬN

Với tính cách là bài học của sự phát triển bước ngoặt, “nắm bắt thời cơ” càng trở nên quan trọng khi đặt trong bối cảnh thế giới đương đại đang biến động sâu sắc trên nhiều lĩnh vực, từ địa chính trị đến công nghệ, biến đổi khí hậu đến sự phân hóa giàu nghèo. Mỗi thế hệ, mỗi ngành nghề, mỗi cấp quản lý cần hiểu rằng: không có thời cơ nào là mãi mãi; không có thành công nào mà không bắt đầu từ sự chuẩn bị kỹ càng cho một thời điểm có thể đến bất ngờ.

Việt Nam đang đứng trước một ngưỡng cửa của kỷ nguyên phát triển mới: nắm bắt tốt cơ hội, kiên trì cải cách, thúc đẩy đổi mới và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân là tiền đề quan trọng cho việc “vươn mình” để khẳng định vị thế của dân tộc trong thế kỷ XXI. Mỗi người Việt Nam, mà nhất là thế hệ trẻ - cần biến bài học lịch sử thành hành động cụ thể cho hiện tại và tương lai. Đúng như nhận định của Tổng Bí thư Tô Lâm rằng: “Tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh”¹⁰.

Từ bài học lịch sử năm 1945, việc nắm bắt thời cơ tiếp tục là yếu tố then chốt nhằm đưa đất nước Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong xu thế hội nhập và thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Nắm bắt đúng thời cơ, chuyển hóa thành hành động phù hợp sẽ quyết định vị thế của Việt Nam trong tương lai.

¹⁰ “Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới” (Bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo nhân dân*, số 25193, ngày 01/11/2024. Truy cập tại: https://image.nhandan.vn/Uploaded/2024/tmuiippi/2024_11_01/docbao-ndhangngay-01112024-8657.pdf

NGHỆ THUẬT NẮM BẮT THỜI CƠ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VỚI “KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM”

TS. Phạm Huy Thành*

MỞ ĐẦU

Thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đánh dấu đỉnh cao của nghệ thuật nắm bắt thời cơ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh “dù đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành được độc lập”. Trong những ngày tháng 08/1945 đầy biến động của lịch sử trong nước và quốc tế, tranh thủ thời cơ và dựa vào tình thế cách mạng đang ở thế chín muồi, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên để tổng khởi nghĩa giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Cách mạng tháng Tám thành công đã mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc. Để tiếp tục đưa đất nước tiến lên “sánh vai với các cường quốc năm châu” mở ra kỷ nguyên mới “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Cách mạng tháng Tám để lại cho chúng ta bài học lớn về tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, kiên quyết giành thắng lợi.

NỘI DUNG

1. Nghệ thuật nắm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám 1945

Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về khởi nghĩa vũ trang và tình thế cách mạng, trong tác phẩm *Con đường giải phóng*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên ba điều kiện của thời cơ khởi nghĩa: “*Một là, chính quyền thực dân đế quốc đã lung lay bối rối đến cao độ, chúng đã cảm thấy không thể nào ngồi yên giữ địa vị của chúng như trước. Hai là, quần chúng nhân dân đói khổ đã căm thù thực dân đế quốc đến cực điểm, đã thấy cần phải đồng tâm hiệp lực, nổi dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc thực dân, vì mọi người hiểu rằng nếu ngồi yên cũng chết. Ba là, đã có một chính đảng cách mạng đủ sức tổ chức lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy khởi nghĩa theo một đường lối đúng đắn, một kế hoạch phù hợp, bảo đảm giành thắng lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa*”¹.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai nổ ra, Hồ Chí Minh trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước ta đã mở ra thời kỳ mới cho cách mạng nước ta. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (tháng 5/1941). Đã đánh dấu cách nhìn nhận mới về tính thế cách mạng của đất nước, Trung ương Đảng nhận định và dự đoán: “Nếu cuộc đế quốc chiến tranh lần trước đã đẻ ra Liên xô, một nước xã hội chủ nghĩa thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”². Nhận thức của Đảng ta đã mở ra cách nhìn mới về thời cơ cách mạng, làm cụ thể hóa hơn tiến trình cách mạng Việt Nam. Những nhận định đúng này đã làm cho Đảng ta chuẩn bị lực lượng và cơ sở chính quyền cho tổng khởi nghĩa.

Mặc dù, đầu năm 1945, ở nước ta đã xuất hiện cả 3 điều kiện trên - có nghĩa là *thời cơ cách mạng* đã xuất hiện đối với cách mạng nước ta nhưng chưa chín muồi. Sự kiện phát xít Nhật đảo chính hất cẳng thực dân Pháp độc chiếm Đông Dương, trong Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” (ngày 12/3/1945), Trung ương Đảng đã nhận định sáng suốt rằng, bây giờ tình hình đã có nhiều thuận lợi mới, nhưng “điều kiện khởi nghĩa... hiện nay chưa thực chín muồi”. Thời cơ của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 chỉ xuất hiện khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, phát xít Nhật

* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

¹ Hoàng Minh Thảo: Thế và thời trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 8, 2003, tr.7.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.100.

đầu hàng Đồng minh không điều kiện, hàng ngũ chỉ huy của Nhật ở Đông Dương chia rẽ đến cực điểm, quân lính Nhật tan rã, mất tinh thần, bọn Việt gian thân Nhật hoảng sợ. Trước tình thế đó, thời cơ cách mạng xuất hiện cũng là lúc mọi chuẩn bị của Đảng ta về lực lượng, đường lối, phương châm tác chiến đã hoàn thiện, khi mà cao trào cứu nước của toàn dân đã dâng lên tới đỉnh cao nhất. Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa từng phần đã nổ ra ở nhiều tỉnh và nhiều vùng khắp đất nước, đã tập duyệt nhân dân ta cách giành và giữ chính quyền. Hình thành nên các khu giải phóng và căn cứ địa cách mạng xuất hiện trong cả nước; lực lượng vũ trang nòng cốt là lực lượng quân đội đã được thành lập; nghệ thuật quân sự với chiến tranh du kích phát triển nhanh và lan rộng cả nước; sức mạnh đại đoàn kết của quần chúng nhân dân bao gồm hàng chục triệu người được tập hợp trong Mặt trận Việt Minh đã sẵn sàng chiến đấu.

Trong tình thế đó, kẻ thù của cách mạng nước ta đã vô cùng suy yếu, tình hình thế giới thay đổi nhanh chóng, tạo ra tình thế của cách mạng. Sự kiện phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh vô điều kiện (ngày 15/8/1945), chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, đến trước khi quân Đồng minh kéo vào nước ta giải giáp quân đội Nhật. Đảng ta xác định: Thời cơ cách mạng đã chín muồi, đây là thời cơ *"ngàn năm có một"*, nếu không nhanh chóng chớp lấy để giành độc lập thì dân tộc mãi vẫn là kiếp ngựa trâu. Đây là một nhận định hoàn toàn đúng đắn, thể hiện sự tài tình, sáng suốt của Đảng ta và Hồ Chí Minh.

Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Kiên quyết chớp thời cơ, Hội nghị chỉ rõ: "Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc: a) Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính. b) Thống nhất - thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy. c) Kịp thời - kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội"³.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh, cả dân tộc Việt Nam thể hiện một khí thế cách mạng, nhất tề nổi dậy với tinh thần: Dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập. Tiến trình cách mạng diễn ra nhanh chóng chuyển từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa. Bằng sự chuẩn bị lực lượng chu đáo, nắm đúng thời cơ, nổ ra đúng lúc, kịp thời, huy động được sức mạnh của toàn dân với mọi tầng lớp nhân dân tất cả vì mục tiêu chung "độc lập dân tộc". Cho nên, Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã giành được thắng lợi, là cuộc cách mạng thể hiện ba cái nhất: Diễn ra nhanh nhất, diễn ra ít đổ máu nhất, diễn ra sớm nhất. Đây là một cuộc cách mạng diễn hình thành công về nghệ thuật tạo thời cơ, dự đoán thời cơ, nhận định chính xác thời cơ; đồng thời, kiên quyết chớp thời cơ, phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

2. Vận dụng nghệ thuật nắm bắt thời cơ trong điều kiện "kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam"

Bài học nắm bắt về tận dụng thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã được Đảng ta phát huy, phát triển trong suốt tiến trình cách mạng đã tạo nên những chiến thắng: Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" năm 1954 và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975 mang tầm cao thời đại. Trong giai đoạn hiện nay, nhiều cơ hội được mở ra, không bỏ qua, nhưng cũng không chờ đợi bất cứ ai, bất cứ dân tộc nào, quốc gia nào. Quá trình hội nhập vào nền kinh tế của thế giới, đang tạo ra những điều kiện chưa từng có cho các quốc gia xích lại gần nhau, ưu tiên phát triển kinh tế, phát huy lợi thế cạnh tranh; đồng thời các vấn đề của xã hội đang được quan tâm giải quyết,

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.425.

làm cho các quốc gia khẳng định vai trò, vị trí của mình. Thành tựu đạt được gần 40 năm đổi mới đã đưa đất nước ta lên một tầm cao mới, vị thế đất nước ta hôm nay đã khác. Trước bối cảnh đó, Tổng Bí thư Tô Lâm đã phát động một hành trình cách mạng mới đối với dân tộc ta, đất nước ta là tự tin bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 1945 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao.

Triết lý của quá trình xây dựng “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” được Tổng Bí thư Tô Lâm xác định, chính là “tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh”. Triết lý phát triển này được Đảng ta đúc kết từ bài học kinh nghiệm quý báu của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và vận dụng thành công trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đây chính là quá trình chủ động tạo thời cơ, nhận thức đúng thời cơ, kiên quyết chớp thời cơ; đồng thời đánh giá đúng nguy cơ, kiên quyết đẩy lùi nguy cơ, thách thức, chuyển hóa nguy cơ thành thời cơ, giành thắng lợi. Kỷ nguyên mới này yêu cầu Đảng ta tiếp tục vận dụng, phát triển sáng tạo hơn nữa, hiệu quả hơn nữa bài học kinh nghiệm quý giá này để tạo sự phát triển đột phá của đất nước. Từ bài học nắm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám vào nắm bắt thời cơ và cơ hội trong “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” cần phải xác định rõ các vấn đề có ý nghĩa đột phá, tạo ra tâm thế mới của đất nước:

Thứ nhất, phải tạo ra sự đột phá trong tư duy phát triển: đột phá toàn diện từ tư duy khoa học, nhân lực, cơ chế, thể chế.

Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã tạo ra những kỷ nguyên mới cho dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930 - 1975), Kỷ nguyên thống nhất, đổi mới, phát triển (1975 - 2025). Để tạo ra những kỷ nguyên đó, Đảng ta luôn tạo ra sự đột phá trong tư duy, từ nhận thức vấn đề thời cơ cách mạng đến xây dựng đổi mới đất nước đã tạo ra những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Đối với “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” được đặt ra trong bối cảnh mới với sự tác động của cách mạng 4.0, những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới đã tạo nên điều kiện nền tảng và vận hội quan trọng cho đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Do đó, đột phá tư duy lần này thể hiện “đột phá trong định hướng phát triển các lĩnh vực quan trọng của đất nước, đặc biệt là phát triển đột phá về khoa học-công nghệ, về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, phát huy nhân tài; về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam; về quản trị quốc gia; về hiện đại hóa quốc phòng, an ninh, nâng tầm đối ngoại, ngoại giao,... Chúng ta kiên định nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng trên tinh thần không ngừng sáng tạo; không chủ quan, duy ý chí, nhưng kiên quyết không để chủ nghĩa giáo điều, bảo thủ kìm hãm tư duy, nhận thức của chúng ta”⁴.

Thứ hai, “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” là kỷ nguyên đột phá mọi lĩnh vực, đẩy nhanh phát triển trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đưa quốc gia, dân tộc lên một tầm cao mới, tiến cùng với năm châu.

Gần 40 năm đổi mới của đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã tạo ra các khâu đột phá vĩ đại, phá thế bao vây cấm vận, đưa vị thế đất nước lên một tầm cao mới. Nhưng

⁴ Phùng Hữu Phú: “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử”, Tham luận tại Hội thảo khoa học quốc gia “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” do Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức ngày 15/11/2024, truy cập tại: <https://special.nhandan.vn/ky-nguyen-vuon-minh-va-yeu-cau-lich-su/index.html>

trong giai đoạn hiện nay, để xây dựng “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” cần phải đẩy nhanh tiếp thu vận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghệ và đổi mới thể chế. Đây chính là khâu đột phá lớn để đưa đất nước tiến nhanh, tiến mạnh và tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, một mặt, phải đưa đất nước đột phá đi thẳng vào hiện đại, vào kinh tế số, quản trị số (chính phủ số, xã hội số, công dân số). Đây là những lĩnh vực mà con người Việt Nam có thể mạnh, tạo ra lợi thế cạnh tranh, đưa ra sự phát triển vượt bậc về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Mặt khác, để tạo ra nền tảng số cho xã hội, thì cần phải khai thông điểm nghẽn, những yếu kém, hạn chế của thể chế đang gây khó khăn, cản trở, kìm hãm sự phát triển của đất nước. Các quá trình đột phá này tác động biện chứng, do đó cần phải được tiến hành song song, đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau. Trong đó tạo ra nền tảng số cho quốc gia là con đường đi tắt, đón đầu, đi thẳng vào hiện đại để nâng cao khả năng chủ động, thích ứng của nền kinh tế. Nhưng để tạo ra nền tảng xã hội như vậy, cần phải khắc phục, giải quyết những yếu kém, bất cập trong thể chế, cơ chế quản lý là vô cùng cấp bách, quan trọng. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững. *Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ*, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, *để khoa học và công nghệ thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế*. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển *kinh tế số, xã hội số* để tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”⁵.

Thứ ba, phải phát huy và sử dụng hiệu quả tất cả các nguồn lực của đất nước.

Thực tế, trong quá trình đổi mới đất nước mặc dù đã đạt được những thành tựu to lớn nhưng vẫn còn những hạn chế trong phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội. Kinh tế phát triển năng động nhưng chưa bền vững và chất lượng tăng trưởng chưa cao, Kết cấu hạ tầng kém, nguồn nhân lực chưa thích ứng, tình trạng lãng phí các nguồn lực quốc gia lớn, năng lực điều hành và quản trị quốc gia yếu kém đã gây cản trở cho sự phát triển của đất nước. Chính thực tế này đã gây ra cho đất nước những nguy cơ tiềm tàng mới, đặc biệt là hệ thống tài chính tiền tệ yếu kém, thị trường vốn phát triển nhanh nhưng dễ đổ vỡ, thị trường bất động sản đang có những “con sốt ảo” chưa mang lại giá trị đích thực. “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” đòi hỏi phải tạo ra khâu đột phá trong phát huy, sử dụng các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững. Kỷ nguyên mới đòi hỏi phải tạo chuyển biến căn bản về nhận thức, hành động của toàn Đảng, toàn dân trong việc giữ gìn, nuôi dưỡng, sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực của đất nước. Phải khai thác và sử dụng tài nguyên của đất nước một cách hiệu quả, đảm bảo các nguồn lực sẵn có này trở thành thế mạnh cho nền kinh tế. Đồng thời, tạo ra điều kiện phù hợp để phát huy trí tuệ của người lao động Việt Nam vào từng giờ, từng ngày lao động. Có như vậy, nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên của đất nước mới được quý trọng, bồi đắp, khai phóng để tạo thành của cải vật chất.

Thứ tư, phát huy sức mạnh mềm của dân tộc: tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí tự chủ, tự lực, tự cường, khát vọng sáng tạo và cống hiến của toàn dân.

Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vẫn còn hạn chế bất cập trong phát triển văn hóa xã hội. Một số giá trị văn hóa và đạo đức xã hội suy giảm, mê tín, hủ tục phát triển, “môi trường văn hóa bị xâm

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.46.

hại, lai căng, thiếu lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục, các tệ nạn xã hội, tội phạm và sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ độc hại làm suy đồi đạo đức, nhất là trong thanh, thiếu niên, rất đáng lo ngại”⁶, làm phai nhạt lý tưởng xã hội chủ nghĩa, ý thức chính trị trong thế hệ trẻ.

“Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” được đặt ra trong các bối cảnh mới, đòi hỏi chủ thể con người (nhân dân) cần phải phát huy đến mức cao nhất tinh thần, ý chí, sức mạnh, “khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁷. Để phát huy được các giá trị của con người Việt Nam, cần thực hiện nguyên lý: “có dân là có tất cả”. Trong quá trình xây dựng “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, các hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển theo đúng xu thế vận động của lịch sử, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng lớn, thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của con người. Chính vì vậy, đòi hỏi hoạt động của con người phải có sự phát triển tương ứng, phải không ngừng hoàn thiện mình về mọi mặt, cả số lượng lẫn chất lượng - nhất là chất lượng.

Thứ năm, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chính đôn Đảng.

Hồ Chí Minh trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Người luôn quan tâm tới vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ đức, đủ tài. Hồ Chí Minh coi đây là “gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”⁸. Hồ Chí Minh đúc kết chân lý cho Đảng ta trong công tác xây dựng cán bộ: “Đảng phải chú trọng nuôi dạy cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải chú trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”⁹.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cho đến nay, trong mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử của cách mạng, vai trò của cán bộ, đảng viên luôn được phát huy và trở thành chỗ dựa niềm tin cho quần chúng nhân dân “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Chính vì vậy, thành tựu gần 40 năm đổi mới của đất nước có sự đóng góp rất lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên: “Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹⁰.

Bên cạnh đó, thực tiễn gần 40 năm đổi mới, ở một số đảng viên chất cộng sản đã bị lu mờ, chủ nghĩa cá nhân và tác dụng của mặt trái kinh tế thị trường che lấp. Họ không dám nhìn nhận vào sự thật, không dám thừa nhận khuyết điểm, không thực hiện nghiêm túc tự phê bình. Diễn biến tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên rất phức tạp: “Tình trạng những nhiều, tiêu cực trong một số cơ quan, đơn vị khu vực hành chính, dịch vụ công chức được đẩy lùi. Tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp với biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta”¹¹.

“Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” đòi hỏi phải nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.169.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.46.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.269.

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2002, t.5, tr.273.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.25.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.93.

quyền của Đảng; xây dựng Đảng thật sự là đạo đức, văn minh, thật sự tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc, của thời đại. Cho nên, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đảm bảo yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế là một chiến lược cực kỳ quan trọng. Đại hội XIII của Đảng ta đã khẳng định: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Có chính sách khuyến khích và cơ chế phù hợp bảo vệ những cán bộ, đảng viên có ý chí chiến đấu cao, gương mẫu thực hiện nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung”¹².

KẾT LUẬN

Bối cảnh đặc biệt của thế giới và trong nước vừa tạo cho công cuộc đổi mới, sáng tạo, phát triển trong kỷ nguyên mới của Việt Nam những triển vọng mới đầy hứa hẹn, vừa đặt ra những nhiệm vụ mới hết sức nặng nề. Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau cùng tác động đến sự phát triển của đất nước. Bằng bài học kinh nghiệm quý báu được đúc kết qua các thời kỳ cách mạng, trong đó, bài học kinh nghiệm về tạo dựng, nắm bắt và chớp thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 luôn có giá trị lâu bền và ý nghĩa thời đại, cần được thẩm nhuần và vận dụng sáng tạo trong giai đoạn phát triển mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với sự đoàn kết của toàn dân tộc sẽ đưa đất nước ta tự tin bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, tiến bước cùng thời đại.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.42.

NHẬN DIỆN THỜI CƠ: TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Lê Bình Phương Luân*

MỞ ĐẦU

Thắng lợi Cách mạng tháng Tám (1945) là một mốc son chói lọi trong lịch sử cách mạng Việt Nam, trong kỷ nguyên độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội của dân tộc ta (1930 - 1975). Cách mạng tháng Tám đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho cách mạng Việt Nam, trong đó có bài học nhận diện thời cơ cách mạng.

Chiến thắng vĩ đại của Cách mạng tháng Tám là kết quả của quá trình đấu tranh bền bỉ, anh dũng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng; của ý chí, quyết tâm mạnh mẽ của toàn dân tộc vì sự độc lập tự do; của sự chín muồi những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan “ngàn năm có một”. Bằng trí tuệ, sự nhạy bén chính trị của Đảng dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đảng ta đã nhận diện chính xác thời cơ cách mạng, nắm bắt, quyết tâm hành động để đưa Cách mạng tháng Tám đi đến thắng lợi nhanh, gọn và không bị tổn thất về sinh mạng.

Để có được kết quả tương chừng dễ dàng đó không phải là sự ngẫu nhiên, tình cờ, mà là kết quả của thực tiễn cách mạng lâu dài; của quá trình nhận thức sâu sắc, khoa học; của sự chuẩn bị lực lượng cách mạng và những hành động kịp thời, quyết liệt của Đảng khi thời cơ chín muồi. Vậy, tình thế cách mạng, thời cơ của Cách mạng tháng Tám đã diễn ra như thế nào? Sự nhận thức và hành động của Đảng khi thời cơ chưa đến? Sự quyết tâm, quyết liệt trong hành động của Đảng khi thời cơ đã chín muồi?,... Đồng thời, bài học ấy đã được Đảng Cộng sản Việt Nam thấm nhuần, vận dụng sáng tạo như thế nào trong nhận diện thời cơ của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam.

NỘI DUNG

1. Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về tình thế cách mạng và thời cơ cách mạng

Trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng xã hội, bên cạnh những vấn đề về nguyên nhân, bản chất, hình thức, phương pháp cách mạng... V.I.Lênin còn dành nhiều thời gian để bàn đến mối quan hệ giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan trong cách mạng xã hội. Nếu sự phát triển xã hội bao giờ cũng là sự thống nhất giữa cái khách quan và cái chủ quan, thì cách mạng xã hội cũng không nằm ngoài quy luật phổ biến ấy. Những quan hệ, bối cảnh, hoàn cảnh xã hội nhất định,... hình thành và tồn tại một cách độc lập với ý thức của con người - tạo thành điều kiện khách quan, thì hoạt động của con người nhằm tác động, biến đổi những quan hệ, bối cảnh, hoàn cảnh xã hội khách quan ấy là nhân tố chủ quan.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, cách mạng xã hội chỉ có thể nổ ra và việc giành chính quyền trở thành nhiệm vụ trực tiếp, khi những mâu thuẫn xã hội, những điều kiện khách quan cần thiết trở nên chín muồi tạo thành *tình thế cách mạng*. Tình thế cách mạng là “sự chín muồi của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, sự phát triển đỉnh cao của đấu tranh giai cấp dẫn tới sự đảo lộn sâu sắc trong nền tảng kinh tế-xã hội của nhà nước đương thời, khiến cho việc thay thế thể chế chính trị đó bằng thể chế chính trị khác, tiến bộ hơn như là một thực tế không thể đảo ngược”¹.

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.412.

Trong bài *Sự phá sản của Quốc tế II*, đăng trên tạp chí “Người Cộng sản”, số 1 - 2, Gionevo, trong khoảng giữa năm 1915, V.I.Lênin chỉ ra 3 dấu hiệu của tình thế cách mạng: “1) Các giai cấp thống trị không thể nào duy trì được nền thống trị của mình dưới một hình thức bất di bất dịch;... Muốn cho cách mạng nổ ra, mà chỉ có tình trạng “tầng lớp dưới không muốn sống” như trước, thì thường thường là không đủ, mà còn cần phải có tình trạng “tầng lớp trên cũng không thể nào” sống như cũ được nữa. 2) Nổi cùng khổ và quần bách của các giai cấp bị áp bức trở nên nặng nề hơn mức bình thường. 3) Do những nguyên nhân nói trên, tính tích cực của quần chúng được nâng cao rõ rệt,... đến thời kỳ bão táp thì họ bị toàn bộ cuộc khủng hoảng cũng như bị ngay cả bản thân “tầng lớp trên” đẩy đến chỗ phải có hành động lịch sử độc lập”². Như vậy, tình thế cách mạng là trạng thái đặc biệt của điều kiện khách quan đưa đến cách mạng xã hội, nhưng không phải bất kỳ tình thế cách mạng nào cũng tạo nên cách mạng xã hội. Vì ngoài điều kiện khách quan, cách mạng xã hội còn phụ thuộc vào nhân tố chủ quan, tức là phụ thuộc vào trình độ nhận thức, ý chí và năng lực hoạt động của con người, của các giai cấp, đảng phái,... và lúc này nhân tố chủ quan lại trở thành yếu tố quyết định đến sự thành bại của cách mạng.

V.I.Lênin từng chỉ ra rằng, “...xã hội loài người không phải được tổ chức một cách hợp lý và “thuận tiện”... Cuộc cách mạng có thể đã chín muồi, nhưng những người cách mạng sáng tạo ra cuộc cách mạng đó lại có thể chưa đủ sức để thực hiện nó”³. Nghĩa là, không phải lúc nào điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của một cuộc cách mạng đồng thời diễn ra, thậm chí sự xuất hiện của điều kiện khách quan còn là kết quả nỗ lực của chính lực lượng cách mạng. Vì vậy, Người đấu tranh chống lại tư tưởng thụ động, trông chờ, không chuẩn bị, xây dựng lực lượng cách mạng. Trong đấu tranh cách mạng, những người mácxít phải biết kết hợp giữa “việc phân tích tình hình khách quan” và “nghị lực cách mạng, tính sáng tạo và tính chủ động cách mạng của quần chúng”⁴.

Một trong những yếu tố quan trọng có vai trò quyết định đến sự thắng lợi của một cuộc cách mạng chính là thời cơ cách mạng. “Thời cơ cách mạng là thời điểm đặc biệt khi điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan đã chín muồi. Đó là lúc thuận lợi nhất có thể bùng nổ cách mạng, có ý nghĩa quyết định đối với thành công của cách mạng”⁵. Thời cơ cách mạng thường gắn liền với những tình huống, sự kiện mang yếu tố bất ngờ có khả năng thúc đẩy cách mạng đến bước ngoặt quyết định. Nó có thể xuất hiện và biến mất nhanh chóng. Do đó, nhận diện, tận dụng và chớp thời cơ cách mạng phản ánh năng lực lãnh đạo, sự nhạy bén của giai cấp cách mạng, đặc biệt là người đứng đầu. Nếu bỏ lỡ thời cơ, cách mạng có thể không nổ ra hoặc nếu nổ ra thì cách mạng gặp nhiều khó khăn, tổn thất, thậm chí là thất bại.

2. Quá trình nhận thức và chớp thời cơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám

Trước những diễn biến phức tạp của Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945), ngày 28/1/1941, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, Người chủ trì Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó, Cao Bằng. Một trong những nội dung quan trọng của Hội nghị là chủ trương “thay đổi chiến lược”, xác định “cách mạng giải

² V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.26, tr.268.

³ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Moskva, 1979, t.11, tr.459.

⁴ V.I.Lênin: *Sđd*, 1979, t.16, tr.29.

⁵ Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.414.

phóng dân tộc” là “vấn đề cần kíp”, “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc”⁶.

Hội nghị cũng xác định “Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang” và nêu lên những điều kiện: “1) Mặt trận cứu quốc đã thống được toàn quốc. 2) Nhân dân không thể sống được nữa dưới ách thống trị của Pháp - Nhật, mà đã sẵn sàng hy sinh bước vào con đường khởi nghĩa. 3) Phe thống trị Đông Dương đã bước vào cuộc khủng hoảng phổ thông đến cực điểm vừa về kinh tế, chính trị lẫn quân sự. 4) Những điều kiện khách quan tiện lợi cho cuộc khởi nghĩa Đông Dương như quân Tàu đại thắng quân Nhật, Cách mạng Pháp hay Cách mạng Nhật nổi dậy...”⁷.

Tại thời điểm diễn ra Hội nghị (tháng 5/1941), Hội nghị cũng nhận định tình thế cách mạng vẫn chưa chín muồi, cụ thể: “Tình hình thế giới sẽ chuyển biến ghê gớm làm cho tình hình Đông Dương thay đổi có lợi cho cách mạng. Phe thống trị Pháp - Nhật tuy đã gặp những bước khó khăn, nhưng chưa bước vào thời kỳ khủng hoảng phổ thông đến cực điểm”⁸; “Còn dân ta ngày nay tuy đã khổ sở nhiều, nhưng cũng chưa phải hết đường sống, cho nên chưa quyết liệt bước vào con đường khởi nghĩa. Nhưng rồi đây tình thế chết đã đến chân, bắt buộc họ phải đứng dậy, liều chết vật lộn với quân giặc cướp nước. Lúc ấy cả thế giới như một nồi nước sôi và tình hình cách mạng Đông Dương bước những bước vĩ đại để dọn đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa mạnh mẽ”⁹. Chính những phân tích một cách khách quan, khoa học tình hình thế giới và trong nước, Đảng ta đã đặt ra nhiệm vụ xây dựng “chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù...” và “...với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn” khi thời cơ cách mạng chín muồi. Và thực tế lịch sử đã diễn ra đúng như dự đoán của Đảng.

Sau Hội nghị (tháng 5/1941), ngày 06/6/1941 Nguyễn Ái Quốc kêu gọi cả nước “phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian”.

Ngày 25/10/1941 Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời; là mặt trận đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, trở thành nơi tập hợp, giác ngộ, rèn luyện lực lượng chính trị rộng lớn, đóng vai trò quan trọng trong tổng khởi nghĩa sau này.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - đội quân chủ lực đầu tiên, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập theo Chỉ thị của Hồ Chí Minh.

Có thể thấy, trong giai đoạn từ sau Hội nghị đến trước tổng khởi nghĩa, Đảng ta dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã từng bước tập hợp lực lượng, tuyên truyền chủ trương, quan điểm của Đảng; chú trọng tổ chức, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến. Chính nhờ công tác chuẩn bị này, sau này, ngay cả khi chưa nhận được tổng khởi nghĩa từ trung ương, đảng bộ nhiều địa phương đã kịp thời, chủ động, lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa.

Dự đoán đúng tình hình, ngay sau ngày 09/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, ngày

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, t.7, tr.113.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2015, t.7, tr.129-130.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2015, t.7, tr.131.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2015, t.7, tr.131-132.

12/3/1945 Đảng ra *Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ, “là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào kháng Nhật, cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945”¹⁰. Chỉ thị cũng vạch rõ, điều kiện cho một cuộc tổng khởi nghĩa tuy chưa chín muồi, nhưng cuộc đảo chính phản ánh cuộc khủng hoảng sâu sắc về chính trị.

Ngày 09/5/1945 phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng minh. Tuy nhiên, lúc này xuất hiện một nguy cơ có ảnh hưởng rất lớn đến cách mạng Việt Nam. Theo Hội nghị Potsdam (tháng 7/1945), quân đội Trung Hoa dân quốc sẽ vào Bắc Việt Nam (từ vĩ tuyến 16 trở ra), còn quân đội Anh sẽ giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào. Với bản chất đế quốc, Mỹ ủng hộ việc Pháp khôi phục chủ quyền ở Đông Dương.

Ngày 08/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và đánh tan đội quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Sau sự kiện Mỹ ném hai quả bom nguyên tử, ngày 13/8/1945 Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Những đặc trưng của tình thế cách mạng đã xuất hiện: đó là sự khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương. Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang cực độ; Đời sống của mọi tầng lớp nhân dân điêu đứng, cùng quẫn, không thể chịu đựng sự áp bức thêm được nữa. Nạn đói khủng khiếp năm 1945, làm chết gần 2 triệu người dẫn tới quyết tâm đứng lên giành độc lập, tự do, không khí cách mạng sục sôi. Đồng thời, ta cũng đã xây dựng lực lượng cách mạng hùng hậu để chuẩn bị lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng.

Trước tình hình đó, Đảng ta dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhận định thời cơ giành chính quyền chỉ tồn tại từ khi phát xít Nhật đầu hàng cho đến trước khi quân Anh tước khí giới quân đội Nhật ở Đông Dương. Vấn đề giành chính quyền trở thành một “cuộc đua nước rút” để tranh thủ thời cơ, đưa cách mạng đến thành công.

Ngay trong ngày 13/8/1945 (ngày quân Nhật đầu hàng), Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố “Quân lệnh số 1”, phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Ngày 14 và 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào. Sau khi phân tích những tình hình, những diễn biến diễn ra nhanh chóng, đan xen giữa thời cơ, thuận lợi, cũng như nguy cơ, thách thức, Hội nghị đi đến kết luận: Đảng phải kịp thời phát động, lãnh đạo toàn dân nổi dậy cướp chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, nhân dân cả nước đã vùng lên khởi nghĩa cướp chính quyền. Chỉ trong vòng 12 ngày, từ ngày 14 đến ngày 25/8/1945, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã giành chính quyền trong cả nước. Cách mạng tháng Tám thành công rực rỡ.

Thành công lớn nhất của nghệ thuật khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám là Đảng dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nhận diện chính xác thời cơ, kiên quyết chớp thời cơ “ngàn năm có một” để tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân một cách nhanh, gọn, không đổ máu và thành công triệt để. Bài học về thời cơ trong Cách mạng tháng Tám có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, vẫn giữ nguyên giá trị trong việc nhận diện thời cơ Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ta.

3. Nhận diện thời cơ Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Tại Hội thảo khoa học quốc gia “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” ngày 15/11/2024 tại Hà Nội, các nhà

¹⁰ Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.118.

khoa học, các nhà nghiên cứu bước đầu thống nhất khái niệm kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Theo đó: “Kỷ nguyên là một giai đoạn lịch sử được đánh dấu bởi sự kiện với những đặc trưng quan trọng có tầm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của một dân tộc, một quốc gia hay cả nhân loại.

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là kỷ nguyên phát triển bứt phá, tăng tốc dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đích cuối cùng giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc...”¹¹.

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam được xác định bắt đầu từ Đại hội XIV của Đảng, thời điểm chúng ta hoàn thành xuất sắc 40 năm công cuộc đổi mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ năm 1930), Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ta là kỷ nguyên thứ 3 sau 2 kỷ nguyên: Kỷ nguyên độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930 - 1975), kỷ nguyên thống nhất đất nước, đổi mới (1975 - 2025). Ba kỷ nguyên là sự tiếp nối hợp quy luật của cách mạng Việt Nam, kỷ nguyên trước tạo tiền đề cho kỷ nguyên sau; kỷ nguyên sau kế thừa, phát triển những thành tựu của kỷ nguyên trước. Quan điểm của Đảng về Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là chiến lược phát triển của đất nước trong bối cảnh mới, là kết quả của quá trình nhận thức, phân tích khách quan, khoa học tình hình của đất nước và thế giới dựa trên cơ sở sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như những bài học kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn cách mạng Việt Nam trong lịch sử.

Theo Tổng bí thư Tô Lâm, cơ sở định vị mục tiêu đưa đất nước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, trước hết, từ những thành tựu vĩ đại về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đạt được sau 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, giúp chúng tích lũy thế và lực cho sự phát triển bứt phá trong tương lai. “Từ một đất nước bị bao vây cô lập, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác chiến lược toàn diện với 34 nước, trong đó có tất cả các thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, các nước lớn; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có quan hệ chính trị, quốc phòng, an ninh phát triển sâu rộng, thực chất. Từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã trở thành một trong 34 nền kinh tế lớn nhất thế giới, quy mô kinh tế tăng gần 100 lần so với năm 1986, thu nhập bình quân đầu người tăng từ dưới 100 USD lên gần 5.000 USD,...Việt Nam lọt vào nhóm 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất thế giới; nằm trong nhóm 20 nền kinh tế thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất thế giới từ năm 2019 đến nay, là một trong 10 quốc gia có lượng kiều hối lớn nhất thế giới”¹². Những thành tựu này khẳng định vị thế, uy thế của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để chúng ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Điều này được cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhận định, được Đại hội XIII của Đảng thông qua và đưa vào Nghị quyết của Đại hội: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹³.

¹¹<https://laodong.vn/thoi-su/ket-luan-hoi-thao-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam-nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-1422100.laod>

¹²<https://tapchiquptd.vn/vi/chuyen-luan-chi-dao/bai-viet-vuon-minh-trong-hoi-nhap-quoc-te-cua-tong-bi-thu-to-lam/23944.html>

¹³<https://baochinhpheu.vn/dat-nuoc-ta-chua-bao-gio-co-duoc-co-do-tiem-luc-vi-the-va-uy-tin-quoc-te-nhu-ngay-nay-10224072719213366.htm>

Thế giới đang bước vào “thời kỳ thay đổi có tính thời đại”, cho đến năm 2030 là giai đoạn xác lập trật tự thế giới mới, đây cũng là “thời kỳ cơ hội chiến lược” của đất nước để đạt được những mục tiêu chiến lược dưới sự lãnh đạo 100 năm của Đảng¹⁴. Cùng với đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng mang lại những cơ hội cho những quốc gia đang phát triển có thể nắm bắt thời cơ để đi tắt, đón đầu phát triển.

Một nhân tố có ý nghĩa quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong gần 100 năm qua, chính là sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, biết khơi dậy sức mạnh của toàn dân kết hợp với sức mạnh thời đại để làm nên những kỳ tích. Đây cũng là thời điểm mà “ý Đảng hòa quyện với lòng dân” trong khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Có thể nói, đây là thời kỳ mà Đảng nhận định những điều kiện khách quan, cũng như những nhân tố chủ quan để tạo ra thời cơ thuận lợi để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

KẾT LUẬN

Vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, cụ thể quan điểm của V.I.Lênin về tình thế cách mạng và thời cơ cách mạng; về sự thống nhất giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan trong cách mạng xã hội, dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đảng ta đã nhận diện, chớp thời cơ cách mạng để Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đưa Cách mạng tháng Tám đi đến thắng lợi vĩ đại.

Nghệ thuật phân tích điều kiện khách quan; chuẩn bị các yếu tố chủ quan; nhận diện, kiên quyết hành động, chớp thời cơ trong Cách mạng tháng Tám (1945) của Đảng trở thành bài học mẫu mực của nghệ thuật nhận diện thời cơ cách mạng trong những bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam. Bài học ấy đã được Đảng Cộng sản Việt Nam hôm nay kế thừa, phát triển để nhận diện thời cơ đưa đất nước Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Để kết thúc bài viết này, chúng tôi xin trích lời của Tổng Bí thư Tô Lâm rằng: “Trong lần chuyển đổi này, nếu không kịp thời bắt nhịp với thế giới, nhận diện và tranh thủ cơ hội để đặt đất nước vào đúng dòng chảy của thời đại trong 10 năm, 20 năm tới, nguy cơ tụt hậu sẽ hiện hữu hơn bao giờ hết”.

¹⁴ <https://laodong.vn/thoi-su/ket-luan-hoi-thao-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam-nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-1422100.laodong>

TỪ BÀI HỌC NĂM BẮT THỜI CƠ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CHO GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC HIỆN NAY

*TS. Nguyễn Khoa Huy**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại chế độ quân chủ chuyên chế nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc cách mạng đã thể hiện rõ ý chí quật cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt sự thành công của cuộc cách mạng đã để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều bài học kinh nghiệm vô cùng quý báu, có ý nghĩa thiết thực cho đến tận ngày nay. Một trong số đó, không thể không kể đến bài học về năm bắt thời cơ. Bài học trên đã được Đảng và Nhà nước trân trọng tiếp thu, vận dụng linh hoạt và sáng tạo trong xu thế bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) nói chung, tác động của AI đối với giảng viên đại học nói riêng ở giai đoạn hiện nay. Bài viết gồm ba phần chính: (1) Khái quát bài học lịch sử, (2) Đánh giá thực trạng ứng dụng, (3) Đề xuất giải pháp cho giảng viên đại học trong kỷ nguyên số hiện nay.

Thuật ngữ trí tuệ nhân tạo, hay còn được viết tắt là AI, xuất hiện vào năm 1956. Đến nay trí tuệ nhân tạo ngày càng phổ biến, phát triển trên mọi lĩnh vực. Nó đã và đang trở thành một lĩnh vực khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ nhất. Trí tuệ nhân tạo không chỉ là công cụ hỗ trợ con người mà còn là yếu tố quyết định sự phát triển của một quốc gia trên mọi lĩnh vực. Trong lĩnh vực giáo dục đại học, AI cũng đang trở thành một phần không thể thiếu. Nó không chỉ mang đến những thay đổi mang tính đột phá trong dạy và học, trong mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh, gia đình và nhà trường.

NỘI DUNG

1. Sơ lược bài học về năm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Trong Cách mạng tháng Tám, bài học về năm bắt thời cơ đã được thể hiện ngay khi Đảng đưa ra những dự báo về tình thế cách mạng để dân tộc Việt Nam vùng lên giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là vào ngày 09/03/1945 phát xít Nhật đã nổ súng đảo chính, lật đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương. Kẻ thù của cách mạng nước ta thời điểm lúc bấy giờ chỉ còn là phát xít Nhật. Nhận định được tình hình có lợi trên, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng đã ra chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (ngày 12/03/1945) phát động phong trào kháng Nhật cứu nước.

Đến ngày 08/05/1945, chiến thắng của Liên Xô đã buộc phát xít Đức đầu hàng, quân Đồng minh liên tiếp tiến công phát xít Nhật ở nhiều nơi. Tình hình đã diễn ra đúng như dự đoán của Đảng ta, đó là khi Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện (ngày 04/08/1945) đã khiến cho quân Nhật ở Đông Dương hoang mang cực độ và dẫn đến bị tê liệt. Chớp lấy thời cơ, vào lúc 23 giờ ngày 13/08/1945, Ủy ban Khởi nghĩa liên ra Quân lệnh số 1 hiệu triệu toàn dân tổng khởi nghĩa. Tiếp đó, vào ngày 16/08/1945, Đại hội Quốc dân họp tại Tân trào thông qua “10 chính sách lớn của Việt Minh”; thông qua “Lệnh tổng khởi nghĩa”. Đặc biệt, ngày 18/08/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa trong đó nêu rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên”¹.

* Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

Cách mạng tháng Tám đã nổ ra và giành thắng lợi trong cả nước chỉ trong vòng có hai tuần lễ (từ ngày 13/08 đến cuối tháng 08/1945). Tổng khởi nghĩa nổ ra “nhANH, gọn, ít đổ máu”, dồn dập và giành thắng lợi nhanh gọn từ địa phương này đến địa phương khác, từ thành thị đến nông thôn trong cả nước. Cách mạng tháng Tám thành công đã để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu, nhất là nghệ thuật nắm bắt thời cơ. Đến nay, 80 năm đã qua nhưng bài học kinh nghiệm về chớp thời cơ của Cách mạng tháng Tám vẫn còn nguyên giá trị trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt với sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo trong giai đoạn hiện nay. Từ kinh nghiệm đó, hiện nay giảng viên đại học cần phải theo dõi xu thế AI để chủ động thay đổi phương pháp giảng dạy cho phù hợp với tình hình mới.

2. Vận dụng bài học nắm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám vào bồi dưỡng năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ giảng viên đại học hiện nay

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định 5 bài học kinh nghiệm quý từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trong đó nhấn mạnh: “Chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, tuyệt đối không được để bị động, bất ngờ. Kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn để phát triển đất nước”². Vận dụng bài học nắm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám vào giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã bám sát tình hình thế giới và trong nước, dự báo sớm con đường để phát triển giáo dục đại học trong xu thế phát triển của AI và kịp thời đề ra phương pháp đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn.

Cụ thể, nhận thức sức ảnh hưởng của AI đối với nền giáo dục đất nước nói chung, giáo dục bậc đại học nói riêng, đây vừa là thời cơ đồng thời là thách thức nên Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Học viện, trường Đại học trên cả nước đã không ngừng xây dựng kế hoạch, tổ chức các lớp học, hay tổ chức các Hội thảo Khoa học nhằm bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về AI cho đội ngũ giảng viên. Tiêu biểu như: Vào ngày 05/07/2024 Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) phối hợp cùng Tập đoàn Intel (Hoa Kỳ) tổ chức Khai mạc khóa tập huấn đào tạo về trí tuệ nhân tạo (AI) cho giảng viên các trường đại học khối ngành kỹ thuật - công nghệ của Việt Nam. Khóa học có sự tham gia của 27 giảng viên thuộc 8 trường đại học tại Hà Nội. Qua khóa học trên, các Thầy Cô giáo đã học được cách sử dụng, khai thác hiệu quả sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy và kiểm tra, đánh giá môn học; đồng thời đều được thực hành tạo ra các sản phẩm ngay trong buổi tập huấn nhờ ứng dụng AI. Hay Học viện Chính trị khu vực II đã tổ chức Tập huấn kỹ năng cơ bản về sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ nghiên cứu và giảng dạy với chủ đề “Ứng dụng trí thông minh nhân tạo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học” do PGS, TS. Nguyễn Quang Diệu - Giám đốc Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trình bày. Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức Tập huấn “Ứng dụng AI xây dựng bài giảng tích cực, thúc đẩy kỹ năng học tập chủ động của người học” cho giảng viên Trường Đại học Đồng Tháp. Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội, Khoa Quản lý Văn hóa đã tổ chức Hội thảo với chủ đề “Ứng dụng công nghệ AI trong giảng dạy và nghiên cứu”... Các khóa học, các hoạt động trên đã trang bị cho giảng viên đại học kiến thức chung về trí tuệ nhân tạo cũng như hỗ trợ giảng viên cập nhật kiến thức và phát triển kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc xây dựng, thiết kế bài giảng tích cực hơn, cuốn hút người học hơn.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.29.

Bên cạnh đó, một số trường Đại học hiện nay đã mạnh dạn đầu tư, liên kết và hợp tác với các tập đoàn, công ty công nghệ. Tiêu biểu là trường Đại học Fulbright Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh và Đại học Rmit. Các trường đại học lớn ở Việt Nam này đã nắm bắt được xu thế phát triển chung của thế giới, triển khai AI vào chương trình giảng dạy, nghiên cứu và hợp tác quốc tế. Đây là một bước tiến mạnh mẽ, tạo ra sự phát triển cho giáo dục đại học ở Việt Nam cũng như nâng cao chất lượng, trình độ làm chủ AI cho đội ngũ giảng viên.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì vấn đề bồi dưỡng AI cho giảng viên đại học trong giai đoạn hiện nay vẫn còn một số tồn tại. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã tổng kết những hạn chế trong quá trình chuyển đổi số nói chung, phát triển trí tuệ nhân tạo nói riêng: "... tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nhận thức của nhiều cấp, nhiều ngành, cán bộ, công chức và nhân dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi..."³. Trong lĩnh vực giáo dục, vấn đề trên lại càng thể hiện rõ. Đó chính là còn một số giảng viên ở một số trường đại học còn thiếu kiến thức, kỹ năng về AI. Đây là một trong những vấn đề làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của Nhà trường, cũng như kìm hãm đổi mới giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. "Một trong những thách thức lớn nhất là sự thiếu hụt kỹ năng công nghệ của một số giáo viên. Để sử dụng hiệu quả các công cụ AI, giáo viên cần có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và khả năng sử dụng các hệ thống AI"⁴.

Một số nghiên cứu cũng chỉ ra, "sự sẵn sàng của cả đội ngũ giáo viên và học sinh trong việc ứng dụng các hệ thống mới vẫn còn hạn chế. Nhiều giáo viên, học sinh vẫn chưa quen thuộc và chưa nhận thức đầy đủ về lợi ích của việc ứng dụng công nghệ, dẫn đến việc khai thác, sử dụng các hệ thống chưa hiệu quả"⁵. Như vậy, các nghiên cứu về lĩnh vực này đã chỉ ra những thách thức đáng chú ý với giảng viên nói riêng và các cơ sở giáo dục đại học nói chung. Đó là vẫn còn một số giảng viên và nhân viên trong giáo dục chưa được đào tạo về AI và phân tích dữ liệu. Thiếu hụt kỹ năng này có thể dẫn đến việc triển khai công nghệ không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực... Đây là một vấn đề đáng chú ý, cần phải thay đổi nhằm góp phần phổ cập, mở rộng kiến thức về AI, ứng dụng AI vào giáo dục đạt hiệu quả.

3. Một số giải pháp nâng cao năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ giảng viên đại học hiện nay

3.1. Cần nhận thức ứng dụng AI trong dạy học, đây là thách thức nhưng đồng thời cũng là cơ hội

Trí tuệ nhân tạo đang trở thành xu hướng toàn cầu, có vai trò không thể thiếu trong giáo dục hiện đại. Nhiều nước trên thế giới đang có nhiều dự án lớn tầm quốc gia về ứng

³ Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội, 2024, tr. 1.

⁴ Thi Thi: Trí tuệ nhân tạo đang trở thành một phần không thể thiếu trong đào tạo giáo viên. Truy cập tại: <https://giaoduc.net.vn/tri-tue-nhan-tao-dang-tro-thanh-mot-phan-khong-the-thieu-trong-dao-tao-giao-vien-post245962.gd>, 24/03/2025.

⁵ Trần Quang Thuận, Đặng Quốc Phong, Nguyễn Văn Toại: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục: triển vọng và thách thức cho Việt Nam, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, Tập 2, Số 315, 2024, tr.240.

dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục như Lào, Myanmar,... vì vậy, Việt Nam không thể đứng ngoài. Trong giáo dục bậc đại học, các trường đại học Việt Nam cần phải tích cực, chủ động học hỏi để nắm bắt AI. Vận dụng linh hoạt bài học kinh nghiệm về nắm bắt thời cơ của Cách mạng tháng Tám, lãnh đạo Nhà trường kết hợp với ban Chủ nhiệm các Khoa cần nhận thức xu thế phát triển hiện nay của giáo dục thế giới, nhận thức vấn đề ứng dụng AI trong dạy học, đây vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội để phát triển.

Từ đó đội ngũ lãnh đạo Nhà trường phải quán triệt quan điểm sử dụng AI vào dạy và học, vận dụng linh hoạt và sáng tạo các biện pháp nhằm bồi dưỡng, giáo dục kiến thức AI cho đội ngũ giảng viên. Việc sử dụng AI hiệu quả sẽ là cơ hội lớn, mang lại nhiều lợi thế cho quá trình dạy và học, cũng như tạo ra những đột phá mạnh mẽ đối với các trường đại học hiện nay. Nó không chỉ góp phần vào học tập cá nhân hóa; tăng cường sự tham gia của học sinh; đánh giá và phản hồi thông minh; đổi mới phương pháp giảng dạy; nâng cao chất lượng giảng dạy; mà còn cơ hội góp phần khẳng định hình ảnh, thương hiệu của Nhà trường; đưa Nhà trường vươn tầm quốc tế,...

Do đó, lãnh đạo Nhà trường và ban Chủ nhiệm các khoa không chỉ chú trọng đầu tư, đổi mới chương trình đào tạo; nội dung giảng dạy phù hợp với xu thế AI hóa hiện nay; nâng kinh phí nghiên cứu khoa học gắn với chủ đề liên quan đến AI; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giảng dạy, mà còn hướng đến đẩy mạnh quốc tế hóa đại học. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường phải là những người vừa có “tâm” lại vừa có “tầm”, làm việc nhiệt tình, biết cách quản lý, luôn theo dõi và đôn đốc việc thực thi kế hoạch đưa AI vào giáo dục. Lãnh đạo Nhà trường, ban Chủ nhiệm các khoa có thể mời các chuyên gia về AI đến giảng dạy hoặc các giảng viên Khoa Công nghệ thông tin đã có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu về AI. Các trường đại học cần liên kết với các trường bạn, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm cũng như tổ chức các Hội thảo khoa học, mở các khóa học về ứng dụng AI, để nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu của đội ngũ giảng viên của trường. Đặc biệt, khi tuyển chọn giảng viên trẻ trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có trình độ cao thì cần có sự am hiểu về AI, biết ứng dụng AI vào dạy học.

Khi đánh giá sản phẩm của sinh viên, giảng viên đại học sẽ chủ động áp dụng các biện pháp khác nhau, công cụ khác nhau để kiểm tra độ trùng lặp, qua đó đảm bảo tính liêm chính học thuật, phòng chống gian lận. Do đó, các trường đại học cũng cần đưa ra quy định, hướng dẫn cụ thể giảng viên trong việc đánh giá những sản phẩm học thuật có sự hỗ trợ của AI để đảm bảo công bằng và trung thực trong học tập của sinh viên. Tránh tình trạng mỗi giảng viên đưa ra một cách đánh giá tùy tiện khác nhau làm ảnh hưởng đến tâm lý sinh viên, chất lượng giáo dục chung của Nhà trường.

3.2. Tăng cường mở các lớp đào tạo kiến thức và huấn luyện kỹ năng sử dụng AI đáp ứng yêu cầu xu thế phát triển giáo dục hiện nay

Trong cách mạng công nghiệp 4.0, trí tuệ nhân tạo không chỉ là công cụ, mà còn là động lực chính tạo ra những đột phá mới. Giữa làn sóng phát triển mạnh mẽ của AI, ngành giáo dục không thể đứng ngoài cuộc và bản thân mỗi con người nói chung, mỗi giảng viên dạy đại học nói riêng phải hiểu rõ về AI để có thể thích ứng, để có thể làm chủ nó. Vận dụng bài học nắm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám, không chỉ đòi hỏi phải nhận thức đúng về thời cơ, mà đội ngũ giảng viên đại học còn phải có sự chuẩn bị chu đáo mọi mặt để khi thời cơ đến sẽ tiên hành quá trình đột phá. “Trong bối cảnh AI phát triển nhanh chóng, một yêu cầu đặc biệt quan trọng và cấp bách là cần nhanh chóng phổ cập những tri thức căn bản về trí tuệ nhân tạo đến với toàn dân một cách dễ hiểu nhất,

theo chuẩn mực quốc tế”⁶. Vì vậy, việc tăng cường mở các lớp đào tạo kiến thức về AI, kỹ năng ứng dụng AI để đáp ứng xu thế phát triển giáo dục đại học hiện nay chính là vấn đề quan trọng và mang tính cấp thiết.

Trong các lớp đào tạo AI này, trước tiên giảng viên đại học sẽ hiểu rõ về AI. Cụ thể, giúp giảng viên hiểu khái niệm AI, lịch sử phát triển và các loại hình AI; các ứng dụng của AI trong cuộc sống và các lĩnh vực khác nhau; các công cụ và nền tảng AI phổ biến. Nhất là chú trọng đến các ứng dụng của AI trong giáo dục và nghiên cứu khoa học.

Không chỉ bước đầu nắm vững các kiến thức cơ bản về AI, giảng viên đại học còn được đi vào tìm hiểu, giảng dạy về những nội dung chuyên sâu. Đó là ứng dụng AI trong giảng dạy cũng như ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học. Đối với ứng dụng AI trong giảng dạy thì giảng viên sẽ hiểu và có thể tự động hóa các công việc hành chính (chấm bài, quản lý lớp học); tạo ra các bài giảng tương tác bằng video, hình ảnh, âm thanh, nhất là xây dựng các hệ thống đánh giá năng lực sinh viên tự động. Còn đối với ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học, thì giảng viên sẽ biết cách xử lý dữ liệu lớn trong nghiên cứu khoa học, Xây dựng các mô hình dự đoán và phân loại; cũng như có thể áp dụng AI để giải quyết các vấn đề nghiên cứu cụ thể trong từng lĩnh vực khoa học.

3.3. Bản thân đội ngũ giảng viên cần phải tích cực, chủ động biến thời cơ khách quan thành sức mạnh hiện thực

“Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”, nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục sinh viên ở các trường đại học hiện nay trên tinh thần nắm bắt thời cơ mới, vận hội mới không thể ứng dụng AI vào dạy và học. Và nhân tố trực tiếp, đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc kích thích ý thức học tập của sinh viên, hướng dẫn sinh viên sử dụng AI chính là những người thầy, người cô. Bản thân đội ngũ giảng viên đại học phải luôn luôn ý thức trách nhiệm của mình, không ngừng nỗ lực, trau dồi, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhất là nắm bắt, làm chủ AI, từ đó chủ động biến thời cơ khách quan thành sức mạnh hiện thực để góp phần đẩy mạnh phát triển giáo dục.

Trong xu thế bùng nổ của AI, với sự phát triển của các công cụ AI tiên tiến và thông dụng như Chat GPT, Bing chat, AI TensorFlow, Amazon Machine Learning... đã hỗ trợ rất lớn cho con người trong quá trình nghiên cứu, học tập, tìm kiếm ý tưởng, tổng hợp thông tin, cập nhật kiến thức mới. Giới trẻ nói chung và sinh viên nói riêng có thể sử dụng nó để tìm hiểu, giải đáp những khúc mắc; thực hiện các bài tập, các bài nghiên cứu... Nếu giảng viên không theo nắm vững kiến thức về AI, ứng dụng AI thì rất khó lời cuốn, thuyết phục, cũng như đánh giá năng lực học tập sinh viên. Chính vì vậy, giảng viên ở các trường đại học hiện nay trên cả nước cần phải nhận thức rõ vấn đề, nắm bắt xu thế phát triển bùng nổ của AI hiện nay, để từ đó tích cực, chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin, áp dụng AI linh hoạt vào dạy học. Bên cạnh đó, giảng viên cũng cần phải sắp xếp thời gian để tham gia các lớp, các khóa bồi dưỡng về AI, cũng như các Hội thảo khoa học có chủ đề về AI để trang bị thêm cho bản thân kiến thức và trình độ ứng dụng về AI. Những người thầy, người cô phải luôn luôn là tấm gương sáng, gương mẫu cho các sinh viên noi theo về việc tiếp thu, ứng dụng AI vào giáo dục.

Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên đại học cần phải luôn luôn đề cao cảnh giác, kiên quyết ngăn chặn, chống lại âm mưu xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ chủ trương,

⁶ Lưu Quý: *Intel mở khóa dạy về AI tại Việt Nam*. Truy cập tại: <https://vnexpress.net/intel-mo-khoa-day-ve-ai-tai-viet-nam-4869221.html>, 24/04/2025.

đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vì hiện nay, trên các trang mạng, có không ít các bài báo sử dụng AI của các tổ chức như: Đài châu Á tự do; BBC News Tiếng Việt; Việt Tân,... liên tục được đăng tải, chia sẻ nội dung với mục đích xuyên tạc. Bọn chúng âm mưu muốn hướng người dân, nhất là giới trẻ hiểu sai về Đảng, về hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh, về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Do đó, người Thầy, người Cô phải giúp cho sinh viên hiểu rõ những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; giúp các em tỉnh táo nhận biết, tuyệt đối không sử dụng, không nghe theo hay phát tán thông tin sai trái trên.

KẾT LUẬN

Có thể khẳng định, dù 80 năm (1945 - 2025) đã trôi qua, tình hình trong nước và thế giới đã có nhiều thay đổi, nhất là sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) hiện nay, nhưng bài học kinh nghiệm về nghệ thuật chớp thời cơ của Cách mạng tháng Tám vẫn còn đó, mãi nguyên giá trị. Nếu chúng ta biết học tập, nghiên cứu và vận dụng linh hoạt, sáng tạo bài học trên; cũng như có quyết tâm, phát huy sức mạnh đoàn kết,... thì tin rằng nền giáo dục ở Việt Nam nói riêng, đất nước Việt Nam nói chung sẽ vượt qua mọi thách thức, để kiêu hãnh và tự tin vững bước tiến vào “kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ, hội nhập sâu rộng và khẳng định vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

XÓA BỎ ĐỊNH KIẾN GIỚI VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

TS. Nguyễn Việt Phương*

ThS. Trần Hữu Thượng**

MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, phát triển nguồn nhân lực bền vững không chỉ là mục tiêu chiến lược mà còn là điều kiện tiên quyết để các quốc gia nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo đảm phát triển dài hạn. Đối với Việt Nam, yêu cầu này trở nên cấp bách hơn bao giờ hết trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ sang một kỷ nguyên phát triển mới. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội to lớn, Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức nội tại, trong đó đáng lưu ý là sự tồn tại dai dẳng của định kiến giới - một rào cản vô hình đã hạn chế khả năng phát huy toàn diện nguồn lực con người.

Định kiến giới không chỉ làm tổn hại đến quyền và cơ hội phát triển của phụ nữ nói riêng, mà còn gây tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững của xã hội nói chung. Nhận diện và xóa bỏ định kiến giới vì thế không đơn thuần là vấn đề công bằng, mà còn là một việc làm cần thiết nhằm phát huy nguồn nhân lực và thúc đẩy sự phát triển bền vững quốc gia.

Nghiên cứu này tập trung phân tích khái niệm, căn nguyên và tác động của định kiến giới đối với phát triển nguồn nhân lực, qua đó gợi mở một số ý tưởng nhằm tháo gỡ rào cản định kiến giới, tạo điều kiện để mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển bình đẳng và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của dân tộc.

NỘI DUNG

1. Phát triển nguồn nhân lực bền vững là một yêu cầu cấp thiết cho Kỷ nguyên phát triển mới

Bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, Việt Nam đang đứng trước một giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ về kinh tế - xã hội với định hướng phát triển nhanh và bền vững. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển nguồn nhân lực bền vững không chỉ là một trong những yếu tố then chốt, mà còn là yêu cầu cấp thiết để đảm bảo sự bứt phá và khẳng định vị thế của Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ của dân tộc.

Hướng tới kỷ nguyên phát triển mới, Đảng ta khẳng định cần “phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao”¹, xem nguồn nhân lực chất lượng cao là một *đột phá chiến lược*, là *yếu tố quyết định đẩy mạnh* phát triển đất nước. Như vậy, có thể thấy rằng, phát triển nguồn nhân lực bền vững là một đòi hỏi cấp bách nằm trong chiến lược phát triển tổng thể, gắn chặt với các mục tiêu lớn của đất nước trong Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

2. Định kiến giới: Một rào cản đối với phát triển nguồn nhân lực bền vững

2.1. Khái niệm và nguồn gốc hình thành định kiến giới

“Định kiến” là “hiện tượng tâm lý tiêu cực đối với một nhóm xã hội, một cá nhân hay một sự vật, là hiện tượng nhất định có tính chất định hình, khó thay đổi bằng những thông tin, nhận thức duy lý,... được củng cố, định hình dần và được biện minh là “hợp lý”

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

** Trường Cao đẳng Y tế Huế.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.203 - 204.

trong nội tâm”².

Định kiến giới được hiểu là những thiên kiến hoặc phân biệt đối xử dựa trên giới tính, xuất phát từ các khuôn mẫu văn hóa, quy chuẩn xã hội và các mối quan hệ quyền lực được duy trì qua các thể chế xã hội. Theo UNESCO, “định kiến giới là xu hướng ưu tiên hoặc thiên vị một giới so với giới khác. Đây là một dạng thiên kiến vô thức hoặc ngầm hiểu, xảy ra khi chúng ta gán cho một cá nhân hoặc nhóm người những thái độ và khuôn mẫu nhất định”³. Quan điểm này cho thấy định kiến giới không chỉ là hiện tượng cá nhân mà còn là một hệ quả của các quy ước xã hội rộng lớn.

Các học giả chuyên nghiên cứu về giới cũng có những kiến giải quan trọng về hiện tượng này. Cecilia Ridgeway hiểu định kiến giới như một dạng sai lệch hệ thống trong cách nhìn nhận và đánh giá cá nhân, ưu tiên một giới so với giới còn lại, đồng thời được củng cố bởi các cấu trúc và tương tác xã hội. Điều này nhấn mạnh tính chất sâu xa và dai dẳng của định kiến giới, vượt ra ngoài các biểu hiện bề mặt⁴. Cùng chung tuyến quan điểm này, Heilman chỉ ra định kiến giới có sự kết nối chặt chẽ với các kiểu khuôn mẫu giới (khuôn mẫu giới mô tả và khuôn mẫu giới quy chuẩn). Chính những điều này là căn nguyên dẫn đến những đánh giá và quyết định thiên vị, cản trở sự thăng tiến trong sự nghiệp của phụ nữ.⁵

Luật Bình đẳng giới, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2006, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI (2006), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007. Trong đó định nghĩa “định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ”⁶.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng, các quan niệm và định nghĩa trên diễn giải theo những cách khác nhau, nhưng đều nhất quán ở chỗ khẳng định tính hệ thống và cấu trúc đa dạng của định kiến giới trong việc giới hạn quyền lợi và cơ hội của cá nhân dựa trên giới tính của họ.

Về mặt khái niệm, định kiến giới ảnh hưởng đến cả nam và nữ. Tuy nhiên, trong thực tiễn xã hội, phụ nữ thường là nhóm đối tượng chịu tác động nhiều hơn và thường xuyên hơn từ những định kiến này. Xuất phát từ thực tế đó, bài viết sẽ tập trung phân tích định kiến giới như một dạng định kiến chủ yếu đối với phụ nữ.

Sở dĩ các định kiến giới mang tính thiên lệch là bởi những đặc điểm tâm lý, vai trò và vị trí vốn có thể thuộc về cả hai giới lại thường bị mặc định hoặc gán cho riêng phụ nữ. Chính sự gán ghép này đã gây ra những thiệt thòi nhất định cho phụ nữ, đặc biệt là trong việc phát huy năng lực và khẳng định bản thân. Định kiến giới không chỉ kìm hãm tiềm năng to lớn của phụ nữ mà còn là nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới - một vấn đề phổ biến trong nhiều xã hội hiện nay. Vì vậy, xóa bỏ định kiến giới là tất yếu khách quan để hướng tới một xã hội công bằng, văn minh và bình đẳng.

Về nguồn gốc hình thành định kiến giới, một số học giả đã dựa trên cách tiếp cận tâm lý học xã hội⁷. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng, cần mở rộng thêm góc nhìn để nhận diện rõ hơn về hiện tượng xã hội này.

² *Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam*, mục từ "định kiến", <http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn/>

³ UNESCO: *Gender equality: Glossary of terms and concepts*. UNESCO Publishing, 2022, p. 4. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000380971>

⁴ Xem: Cecilia Ridgeway: *Framed by gender: How gender inequality persists in the modern world*, New York: Oxford University Press, 2011.

⁵ M.E. Heilman: Gender stereotypes and workplace bias. *Research in Organizational Behavior*, 32 (2012), 113-135. <https://doi.org/10.1016/j.riob.2012.11.003>

⁶ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Luật Bình đẳng giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.9.

⁷ Ngô Tuấn Dung: Định kiến giới từ góc nhìn tâm lý học xã hội. *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, số 6, 2003, tr.16 - 24.

Thứ nhất, định kiến giới phản ánh đặc trưng của nền văn hóa gia trưởng lấy nam giới làm trung tâm.

Định kiến giới là một biểu hiện điển hình của nền văn hóa gia trưởng, nơi nam giới được mặc định là trung tâm của quyền lực, chuẩn mực và giá trị xã hội. Trong mô hình văn hóa này, những phẩm chất như lý trí, quyết đoán, năng lực lãnh đạo thường gắn với nam giới, trong khi phụ nữ bị gán cho các đặc điểm như cảm tính, yếu mềm, phụ thuộc. Sự phân vai giới tính mang tính khuôn mẫu này không chỉ giới hạn cơ hội phát triển của phụ nữ mà còn tái sản xuất quyền lực nam giới trong các thiết chế xã hội như gia đình, giáo dục, lao động và chính trị.

Sắc thái gia trưởng lấy nam giới làm trung tâm vốn đã tồn tại trong nền văn hóa Việt Nam truyền thống, nhưng trở nên rõ rệt và được hệ thống hóa mạnh mẽ hơn dưới ảnh hưởng của Nho giáo - một hệ tư tưởng trọng nam, đặt trật tự xã hội dựa trên quyền uy tuyệt đối của nam giới trong cả gia đình lẫn cộng đồng. Nhìn lại lịch sử, Nho giáo du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc và đặc biệt thịnh hành dưới các triều đại phong kiến, đã đưa các chuẩn mực như *tam tông*, *tứ đức* và *tam cương*, *ngũ thường* vào đời sống thường nhật, qua đó chính thức hóa vai trò thứ yếu của nữ giới. Trong mô hình xã hội ấy, nam giới là chủ thể của lý trí, quyền lực và đạo đức, trong khi nữ giới bị giới hạn trong không gian gia đình, với trách nhiệm phục tùng cha, chồng và con trai. Những thiết chế gia trưởng này không chỉ tạo nên trật tự xã hội mang tính bất bình đẳng mà còn hình thành trong nhận thức cộng đồng xã hội một định kiến giới sâu xa kéo dài đến hôm nay.

Trong bối cảnh xã hội và hệ hình nhận thức ấy, người phụ nữ hầu như không được coi trọng, thậm chí bị phân biệt đối xử một cách rõ rệt. Mặc dù Nho giáo không còn giữ vai trò hệ tư tưởng chính thống, nhưng những yếu tố “gia trưởng” của văn hóa Nho giáo vẫn gieo ảnh hưởng lâu dài trong tâm thức của người Việt (cả nam giới và nữ giới), đồng thời củng cố lối tư duy và thái độ định kiến giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng - một xu thế tất yếu của thời đại - xã hội Việt Nam đã chứng kiến nhiều chuyển biến tích cực theo hướng hiện đại, tiến bộ và văn minh hơn. Những giá trị truyền thống và hiện đại không còn đối lập gay gắt mà đang dần đan xen, bổ trợ lẫn nhau, tạo nên một diện mạo văn hóa vừa mang tinh thần thời đại, vừa giữ được bản sắc dân tộc.

Thứ hai, định kiến giới hình thành từ sự phân công lao động về giới.

Mặc dù một số huyền thoại từng đề cập đến sự tồn tại của xã hội được tổ chức theo mẫu hệ trong buổi đầu lịch sử nhân loại, tuy nhiên sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự phân hóa ngày càng sâu sắc trong lao động đã làm thay đổi vai trò của các giới trong đời sống kinh tế - xã hội. Trong giai đoạn sơ khai, lao động của phụ nữ gắn liền với lĩnh vực nông nghiệp và hái lượm giữ vị trí quan trọng hàng đầu. Khi công cụ sản xuất được cải tiến và sự phát triển của phân công lao động (chăn nuôi, trồng trọt) đòi hỏi sức mạnh thể chất lớn hơn, nam giới dần chiếm ưu thế nhờ lợi thế sinh học. Hệ quả là nam giới từng bước đảm nhiệm những lĩnh vực lao động chủ đạo và mang tính quyết định trong nền kinh tế cộng đồng, trong khi phụ nữ bị “đẩy dần” vào không gian hạn hẹp của gia đình, đảm nhiệm các công việc mang tính tái sản xuất (nội trợ, chăm sóc con cái...).

Sự phân hóa này không đơn thuần là sự phân công chức năng, mà đã dẫn đến một sự tái cấu trúc quan hệ quyền lực trong gia đình và xã hội, trong đó quyền lực kinh tế của nam giới trở thành nền tảng cho sự thiết lập địa vị thống trị. Sự lệ thuộc về kinh tế của nữ giới theo đó kéo theo sự lệ thuộc về xã hội, chính trị và văn hóa, tạo nên sự bất bình đẳng giới mang tính hệ thống. Từ góc độ lý luận giới, có thể thấy rằng tiến trình phân công lao động theo giới không chỉ định hình vai trò xã hội mà còn góp phần sản sinh và duy trì

những định kiến giới - trong đó nữ giới bị gán cho các phẩm chất như yếu đuối, cảm tính, thụ động và chỉ phù hợp với những công việc trong phạm vi gia đình, trong khi nam giới được đồng nhất với năng động, lý trí và có năng lực gánh vác những công việc mang tầm “đại sự”. Những định kiến này được kiến tạo và củng cố qua các thời kỳ lịch sử, góp phần duy trì cấu trúc quyền lực bất bình đẳng giữa các giới.

Thứ ba, định kiến giới và tâm lý “an phận” của người phụ nữ.

Nếu như hai nguyên nhân trên đây tìm thấy cơ sở của chúng ở tính khách quan (yếu tố lịch sử, văn hóa và cơ cấu xã hội), thì ở nguyên nhân này, chính bản thân người phụ nữ cũng phải chia sẻ “trách nhiệm” cho việc duy trì định kiến giới và bất bình đẳng nam nữ. Khi bị xã hội áp đặt và “gán cho” những đặc điểm như yếu đuối, thụ động, thiếu quyết đoán, thay vì chủ động đấu tranh để vượt qua những khuôn mẫu áp chế ấy, không ít phụ nữ lại *chấp thuận* chúng như một điều [hợp] tự nhiên. Sự chấp thuận mang tính nội tâm hóa này không chỉ *củng cố* thêm định kiến giới, mà còn *cản trở* quá trình khẳng định vị thế xã hội của phụ nữ.

Bối cảnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang từng bước thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ toàn diện của phụ nữ. Nhưng nghịch lý ở chỗ: không phải lúc nào phụ nữ cũng sẵn sàng nhập cuộc. Mặc dù môi trường và điều kiện xã hội đang ngày càng trở nên thuận lợi hơn, tuy nhiên tâm lý “an phận” của người phụ nữ vẫn đang là một thách thức cần vượt qua trong sự phát triển toàn diện của phụ nữ Việt Nam. Đó không chỉ là một vấn đề cá nhân mà còn là một thách thức văn hóa - nơi mà hành trình xóa bỏ định kiến giới đòi hỏi cả sự chuyển biến từ bên ngoài lẫn sự thức tỉnh từ bên trong của chính giới nữ.

2.2. Tác động của định kiến giới đối với phát triển nguồn nhân lực bền vững

Từ những phân tích khái niệm trên, có thể khẳng định rằng, định kiến giới không chỉ ảnh hưởng đến các khía cạnh xã hội mà còn làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong bối cảnh quốc gia đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

Thứ nhất, định kiến giới hạn chế cơ hội tiếp cận giáo dục và đào tạo nghề nghiệp.

Định kiến giới thường dẫn đến việc trẻ em gái bị xem nhẹ trong tiếp cận giáo dục. Báo cáo *Giám sát Giáo dục Toàn cầu - Báo cáo về Giới: Sâu sắc hơn cuộc tranh luận về những người vẫn bị bỏ lại phía sau* (2022) của UNESCO cho thấy rằng, ở nhiều khu vực nông thôn, trẻ em gái phải đối mặt với áp lực từ gia đình trong việc bỏ học sớm để làm việc nhà hoặc kết hôn. Điều này tạo ra sự bất bình đẳng về trình độ học vấn, đặc biệt trong các ngành nghề yêu cầu kỹ thuật cao. Việc thiếu kỹ năng và tri thức hạn chế khả năng cạnh tranh của phụ nữ trong thị trường lao động, làm suy giảm chất lượng tổng thể của nguồn nhân lực quốc gia. Ấn sau thành công chung toàn cầu và sự thịnh vượng cả những con số là các chuẩn mực giới phân biệt đối với vai trò của các bé gái và phụ nữ trong xã hội. Những thách thức đối với bình đẳng giới trong và thông qua giáo dục vẫn chưa chấm dứt⁸.

Thứ hai, định kiến giới gây cản trở phụ nữ tham gia bình đẳng vào thị trường lao động, đồng thời hạn chế cơ hội phát triển của phụ nữ bằng phân biệt đối xử trong phân công lao động, áp lực của công việc chăm sóc không được trả lương và trách nhiệm chăm sóc gia đình.

Thời gian gần đây đã chứng kiến những tiến bộ nhất định trong việc nâng cao vị thế của phụ nữ trên thị trường lao động, song định kiến giới vẫn tiếp tục là rào cản đáng kể

⁸ Chi tiết tham khảo thêm UNESCO: *Global Education Monitoring Report - Gender Report: Deepening the debate on those still left behind*, United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, Paris, 2022, p. ix, 19, 43.

hạn chế sự tham gia bình đẳng của họ, đặc biệt trong các lĩnh vực yêu cầu trình độ cao như công nghệ số, khoa học và lãnh đạo, quản lý. Theo báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế năm 2024, ước tính 45,6% phụ nữ (từ 15 tuổi trở lên) có việc làm, so với 69,2% nam giới, tạo ra một khoảng cách 23,6%. Ngay cả khi phụ nữ có việc làm, họ vẫn nhận được thu nhập lao động thấp hơn đáng kể so với nam giới - đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển. Vậy điều gì là nguyên nhân tạo ra khoảng cách giới này? Tổ chức Lao động Quốc tế giải thích rằng, khoảng cách giới này chủ yếu xuất phát từ trách nhiệm gia đình (hôn nhân và làm cha mẹ), cho thấy phần công việc chăm sóc không được trả lương mà phụ nữ gánh vác nhiều hơn đáng kể đóng vai trò lớn trong việc hình thành khoảng cách việc làm theo giới trên toàn cầu⁹.

Báo cáo mới nhất của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO, 2025) nhấn mạnh rằng, định kiến giới và các chuẩn mực xã hội dẫn tới việc phân bổ không công bằng công việc chăm sóc không được trả lương đang trở thành rào cản đối với phụ nữ, làm giảm khả năng tham gia và phát triển trong thị trường lao động. “Những rào cản này thường bắt nguồn từ các khuôn mẫu giới và chuẩn mực xã hội chi phối, bao gồm phân biệt đối xử, thị trường lao động phân mảnh và phân biệt theo giới, sự phân công không công bằng công việc chăm sóc không được trả lương và trách nhiệm chăm sóc gia đình, cùng với bạo lực và quấy rối dựa trên giới... Những khoảng cách giới lớn này cho thấy những cơ hội phát triển bị bỏ lỡ”¹⁰.

Như vậy, quan niệm truyền thống về vai trò và năng lực của phụ nữ khiến họ khó tiếp cận các vị trí việc làm có thu nhập tốt và cơ hội thăng tiến, đồng thời dẫn đến việc tập trung vào các công việc có thu nhập thấp và ít ổn định hơn. Tình trạng này không chỉ làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của xã hội. Việc vượt qua những rào cản định kiến xã hội, cùng với tăng cường các chương trình đào tạo kỹ năng và tạo môi trường làm việc bình đẳng, được xem là giải pháp then chốt để phát huy tối đa tiềm năng của phụ nữ, góp phần xây dựng một thị trường lao động công bằng và năng động hơn.

Tại Việt Nam, kết quả nghiên cứu và khảo sát cho thấy, phụ nữ thường chiếm tỷ lệ cao trong các ngành nghề có thu nhập thấp (nông nghiệp, gia công, dịch vụ chăm sóc...), trong khi nam giới tập trung ở các lĩnh vực có thu nhập và trình độ cao như công nghệ, kỹ thuật, hoặc vị trí lãnh đạo quản lý tổ chức¹¹. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng phân biệt đối xử này có thể được lý giải từ trách nhiệm gia đình và định kiến của xã hội “chỉ định, gán cho” phụ nữ không phù hợp với các ngành nghề yêu cầu trình độ cao hoặc lãnh đạo, quản lý. Hơn nữa, họ thường phải gánh vác công việc gia đình, từ chăm sóc con cái đến quản lý nhà cửa, đồng thời vẫn tham gia vào lực lượng lao động. Đây chính là rào cản lớn đối với sức khỏe và cơ hội thăng tiến trong công việc của họ. Việc phụ nữ không được đánh giá công bằng dựa trên năng lực thực sự đã cản trở sự phát triển toàn diện và bền vững của nguồn nhân lực.

Thứ ba, định kiến giới cản trở sự tham gia của phụ nữ vào tiến bộ xã hội.

Định kiến giới không chỉ là rào cản đối với sự bình đẳng xã hội mà còn trực tiếp

⁹ International Labour Organization: *World Employment and Social Outlook: May 2024 Update*. 2024. Truy cập tại: <https://www.ilo.org/publications/flagship-reports/world-employment-and-social-outlook-may-2024-update>

¹⁰ International Labour Organization. *World employment and social outlook: Trends 2025*. Geneva: International Labour Office, 2025, p. 8.

¹¹ World Bank: *Perceptions of gender disparities in Vietnam's labor market*. World Bank Group. 2021. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/314261607320759775/pdf/Perceptions-of-Gender-Disparities-in-Vietnam-s-Labor-Market.pdf>; Hoang Minh Dang. Gender equality in Vietnam labour law: A critique toward sustainable development. *Masculinities and Social Change*, 14(1), 2025, pp. 1-26. <https://doi.org/10.17583/msc.14102>

ảnh hưởng tiêu cực đến tiến bộ xã hội nói chung. Định kiến giới làm hạn chế cơ hội tiếp cận giáo dục, việc làm và thăng tiến của nhóm đối tượng bị định kiến, đặc biệt là phụ nữ, từ đó tạo ra sự phân hóa trong phát triển nguồn nhân lực. Điều này dẫn đến suy giảm năng suất lao động, kéo giãn khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội. Vì vậy, xóa bỏ định kiến giới là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực bền vững và tiến bộ xã hội toàn diện.

3. Một số giải pháp nhằm xóa bỏ định kiến giới vì mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững ở Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới

Phát triển nguồn nhân lực được xác định là khâu đột phá chiến lược trong quá trình phát triển đất nước. Lịch sử phát triển xã hội đã chứng minh rằng, không thể có một sự phát triển toàn diện và thực chất nếu vẫn còn những nhóm xã hội bị gạt ra bên lề, bị đối xử bất công hoặc không được trao quyền bình đẳng trong quá trình kiến tạo tương lai.

Muốn phát triển đất nước theo hướng bền vững và ổn định, cần phát huy tối đa mọi nguồn lực, trong đó nguồn lực con người đóng vai trò trung tâm. Thực tiễn đã cho thấy, con người không chỉ là đối tượng của phát triển mà còn là chủ thể sáng tạo, là yếu tố nội sinh mang tính quyết định đến sự thành công của mọi chiến lược phát triển. Sự phát triển chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó hướng đến mục tiêu phát triển con người một cách toàn diện, đảm bảo quyền tự do, phẩm giá và hạnh phúc.

Từ định hướng ấy, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ như một trong những trụ cột của tiến bộ xã hội và phát triển bền vững. Nói cách khác, bảo đảm quyền và cơ hội phát triển bình đẳng cho phụ nữ không chỉ là vấn đề công lý xã hội, mà còn là điều kiện tiên quyết để khai thác hiệu quả nguồn nhân lực, phục vụ cho các mục tiêu phát triển lâu dài của quốc gia.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu chiến lược đó, bên cạnh việc phát huy những thành tựu to lớn đã đạt được, cũng cần phải giải quyết những bất cập, mà một trong số đó là hiện tượng bất bình đẳng giới và tình trạng phân biệt đối xử đối với nữ giới đang cản trở nhất định đối với phát triển nguồn nhân lực bền vững. Xét đến cùng, bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử đối với phụ nữ chỉ là những hiện tượng *bề nổi*, nguyên nhân sâu xa của các hiện tượng ấy, theo chúng tôi, chính là *định kiến giới*. Có thể nhận định rằng, định kiến giới chính là một trong những “rào cản tinh thần” đối với việc phát triển nguồn nhân lực vững chắc và lâu bền. Nhưng vì sao? Một vài chiều cạnh dưới đây có thể góp phần làm rõ hơn nhận định này.

Thứ nhất, việc xóa bỏ định kiến giới giúp đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng trong giáo dục và đào tạo nghề nghiệp. Ở Việt Nam, phụ nữ và trẻ em gái thường đối mặt với các rào cản trong việc tiếp cận giáo dục, đặc biệt ở những khu vực nông thôn và miền núi. Điều này không chỉ làm giảm khả năng tham gia vào lực lượng lao động chất lượng cao mà còn giới hạn tiềm năng sáng tạo và đổi mới của họ. Khi định kiến giới được loại bỏ, phụ nữ và nam giới sẽ có cơ hội ngang nhau để phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của quốc gia.

Thứ hai, xóa bỏ định kiến giới thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong thị trường lao động. Hiện nay, phụ nữ Việt Nam vẫn phải đối mặt với bất bình đẳng trong việc thăng tiến sự nghiệp, chênh lệch tiền lương và các cơ hội phát triển nghề nghiệp. Điều này không chỉ gây lãng phí nguồn lực lao động mà còn làm giảm hiệu suất kinh tế của quốc gia. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng khi phụ nữ được tham gia bình đẳng vào thị trường lao động, GDP của quốc gia có thể tăng đáng kể. Việc xóa bỏ định kiến giới sẽ tạo điều kiện để phát huy toàn diện tiềm năng lao động của cả hai giới, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Thứ ba, xóa bỏ định kiến giới còn góp phần xây dựng môi trường làm việc công bằng, đa dạng và hòa nhập. Những tổ chức có sự đa dạng giới tính thường có khả năng đổi mới cao hơn, quản trị tốt hơn và đạt hiệu suất làm việc tốt hơn. Ở Việt Nam, nhiều doanh nghiệp đã nhận ra tầm quan trọng của bình đẳng giới và đang từng bước áp dụng các chính sách nhằm khuyến khích sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo. Đây là một bước tiến quan trọng để xây dựng nguồn nhân lực bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ tư, xóa bỏ định kiến giới đóng vai trò nền tảng trong việc thúc đẩy công bằng xã hội và giảm nghèo. Khi phụ nữ được trao quyền, họ không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân mà còn có khả năng đóng góp tích cực vào sự phát triển của gia đình và cộng đồng. Điều này góp phần giảm bất bình đẳng, tăng cường phúc lợi xã hội và đảm bảo sự phát triển toàn diện.

Như vậy, chúng tôi cho rằng, xóa bỏ định kiến giới không chỉ là vấn đề về quyền con người mà còn là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực bền vững của quốc gia. Điều này đòi hỏi sự chung tay của các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm xây dựng một xã hội bình đẳng, công bằng và phát triển bền vững.

Bối cảnh quốc tế hiện nay đang tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để phụ nữ khẳng định bản thân, phát huy tiềm năng to lớn của giới mình và góp phần hình thành hình ảnh người phụ nữ thế kỷ XXI - bản lĩnh, năng động và đầy nhiệt huyết. Khi phụ nữ được trao cơ hội để tỏa sáng trong mọi lĩnh vực của đời sống, thì chính sự hiện diện tích cực và thành công của họ sẽ từng bước làm lu mờ và xóa bỏ những định kiến giới vốn đã tồn tại bền lâu trong tư duy cá nhân và cơ cấu xã hội.

Tuy nhiên, nhận diện định kiến giới vốn đã là một thách thức, thì việc xóa bỏ chúng càng đòi hỏi nỗ lực lớn hơn. Đây là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì, đồng thuận xã hội và những thay đổi sâu sắc cả về nhận thức và hành động. Ở phần này, chúng tôi đề xuất một số ý tưởng góp phần “gỡ bỏ” rào cản định kiến giới “mở rộng đường” cho việc phát triển nguồn nhân lực bền vững, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới ở Việt Nam hiện nay, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới.

Việc tiếp tục hoàn thiện chính sách và pháp luật về bình đẳng giới sẽ góp phần củng cố cơ sở pháp lý cho việc xóa bỏ các định kiến giới còn tồn tại ngấm ngấm và dai dẳng, gây cản trở cho phát triển nguồn nhân lực bền vững. Những quy định pháp lý chặt chẽ và đồng bộ không chỉ bảo vệ quyền lợi bình đẳng mà còn tạo điều kiện cho mọi cá nhân, đặc biệt là phụ nữ, phát huy tối đa năng lực và tiềm năng của mình. Trong bối cảnh đất nước đang vươn mình hội nhập và phát triển, một hệ thống pháp luật hiệu quả về bình đẳng giới chính là yếu tố then chốt thúc đẩy sự công bằng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần xây dựng xã hội phát triển toàn diện và bền vững.

Thứ hai, nâng cao nhận thức cộng đồng về bình đẳng giới.

Để nâng cao nhận thức về định kiến giới, cần triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc kết hợp giữa nghiên cứu học thuật chuyên sâu và hoạt động tuyên truyền, giáo dục rộng khắp trong cộng đồng. Việc phổ biến những tri thức hiện đại về giới, cũng như làm rõ vai trò, vị thế và tiềm năng của phụ nữ trong phát triển là nền tảng quan trọng để hình thành một nhận thức xã hội đúng đắn, tiến bộ. Chỉ khi hiểu đúng, cộng đồng mới có thể dần loại bỏ những định kiến lệch lạc, từ đó tạo điều kiện để phụ nữ tham gia một cách chủ động và bình đẳng vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong những thập niên gần đây, nghiên cứu về giới và phát triển đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, với hàng loạt cách tiếp cận, khung lý thuyết và công trình nghiên cứu mới được phát triển, tập trung vào việc tái định nghĩa vai trò của phụ nữ trong bối cảnh phát triển bền vững và công bằng xã hội. Tuy nhiên, những thành tựu học thuật này sẽ không mang lại giá trị thực tiễn nếu chúng không được phổ biến rộng rãi trong xã hội. Chính vì vậy, Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, chúng ta không chỉ cần hiểu rõ vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội mà còn cần phải đưa nhận thức ấy đến với mọi tầng lớp, bằng các hình thức truyền thông hiệu quả và dễ tiếp cận. Việc tuyên truyền sâu rộng các giá trị này sẽ là chìa khóa để thúc đẩy tiến bộ giới, góp phần xóa bỏ định kiến và hướng tới một xã hội phát triển bao trùm và nhân văn hơn.

Để thực hiện ý hướng đó một cách hiệu quả, có thể thực hiện đồng bộ một số giải pháp cụ thể như (1) Đẩy mạnh nghiên cứu liên ngành về bình đẳng giới và phát triển nguồn nhân lực (*tổ chức các Hội thảo, hội nghị, diễn đàn về chủ đề giới trong phát triển bền vững, các chương trình nghiên cứu hợp tác về giới, nguồn nhân lực và phát triển bền vững*); (2) Đa dạng hóa các hình thức và biện pháp tuyên truyền, phổ biến kiến thức tiên tiến về giới trong xã hội (*phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục trong gia đình, nhà trường và toàn xã hội, đồng thời tận dụng tối đa truyền thông đa phương tiện, đặc biệt là nền tảng số*) giúp mọi người có thể tiếp cận nhanh chóng, đầy đủ và chính xác những thành tựu mới nhất về khoa học, chính trị và pháp lý liên quan đến bình đẳng giới và phát triển bền vững nguồn nhân lực. Việc nâng cao hiểu biết như vậy sẽ góp phần hình thành một cái nhìn tích cực, toàn diện hơn về vai trò, vị trí và những đóng góp to lớn của phụ nữ với tính cách là một bộ phận quan trọng của nguồn nhân lực quốc gia.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện các thiết chế kinh tế, chính trị và mạng lưới chính sách xã hội theo hướng công bằng, bao trùm và nhạy cảm giới.

Điều này không chỉ dừng lại ở việc sửa đổi, bổ sung các chính sách pháp lý liên quan đến lao động, an sinh xã hội hay quyền tham gia vào đời sống chính trị, mà còn bao gồm cả việc thiết lập những cơ chế hỗ trợ thiết thực để phụ nữ có thể cân bằng giữa vai trò trong gia đình và ngoài xã hội. Việc đẩy mạnh xã hội hóa công việc gia đình - tức là chia sẻ trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ con cái giữa các thành viên trong gia đình và giữa gia đình với cộng đồng - là một bước tiến quan trọng để tháo gỡ những rào cản vô hình đang giới hạn khả năng phát triển của phụ nữ. Khi phụ nữ không còn bị “cột chặt” vào công việc không lương trong gia đình, họ sẽ có nhiều điều kiện hơn để tham gia vào lực lượng lao động, học tập nâng cao trình độ, và đóng góp vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Do đó, xóa bỏ các rào cản cấu trúc và văn hóa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nữ giới vươn lên, không chỉ vì mục tiêu bình đẳng mà còn là một giải pháp thiết thực nhằm khai thác hiệu quả nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển bền vững của quốc gia.

Thứ tư, khắc phục tâm lý an phận còn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ phụ nữ, đồng thời hướng tới xây dựng hình ảnh người phụ nữ hiện đại - năng động, tự tin, bản lĩnh - có khả năng hài hòa giữa vai trò trong gia đình và trách nhiệm xã hội.

Cổ nhân từng nói “tiên trách kỷ hậu trách nhân”, do đó trước khi mong đợi sự thay đổi trong cách nhìn nhận của xã hội, chính phụ nữ cần chủ động thay đổi nhận thức và thái độ của bản thân. Việc chấp nhận định kiến giới như một thực tại không thể thay đổi, hoặc duy trì tâm lý tự ti, thụ động trong thời gian dài sẽ dẫn đến trạng thái “an phận”, vốn là một trong những rào cản tinh thần lớn nhất cản trở quá trình phát triển của phụ nữ. Để phá vỡ vòng luẩn quẩn đó, người phụ nữ cần tự tin vào năng lực của mình, mạnh dạn tham gia vào các lĩnh vực xã hội, không ngừng học hỏi, trau dồi kỹ năng và chủ động khẳng định giá trị cá nhân.

Một hình mẫu phụ nữ của kỷ nguyên mới, với những đặc tính hiện đại như đảm đang, chu toàn trong gia đình, tích cực, sáng tạo và có trách nhiệm xã hội, sẽ không chỉ mang lại sự phát triển toàn diện cho bản thân người phụ nữ mà còn góp phần làm thay đổi nhận thức cộng đồng. Khi phụ nữ tự đứng lên khẳng định vai trò và vị thế của mình, những định kiến giới vốn ăn sâu trong tư duy xã hội sẽ dần bị thay thế bằng một cái nhìn tích cực, công bằng và tiến bộ hơn.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc xóa bỏ định kiến giới không chỉ là vấn đề xã hội mà còn là yêu cầu cấp bách, chiến lược để phát triển nguồn nhân lực bền vững. Định kiến giới, với tư cách là rào cản hệ thống và tinh thần, đang cản trở việc phát huy tiềm năng của một nửa dân số, cũng như ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của quốc gia trên trường quốc tế. Việc duy trì những khuôn mẫu giới lỗi thời không những “kiềm tỏa” sự phát triển toàn diện của cá nhân, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến tiến bộ xã hội nói chung.

Việt Nam đang bước vào Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc nhằm hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, hiện đại và thịnh vượng. Xóa bỏ định kiến, thúc đẩy bình đẳng giới và tạo môi trường phát triển công bằng cho tất cả mọi người là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Thiết nghĩ, thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ góp phần khai thác tối đa tiềm năng con người Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển bền vững toàn diện và giữ vững vị thế trong thời đại hội nhập khu vực và toàn cầu.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

ThS. Nguyễn Thị Phương*

MỞ ĐẦU

Trong quá trình phân tích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thông qua hoạt động sản xuất vật chất C.Mác đã đưa ra dự đoán: “Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến đã chuyển hóa đến mức độ nào đó thành lực lượng sản xuất trực tiếp”¹. Quan điểm này có nghĩa là khi những kết quả nghiên cứu của con người được ứng dụng, được vật hóa thành máy móc, các thiết bị, nhà xưởng, công cụ lao động vào thực tế sản xuất vật chất. Đồng thời, C.Mác cho rằng “Sự phát triển của hệ thống máy móc trên con đường ấy chỉ bắt đầu khi nền đại công nghiệp đã đạt được một trình độ phát triển cao hơn và tất cả các môn khoa học đều được phục vụ tư bản, còn bản thân hệ thống máy móc hiện có thì có những nguồn lực to lớn. Như vậy, phát minh trở thành một nghề đặc biệt và đối với nghề đó thì việc vận dụng khoa học vào nền sản xuất trực tiếp tự nó trở thành một trong những yếu tố có tính chất quyết định và kích thích”². Trong các tác phẩm của mình, C.Mác đã khẳng định vai trò và tầm quan trọng của tri thức khoa học khi nó trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp trong việc cải tạo thế giới. Tuy nhiên, ông cũng chỉ rõ rằng, bản thân khoa học tự nó không thể gây ra bất kỳ một tác động tích cực hay tiêu cực nào đối với thế giới, mà phải thông qua sự vận dụng vào hoạt động thực tiễn của con người mới phát huy tác dụng.

NỘI DUNG

1. Vai trò của khoa học và công nghệ hiện đại đối với sự phát triển lực lượng sản xuất

Lịch sử phát triển của nhân loại từ trước đến nay đã và đang trải qua bốn cuộc cách mạng công nghiệp quan trọng. Mỗi cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra đều gắn liền với sự thay đổi về chất trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là nền sản xuất vật chất.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra bắt đầu từ nước Anh vào 30 năm cuối thế kỷ XVIII và hoàn thành vào những thập niên đầu của thế kỷ XIX với nội dung chủ yếu là cơ khí hóa, thay thế lao động thủ công bằng việc sử dụng máy móc, nhờ đó năng suất lao động tăng cao, thúc đẩy đời sống xã hội phát triển; *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai* khởi nguồn từ cuối thế kỷ XIX, khoảng thời gian từ năm 1870 đến năm 1914, nội dung cơ bản của cuộc cách mạng này là sự xuất hiện nền sản xuất theo dây chuyền, sản xuất hàng loạt bằng máy móc dựa trên phát minh ra điện, động cơ điện, đẩy mạnh năng suất lao động và phát triển xã hội văn minh công nghiệp. Đây là thời kỳ mà các cường quốc công nghiệp như Anh, Đức và Hoa Kỳ bắt đầu thể hiện sức mạnh và ảnh hưởng của mình trên toàn cầu; *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba* còn gọi là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, xuất hiện vào những năm 50, phát triển mạnh từ những năm 70 của thế kỷ XX và nhanh chóng làm thay đổi to lớn trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị và xã hội. Đây là cuộc cách mạng làm xuất hiện nền sản xuất tự động hóa, dựa trên máy tính, điện tử, internet và cách mạng số hóa,...; *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư* diễn ra từ những năm đầu thế kỷ XXI với sự ra đời của nền

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế.

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.46, phần II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.46, phần II, tr.372.

² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Sđd*, 2000, t.46, phần II, tr.367.

sản xuất thông minh dựa trên sự tích hợp và hội tụ của nhiều công nghệ. Đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp lần này là việc sử dụng hợp nhất cả phần cứng, người máy và khả năng tính toán lớn để mở rộng công nghệ thông tin vượt qua cả phần mềm, với sự giao thoa của các công nghệ tiên tiến như điện toán đám mây (cloud computing), vạn vật kết nối (Internet of Things), Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), khai thác Dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ di động không dây (wifi), các vật liệu mới (vật liệu siêu nhẹ, siêu mỏng, siêu bền...), công nghệ nano (nanotechnology),... Các công nghệ này có thể đáp ứng kỳ vọng của người dùng do tính liên ngành sâu rộng của nó.

Thực tế cho thấy, cả bốn cuộc cách mạng công nghiệp nói trên có điểm chung đặc biệt là đều dựa trên sự đột phá của khoa học và công nghệ. Vì thế, trong nền sản xuất hiện đại khoa học và công nghệ đóng vai trò quan trọng và là động lực chính trong sự phát triển lực lượng sản xuất. Nó giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và thay đổi cách thức lao động. Nhìn chung, vai trò khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất được thể hiện trên những nội dung sau:

Thứ nhất, sự phát triển nhanh và mạnh của khoa học, công nghệ càng củng cố mối quan hệ ngày càng mật thiết giữa khoa học - công nghệ và sản xuất vật chất. Nếu như trước đây, sản xuất chưa thực sự gắn kết với khoa học và chưa được hiện đại hóa thì ngày nay, khoa học, công nghệ ngày càng hiện đại và là yếu tố không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Các thành tựu khoa học, công nghệ ngày càng xâm nhập sâu vào quá trình sản xuất và trở thành lực lượng trực tiếp sản xuất; thời gian ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ ngày càng rõ nét và trở thành tất yếu.

Thứ hai, thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại đang tác động mạnh mẽ đến công cụ lao động, đối tượng lao động đã tạo ra bước nhảy vọt của các yếu tố trong tư liệu sản xuất.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ đã hình thành xu hướng vận động chung của lực lượng sản xuất hiện đại là không ngừng thay thế dần các trang thiết bị kỹ thuật, các quy trình, hệ thống công nghệ cho năng suất thấp, tiêu hao nhiều nguyên, nhiên vật liệu, thải bỏ các chất gây ô nhiễm môi trường... bằng những thiết bị, hệ thống công nghệ cao mang nhiều hàm lượng tri thức đồng thời cho năng suất chất lượng cao.

Trong các yếu tố cấu thành và quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất thì công cụ lao động giữ vị trí rất quan trọng, nó là cái quyết định năng suất lao động, biểu hiện khả năng chinh phục và làm chủ tự nhiên của con người, Ph.Ăngghen gọi nó là khí quan của bộ óc người, là sức mạnh của tri thức đã được vật thể hóa, nhằm nối dài bàn tay và nâng lên sức mạnh trí tuệ của con người, còn C.Mác chỉ rõ “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào”³. Cũng tương tự như vậy: “Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp”⁴. Qua những diễn đạt trên đã cho thấy, yếu tố trực tiếp quyết định sự phát triển của công cụ lao động chính là khoa học và công nghệ, nhờ có thành tựu khoa học (những phát kiến khoa học) và công nghệ, công cụ lao động được cải tiến không ngừng nhằm giảm nhẹ lao động cơ bắp của con người và làm cho lao động đạt hiệu quả cao hơn. Do đó, có thể nói, sự phát triển của khoa học và công nghệ sẽ dẫn đến cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất, trong đó đặc biệt là công cụ lao động.

Khoa học còn có tác động đến đối tượng lao động như việc mở ra khả năng mới cho

³ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.23, tr.269.

⁴ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Sđd*, 1995, t.4, tr.187.

phép con người ứng dụng những quy trình công nghệ hiện đại vào khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và chế tạo ra những nguyên, nhiên vật liệu mới đáp ứng được những yêu cầu cao của sản xuất công nghiệp. Trong lĩnh vực công nghệ sinh học, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tập trung nghiên cứu, tạo ra những bước phát triển đột phá, tạo ra sự nhảy vọt về chất trong y dược (thuốc và phương pháp chữa bệnh mới), nông nghiệp và thủy sản, làm biến đổi gen, tạo ra giống cây, giống con mới), chế biến thực phẩm (chất lượng cao, sạch và an toàn,...), bảo vệ môi trường và tái tạo năng lượng,...; Trong lĩnh vực vật lý, cách mạng công nghiệp lần thứ tư tập trung nghiên cứu các vật liệu mới như vật liệu siêu nhẹ, siêu mỏng, siêu bền, công nghệ nano...; Những đổi tượng mới này đang giúp con người làm tăng giá trị của một số loại tài nguyên thiên nhiên có sẵn. Công nghệ hiện đại đã đem đến cho con người khả năng kỳ diệu trong quá trình chinh phục cải tạo giới tự nhiên để phát triển sản xuất. Với sự ra đời của máy móc và kỹ thuật hiện đại thì nhiều nguồn năng lượng mới được hình thành như: năng lượng mặt trời, năng lượng trái đất,... Những nguồn năng lượng đó đã giúp con người xây dựng được một nền công nghiệp với những máy móc gọn nhẹ.

Thứ ba, khoa học và công nghệ hiện đại không chỉ tác động mạnh mẽ đối với sự phát triển tư liệu sản xuất, mà còn tạo “ra sự thay đổi quan trọng” yếu tố người lao động.

Theo lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất, người lao động là *yếu tố hàng đầu, đóng vai trò quyết định sự phát triển* của lực lượng sản xuất; hoạt động của tư liệu sản xuất phụ thuộc vào hai tiêu chí của người lao động là thể lực và trí lực. Tuy nhiên, muốn tăng năng suất lao động thì người lao động còn phải phụ thuộc vào tư liệu sản xuất hiện có, nghĩa là phụ thuộc vào việc họ sử dụng tư liệu sản xuất nào. Nếu trước đây, người lao động chỉ có kỹ năng, kinh nghiệm, thói quen, thể lực,... thì ngày nay dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại người lao động cần phải có tri thức, hiểu biết,... để tham gia vào quá trình sản xuất. Người lao động không còn là nhân tố thao tác trực tiếp trong hệ thống sản xuất mà chủ yếu vận dụng tri thức khoa học để điều khiển quá trình sản xuất.

Trong điều kiện của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lao động của con người ngày càng trở thành lao động có hàm lượng trí tuệ cao. Điều này làm cho con người trở thành một nguồn lực đặc biệt của sản xuất vật chất, là nguồn lực cơ bản và vô tận. Do đó, ngày nay người lao động không chỉ là những người lao động phổ thông mà còn bao gồm cả nhóm lao động chuyên gia kỹ thuật, kỹ sư và cán bộ khoa học chuyên ngành tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất. Đồng thời, khoa học công nghệ còn là công cụ, phương tiện của người lao động trong hoạt động sản xuất. Chính họ sẽ quyết định sử dụng những loại tri thức khoa học công nghệ nào vào sản xuất cũng như sử dụng như thế nào để sản xuất có hiệu quả.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của khoa học và công nghệ đối với sản xuất

Thực tiễn phát triển của nhân loại từ nửa sau thế kỷ XVIII cho thấy khoa học và công nghệ hiện đại ngày càng đóng vai trò quan trọng, to lớn trong lĩnh vực sản xuất vật chất và trong đời sống xã hội. Đây cũng chính là đặc điểm nổi bật của thời đại ngày nay khi khoa học và công nghệ trở thành yếu tố đặc trưng cho lực lượng sản xuất hiện đại. Bước sang thế kỷ XXI, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới, Việt Nam đang ngày càng tiếp cận nhiều nguồn khoa học và công nghệ hiện đại khác nhau. Đây là cơ sở để Đảng và Nhà nước ta ban hành nhiều Nghị quyết liên quan trực tiếp đến các vấn đề về giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ và xem đó là quốc sách hàng đầu; là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) đã thông qua những văn kiện quan trọng mang tầm định hướng, chiến lược, vạch ra đường lối, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội,... trong đó có vấn đề khoa học và công nghệ, phát triển lực lượng sản xuất. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã vạch rõ những định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ trong thời kỳ mới với những quan điểm như: “Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại...; Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới; Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí;...”⁵.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Đại hội XI của Đảng đã khẳng định mục tiêu chiến lược phát triển khoa học, công nghệ: “Khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ... đạt trình độ tiên tiến, hiện đại”⁶. Để thực hiện mục tiêu chiến lược nêu trên, một trong những khâu đột phá chiến lược được Đại hội XI của Đảng xác định là “Gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ”⁷.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng chỉ rõ: tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ (KH-CN) là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế⁸.

Cụ thể hoá quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW (17/11/2022) về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 một lần nữa nhấn mạnh muốn thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải dựa vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng của khoa học công nghệ. Bởi đây là yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định khi Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia khẳng định rõ: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là *đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại* (tác giả nhấn mạnh - NTP), hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”⁹.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.78.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2011, tr.105.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2011, tr.106.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.140.

⁹ Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, *Toàn văn Nghị quyết đăng trên Báo điện tử Chính phủ: Xây dựng chính sách pháp luật* (16/6/2024). Truy cập tại: <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-119241224180048642.htm>

3. Vai trò của khoa học và công nghệ hiện đại đối với sự phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển dựa trên ba lĩnh vực cơ bản: công nghệ sinh học, vật lý và kỹ thuật số. Trong lĩnh vực công nghệ sinh học, cách mạng công nghiệp lần thứ tư tập trung nghiên cứu, tạo ra những bước phát triển đột phá, tạo ra sự nhảy vọt về chất trong y dược (thuốc và phương pháp chữa bệnh mới), nông nghiệp và thủy sản, làm biến đổi gen, tạo ra giống cây, giống con mới), chế biến thực phẩm (chất lượng cao, sạch và an toàn), bảo vệ môi trường và tái tạo năng lượng,...; Trong lĩnh vực vật lý, cách mạng công nghiệp lần thứ tư tập trung nghiên cứu, chế tạo các loại robot thế hệ mới, máy in 3D, các phương tiện tự lái (xe, máy bay, tàu thủy) các vật liệu mới (vật liệu siêu nhẹ, siêu mỏng, siêu bền,...), công nghệ nano,...; Trong lĩnh vực kỹ thuật số, cách mạng công nghiệp lần thứ tư tập trung chủ yếu vào phát minh, sáng tạo, phát triển Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), Dữ liệu lớn (Big Data) và Vạn vật kết nối (Internet of Things)¹⁰. Những thành tựu vĩ đại mà cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đem lại tạo điều kiện cho con người tìm ra và sử dụng những nguồn năng lượng mới, chế tạo ra hàng loạt những vật liệu nhân tạo với những thuộc tính hoàn toàn mới, thực hiện tự động hóa từng phần hoặc toàn bộ quá trình sản xuất, đổi mới nhanh chóng công nghệ, tự động hóa cả quá trình quản lý. Đây là sự cải tổ căn bản trong sự phát triển của lực lượng sản xuất mà những nét chủ yếu của nó là biến khoa học thành lực lượng chủ đạo của sản xuất, áp dụng quản lý tự động hóa, sử dụng các phương pháp công nghệ của sản xuất và những hình thức tổ chức sản xuất hiện đại.

Như vậy, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ can thiệp mạnh mẽ đến kỹ thuật, đến những công nghệ sản xuất, mà còn làm biến đổi con người và đặt ra những yêu cầu mới cho người lao động với tư cách là lực lượng sản xuất hàng đầu. Chức năng của người lao động trong sản xuất đang có những biến đổi to lớn; con người dần dần không còn là nhân tố thao tác trực tiếp trong hệ thống kỹ thuật mà chủ yếu là sáng tạo và điều chỉnh quá trình đó.

Từ sự phân tích tác động hiện nay của cách mạng khoa học và công nghệ đối với lực lượng sản xuất xã hội, liên hệ vai trò hiện nay của cách mạng khoa học và công nghệ đối với lực lượng sản xuất ở Việt Nam được biểu hiện như sau:

Về người lao động, con người Việt Nam là tiềm năng và thế mạnh của dân tộc Việt Nam. Dưới tác động của cách mạng khoa học và công nghệ, trình độ của người lao động Việt Nam đang biến đổi theo hướng ngày càng tăng dần lao động có chuyên môn kỹ thuật và giảm dần lao động phổ thông.

Có thể khẳng định, sự phát triển của khoa học và công nghệ đã thúc đẩy lực lượng sản xuất ở Việt Nam phát triển trên mọi phương diện như tiến tới cải thiện tối đa điều kiện đời sống vật chất và đời sống tinh thần, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động; đã làm tăng nhanh tiết tấu của đời sống xã hội, làm thay đổi toàn bộ phương thức giao tiếp, phương thức học tập,... cả dân tộc Việt Nam chuyển mình bước vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình, người Việt Nam bước vào xã hội thông tin. Trong điều kiện mới, trình độ học vấn và trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, chính trị của người lao động ngày càng được cải thiện. Số lao động (kể cả công nhân và nông dân) có tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến tăng lên. Người lao động trong các khu công

¹⁰ Nguyễn Thế Nghĩa: *Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của tri thức khoa học - công nghệ*. Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, 17/5/2021. Truy cập tại: <https://hcmusta.org.vn/cach-mang-cong-nghiep-4-0-va-voi-tro-cua-tri-thuc-khoa-hoc-cong-nghe/>

ng nghiệp, các doanh nghiệp khu vực tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được tiếp xúc với máy móc, thiết bị tiên tiến, làm việc với các chuyên gia nước ngoài nên được nâng cao tay nghề, kỹ năng lao động, rèn luyện tác phong công nghiệp, phương pháp làm việc tiên tiến. Như vậy, công nhân đã dần làm chủ thiết bị, khai thác và sử dụng thuần thục, đã dần quen với môi trường sống công nghiệp, nhận thức, tư duy và hành động theo phong cách của người lao động công nghiệp hiện đại. Trí thức, những người làm công tác khoa học công nghệ, những người làm công tác nghiên cứu, những nhà tổ chức quản lý cũng đã tự nâng cao năng lực, trình độ của mình để thích nghi với xu thế của thời đại.

Lực lượng lao động trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp ngay từ đầu, có trình độ học vấn, trình độ văn hóa. Bản thân họ được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất hiện đại, do đó, họ sẽ là lực lượng lao động chủ đạo, có tác động tích cực đến sản xuất công nghiệp, giá trị sản phẩm công nghiệp, gia tăng khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu. Tất cả những điều đó nói lên rằng người Việt Nam có nhiều triển vọng tốt đẹp để phát triển, chính họ sẽ góp phần vào sự nghiệp phát triển lực lượng sản xuất của đất nước.

Ngày nay, khoa học và công nghệ đã thâm nhập sâu rộng vào mọi khâu của quá trình sản xuất. Từ khâu sản xuất, quản lý, đến phân phối, lưu thông, tiêu dùng. Hàng hóa Việt Nam sản xuất không chỉ cạnh tranh ở thị trường trong nước mà vươn ra ở nước ngoài, chúng ta đã chú ý đến mẫu mã kiểu dáng và chất lượng. Những công ty lớn của Việt Nam đã tiếp cận được công nghệ phân phối của thế giới, hàng hóa đưa đến tận nhà người tiêu dùng với đầy đủ những yêu cầu về màu sắc, chất lượng, mẫu mã, thông số kỹ thuật, giá thành. Bằng phần mềm cơ sở dữ liệu, các nhà quản lý có thể dễ dàng quản lý nhân sự, với đầy đủ những thông tin cần thiết của người lao động chỉ bằng một cái kích chuột, thay vì trước đây mất nhiều thời gian với nhiều loại giấy tờ, sổ sách và rất nhiều người. Bên cạnh đó, với một công cụ rất nhỏ như máy tính, kết hợp với những ứng dụng thông minh trên các nền tảng không gian mạng người lao động có thể làm việc hiệu quả ở bất kỳ không gian và thời gian nào. Thực tế chứng minh thế hệ trẻ Việt Nam đã ứng dụng thành công những thành tựu công nghệ này.

Về công cụ lao động, trên lĩnh vực nông nghiệp máy móc đã thay thế hầu hết những công cụ lao động thủ công. Có thể thấy với công nghệ hiện đại, trên đồng ruộng Việt Nam hình ảnh con trâu đi trước cái cày theo sau đã thay dần bằng máy cày, máy bừa, máy sạ, máy gặt đập liên hợp,... người nông dân đã biết bảo quản sản phẩm làm ra tốt hơn, biết đảm bảo vệ sinh môi trường. Người nông dân đã ứng dụng được công nghệ hiện đại như internet, điện thoại thông minh nhằm tìm kiếm thị trường đầu vào (họ biết lựa chọn giống, vật nuôi nhất là nuôi thú lạ hiện nay đã làm cho nhiều nông dân có thu nhập rất cao, hay chọn cây trồng bằng khoa học công nghệ chứ không đơn thuần là kinh nghiệm), đầu ra cho các loại nông sản Việt,... Ngày nay, việc người nông dân chăm chỉ học tập kiến thức khoa học công nghệ, theo dõi các chương trình phổ biến kiến thức trên phương tiện thông tin đại chúng như chuyên mục nhà nông làm giàu, hoặc tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về chuyên giao tiên bộ khoa học kỹ thuật đã là hiện tượng phổ biến ở khắp các vùng nông thôn. Như vậy, cùng với sự thay đổi công cụ lao động, khoa học và công nghệ có vai trò to lớn trong việc nâng cao dân trí của người nông dân Việt Nam cũng như nhận thức của họ.

Trong công nghiệp, năng lực công nghiệp quốc gia đã có tiến bộ, bắt đầu khả năng lựa chọn thích hợp và làm chủ công nghệ nhập, nhiều ngành sản xuất dịch vụ chủ yếu sử dụng công nghệ tiên tiến, trình độ công nghệ được nâng cao. Nhiều máy móc tự động hóa, số hóa, công nghệ CNC,... phục vụ cho quá trình sản xuất, các dây chuyền thiết bị, thay thế nhập khẩu trong lĩnh vực năng lượng, đã làm chủ nhiều công nghệ mới để nâng cao

hiệu quả khai thác và thăm dò. Như vậy, khoa học và công nghệ đã giúp tự động hóa quy trình, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT) vào sản xuất, từ đó tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và cải thiện chất lượng sản phẩm. Nhờ ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ đã tạo ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước cũng như quốc tế. Việc ứng dụng công nghệ in 3D đã mở ra những hướng đi mới trong sản xuất, chế tạo. Đồng thời, khoa học và công nghệ hiện nay đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giúp các ngành công nghiệp, dịch vụ có những bước phát triển vượt bậc. Sự ra đời của các ngành công nghiệp mới, dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ cũng góp phần làm thay đổi bộ mặt của nền kinh tế. Như vậy, những năm qua, khoa học và công nghệ đóng vai trò then chốt, thúc đẩy sự phát triển và đổi mới trong lĩnh vực công nghiệp ở Việt Nam.

Về đối tượng lao động, ở thời điểm hiện nay tài nguyên thiên nhiên không còn là đối tượng lao động chính của Việt Nam. Nhờ ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ các nhà khoa học nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi) kết hợp chặt chẽ với nông dân, đã đạt những thành tựu xuất sắc trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ các giống cây trồng, vật nuôi mới với năng suất và chất lượng cao, kỹ thuật canh tác tiên tiến với hệ thống thủy lợi khá phát triển, công nghệ sau thu hoạch và chế biến có bước tiến rõ rệt,... Một số công nghệ rất hiện đại của sinh học phân tử, như công nghệ tế bào, công nghệ tái tổ hợp gen,... cũng đã được nghiên cứu và ứng dụng. Trong y học, nhờ ứng dụng khoa học công nghệ mới Việt Nam đã tiếp cận nhiều phương pháp chữa bệnh mới đem lại hiệu quả vô cùng lớn và được bạn bè quốc tế nể phục.

Trong xây dựng, những công nghệ tiên tiến như công nghệ sản xuất vật liệu cao cấp (gạch ceramic, granit), công nghệ thiết kế và thi công nhà cao tầng, công nghệ khoan đường hầm lớn như đường hầm qua đèo Hải Vân,... đã đạt trình độ quốc tế và đưa vào ứng dụng rộng rãi. Trong lĩnh vực công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước kia ta thường nhập khẩu thiết bị hoàn toàn cho một công trình. Hiện nay, Việt Nam đã hình thành các ngành chế tạo máy cơ - điện tử, cơ khí tự động hóa,... sản xuất các thiết bị tự động hoặc nhà máy tự động hóa toàn phần với chất lượng tương đương hàng nhập khẩu mà giá thành lại thấp hơn nhiều. Khoa học và công nghệ thế giới với những thành tựu kỳ diệu đã mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Tự động hóa, trí tuệ nhân tạo,... không chỉ thay lao động cơ bắp, mà còn thay thế một phần lao động trí óc và có thể thay một phần sáng tạo của thiên nhiên (bằng công nghệ sinh học, chế tạo vật liệu mới,...).

Với tính cách là yếu tố nội tại của lực lượng sản xuất hiện đại, khoa học và công nghệ thâm nhập vào các yếu tố khác của lực lượng sản xuất. Sự thâm nhập đó sẽ kéo theo sự thay đổi các yếu tố khác và sẽ làm thay đổi toàn bộ lực lượng sản xuất, thúc đẩy sự phát triển về trình độ của lực lượng sản xuất. Đồng thời, khoa học và công nghệ hiện đại còn quyết định quy mô phương hướng và tốc độ phát triển của lực lượng sản xuất. Việt Nam là nước đi sau về khoa học công nghệ, chúng ta cần chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai, nắm bắt và làm chủ được công nghệ mới, lựa chọn một số lĩnh vực mà ta có khả năng và lợi thế cho phép nghiên cứu “đón đầu”, tránh tốn nhiều công sức nghiên cứu những vấn đề mà thế giới đã giải quyết. Hướng trọng điểm nghiên cứu và ứng dụng là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới.

4. Một số nhiệm vụ cơ bản nhằm phát huy vai trò của khoa học và công nghệ hiện đại đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Từ những định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ trong thời kỳ mới cũng như mục tiêu chiến lược đã được đề ra, để hoạt động khoa học và công nghệ thực sự phát

huy hiệu quả đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay, cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thứ hai, khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Thứ ba, tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Thứ năm, cần có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài,... Bên cạnh đó, Nhà nước cần tạo môi trường văn hóa - xã hội và đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu và tôn trọng khoa học và công nghệ cũng như việc ứng dụng nó trong sản xuất và đời sống.

KẾT LUẬN

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, trở thành yếu tố tác động quan trọng và trực tiếp tới quá trình sản xuất vật chất, làm thay đổi diện mạo của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Với sự thay đổi trình độ của người lao động thì quá trình áp dụng các phát minh khoa học và các thành tựu kỹ thuật vào sản xuất ngày càng nhiều. Nhờ vậy, chúng ta đã tìm ra nhiều nguồn năng lượng mới, bắt đầu khai thác và ứng dụng. Việc biến đổi các tư liệu lao động, công cụ lao động, cùng với sự thay đổi nội dung lao động đã làm cho lực lượng sản xuất Việt Nam từng bước phát triển. Bên cạnh đó, từ những định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ trong thời kỳ mới cũng như những mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ cơ bản đã được đề ra chắc chắn lực lượng sản xuất của nước ta sẽ ngày càng hoàn thiện hơn, góp phần tránh nguy cơ tụt hậu, thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình” và vươn lên trình độ các nước phát triển. Như vậy, cách mạng khoa học và công nghệ với quá trình biến tri thức khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp đã làm thay đổi về chất lực lượng sản xuất của Việt Nam, điều này góp phần rút ngắn thời gian thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

*ThS. Võ Thị Thanh Huyền**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra một bước ngoặt vĩ đại, chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Lần đầu tiên trong lịch sử, Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, trở thành chủ thể của một quốc gia độc lập, làm chủ vận mệnh của mình, được thừa nhận và bảo vệ quyền con người. Sự ra đời của nhà nước mới đã đặt yêu cầu tất yếu phải xây dựng nền pháp lý cho xã hội - một bản Hiến pháp hiện thực hóa các giá trị “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”, khẳng định quyền tối thượng cho Nhân dân đối với quốc gia, từ đó đặt nền tảng cho quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, gần 35 năm triển khai Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta luôn kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc những giá trị phổ quát của nhân loại để xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và đã đạt được nhiều kết quả, thành tựu quan trọng. Tại Hội nghị Trung ương 6, khóa XIII Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Gần đây là Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định rõ xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa lâu dài, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình.

NỘI DUNG

1. Sự ra đời của bản Hiến pháp đầu tiên - đặt nền móng cho hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam là nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới chế độ quân chủ chuyên chế, chưa từng có một bản Hiến pháp nào. Dù lịch sử từng ghi nhận nhiều bộ luật thành văn, nhưng chế độ pháp quyền hiện đại chưa từng được thiết lập. Tư tưởng lập hiến được hình thành trong giới trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX, ảnh hưởng từ các phong trào tiến bộ trên thế giới như Tuyên ngôn Độc lập Mỹ (1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền Pháp (1789), cải cách Minh Trị Nhật Bản, cách mạng Trung Hoa (1911),... Nhiều nhà yêu nước như Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng,... đã sớm bày tỏ khát vọng về một quốc gia dân chủ, lập hiến. Đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã thể hiện rõ nét tư tưởng lập hiến của mình trong “Tám điểm yêu sách của Nhân dân An Nam” gửi Hội nghị Versailles (1919) yêu cầu: “Bày xin Hiến pháp ban hành; Trăm điều phải có thân linh pháp quyền”.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã biến khát vọng lập hiến thành hiện thực. Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố trước đông bào cả nước

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

và thế giới về bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 03/9/1945, Người đã đề ra 06 nhiệm vụ cấp bách; một trong những nhiệm vụ cấp bách đó là việc tổ chức Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, tiến tới xây dựng Hiến pháp. Hồ Chí Minh khẳng định: “Trước chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do, dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống...”¹. Ngày 20/9/1945, Chính phủ lâm thời ban hành Sắc lệnh thành lập Ban dự thảo Hiến pháp gồm 07 người do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Tháng 11/1945, Bản dự thảo được công bố cho toàn dân thảo luận. Một lần nữa, hàng triệu người Việt Nam được thể hiện quyền làm chủ trong việc hăng hái tham gia đóng góp ý kiến cho Bản dự thảo Hiến pháp - văn bản chứa đựng hiện thực hóa những mơ ước, khát vọng của nhiều thế hệ về “*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*”.

Ngày 06/11/1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội lập hiến diễn ra thắng lợi trên cả nước. Tại nhà hát lớn Hà Nội, kỳ họp thứ 02 của Quốc hội khoá I đã khai mạc ngày 09/11/1946, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp thành văn đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với 240 phiếu tán thành trên tổng 242 đại biểu có mặt, tỷ lệ gần tuyệt đối.

Sự ra đời của Hiến pháp năm 1946 - Đạo luật cơ bản đầu tiên của Nhà nước Việt Nam mới với chính thể dân chủ cộng hoà gắn liền với sự kiện khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Lần đầu tiên một thiết chế nhà nước dân chủ được tổ chức trên một nền tảng chính trị, pháp lý, mục tiêu của toàn dân được ghi nhận trong đạo luật cơ bản nhất của một nhà nước. Hiến pháp quy định cấu trúc nhà nước, hình thức nhà nước, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, phương thức thực hiện quyền lực, quyền con người, quyền và tự do cơ bản của cá nhân. Những quy định của hiến pháp là quy định nền tảng cốt lõi nhất của đời sống nhà nước và xã hội, có hiệu lực cao nhất. Chính vì vậy, sự hiện diện của Hiến pháp và sau này là nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại nền dân chủ và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp trao cho nhà nước quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp.

2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự kết tinh giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn lịch sử cụ thể Việt Nam, thể hiện qua các quan điểm cốt lõi:

- Nhà nước pháp quyền phải bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công giữa các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ;
- Nhà nước pháp quyền phải là một nhà nước hợp hiến, hợp pháp, được tổ chức và hoạt động dựa trên Hiến pháp và pháp luật;
- Nhà nước pháp quyền phải quản lý xã hội bằng pháp luật;
- Nhà nước pháp quyền có sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật;
- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4 (1945 - 1946), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.7.

Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời xuất phát từ thực tiễn đất nước thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương nhằm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền. Có thể nói, tư tưởng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã được đề cập qua nhiều văn kiện của Đảng, dù không sử dụng thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” nhưng những đặc trưng cơ bản về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã được thể hiện khá đầy đủ và đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (01/1994) lần đầu tiên thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” chính thức đưa vào văn kiện của Đảng, khẳng định nhiệm vụ chiến lược: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”². Liên tục các kỳ đại hội tiếp theo của Đảng và đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng (1/2021) đều chú trọng về vấn đề, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: “Nghiên cứu, ban hành chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp”³.

Nhằm cụ thể hoá quan điểm của các kỳ đại hội và thể hiện sự quyết tâm trong việc kiên định thực hiện hóa tư tưởng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhiều nghị quyết, văn bản được ban hành: Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/05/2005 Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung phát triển năm 2011); Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đánh dấu bước tiến lớn trong nhận thức lý luận, chủ trương, đường lối của Đảng về nhà nước pháp quyền.

Việc ghi nhận Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào Hiến pháp là cơ sở pháp lý cao nhất thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng. Hiến pháp năm 1992 (Sửa đổi, bổ sung 2001) đã nêu rõ: “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”⁴. Lần đầu tiên thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền” cũng như bản chất pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhà nước Việt Nam được chính thức khẳng định trong Hiến pháp. Hiến pháp hiện hành tiếp tục khẳng định: “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”⁵.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với bản chất “Nhà nước của Nhân dân, Nhà nước do Nhân dân và Nhà nước vì Nhân dân”; nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, việc nhà nước đặt pháp luật ở vị trí tối thượng theo nguyên tắc “Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật” là điều đúng đắn. Trong hệ thống pháp luật nước ta, Hiến pháp được xác định là đạo luật cơ bản, là luật khung, có hiệu lực pháp lý cao nhất, làm cơ sở cho việc xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật khác; mọi văn bản pháp luật không được trái với Hiến pháp và phải phù hợp với Hiến pháp: “Nhà nước được tổ chức và hoạt

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần I (khoá VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 543.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.177.

⁴ Điều 2, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 Sửa đổi bổ sung năm 2001.

⁵ Điều 2, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật”⁶. Tính tuân thủ Hiến pháp và pháp luật đối với mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức là tuyệt đối; phải tôn trọng, chấp hành, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Một trong những đặc trưng nổi bật của nhà nước pháp quyền là nguyên tắc “Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật”. Theo đó, mọi hoạt động của nhà nước đều phải được tổ chức và vận hành theo Hiến pháp và pháp luật; quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Với nguyên tắc này, pháp luật được sử dụng để tổ chức, thực thi, kiểm soát quyền lực chính trị, để tổ chức và quản lý xã hội, để điều chỉnh hành vi con người; những hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị xử phạt theo Hiến pháp và pháp luật với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”; mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đều bị ràng buộc bởi pháp luật, pháp luật là cái bắt buộc chung đối với mọi người; chỉ được làm những gì pháp luật quy định không được tự mình đặt ra những thẩm quyền ngoài quy định. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật còn là sự tôn trọng và thể hiện niềm tin vào công lý, lẽ phải. Nguyên tắc hoạt động “Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật” đòi hỏi hệ thống pháp luật của nước ta luôn được chú trọng sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định tinh thần “thượng tôn pháp luật”, đồng thời chủ trương “tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là việc thực thi tinh thần “thượng tôn pháp luật”, gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, cán bộ, đảng viên”⁷.

Một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng, không thể thiếu trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là hệ thống pháp luật. “Đó chính là hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán là một đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là điều kiện cần và đủ để xã hội có trật tự, kỷ cương, qua đó xác lập được vị trí tối thượng của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội, đảm bảo được nguyên tắc phổ quát, đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”⁸. Để hiện thực hoá đặc trưng này, Nghị quyết số 27-NQ/TW chỉ rõ: “Xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước”⁹.

Đặc biệt, trong bối cảnh mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu: “Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp

⁶ Điều 8, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.202

⁸ Võ Khánh Vinh, *Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, 2025, tr. 438.

⁹ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

và pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”¹⁰. Điều này thể hiện quyết tâm chính trị nhất quán của Đảng và nhà nước ta trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tiên tiến, hội nhập, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

4. Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

“Kỷ nguyên là một hiện thực xã hội, một phạm trù rộng lớn, phản ánh hiện thực xã hội ở một thời đại phát triển nhất định của xã hội. Kỷ nguyên phát triển mới là hiện thực mới, kỷ nguyên mới đánh dấu một thời kỳ phát triển mới của một đất nước, quốc gia, dân tộc trong toàn bộ đời sống xã hội, đời sống nhà nước, đời sống cộng đồng, đời sống gia đình, đời sống con người”¹¹.

Đối với Việt Nam, kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc được kế thừa từ những thành tựu của các giai đoạn trước, tạo nên một dòng chảy phát triển liên tục, hướng tới những giá trị cao cả hơn. “Đó là kỷ nguyên đổi mới sáng tạo, kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên hoà bình, ấm no, tự do, hạnh phúc, kỷ nguyên vươn mình, khát vọng phát triển, kỷ nguyên hiện đại hoá, kỷ nguyên hội nhập, kỷ nguyên lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, kỷ nguyên Nhân dân làm chủ vận mệnh của mình, kỷ nguyên pháp quyền,... Đó là kỷ nguyên đổi mới tư duy và hành động, tư duy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, gắn tư duy với hành động, hành động với tư duy, nói đi đôi với làm, dám làm, dám dấn thân, dám chịu trách nhiệm. Với những thành tựu đã đạt được dân tộc chúng ta tin bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Kỷ nguyên phát triển đất nước, quốc gia, dân tộc chất lượng, nhanh, bền vững”¹².

Dưới sự lãnh đạo nhất quán, xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước đã và đang trải qua các giai đoạn lớn:

Kỷ nguyên thứ nhất: Kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930 - 1975);

Kỷ nguyên thứ hai: Kỷ nguyên thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2025);

Kỷ nguyên thứ ba: Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc (từ năm 2025 trở đi) với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hội nhập quốc tế sâu rộng, sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Mục tiêu trọng tâm là: “Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”¹³.

¹⁰ Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

¹¹ Võ Khánh Vinh, *Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, 2025, tr. 812.

¹² Võ Khánh Vinh, *Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, 2025, tr. 813.

¹³ Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, t.I, tr.217 - 218.

Trong hành trình phát triển này, hệ thống pháp luật Việt Nam không ngừng được hoàn thiện trên tất cả các lĩnh vực, mở rộng đối tượng điều chỉnh, đa dạng hóa cách thức tiếp cận, đảm bảo tốt hơn quyền và lợi ích con người, công dân; đồng thời chủ động hội nhập quốc tế trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, bối cảnh thế giới và khu vực trong những năm gần đây đang có nhiều biến động phức tạp như cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn; toàn cầu hoá, khu vực hoá, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện; sự tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã phát sinh nhiều vấn đề mới,... Điều này vừa đặt ra thách thức, vừa mở ra những cơ hội lớn cho công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội Việt Nam nói chung và hệ thống pháp luật nói riêng. Đòi hỏi đặt ra là hệ thống pháp luật phải liên tục đổi mới, xây dựng, hoàn thiện theo quy trình ngày càng hiện đại đảm bảo thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng; phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

Thực tế, công tác xây dựng và thực thi pháp luật vẫn còn không ít hạn chế, bất cập khiến cho người dân khó tiếp cận đến chủ trương, định hướng của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; làm cho việc hưởng quyền lợi của họ chưa đầy đủ: “Tư duy pháp luật trong một số lĩnh vực còn thiên về quản lý. Chất lượng pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Còn có những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chưa rõ ràng, cản trở việc thực thi, không thuận lợi cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút và khơi thông nguồn lực đầu tư. Việc phân cấp, phân quyền chưa đủ mạnh, thủ tục hành chính rườm rà. Tổ chức thực thi pháp luật vẫn là khâu yếu; thiếu cơ chế phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả. Chậm nghiên cứu, ban hành chính sách, pháp luật điều chỉnh những vấn đề mới, chưa tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi để thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới”¹⁴.

Hiện nay, Nhà nước ta đang thực hiện một cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy và để thực hiện khát vọng vươn mình của dân tộc thì một trong những nhiệm vụ trọng tâm, công cụ tạo nền tảng cho sự phát triển đó chính là việc hoàn thiện thể chế, công tác xây dựng và thi hành pháp luật phải được chú trọng và đổi mới hơn nữa. Để đáp ứng yêu cầu đó, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, khẳng định: “Công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng”¹⁵. Nghị quyết số 66-NQ/TW xác định rõ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và đưa ra những nhiệm vụ, giải pháp đột phá để tháo gỡ các “điểm nghẽn” về thể chế:

“Thứ nhất, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật;

Thứ hai, đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển;

Thứ ba, tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật;

¹⁴ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính Trị Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

¹⁵ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế;
Thứ năm, xây dựng giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật;
Thứ sáu, tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật;
Thứ bảy, thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật”¹⁶.

Bên cạnh đó cần phát huy tối đa vai trò của các chuyên gia, khoa học, cán bộ, cá nhân có kiến thức chuyên môn, có hoạt động kinh nghiệm thực tiễn, có đạo đức vào tham gia xây dựng pháp luật. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác phản biện xã hội đối với quá trình lập pháp và giám sát việc thực hiện pháp luật.

Phát huy vai trò của Nhân dân trong quá trình tham gia sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật bằng cách đa dạng hoá các hình thức để người dân đóng góp ý kiến, không hạn chế bất cứ hình thức nào. Tăng cường sử dụng công nghệ số để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đóng góp vào quá trình xây dựng, sửa đổi pháp luật, ví dụ như đẩy mạnh vận động người dân góp ý thông qua ứng dụng VNeID.

Ngoài ra, cần nghiên cứu xây dựng các bộ tiêu chí đánh giá mức độ tác động của hệ thống pháp luật như trong các chỉ số liên quan đến cải cách hành chính: chỉ số PAR INDEX¹⁷, chỉ số PCI¹⁸, chỉ số PAPI¹⁹, chỉ số SIPAS²⁰,... nhằm liên tục cập nhật, hoàn thiện pháp luật, đáp ứng mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh, kiến tạo phát triển, phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên mới.

KẾT LUẬN

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một trong những thành tựu to lớn, chứng minh cho đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong gần 40 năm qua. Sau gần 35 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991 (Bổ sung, phát triển năm 2011)), đất nước ta đã đạt những thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, có ý nghĩa lịch sử, tạo ra động lực mới và khí thế mới để phát triển. Tình hình chính trị, kinh tế, an ninh xã hội cơ bản ổn định; sự tăng trưởng kinh tế từng bước phục hồi và cải thiện; các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ngày càng được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; vị thế của nước ta ngày càng được củng cố; dân chủ ngày càng mở rộng; pháp quyền được coi trọng; dân trí được nâng cao; niềm tin của Nhân dân, doanh nghiệp, tổ chức đối với Đảng, Nhà nước ngày càng tăng lên. Như vậy, những thành tựu đạt được trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là thực tiễn sinh động, khẳng định vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tạo niềm tin vững chắc trong nhân dân và cộng đồng quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cạnh tranh gay gắt và chuyển động không ngừng của thế giới, yêu cầu đặt ra đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phải tiếp tục đổi mới, cải cách mạnh mẽ hơn nữa theo hướng dân chủ, hiện đại, hội nhập sâu

¹⁶ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính Trị Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

¹⁷ PAR Index (Public Administration Reform Index): Chỉ số cải cách hành chính.

¹⁸ PCI (Provincial Competitiveness Index): Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp.

¹⁹ PAPI (Public Administration Performance Index): Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính.

²⁰ SIPAS (Satisfaction Index of Public Administrative Services): Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.

rộng. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, ổn định chính là nhiệm vụ chiến lược, giữ vai trò then chốt nhằm phát huy tối đa các nguồn lực, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao để thu hút đầu tư và tạo niềm tin trong nước và cộng đồng quốc tế; cung cấp đủ năng lực để tham gia giải quyết những vấn đề có tính toàn cầu, khu vực trên mọi phương diện; đồng thời tận dụng lợi thế và không bỏ lỡ thời cơ nào để đưa đất nước ta tự tin, vững vàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam không chỉ là yêu cầu tất yếu của lịch sử mà còn là lựa chọn chủ động, sáng suốt để thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, hội nhập quốc tế.

XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH: ĐỘNG LỰC NỘI SINH CHO MỘT DÂN TỘC PHÁT TRIỂN HÙNG CƯỜNG

*ThS. Trần Thị Giang**

MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra với tốc độ thần tốc chưa từng có trong lịch sử, con người giờ đây không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành tựu khoa học - công nghệ, mà còn là chủ thể sáng tạo đóng vai trò quyết định đến chất lượng và phát triển bền vững của quốc gia. Việt Nam đã đặt mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, hùng cường vào năm 2045, song khát vọng này chỉ có thể thành hiện thực khi mỗi công dân là hiện thân của một hệ giá trị vững chắc, đóng vai trò “động lực nội sinh” cho mọi hoạt động xã hội và quốc gia.

Trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và văn kiện Đại hội XIII của Đảng, bài viết xác định tám giá trị cốt lõi của con người Việt Nam “yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương và sáng tạo” là trụ cột tinh thần để xây dựng “con người Việt Nam” trong kỷ nguyên vườn mình. Với tám hệ giá trị này, con người không chỉ định vị được bản thân mà còn tạo lập thế đứng vững chắc về tư tưởng, văn hóa, tinh thần giúp con người Việt Nam vượt qua thách thức của toàn cầu hóa và nắm bắt cơ hội trong thời đại số. Tám giá trị này nằm trong một thể thống nhất biện chứng, hình thành nên một chỉnh thể nhân cách vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa năng động, sáng tạo để Việt Nam chủ động hội nhập, cạnh tranh và khẳng định vị thế trên trường quốc tế.

Bài viết làm rõ giá trị con người trong lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; phân tích nội hàm tám giá trị cốt lõi của con người Việt Nam; và đánh giá thách thức định hình giá trị trong kỷ nguyên vườn mình và đề xuất giải pháp đồng bộ về chính sách, giáo dục và truyền thông nhằm lan tỏa và định vị vững chắc hệ giá trị con người Việt Nam, từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và hùng cường của dân tộc.

NỘI DUNG

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về hệ giá trị con người

Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn đề cao vai trò trung tâm của con người trong sự vận động và phát triển của lịch sử. Con người theo quan điểm của C. Mác “tổng hoà những quan hệ xã hội” đồng thời là chủ thể duy nhất có khả năng cải biến thế giới thông qua hoạt động thực tiễn và nhận thức. V. Lênin cũng đã nhấn mạnh “không có những con người được giáo dục đúng đắn thì không có chủ nghĩa xã hội”¹. Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn xác lập con người là thực thể xã hội sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử nhưng đồng thời cũng là chủ thể tạo ra lịch sử. Từ đó, con người được nhìn nhận như một thực thể năng động, sáng tạo, có khả năng thay đổi hiện thực khách quan thông qua hành động có ý thức.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xem xét giá trị con người lên trong mối quan hệ với sự nghiệp, và con người là mục tiêu và động lực của sự nghiệp cách mạng. Theo quan niệm của Người, không có con người với đạo đức, trí tuệ, lý tưởng và tinh thần hành động thì

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, t.39, tr.258.

không thể có sự nghiệp cách mạng thành công. Tư tưởng này nhất quán với lập luận của chủ nghĩa Mác - Lênin rằng: quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Tuy nhiên, điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh giữa cái phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin với tính đặc thù của lịch sử - văn hóa Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển thành một hệ thống tư tưởng riêng: đó là đề cao giá trị con người trong mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa lý tưởng cách mạng và tinh thần nhân văn.

Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về giá trị con người không chỉ mang tính nhân văn sâu sắc mà còn mang ý nghĩa cách mạng triệt để. Theo đó, trong kỷ nguyên vươn mình, vai trò lịch sử của con người không dừng lại ở chỗ “giải phóng”, mà phải tiến xa hơn: kiến tạo và làm chủ không gian phát triển của mình.

Trong tám giá trị cốt lõi “yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo” thì mỗi giá trị không tồn tại độc lập mà là sự tương tác biện chứng với nhau để hình thành nên một chỉnh thể con người mới Việt Nam - vừa đậm đà bản sắc, vừa đủ năng lực cạnh tranh thế giới. Hệ giá trị ấy không phải là tập hợp rời rạc của những phẩm chất đạo đức, mà là cấu trúc động - phát triển theo thời gian, phản ánh tầm vóc văn hóa, sức mạnh tinh thần và trí tuệ của dân tộc. Từ đây xuất hiện luận điểm mới: xây dựng hệ giá trị con người là hành trình “kiến tạo bản sắc năng động”, trong đó truyền thống không đối lập với hiện đại, mà là cơ sở để thích ứng, sáng tạo và vươn lên trong thế giới đa chiều.

Trong bối cảnh đất nước đang vươn mình mạnh mẽ để hiện thực hóa khát vọng dân tộc hùng cường vào năm 2045, Vấn đề đặt ra ở đây là: *Chúng ta sẽ đi đến đó bằng cách nào nếu không có một con người Việt Nam mới - có hệ giá trị làm nền tảng tinh thần và động lực nội sinh?* Ngay lúc này, cần nhận thức về tám giá trị cốt lõi và lan tỏa hệ giá trị con người Việt nam, bởi “con người là động lực nội sinh quyết định sự phát triển bền vững của đất nước”².

2. Xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam với tám giá trị cốt lõi trong kỷ nguyên vươn mình

Việt Nam, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, con người phải được định hình trên nền tảng giá trị mới - phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc xác lập hệ giá trị “yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo” không chỉ là yêu cầu đạo đức, mà là một chiến lược chính trị - văn hóa nhằm xây dựng con người xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới

Thứ nhất, yêu nước - giá trị cốt lõi trong của bản sắc chính trị dân tộc.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: con người là sản phẩm của lịch sử, nhưng đồng thời cũng là chủ thể sáng tạo ra lịch sử. Truyền thống yêu nước đã thấm thâu trong tâm thức của con người Việt và trở thành động lực nội sinh mạnh mẽ nhất để tập hợp sức mạnh toàn dân tộc. Trong bối cảnh kỷ nguyên số và toàn cầu hóa, yêu nước không chỉ dừng lại là những khẩu hiệu, phạm trù trừu tượng, cảm xúc tự nhiên mà nó trở thành hành vi có lý trí và trách nhiệm. Yêu nước không còn chỉ là biểu tượng tinh thần, mà là năng lực công dân trong bảo vệ chủ quyền số, chủ quyền dữ liệu và chủ quyền tư tưởng. Trong các chiến tranh công nghệ - truyền thông, lòng yêu nước phải có tri thức và hành động thực tiễn. Một thanh niên chống tin giả, lan tỏa sự thật, bảo vệ chủ quyền lịch sử trên mạng xã hội - đó là hình mẫu yêu nước mới. “Lòng yêu nước chân chính không

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.15.

thể tách rời với hành động cụ thể vì sự nghiệp phát triển đất nước”³. Yêu nước của ngày hôm nay là sự chủ động hội nhập, là khát vọng đưa Việt Nam sánh vai cùng các cường quốc năm châu vào năm 2045. Đây là yêu cầu chiến lược, mang tính cách mạng, đặt nền móng cho sự phát triển bền vững và hùng cường của dân tộc. Yêu nước - tự hào dân tộc là động lực nội sinh mạnh mẽ, thúc đẩy con người Việt Nam không ngừng vươn lên, vượt qua thử thách, từ đó góp phần xây dựng dân tộc hùng cường.

Thứ hai, đoàn kết - động lực nội sinh của dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Đoàn kết là “truyền thống quý báu”, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Hai tiếng “đồng bào” của dân tộc Việt Nam chính là hiện thân chính trị sâu sắc cho giá trị này. Trong điều kiện hội nhập và chuyển hóa mạnh mẽ của cấu trúc quyền lực toàn cầu, đoàn kết là nội lực bảo vệ bản sắc thể chế, giúp ổn định hệ thống chính trị, điều phối xung đột lợi ích, và tăng cường niềm tin chiến lược giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Không có đoàn kết, không thể có thống nhất ý chí; không có thống nhất, sẽ không có sức mạnh hành động quốc gia. Bởi thế, đoàn kết chính là động lực nội sinh sâu xa nhất, là nền tảng chính trị vững chắc nhất, để Việt Nam giữ vững độc lập, chủ quyền, và hiện thực hóa khát vọng phát triển dân tộc phồn vinh, hùng cường. Trong xã hội hiện đại, đoàn kết phải là đoàn kết trên nền tảng dân chủ, tôn trọng sự khác biệt và được bảo vệ bằng thể chế đối thoại, đồng thuận xã hội, chứ không thể bằng mệnh lệnh hành chính.

Thứ ba, tự cường - trụ cột giá trị định hình bản lĩnh chính trị và sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam.

Tự cường là giá trị trung tâm trong hệ giá trị con người Việt Nam, kết tinh từ lịch sử dựng nước và giữ nước, và được nâng tầm thành năng lực tự chủ chính trị - văn hóa - phát triển trong thời đại mới. Đây không chỉ là đức tính cá nhân, mà là yêu cầu khách quan của một quốc gia độc lập trong điều kiện toàn cầu hóa, nơi sức mạnh dân tộc phải được khẳng định từ bên trong chứ không vay mượn từ bên ngoài. Trong điều kiện hiện nay, tự cường không còn là khẩu hiệu đạo đức mà trở thành tiêu chí chính trị - thể chế: một quốc gia chỉ thật sự mạnh khi biết xây dựng nội lực từ khoa học, giáo dục, kinh tế, thể chế pháp quyền, văn hóa tư tưởng và khát vọng tự lực vươn lên. Bởi lẽ, không có tự cường, không có phát triển bền vững; không có bản lĩnh chính trị, thì sẽ rơi vào phụ thuộc và đánh mất chủ quyền quyết định vận mệnh. “Tự cường” là giá trị chiến lược, là linh hồn của khát vọng dân tộc hùng cường và là điều kiện tiên quyết để Việt Nam giữ vững độc lập, chủ quyền và bản sắc trong thời đại ngày nay.

Thứ tư, nghĩa tình - giá trị nhân văn cốt lõi làm nên chiều sâu bản sắc Việt Nam.

“Nghĩa tình” không chỉ là một giá trị đạo đức mà còn là yếu tố cấu thành bản sắc chính trị - văn hóa của con người Việt Nam, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng tình yêu thương con người. Người khẳng định: “*Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người*”⁴. Điều này cho thấy, tình thương yêu không chỉ là phẩm chất cá nhân mà còn là nền tảng cho sự đoàn kết và phát triển của toàn xã hội. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hướng tới một xã hội công bằng, nhân văn, thì giá trị “nghĩa tình” chính là chất keo mềm hóa các thiết chế cứng của pháp quyền. Nó đóng vai trò làm sâu sắc thêm lòng tin chính trị, củng cố tính chính đáng của chính quyền và nuôi dưỡng bản sắc cộng đồng dân tộc. Khi giá trị

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.126.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.130.

“nghĩa tình” bị hiểu sai thành “tình cảm cá nhân”, “tình nghĩa nhóm lợi ích”, nó có thể bóp méo chuẩn mực công lý, dẫn đến tha hóa đạo đức công vụ. Một nền hành chính hiện đại không chỉ cần năng lực, mà còn cần đạo đức. Trong đó “nghĩa tình” là phẩm chất gắn với lòng nhân ái, sự gần dân, chia sẻ khó khăn với người dân. Giá trị “nghĩa tình” là một hằng số văn hóa - chính trị của con người Việt Nam, nhưng không bất biến. Trong thời đại hội nhập, công nghệ số và xã hội phân hóa đa chiều, giá trị này cần được tái cấu trúc và phát triển như một năng lực chính trị - đạo đức hiện đại.

Thứ năm, trung thực - nền tảng đạo đức công vụ và văn hóa minh bạch.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trung thực là phẩm chất quan trọng của cán bộ, đảng viên và là điều kiện để xây dựng niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Trong thời đại số, trung thực là giá trị thiết yếu để xây dựng một xã hội chính trực, một nhà nước liêm chính và một nền kinh tế minh bạch. Trung thực là biểu hiện của niềm tin giữa người với người, giữa người dân với nhà nước. Đặc biệt, trong hệ thống công vụ, trung thực là lá chắn chống lại tham nhũng, gian dối, lợi ích nhóm. Đây là giá trị cốt lõi để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, một xã hội công bằng, minh bạch và phát triển lành mạnh.

Thứ sáu, trách nhiệm - ý thức chủ thể trong phát triển đất nước.

Trách nhiệm thể hiện vai trò làm chủ của mỗi người dân, mỗi cán bộ, và mỗi tổ chức đối với vận mệnh quốc gia. Trong xây dựng dân tộc hùng cường, không ai được đứng ngoài cuộc. Trách nhiệm không chỉ dừng ở lời nói, mà cần được thể chế hóa thành hành động có kiểm soát và đánh giá, thông qua cải cách hành chính, văn hóa công vụ và sự chủ động của người dân. Theo nghiên cứu của Trần Văn Phúc, xây dựng trách nhiệm xã hội trong hệ giá trị con người Việt Nam không chỉ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn củng cố sự đoàn kết dân tộc, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Thứ bảy, kỷ cương - trụ cột của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Kỷ cương là yếu tố then chốt để bảo đảm trật tự, ổn định và hiệu lực quản lý nhà nước. Không thể có một quốc gia phát triển nếu xã hội vô kỷ luật, nhà nước buông lỏng pháp luật. Kỷ cương không chỉ là tuân thủ, mà là sự tự giác hành xử trong khuôn khổ pháp luật và chuẩn mực đạo đức, bảo đảm công bằng - minh bạch - nghiêm minh. Kỷ cương là biểu hiện của hiệu lực thực thi pháp luật, là thước đo sự đồng thuận giữa quản trị nhà nước và hành vi xã hội. Trong thời đại “xã hội số”, kỷ cương phải được nâng tầm từ “hành chính hóa” sang “pháp quyền hóa”. Điều đó có nghĩa là mọi tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau. Không có kỷ cương, sẽ không thể có kỷ luật chính trị, không thể kiểm soát quyền lực, và cũng không thể phát triển đất nước ổn định, bền vững.

Thứ tám, sáng tạo - động lực bứt phá trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Sáng tạo là năng lực đổi mới, khả năng thích ứng và tiên phong. Trong thời đại hiện nay quốc gia nào không nuôi dưỡng tư duy sáng tạo thì quốc gia đó tụt hậu. Sáng tạo là giá trị giúp Việt Nam bứt phá giới hạn, vượt qua bẫy thu nhập trung bình, khẳng định vai trò mới trong chuỗi giá trị toàn cầu. Sáng tạo là yếu tố làm nên năng lực cạnh tranh quốc gia trong môi trường toàn cầu hóa. Nhưng sáng tạo không thể phát triển trong môi trường bảo thủ, sợ rủi ro, không dung nạp cái mới. Do đó, cần tạo hệ sinh thái sáng tạo quốc gia, với giáo dục khai phóng, chính sách đổi mới mở và văn hóa chấp nhận thất bại. Sáng tạo cũng cần trở thành chuẩn mực hành vi trong quản lý nhà nước, cải cách hành chính, xây dựng Đảng, chứ không chỉ giới hạn trong lĩnh vực công nghệ.

Tóm lại, tám hệ giá trị của con người Việt Nam không tách rời, liên kết chặt chẽ tạo thành một hệ giá trị tổng thể đóng vai trò là động lực tinh thần và nền móng đạo lý để xây

dựng con người Việt Nam hiện đại, hội nhập, nhưng vẫn giữ bản sắc. Về bản chất, đây không chỉ là giá trị nhân cách cá nhân, mà là trụ cột chiến lược của quốc gia, góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, công bằng và văn minh. Hệ giá trị là thứ tài sản quốc gia bền vững và không thể sao chép. Đó là nơi quốc gia khẳng định bản sắc, xây dựng niềm tin chính trị và phát huy nguồn lực con người. Việt Nam không thể trở thành quốc gia phát triển chỉ bằng công nghệ nhập khẩu, vốn vay, hay chiến lược đầu tư FDI, mà phải bằng một nền tảng con người mang giá trị Việt: bản lĩnh, trí tuệ, trách nhiệm, sáng tạo, và tình người.

3. Định vị giá trị con người Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình - thách thức đặt ra và giải pháp thực hiện

Trong tiến trình khơi dậy và phát huy hệ giá trị con người Việt Nam, chúng ta không thể không nhìn thẳng vào những rào cản hiện hữu đang làm xói mòn nền tảng tinh thần dân tộc, đe dọa đến sức bền nội sinh của công cuộc phát triển. Những thách thức này không đơn thuần mang tính xã hội học, mà ẩn chứa những nguy cơ làm lung lay hệ tư tưởng, tạo ra khoảng trống giá trị trong nhận thức và hành vi của con người.

Thách thức về sự đứt gãy truyền thống - hiện đại là một hiện tượng nổi bật nhất hiện nay. Trong khi truyền thống văn hóa dân tộc vốn dĩ là nơi neo giữ đạo lý, chuẩn mực ứng xử thì quá trình hiện đại hóa và hội nhập lại diễn ra với tốc độ quá nhanh, quá rộng khiến nhiều giá trị truyền thống của dân tộc bị lấn át trước những làn sóng văn hóa ngoại lai. Tình trạng “bội thực thông tin nhưng đói khát lý tưởng” là hệ quả của việc tiếp nhận thiếu chọn lọc, dẫn đến sự lai tạp, mất phương hướng về giá trị sống. Một bộ phận giới trẻ bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa tiêu dùng, thực dụng, đề cao cái “tôi”, làm phai nhạt những giá trị cộng đồng, hiếu kính, hy sinh vì người khác. Tình trạng ngưỡng mộ lối sống hưởng thụ, thành công bằng mọi giá, thậm chí phi đạo đức đang dần len lỏi vào tư duy một bộ phận xã hội. Tin giả, ngôn ngữ kích động, bạo lực mạng làm nhiều loạn giá trị, thậm chí gây ra sự suy thoái niềm tin ở giới trẻ. Do đó, cần xây dựng một cơ chế “sàng lọc giá trị xã hội” qua giáo dục, luật pháp, truyền thông và đối thoại giữa các thế hệ, nhằm bảo vệ hệ giá trị cốt lõi, trong khi vẫn tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa mới.

Thách thức từ sự gia tăng của chủ nghĩa cá nhân và thực dụng hóa giá trị sống cũng đang diễn ra một cách âm thầm nhưng sâu sắc. Trong không gian mạng, các giá trị ảo - được định hình bằng lượt thích, theo dõi hay xu hướng giải trí giật gân đã và đang làm lu mờ những chuẩn mực đạo đức truyền thống. Con người dễ sa vào vòng xoáy hưởng thụ, sống vội, sống gấp, đánh mất ý nghĩa đích thực của sự tồn tại. Chủ nghĩa tiêu dùng, nếu không được định hướng bởi những giá trị văn hóa - chính trị vững chắc, sẽ dẫn đến chủ nghĩa vị kỷ, thờ ơ với cộng đồng và suy thoái đạo đức xã hội.

Trong kỷ nguyên vươn mình, giá trị con người Việt Nam cần được nhìn nhận như “tài nguyên chiến lược mới” - nơi bản lĩnh dân tộc hòa quyện với tư duy toàn cầu, nơi đạo đức truyền thống gắn kết cùng năng lực công nghệ, nơi khát vọng vươn lên không tách rời trách nhiệm xã hội. Chỉ khi đó, dân tộc Việt Nam mới không chỉ đi nhanh, mà còn đi vững bằng nội lực từ mỗi con người. Hệ giá trị con người Việt Nam nếu không được củng cố kịp thời bằng những giải pháp đồng bộ và cấp tiến, sẽ làm suy yếu chính sức mạnh tự lực - tự cường dân tộc trong tiến trình vươn mình.

Đã đến lúc cần một cuộc cách mạng tư duy trong phát triển con người: *trước hết*, cần phải cải cách giáo dục theo hướng tích hợp giá trị - năng lực - hành vi. Hệ giá trị định vị con người sẽ không thể hình thành bền vững nếu không thực hiện cây ghép vào trong hệ thống giáo dục một cách khoa học và thực tiễn. Cần đưa các nội dung “Giáo dục công dân”, “Kỹ năng sống”, “Tư duy phản biện trước thông tin sai lệch”, “Trách nhiệm công

dân trong xã hội số” vào chương trình từ bậc phổ thông. Không chỉ dạy để biết, mà dạy để làm người, để sống tử tế, sống có trách nhiệm. Thế hệ trẻ cần được tiếp cận không gian thực hành giá trị thông qua mô hình trường học, nơi giáo viên không chỉ là người truyền dạy mà còn là người định hướng giá trị sống, người dẫn dắt tinh thần khai phóng. *Bên cạnh đó*, trong thời đại số như hiện nay, truyền thông giữ vai trò như một hệ thần kinh của xã hội, nơi định hướng nhận thức và cảm xúc của công chúng. Vì vậy, cần xây dựng các chiến dịch truyền thông về giá trị con người một cách chuyên nghiệp, sáng tạo và gần gũi. Không nên chỉ tuyên truyền bằng mệnh lệnh hành chính, mà cần phải hiện thực hóa bằng những minh chứng thực “người thực, việc thực”. Các nền tảng số như YouTube, TikTok, Facebook có thể trở thành kênh truyền thông phổ biến có giá trị sử dụng hiệu quả nếu chúng ta nhận thức đúng vị trí của nó. *Cuối cùng*, một hệ giá trị không thể hình thành nếu nó không được cộng đồng lan tỏa, mỗi công dân là người kiến tạo giá trị và thụ hưởng giá trị. Các giá trị sẽ không hiện hữu trong văn bản, mà nó phải được hiện thực hóa trong môi trường xã hội. Khi đó, xã hội không chỉ có luật pháp mà còn có “khế ước giá trị” - nơi con người sống vì nhau, vì cộng đồng, vì tương lai dân tộc.

KẾT LUẬN

Xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình là một quá trình lâu dài, toàn diện và có tính lịch sử. Đây là con đường tất yếu để tạo nên động lực nội sinh mạnh mẽ để dân tộc Việt Nam phát triển bền vững và hùng cường. Một dân tộc chỉ có thể cường thịnh khi mỗi công dân có một khát vọng lớn hơn bản thân mình. Chính khát vọng là nhiên liệu đốt cháy tinh thần mạnh mẽ để kích hoạt trí tuệ, sức mạnh và bản lĩnh của con người Việt Nam trong hành trình vươn ra biển lớn. “Tám hệ giá trị “ được vun đắp từ gốc rễ - từ giáo dục, từ gia đình, từ từng hành vi ứng xử hàng ngày. Mỗi người Việt Nam đều là một hạt giống mang trong mình hệ giá trị dân tộc, sẵn sàng đâm chồi và vươn lên mạnh mẽ khi được vun trồng đúng cách.

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ GÓP PHẦN THÚC ĐẨY VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

ThS. Lê Văn Sơn*

MỞ ĐẦU

Đổi mới thể chế kinh tế là yêu cầu cấp thiết để Việt Nam tiếp tục phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh trong nước và quốc tế nhiều biến động. Sau gần bốn thập niên Đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng, tuy nhiên mô hình tăng trưởng hiện nay đang bộc lộ nhiều hạn chế: năng suất lao động thấp, nguồn lực phân bổ chưa hiệu quả, vai trò của khu vực tư nhân chưa được phát huy đầy đủ và môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều rào cản. Thể chế kinh tế hiện nay vẫn mang nhiều dấu ấn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chưa thực sự minh bạch, công bằng và thúc đẩy cạnh tranh. Trong khi đó, bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đòi hỏi thể chế phải linh hoạt, thích ứng nhanh, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số. Đổi mới thể chế là chìa khóa để giải phóng các nguồn lực, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, bảo đảm quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước và xây dựng một nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình và thực hiện khát vọng phát triển đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Vì vậy, đổi mới thể chế kinh tế không chỉ là nhu cầu nội tại mà còn là yêu cầu tất yếu của thời đại.

NỘI DUNG

1. Khái niệm và vai trò của thể chế kinh tế

Thể chế kinh tế, theo North, là “các luật chơi” - tức các quy tắc chính thức (luật pháp, hiến pháp, quy định) và phi chính thức (chuẩn mực xã hội, văn hóa, đạo đức) chi phối các tương tác giữa con người trong hoạt động kinh tế. Thể chế tạo ra khuôn khổ cho các hành vi kinh tế, bảo vệ quyền sở hữu, điều chỉnh quan hệ thị trường và phân bổ nguồn lực¹.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như ở Việt Nam, thể chế có vai trò định hình quan hệ giữa nhà nước và thị trường, đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao năng suất và hiệu quả cạnh tranh quốc gia². Có thể nói, thể chế kinh tế là hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hệ thống đường lối, chủ trương chiến lược, hệ thống luật pháp, chính sách quy định xác lập cơ chế vận hành, điều chỉnh chức năng, hoạt động, mục tiêu, phương thức hoạt động, các quan hệ lợi ích của các tổ chức, các chủ thể kinh tế nhằm hướng tới xác lập đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường hiện đại theo hướng góp phần thúc đẩy dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Thành tựu nổi bật trong cải cách thể chế kinh tế

2.1. Hoàn thiện khung pháp lý về kinh tế thị trường

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ban hành và sửa đổi nhiều đạo luật kinh tế trọng yếu như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, Luật Đất đai, Luật Ngân sách

* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

¹ D.C. North: A transaction cost theory of politics. *Journal of Theoretical Politics*, 2(4), 1990, pp. 355 - 367.

² Nguyễn Đình Cung và cộng sự: *Đổi mới thể chế kinh tế ở Việt Nam - Thực trạng và khuyến nghị*, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), 2022.

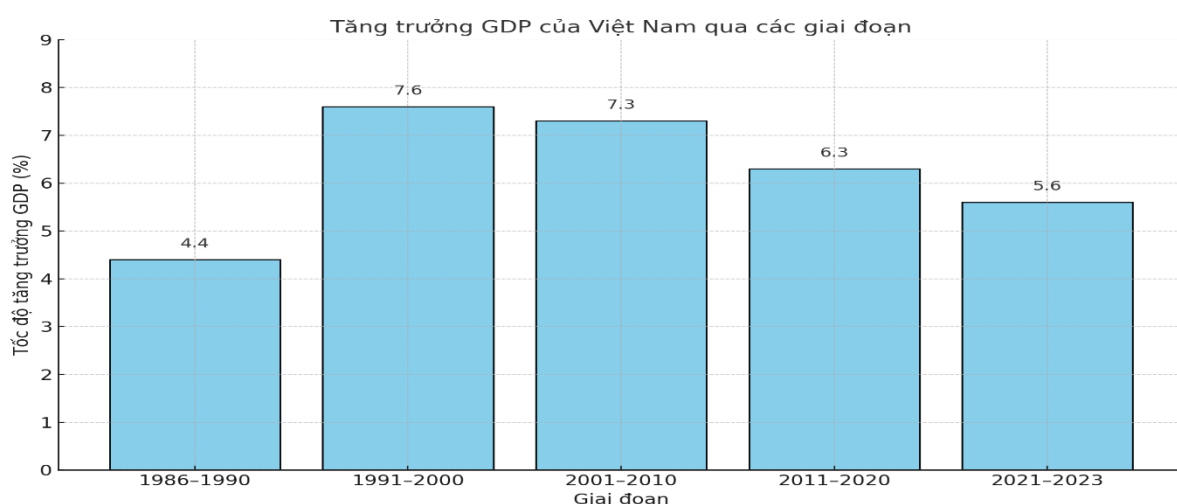
Nhà nước,... Hệ thống pháp luật dần tiệm cận với các chuẩn mực của nền kinh tế thị trường hiện đại.

Luật Doanh nghiệp (sửa đổi năm 2020) và Luật Đầu tư (sửa đổi năm 2020) đã đơn giản hóa thủ tục, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, công khai danh mục ngành nghề cấm và hạn chế kinh doanh³.

Hệ thống luật pháp đã được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, chính sách, chiến lược, quy hoạch, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia. Sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, tháo gỡ những điểm nghẽn, cản trở sự phát triển. Xây dựng khung khổ luật pháp, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

2.2. Phát triển các loại hình sở hữu và thành phần kinh tế

Đảng và Nhà nước đã công nhận vai trò của các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế, từ nhấn mạnh vai trò kinh tế nhà nước sang khẳng định vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân. Từ đó, có biện pháp thúc đẩy sự phát triển đa dạng của các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Theo Tổng cục Thống kê (2023), đến năm 2023, khu vực tư nhân chiếm khoảng 45% GDP, tạo ra hơn 85% tổng số việc làm.



Hình 1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 1986 – 2023

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục Thống kê)

Khu vực FDI chiếm hơn 18% GDP và đóng góp khoảng 74% tổng kim ngạch xuất khẩu, cho thấy vai trò quan trọng trong hội nhập và phát triển kinh tế⁴.

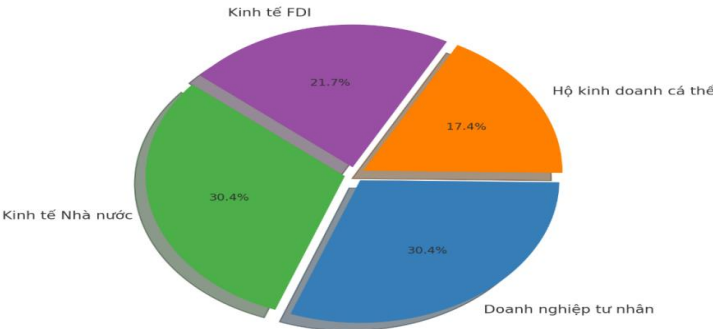
2.3. Cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh

Chính phủ đã triển khai các chương trình cải cách thủ tục hành chính như “một cửa”, “chính phủ điện tử”, cùng với các nghị quyết cải thiện môi trường kinh doanh (Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 2). Sự quyết tâm của Đảng và nhà nước trong việc sáp nhập các đơn vị chuyên môn cấp bộ, cấp sở; giải thể cấp huyện, sáp nhập cấp xã, sáp nhập cấp tỉnh cho thấy sự chuyển đổi nhanh, mạnh trong cải cách hành chính, giảm phiền hà cho nhân dân và doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh của Việt Nam cải thiện đáng kể, theo báo cáo Doing

³ Ban Kinh tế Trung ương: *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và phương hướng 2021-2030*. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

⁴ World Bank: *Vietnam country economic memorandum: Reaching new heights - Enhancing Vietnam's productivity growth*. 2023.

Business 2020⁵, Việt Nam tăng 23 bậc so với năm 2015, đứng thứ 70/190 quốc gia.
Tỷ trọng các thành phần kinh tế vào GDP (Việt Nam, 2023–2024)



Hình 2. Tỷ trọng các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp vào GDP
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)⁶

3. Những bất cập hạn chế của thể chế kinh tế Việt Nam và nguyên nhân

3.1. Những bất cập hạn chế

Thứ nhất, hệ thống pháp luật còn chồng chéo, thiếu nhất quán

Nhiều đạo luật có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, gây khó khăn trong triển khai. Đối với doanh nghiệp, sự không đồng bộ của chính sách gây những phiền hà không đáng có, lãng phí thời gian, làm tăng chi phí trung gian.

Ví dụ, quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng và môi trường thường không đồng bộ, dẫn đến tình trạng “giấy phép con” kéo dài. Theo báo cáo PCI 2023, có đến 63% doanh nghiệp cho rằng hệ thống pháp luật hiện hành không rõ ràng, dễ bị diễn giải tùy tiện⁷.

Bảng 1. Một số chỉ báo trong quá trình đổi mới thể chế kinh tế ở Việt Nam

Chỉ tiêu chính	2015	2020	2023
Tỷ trọng khu vực tư nhân trong GDP (%)	39	42	45
Doanh nghiệp nhỏ và vừa (triệu DN)	0.51	0.81	1.03
Tỷ lệ DN khó tiếp cận tín dụng (%)	59	51	48
Doanh nghiệp cho rằng chính sách thiếu ổn định (%)	~60	~58	57
Xếp hạng môi trường kinh doanh (WB)	93	70	-

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, VCCI, World Bank)

Thứ nhất, thiếu đảm bảo quyền sở hữu và quyền tài sản.

Luật Đất đai vẫn chưa thực sự bảo đảm quyền sở hữu đất đai cho tổ chức, cá nhân. Quyền sử dụng đất là một dạng “sở hữu toàn dân”, dẫn đến tình trạng tranh chấp, thu hồi đất không minh bạch, gây rủi ro cho nhà đầu tư và người dân. Quyền sở hữu trí tuệ chưa thực sự rõ ràng, khó khăn trong đăng ký tác quyền và bảo vệ tác quyền. Sự thao túng của một số cá nhân vào thị trường chứng khoán còn xảy ra và gây hậu quả nghiêm trọng cho thị trường này cũng như nền kinh tế.

⁵ Doing Business là một báo cáo thường niên do Ngân hàng Thế giới công bố từ năm 2003 đến năm 2020. Báo cáo này đánh giá và xếp hạng môi trường kinh doanh của các quốc gia trên thế giới dựa trên một loạt chỉ số định lượng về quy định pháp lý và thực tiễn liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

⁶ Tổng cục thống kê: *Sách Trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2023*, Hà Nội, 2023.

⁷ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam: *Báo cáo thường niên Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2023*. Truy cập tại: https://pcvietnam.vn/uploads/VN-Bao-cai-dai-PCI/VN-Bao-cai-dai-PCI-2023_VN.pdf

Thứ hai, vai trò của nhà nước còn nặng tính can thiệp.

Nhiều cơ quan quản lý nhà nước đồng thời sở hữu doanh nghiệp, gây ra xung đột lợi ích và cản trở cạnh tranh bình đẳng. Chưa phân định rõ quyền đại diện sở hữu vốn của Nhà nước ở doanh nghiệp nhà nước với quyền ra quyết định kinh doanh. Nhà nước đôi khi còn tham gia sâu vào các hoạt động sản xuất - kinh doanh thay vì chỉ kiến tạo môi trường thuận lợi cho thị trường hoạt động hiệu quả.

Thứ ba, khu vực tư nhân chưa được hỗ trợ đúng mức.

Mặc dù chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, khu vực tư nhân - đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa - vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận tín dụng, công nghệ, thông tin thị trường. Có tới 48% doanh nghiệp nhỏ và vừa cho biết không thể tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng do thiếu tài sản thế chấp hoặc thủ tục quá phức tạp.

Thứ tư, thiếu cơ chế minh bạch và giám sát quyền lực.

Việc xây dựng pháp luật và ban hành chính sách vẫn thiếu sự tham vấn rộng rãi và minh bạch. Chức năng phản biện xã hội của các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp bị xem nhẹ, đôi lúc tham vấn còn mang tính hình thức, đối phó. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đầy khó cho doanh nghiệp và người dân, có lúc ban hành kiểu “quản không được thì cấm”. Quy trình phản biện chính sách chưa trở thành thông lệ, dẫn đến nguy cơ luật hóa lợi ích nhóm⁸.

3.2. Nguyên nhân

Thứ nhất, tư duy thể chế cũ chưa được đổi mới triệt để.

Nhiều cơ quan quản lý vẫn duy trì tư duy hành chính bao cấp, quản lý theo “xin - cho” thay vì cung cấp dịch vụ công minh bạch, hiệu quả (Nguyễn Đình Cung & cộng sự, 2022).

Thứ hai, năng lực thể chế còn yếu.

Năng lực xây dựng và thực thi chính sách còn hạn chế. Cán bộ làm công tác thể chế chưa được đào tạo bài bản, thiếu tư duy phân tích chính sách, kinh nghiệm tham khảo quốc tế còn ít.

Thứ ba, thiếu cơ chế giám sát và phản biện.

Thể chế hiện hành chưa thiết lập được các kênh giám sát độc lập và có hiệu lực đối với cơ quan công quyền. Vai trò của các tổ chức xã hội, hiệp hội ngành nghề trong xây dựng chính sách còn mờ nhạt.

4. Một số khuyến nghị cải cách thể chế kinh tế nhằm góp phần thúc đẩy “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”

4.1. Bảo đảm quyền sở hữu và quyền tài sản

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch nhằm bảo đảm quyền Hiến định của công dân cũng như các quyền gắn với quyền sở hữu tài sản. Việc bảo đảm quyền sở hữu về kinh tế và pháp lý cho chủ sở hữu là điều kiện thu hút nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư có vốn nhỏ, bởi họ ngại tranh chấp kinh tế. Cần sửa đổi Luật Đất đai theo hướng công nhận rõ ràng quyền tài sản đối với đất, bảo đảm khả năng chuyển nhượng, thế chấp, cho thuê minh bạch. Các quyền tài sản phù hợp với điều kiện Việt Nam nhưng cũng tương thích với thông lệ quốc tế. Việc xác lập quyền tài sản rõ ràng là nền tảng cho thị trường vốn phát triển, là yếu tố đầu vào quan trọng hàng đầu của nền kinh tế (World Bank, 2023).

4.2. Cải cách bộ máy hành chính và giảm can thiệp

Thúc đẩy mô hình nhà nước kiến tạo phát triển thay vì nhà nước điều hành. Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nhanh việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không cần thiết. Phân định rõ quyền chủ sở hữu và chức

⁸ OECD: *SME and Entrepreneurship Policy in Viet Nam*. 2021. Truy cập trực tuyến tại:

https://www.oecd.org/en/publications/sme-and-entrepreneurship-policy-in-viet-nam_30c79519-en/full-report.html

năng sản xuất kinh doanh. Đổi mới quản trị nhà nước hiệu quả. Trong những năm gần đây, đặc biệt là trong 6 tháng qua, cải cách hành chính đang mang lại hiệu quả tích cực, tiết kiệm nhiều ngân sách, tăng chi cho an sinh xã hội đã và đang được nhân dân tích cực ủng hộ như giảm một số giấy phép, miễn học phí cho học sinh, giảm tuổi nhận trợ cấp cho người cao tuổi không có lương hưu từ 80 xuống 75 tuổi kể từ tháng 7/ 2025.

4.3. Xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh

Nâng cao tính minh bạch trong cấp phép, đấu thầu, phân bổ đất đai và tài nguyên. Các dự án cần minh bạch trong đấu thầu, chống hành vi quấy rối đấu thầu, chống “thông thầu” như đã từng xảy ra trong việc đấu giá đất ở Thủ Thiêm thành phố Hồ Chí Minh, Sóc Sơn thành phố Hà Nội, hay mới đây là việc Tập đoàn Sơn Hải là một trong 4 nhà thầu, liên danh nhà thầu bị đánh trượt khi tham gia đấu thầu gói thầu xây dựng cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua tỉnh Bình Phước gây dư luận không tốt.

Thiết lập cơ chế chống độc quyền, kiểm soát hành vi lạm dụng vị thế thống lĩnh thị trường, chống hàng giả, buôn lậu, trốn thuế. Sản xuất hàng giả, buôn lậu, trốn thuế, độc quyền là những yếu tố triệt tiêu cạnh tranh. Bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh là niềm tin cho các nhà đầu tư.

4.4. Tăng cường chuyển đổi số trong thể chế

Chuyển đổi số trong thể chế kinh tế là quá trình ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong thể chế kinh tế bao gồm việc hoàn thiện pháp luật số, phát triển chính phủ điện tử hướng đến chính phủ số, cải cách thủ tục hành chính qua nền tảng số, và xây dựng môi trường pháp lý cho các mô hình kinh doanh mới như kinh tế số, kinh tế nền tảng. Quá trình này góp phần tăng tính minh bạch, giảm chi phí giao dịch, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực tư nhân, tiếp cận thị trường nhanh chóng hơn. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều thách thức như hạ tầng số chưa đồng bộ, thiếu khung pháp lý cho đổi mới sáng tạo, và năng lực số của cán bộ còn hạn chế. Để chuyển đổi số thực sự là động lực cho phát triển thể chế kinh tế, cần có tầm nhìn chiến lược, đầu tư mạnh vào công nghệ, cải cách hành chính toàn diện và thúc đẩy hợp tác công - tư trong đổi mới sáng tạo. Ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số, hướng tới cung cấp dịch vụ công minh bạch, thuận tiện và ít chi phí.

4.5. Hoàn thiện quy trình xây dựng và đánh giá chính sách

Thiết lập cơ chế phản biện độc lập, bắt buộc đánh giá tác động chính sách trước và sau khi ban hành. Mỗi một chính sách, dự án đều phải được xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tiễn phải bảo đảm hài hòa với tầm nhìn của chiến lược phát triển bền vững. Mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp, hiệp hội và xã hội dân sự trong quá trình hoạch định chính sách nhằm thấy rõ những tác động kinh tế xã hội, môi trường khi chính sách ban hành, tránh tình trạng chính sách lạc hậu ngay khi chưa ký hoặc quá xa thực tế hoặc bỏ sót những yếu tố tác động quan trọng khác, đặc biệt là môi trường sinh thái, một trong những yếu tố của phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

Thể chế kinh tế là yếu tố quyết định hiệu quả và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Trong giai đoạn phát triển mới, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế một cách toàn diện, từ pháp lý đến hành chính, từ sở hữu đến thị trường. Chỉ khi có một thể chế hiện đại, minh bạch và hiệu quả, góp phần thúc đẩy và bảo đảm cho kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam thành công, giúp cho nước ta bứt phá trở thành nước phát triển vào năm 2045 như mục tiêu đã đề ra.

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO ĐƯA ĐẤT NƯỚC VƯƠN MÌNH BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI

*TS. Phạm Thị Quỳnh**
*ThS. Nguyễn Thị Thúy Hương***
*ThS. Nguyễn Ngọc Ly****

MỞ ĐẦU

Thế giới hiện đại đang có nhiều bước chuyển mình với những sự kiện có tầm ảnh hưởng tầm cỡ toàn cầu đang ngày càng nhiều hơn. Sự phát triển theo hướng một thế giới phẳng vừa mang đến cho con người những thời cơ và vận hội cũng như mang đến tương lai tốt đẹp hơn cho người dân khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên, chính sự phát triển này cũng đặt ra cho các quốc gia và nhân loại những nguy cơ, thách thức và bất an khi những vấn đề chung chưa tìm được tiếng nói đồng thuận.

Thế giới rõ ràng chưa bao giờ như hiện nay, cả thế giới đã và đang trở thành toàn cầu, cả thế giới hơn 7 tỷ cư dân trở thành một thị trường rộng lớn, người dân khắp năm châu có thể cùng xem một trận bóng đá yêu thích cùng xem một show diễn thời trang hoặc một sự kiện văn hóa nghệ thuật đang diễn ra ở một nơi nào đó. Dưới sự tác động của khoa học công nghệ, thế giới trở thành thế giới phẳng làm cho khoảng cách về không gian được thu hẹp lại bởi sự phát triển mạnh mẽ của giao thông đa phương tiện, thông tin liên lạc thông suốt. Hàng hóa phục vụ đời sống con người ngày càng hiện đại hơn, thông minh hơn, đi trước định hướng cảm thụ người tiêu dùng. Một thế giới hướng đến những tiện ích cho con người, kéo sát con người đến với nhau, hiểu nhau hơn và giao lưu với nhau trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, mặt trái của điều này là thế giới vẫn còn tồn tại những thế lực muốn làm bá chủ toàn cầu nên các vấn đề chung đáng lo ngại vẫn chưa hoàn toàn được giải quyết như ô nhiễm môi trường, vũ khí hạt nhân, cạn kiệt nguồn lực, dịch bệnh toàn cầu, tỷ lệ người nghèo vẫn còn rất cao, nạn buôn người, khủng bố quốc tế,... vẫn hàng ngày hàng giờ ảnh hưởng đến đời sống nhân dân trên toàn thế giới.

Tất cả mặt tích cực và tiêu cực trên tất cả các mặt trận từ kinh tế, chính trị cho đến đối ngoại đã đang và sẽ diễn ra bắt buộc chúng ta phải có cách nhìn nhận, nghiên cứu thật kỹ lưỡng và khoa học để từ đó xây dựng kế hoạch lâu dài, đặc thù điển hình theo thực tế của đất nước trong từng thời điểm khác nhau đặc biệt trên mặt trận ngoại giao vì đây là cửa ngõ để chúng ta nắm tình hình thế giới. Từ những nhận thức đúng đắn, kịp thời đưa ra những giải pháp về chiến lược ngoại giao nhằm giữ vững nền độc lập và phát triển kinh tế đất nước trong giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG

1. Tình hình thế giới những thập niên đầu thế kỷ XXI

1.1. Sự điều chỉnh về mặt chiến lược và chuyển dịch quyền lực là xu thế toàn cầu

Thế giới trong những năm đầu thế kỷ XXI đã chứng kiến cuộc chuyển giao quyền lực diễn ra trên quy mô toàn cầu làm biến chuyển mạnh mẽ đời sống nhân loại trên mọi phương diện của đời sống xã hội từ văn hóa, xã hội cho đến kinh tế, quân sự của từng quốc gia. Bước vào thế kỷ XXI, trước sự phát triển vượt bậc của một số quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ và đặc biệt phải kể đến sự vươn mình mạnh mẽ ra thế giới của các nước ASEAN và trên trường quốc tế Mỹ không còn là ông lớn vì sự suy yếu về nhiều mặt điều này dẫn tới sự cán cân kinh tế toàn cầu chuyển dịch, các ông lớn cũng phải nhún

*** Khoa Triết học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

*** Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục Thành Phát.

nhường trên bàn ngoại giao với các nước, điều đó khiến cho sự công bằng trên bàn ngoại giao, trong kinh tế,... có sự thay đổi đáng kể. Sự dịch chuyển lần này phải kể đến sự thay đổi trọng tâm từ phương Tây sang phương Đông, điều đó đã khiến cho tương quan lực lượng giữa các nước nằm trong khu vực châu Á Thái Bình Dương dần có tiếng nói quan trọng trên trường quốc tế. Sự dịch chuyển quyền lực lần này tạo ra sự thay đổi diện mạo toàn cầu về tất cả mọi mặt tạo ra sự thay đổi trên cán cân thương mại, quan hệ ngoại giao, quan hệ giữa các nước trên phạm vi toàn cầu và từng khu vực, tất cả tạo ra bức tranh về một thế giới mới năng động, công bằng, phát triển cùng có lợi, điều này tạo thuận lợi rất lớn cho các nước nhỏ, kinh tế còn yếu như Việt Nam có cơ hội cạnh tranh công bằng, có tiếng nói trên trường quốc tế, đồng thời tham gia tích cực hơn vào các quan hệ ngoại giao mang tính toàn cầu. Các cực của thế giới được phân chia lại khiến cho thế giới không còn là 1 cực mà trở nên đa cực, diễn ra nhanh hơn vì hướng tới đa trung tâm. Do đó chiến lược ngoại giao của các nước trên thế giới bắt buộc phải thay đổi từng ngày theo xu thế của thời đại và Việt Nam không phải ngoại lệ, thậm chí nhiều người còn cho rằng chiến lược ngoại giao của Việt Nam có ảnh hưởng then chốt đến phát triển kinh tế và giữ vững hòa bình, ổn định của nước ta trong khu vực Đông Nam Á.

Sau hơn một thế kỷ chuyển mình và phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực, các quốc gia trong khu vực ASEAN vẫn duy trì và phát huy hiệu quả vai trò địa chiến lược của mình. Các nước thành viên không ngừng củng cố khả năng thích ứng, tăng cường tính tự chủ và tiếp tục thắt chặt đoàn kết nội khối, nhằm tạo thế vững chắc trong quan hệ quốc tế. Nhờ đó, ASEAN có thể chủ động phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình xử lý quan hệ với các cường quốc toàn cầu. Các nước khối ASEAN đã thống nhất cùng triển khai phương án, kế hoạch tầm nhìn trên các phương diện chính là văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội, việc này giúp các nước trong khu vực có cơ hội để thu hẹp khoảng cách với các nước giàu, phát triển mạnh mẽ hơn đồng thời mở ra cơ hội để tăng cường quan hệ ngoại giao với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới đặc biệt là các nước trong khu vực EU. Việt Nam chúng ta đã vận dụng những mặt mạnh này để có những đường lối chính sách ngoại giao phù hợp với thời cuộc và sự biến đổi của trường quốc tế.

Thế giới hôm nay vẫn đang diễn ra cuộc cạnh tranh quyền lực giữa các ông chủ lớn là Nga, Mỹ và Trung Quốc, cuộc cạnh tranh này diễn ra trên tất cả các mặt trận nhằm khẳng định và tranh giành vị thế, lợi ích giữa những quốc gia lớn thể hiện tầm ảnh hưởng đối với các quốc gia khác và chính trường thế giới, cùng với sự lực đục của liên minh châu Âu, sự lớn mạnh khẳng định vị trí của các nước châu Á đã dẫn tới xu thế liên minh, kết hợp các quốc gia, thế giới trước cuộc chiến tranh giữa Ukraine và Nga dường như đang trong một cuộc chạy đua vũ trang mới đối đầu trực diện giữa các thế lực chưa có hồi kết. Cùng thời điểm này lại xuất hiện một loạt điểm nóng ở Trung Á, châu Phi,... Điều này khiến cho tình hình an ninh, an toàn trên khắp các lục địa có nhiều biến động. Việc điều chỉnh chiến lược ngoại giao cho phù hợp với từng thời điểm có vai trò quyết định giúp nước ta đứng vững và khẳng định vị thế của người Việt trên trường quốc tế.

1.2. Các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng

Trong thế giới hiện đại, không quốc gia nào có thể đứng ngoài tác động của các vấn đề toàn cầu đang diễn ra từng ngày như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cũng như các thảm họa thiên nhiên và khủng hoảng sinh thái do ô nhiễm môi trường gây ra. Những thách thức này góp phần làm gia tăng tình trạng đói nghèo, dịch bệnh và đặt ra nguy cơ nghiêm trọng đối với an ninh lương thực, an ninh nguồn nước và an ninh mạng trên phạm vi toàn cầu - đặc biệt đối với các quốc gia nghèo, các nước châu Phi và những nước đang phát triển có nền tảng kinh tế - xã hội yếu

kém. Giữa muôn vàn thách thức cấp thiết hiện nay, vấn đề suy giảm tài nguyên - đặc biệt là năng lượng và nước - trở thành mối quan tâm hàng đầu, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh và sự phát triển của nhiều quốc gia và khu vực. Khi nhu cầu sử dụng tài nguyên ngày càng tăng, nhất là ở các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, cuộc cạnh tranh giành tài nguyên sẽ ngày càng khốc liệt. Điều này sẽ dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt và phức tạp hơn về nguyên liệu thô giữa các quốc gia, như các vấn đề biên giới trên biển, các vấn đề về vùng biển lãnh thổ để khai thác tài nguyên giữa các quốc gia, chiến tranh dầu mỏ ở Trung Đông và chiến tranh dầu mỏ giữa Hoa Kỳ, Nga và Trung Quốc.

An ninh biển đang nổi lên là một vấn đề cấp bách đối với các quốc gia có biển. Vấn đề an ninh biển xuyên lục địa có ảnh hưởng lớn đến nhiều vấn đề mang tính quốc tế như ô nhiễm môi trường biển, nguồn lợi hải sản giữa các quốc gia khu vực. Thực tế nhiều cuộc tranh chấp xoay quanh vấn đề biển đảo cũng như các vấn đề an ninh phi truyền thống khác sẽ ngẫu nhiên trở thành một vấn đề cần phải được lưu tâm giữa các quốc gia và quan hệ giữa các nước.

Việc giải quyết các vấn đề tranh chấp trên mặt trận ngoại giao có tác động lớn đến sự ổn định kinh tế - chính trị của các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Giải quyết các vấn đề toàn cầu thông qua đối thoại và tôn trọng hòa bình đang trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế hiện nay. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn tồn tại hiện tượng các nước lớn lợi dụng sức mạnh để áp đặt, gây sức ép với các quốc gia nhỏ hơn. Một minh chứng điển hình là tình hình trên Biển Đông, nơi Trung Quốc tiếp tục có những hành động vi phạm chủ quyền biển đảo của các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, gây lo ngại sâu sắc về việc không tuân thủ luật pháp quốc tế và đe dọa hòa bình, ổn định khu vực. Vì vậy, trong các chính sách đối ngoại của nước ta hiện nay cần có chiến lược ổn định, vừa mềm dẻo vừa cứng rắn, phối hợp chặt chẽ với các nước trong khu vực để giữ vững biên giới trên đất liền và vùng lãnh hải nước ta.

2. Thời cơ và thách thức đối với chính sách ngoại giao Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

2.1. Thời cơ

Vấn đề ngoại giao trong thời đại mới sẽ có ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia trên thế giới không chỉ các nước lớn mà còn các nước vừa và nhỏ, trong đó có nước ta. Với vị trí chiến lược là cửa ngõ khu vực Đông Nam Á của chúng ta tất yếu sẽ trở thành đối tượng để các nước lớn để mắt tới để tranh giành, lôi kéo cả về chính trị kinh tế để mở rộng tầm ảnh hưởng của họ. Nếu như chúng ta nắm bắt đồng thời coi đây là thời cơ để các nước vừa và nhỏ như Việt Nam nắm bắt cơ hội cùng nhau đoàn kết về mọi mặt địa - chính trị với các nước trong khu vực để khẳng định tiếng nói và đưa ra “luật chơi” mới về kinh tế, chính trị, những vấn đề này phải được đặt lên bàn làm việc của chính phủ các nước để cùng thống nhất đưa ra chính sách, tuyên bố chung của khu vực một mặt thể hiện thái độ ngoại giao, mặt khác cũng là đấu tranh trên bàn hội nghị để nâng cao vị thế các nước trên trường quốc tế, nếu chúng ta đoàn kết lại thì các nước lớn sẽ phải nhượng bộ, dần dần sẽ đòi được công bằng bình đẳng hơn ở sân chơi thế giới mới, góp phần tạo ra một sân chơi công bằng hơn cho các nước nhỏ trong cuộc chơi mang tính toàn cầu này.

Việt Nam chúng ta đã và đang tận dụng cơ hội quốc tế để mở rộng, tăng cường phát triển quan hệ với các nước trên thế giới không chỉ các nước vừa và nhỏ mà cả những ông lớn thế giới. Hơn một thế kỷ qua thế giới chứng kiến sự trỗi dậy nhanh chóng của nước láng giềng Trung Quốc, là nguyên nhân khiến cục diện thế giới thay đổi. Chính những chính sách ngoại giao của các nước thay đổi thường xuyên cho phù hợp với tình hình thế giới, không còn kiểu quan hệ gắn kết với nhau theo ý thức hệ, dần dần các nước xây dựng

mối quan hệ dựa trên lợi ích mà từng quốc gia đặt ra cho từng mục tiêu: từ kinh tế, ngoại giao, văn hóa xã hội cho tới những mục đích địa chính trị dựa trên quan hệ và mối quan tâm về lợi ích quốc gia, các quốc gia ngoài xây dựng mục tiêu của mình trong phạm vi khu vực còn vươn ra tầm quốc tế để khẳng định vị trí của mình. Chính điều này đã làm cho cục diện thế giới thay đổi từ hai cực với đối trọng Trung - Mỹ sang đa cực mà các quốc gia nhỏ và vừa có cơ hội khẳng định vị trí của mình, không còn phụ thuộc quá nhiều vào các ông lớn thế giới.

Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á và châu Âu - Thái Bình Dương nên trực tiếp chịu ảnh hưởng mạnh mẽ trước biến động của thời cuộc vì nước ta về mặt địa - chính - trị có một vai trò quan trọng ở cửa ngõ châu Á và vị trí chiến lược đường biển, đường bộ với Trung Quốc, chính vì vậy Mỹ luôn muốn thâm tóm, gây ảnh hưởng với nước ta, mong muốn Việt Nam trở thành điểm dừng của họ tại khu vực này. Đây là cơ hội của chúng ta nếu như ta biết vận dụng đường lối ngoại giao đúng đắn sẽ tạo được chỗ đứng vững chắc trong khu vực và khẳng định vị thế với các ông lớn. Đây cũng là cơ hội để chúng ta góp phần tạo ra mối quan hệ bình đẳng hơn trên mặt trận ngoại giao, thúc đẩy xu thế ngoại giao hòa bình, hợp tác cùng phát triển của khu vực. Bối cảnh mới này thể hiện rõ nét cơ chế, đặc điểm về ngoại giao giữa các nước lớn trên thế giới mà phạm vi ảnh hưởng là toàn cầu.

Như vậy, đây chính là cơ hội để Việt Nam cũng như các nước nhỏ tận dụng sự ủng hộ của các nước lớn, chúng ta đoàn kết với các nước trong khu vực thành một tổ chức có uy tín trên trường quốc tế như ASEAN với điều lệ, cơ chế hoạt động đoàn kết vì lợi ích chung của khu vực thì bản thân chúng ta và các nước trong khu vực sẽ bảo vệ được lợi ích của mình hơn thế sẽ có chỗ đứng vững chắc trên trường quốc tế. Chính vì thế chúng ta cần tận dụng những lợi thế về địa chính trị dần khẳng định với thế giới về các mặt như kinh tế, văn hóa và đặc biệt là quan hệ ngoại giao khi cục diện thế giới đã đang và sẽ có những biến động mạnh mẽ.

2.2. Thách thức

Trong bối cảnh xuất hiện nhiều xu thế mới và thời cơ thuận lợi, cục diện thế giới đang chuyển dịch theo hướng “đa trung tâm”, đồng thời chứng kiến sự can dự ngày càng sâu của các cường quốc vào các khu vực chiến lược. Thực tế này đặt ra không ít thách thức đối với Việt Nam trong việc bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự chủ, đặc biệt là khi đất nước kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong bối cảnh quốc tế đang thay đổi nhanh chóng, các cường quốc sẽ tận dụng “quyền lực mềm” để mở rộng ảnh hưởng, thúc đẩy sự lệ thuộc của các quốc gia khác thông qua các mối quan hệ về kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ, chuyển giao công nghệ hay việc cho thuê đất để hình thành các “đặc khu kinh tế”. Điều này có thể dẫn tới sự phụ thuộc về chính trị vào một trung tâm quyền lực nhất định. Thách thức lớn đối với chúng ta là làm sao tránh rơi vào trạng thái phụ thuộc, đặc biệt là về kinh tế, và cần chủ động xác lập một vị thế độc lập trong quan hệ quốc tế.

Sự phát triển nhanh chóng của sức mạnh quân sự Trung Quốc đã thu hút sự chú ý lớn từ nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ. Hoa Kỳ lo ngại Trung Quốc có thể trở thành đối thủ tiềm tàng, đe dọa vai trò lãnh đạo toàn cầu của mình, từ đó thúc đẩy việc hình thành các liên minh nhằm kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc. Ngược lại, Trung Quốc không ngừng mở rộng ảnh hưởng, tìm cách thu hút các quốc gia khác để củng cố vị thế và làm suy yếu sự bao vây chiến lược từ phía Hoa Kỳ. Trong bối cảnh đó, các quốc gia vừa và nhỏ đối mặt với thách thức lớn trong việc giữ thế cân bằng giữa các siêu cường, tránh nghiêng hẳn về một bên để không rơi vào tình trạng đối đầu, dẫn tới

nguy cơ xung đột vũ trang. Thực tế lịch sử cũng cho thấy, khi lợi ích của các cường quốc xung đột, các nước nhỏ thường trở thành nơi diễn ra các cuộc “chiến tranh ủy nhiệm”, bị lôi kéo vào vòng xoáy tranh chấp của những thế lực lớn.

Mọi hành động tập hợp lực lượng và kiềm chế lẫn nhau giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đều tiềm ẩn nguy cơ làm gia tăng căng thẳng, mâu thuẫn lợi ích, không chỉ giữa hai siêu cường mà còn lan rộng đến các quốc gia khác, kéo theo sự hoài nghi ngày càng lớn. Dù Trung Quốc tuyên bố theo đuổi con đường “phát triển hòa bình”, nhưng quá khứ bành trướng lãnh thổ, các tuyên bố chủ quyền đầy tham vọng và lập trường cứng rắn gần đây - đặc biệt là ở các vùng biển tranh chấp - đã khiến nhiều nước trong khu vực lo ngại, từ đó có thể kích hoạt một cuộc chạy đua vũ trang. Trước thực tế đó, các quốc gia vừa và nhỏ buộc phải đổi mới với yêu cầu cấp thiết là tăng cường đầu tư vào quốc phòng, củng cố năng lực quân sự để bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Ngoài ra, các thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, biến đổi khí hậu, cùng với vấn đề an ninh năng lượng, lương thực và nguồn nước, tiếp tục gây áp lực lớn đối với các quốc gia vừa và nhỏ. Đồng thời, hậu quả từ các chính sách dân túy và xu hướng bảo hộ ngày càng bộc lộ rõ, đặt ra yêu cầu cao về năng lực quản trị, tài chính và nhân lực, đặc biệt trong tiến trình hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh các quốc gia ngày càng gắn bó chặt chẽ về lợi ích, các quan niệm truyền thống về “chủ quyền quốc gia” cũng đang được nhìn nhận lại dưới ánh sáng của những hành vi và mô hình quan hệ quốc tế mới. Những biến động trong tình hình toàn cầu đang tạo ra các tác động sâu rộng đến hòa bình, ổn định và phát triển chung của nhân loại. Không ít vấn đề hiện nay tiềm ẩn nguy cơ gây ra các làn sóng bất ổn mới và phức tạp hơn. Vì vậy, việc chủ động phòng ngừa xung đột và xử lý tận gốc các nguyên nhân gây mất ổn định trở thành yêu cầu cấp thiết đối với tất cả các quốc gia và cộng đồng quốc tế.

Đảng ta kiên định theo đuổi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, lấy hòa bình, hợp tác và phát triển làm nền tảng; thực hiện đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế; tích cực, chủ động tham gia hội nhập toàn diện với thế giới; xây dựng hình ảnh Việt Nam là người bạn đáng tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa hợp tác và đấu tranh, công tác đối ngoại của Việt Nam hướng tới mục tiêu duy trì môi trường hòa bình, ổn định lâu dài, đồng thời khai thác hiệu quả các nguồn lực quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Song song với đó, Việt Nam luôn kiên định trong việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Ngoại giao cũng là kênh quan trọng góp phần nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế, khẳng định vai trò tích cực của Việt Nam trong việc gìn giữ hòa bình, thúc đẩy độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội toàn cầu.

3. Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong tình hình mới

Ngay từ khi giành được hòa bình xây dựng đất nước Đảng và Nhà nước ta đã xác định ngoại giao là một vấn đề vô cùng quan trọng trong tình hình thế giới phức tạp, để giữ vững được nền độc lập, tự chủ thì chúng ta phải có đường lối đối ngoại linh hoạt. Vì vậy, trong giai đoạn mới Đảng và Nhà nước ta đã xác định *Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển*. Đường lối này là kim chỉ nam để chúng ta linh hoạt trong các quyết sách ngoại giao trong thời đại mới.

Để bảo vệ vững chắc nền độc lập và duy trì hòa bình cho đất nước, mục tiêu của hoạt động ngoại giao là không ngừng nâng cao hiệu quả và làm sâu sắc các mối quan hệ với đối tác quốc tế. Trong đó, cần xác định rõ đâu là đối tác chiến lược, đâu là đối tác toàn diện để từ đó xây dựng chính sách đối ngoại phù hợp với từng nhóm đối tượng. Các

mối quan hệ cần đặc biệt chú trọng bao gồm: các quốc gia là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, các nước thành viên trong các nhóm kinh tế - chính trị hàng đầu thế giới, cũng như quan hệ hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng anh em.

Đảng ta xác định chiến lược quan trọng với các nước láng giềng là giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới để giữ được toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền dân tộc. Chúng ta có đường biên giới trên bộ rất dài, khoảng 5000km liên quan tới các nước Lào, Campuchia, Trung Quốc⁹, việc phân giới cắm mốc chúng ta đã làm rất tốt, giải quyết trong hòa bình với cả ba nước trên, và việc cắm mốc này đã hoàn thành đến 84% với Campuchia và phân giới xong với Lào và Trung Quốc. Để có được sự thành công này, chúng ta đã thực hiện tốt chiến lược ngoại giao Đảng và ngoại giao nhân dân.

Bên cạnh đó chúng ta đã làm tốt công tác tranh thủ hội nhập quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, qua những đường lối chủ trương linh hoạt chúng ta đã thể hiện những quan điểm của mình về chính trị là kiên định con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn tư bản. Bằng đường lối ngoại giao linh hoạt chúng ta đã tranh thủ thu hút được nguồn lực đầu tư rất lớn từ nguồn FDI, cũng như thúc đẩy thương mại với các nước thị trường lớn khó tính, du lịch cùng phát triển đến toàn cầu, tận dụng được khoa học và công nghệ giáo dục để phát triển đất nước, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ được tiếp xúc với những nền giáo dục hiện đại, được du học tại các nước tiên tiến trên thế giới nhưng chúng ta vẫn làm tốt quan điểm độc lập, tự chủ đặc biệt là tự chủ về kinh tế.

Trong tình hình mới, đường lối đối ngoại của Đảng vẫn nhất quán với quan điểm cho rằng hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế chủ đạo của thời đại, đồng thời đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế gắn với tiến trình toàn cầu hóa và chủ động tham gia vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bộ Chính trị cũng dự báo rõ ràng hoạt động ngoại giao sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh khu vực và thế giới nhiều biến động. Tuy vậy, công tác đối ngoại của nước ta đã thể hiện sự linh hoạt, chủ động ứng phó và thích nghi hiệu quả, qua đó nhận diện kịp thời những thuận lợi, thách thức cũng như các biến động và vấn đề mới phát sinh.

Việc lường trước được những khó khăn, thách thức từ bên ngoài, lẫn bên trong cho nên Việt Nam đã chứng tỏ mình có uy tín trên trường quốc tế ngay từ việc thực hiện một chính sách ngoại giao nhất quán từ đầu đến cuối tạo niềm tin trên chính trường, trên mặt trận kinh tế, đó là mở đầu cho những thành tựu phát triển đất nước về mọi mặt và từ đó nhận được sự ủng hộ của các nước trên thế giới, kiên trì khẳng định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn. Đường lối đó của Việt Nam là “đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại”¹⁰ trên tinh thần “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”¹¹.

Hiện nay, nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối ngoại là phát huy vai trò tiên phong trong việc xây dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định trên thế giới. Mục tiêu xuyên suốt là tận dụng tối đa các nguồn lực quốc tế để phục vụ cho quá trình phát triển, đổi mới và hiện đại hóa đất nước, từ đó nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Quan điểm chủ đạo về ngoại giao của chúng ta là “Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân”¹².

⁹ <https://baochinhphu.vn/bao-ve-vung-chac-chu-quyen-bien-gioi-lanh-tho-102243327.htm>

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.161.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.162.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.162.

Đây là thế kiềng ba chân trên phương diện ngoại giao để nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ của quốc tế về mọi mặt từ tinh thần, vật chất,... Để thực hiện việc này chúng ta luôn xác định xây dựng một đội ngũ cán bộ ngoại giao có trình độ, năng lực cao, toàn diện đặc biệt để đáp ứng nhu cầu đổi mới của đất nước và diễn biến hòa bình trên thế giới giai đoạn mới.

Nhờ áp dụng đường lối đối ngoại linh hoạt và tiến bộ, hình ảnh và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao, cả về chính sách đối nội lẫn đối ngoại. Hoạt động ngoại giao nhân dân đã được phát huy hiệu quả, giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn về Việt Nam - một đất nước có nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, đa dạng về thành phần dân tộc, với bề dày lịch sử hàng nghìn năm. Đặc biệt, bạn bè quốc tế ghi nhận tinh thần yêu chuộng hòa bình nhưng kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam trong hành trình bảo vệ độc lập dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và thông tin mở rộng, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế của mình qua những thành tựu nổi bật trong công cuộc đổi mới. Đất nước đã trở thành điểm đến tin cậy của các nhà đầu tư quốc tế, là đối tác đáng tin cậy trong nhiều lĩnh vực. Nhờ chính sách cởi mở, lãnh đạo linh hoạt và định hướng chiến lược rõ ràng, Việt Nam đã xây dựng thành công hình ảnh một quốc gia năng động, có trách nhiệm và được bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Một chiến lược ngoại giao quan trọng khác là đường lối về giữ môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước, bên cạnh đó chúng ta biết vận dụng linh hoạt cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đổi mới và phát triển ổn định nền kinh tế xã hội, đảm bảo mục tiêu về nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Bên cạnh đó là đảm bảo các chính sách đối ngoại về an ninh quốc phòng giữ vững chủ quyền quốc gia, linh hoạt, mềm mỏng mà kiên định giữ từng tấc đất quê hương.

Đất nước ta đang bước vào một giai đoạn phát triển mới với tầm vóc ngày càng lớn mạnh, dựa trên những thành quả to lớn đạt được sau hơn 30 năm đổi mới và vị thế ngày càng được khẳng định trên trường quốc tế. Đây không chỉ là cơ hội quan trọng mà còn là thách thức lớn đối với công tác đối ngoại của Đảng. Những chính sách đối ngoại trong thời kỳ mới tiếp tục kiên định con đường cách mạng của dân tộc, đặt mục tiêu cao nhất là giữ gìn nền hòa bình, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia. Với việc thực thi một đường lối ngoại giao đúng đắn, chủ động và linh hoạt, chắc chắn trong thời gian tới, nước ta sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành tựu nổi bật trong hoạt động đối ngoại, duy trì môi trường hòa bình ổn định, huy động hiệu quả các nguồn lực quốc tế để sớm đưa Việt Nam trở thành quốc gia công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ đó, đóng góp tích cực vào việc hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của đất nước: xây dựng một xã hội giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, và từng bước vững chắc tiến lên con đường chủ nghĩa xã hội.

THỰC HIỆN QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TS. Võ Thị Thu Ngọc*

MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh rằng, để phát triển đất nước một cách bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa, quốc phòng và an ninh phải luôn được bảo đảm vững chắc¹. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công cuộc bảo vệ Tổ quốc luôn là nhiệm vụ quan trọng, nhằm giữ vững chủ quyền, ổn định chính trị và sự phát triển bền vững của đất nước.

Sau gần bốn thập kỷ thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trên các mặt kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh. Sự chỉ đạo kiên quyết và linh hoạt của Đảng, Nhà nước đã giúp củng cố tiềm lực quốc gia, từ phòng chống dịch bệnh đến thiên tai, khẳng định bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Cùng với đó, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, các thế lực thù địch luôn tìm cách đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, tăng cường sử dụng các biện pháp “tấn công mềm”, tập trung làm chuyển biến về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kích động, chia rẽ, đòi “phi chính trị hóa Quân đội”; hạ thấp, phủ nhận vai trò, uy tín lãnh đạo của Đảng nhằm xóa bỏ mục tiêu con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn quan điểm của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần hiện thực hoá quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

NỘI DUNG

1. Một số vấn đề lý luận về bảo vệ Tổ quốc

1.1. Một số khái niệm cơ bản

Tổ quốc được hiểu là sự kết hợp toàn diện giữa yếu tố địa lý, lịch sử, chính trị, văn hóa và xã hội của một quốc gia - dân tộc².

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ toàn diện, bao gồm cả các yếu tố lịch sử, chính trị, tự nhiên và xã hội. Mục tiêu là chống lại các nguy cơ gây bất ổn, đồng thời giữ gìn những thành quả cách mạng và ngăn chặn các âm mưu phá hoại từ các thế lực thù địch. là bảo vệ toàn diện cả mặt lịch sử - tự nhiên cùng mặt chính trị - xã hội của Tổ quốc, chống lại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch³.

Bảo vệ Tổ quốc, theo tinh thần Đại hội XIII, là một nhiệm vụ toàn diện, không chỉ nhằm giữ gìn chủ quyền lãnh thổ mà còn là bảo vệ thể chế, nền văn hóa dân tộc, an ninh chính trị và trật tự xã hội, góp phần vào sự phát triển ổn định và lâu dài của đất nước⁴.

Theo quan điểm của Đảng tại Đại hội XIII, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm thường xuyên, mang ý nghĩa chiến lược và cần được triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị. Mục tiêu của nhiệm vụ này là giữ vững độc lập dân tộc, ổn định chính trị và tạo điều kiện thuận lợi để đất nước phát triển bền vững⁵, bao gồm:

* Khoa Kinh tế chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10.

² Bộ Quốc phòng: *Giáo trình đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2022.

³ Bộ Quốc phòng: *Sđd*, 2022.

⁴ Bộ Quốc phòng: *Sđd*, 2022.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, gồm 2 tập, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; Giữ gìn các giá trị văn hóa dân tộc, lợi ích quốc gia; Bảo đảm môi trường ổn định, hòa bình và an ninh toàn diện cho con người; và Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn và phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một định hướng chiến lược quan trọng. Đảng ta luôn xác định rõ nhiệm vụ bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, hệ thống chính trị và chế độ xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với an ninh - quốc phòng, đồng thời giữ vững bản sắc dân tộc, bảo vệ môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng một quốc gia bền vững.

1.2. Cơ sở khoa học xây dựng quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ Tổ quốc

Học thuyết Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc.

Trong quan điểm của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu tất yếu. Chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh vai trò tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong việc bảo vệ đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Như vậy, một nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động sau khi giành được chính quyền nhà nước là cùng với sự nghiệp xây dựng đất nước phải bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch cả bên trong và bên ngoài.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng linh hoạt những quan điểm cốt lõi về quốc phòng, an ninh. Trên cơ sở đó, Đảng ta đã không ngừng phát triển và hoàn thiện nhận thức lý luận về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc để phù hợp với từng giai đoạn cách mạng và yêu cầu thực tiễn của đất nước. Điều đó thể hiện ở chỗ, Đảng ta luôn sáng tạo lý luận Mác - Lênin, đề cao bản chất hòa bình, tự vệ của nền quốc phòng toàn dân, toàn diện. Đồng thời, chú trọng phát triển tiềm lực quốc phòng, hiện đại hóa quân đội và phát huy vai trò của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong xây dựng lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu mới. Bên cạnh việc kế thừa quan điểm quốc phòng của Mác - Lênin, Đảng ta còn linh hoạt gắn kết với tư tưởng của Hồ Chí Minh về yêu cầu khách quan trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và hiện đại, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao trong việc giữ gìn hòa bình, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo tinh thần cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định rằng bảo vệ Tổ quốc phải gắn với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Người chỉ rõ vai trò toàn dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Người khẳng định: “Tổ tiên đã dựng nên giang sơn, thế hệ hôm nay có trách nhiệm giữ gìn và phát huy”, thể hiện quan điểm rõ ràng về sự gắn bó giữa bảo vệ độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng. Bên cạnh đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề xuất nhiều biện pháp nhằm củng cố bộ máy chính quyền nhân dân, tổ chức tổng tuyển cử, xây dựng nền pháp luật mới và phát động toàn dân kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện quyết tâm giữ gìn chủ quyền và tự do dân tộc.

Ngày 19/12/1946, trong lời hiệu triệu toàn dân kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh tinh thần bất khuất: “Chúng ta chấp nhận hy sinh tất cả để giữ lấy độc lập, quyết không cúi đầu làm nô lệ”. Đây là tuyên ngôn khẳng định ý chí kiên cường của dân tộc ta.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã thành công trong điều kiện nước ta phải đối mặt với vô vàn thử thách cả bên trong lẫn bên ngoài. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn đường lối vừa đấu tranh vừa kiến thiết, phù hợp với hoàn cảnh đặc biệt của đất nước.

Quan điểm xuyên suốt của Hồ Chí Minh trong kháng chiến là phải tiến hành toàn dân, toàn diện và lâu dài, phù hợp với đặc điểm Việt Nam. Điều đó tạo thế và lực cần thiết để chuyển hóa tình thế có lợi cho kháng chiến.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh chân lý thiêng liêng: “Độc lập và tự do là giá trị tối thượng, không thể bị đánh đổi”. Người kêu gọi toàn dân kiên quyết chiến đấu bảo vệ đất nước cho đến thắng lợi cuối cùng. Người cũng đặc biệt quan tâm đến việc phát triển lực lượng vũ trang nhân dân, từ bộ đội chủ lực đến dân quân tự vệ, nhằm tăng cường thế trận chiến tranh nhân dân trong mọi tình huống. Đặc biệt tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện rõ nguyên lý “lấy dân làm gốc”, nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong sự nghiệp quốc phòng toàn dân và xây dựng đất nước vững mạnh. Đồng thời Người còn nhấn mạnh vai trò của công tác ngoại giao, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế để tăng cường sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Việc kế thừa học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giúp hình thành hệ thống tư tưởng chiến lược về bảo vệ Tổ quốc, coi trọng kết hợp giữa phát triển và phòng thủ, nội lực và hợp tác quốc tế.

Kinh nghiệm dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Kinh nghiệm lịch sử của dân tộc ta cho thấy truyền thống yêu nước và tinh thần bất khuất là nền tảng vững chắc trong sự nghiệp dựng nước và bảo vệ đất nước.

Thứ nhất, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn toàn vẹn biên cương và bản sắc văn hóa truyền thống.

Thứ hai, chủ động phòng ngừa từ sớm trước mọi nguy cơ.

Thứ ba, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh và ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt.

Thứ tư, phát huy tinh thần "toàn dân kháng chiến", tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang nông cốt, tạo sức mạnh toàn dân.

Thứ năm, duy trì quan hệ hòa hiếu, thúc đẩy hợp tác để phòng ngừa chiến tranh và giữ ổn định lâu dài cho sự phát triển đất nước.

Từ kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng kinh nghiệm lịch sử dân tộc, Đảng ta đã nhận thức rõ vai trò cốt lõi của quốc phòng - an ninh trong giai đoạn mới. Việc tăng cường củng cố sức mạnh nội lực, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ngày càng được Đảng ta đặt lên hàng đầu.

2. Quan điểm và định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

2.1. Tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ từ năm 1986 đến Đại hội XIII

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc luôn được Đảng ta đặc biệt coi trọng trong các kỳ Đại hội. Những nội dung về quốc phòng, an ninh được nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện ngày càng đầy đủ và toàn diện qua từng nhiệm kỳ.

Ngay từ Đại hội lần thứ VI (15 - 18/12/1986, đánh dấu công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo), Đảng đã xác định rõ rằng: “Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy tối đa nội lực quốc gia để chiến thắng mọi mưu đồ phá hoại, đồng thời chủ động xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁶. Muốn đổi mới thành công thì trước hết phải bảo vệ vững chắc quốc gia. Sự kết hợp sức mạnh toàn dân, toàn quân là yếu tố then chốt trong chiến lược ngăn chặn, phòng ngừa mọi tình huống gây bất ổn từ bên ngoài và bên trong.

⁶ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng Thời kỳ đổi mới, Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019.

Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (24 - 27/6/1991) chỉ rõ: bảo vệ vững chắc nền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ sống còn. Điều đó đòi hỏi phải ngăn chặn kịp thời các âm mưu gây rối an ninh chính trị, phá hoại sự ổn định xã hội, đồng thời giữ vững niềm tin của nhân dân vào con đường cách mạng.

Đại hội lần thứ VIII (28/6 - 01/7/1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ bảo vệ đất nước là điều không thể xem nhẹ. Cần phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc, đồng thời củng cố chất lượng lực lượng vũ trang và nâng cao năng lực phòng, chống mọi mối đe dọa an ninh mới nổi. Phải ngăn chặn từ sớm các thế lực thù địch, triệt tiêu từ gốc các nguy cơ gây mất ổn định đất nước⁷.

Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 19 - 22/4/2001): “Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc”⁸. Việc bảo vệ Tổ quốc không thể tách rời nhiệm vụ giữ gìn nền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Phải kiên quyết bảo vệ an ninh quốc gia trên mọi mặt và giữ vững ổn định xã hội.

Tại Đại hội X (ngày 18 - 25/4/2006) và XI (19/1/2011), Đảng ta tiếp tục khẳng định nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ nền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Việc giữ gìn an ninh quốc gia gắn liền với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng xã hội ổn định, vững mạnh, kiên quyết ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại từ bên ngoài.

Đại hội XII - Tư duy mới và trọng tâm hiện đại hóa: Kế thừa tư duy chiến lược từ các kỳ đại hội trước và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, Đại hội XII của Đảng đã khẳng định quyết tâm giữ vững độc lập, tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại hóa. Đồng thời, khuyến khích kết hợp giữa nội lực dân tộc với sức mạnh của thời đại và mở rộng hợp tác quốc tế để tăng cường thế trận toàn dân, đảm bảo an ninh quốc gia. Có thể thấy, kiên quyết, kiên trì đấu tranh là phương châm chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ta đối với tất cả các vấn đề có liên quan đến độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Bên cạnh đó, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc chính là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, là sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, nhất là Báo cáo chính trị đã nêu những nhận thức mới, tư duy mới về an ninh quốc gia so với Đại hội XII, đó là: Lần đầu tiên xác định “an ninh con người”, bảo vệ “an ninh con người” nhằm cụ thể hóa các tư tưởng lập hiến đã nêu trong Hiến pháp 2013 và trở thành các mục tiêu, định hướng phát triển đất nước từ năm 2021 đến 2025, 2030 (100 năm thành lập Đảng) và tầm nhìn đến năm 2045 (100 năm thành lập nước)⁹. Như vậy, Đại hội XIII của Đảng đặt nhân tố con người, an ninh con người làm trung tâm của mọi hoạt động, bảo vệ an ninh con người vừa là mục tiêu phấn đấu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định chính trị xã hội và xây dựng, phát triển đất nước trường tồn, thịnh vượng. Đại hội XIII xác định: “Chú trọng an ninh, an toàn là một

⁷ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2019.

⁸ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2019.

⁹ Hội đồng lý luận Trung ương: *Những điểm mới trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 2021.

trong những yếu tố hàng đầu trong cuộc sống của người dân”¹⁰ do vậy bảo vệ an ninh quốc gia cũng chính là bảo vệ cuộc sống của người dân.

Như vậy, xuất phát từ tình hình thế giới, khu vực, trong nước ở từng giai đoạn cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa kinh nghiệm của dân tộc, vận dụng sáng tạo Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để đề ra quan điểm bảo vệ Tổ quốc qua các kỳ đại hội. Những quan điểm đó đã thể hiện ý chí, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc trên mọi phương diện của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và được kế thừa, phát triển trong Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng.

2.2. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới

Mục tiêu tổng quát.

Mục tiêu tổng thể của sự nghiệp bảo vệ đất nước trong thời kỳ hiện nay là giữ vững nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, cần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo ổn định xã hội và xây dựng môi trường hòa bình, an ninh bền vững để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việt Nam luôn coi trọng độc lập, hòa bình, phát triển; luôn xác định việc giữ gìn độc lập, chủ quyền, ổn định chính trị và hòa bình là điều kiện then chốt để phát triển đất nước. Đường lối phát triển luôn đi đôi với đảm bảo quốc phòng và an ninh, xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dựa trên lợi ích quốc gia là tối thượng.

Mục tiêu cụ thể.

Thứ nhất, về chính trị: Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thể hiện rõ sự kiên trì và quyết tâm trong việc thực hiện các định hướng, quan điểm, tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc. Đây chính là kim chỉ nam để toàn hệ thống chính trị nhất quán trong triển khai các giải pháp quốc phòng phù hợp tình hình mới.

Việc xác lập định hướng này có ý nghĩa then chốt, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của chiến lược bảo vệ đất nước. Trong quá trình triển khai cương lĩnh, Đảng ta đã vận dụng tư duy chiến lược, đánh giá đúng tình hình quốc tế và khu vực, từ đó hoạch định con đường xây dựng quốc phòng phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước.

Bằng cách tận dụng nội lực và tranh thủ sức mạnh từ bên ngoài, Đảng đã đề ra chủ trương toàn diện nhằm làm thất bại mọi hành động phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững môi trường ổn định để phát triển. Những nhiệm vụ nào hoàn thành đều xuất phát từ sự đoàn kết và tự lực; còn những nội dung chưa thực hiện đầy đủ cần được phân tích kỹ nguyên nhân và tiếp tục kiên trì triển khai theo định hướng của Đảng.

Xác định đúng phương châm là yếu tố căn bản để cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp và phương thức bảo vệ quốc gia trước mọi mối đe dọa. Cần đặc biệt chú trọng bảo vệ lợi ích cốt lõi của đất nước như chủ quyền, an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Một số nhiệm vụ quan trọng bao gồm: nhận diện chính xác các nguy cơ an ninh, đánh giá đúng thực tiễn, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hiệu quả mọi tình huống. Không để rơi vào thế bị động, bất ngờ. Ưu tiên hàng đầu là ngăn chặn sớm các nguy cơ dẫn đến xung đột, đảm bảo hòa bình và chủ động kiểm soát an ninh quốc gia.

Thứ hai, về kinh tế - xã hội: Cùng với bảo đảm ổn định chính trị, cần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Kinh tế phải đóng vai trò then chốt, là nền tảng để duy trì tiềm lực quốc phòng. Văn hóa là tinh thần của dân tộc, góp phần củng cố sức mạnh bảo vệ đất nước.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, gồm 2 tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

Các mục tiêu phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo, và hài hòa lợi ích quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội cần được thực hiện đồng bộ. Đồng thời, lực lượng công an, quân đội cần được hiện đại hóa theo hướng chính quy, linh hoạt trong tác chiến để kịp thời ứng phó với các dạng chiến tranh hiện đại.

Chiến tranh nhân dân và quân sự hiện đại. Trong bối cảnh hiện đại, chiến tranh nhân dân vẫn là hình thức hiệu quả để ứng phó với các cuộc chiến tranh sử dụng công nghệ cao và vũ khí hiện đại. Tuy nhiên, điều then chốt vẫn là con người - yếu tố quyết định. Do đó, cần đẩy mạnh công tác đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ, xây dựng lực lượng vũ trang có bản lĩnh chính trị vững vàng, am hiểu khoa học kỹ thuật, có năng lực tác chiến cao. Đồng thời, tập trung phát triển tiềm lực quốc phòng từ chất xám, hiện đại hóa trang bị và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, khoa học quân sự trong phòng thủ quốc gia.

Thứ ba, về tư tưởng, văn hóa: Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về quan điểm, đường lối bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, cần làm rõ bản chất các mưu đồ, âm mưu xuyên tạc, từ đó chủ động đấu tranh tư tưởng.

Tăng cường giáo dục quốc phòng cho cán bộ và toàn dân, chọn lọc nội dung và phương pháp phù hợp với từng đối tượng, vùng miền. Giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc, kết hợp chặt chẽ giữa giá trị văn hóa và nhiệm vụ bảo vệ an ninh tư tưởng, không để các thế lực thù địch lợi dụng chia rẽ nội bộ nhân dân.

Bảo vệ và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch và hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để chống phá, lôi kéo người dân tham gia.

Thứ tư, về đối ngoại: Xác định rõ đối tác và đối tượng, đồng minh là yếu tố then chốt để điều hành chính sách quốc phòng linh hoạt. Trước hết, phải dựa vào luật pháp và lợi ích quốc gia để phân biệt rạch ròi bạn thù.

Bên cạnh đó, cũng cần nhận diện đúng bản chất hành vi của các thế lực, kể cả bên trong và bên ngoài, từ đó đưa ra biện pháp xử lý linh hoạt, hiệu quả. Trong thời đại cạnh tranh chiến lược gay gắt, Việt Nam chủ trương kiên định chính sách “ba không”, đẩy mạnh hợp tác quốc phòng - an ninh toàn diện, mở rộng bạn bè quốc tế và thiết lập liên minh phòng thủ mềm vững chắc.

Thứ năm, về quốc phòng, an ninh: Đảm bảo vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; đồng thời củng cố an ninh quốc gia trên các phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa, môi trường, dân cư,... là nhiệm vụ trung tâm.

Việc nâng cao sức mạnh quốc phòng và chủ động phòng ngừa các nguy cơ là yếu tố quyết định để giữ gìn ổn định, hòa bình và tạo điều kiện cho phát triển đất nước lâu dài.

Tăng cường bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và mọi mặt của Đảng, thường xuyên trực tiếp là của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước; sự tham gia của toàn dân, trong đó lực lượng vũ trang đóng vai trò then chốt.

Để bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao và tư tưởng, hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và của cả hệ thống chính trị trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Xây dựng Quân chủng Hải quân, Phòng không không quân, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có trang bị vũ khí phương tiện tiên tiến, hiện đại; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, công tác của lực lượng vũ trang đủ sức bảo vệ vững chắc vùng trời, vùng biển đảo của Tổ quốc. Xây dựng thế trận quốc

phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân trên biển; thành lập lực lượng dân quân trên biển; củng cố xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trên các đảo và trên đất liền.

2.3. Giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia trong thời kỳ mới

Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, đồng thời đối diện với nguy cơ bị tác động bởi cạnh tranh địa chính trị, chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin, can thiệp nội bộ. Chủ quyền biển đảo tiếp tục là vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế.

Sự chuyển dịch công nghệ, trí tuệ nhân tạo, kinh tế số mở ra cơ hội lớn nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro an ninh mạng, lệ thuộc công nghệ. Các thế lực thù địch tăng cường phá hoại tư tưởng, lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” để xuyên tạc, kích động, chia rẽ nội bộ.

Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới là một nhiệm vụ mang tính toàn diện, lâu dài và phức tạp, đòi hỏi sự chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Sau đây là một số giải pháp thực tiễn nhằm cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hùng cường, thịnh vượng.

Một là, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng minh rằng sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc là nền tảng cốt lõi để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân. Đây là cội nguồn sức mạnh bền vững, thể hiện bản lĩnh tự lực, tự cường của cả hệ thống chính trị và nhân dân.

Chủ trương tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược xuyên suốt, tiếp tục được Đảng ta khẳng định tại Đại hội XIII. Việc phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường và khát vọng phát triển sẽ là nền tảng để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia một cách bền vững.

Hai là, tạo dựng “lá chắn mềm” từ văn hóa và tư tưởng.

Chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” bằng cách xây dựng văn hóa quốc phòng, khơi dậy tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc.

Cần đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cách mạng, nhất là với thế hệ trẻ. Đây là giải pháp căn cơ nhằm hình thành lớp người có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng và tinh thần phụng sự Tổ quốc.

Chủ động kiểm soát thông tin, phát triển báo chí cách mạng, mạng xã hội tích cực và các nền tảng truyền thông yêu nước.

Ba là, xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh hiện đại phù hợp với kinh tế tri thức.

Phát triển lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại - trong đó ưu tiên ứng dụng AI, công nghệ số, tác chiến không gian mạng.

Đầu tư công nghiệp quốc phòng thông minh, song hành cùng công nghiệp dân sinh.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng ở các khu vực trọng yếu: biên đảo, không gian mạng, vũ trụ.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ quốc phòng - kinh tế trong mô hình phát triển mới.

Ưu tiên phát triển kinh tế số, công nghiệp công nghệ cao, hạ tầng chiến lược gắn với quốc phòng.

Tổ chức quy hoạch các khu kinh tế - quốc phòng tại vùng biên giới, hải đảo.

Tăng cường liên kết “quân - dân - doanh nghiệp” trong các chương trình chiến lược quốc gia như chuyển đổi số, an ninh lương thực, năng lượng, môi trường.

Năm là, phát triển ngoại giao quốc phòng - bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Chủ động hội nhập quốc tế, duy trì quan hệ tốt với các nước láng giềng, bạn bè truyền thống và các đối tác chiến lược.

Tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực (ARF, ADMM+,...) và lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

Đẩy mạnh đối thoại quốc phòng - an ninh cấp cao để giải quyết tranh chấp, ngăn ngừa xung đột.

Sáu là, củng cố Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng trong lực lượng vũ trang.

Phòng, chống tham nhũng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” - coi đây là một phần của bảo vệ nội bộ, bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm các biểu hiện suy thoái trong tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Bảy là, nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức phi truyền thống.

Đầu tư cho an ninh mạng, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn.

Xây dựng lực lượng phòng chống khủng hoảng y tế, thiên tai, biến đổi khí hậu.

Phát triển đội ngũ chuyên gia chiến lược về an ninh phi truyền thống, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và không gian mạng.

Tám là, các bộ, ngành, địa phương tích cực, chủ động cụ thể hóa quan điểm của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Các cấp ủy, chính quyền và tổ chức đảng cần nhận thức rõ nguyên tắc lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Việc lãnh đạo, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả cần được tổ chức đồng bộ và thống nhất. Các nghị quyết, chiến lược và phương châm hành động phải thấm sâu vào từng cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân.

Chín là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước theo phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, “thêm bạn, bớt thù”, “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước”,...nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, đưa quan hệ hợp tác vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả trên cơ sở vừa hợp tác vừa đấu tranh nhằm củng cố môi trường quốc tế ổn định, hòa bình phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với việc giữ vững ổn định chính trị bên trong, cần quan tâm và tiến hành mọi hoạt động cần thiết để tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tăng cường sự tin cậy, với các nước đối tác và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

KẾT LUẬN

Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới là một nội dung trọng yếu của chiến lược an ninh quốc gia, nhằm cụ thể hóa đường lối tăng cường quốc phòng - an ninh của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần của Nghị quyết các Đại hội IX, X, XI, XII, XIII của Đảng.

Bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không chỉ là nhiệm vụ quân sự - quốc phòng mà còn là một chiến lược tổng hợp, đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ và ngoại giao. Những giải pháp thực tiễn nêu trên chính là sự cụ thể hóa đường lối đúng đắn của Đảng, nhằm xây dựng một nước Việt Nam ngày càng vững mạnh, giữ vững độc lập, tự chủ và toàn vẹn lãnh thổ trong thế giới đầy biến động.

TINH GỌN BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ HƯỚNG TỚI KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*ThS. Đào Thị Vinh**

MỞ ĐẦU

Kỷ nguyên vườn mình là kỷ nguyên kinh tế phát triển, hướng tới xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Bước vào kỷ nguyên mới, Đảng chủ trương tinh gọn bộ máy nhà nước tạo tiền đề để phát triển kinh tế. Hiện nay, số lượng các đơn vị hành chính của nhà nước đang được tinh gọn và có những khâu đã được hoàn thành. Cùng với bộ máy được tinh gọn sẽ là nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong bộ máy nhà nước để phục vụ nhân dân được tốt hơn. Kết quả của tinh gọn bộ máy sẽ tác động rất lớn đến kỷ nguyên vườn mình của dân tộc. Vì vậy, tác giả đã chọn tinh gọn bộ máy hướng tới kỷ nguyên vườn mình của dân tộc làm chủ đề cho bài báo này.

NỘI DUNG

1. Nội dung tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị

Chủ trương tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị đã được thể hiện tập trung trong Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Trong bối cảnh hiện nay, để đưa dân tộc tiến vào kỷ nguyên vườn mình, công tác tinh gọn bộ máy tiếp tục có những thay đổi lớn và đột phá. Tính tất yếu của việc đẩy mạnh sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay xuất phát từ những nguyên nhân chính sau:

Trước hết, bối cảnh thế giới những năm 20 của thế kỷ XXI có những thay đổi lớn, nhiều xu hướng nổi lên như: xu hướng phát triển hoà bình, hợp tác và cùng nhau phát triển; xu hướng cạnh tranh giữa các nước lớn và thậm chí đã có các cuộc chiến tranh diễn ra điều này dẫn đến cục diện địa chính trị và cục diện địa kinh tế có những thay đổi nhanh, khó lường, khó đoán định. Trước những xu hướng đó, Việt Nam muốn cạnh tranh, hợp tác và khẳng định được vị thế cần phải đổi mới hoạt động bộ máy nhà nước hướng tới hiệu quả hơn.

Tiếp theo, hiện nay nền kinh tế Việt Nam đang tham gia sâu rộng và nền kinh tế thế giới, trước những thay đổi nhanh và bất ngờ của kinh tế thế giới cần bộ máy linh hoạt, hiệu quả, đưa ra những quyết sách phù hợp để ứng phó với những biến động mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới. Ngoài ra, hiện nay vị thế của Việt Nam trên đấu trường thế giới đã có những sự thay đổi so với trước: Việt Nam là một quốc gia đang phát triển và còn nhiều dư địa cho phát triển. Chính vì vậy muốn giữ vững vị thế chúng ta cần có những cải cách về mặt thể chế.

Trong tình hình hiện nay, chủ trương tinh gọn bộ máy là tất yếu vì sau một quá trình thực hiện tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW thì tổ chức bộ máy nhà nước hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế như: bộ máy nặng nề, nhiều cấp, nhiều tầng, nhiệm vụ chồng chéo lên nhau dẫn tới những chính sách thực hiện mất nhiều thời gian, chi ngân sách cho bộ máy chiếm tỷ lệ lớn trong ngân sách nhà nước và nhìn chung bộ máy vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu của nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh như hiện nay và theo Bí thư Tô Lâm nhận định “Bộ máy công kênh gây lãng phí và kìm hãm sự phát triển, là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều chủ trương, chính sách của Đảng chậm đi vào thực tiễn cuộc sống hoặc một số chủ trương không được

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

triển khai hoặc triển khai hình thức trên thực tế”¹. Với một bộ máy còn nhiều hạn chế như vậy tất yếu phải có sự thay đổi.

Cuối cùng, nếu giữ nguyên bộ máy như hiện nay thì rất khó đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình. Bởi vì kỷ nguyên mới đòi hỏi những thay đổi đột phá, đó là những đột phá trong phát triển kinh tế, mà hiện nay một trong những vướng mắc trong đột phá kinh tế chính là thể chế kinh tế còn chưa phù hợp với nền kinh tế thị trường, chính vì vậy tất yếu phải tinh gọn bộ máy để tạo dư địa cho phát triển kinh tế, đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới.

Với những nguyên nhân trên tinh gọn bộ máy là điều tất yếu khách quan. Quan điểm và tiến trình tinh gọn bộ máy được thực hiện như sau:

Tại buổi tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW Ban chấp hành trung ương Đảng đã đưa ra những nhận định, sau hơn 7 năm thực hiện nghị quyết thì còn nhiều nhiệm vụ chưa hoàn thành chính vì vậy phải tiếp tục tinh gọn bộ máy. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định “Tập trung tinh gọn bộ máy, tổ chức các cơ quan của Đảng, thực sự là hạt nhân trí tuệ, là “Bộ tổng tham mưu”, là đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước”².

Thực hiện chủ trương tiếp tục tinh gọn bộ máy hướng tới một bộ máy nhà nước mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả. Hiện nay, trong bộ máy nhà nước đã xóa bỏ cấp huyện, kết thúc hoạt động cấp huyện từ ngày 01/07/2025, chủ trương bỏ cấp huyện đi đúng chủ trương của Đảng là tinh giản để giảm tầng nấc trung gian, tăng ngân sách cho nhà nước, bớt chi phí cho bộ máy của quận, huyện. Đặc biệt trong xã hội phát triển nhanh và với tốc độ nhanh vượt bậc việc có quá nhiều tầng trung gian sẽ kéo dài thời gian xử lý các thủ tục hành chính. *Nghị quyết hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XIII* kết luận: “Đồng ý tổ chức bộ máy chính quyền 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố)”³. Sau khi xóa bỏ cấp Huyện tiến tới sáp nhập tỉnh thì hiện nay số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau khi sáp nhập là 34 tỉnh, thành phố (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc Trung ương). Sau khi việc sáp nhập tỉnh được hoàn thành tiến tới sáp nhập xã. Theo chủ trương của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XIII “đồng ý sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã giảm 69 - 70 % so với hiện nay”⁴. Cùng với việc sáp nhập tỉnh và xã là sáp nhập các tổ chức như Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội.

Bộ máy nhà nước gọn nhẹ là một tín hiệu đáng mừng, nhưng bên cạnh bộ máy gọn thì còn phải “tinh” chính vì vậy trong bài viết “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: “Gắn tinh gọn tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh. Ban hành quy định về khung tiêu chuẩn, tiêu chí bố trí cán bộ ở từng cấp, từ Trung ương tới cơ sở, từng loại hình đề cử động rà soát, xác định có thể bố trí ngay. Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển,

¹ Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo Điện tử Chính phủ* (05/01/2024). Truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-tinh-gon-manh-hieu-nang-hieu-luc-hieu-qua-102241105172459096.htm>

² “Tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan của Đảng để thực sự là hạt nhân trí tuệ, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước” (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo nhân dân điện tử* (29/11/2024). <https://special.nhandan.vn/tinh-gon-to-chuc-bo-may-cac-co-quan-dang/index.html>

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-60-nqtw-ngay-1242025-hoi-ngphi-lan-thu-11-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-11495>

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Tlđđ*.

điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được, không có vùng cấm, không có ngoại lệ trong đánh giá cán bộ”⁵.

Hiện nay, tinh gọn bộ máy đã thấy phần nào kết quả như: số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh đã giảm xuống từ 63 tỉnh thành trên cả nước thì hiện nay còn 34 tỉnh thành, cấp Huyện đã không còn, bộ máy nhà nước chỉ còn hai cấp. Nhìn chung bộ máy đã rất gọn nhẹ so với trước đây.

Trong các quan điểm và quy trình thực hiện tinh gọn bộ máy đã và đang được thực hiện, một số khâu trong tinh gọn bộ máy đã nhìn thấy được kết quả. Với lần tinh gọn lần này những chủ trương của Đảng đã hướng tới tinh gọn bộ máy nhanh - mạnh - hiệu quả.

2. Tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Sau nhiều năm sống trong kỷ nguyên độc lập và kỷ nguyên đổi mới, trong những năm gần đây Đảng bắt đầu định hướng cho toàn dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình. Nếu như kỷ nguyên độc lập (1945) là kỷ nguyên giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, kỷ nguyên này được bắt đầu bằng Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 02/09/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Kỷ nguyên độc lập đánh dấu bước nhảy vọt của đất nước ta. Lần đầu tiên trong lịch sử, một Nhà nước công nông ra đời ở Việt Nam. Sau kỷ nguyên độc lập, dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên đổi mới (1986), kỷ nguyên này được đánh dấu bằng Đại hội VI của Đảng, từ đây mở ra một kỷ nguyên mới với sự đổi mới trong tư duy kinh tế. Đó là việc xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kỷ nguyên này đã mở ra cho dân tộc Việt Nam những sự chuyển đổi về kinh tế, đời sống người dân đã được nâng lên. Sau 40 năm sống trong kỷ nguyên đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn “quy mô nền kinh tế năm 2023 tăng gấp 96 lần so với năm 1986. Việt Nam trong nhóm 40 nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới và 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài; có quan hệ ngoại giao với 193 nước là thành viên Liên hợp quốc; xây dựng các mối quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc trên thế giới và khu vực. Đời sống người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; hoàn thành về đích sớm các mục tiêu Thiên niên kỷ. Tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh không ngừng nâng cao; tham gia đóng góp tích cực duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới”⁶. Với những thành tựu đã đạt được trong kỷ nguyên đổi mới, giờ là lúc dân tộc Việt Nam đủ thế và lực để bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là kỷ nguyên phát triển bứt phá, tăng tốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc; đuổi kịp, tiến cùng, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Mục tiêu chiến lược của kỷ nguyên vươn mình là hoàn thành mục tiêu chiến lược đến

⁵ “Tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan của Đảng để thực sự là hạt nhân trí tuệ, đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước” (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo nhân dân điện tử* (29/11/2024). <https://special.nhandan.vn/tinh-gon-to-chuc-bo-may-cac-co-quan-dang/index.html>

⁶ Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (01/01/2024), Truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie

năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; mọi người dân đều được phát triển toàn diện, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, văn minh. “Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới là Đại hội XIV của Đảng, từ đây, mọi người dân Việt Nam, trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết nhất trí, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh”⁷.

Để đạt được các mục tiêu trong kỷ nguyên vươn mình Đảng chú trọng định hướng chiến lược: Thay đổi phương thức lãnh đạo của Đảng, tinh gọn bộ máy. Hiện nay, tinh gọn bộ máy đang được thực hiện và bước đầu đã thấy rõ một số kết quả. Kết quả của tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị sẽ tác động trực tiếp đến kỷ nguyên vươn mình:

Thứ nhất, tinh gọn bộ máy giải pháp đột phá tạo ra sự thay đổi lớn trong kỷ nguyên vươn mình.

Tinh gọn bộ máy được xem là giải pháp tính đột phá và quan trọng hiện nay vì đợt tinh gọn này theo Bí thư Tô Lâm nhận định “*đại phẫu*” để cơ thể khỏe mạnh. Chưa bao giờ trong lịch sử quy mô tinh gọn bộ máy lại lớn như vậy. Nếu như trước đây trên cả nước có 63 tỉnh thành phố thì hiện nay chỉ còn 34 tỉnh thành phố, không có cấp huyện, cấp xã sẽ sáp nhập lại và giảm 60 - 70% so với trước. Như vậy có thể thấy quy mô tinh gọn là rất lớn và chưa từng có.

Tinh gọn bộ máy cũng là bước đi lớn nhất trong cải cách thể chế lâu nay vẫn được xem là một trong những giải pháp đột phá để phát triển kinh tế nhưng chỉ tới thời điểm hiện tại việc tinh gọn bộ máy mới thực sự được tiến hành sâu rộng như vậy, nó sẽ mang lại dân tộc ta một thể chế kinh tế phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Trong quá trình thực hiện việc tinh gọn bộ máy luôn được Đảng, chính phủ đề cao và chỉ đạo quyết liệt. Tại Phiên họp lần thứ ba của Ban chỉ đạo trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh, cuộc cách mạng sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã và đang diễn ra rất khẩn trương, quyết liệt, thống nhất cao trong toàn Đảng và được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân. Việc chỉ đạo quyết liệt, tập trung toàn bộ nguồn lực vào tinh gọn bộ máy cũng cho thấy được tầm quan trọng của tinh gọn bộ máy đối với sự phát triển dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình.

Tinh gọn bộ máy thành công sẽ là sự kiện đầu tiên, đánh dấu mốc son chói lọi dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản dân tộc ta bước vào kỷ nguyên vươn mình. Mốc sự kiện này đánh dấu sự phát triển đột phá về mặt thể chế điều này góp phần nâng cao vị thế của dân tộc ta trên đấu trường thế giới giống như Bí thư Tô Lâm đã khẳng định đuổi kịp, tiến cùng, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Thứ hai, bộ máy tinh gọn hướng tới phục vụ dân tốt hơn.

Người dân luôn mong chờ phục vụ cơ quan nhà nước phải nhanh, hiệu quả, và thái độ phục vụ tốt. Doanh nghiệp cũng luôn mong muốn mọi quy định hành chính đơn giản, dễ thực hiện và được thực hiện nhanh nhất có thể. Bên cạnh đó doanh nghiệp mong mỏi có một nhà nước biết lắng nghe, dám hành động và sáng tạo. Nhiều doanh nghiệp đã đánh giá khi quy trình giảm xuống thì doanh nghiệp sẽ gần với Chính phủ hơn và Quốc hội hơn.

Nhìn từ góc độ vĩ mô hơn, Việc tinh gọn bộ máy là giải pháp đột phá trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, trong các giải pháp

⁷ Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản điện tử* (25/11/2024). Truy cập tại: <https://www.tapchicongsan.org.vn/thong-tin-ly-luan/-/2018/1005102/tong-bi-thu-to-lam-trao-doi-chuyen-de-%E2%80%99Cky-nguyen-phat-trien-moi---ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam%E2%80%99D.aspx>

để phát triển nền kinh tế thì giải pháp hoàn thiện thể chế được xem là giải pháp trung tâm để khơi thông nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

Việc tinh gọn bộ máy thành công và áp dụng chính phủ số sẽ đáp ứng những mong mỏi của người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó khi bộ máy nhà nước phục vụ dân tốt hơn thì sẽ hoàn thiện hơn thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam từ đó thực hiện được mục tiêu xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ ba, tinh gọn bộ máy kết hợp các giải pháp khác nó tạo thành hệ sinh thái để dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình.

Để dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình Đảng đã xác định có bảy định hướng chiến lược: Thứ nhất, cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng; Thứ hai, tăng cường tính đảng trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; Thứ ba, tinh gọn tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Thứ tư, thực hiện chuyển đổi số; Thứ năm, chống lãng phí; Thứ sáu về cán bộ; Thứ bảy, về kinh tế.

Trong các định hướng chiến lược do Đảng đưa ra thì giải pháp tinh gọn bộ máy được thực hiện đầu tiên và hiện nay sắp đi đến hoàn thiện. Việc chọn lựa tinh gọn bộ máy trong thời kỳ chuyển giao kỷ nguyên để thực hiện được đánh giá là bước đi chiến lược vì khi tinh gọn thành công sẽ là tiền đề tạo niềm tin cho nhân dân, nâng cao uy tín của Đảng và là bước đệm quan trọng để Đảng tiếp tục thực hiện các giải pháp chiến lược khác. Bên cạnh đó, khi việc tinh gọn bộ máy nhà nước được tiến hành đạt mục tiêu là có bộ máy vừa gọn vừa tinh thì giải pháp này nó sẽ cộng hưởng với các giải pháp khác để đưa dân tộc Việt Nam có những thay đổi đột phá như định hướng mục tiêu trong kỷ nguyên vươn mình đã đặt ra đó là kỷ nguyên phát triển đột phá.

Thứ tư, thiết lập bộ máy tinh gọn hướng tới thực hiện mục tiêu của kỷ nguyên mới.

Hiện nay việc tinh gọn bộ máy đã và đang thực hiện. Trong bộ máy nhà nước cấp huyện đã xóa bỏ. Bộ máy nhà nước hiện giờ chỉ có hai cấp. Số lượng tỉnh thành còn lại là 34, số lượng xã đang tiếp tục sáp nhập. Cùng với việc tinh giản số lượng thì sẽ nâng cao chất lượng cán bộ nhà nước điều này dẫn tới chi ngân sách cho bộ máy nhà nước sẽ ít lại, số tiền tiết kiệm được từ đó sẽ chi cho đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, một bộ máy với hai cấp sẽ làm bộ máy linh hoạt hơn các chính sách của nhà nước sẽ đi đến người dân nhanh hơn trước, điều này là vô cùng quan trọng đối với phát triển kinh tế thị trường.

Muốn đạt được mục tiêu về kinh tế trong kỷ nguyên vươn mình điều quan trọng là phải tháo gỡ được thể chế. Khi bộ máy đã được gọn lại thì tiếp theo sẽ dễ dàng nâng cao chất lượng hơn và áp dụng công nghệ số vào trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Việc tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng cán bộ sẽ góp phần đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình một cách tự tin và góp phần đạt các mục tiêu trong kỷ nguyên vươn mình trong đó có mục tiêu mang lại sự phát triển đột phá và nâng cao thu nhập người dân lên mức trung bình cao.

Thứ năm, tinh gọn bộ máy mang lại niềm tin cho toàn thể dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình.

Để giữ vững vị thế của Đảng cầm quyền thì Đảng cần có được niềm tin từ nhân dân. Bác Hồ đã từng nói “*Dễ trăm lần, không dân cũng chịu. Khó vạn lần, dân liệu cũng xong*”. Câu nói này Bác muốn nói về sức mạnh của nhân dân, khi Đảng tạo ra những thành tựu nhất định trong cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, người dân sẽ ủng hộ và đồng tình từ đó nhân dân sẽ có một niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng. Một khi đã có được niềm tin của nhân dân thì dù mục tiêu của kỷ nguyên vươn mình có chông gai, đầy thách thức đến đâu đi chăng nữa nhất định sẽ có nhân dân đồng lòng vượt qua.

KẾT LUẬN

Như vậy, có thể thấy rằng những kết quả ban đầu của tinh gọn bộ máy đang và sẽ tác động rất lớn đến việc đạt được những mục tiêu của dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình. Sau 80 năm sống trong kỷ nguyên độc lập và kỷ nguyên đổi mới hiện nay dân tộc Việt Nam cần những cú hích lớn để bước vào kỷ nguyên vươn mình. Việc tinh gọn bộ máy thành công mang lại niềm tin rằng Dân tộc Việt Nam hoàn toàn có thể bước vào kỷ nguyên vươn mình sánh vai với các cường quốc năm châu. Định hướng chiến lược này của Đảng đang nhận được sự đồng thuận rất lớn từ người dân và doanh nghiệp. Toàn thể nhân dân đang rất mong chờ vào những tin vui trong cuộc cách mạng lớn này và hy vọng cuộc cách mạng được xem cuộc đại phẫu sẽ cắt bỏ đi khối u để cơ thể thực sự khỏe mạnh và để dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM: BÀI HỌC LỚN VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

ThS. Hà Lê Dũng*

MỞ ĐẦU

Cách đây 80 năm, toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh và lãnh tụ Hồ Chí Minh, đã nhất tề đồng lòng đứng lên trong một cuộc Tổng khởi nghĩa, kiên quyết giành chính quyền về mình để tự quyết vận mệnh của dân tộc. Từ mảnh đất thuộc địa, từ thân phận nô lệ đã trở thành Tổ quốc Việt Nam độc lập có quyền tự quyết, nhân dân Việt Nam là người làm chủ trong một chế độ dân chủ, tự do. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 của Việt Nam không chỉ mở ra một trang sử mới cho dân tộc, mà còn là thắng lợi của cách mạng giành chính quyền chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nhất, tổn thất nhỏ nhất, nhưng thành công lớn nhất, triệt để nhất trong lịch sử nhân loại. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khắc họa về kỷ nguyên mới của dân tộc trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”¹. Để giữ vững độc lập, tự do mà dân tộc ta đạt được trong kỷ nguyên mới, quân và dân Việt Nam đã phải tiên hành các cuộc kháng chiến trường kỳ, chiến đấu gian khổ, hy sinh to lớn và giành được những thắng lợi vẻ vang trước các thế lực thù địch; đồng thời nỗ lực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đến mùa Xuân năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của kỷ nguyên độc lập, tự do đã được hoàn thành trọn vẹn.

NỘI DUNG

1. Cách mạng tháng tám năm 1945 mở đầu kỷ nguyên độc lập dân tộc và tự do

Thành công mà Cách mạng tháng Tám đem lại đã đưa đất nước chúng ta bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và tự do; lần đầu tiên trong lịch sử, một nhà nước công - nông ra đời ở Việt Nam; nhân dân Việt Nam trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình; nước Việt Nam từ một nước thuộc địa và nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do và dân chủ.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã cho chúng ta một bài học kinh nghiệm cực kỳ quý báu về đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết là một truyền thống quý báu trong lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc ta. Đoàn kết cũng đã trở thành một giá trị tiêu biểu trong nền văn hóa chính trị Việt Nam hiện đại. Tuy vậy, đoàn kết không phải là điều hiển nhiên, cho dù đã trở thành một quy luật trong sự phát triển của lịch sử Việt Nam (được chứng minh từ Thánh Gióng thắng giặc Ân, đến chiến thắng giặc Nam Hán, chiến thắng giặc Nam Tống, chiến thắng giặc Nguyên Mông, đến đại phá quân Thanh,...).

Thực tế lịch sử đã chỉ ra rằng để đạt được sự đoàn kết dân tộc và thống nhất đất nước không bao giờ tự nhiên mà có, đó luôn là kết quả của quá trình đấu tranh kiên trì và gian khổ. Lịch sử nước ta đã minh chứng, từ thần thoại Thánh Gióng đến Hai bà Trưng, Bà

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ... đã khắc họa nên một quy luật: chỉ khi nào khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố vững chắc thì nội lực dân tộc mới có cơ hội phát huy tốt, đất nước mới trở nên thái bình, thịnh trị, ấm no, hạnh phúc. Tổng kết kinh nghiệm lịch sử dân tộc ấy, từ năm 1942, Người đã chỉ ra rằng: “Dân ta phải biết sử ta. Sử ta dạy cho ta những chuyện về vang của tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng đề muôn đời... Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”².

Từ rất sớm các lãnh tụ của phong trào yêu nước Việt Nam đã sớm nhận ra quy luật ấy để tự mình giải phóng khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Chính vì thế, các lãnh tụ yêu nước Việt Nam đã không ngừng kêu gọi lòng “ái quốc” và sự “đồng tâm” của mọi tầng lớp nhân dân, của toàn dân tộc. Lời kêu gọi “đồng tâm” thống thiết của Phan Bội Châu và các lãnh tụ yêu nước hồi đó đã góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc và lòng yêu nước của nhiều lớp người Việt Nam từ đầu thế kỷ XX. Song, do thiếu cơ sở lý luận, thiếu những phương tiện, biện pháp cụ thể nên khối đại đoàn kết dân tộc lúc bấy giờ đã không thể trở thành hiện thực.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, đã khắc phục hai khuyết điểm lớn của tất cả các Đảng trước đó (kể cả ba tổ chức Đảng Cộng sản ra đời vào năm 1929): Kỷ luật không nghiêm, tổ chức không chặt; không liên hệ máu thịt với toàn thể nhân dân của dân tộc. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn là một bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam, tạo ra nhân tố.

Cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh ngay từ đầu đã liên minh cách mạng công - nông tạo nên yếu tố hạt nhân và nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc. Cao trào 1936 - 1939, với điều kiện trong nước và thế giới có nhiều biến đổi quan trọng. Đảng đã kịp thời chỉ đạo, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đổi mới mạnh mẽ công tác vận động và tổ chức quần chúng. Đây là thời kỳ khối đại đoàn kết dân tộc được mở rộng và củng cố thêm một bước, lần đầu tiên Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ động bắt tay liên minh với một số tổ chức yêu nước, tiến bộ. Mặc dù, tháng 10/1930 cho đến năm 1939, khối đại đoàn kết còn nặng về giai cấp và Mặt trận chưa thực sự có hiệu quả.

Hội nghị Trung ương VIII (khóa I, năm 1941) của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự ra đời của Mặt trận Việt Minh (1941) đánh dấu một bước ngoặt trong đường lối lãnh đạo cách mạng hướng tới việc mở rộng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, quy tụ và phát huy cao độ nội lực dân tộc cho một cuộc hồi sinh vĩ đại. Kể từ đây chủ trương đoàn kết dân tộc của Đảng được đặt trên cơ sở của chính chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Chủ trương này được thực hiện nhất quán trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, lần đầu tiên Mặt trận Dân tộc thống nhất đã trở thành hiện thực và phát huy vai trò mạnh mẽ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đặc biệt là sự trực tiếp chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh không chỉ làm cho khối đại đoàn kết dân tộc được mở rộng, củng cố không ngừng “Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”³, mà còn là phương tiện thúc đẩy lực lượng của khối đại đoàn kết tăng lên gấp bội thông qua việc biến khối đại đoàn kết ấy thành một tổ chức có sức chiến đấu cao.

Thông qua Mặt trận Việt Minh, dân tộc ta không chỉ được tập hợp lại mà lần đầu

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.255 - 256.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.266.

tiên đã đạt được sự đoàn kết với hiệu quả cao nhất. Chính nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Mặt trận Việt Minh, mọi quyết sách đưa ra đều nhận được sự ủng hộ rộng rãi, sâu sắc từ tuyệt đại đa số quần chúng nhân dân thuộc mọi tầng lớp xã hội, kể cả những lực lượng trước đó vốn đứng ngoài mặt trận. Kết quả là, chỉ trong vòng khoảng hai tuần, nhờ sự đồng lòng, đồng sức của toàn thể đồng bào cả nước, Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi toàn quốc.

Dẫu cho 80 năm trôi qua, Cách mạng tháng Tám vẫn là một sự kiện trọng đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Ở đó có một sự thống nhất cao độ, khối đại đoàn kết toàn dân đã không những được khôi phục, được củng cố mà còn được nâng lên tầm cao mới, kết hợp với sức mạnh của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, tạo ra xung lực hồi sinh mạnh mẽ để bùng phát kịp thời, khi thời cơ đến.

2. Sự phát triển nhận thức, tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên đổi mới

Nếu Cách mạng tháng Tám năm 1945 là thời điểm đặt nền móng cho kỷ nguyên độc lập dân tộc và tự do, thì từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện, bắt đầu một kỷ nguyên tiếp theo - kỷ nguyên đổi mới. Có thể nói, đã có nhiều quan điểm, chủ trương đổi mới đề cập trực tiếp đến vấn đề đại đoàn kết toàn dân, khi nhấn mạnh phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Quan điểm của Đảng được thể hiện rõ nét: “Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, sức mạnh của toàn đảng, toàn dân và toàn quân”⁴. Để chuyển hóa thành hiện thực, chúng ta đã tăng cường công tác về dân tộc, bổ sung, cụ thể hóa và thực hiện tốt hơn chính sách dân tộc. Đẩy mạnh công tác định canh, định cư, ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào ở vùng cao, biên giới, đưa đồng bào miền xuôi lên miền núi để thực hiện phân bố lại lao động, hình thành cơ cấu xã hội mới của các vùng dân tộc.

Ở thời điểm này, tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã có nhiều tác động mạnh mẽ đến tình hình đất nước ta. Trong bối cảnh đó, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991), lần đầu tiên trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991), Đảng ta nêu khái niệm mới về khối liên minh công - nông - trí thức và khẳng định lấy liên minh công - nông - trí thức làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân. Đại hội đã khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quan hệ giữa Đảng với nhân dân bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân”⁵.

Nội tiếp những nội dung của Đại hội VII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) đã có những chủ trương mới khi nhấn mạnh: “Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc vì mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, lấy mục tiêu đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau”⁶. Với quan niệm này, một trong những điểm mới về đại đoàn kết dân tộc là Đảng ta xác định, người Việt Nam ở nước ngoài là

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.38.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.124.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.122.

một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001), điểm mới về đại đoàn kết dân tộc là Đảng ta xác định: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”⁷. Khối đại đoàn kết dân tộc có nền tảng là liên minh giữa giai cấp công dân, nông dân và đội ngũ trí thức. Cơ sở sâu xa của đại đoàn kết dân tộc xuất phát từ lợi ích chung của các giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội. Đảng ta đã sử dụng thuật ngữ “Đại đoàn kết toàn dân tộc” thay cho thuật ngữ “Đại đoàn kết toàn dân”, “Đại đoàn kết dân tộc” với ý nghĩa mở rộng đại đoàn kết,... Đây là một bước phát triển mới về tư duy đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Sang Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), nội dung đại đoàn kết toàn dân tộc, đã được nhấn mạnh trong nhiệm vụ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, coi đó là nguồn sức mạnh, là động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Đại hội nhấn mạnh: “Đại đoàn kết toàn dân tộc cần lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc”⁸. Điểm mới về tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc ở Đại hội này là làm sao tạo nên sự gắn kết giữa đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc.

Tiếp bước nội dung của các kỳ Đại hội trước, ở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) khẳng định: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁹. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình. Sự kết hợp hài hòa các lợi ích là động lực cơ bản, là nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi cá nhân, mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp và cả xã hội.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), tư duy mới của Đảng ta về đại đoàn kết toàn dân tộc là phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới; bởi vậy, nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân mà chúng ta đang tập trung xây dựng hiện nay là nền quốc phòng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; mang tính toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng vững chắc.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.23.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.41.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.51.

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới”¹⁰.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), trước tình hình mới, Đảng ta khẳng định, việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc không chỉ gắn với thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, mà còn phải kết hợp với sức mạnh của thời đại, của hòa bình, hợp tác và phát triển, của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với xu thế của các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Bên cạnh đó, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với phát huy ý chí toàn dân tộc cũng nằm trong mục tiêu, định hướng khát vọng phát triển đất nước, với mục tiêu cụ thể là “*phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”¹¹.

Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII đã cụ thể hóa hơn nữa chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc của Đại hội XIII và tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003, về “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, từ đó ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023, về “Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”. Nghị quyết số 43-NQ/TW xác định, nền tảng vững chắc của đại đoàn kết toàn dân tộc là liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo; là mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và nhân dân, là niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ; là đoàn kết trong Đảng, đoàn kết giữa các giai tầng xã hội, giữa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, giữa đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, giữa những người theo các tôn giáo khác nhau, giữa người Việt Nam ở trong và ngoài nước; là đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới. Lấy mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 làm điểm tương đồng để động viên, cổ vũ nhân dân đồng lòng, chung sức thực hiện vì tương lai của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

Như vậy, từ chỗ chỉ đề cập đến “đoàn kết”, rồi tiến tới khẳng định “đại đoàn kết toàn dân”, và sau đó phát triển thành tư tưởng “đại đoàn kết toàn dân tộc” - đó là những cột mốc quan trọng đánh dấu sự đổi mới và phát triển trong tư duy nhận thức của Đảng ta về chiến lược đoàn kết. Sự phát triển ấy diễn ra theo chiều hướng ngày càng mở rộng cả về phạm vi lẫn chiều sâu: từ hẹp đến rộng, từ còn mang tính nguyên tắc đến ngày càng linh hoạt, cởi mở và phù hợp với thực tiễn. Qua từng giai đoạn xây dựng đất nước, Đảng ta luôn khẳng định, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đoàn kết là truyền thống quý báu và là bài học lớn của cách mạng nước ta. Vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc luôn được khẳng định như một thành tố quan trọng, nguồn sức mạnh to lớn, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc - Động lực quan trọng trong kỷ nguyên vươn mình

Gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, hơn 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đất nước ta đã đạt được những

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.159.

¹¹ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.14.

thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; đất nước phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn. Những thành tựu đó đạt được là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đã kiên trì tư tưởng “trọng dân” và vận dụng sáng tạo bài học “Dân là gốc”, “Nước lấy dân làm gốc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong huy động sức mạnh nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Trải qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng ta đều nhân mạnh vị trí, vai trò quan trọng của tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quá trình đổi mới, chúng ta đã tạo được thế và lực của đất nước, nâng tầm vị thế quốc gia ở khu vực và trên trường quốc tế; trước những cơ hội và thách thức mới, bản thân chúng ta đã tích lũy đủ những điều kiện cần thiết và đang đứng trước cơ hội lịch sử đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới, được xác định bắt đầu từ Đại hội XIV của Đảng (2025), từ đây mọi người đồng lòng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết nhất trí, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh. Thế giới đang trong thời kỳ có nhiều biến chuyển mang tính thời đại, đây cũng là cơ hội để Việt Nam tạo nên những sự thay đổi có tính đột phá. Vấn đề là chúng ta làm sao phải nắm bắt được thời cơ, vận hội đó. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo và công nghệ số đem đến cơ hội mà những quốc gia đang phát triển, chậm phát triển có thể nắm bắt để đi tắt đón đầu, tạo nên sự phát triển vượt bậc. Từ đó, hình thành bộ phận giúp chúng ta thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Với những mục tiêu to lớn của dân tộc, đưa đất nước lên một tầm cao, khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Chúng ta cần có một hệ thống các giải pháp, chiến lược thật sự đúng đắn, khoa học để thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Đòi hỏi chúng ta phải phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, với yêu cầu cụ thể: xác định rõ xây dựng, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của Đảng và cả hệ thống chính trị. Đoàn kết thống nhất là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết trong hệ thống chính trị, đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò nòng cốt chính trị trong tập hợp, đoàn kết, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của nhân dân cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong bối cảnh hiện nay, để tiếp tục thực hiện mục tiêu bất biến của dân tộc là Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, cần nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò, nhiệm vụ của đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới, nắm vững những điểm chung, điểm tương đồng để xây dựng khối thống nhất dân tộc trên cơ sở đáp ứng lợi ích của các giai tầng, các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở trong và ngoài nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, việc xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ gắn với thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, mà còn phải kết hợp với phát huy sức mạnh thời đại, của hòa bình, hợp tác và phát triển, của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với xu thế của các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Chỉ khi làm được điều đó, đại đoàn kết dân tộc mới thật sự trở thành nguồn nội lực cốt lõi, bảo đảm cho sự phát triển bền vững và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Bối cảnh mới đặt ra những yêu cầu về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo đồng thời Đảng tự đặt mình trong mối quan hệ bình đẳng, dân chủ với các thành viên khác trong hệ thống chính trị. Xuất phát từ những yêu cầu đó, Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW (24/11/2023) về việc “tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc” với những quan điểm, mục tiêu, giải pháp cụ thể. Trong đó, Trung ương Đảng khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là sợi chỉ đỏ, truyền thống quý báu, chủ trương, đường lối quan trọng, xuyên suốt của Đảng; nguồn sức mạnh to lớn góp phần quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, xác định bốn quan điểm lớn:

- Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, đường lối chiến lược quan trọng, xuyên suốt của Đảng; nguồn sức mạnh to lớn, nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Lấy mục tiêu xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 làm điểm tương đồng để động viên, cổ vũ nhân dân đồng lòng, chung sức thực hiện vì tương lai của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc phải gắn với phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của Đảng và cả hệ thống chính trị¹².

Cụ thể hóa Nghị quyết số 43-NQ/TW, chúng ta cần tập trung thực hiện những giải pháp cơ bản trên các lĩnh vực nhằm tăng cường và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới, cụ thể:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, củng cố mối quan hệ Đảng - Nhà nước - Mặt trận - nhân dân, nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ. Giải quyết hài hòa các quan hệ; lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Hai là, về kinh tế, có chính sách nhất quán và lâu dài, bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế. Điều tiết thu nhập xã hội kết hợp với các nguồn phúc lợi để làm tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa và hỗ trợ các hộ nghèo và đồng bào ở các vùng sâu, xa, khó khăn,... Phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc của đội ngũ doanh nhân, xây dựng “đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hóa, đạo đức tiên bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi”¹³.

Ba là, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hóa, con người Việt Nam; coi trọng giáo dục chủ nghĩa yêu nước, đạo đức, lễ nghĩa, lành mạnh hóa quan hệ gia đình, xã hội, nuôi dưỡng tâm lý và trách nhiệm cộng đồng, tạo dựng những cơ sở văn hóa và tinh thần đại đoàn kết dân tộc cả bề rộng lẫn chiều sâu.

Bốn là, tự đổi mới, luôn đổi mới là phương thức tồn tại và phát triển của Mặt trận, để mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đổi mới các tổ chức chính trị - xã hội, cả về tổ chức và phương thức hoạt động, bảo đảm thiết thực, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thành viên.

¹² Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 “Về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”*, Hà Nội.

¹³ https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/chinh-phu-thau-hieu-chia-se-lang-nghe-va-ho-tro-doi-ngu-doanh-nhan-vuot-qua-kho-khan-vuon-xa-hon-nua

Sự ra đời của Nghị quyết số 43-NQ/TW, tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của việc phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc đổi mới. Đảng và nhân dân ta nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội đã từng bước được phát huy, góp phần tích cực động viên nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

KẾT LUẬN

Tổng kết chặng đường lịch sử vẻ vang đã qua, có thể khẳng định rằng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, cùng với sự phát huy cao độ ý chí tự chủ, tự lực tự cường, tự hào dân tộc, bằng nguồn sức mạnh nội sinh, toàn dân đồng lòng, dân tộc ta đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Con thuyền cách mạng Việt Nam đã vượt qua muôn vàn sóng gió, gian truân để kiên định đi theo định hướng đã lựa chọn. Trong suốt hành trình ấy, đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành nhân tố then chốt - là sự quy tụ, phát huy tối đa mọi nguồn lực, tiềm năng và sức sáng tạo của toàn thể nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là quá trình đem “tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”, không ngừng nâng cao đời sống của nhân, để phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo của mọi người Việt Nam vào xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, mục tiêu hướng tới là xây dựng nước ta thành một quốc gia có nền công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, nâng cao khả năng cạnh tranh; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đồng thời, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC - CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

*ThS. Trần Thị Hà Trang**

MỞ ĐẦU

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc được xem là vấn đề sống còn của cách mạng Việt Nam, là tư tưởng xuyên suốt trong tiến trình cách mạng. Đại đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu, là nguồn sức mạnh to lớn giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Đặc biệt, trong thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945, tinh thần đại đoàn kết ấy là một trong những yếu tố then chốt quyết định thành công. Ngày nay, khi đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vườn mình mạnh mẽ - bài học đó vẫn giữ nguyên giá trị.

NỘI DUNG

1. Cách mạng tháng Tám 1945 - một điển hình của việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Đoàn kết là một truyền thống và bài học cực kỳ quý báu của dân tộc Việt Nam, được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc, ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà”¹. Từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định đoàn kết là giá trị cốt lõi và đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là tư tưởng xuyên suốt và nhất quán trong tư duy lý luận và trong hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã trở thành chiến lược cách mạng của Đảng ta, là động lực to lớn tạo nên những thắng lợi vẻ vang của dân tộc. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nhờ đại đoàn kết mà nhân dân Việt Nam đã đánh thắng chủ nghĩa thực dân, làm Cách mạng tháng Tám thành công và đã kháng chiến thắng lợi. Nhờ đại đoàn kết toàn dân mà nước Việt Nam chúng tôi nhất định sẽ thống nhất”². Người đã khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”³. Sự khái quát đó của Hồ Chí Minh trở thành chân lý tuyệt đối đúng trong toàn bộ lịch sử cách mạng Việt Nam, là nhân tố có ý nghĩa quyết định để tập hợp tất cả mọi lực lượng của dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Đại đoàn kết trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”⁴.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng có ý nghĩa lịch sử to lớn, kết thúc ách thống trị hàng thế kỷ của thực dân, phong kiến, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thành công của cuộc cách mạng này bắt nguồn từ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.9, tr.244.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.11, tr.272.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.13, tr.119.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.7, tr.483.

của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong lời kêu gọi “Kính cáo đồng bào”, Hồ Chí Minh đã viết: “*Hỡi các bậc phụ huynh! Hỡi các hiền nhân, chí sĩ! Hỡi các bạn sĩ, công, nông, thương, binh!...* Việc lớn chưa thành không phải vì đế quốc mạnh, nhưng một là vì cơ hội chưa chín, hai là vì dân ta chưa hiệp lực đồng tâm. Nay cơ hội giải phóng đến rồi, đế quốc Pháp bên Âu đã không thể tự cứu, càng không thể cứu bọn thống trị Pháp ở ta. Đế quốc Nhật đã bị sa lầy ở Trung Hoa, lại đang gay go với Anh - Mỹ. Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều: *Toàn dân đoàn kết...* Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: Người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng”⁵. Người hứa “*Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu dành tự do, độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề*”⁶. Trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã sáng suốt xây dựng Mặt trận Việt Minh - nơi tập hợp mọi lực lượng yêu nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc, nghề nghiệp... Theo Hồ Chí Minh lực lượng của cuộc toàn dân đoàn kết là yếu tố “nhất” trong căn nguyên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám. Trong *Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà* (Nghệ An - TG), Người đã xác định nguyên nhân vì sao có thắng lợi của Cách mạng tháng Tám: “Một phần là vì tình hình quốc tế thuận tiện cho ta. Nhất là vì lực lượng của cuộc toàn dân đoàn kết. Tất cả các dân tộc, các giai cấp, các địa phương, các tôn giáo đều nổi dậy theo lá cờ Việt Minh để tranh lại quyền độc lập cho Tổ quốc. Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”⁷.

Qua kinh nghiệm của Mặt trận Việt Minh cho thấy đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng. Mặt trận Việt Minh ra đời là biểu tượng của tinh thần liên kết rộng rãi trong toàn dân. Từ nông dân, công nhân, trí thức, đến thanh niên, phụ nữ, các dân tộc thiểu số,... đều chung một mục tiêu vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Chính sự thống nhất ý chí và hành động đó đã tạo nên sức mạnh “vô địch”, đánh bại các thế lực áp bức, thiết lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

2. Kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam và yêu cầu phát huy đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, tinh thần đại đoàn kết tiếp tục là nền tảng trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và trong công cuộc xây dựng đất nước. Trong *Di chúc* thiêng liêng, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁸.

Đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu, mà còn là phương châm hành động, là chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng. Trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tinh thần đoàn kết vẫn luôn là động lực phát triển đất nước, phát huy nội lực dân tộc và tranh thủ nguồn lực quốc tế. Bước sang thế kỷ XXI, đặc biệt trong giai đoạn 2021 - 2050, Việt Nam đặt mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, có vị thế vững chắc trên trường quốc tế. Đây là “kỷ nguyên vươn mình” của dân tộc. Tuy nhiên, quá trình đó cũng đặt ra nhiều thách thức: cạnh tranh toàn cầu, biến

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.229 - 230.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.230.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.18 - 19.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.15, tr.611.

đổi khí hậu, phân hóa xã hội, mâu thuẫn lợi ích, nguy cơ “diễn biến hòa bình”, chia rẽ nội bộ,... Trong bối cảnh đó, phát huy đại đoàn kết dân tộc không chỉ là bài học lịch sử, mà còn là yêu cầu sống còn. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhận định: “Sau hơn 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁹. Đồng thời, cũng phải thấy còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, bất cập cần tiếp tục nghiên cứu, tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn.

Trong nhiệm kỳ khóa XII, mặc dù phải đối phó với nhiều khó khăn, thách thức, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã viết: “Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹⁰.

Trong điều kiện mới của đất nước hiện nay, Đảng ta chỉ đạo tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, cần chú trọng: “Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân, củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội”¹¹. Khơi dậy tiềm năng và phát huy cao độ các nguồn lực trong nước, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

Để phát huy tốt khối đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích: Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức phải xuất phát từ lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Hai là, xây dựng lòng tin xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở công bằng, dân chủ và pháp quyền. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp, lắng nghe và phản ánh tiếng nói của nhân dân.

Mặt trận và các tổ chức thành viên phải làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân hiểu đầy đủ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Mặt trận phải là hạt nhân trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng chống các âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; kiên quyết đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, phản động. Qua đó, Mặt trận Tổ quốc cần phải tôn trọng sự khác biệt trong thống nhất, giữ gìn sự đa dạng văn hóa - dân tộc - tôn giáo như một phần của sức mạnh đoàn kết. Phát huy vai trò của thế hệ trẻ, trí thức, doanh nhân và kiều bào trong xây dựng đất nước hiện đại.

Ba là, xây dựng những chính sách nhằm phát huy sức mạnh toàn dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Để thực hiện được giải pháp này, cần phải phát huy vai trò của chủ thể nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.107.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.25.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.118.

quốc lần thứ XIII chỉ rõ: “Muốn phát huy sức mạnh toàn dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần xây dựng đội ngũ trí thức, phát triển đội ngũ doanh nhân, bồi dưỡng thế hệ trẻ, phát triển toàn diện phụ nữ, phát huy cựu chiến binh, cán bộ công an hưu trí, người cao tuổi”¹².

Các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam đều bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; ưu tiên đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo tư tưởng Hồ Chí Minh “đề miền núi tiến kịp miền xuôi”. Tuyên truyền vận động, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời đẹp đạo, đóng góp tích cực cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước.

Năm là, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện chia rẽ, kỳ thị, gây mất đoàn kết; đồng thời, nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần yêu nước trong nhân dân.

Trong bối cảnh hội nhập, các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền để kích động chia rẽ, làm suy yếu sự đoàn kết. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng để nâng cao nhận thức, tinh thần yêu nước, niềm tin của toàn thể tầng lớp nhân dân. Chủ động nhận diện và xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức có hành vi chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội XII khẳng định: “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số... Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kỳ thị dân tộc; nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc”¹³.

Sáu là, phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại, nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; tăng cường và mở rộng ngoại giao nhân dân. Xây dựng “thế trận, lòng dân”¹⁴, phát huy sức mạnh nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn hiện nay, dân tộc ta có nhiều thuận lợi và thời cơ để phát triển, đồng thời cũng đang đứng trước những thách thức to lớn. Cách mạng tháng Tám năm 1945 để lại nhiều bài học sâu sắc, trong đó bài học về đại đoàn kết dân tộc là chìa khóa của mọi thắng lợi. Chính vì vậy, trong kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ, khi dân tộc Việt Nam đang khát vọng hiện thực hóa mục tiêu hùng cường, thịnh vượng, việc tiếp tục gìn giữ và phát huy sức mạnh đại đoàn kết là yếu tố then chốt, bảo đảm cho mọi thành công trong tương lai. Đại đoàn kết dân tộc - chính là “chìa khóa vàng” để mở ra cánh cửa cho đất nước trong giai đoạn vươn mình hội nhập.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2021, t.1, tr.165 - 167.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.164 - 165.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.49.

**PHÁT HUY TINH THẦN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945
VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG CUỘC
PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HUẾ VỮNG BỀN, GIÀU ĐẸP**

*ThS. Đặng Nữ Hoàng Quyên**

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trang sử vàng chói lọi, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Cùng với thắng lợi vĩ đại ấy là sự định hình và phát triển rực rỡ của tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam với hạt nhân là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tinh thần của Cách mạng tháng Tám đã phản ánh cụ thể tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn. Tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành kim chỉ nam, ngọn đuốc soi đường cho mọi giai đoạn cách mạng Việt Nam. Tinh thần Tháng Tám và tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là di sản quý báu mà còn là nền tảng tinh thần, nuôi dưỡng khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Khát vọng này đang được tiếp nối và hiện thực hóa trong công cuộc đổi mới, kết nối quá khứ oanh liệt với hiện tại đổi mới, phát triển tương lai.

Đối với một thành phố giàu truyền thống lịch sử và văn hóa như Huế, việc kế thừa và phát huy những giá trị cốt lõi từ tinh thần Cách mạng tháng Tám và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam vững chắc cho sự phát triển bền vững. Với bề dày lịch sử, văn hóa đặc sắc, vị thế địa chính trị - kinh tế quan trọng cùng truyền thống yêu nước và cách mạng kiên cường, Huế đang đứng trước cả cơ hội lẫn thách thức trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Do đó, việc vận dụng linh hoạt những giá trị này không chỉ là trách nhiệm mà còn là chìa khóa giúp Huế nâng cao hiệu quả quản lý, quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng.

NỘI DUNG

1. Tinh thần Cách mạng tháng Tám và tư tưởng Hồ Chí Minh - giá trị lịch sử định hướng cho sự phát triển hiện đại

1.1. Tinh thần của Cách mạng tháng Tám mang giá trị dấu ấn thời đại

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong thế kỷ XX. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã vùng lên giành chính quyền về tay nhân dân, lật đổ chế độ thực dân phong kiến hàng thế kỷ. Đây là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân điển hình, thể hiện sự hội tụ cao độ giữa lý tưởng cách mạng và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, kết tinh của lòng yêu nước với khát vọng độc lập, tự do. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”¹.

Giải phóng dân tộc, chấm dứt ách đô hộ thực dân - phong kiến. Giá trị lịch sử nổi bật và đầu tiên của Cách mạng tháng Tám là việc đã lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, chấm dứt hơn 80 năm đô hộ, đồng thời xóa bỏ chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm trên đất nước Việt Nam. Đây là một bước ngoặt mang tính cách mạng triệt để: từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, có chính quyền của dân, do dân và vì dân “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.631.

đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”². Việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 02/09/1945 đã đánh dấu sự ra đời của nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, đặt nền móng cho quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới.

Khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã minh chứng hùng hồn cho vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự kết hợp giữa đường lối chính trị đúng đắn của Đảng với tư tưởng, tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, dẫn dắt dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Phát huy sức mạnh toàn dân và tinh thần yêu nước. Cách mạng tháng Tám khơi dậy và khẳng định trường tồn chủ nghĩa yêu nước, ý chí tự cường và tinh thần dân chủ nhân dân. Điều này được biểu hiện sinh động qua sự tham gia tích cực của mọi tầng lớp nhân dân, cùng chung khát vọng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới nơi người dân làm chủ vận mệnh mình. Cuộc cách mạng thần tốc này đã huy động được sức mạnh toàn dân tộc, thể hiện đúng tinh thần “đem sức ta mà giải phóng cho ta”³, và là biểu hiện đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Tác động và cổ vũ phong trào cách mạng thế giới và đặt nền móng cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào cách mạng thế giới, đã truyền cảm hứng lẫn niềm tin mạnh mẽ cho các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh giành độc lập. Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong công cuộc giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á. Điều này góp phần làm lung lay hệ thống thuộc địa của các đế quốc, đồng thời khẳng định vai trò và vị trí của Việt Nam trong phong trào cách mạng thế giới. Không chỉ mang ý nghĩa quốc tế, Cách mạng tháng Tám còn đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam sau này. Sự thắng lợi là minh chứng rõ ràng cho chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” và sự phấn đấu đến cùng cho hệ giá trị mục tiêu: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh với tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc tầm nhìn chiến lược vượt thời đại về con đường phát triển của đất nước. Tầm nhìn này không chỉ định hướng cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc mà còn soi sáng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong “Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng”, *Báo Cứu quốc*, số ra ngày 17/10/1945, Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁴. Hồ Chí Minh vừa là người lý luận, vừa là người thực hành, vừa hoạch định chiến lược, vừa trực tiếp tổ chức thực hiện. Tầm nhìn chiến lược của Người được thể hiện rõ qua các yếu tố sau:

Xác lập mục tiêu xuyên suốt: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn kiên định mục tiêu chiến lược: độc lập dân tộc là tiền đề, chủ nghĩa xã hội là đích đến lâu dài. Hai yếu tố này có mối quan hệ hữu cơ, không thể tách rời. Người coi đây là một tiến trình biện chứng, độc lập là nền tảng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, và chủ nghĩa xã hội là con đường để bảo vệ, phát triển nền độc lập ấy. Hồ Chí Minh khẳng định: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁵, thể hiện tầm nhìn chiến lược về một quá

² Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, t.2, tr.494.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.64.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.1.

trình cách mạng liên tục, giữ vững chủ quyền dân tộc đồng thời xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đặt con người vào vị trí trung tâm và động lực của sự phát triển. Tư tưởng Hồ Chí Minh đề cao vai trò của con người trong sự nghiệp cách mạng và phát triển đất nước. Người coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của xã hội. Do đó, mọi chính sách của Đảng và Nhà nước đều phải hướng đến phục vụ đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và tinh thần, rèn luyện và xây dựng đội ngũ cán bộ vừa “hồng” vừa “chuyên”. Người khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁶ đề cao vai trò chủ thể của nhân dân trong cách mạng.

Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế độc lập, tự chủ gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa là kim chỉ nam chiến lược phát triển cho Việt Nam. Người luôn nhấn mạnh: độc lập dân tộc phải đi đôi với độc lập kinh tế, và để giữ vững chủ quyền, chúng ta “phải tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”⁷. Hồ Chí Minh cũng sớm nhận thấy công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa - ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến một cách linh hoạt, phù hợp với đặc điểm quốc gia. Đặc biệt, Người đề cao vai trò của con người trong quá trình này, “phải chú ý đào tạo người trước, rồi mới phát triển kỹ thuật sau”⁸.

Phát triển toàn diện, kết hợp hài hòa giữa kinh tế, văn hóa, đạo đức và môi trường xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển toàn diện thể hiện tầm nhìn sâu sắc và nhân văn, phát triển phải hài hòa với nâng cao dân trí, bồi dưỡng đạo đức cách mạng và xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh. Người khẳng định “Muốn cứu nước và xây dựng đất nước phải phát triển cả về kinh tế lẫn văn hóa”⁹, bởi văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực bền vững cho xã hội, và “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”¹⁰. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc xây dựng con người mới - có phẩm chất đạo đức, tinh thần yêu nước, năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm xã hội.

Chủ trương hội nhập quốc tế trên nền tảng độc lập, tự chủ và hòa bình. Tư tưởng hội nhập quốc tế của Hồ Chí Minh, dựa trên nguyên tắc độc lập, tự chủ và hòa bình, cho thấy tầm nhìn chiến lược và sự linh hoạt trong đối ngoại của dân tộc Việt Nam. Tầm nhìn ấy được thể hiện nổi bật qua chính sách đối ngoại mềm dẻo, khôn khéo “Chúng ta muốn làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”¹¹. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, hội nhập quốc tế phải trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau vì lợi ích chung, có lý có tình.

2. Phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám và tư tưởng Hồ Chí Minh vào phát triển thành phố Huế

Trong bối cảnh đất nước bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc kế thừa và phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám cùng tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ mang ý nghĩa thời sự mà còn có vai trò chiến lược. Tinh thần ấy cần được chuyển hóa thành những giá trị cốt lõi, định hướng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.15, tr.622.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.5, tr.300.

⁸ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.10, tr.212.

⁹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.431.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1997, tr.11.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6 tr.492.

Thành phố Huế sở hữu tiềm năng to lớn trong các lĩnh vực giáo dục, du lịch, kinh tế sáng tạo và phát triển xanh. Để hiện thực hóa khát vọng xây dựng Huế trở thành một đô thị di sản thông minh, giàu đẹp và bền vững, việc vận dụng tinh thần Cách mạng tháng Tám và tư tưởng Hồ Chí Minh là yêu cầu khách quan và cấp thiết. Không chỉ là di sản lịch sử quý báu, tinh thần ấy còn là kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển hiện tại và tương lai của thành phố. Đó là sự kết tinh giữa ý chí độc lập, tự chủ với tinh thần nhân văn sâu sắc; giữa khát vọng vươn lên với ý thức gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa; giữa đổi mới sáng tạo với việc bảo vệ đạo đức xã hội và môi trường sống. Quán triệt và vận dụng đúng đắn những giá trị này sẽ tạo nền tảng vững chắc để xây dựng Huế trở thành một thành phố văn hóa - thông minh - xanh, sạch, sáng, xứng đáng là trung tâm lớn của khu vực miền Trung và cả nước trong thời kỳ phát triển mới.

2.1. Thực trạng phát triển của thành phố Huế hiện nay

Trong những năm gần đây, Huế đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Với vai trò trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và giáo dục của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, Huế đang phát triển năng động và chuyển mình mạnh mẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Về kinh tế, Huế đang chuyển dịch tích cực theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển sang dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, trong đó du lịch và kinh tế sáng tạo trở thành mũi nhọn.

Văn hóa và du lịch tiếp tục là thế mạnh của Huế. Thành phố tổ chức thành công nhiều lễ hội quốc tế như Festival Huế góp phần quảng bá hình ảnh Huế ra thế giới và tự hào sở hữu nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được UNESCO công nhận.

Đô thị và môi trường của Huế cũng có những bước tiến đáng kể. Là một trong những địa phương tiên phong về “Thành phố xanh quốc gia” và “Thành phố di sản thông minh”, Huế đã đầu tư đồng bộ hạ tầng đô thị, cải thiện hệ thống giao thông, chiếu sáng, cấp thoát nước và xử lý rác thải. Nhiều công trình công cộng, công viên ven sông Hương được quy hoạch hiện đại nhưng vẫn hài hòa với cảnh quan và bản sắc văn hóa.

Giáo dục và khoa học tiếp tục khẳng định vị thế của Huế là một trong những trung tâm đào tạo lớn của cả nước, với Đại học Huế cùng các trường thành viên, viện nghiên cứu,... là nguồn nhân lực chất lượng cao là nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài. Y tế của Huế giữ vững vị thế hàng đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên, đi đầu trong đào tạo, nghiên cứu và chăm sóc sức khỏe nhân dân, hạ tầng y tế hiện đại, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và xã hội hóa y tế, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm y tế chuyên sâu của Đông Nam Á.

Về đối ngoại, Huế tăng cường hợp tác quốc tế với nhiều thành phố và tổ chức về bảo tồn di sản, giáo dục, môi trường và phát triển bền vững. Việc đăng cai các hội nghị, sự kiện quốc tế cũng góp phần nâng cao vị thế của thành phố trên trường quốc tế.

Hạn chế và thách thức. Bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được, quá trình phát triển của thành phố Huế vẫn đang đối mặt với nhiều hạn chế và thách thức cần được nhận diện một cách đầy đủ để có giải pháp phù hợp trong thời gian tới. Trước hết, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố tuy có cải thiện nhưng chưa thực sự đột phá, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, cơ cấu chuyển dịch chậm và chưa phát huy được hết tiềm năng của các ngành mũi nhọn. Sức cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương còn yếu, năng lực thu hút đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng văn hóa, lịch sử vốn có. Hạ tầng đô thị tuy đã có những bước phát triển nhưng vẫn chưa đồng bộ.

Một thách thức đáng lưu ý khác là sự phát triển hiện đại chưa luôn đi đôi với công tác bảo tồn di sản. Một số công trình tu bổ chưa đảm bảo chất lượng chuyên môn. Việc

khai thác du lịch từ di sản văn hóa cũng còn thiếu chiều sâu, đôi khi mang tính ngắn hạn và thương mại hóa. Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nhân lực - nhất là trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ cao, logistics, y tế chuyên sâu hay quản trị đô thị... vẫn chưa đáp ứng yêu cầu mới. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị ở một số nơi còn thiếu tính đồng bộ và chiến lược lâu dài.

Là một địa phương thường xuyên hứng chịu bão lũ và ngập lụt do vị trí địa lý đặc thù, Huế đang chịu ảnh hưởng nặng nề về môi trường và đời sống dân cư. Không gian xanh có nguy cơ bị thu hẹp, chất lượng không khí và nguồn nước có dấu hiệu suy giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu xây dựng một đô thị xanh - sạch - bền vững. Một vấn đề không kém phần quan trọng là khó khăn trong huy động nguồn lực đầu tư. Tỷ lệ đầu tư vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước và các nguồn hỗ trợ quốc tế, trong khi vốn xã hội hóa chưa được khai thác hiệu quả. Những hạn chế và thách thức này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho thành phố Huế phải có những chiến lược phát triển toàn diện, hài hòa giữa bảo tồn và hiện đại hóa, giữa tăng trưởng kinh tế và gìn giữ bản sắc, nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành trung tâm văn hóa - y tế - giáo dục lớn của khu vực và cả nước.

2.2. Một số giải pháp định hướng cho sự phát triển ở thành phố Huế

Để khắc phục hạn chế và vượt qua các thách thức hiện hữu, thành phố Huế cần triển khai đồng bộ nhiều nhóm giải pháp mang tính chiến lược, toàn diện và bền vững.

Thứ nhất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu hút đầu tư hiệu quả.

Đề tạo bước đột phá trong phát triển, thành phố Huế cần tập trung thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, ưu tiên phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao như du lịch chất lượng cao, công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, công nghệ thông tin và kinh tế số. Cùng với đó, việc hoàn thiện môi trường đầu tư, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố. Huế cần xây dựng các chính sách ưu đãi đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hướng đến thu hút các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực then chốt, qua đó mở rộng không gian phát triển và nâng cao sức mạnh nội sinh của nền kinh tế địa phương.

Thứ hai, phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại và bền vững.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại và thân thiện với môi trường. Thành phố cần chú trọng phát triển giao thông thông minh, mở rộng không gian đô thị và các khu vực ven đô, xây dựng các khu đô thị sinh thái, công viên cây xanh và hồ điều hòa để cải thiện chất lượng sống. Hệ thống xử lý nước thải, rác thải, thoát nước và chống ngập cũng cần được hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc phát triển hạ tầng cần được gắn với quy hoạch tổng thể và tầm nhìn dài hạn nhằm bảo đảm tính hiệu quả và hạn chế đầu tư dàn trải.

Thứ ba, bảo tồn di sản gắn với phát triển du lịch bền vững.

thành phố Huế cần phát huy thế mạnh di sản để phát triển du lịch, đồng thời bảo tồn và gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống. Việc tu bổ và phục hồi di tích cần đảm bảo nguyên tắc khoa học, tính nguyên trạng và tính bền vững, tránh tình trạng can thiệp làm mất đi giá trị gốc của di sản. Cần nâng cao chất lượng trải nghiệm, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch gắn với văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực và đời sống cộng đồng. Cùng với đó, cần đẩy mạnh số hóa di sản và ứng dụng công nghệ để quảng bá hình ảnh Huế ra thế giới, góp phần xây dựng thương hiệu một đô thị di sản sống động và hấp dẫn.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao hiệu quả quản trị.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định cho sự phát triển lâu dài của

thành phố. Do đó, Huế cần đầu tư mạnh cho giáo dục - đào tạo, đặc biệt trong các lĩnh vực y tế, công nghệ thông tin, quản trị du lịch, logistics và kinh tế sáng tạo. Việc gắn kết chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu với doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động sẽ giúp hình thành đội ngũ lao động có năng lực, thích ứng nhanh với các yêu cầu mới.

Thứ năm, tăng cường ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Là địa phương chịu ảnh hưởng lớn từ biến đổi khí hậu, thành phố Huế cần xây dựng chiến lược thích ứng dài hạn, trong đó ưu tiên đầu tư các công trình phòng chống thiên tai, nâng cao khả năng cảnh báo sớm, ứng cứu và khắc phục hậu quả. Cần thúc đẩy mô hình đô thị xanh, nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu rác thải nhựa và tiết kiệm năng lượng. Công tác quy hoạch đô thị cũng cần tính đến yếu tố môi trường, đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn không gian sống an toàn, trong lành cho các thế hệ tương lai.

Những giải pháp này không chỉ giúp phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám và tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn là nền tảng để Huế xây dựng một tương lai phát triển bền vững, sáng tạo và đầy triển vọng trong thế kỷ 21.

KẾT LUẬN

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và những giá trị trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản vô giá và nguồn lực tinh thần to lớn, soi đường cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay. Đối với Huế - một đô thị di sản, văn hóa và giáo dục đặc biệt - việc phát huy những giá trị này không chỉ là yêu cầu lịch sử mà còn là động lực thiết yếu để kiến tạo một thành phố hiện đại, nhân văn và phát triển bền vững. Di sản văn hóa cần được bảo tồn và chuyển hóa thành nội lực phát triển kinh tế xã hội, với con người làm trung tâm và văn hóa là nền tảng tinh thần.

Để hiện thực hóa khát vọng đó, cần có sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị, sự đồng thuận và tham gia tích cực của nhân dân, cùng với tinh thần đổi mới, sáng tạo và trách nhiệm của thế hệ trẻ. Với ý chí vươn lên mạnh mẽ, Huế hoàn toàn có thể trở thành hình mẫu tiên phong về đô thị di sản kiểu mới - hiện đại, nhân văn và bền vững, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra. Chỉ khi ấy, Huế mới thực sự phát triển đúng tầm vóc, gìn giữ được hồn cốt dân tộc trong tiến trình hiện đại hóa, xứng đáng là đô thị kiểu mẫu về văn hóa và phát triển bền vững của Việt Nam.

VẬN DỤNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

*ThS. Trần Công Huân**

MỞ ĐẦU

Lịch sử dân tộc Việt Nam là một bản anh hùng ca bất diệt, được viết nên bằng bao thế hệ người Việt Nam kiên cường, bất khuất trong hành trình đấu tranh giành độc lập, tự do và xây dựng đất nước. Trong dòng chảy lịch sử ấy, Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những mốc son chói lọi, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Chỉ trong vòng nửa tháng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền trên phạm vi cả nước, đập tan ách thống trị hơn 80 năm của thực dân Pháp và chế độ phong kiến, chấm dứt hoàn toàn chế độ thực dân kiểu cũ tại Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thành công của Cách mạng tháng Tám không chỉ là thắng lợi của tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của toàn thể dân tộc, mà còn là sự kết tinh của những bài học chiến lược, nghệ thuật lãnh đạo, tổ chức cách mạng và sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối của Đảng trong hoàn cảnh cụ thể. Những bài học ấy, đến nay vẫn giữ nguyên giá trị và tính thời sự sâu sắc, là nền tảng quan trọng cho sự nghiệp cách mạng lâu dài của dân tộc ta, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay - giai đoạn mà đất nước đang tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động hội nhập sâu rộng với thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Trải qua 80 năm kể từ mùa thu lịch sử năm 1945, Việt Nam đã có nhiều bước phát triển vượt bậc về mọi mặt: từ một nước nông nghiệp lạc hậu, đói nghèo, chịu nhiều hậu quả nặng nề do chiến tranh tàn phá, đến nay đã trở thành một quốc gia đang phát triển năng động, có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển đó, đất nước cũng đang đứng trước nhiều thách thức to lớn như biến đổi khí hậu, già hóa dân số, suy thoái kinh tế toàn cầu, ô nhiễm môi trường, và đặc biệt là những tác động phức tạp của tình hình chính trị - kinh tế thế giới. Trong bối cảnh ấy, việc nhìn lại, phân tích sâu sắc những bài học kinh nghiệm từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 và vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay là một yêu cầu khách quan, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn.

NỘI DUNG

1. Những bài học kinh nghiệm từ Cách mạng tháng Tám năm 1945

1.1. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi

Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của nhiều nhân tố, song trước hết và trên hết là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương - nhân tố có tính chất quyết định. Trong bối cảnh đất nước bị đô hộ, nhân dân sống trong cảnh lầm than, nô lệ, sự ra đời của Đảng vào đầu năm 1930 là bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở ra con đường cứu nước mới cho dân tộc Việt Nam. Từ khi thành lập, Đảng đã xác định rõ mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, và kiên trì đấu tranh giành chính quyền vì lợi ích của nhân dân lao động.

Trước khi Đảng ra đời, phong trào yêu nước ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ nhưng thiếu đường lối đúng đắn, thiếu một lực lượng chính trị tiên phong đủ khả năng lãnh đạo toàn

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang.

dân. Các phong trào đấu tranh như Cần Vương, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, hay Khởi nghĩa Yên Bái đều thất bại. Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã chứng tỏ con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản đã bế tắc¹. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương với cương lĩnh đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước, mở ra kỷ nguyên mới cho cách mạng Việt Nam.

Trong suốt quá trình chuẩn bị và tiến hành Cách mạng tháng Tám, Đảng đã thể hiện rõ vai trò là bộ tham mưu chiến lược tài ba, biết vận dụng lý luận Mác - Lênin một cách linh hoạt vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng ta - là hiện thân của trí tuệ, bản lĩnh và đạo đức cách mạng. Người đã dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng chính là việc kịp thời chuyển hướng chiến lược cách mạng khi tình hình thay đổi. Từ năm 1941, tại Hội nghị Trung ương 8, Đảng xác định rõ hơn nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc. Đây là sự chuyển hướng chiến lược kịp thời và đúng đắn, đặt lợi ích sống còn của dân tộc lên trên hết, phù hợp với tình hình thực tiễn đất nước. Bên cạnh đó, việc thành lập Mặt trận Việt Minh để tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước là minh chứng cho tư duy tổ chức linh hoạt, thể hiện bản lĩnh và trí tuệ của Đảng trong việc lãnh đạo quần chúng cách mạng.

Bên cạnh đó, khả năng đánh giá đúng tình hình và chớp thời cơ cách mạng của Đảng vào tháng 8/1945 là minh chứng điển hình cho tầm nhìn chiến lược và quyết đoán của một Đảng cách mạng chân chính. Sau khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, bộ máy chính quyền tay sai rối loạn, Đảng đã chủ trương phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Hội nghị toàn quốc của Đảng (ngày 13 - 15/8/1945) và Quốc dân Đại hội ở Tân Trào (16/8/1945) đã thông qua quyết định tổng khởi nghĩa. Với tinh thần “dứt khoát, kịp thời, táo bạo, toàn dân, toàn diện”, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành khởi nghĩa thành công chỉ trong vòng nửa tháng, lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

1.2. *Nắm bắt, tận dụng thời cơ một cách nhạy bén*

Trong tiến trình cách mạng, thời cơ được xem là yếu tố vô cùng quan trọng, có thể quyết định sự thành bại của một phong trào. Từ góc nhìn lịch sử, thời điểm giữa tháng 8/1945 là một bước ngoặt lớn của thời đại. Trật tự thế giới đang chuyển biến mạnh mẽ do kết quả của Chiến tranh thế giới thứ hai. Tại Việt Nam, sau khi Nhật đảo chính Pháp (09/3/1945) và sau đó đầu hàng Đồng minh (15/8/1945), hệ thống cai trị thực dân-phát xít ở Đông Dương sụp đổ hoàn toàn. Đây là một “khoảng trống quyền lực” rất ngắn ngủi, nhưng nếu không kịp thời hành động, thì sẽ bị thế lực phản động trong và ngoài nước lợi dụng, quay lại thiết lập sự thống trị mới. Trong bối cảnh đó, chỉ một sự do dự, lưỡng lự hay chậm trễ đều có thể làm tan vỡ mọi nỗ lực và hy sinh trước đó của toàn dân tộc.

Chính trong thời khắc then chốt ấy, Đảng đã thể hiện sự nhạy bén hiếm có: đánh giá đúng cục diện quốc tế và trong nước, phát hiện ra “thời cơ vàng” để phát động tổng khởi nghĩa. Điều đặc biệt là, thời cơ không phải ngẫu nhiên mà có, mà là kết quả của quá trình theo dõi sát sao tình hình chiến sự toàn cầu, sự chuẩn bị lâu dài về lực lượng, tổ chức, và tư tưởng của cả dân tộc. Đảng đã chủ động chuẩn bị về mọi mặt: xây dựng lực lượng vũ

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 28.

trang, củng cố cơ sở quần chúng, đẩy mạnh tuyên truyền giải phóng dân tộc, phát triển các tổ chức cứu quốc,... Nhờ vậy, khi thời cơ xuất hiện, cách mạng không bị động mà có thể hành động ngay lập tức, đồng bộ và hiệu quả.

Việc Đảng kịp thời triệu tập Hội nghị toàn quốc từ ngày 13 - 15/8/1945 và Quốc dân Đại hội tại Tân Trào ngày 16/8/1945 cho thấy tư duy chỉ đạo cực kỳ sắc bén và quyết đoán. Đảng đã không chờ đợi, không phụ thuộc vào một lực lượng quốc tế nào, mà tự mình nắm quyền định đoạt vận mệnh dân tộc. Trong hoàn cảnh có nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm khởi nghĩa, Đảng đã kiên quyết lựa chọn phương án chủ động, chớp thời cơ “nước sôi lửa bỏng”, thể hiện tinh thần cách mạng triệt để, bản lĩnh dám nghĩ dám làm. Việc khởi nghĩa tại Hà Nội ngày 19/8, Huế ngày 23/8 và Sài Gòn ngày 25/8 diễn ra gần như không có đổ máu lớn, chứng tỏ thời cơ đã được tận dụng đúng lúc, đúng chỗ, đúng cách.

1.3. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, tinh thần đoàn kết luôn được xem là nguồn sức mạnh to lớn giúp nhân dân ta vượt qua muôn vàn thử thách. Cách mạng tháng Tám năm 1945 là minh chứng sống động cho chân lý: không có sức mạnh nào lớn hơn sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính sự gắn bó máu thịt giữa các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc, địa phương đã tạo thành một lực lượng cách mạng rộng khắp, là nền tảng để giành thắng lợi chỉ trong một thời gian ngắn.

Trong bối cảnh đất nước đang sống dưới ách áp bức của thực dân, phong kiến và phát xít, nhân dân Việt Nam dù khác biệt về hoàn cảnh, trình độ, tín ngưỡng, nhưng đều có chung một khát vọng: được sống tự do, được làm chủ quê hương. Đảng ta, với vai trò là lực lượng tiên phong cách mạng, đã nhận thức rõ sức mạnh vô song của sự đoàn kết toàn dân. Bằng chính sách mặt trận đúng đắn, Đảng đã xây dựng được một liên minh chính trị - xã hội rộng lớn trong Mặt trận Việt Minh, tập hợp mọi lực lượng yêu nước không phân biệt thành phần xuất thân. Đây là nét đặc sắc của cách mạng Việt Nam so với nhiều phong trào giải phóng dân tộc khác trên thế giới.

Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành tổng khởi nghĩa, tinh thần đại đoàn kết đã lan tỏa mạnh mẽ từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền ngược. Những đội cứu quốc, hội phụ nữ cứu quốc, đoàn thanh niên cứu quốc, hội nông dân, công nhân, tiểu thương,... đều tích cực tuyên truyền, tổ chức mít-tinh, biểu tình, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang. Nhân dân tự nguyện đóng góp lương thực, quần áo, tài sản; cất giấu cán bộ, che chở lực lượng cách mạng, cung cấp thông tin về địch... Tất cả đều hành động dưới một tinh thần duy nhất: vì nền độc lập của dân tộc.

Đặc biệt, trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, không thể không nhắc đến sự tham gia của đồng bào các dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Mường, H'Mông, Ê Đê, Gia Rai,... ở các vùng căn cứ địa cách mạng như Cao - Bắc - Lạng, Tây Bắc, Tây Nguyên. Họ là một phần không thể tách rời của khối đại đoàn kết dân tộc. Tại các địa phương này, sự phối hợp giữa cán bộ cách mạng và già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong cộng đồng đã làm nên sức mạnh gắn kết toàn dân, cùng nhau nổi dậy giành chính quyền một cách chủ động và sáng tạo.

1.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ là kết quả của nội lực dân tộc mà còn là minh chứng điển hình cho việc kết hợp đúng đắn, sáng tạo giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Sức mạnh dân tộc là tổng hợp của truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, ý chí kiên cường vượt khó, sự đoàn kết cộng đồng, và bản sắc văn hóa sâu sắc đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế

đầy biến động, sức mạnh ấy nếu chỉ phát huy đơn lẻ sẽ khó lòng đạt được hiệu quả toàn diện. Chính vì thế, việc hòa quyện với sức mạnh thời đại - tức là tận dụng xu thế, cơ hội và hỗ trợ từ tình hình khu vực và thế giới - đã trở thành yếu tố thúc đẩy cách mạng Việt Nam tiến thành công một cách nhanh chóng và vững chắc.

Thời điểm cuối Chiến tranh thế giới thứ hai là giai đoạn lịch sử đặc biệt, khi trật tự thế giới đang thay đổi sâu sắc. Chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật lần lượt sụp đổ. Phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc tại các thuộc địa ở châu Á, châu Phi trở dậy mạnh mẽ. Tư tưởng tiến bộ về quyền dân tộc tự quyết, về dân chủ, về công lý... được lan tỏa rộng rãi. Trong khi đó, Liên Xô - một trong những quốc gia tiên phong của chủ nghĩa xã hội - đang giành ưu thế trên chiến trường và tạo ảnh hưởng to lớn về mặt chính trị quốc tế.

Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhạy bén nắm bắt và tận dụng những điều kiện thuận lợi từ bối cảnh quốc tế đó để nâng cao thế và lực cho cách mạng trong nước. Đảng không tách rời mình khỏi các trào lưu tiến bộ thế giới, mà luôn coi cuộc cách mạng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới. Đó là lý do vì sao khẩu hiệu “Việt Nam độc lập” luôn đi liền với tinh thần “Đoàn kết với các dân tộc bị áp bức”, “Ủng hộ phong trào chống phát xít”... Tầm nhìn đó giúp cách mạng Việt Nam không rơi vào biệt lập, mà trái lại, được nhiều quốc gia ủng hộ, tạo thêm uy tín trên trường quốc tế.

Một điểm đặc biệt trong việc kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là Đảng ta đã biết tiếp thu có chọn lọc các tư tưởng và mô hình cách mạng tiên tiến của thế giới. Việc học hỏi kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào đấu tranh ở Trung Quốc, phong trào công nhân ở châu Âu, cùng với lý luận Mác - Lênin, đã giúp Đảng định hình con đường cách mạng đúng đắn: giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, tiến bộ. Tư tưởng đó không bị rập khuôn, giáo điều mà luôn được Việt hóa phù hợp với thực tiễn đất nước.

Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít. “Nó chống lại phát xít Nhật và bọn phong kiến phản động, tay sai của phát xít Nhật, và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phát xít xâm lược”².

2. Vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay

2.1. Tiếp tục khẳng định và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng

Trong suốt chiều dài lịch sử cách mạng Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn được xác lập như nhân tố trung tâm, xuyên suốt và quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta không chỉ là người lãnh đạo, tổ chức cách mạng mà còn là hạt nhân chính trị của hệ thống chính trị Việt Nam. Đó không phải là vai trò tự thân hay mặc định, mà được khẳng định qua thực tiễn chiến đấu, xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, trong điều kiện mới của thời đại - khi kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang đặt ra nhiều thách thức mới - vai trò lãnh đạo ấy phải không ngừng được củng cố trên cả ba phương diện: năng lực lãnh đạo, phẩm chất đạo đức và uy tín chính trị.

Thứ nhất, Đảng cần tiếp tục nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tri thức, cũng như các xu thế mới

² Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2007, t.1, tr.321.

trong quản trị quốc gia, đòi hỏi Đảng phải đổi mới tư duy, phát huy trí tuệ tập thể, kịp thời cập nhật xu thế thời đại để lãnh đạo đất nước không chỉ bắt kịp mà còn chủ động, tiên phong trong nhiều lĩnh vực. Điều này yêu cầu đội ngũ cán bộ cấp cao và trung ương của Đảng phải thực sự vững về lý luận, nhạy bén về thực tiễn và có tầm nhìn chiến lược.

Thứ hai, muốn giữ vững và củng cố vai trò lãnh đạo, Đảng phải không ngừng tự chỉnh đốn, tự đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Một Đảng cầm quyền lâu dài cần đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, lợi ích nhóm, tham nhũng, xa dân... là những nguy cơ trực tiếp làm xói mòn uy tín của Đảng nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời. Việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiên quyết xử lý cán bộ sai phạm, kê cả cán bộ cấp cao, đã bước đầu tạo dựng lại lòng tin trong nhân dân, song vẫn cần tiếp tục làm sâu hơn, hiệu quả hơn.

Thứ ba, vai trò lãnh đạo của Đảng chỉ thực sự vững chắc khi Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân. Điều này không chỉ thể hiện qua khẩu hiệu, nghị quyết, mà phải bằng hành động cụ thể: lắng nghe dân, vì dân mà hành động, lấy sự hài lòng và phát triển của nhân dân làm tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo. Trong thực tế, có những lúc, những nơi việc tổ chức thực hiện chính sách chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu, lợi ích thiết thực của người dân; thậm chí còn xa rời thực tiễn, gây ra khoảng cách giữa Đảng với quần chúng. Do đó, củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng cũng đồng nghĩa với việc củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân - coi đó là cội nguồn sức mạnh chính trị của Đảng.

Bên cạnh đó, việc tăng cường dân chủ trong nội bộ Đảng, phát huy trí tuệ và tinh thần phản biện trong sinh hoạt đảng cũng là điều kiện để Đảng thực sự là tổ chức tiên phong, dẫn dắt xã hội phát triển. Không có dân chủ trong Đảng thì khó có đổi mới trong phương thức lãnh đạo. Không có đổi mới phương thức lãnh đạo thì sẽ dẫn tới trì trệ trong triển khai chủ trương, chính sách. Vì vậy, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, từ chỉ đạo mệnh lệnh sang dẫn dắt, định hướng, tạo môi trường để xã hội phát triển chủ động là một yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Cuối cùng, trong bối cảnh cạnh tranh tư tưởng và ảnh hưởng từ các mô hình chính trị khác nhau trên thế giới, việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng cần được đặt trong tâm thế hội nhập nhưng không hòa tan. Đảng cần chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, nâng cao “sức đề kháng” của xã hội trước các luận điệu sai trái, đồng thời thể hiện năng lực lãnh đạo bằng kết quả thực chất trong phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

2.2. Phát huy tinh thần đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Tinh thần đoàn kết toàn dân là cơ sở, là nền tảng vững chắc cho tất cả các thắng lợi mà nhân dân ta đã đạt được trong lịch sử. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là một minh chứng điển hình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phong trào cách mạng đã khơi dậy tinh thần đoàn kết toàn dân, không phân biệt dân tộc, tôn giáo hay giai cấp, để cùng chung sức đánh đuổi thực dân, giành độc lập tự do cho dân tộc. Điều này cho thấy, đoàn kết không chỉ là một khẩu hiệu, mà là một nguyên tắc sống còn trong mọi giai đoạn phát triển của đất nước.

Trong bối cảnh đất nước hiện nay, tinh thần đoàn kết toàn dân vẫn là yếu tố vô cùng quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi đất nước đang đứng trước những cơ hội lớn trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đồng thời phải đối mặt với nhiều thách thức từ nội bộ và bên ngoài, sức mạnh đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân càng cần được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Trước hết, đoàn kết trong xây dựng đất nước là yếu tố quan trọng để tạo ra sự thống nhất về ý chí và hành động trong phát triển kinh tế, xã hội. Để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, không chỉ cần các chính sách đúng đắn mà còn phải có sự tham gia tích cực của toàn bộ xã hội. Mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp, mỗi tổ chức xã hội đều đóng một vai trò trong việc xây dựng một đất nước phát triển, thịnh vượng. Khi mà nguồn lực xã hội ngày càng đa dạng, việc phát huy sức mạnh của sự đoàn kết trong mọi tầng lớp sẽ giúp tạo ra sự đồng thuận trong việc thực hiện các chiến lược phát triển đất nước.

Đoàn kết toàn dân còn thể hiện trong việc phát huy sức mạnh nội lực của nhân dân trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau đại dịch Covid- 19. Tinh thần tương thân tương ái, hỗ trợ lẫn nhau, đặc biệt là trong thời gian khó khăn, giúp đất nước đứng vững và phục hồi nhanh chóng. Tinh thần này cần được tiếp tục duy trì, đặc biệt trong việc khôi phục nền kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và tăng cường hội nhập quốc tế.

Đoàn kết trong bảo vệ Tổ quốc cũng là một yếu tố quan trọng không thể thiếu. Trong suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt là trong những năm tháng chiến tranh, nhân dân Việt Nam luôn đoàn kết một lòng, đồng sức, đồng lòng chống lại mọi kẻ thù xâm lược, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Ngày nay, tình hình an ninh quốc gia vẫn đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt là từ các yếu tố bên ngoài như các tranh chấp lãnh thổ, các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, việc phát huy tinh thần đoàn kết toàn dân trong bảo vệ Tổ quốc là yếu tố không thể thiếu để giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Cùng với đó, đoàn kết toàn dân trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc còn phải được thể hiện qua sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Điều này được thể hiện thông qua việc lấy ý kiến của người dân về việc sáp nhập các đơn vị hành chính, lấy ý kiến về sửa đổi Hiến pháp... Đảng và Nhà nước cần tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào các quyết định quan trọng của đất nước, từ các chính sách phát triển đến việc giám sát thực hiện các chính sách ấy. Chính những yếu tố đó sẽ tạo ra một hệ thống chính trị minh bạch, công bằng và hiệu quả, nơi người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tích cực trong mọi quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

2.3. Nhảy bển trong nắm bắt cơ hội thời đại

Nhảy bển trong nhận diện cơ hội là yêu cầu đầu tiên trong quá trình nắm bắt cơ hội thời đại. Trong thế giới ngày nay, các cơ hội không phải lúc nào cũng rõ ràng và dễ dàng nhận ra. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, sự thay đổi nhanh chóng trong các xu thế toàn cầu, sự chuyển dịch quyền lực và ảnh hưởng giữa các quốc gia, tất cả đều tạo ra những cơ hội lẫn thách thức đan xen. Để có thể nhận diện chính xác những cơ hội này, Việt Nam cần phải tập trung vào việc phát triển năng lực dự báo chiến lược, nắm bắt xu hướng của thế giới và khu vực, đồng thời có những cơ chế và chính sách phù hợp để theo dõi, phân tích và đánh giá tình hình. Các cơ quan nghiên cứu, các chuyên gia và các tổ chức chiến lược cần được tăng cường để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác, từ đó giúp đất nước có được cái nhìn tổng thể về những thay đổi và cơ hội trong môi trường quốc tế.

Việc nhảy bển trong đánh giá cơ hội không chỉ dựa trên những yếu tố kinh tế, mà còn phải tính đến những yếu tố xã hội, chính trị và văn hóa. Sự thay đổi trong cấu trúc nền kinh tế toàn cầu, sự phát triển của các ngành công nghiệp mới như công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, hay các ngành công nghiệp không khói như du lịch, đều tạo ra những cơ hội lớn mà Việt Nam có thể tận dụng để nâng cao sức cạnh tranh. Tuy nhiên, để nhận diện cơ hội, Việt Nam cũng cần phải đánh giá một cách thận trọng

và toàn diện các yếu tố tác động đến cơ hội đó, bao gồm mức độ bền vững của cơ hội, khả năng áp dụng vào thực tiễn, và các rủi ro có thể xảy ra khi theo đuổi cơ hội đó.

Trong khi nhận diện và đánh giá cơ hội là rất quan trọng, thì nhạy bén trong hành động và tận dụng cơ hội mới là yếu tố quyết định để biến những cơ hội này thành lợi thế thực tế. Một khi cơ hội đã được nhận diện và đánh giá, việc hành động kịp thời và hiệu quả sẽ quyết định thành công. Để tận dụng cơ hội, Việt Nam cần một hệ thống chính trị và kinh tế linh hoạt, với các chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, tăng cường đầu tư vào khoa học và công nghệ, đồng thời tạo ra môi trường thuận lợi cho các ngành nghề mới phát triển. Chính phủ cần thiết lập các cơ chế để thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo trong toàn xã hội, từ đó khuyến khích sự tham gia của mọi tầng lớp trong việc khai thác và phát huy cơ hội.

Điều quan trọng trong việc nhạy bén trong nắm bắt cơ hội là phải có khả năng thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của thời đại. Thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, với sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, và tự động hóa, đang tạo ra một cơ hội và thách thức lớn đối với mọi quốc gia. Việt Nam cần phải tập trung vào việc nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, và cải thiện môi trường đầu tư để tham gia vào những ngành nghề có giá trị gia tăng cao trong thời đại số. Việc áp dụng công nghệ mới vào các ngành sản xuất truyền thống sẽ giúp gia tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tạo ra sản phẩm cạnh tranh hơn trên thị trường quốc tế.

Một yếu tố không thể thiếu trong việc tận dụng cơ hội thời đại là khả năng hợp tác quốc tế. Trong thế giới ngày nay, không có quốc gia nào có thể phát triển mạnh mẽ nếu chỉ tự mình đứng ngoài sự phát triển chung của thế giới. Việc Việt Nam tham gia vào các tổ chức quốc tế, các hiệp định thương mại tự do (FTA), hay hợp tác với các quốc gia phát triển về khoa học công nghệ, sẽ mở ra những cơ hội lớn trong việc nâng cao trình độ công nghệ, thu hút đầu tư và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hợp tác quốc tế cũng là yếu tố quan trọng để Việt Nam không chỉ tận dụng được các cơ hội phát triển mà còn có thể bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt.

2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế

Sức mạnh dân tộc bao gồm mọi yếu tố như tinh thần yêu nước, đoàn kết, lòng tự hào dân tộc, nền tảng văn hóa, trí tuệ, và sự phát triển của các lực lượng sản xuất trong nước. Đây là nguồn lực quan trọng nhất, tạo ra nền tảng vững chắc để phát triển đất nước. Tuy nhiên, trong thế giới ngày nay, không một quốc gia nào có thể phát triển mạnh mẽ nếu chỉ dựa vào sức mạnh nội tại mà thiếu sự kết hợp với các yếu tố bên ngoài, đặc biệt là sức mạnh quốc tế.

Sức mạnh quốc tế là kết quả của việc xây dựng và duy trì mối quan hệ hợp tác, đối tác chiến lược, và sự tham gia vào các tổ chức quốc tế. Trong thế giới hiện đại, quốc gia nào có mối quan hệ quốc tế rộng rãi, tham gia tích cực vào các tổ chức toàn cầu và khu vực, sẽ có nhiều cơ hội hơn trong việc nâng cao vị thế, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, và bảo vệ lợi ích quốc gia. Việt Nam, trong suốt quá trình phát triển, đã khéo léo kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sự tham gia sâu rộng vào các cơ chế quốc tế để đạt được những thành tựu vượt bậc.

Trước hết, sức mạnh dân tộc tạo nên nền tảng vững chắc cho đất nước. Việt Nam có một nền văn hóa phong phú, lịch sử lâu dài và bản sắc dân tộc đặc sắc. Những giá trị này không chỉ giúp củng cố tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước và ý thức bảo vệ Tổ quốc mà còn là nguồn động lực to lớn để đất nước phát triển. Sự phát triển của đất nước không thể tách rời khỏi việc bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa, truyền thống dân tộc. Chính

vì vậy, việc xây dựng và củng cố sức mạnh dân tộc luôn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định và phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, khi mà các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào nhau trong việc phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc gia, thì sức mạnh quốc tế trở thành yếu tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển của mọi quốc gia. Việt Nam, với chiến lược đối ngoại độc lập, tự chủ, và chủ động hội nhập quốc tế, đã phát huy hiệu quả sức mạnh quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế, củng cố vị thế trong khu vực và thế giới.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế có thể hiểu là việc phát huy tối đa những giá trị nội tại của dân tộc, kết hợp với việc tạo dựng mối quan hệ quốc tế mạnh mẽ để hỗ trợ cho sự phát triển của đất nước. Cụ thể, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cần tiếp tục duy trì nền tảng đoàn kết dân tộc, phát huy tiềm năng con người, nguồn lực tự nhiên, văn hóa dân tộc để tạo sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, cần đẩy mạnh mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường tham gia vào các tổ chức khu vực và quốc tế như ASEAN, Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại thế giới, các hiệp định thương mại tự do, và các cơ chế hợp tác đa phương khác. Việc tham gia sâu rộng vào cộng đồng quốc tế giúp Việt Nam không chỉ mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư mà còn học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu từ các nước phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và đổi mới sáng tạo.

Một yếu tố quan trọng trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc và quốc tế là việc hợp tác phát triển bền vững. Việt Nam cần chú trọng phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghệ thông tin, công nghiệp chế biến chế tạo, năng lượng tái tạo, công nghiệp sáng tạo, đồng thời đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Điều này không chỉ đòi hỏi sức mạnh nội lực của dân tộc mà còn phải có sự hỗ trợ của các quốc gia phát triển trong việc chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm quản lý và xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại.

Trong bối cảnh các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh lương thực, năng lượng, và an ninh mạng ngày càng trở nên nghiêm trọng, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế còn thể hiện ở sự chủ động tham gia vào các nỗ lực toàn cầu giải quyết những vấn đề này. Việt Nam đã thể hiện được vai trò tích cực trong các sáng kiến hợp tác quốc tế, từ việc tham gia vào các hiệp định quốc tế về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, đến việc đóng góp vào công tác gìn giữ hòa bình thế giới. Sự tham gia này không chỉ góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn giúp nâng cao uy tín và hình ảnh của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

KẾT LUẬN

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cột mốc lịch sử quan trọng, đánh dấu sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Thành công của Cách mạng tháng Tám không chỉ là chiến thắng của một phong trào yêu nước mạnh mẽ mà còn là kết quả của những bài học quý báu về sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, khả năng nắm bắt thời cơ và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Những bài học này vẫn có giá trị to lớn và có thể vận dụng một cách linh hoạt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Để đưa đất nước phát triển vững mạnh, chúng ta cần tiếp tục khẳng định và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối đối với mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội. Đồng thời, sự phát huy tinh thần đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố không thể thiếu trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển. Mỗi người dân Việt Nam, dù ở trong nước hay ngoài nước, đều phải là một phần trong cuộc hành trình xây dựng một Việt Nam thịnh vượng và hùng cường.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

*ThS. Nguyễn Thị Hiền**

*TS. Nguyễn Thị Hoa***

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo, lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa. Với thắng lợi của cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế nghìn năm lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước do nhân dân lao động làm chủ. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân độc lập, tự do, người làm chủ vận mệnh của mình. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, “chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”¹.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã tạo bước ngoặt cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; tạo tiền đề cho sự ra đời của một chế độ xã hội mới hoàn toàn đối với dân tộc Việt Nam, hiện hữu đầy đủ bản chất dân chủ, nhân văn vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân lao động. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là động lực mạnh mẽ cổ vũ toàn thể dân tộc Việt Nam kiên cường, bất khuất tiếp tục sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đưa nước ta phát triển để có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày hôm nay.

Đất nước ta đổi mới nhưng vẫn kiên trì mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đổi mới để có chủ nghĩa nhiều hơn, chứ không vì mục tiêu nào đó. Chúng ta thực hiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; thực hiện nhất nguyên chính trị theo hướng dân chủ xã hội chủ nghĩa. Khi tiến hành đổi mới, Đảng ta chủ trương phát triển nhanh về kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới về hoạt động của hệ thống chính trị cho phù hợp.

NỘI DUNG

Ngay từ khi ra đời (1930), Đảng đã đề ra đường lối đúng đắn với mục tiêu xuyên suốt của sự nghiệp cách mạng là vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào phong trào cách mạng thế giới. Vì vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ và tin tưởng tuyệt đối. Chỉ trong vòng 15 năm (1930 - 1945), Đảng ta đã lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến hành ba cao trào cách mạng: cao trào cách mạng 1930 - 1931 (đỉnh cao là phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh; cao trào cách mạng dân chủ, dân sinh (1936 - 1939) và cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945).

Cách mạng tháng Tám thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của khát vọng độc lập, tự do và ý chí tự lực, tự cường, *quyết đem sức ta mà tự giải phóng cho ta* như lời kêu gọi tổng khởi nghĩa của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nêu rõ. Đó là thắng lợi của đường lối cứu nước và sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí

^{*,**} Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.159.

Minh và vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng trong cả nước. Có được những cán bộ, đảng viên trung kiên, hy sinh, chiến đấu vì giải phóng dân tộc, vì cuộc sống của nhân dân, là thành công lớn trong xây dựng Đảng và thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng.

Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong hoàn cảnh rất khẩn trương, hầu hết cán bộ trong bộ máy chính quyền từ Trung ương đến các địa phương đều không được đào tạo về quản lý, hành chính, chỉ sẵn có lòng yêu nước, nhiệt tình cách mạng và quyết tâm xây dựng, bảo vệ chính quyền non trẻ. Mọi công việc quản lý chính quyền đều mới mẻ, bỡ ngỡ. Ngay từ những ngày đầu Chính phủ lâm thời được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân,... Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”². Chính quyền cách mạng non trẻ sau Cách mạng tháng Tám tồn tại và phát triển được chính là nhờ có sự ủng hộ, bảo vệ hết lòng, hết sức của nhân dân.

Những điểm mạnh, yếu của chính quyền dân chủ nhân dân về mặt tổ chức bộ máy, nhân sự, về trình độ, năng lực và đạo đức của cán bộ, nhân viên chính quyền, được hình thành và xây dựng từ sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra một cách cụ thể, thẳng thắn, có cả tính cảnh báo, đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước hiện nay, việc xây dựng một chính quyền nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân luôn là tiêu chí, là mục đích để chúng ta phấn đấu. Chính quyền có mạnh, hoạt động có hiệu quả, ắt phải dựa vào dân. Quần chúng nhân dân là một lực lượng to lớn, sáng suốt, có sức mạnh vô song. Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “*dân là gốc*”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu” chính là thông điệp ngắn gọn nhưng sâu sắc tại Đại hội XIII về vị thế của nhân dân và vai trò của việc thực hiện phương châm của Đảng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau khi kết thúc chiến tranh, đất nước được độc lập, hòa bình, thống nhất, Đảng đã đề ra đường lối, chủ trương và lãnh đạo toàn dân khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, do mắc sai lầm trong chỉ đạo, cộng với hoàn cảnh quốc tế không thuận, đã có lúc tình hình kinh tế - xã hội lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng, đe dọa đến sự tồn vong của chế độ xã hội. Trước tình hình đó, với tinh thần cầu thị, nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế. Chính nhờ có đường lối đúng đắn, mạnh mẽ, đáp ứng được đòi hỏi của thời cuộc, đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của đông đảo nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội có sự chuyển biến mạnh mẽ, đất nước từng bước thoát khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng, vững bước đi lên.

Trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, Đảng vẫn đóng vai trò quyết định sự phát triển của đất nước thông qua sự lãnh đạo bằng các đường lối,

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2000, t.4, tr.56 - 57.

chủ trương đúng đắn, sáng tạo. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình đã có nhiều sự biến chuyển khác xa so với thời kỳ Cách mạng tháng Tám 1945, khi đất nước đã có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội, mặt bằng dân trí được nâng cao, mọi mặt đời sống đã hội nhập sâu với thế giới, xu thế toàn cầu hóa đóng vai trò chủ đạo, thì các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cũng cần có sự điều chỉnh phù hợp để vừa tiếp tục khẳng định sự lãnh đạo của Đảng, vừa nhận được sự đồng thuận cao của toàn dân trong các vấn đề trọng đại của đất nước.

Qua gần 40 năm đổi mới, “đất nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Đây là niềm tự hào, là động lực, là nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững đất nước”³.

Qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, hơn 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được phát triển và hoàn thiện. Công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng từ năm 1986 đến nay thu được những thắng lợi, thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; đưa đất nước ta từ một nước nghèo trên thế giới trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình. Đất nước ta được xây dựng ngày càng đàng hoàng hơn, đời sống của nhân dân ta ngày càng được cải thiện căn bản, toàn diện hơn, vị thế của đất nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Có được những thành tựu to lớn, đáng tự hào đó, là do nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng là do Đảng ta đã kiên định vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cho phù hợp với thực tiễn phát triển của từng thời kỳ, dẫn dắt dân tộc ta vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, không ngừng đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc.

Gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình với định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững; vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của quốc gia từng bước được nâng cấp; đời sống vật chất tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt; quốc phòng an ninh được đảm bảo vững chắc. Đại hội XIII của Đảng nhận định: “*Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa”⁴.

Theo đó, Đảng ta nhấn mạnh tới “*khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*”⁵; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.103 - 104.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.103.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.34.

hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó có nguồn lực nội sinh, tạo động lực mới cho quá trình phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Tiếp nối truyền thống yêu nước nồng nàn, phát huy tinh thần Cách mạng tháng Tám, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, đánh bại các cuộc xâm lăng, bảo vệ nền độc lập dân tộc, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Thành tựu của gần 40 năm đổi mới đất nước vừa qua chính là thành quả của ý chí Cách mạng tháng Tám, của sự kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; của nghệ thuật chớp lấy thời cơ, vững vàng vượt qua thách thức, sáng tạo trong hoạch định và thực hiện đường lối chính sách phù hợp với nhân dân; luôn quán triệt quan điểm *“lấy dân làm gốc”*, vì lợi ích nhân dân, dựa vào dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; luôn đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thời gian qua, các thế lực thù địch, phản động ráo riết chống phá nước ta là tìm mọi cách phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, mưu toan phủ nhận, bác bỏ vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trên nhiều phương tiện truyền thông, nhất là trên internet, các mạng xã hội, như xuyên tạc rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết vai trò lịch sử, không còn đủ khả năng để lãnh đạo đất nước trong bối cảnh thế giới có nhiều bất ổn, làm cho đất nước lâm vào tình trạng yếu thế, lạc hậu trước xu hướng bùng nổ thông tin và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ.

Các thế lực thù địch, phản động cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng suy thoái, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng tham nhũng, tham ô, lãng phí; Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái thành công. Tình hình, điều kiện, bối cảnh mới ngày nay đã khác và có nhiều thay đổi về bản chất với vai trò của khoa học - công nghệ, đội ngũ trí thức ngày càng tăng, nhiệm vụ trọng tâm hiện nay là phát triển kinh tế thị trường có sự định hướng và quản lý của Nhà nước, trong đó có vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã không còn đủ khả năng lãnh đạo đất nước trong thời gian tới. Từ đó, các thế lực thù địch, phản động đòi hỏi một cách phi lý rằng Đảng tự nguyện rời bỏ vai trò lãnh đạo vì Đảng “chỉ giỏi lãnh đạo trong chiến tranh”, còn trong xây dựng kinh tế thì nên trao quyền cho lực lượng chính trị khác.

Những luận điệu trên bộc lộ dã tâm, mưu đồ đen tối của các thế lực thù địch, phản động là xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đòi Đảng ta phải thoái lui, hòng thực hiện “đa nguyên, đa đảng”, từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để đưa Việt Nam theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản; từ đó, gây tâm lý hoài nghi, dao động, giảm sút niềm tin trong nhân dân, đặc biệt là niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thực tế lịch sử ở Việt Nam đã chứng minh tính tất yếu khách quan về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các giai đoạn của tiến trình cách mạng. Không có một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được vai trò này của Đảng Cộng sản Việt

Nam. Mọi luận điệu, mưu toan hạ thấp hoặc xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam đều đi ngược với điều kiện thực tế của nước ta. Sự cần thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không phải tự nhiên mà là tất yếu của lịch sử.

Để đánh giá vai trò, khả năng lãnh đạo đất nước của một chính đảng cầm quyền, cần phải xem xét bản chất, mục tiêu, đường lối lãnh đạo của đảng cầm quyền. Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức ưu tú nhất của giai cấp công nhân, của nhân dân và dân tộc Việt Nam. Mục tiêu, lý tưởng, lợi ích của Đảng luôn thống nhất với mục tiêu, lý tưởng, lợi ích của giai cấp công nhân, toàn thể dân tộc Việt Nam. Đảng một lòng, một dạ phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, phụng sự dân tộc. Mục đích hoạt động, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện rõ: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁶, là “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”; xây dựng một xã hội Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, đưa đất nước Việt Nam ngày càng phồn vinh, thịnh vượng, xã hội ổn định, phát triển, đời sống nhân dân thường xuyên được cải thiện,... Với bản chất, mục tiêu, đường lối như vậy thì chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới là chính đảng duy nhất lãnh đạo đất nước và nhân dân Việt Nam tiến tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc⁷.

Bối cảnh mới hiện nay với nhiều thách thức, khó khăn càng khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, an ninh được giữ vững, chính trị ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; quy tụ, tập hợp được các giai cấp, tầng lớp; tập trung, huy động được các nguồn lực cho phát triển đất nước; thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, nâng cao đời sống của nhân dân.

Những minh chứng nổi bật qua các con số thành tựu thực tiễn trong gần bốn thập niên qua ở Việt Nam cho thấy công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: Kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng khá cao (giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng bình quân khoảng 6%/năm); chất lượng tăng trưởng được cải thiện, quy mô và tiềm lực nền kinh tế được nâng lên (năm 2010 đạt 115,93 tỷ USD, năm 2015 đạt 193,24 tỷ USD, năm 2019 đạt 261,92 tỷ USD, năm 2020 đạt 343 tỷ USD). Bình quân thu nhập đầu người tăng nhanh (năm 2020: 3.548,89 USD; năm 2021: 3.756,89 USD; năm 2023: 4.324,05 USD; năm 2024: 4.522,54 USD). Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam tăng nhanh, xếp thứ 77/140 nền kinh tế thế giới (năm 2024)⁸.

Với vai trò to lớn đối với sự nghiệp của dân tộc, đối với hạnh phúc của nhân dân trong hơn 95 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định rõ bản lĩnh, trí tuệ và tầm ảnh hưởng của Đảng Cộng sản đối với thời đại. Qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện trên tất cả lĩnh vực. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”⁹.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.65.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.187.

⁸ Đào Công Thành: Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam trong tình hình mới, *Tạp chí Công thương điện tử* (04/7/2022), truy cập tại: <https://tapchicongthuong.vn/nang-cao-chi-so-nang-luc-can-ting-quoc-gia-cua-viet-nam-trong-tinh-hinh-moi-89787.htm>

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.25.

KẾT LUẬN

Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 56 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xin nguyện đồng lòng, quyết tâm thực hiện *điều mong muốn cuối cùng* trong *Di chúc* của Người là “phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹⁰. Gần 80 năm đã trôi qua, song thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị lịch sử. Trong đó, sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng không chỉ là bài học quý báu đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam mà còn có ý nghĩa sâu sắc trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước hôm nay.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.614.

GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ GIAI CẤP TRONG CƯƠNG LĨNH ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

*ThS. Doãn Thị Mai Thủy**

MỞ ĐẦU

Trong quá trình phát triển cách mạng vô sản, vấn đề dân tộc luôn gắn bó mật thiết với vấn đề giai cấp, cả hai đều thuộc phạm trù của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đối với các quốc gia thuộc địa, nhiệm vụ dân tộc được đặt lên hàng đầu với trọng tâm là đấu tranh chống lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc để giành lại độc lập. Việc giải quyết hai vấn đề dân tộc và giai cấp không tách rời mà bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành mối quan hệ biện chứng: mỗi nhiệm vụ vừa là điều kiện, vừa là tiền đề cho nhiệm vụ kia. Cụ thể, V.I. Lênin phê phán việc tuyệt đối hóa vấn đề dân tộc, đặt nó lên trên vấn đề giai cấp, coi đó là biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Ông cho rằng lợi ích dân tộc phải phục tùng lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp. Đồng thời, V.I. Lênin cũng phản đối xu hướng xem nhẹ vấn đề dân tộc, chỉ chú trọng đến giai cấp mà không quan tâm đến đặc điểm dân tộc, gọi đó là thái độ “hư vô dân tộc”¹. Do vậy, sự kết hợp hài hòa giữa hai vấn đề là nguyên tắc chiến lược không thể thiếu trong cách mạng vô sản. Điều này xuất phát từ bản chất của giai cấp thống trị, vốn không bao giờ tự nguyện từ bỏ quyền lực và lợi ích. Bên cạnh đó, việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc - giai cấp còn là một nội dung quan trọng trong sách lược cách mạng của giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa có trình độ kinh tế lạc hậu, nhằm cô lập kẻ thù chính, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và tiến tới chủ nghĩa xã hội.

NỘI DUNG

1. Vấn đề mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp ở Việt Nam

Mỗi giai cấp trong xã hội đều có cách tiếp cận và lý giải riêng đối với vấn đề dân tộc. Trong các thế kỷ XVI đến XVIII, khái niệm dân tộc gắn bó mật thiết với vai trò lịch sử của giai cấp tư sản. Khi ấy, giai cấp tư sản đã giương cao khẩu hiệu dân tộc như một công cụ để lật đổ chế độ phong kiến đã lỗi thời, và những thắng lợi trong phong trào đấu tranh dân tộc lúc bấy giờ cũng đồng nghĩa với sự thắng thế của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, khi chủ nghĩa tư bản phát triển lên giai đoạn đế quốc, giai cấp tư sản đã biến thành lực lượng áp bức và bóc lột quy mô toàn cầu và cản trở tiến trình lịch sử. Bước ngoặt xảy ra sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, khi giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến đã khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng. Họ không chỉ đại diện cho lợi ích của riêng giai cấp mình mà còn kết hợp hài hòa với lợi ích của toàn thể nhân dân lao động. Từ đó, vấn đề dân tộc được gắn liền với vai trò lịch sử của giai cấp công nhân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, sự kết hợp giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân cũng nằm trong xu thế tất yếu đó.

Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam năm 1858, xã hội Việt Nam chuyển từ phong kiến suy tàn sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nảy sinh hai mâu thuẫn cơ

* Trường Đại học Nghệ An.

¹ Phạm Thị Hoàng Hà, Nguyễn Thị Thu Huyền: “ Tư tưởng V. I. Lênin về quan hệ giai cấp - dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử* (27/7/2020). Truy cập tại: <https://lyluanchinhtrivietnam.vn/tu-tuong-vilenin-ve-quan-he-giai-cap-dan-toc-va-su-van-dung-cua-dang-cong-san-viet-nam-p25088.html>

bản: giữa toàn dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai và giữa nông dân với địa chủ phong kiến. Yêu cầu lịch sử đặt ra là phải đồng thời giải quyết cả hai mâu thuẫn này, kết hợp đấu tranh dân tộc với đấu tranh giai cấp.

Pháp dựa vào giai cấp địa chủ để củng cố ách thống trị, và giai cấp này sẵn sàng làm tay sai để bảo vệ lợi ích của mình. Vì vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, con đường duy nhất để giải phóng dân tộc là cách mạng vô sản chỉ khi giai cấp vô sản được giải phóng thì dân tộc mới thực sự độc lập. Từ chủ nghĩa Mác - Lênin và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, Người khẳng định chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới mang lại tự do, bình đẳng và hạnh phúc cho toàn nhân loại.

Những tư tưởng đó là cơ sở lý luận cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong Chính cương vắn tắt năm 1930, Hồ Chí Minh nêu rõ con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng ruộng đất, hướng đến xã hội Cộng sản. Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam, chỉ có giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng mới đủ khả năng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hội nhập cách mạng thế giới.

2. Giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định rõ chiến lược và sách lược cách mạng phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam và xu thế thời đại. Trong *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt*, Đảng đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm là đánh đổ đế quốc và phong kiến, thực hiện cách mạng ruộng đất triệt để, tiến tới thành lập chính quyền công nông, khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đây là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trên lập trường công nhân. Tư tưởng đó đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng: “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”². Điều này cho thấy, theo Hồ Chí Minh, chỉ khi giai cấp vô sản được giải phóng thì dân tộc mới thực sự độc lập, và sự nghiệp này chỉ có thể do chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới đảm đương.

Ngay từ khi thành lập (ngày 3 tháng 2 năm 1930), trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ con đường cách mạng là phải trải qua hai giai đoạn kế tiếp: trước tiên tiến hành cách mạng dân chủ tư sản và cách mạng ruộng đất, sau đó từng bước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đến Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930, tư tưởng đó tiếp tục được phát triển, nhấn mạnh rằng cách mạng Việt Nam trước hết là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau đó chuyển tiếp sang thời kỳ quá độ và tiến tới chủ nghĩa xã hội, hướng tới mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Chiến lược đó thể hiện sự linh hoạt sâu sắc và vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về tính kế thừa và sự chuyển tiếp biện chứng giữa các giai đoạn cách mạng. Trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, mặc dù dồn toàn lực cho nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến, Đảng vẫn chú trọng công tác tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa và chuẩn bị các yếu tố vật chất - kỹ thuật cho giai đoạn phát triển sau này. Khi điều kiện cho phép, Đảng đã chủ động xây dựng những nền tảng kinh tế sơ khai mang tính chất xã hội chủ nghĩa, phục vụ đồng thời cả yêu cầu trước mắt và lâu dài. Dù xây dựng chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của tương lai, nhưng việc phổ biến tư tưởng đó ngay trong giai đoạn đầu lại có tác dụng cổ vũ mạnh

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.588.

mề tinh thần cách mạng, đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là công nhân và nông dân, lực lượng nòng cốt của cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự thành công của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chính là điều kiện thuận lợi để từng bước hiện thực hóa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng mà còn vượt lên những hạn chế của các phong trào yêu nước trước đó vốn thiếu định hướng rõ ràng về con đường phát triển dân tộc sau khi giành độc lập. Chính sự mơ hồ đó đã góp phần khiến cho các cuộc khởi nghĩa theo kiểu cũ không đạt được thắng lợi bền vững.

Những vấn đề về nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam đó là chống đế quốc chống phong kiến thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Đây là nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam. Xuất phát từ đặc điểm chế độ thuộc địa nửa phong kiến, Cương lĩnh đã phân tích mối quan hệ gắn bó của hai nhiệm vụ đó là: “Có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa thắng lợi, mà nó phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”³. Sự kết hợp hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến đã khẳng định tính toàn diện, triệt để của đường lối cách mạng Việt Nam. Những nhiệm vụ đó biểu hiện sinh động của việc giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đó chính là giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong đường lối của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chánh cương vắn tắt (1930) của Đảng xác định rõ con đường giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam: “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁴. Như vậy, Chánh cương của Đảng đã làm khẳng định tính chất, nội dung của cách mạng thuộc địa là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc song nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản, chính là làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội gắn liền mật thiết với nhau thể hiện ở mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong đó, cách mạng giải phóng dân tộc là bước đi đầu tiên, là cơ sở để tiến lên xây dựng xã hội cộng sản. Là con đường cách mạng tất yếu của một nước thuộc địa như Việt Nam.

Đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh và từ nhận thức đúng yêu cầu phát triển khách quan của xã hội Việt Nam. Đảng ta thấy rõ sự thống nhất song không đồng nhất, tách rời giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong tiến trình cách mạng ở Việt Nam: Giải quyết vấn đề dân tộc đã bao hàm nội dung vấn đề giai cấp, là điều kiện để giải quyết vấn đề giai cấp, ngược lại giải quyết vấn đề giai cấp càng có kết quả bao nhiêu thì những thành tựu của quá trình giải quyết vấn đề dân tộc lại càng được củng cố hoàn thiện bấy nhiêu. Ở nước ta khi giai cấp công nhân chưa giành được chính quyền thì phải đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu, mọi quyền lợi của giai cấp phải đặt dưới sự tôn vinh của lợi ích quốc gia dân tộc. Song không vì thế mà Đảng ta xem nhẹ tinh thần quốc tế vô sản của giai cấp công nhân và coi thường quyền tự quyết của các dân tộc, ngược lại Đảng luôn luôn nêu cao bản chất quốc tế của mình và tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc, xác định và thực hiện tốt trách nhiệm đối với cách mạng thế giới, trước hết là đối với cách mạng Lào, cách mạng Campuchia.

3. Bài học về giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đối với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Đất nước ta đang đứng trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên mới- kỷ nguyên văn minh,

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.98.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2002, t.2, tr.98.

giàu mạnh, thịnh vượng, vươn mình của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, để đạt được các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định, với những mốc quan trọng 100 năm thành lập Đảng, nước ta trở thành nước phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và 100 năm thành lập đất nước là nước có phát triển, thu nhập cao, ngoài đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo chuyên đổi số quốc gia,...thì việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, tăng cường đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, là động lực to lớn để phát triển đất nước.

Một là, đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa vấn đề dân tộc và phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thường xuyên tổng kết thực tiễn và bổ sung lý luận về con đường phát triển đất nước. Đây cũng là nhiệm vụ trọng tâm của công tác lý luận nhằm bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới diễn ra đúng hướng, hiệu quả và bền vững.

Trong bối cảnh hiện nay, lập trường giai cấp công nhân còn là nền tảng để tăng cường tính chiến đấu của Đảng, phản bác các luận điệu xuyên tạc như đòi “tách Đảng khỏi Nhà nước” hay “tù bỏ con đường xã hội chủ nghĩa”. Những quan điểm này thực chất là nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và cổ súy cho chủ nghĩa tư bản, đi ngược lại lợi ích dân tộc và nhân dân.

Đồng thời, trong quá trình hội nhập quốc tế, việc thực hiện chính sách đối ngoại cần luôn đặt trên nền tảng giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này đòi hỏi mỗi tổ chức, cá nhân phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, am hiểu đúng bản chất vấn đề dân tộc, biết kết hợp hài hòa giữa giữ gìn giá trị văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa nhân loại, bảo đảm sự phát triển toàn diện và bền vững trong thời đại toàn cầu hóa.

Hai là, phải luôn đổi mới, sáng tạo các hình thức tổ chức phù hợp với từng đối tượng và yêu cầu nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng trong từng thời kỳ, từng giai đoạn.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân và sức mạnh của nhân dân chỉ được phát huy hiệu quả khi họ được giác ngộ về chính trị và tổ chức một cách khoa học, chặt chẽ. Sức mạnh ấy không chỉ giới hạn trong phạm vi của giai cấp tiên phong hay lực lượng nòng cốt, mà còn bao gồm sự tham gia của nhiều tầng lớp xã hội, mỗi cá nhân đều có thể trở thành một phần quan trọng trong tiến trình cách mạng. Trong mỗi giai đoạn lịch sử, cách mạng lại đặt ra những nhiệm vụ cụ thể với yêu cầu và mục tiêu khác nhau. Chính vì vậy, để xây dựng và huy động sức mạnh toàn dân một cách hiệu quả, lực lượng lãnh đạo - trực tiếp là đội tiên phong cách mạng cần có phương thức vận động, tổ chức phù hợp với từng nhóm đối tượng, trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng đặc điểm xã hội và yêu cầu của từng thời kỳ. Thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh rằng: khi các hình thức tập hợp quần chúng được lựa chọn đúng đắn, sát với thực tế, thì không chỉ quy tụ được lực lượng rộng rãi trong nhân dân, mà còn tạo điều kiện để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Ba là, luôn chăm xây dựng Đảng vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ cách mạng.

Việc không ngừng củng cố và phát triển tổ chức Đảng vững mạnh luôn là vấn đề có tính chất nguyên tắc trong tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng. Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, nhiệm vụ xây dựng,

chính đốn Đảng càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Đây không chỉ là một yêu cầu chiến lược, mà còn là yếu tố then chốt có tính quyết định đối với tương lai của Đảng cũng như sự bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Với vai trò là Đảng cầm quyền, Đảng ta phải thường xuyên tự đổi mới, tự hoàn thiện để giữ vững phẩm chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đủ khả năng đảm đương sứ mệnh lãnh đạo toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời, Đảng cần giữ vững vai trò hạt nhân trong việc lãnh đạo nhân dân đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực phản động, trong đó có chiến lược “diễn biến hòa bình”, bảo vệ thành quả cách mạng và độc lập dân tộc.

Bên cạnh đó, nhận thức đúng đắn và giải quyết hiệu quả mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp là nguyên lý căn bản trong tiến trình cách mạng vô sản. Đây là yêu cầu tất yếu đối với mọi Đảng Cộng sản nhằm huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, bảo đảm cho từng giai đoạn cách mạng đạt được mục tiêu cụ thể, đồng thời tạo nền tảng cho thắng lợi lâu dài của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, hiệu quả của việc giải quyết mối quan hệ này phụ thuộc rất lớn vào bản lĩnh chính trị, năng lực lý luận và sự vận dụng sáng tạo của mỗi Đảng trong điều kiện lịch sử cụ thể.

Từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác lập rõ tư tưởng cốt lõi: gắn kết chặt chẽ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, coi đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt sự nghiệp cách mạng. Thực tiễn giai đoạn 1939-1945 chứng minh đường lối giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp đã mang lại thắng lợi lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá cho công cuộc đổi mới hiện nay.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh Việt Nam, phản ánh tư duy độc đáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc giải phóng và phát triển dân tộc. Cương lĩnh đã xác định đúng hướng cách mạng, kết hợp hài hòa giữa truyền thống yêu nước, tinh thần quốc tế, và thực tiễn Việt Nam.

Tư tưởng cách mạng vô sản mà Cương lĩnh đề ra đã quy tụ lực lượng cách mạng quanh giai cấp công nhân, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng. Tính đúng đắn của Cương lĩnh được kiểm chứng qua chặng đường đấu tranh giành độc lập, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành quốc gia độc lập, đang trên đà xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Cương lĩnh đầu tiên không chỉ đặt nền móng cho đường lối chiến lược mà còn mở ra quá trình phát triển tư duy, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng để thích ứng với yêu cầu mới của thực tiễn cách mạng.

KẾT LUẬN

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930), đã khái quát một cách sâu sắc và cô đọng những nguyên lý nền tảng của con đường cách mạng Việt Nam. Văn kiện này thể hiện rõ bản lĩnh chính trị kiên định, tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo trong phân tích tình hình đất nước lúc bấy giờ, một xã hội thuộc địa nửa phong kiến với nhiều mâu thuẫn gay gắt. Đặc biệt, Cương lĩnh đã chỉ ra mâu thuẫn chủ yếu giữa toàn thể dân tộc Việt Nam và chủ nghĩa đế quốc, từ đó xác định đúng đắn vai trò, thái độ của các giai tầng xã hội đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trên cơ sở phân tích thực tiễn, Cương lĩnh đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, xác lập chiến lược

lâu dài, sách lược cụ thể, phương pháp tiến hành cách mạng cũng như xác định lực lượng chủ yếu đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu đã đặt ra.

Các văn kiện như “Chánh cương vắn tắt”, “Sách lược vắn tắt” được coi là bản tổng kết lý luận và thực tiễn cách mạng, đánh giá đúng bản chất xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, đồng thời khẳng định con đường đấu tranh dân tộc là thông qua sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân. Từ đây, một cương lĩnh hành động mạch lạc, nhất quán và mang tính cách mạng triệt để đã được xác lập, mở đường cho phong trào cách mạng Việt Nam phát triển đúng hướng.

Thực tiễn lịch sử 95 năm qua là minh chứng sinh động cho tính đúng đắn và sáng tạo của đường lối do Đảng đề ra. Dưới sự lãnh đạo kiên định của Đảng, nước ta đã thoát khỏi thuộc địa, giành lại độc lập dân tộc, xây dựng một Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhân dân từ chỗ là những người bị áp bức, bóc lột đã trở thành người chủ thực sự của đất nước và xã hội. Từ một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu, Việt Nam từng bước vươn lên phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khẳng định vị thế ngày càng lớn mạnh trên trường quốc tế. Thành quả ấy cho thấy các cương lĩnh chính trị của Đảng có giá trị lý luận sâu sắc, sức sống bền vững, đồng thời phản ánh sự phù hợp của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với quy luật khách quan của lịch sử và đòi hỏi cụ thể của thực tiễn cách mạng nước ta trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY

*ThS. Dương Thị Nghĩa**

MỞ ĐẦU

Tròn tám thập kỷ trôi qua nhưng chiến thắng của Đảng và nhân dân ta giành được trong Cách mạng tháng Tám như một bài ca hùng tráng vẫn còn vang vọng mãi với thời gian. Nhân tố hàng đầu quyết định những thắng lợi vẻ vang ấy là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng đã kiên định lập trường mục tiêu chiến lược của cách mạng, giải quyết đúng đắn hai nhiệm vụ đánh đuổi đế quốc và đánh đổ phong kiến, kiên quyết đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu; chỉ đạo xây dựng lực lượng, khơi dậy và phát huy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân. Trước sự thay đổi của tình hình, Đảng đã linh hoạt chuyển hướng chiến lược tiến lên chớp “thời cơ” nhằm giành được những thắng lợi cuối cùng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã đoàn kết, đồng sức đồng lòng, nhất tề đứng lên chiến đấu với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹. Là nhân tố hàng đầu quyết định những thắng lợi vẻ vang ấy, trong 15 năm (1930 - 1945), Đảng ta đã không ngừng xây dựng đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị, tổ chức, ngang tầm với nhiệm vụ mà nhân dân ta đã tin tưởng giao phó. Tất cả kinh nghiệm trên đã trở thành những bài học vô cùng quý giá, có giá trị to lớn cho thế hệ sau. Những bài học kinh nghiệm quý báu được đúc kết là những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, cần được chất lọc, vận dụng trong sự nghiệp đổi mới, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay

NỘI DUNG

1. Những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám

1.1. Đảng kiên định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ

Trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng (1930), Đảng đã khẳng định: Mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”². Nhằm thực hiện mục tiêu ấy, nhiệm vụ cách mạng là phải: “đánh đổ bọn chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn phong kiến”, “làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. Dựng ra chính phủ công, nông, binh. Tổ chức ra quân đội công nông”³. Những nhiệm vụ trên đây đã phản ánh đúng mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc và tay sai về vấn đề độc lập dân tộc. Vấn đề lợi ích dân tộc được đặt lên hàng đầu trong mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp. Tuy nhiên, Đảng ta cũng khẳng định: Chống đế quốc giành độc lập dân tộc và chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày là mục tiêu căn bản trong giai đoạn đầu để tạo điều kiện đi tới chủ nghĩa xã hội. Lúc bấy giờ, vấn đề xác định đúng đắn mục tiêu cao nhất và nhiệm vụ hàng đầu cách mạng là vấn đề liên quan đến sự tồn vong của dân tộc, của Đảng.

Trong giai đoạn cách mạng 1930 đến 1935, Đảng trải qua những tổn thất nặng nề về tổ chức, thậm chí là thoái trào do việc giải quyết không đúng đắn giữa hai nhiệm vụ

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.534.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.1.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.2, tr.2.

chống đế quốc và chống phong kiến, đặt mục tiêu chống phong kiến lên hàng đầu. Đến năm 1935, Trung ương Đảng đã thẳng thắn nhìn nhận trong chỉ thị *Gửi các tổ chức Đảng*: “Ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc”⁴.

Vào tháng 10/1936, trong *Chung quanh vấn đề chính sách mới*, quan điểm này được thể hiện rõ nét hơn: “Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết cách mạng điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng”⁵. Từ đó Đảng chủ trương: “Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc đấu tranh chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng”⁶.

Sự chuyển biến về nhận thức lý luận này không những khắc phục những hạn chế trong Luận cương chính trị mà còn đã đánh dấu việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho một giai đoạn cách mạng mới của dân tộc và tác động sâu sắc đến thực tiễn phong trào cách mạng đòi dân chủ, dân sinh trong thời kỳ 1936-1939. Đồng thời thể hiện sự kiên trì với mục tiêu giải phóng dân tộc, giành độc lập cho dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được khẳng định trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (tháng 11/1939), Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (tháng 11/1940) sau khi phân tích những biến động của Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Đảng đã có những thay đổi phù hợp: Cách mạng Đông Dương lúc này phải là cách mạng giải phóng dân tộc, đó là một kiểu của cách mạng tư sản dân quyền. Hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến là hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền luôn luôn quan hệ khăng khít với nhau, là nguyên tắc không giờ thay đổi. Nhưng hiện nay, nhiệm vụ “chính cốt” là đánh đổ đế quốc. Vấn đề dân tộc thành vấn đề khẩn cấp, phải lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề ruộng đất cũng phải nhằm vào mục tiêu ấy mà giải quyết. Vì vậy, chỉ cần nêu khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc. Cách mạng tư sản dân quyền còn phải chuyển biến sang cách mạng vô sản.

Như vậy, nhận thức của Đảng ta tại hai Hội nghị này đã tiến thêm một bước quan trọng, xem cách mạng Đông Dương lúc này là cách mạng giải phóng dân tộc, một kiểu của cách mạng tư sản dân quyền. Các vấn đề quan hệ chống đế quốc và chống phong kiến; quan hệ giữa độc lập dân tộc và ruộng đất nông dân khăng khít với nhau. Trong bối cảnh các chủ trương của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy đang triển khai, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5/1941). Hội nghị phân tích tình hình chiến tranh thế giới thứ hai và chuyển biến trong nước, dự báo khả năng phát triển sắp tới, đã đi đến nhận định: chính sách cai trị của hai tên đế quốc Pháp - Nhật đã làm cho tất cả các dân tộc trên bán đảo Đông Dương không thể nào sống được. Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giết, vận mệnh dân tộc nguy vong không lúc nào bằng. Nguyên vọng của nhân dân Đông Dương là đánh đuổi Pháp - Nhật, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, cho nên: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, dân tộc. Trong lúc này nếu không

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, t.6, tr.7.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, t.6, tr.74.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, t.6, tr.152.

giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc”⁷.

Từ đó Hội nghị khẳng định phải dứt khoát chủ trương “thay đổi chiến lược” vì: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương lúc này không phải là cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà còn là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cần kíp, đó là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Cách mạng giải phóng dân tộc không nêu khẩu hiệu đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, chia ruộng đất cho nông dân nhưng không vì thế mà Đảng không thực hiện nhiệm vụ ruộng đất”⁸.

Nhằm thực hiện vấn đề của cách mạng Đông Dương lúc bấy giờ, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” mà chỉ thực hiện “tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho nông dân, chia lại ruộng đất công, giảm tô, bỏ nhiều thứ thuế”. Quyết định sáng suốt này của Đảng đã thể hiện lập trường dân tộc và giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc. Giai cấp nông dân có quyền lợi ruộng đất đồng thời được hưởng nhiều quyền tự do dân chủ khác cùng với dân tộc. Đó là bước ngắn hơn để có sức mà bước dài hơn, cách mạng giải phóng dân tộc phải đi đến cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự kiên định mục tiêu chiến lược của cách mạng, dứt khoát trong chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng tại Hội nghị Trung ương tám là sự chuẩn bị tất yếu cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

1.2. Đảng lãnh đạo xây dựng lực lượng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc

Thời gian vận động thành lập đảng, Nguyễn Ái Quốc đã luôn nhấn mạnh công nông là gốc cách mệnh, là chủ cách mệnh, trong đó giai cấp công nhân phải đóng góp vai trò lãnh đạo. Còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công nông. Sĩ, nông, công thương; phụ nữ trẻ em đều tham gia cách mạng được, không phân biệt giai cấp, tuổi tác,... Do đó, Người nhấn mạnh phải làm cho nhân dân đoàn kết lại, đồng tâm hiệp lực làm cách mạng. Cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải là việc của một hai người, ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao làm, ai ai cũng phải gánh vác một vai và làm ngay không nên người này ngồi ngồi chờ người khác. Làm thế nào để các cá nhân và tổ chức lúc bấy giờ tập hợp thành một lực lượng đông đảo, thống nhất là vấn đề mấu chốt của xây dựng lực lượng. Ngay trong Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (1930), Mặt trận phản đế được thành lập nhằm đoàn kết các giai cấp, tầng lớp trong xã hội vào một mặt trận thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ chung của toàn dân tộc.

Trong những năm 1939 - 1945 nhằm chuẩn bị lực lượng cho cách mạng, Đảng chủ trương Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương thay Mặt trận dân chủ Đông Dương trước đó để đoàn kết tất cả các dân tộc Đông Dương, tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phần tử phản đế muốn đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai thực hiện giải phóng dân tộc, giành độc lập hoàn toàn. Để thực hiện được điều đó, công nông phải đưa cây cờ dân tộc lên, vì quyền lợi của dân tộc mà đoàn kết với tư sản, trung tiểu địa chủ và những phần tử có tinh thần chống đế quốc. Tại Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), lực lượng cách mạng là toàn thể dân tộc Việt Nam được tập hợp lại trong mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh. Mặt trận chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân không phân biệt tôn giáo, đảng phái, xu hướng chính trị, giai

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, t.7, tr.113.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, t.7, tr.119.

cấp, đoàn kết chiến đấu để đánh đuổi Pháp - Nhật giành quyền độc lập cho dân tộc.

Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng tất yếu phải có lực lượng cách mạng. Song để tiến hành cách mạng thắng lợi thì cần gắn kết, đoàn kết lực lượng đó lại để tạo nên khối mạnh mẽ. Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi trong cả nước chỉ trong một thời gian ngắn cho thấy Đảng ta đã phát huy được sức mạnh toàn dân tộc trên cơ sở đề ra đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, tích cực chuẩn bị điều kiện khởi nghĩa, chớp lấy thời cơ, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Quốc dân đại hội (tháng 8/1945) ở Tân Trào được tổ chức gồm 60 đại biểu thuộc nhiều tổ chức, đảng phái chính trị, tôn giáo, dân tộc khác nhau đã tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng. Đại hội đã thể hiện cho ý chí, nguyện vọng và thống nhất của nhân dân về mục tiêu độc lập dân tộc. Sau đại hội, chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!”⁹. Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, nhân dân ta đã đoàn kết một lòng, nhất tề vùng lên giành chính quyền về tay, làm chủ vận mệnh của bản thân và của dân tộc.

Trên nền tảng khối liên minh công nông, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong toàn quốc.

1.3. Đảng đã sáng suốt lãnh đạo nhân dân chuẩn bị điều kiện khởi nghĩa, nhanh chóng chớp thời cơ thuận lợi giành thắng lợi quyết định

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo được Liên Xô tham gia Chiến tranh thế giới lần thứ II qua bài “Năm mới, công việc mới” trên báo “Việt Nam độc lập” số 114 năm 1942, Người khẳng định: “Ta có thể quyết đoán rằng, Nga nhất định thắng, Đức nhất định bại; Anh, Mỹ sẽ được, Nhật Bản sẽ thua. Đó là một dịp rất tốt cho dân ta khởi nghĩa đánh đuổi Pháp, Nhật, làm cho Tổ quốc ta độc lập, tự do”¹⁰. Và Người cũng từng dự báo trong tập diễn ca “Lịch sử nước ta” (1942) “Việt Nam độc lập - 1945”¹¹. Đến tháng 10/ 1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào toàn quốc phân tích tình hình thế giới có nhiều thuận lợi, Người nhắc lại lần nữa lời tiên tri của mình: “Cơ hội cho dân ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh”¹². Như vậy, những lời tiên tri của chủ tịch Hồ Chí Minh về cuộc cách mạng làm thay đổi vận mệnh đất nước đã thành sự thật.

Tuy nhiên, ta phải chuẩn bị để tận dụng thời cơ, không được nóng vội, các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (tháng 9/1940), Nam Kỳ (tháng 11/1940) và việc dừng khởi nghĩa Cao-Bắc-Lạng cho thấy thời cơ khởi nghĩa chưa đến. Ngay cả khi Nhật đảo chính Pháp vào đêm ngày 9/3/1945 nhưng “Những điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi”¹³. Để điều kiện của cuộc khởi nghĩa Đông Dương đi đến chín muồi nhanh chóng cần phải “Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển qua hình thức Tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện”¹⁴.

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.250 - 251.

¹¹ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.267.

¹² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.3, tr.538.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.365.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, t.7, tr.367.

Vì vậy, làn sóng khởi nghĩa từng phần đã dâng lên mạnh mẽ ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ cùng với phong trào “phá kho thóc giải thoát nạn đói” đã từng bước tạo đà cho cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 diễn ra và giành thắng lợi.

Giữa lúc cao trào kháng Nhật cứu nước đang dâng cao, quân Nhật chấp nhận đầu hàng quân đồng minh, Hội nghị Toàn quốc của Đảng ngày 14 - 15/08/1945 đã họp phân tích nguy cơ mới và thời cơ. Hội nghị nhận định: “Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương”¹⁵. Từ đó, Đảng ta khẳng định: Thời cơ giành chính quyền chỉ tồn tại từ khi quân Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương vào khoảng nửa cuối tháng 5/1945. Không thể chần chừ thêm nữa, Đảng đã quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân đồng minh vào nước ta. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, thời cơ thuận lợi mà Cách mạng tháng Tám đã giành được thắng lợi “nhanh, gọn, ít đổ máu”. Đó là điển hình thành công về nghệ thuật tạo thời cơ, dự đoán thời cơ, nhận định chính xác thời cơ, đồng thời kiên quyết chớp thời cơ, phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

1.4. Đảng chú trọng công tác xây dựng Đảng

Cách mạng tháng Tám nổ ra, toàn Đảng có 5.000 đảng viên với chất lượng và tính kỷ luật cao làm nòng cốt cho cách mạng và phong trào quần chúng. Có được chất lượng Đảng viên như vậy Đảng đã luôn quan tâm sát sao đến công tác xây dựng Đảng về tổ chức, đội ngũ cán bộ, không ngừng phát triển đảng viên, cũng như kiểm tra kỷ luật đảng. Trong thời kỳ này kẻ địch khủng bố, tàn sát dã man, nhiều tổ chức đảng bị phá hoại, tê liệt, tan rã. Vì vậy, thời kỳ này công tác củng cố tổ chức được tiến hành khẩn trương, thường xuyên. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám (1941) của Đảng đã đặt lên hàng đầu về vấn đề “củng cố nội bộ” và coi đây là công tác khẩn cấp, khẳng định Đảng phải là tổ chức “cứng cỏi” mới lãnh đạo nổi cuộc khởi nghĩa. Củng cố tổ chức tập trung vào những vấn đề nổi cộm như: “Phân biệt rõ ràng tổ chức đảng và tổ chức quần chúng; Quần chúng nào đủ điều kiện nào vào đảng thì cho vào, quần chúng nào không đủ điều kiện thì “gạt ra ngay” không để sinh hoạt lẫn lộn; Huấn luyện giao công tác cho đảng viên mới theo điều lệ; Kiên quyết khai trừ những phần tử lười biếng, hủ bại, lợi dụng cách mạng; các tỉnh ủy sẽ do xứ ủy trực tiếp chỉ huy, đảng bộ tỉnh nào mà “cơ sở còn hẹp”, chưa đủ điều kiện thành lập một tỉnh ủy, không được tự ý thành lập tỉnh ủy lâm thời; Các cán bộ phải làm việc theo nguyên tắc, được phân công rõ ràng theo năng lực và được “cử soát” chặt chẽ; Các đảng viên phải “cử soát” lẫn nhau; Đảng viên phải tự chỉ trích một cách Bôn - sơ - vích”¹⁶. Sau Hội nghị Trung ương tám (1941), Đảng đã ban hành “Điều lệ tóm tắt của Đảng” trong đó có 27 điều quy định rõ ràng, cụ thể từ tên Đảng, tôn chỉ mục đích, điều kiện vào Đảng, điều kiện giới thiệu, nguyên tắc và hệ thống tổ chức đến nguyên tắc sinh hoạt từ Trung ương đến chi bộ.

Cùng với công tác khôi phục và củng cố tổ chức là công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, phát triển đảng viên cả về số lượng và chất lượng vững mạnh. Đảng ta cũng chỉ rõ những khuyết điểm về công tác cán bộ như: “thiếu cán bộ chỉ đạo”; “thiếu cán bộ chuyên môn”; “Thành phần vô sản trong Đảng ít”¹⁷. Do vậy, Đảng chủ trương phải “trước hết ta phải đào tạo cho kỳ được những cán bộ công vận và binh vận” và “lựa chọn những cán bộ thích hợp, đào tạo cho họ đủ năng lực và tinh thần chuyên môn nghiên cứu về công tác ấy”¹⁸. Tại Hội nghị toàn quốc của Đảng diễn ra vào 2 ngày (14 và 15/08/1945) Đảng đã khẳng định nhiều vấn đề về đào tạo và phải sử dụng, phân phối cán bộ sao cho hợp lý. Từ đó yêu cầu đặt ra đối

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, t.7, tr.424 - 427.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.187.

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.170.

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.134.

với Đảng là cần phải tăng cường bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ để đủ năng lực đảm đương công tác lãnh đạo và công tác chuyên môn đáp ứng yêu cầu của phong trào, yêu cầu của khởi nghĩa vũ trang sắp tới.

Trong bối cảnh cam go lúc bấy giờ, dù chưa cơ quan chuyên trách cũng như chưa có nghị quyết, chỉ thị riêng nhưng Đảng đã thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật Đảng. Điều này được khẳng định trong các Hội nghị Trung ương từ năm 1939 đến 1945: “Phải nghiêm giữ và thi hành kỷ luật sắt của Đảng. Muốn cho các đồng chí hiểu rõ kỷ luật sắt của Đảng, phải mở rộng trong toàn Đảng một cuộc nghiên cứu kỹ về Điều lệ Đảng”¹⁹ Việc thi hành kỷ luật sắt của Đảng một cách “sáng suốt và nghiêm ngặt trong tình thế này”; “kỷ luật sắt là do sự giác ngộ con đường chính trị đúng mà phục tùng”. Việc kết nạp Đảng viên được tiến hành đồng thời với việc kiên quyết khai trừ ra khỏi đảng những phần tử “hủ hóa, thoái lui”²⁰. Nhờ làm tốt công tác kiểm tra, kỷ luật đảng mà trong thời kỳ này Đảng ta đã loại bỏ được những phần tử cơ hội, biến chất và xây dựng Đảng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân nhất tề đứng lên tổng khởi nghĩa thắng lợi khi thời cơ đến.

2. Vận dụng bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong sự nghiệp đổi mới hiện nay

Trong bối cảnh hiện nay, xu thế khách quan của thế giới là hòa bình, hợp tác, phát triển. Xu thế này tạo ra những điều kiện thuận lợi nhưng vẫn còn tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn, diễn biến phức tạp; các thách thức an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... gia tăng. Hơn nữa, gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt. Kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng cao; văn hóa, tư tưởng phong phú, chất lượng tốt; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; quốc phòng an ninh được củng cố và tăng cường; Quan hệ đối ngoại rộng mở và đi vào chiều sâu, ổn định, thể và lực của đất nước ta không ngừng được nâng lên. Tuy nhiên, sức chống chịu và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn nhiều hạn chế; năng suất, chất lượng, hiệu quả chưa cao; nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu vẫn còn hiện hữu, nhiệm vụ đặt ra còn rất nặng nề... Nhằm phát huy những thuận lợi và khắc phục khó khăn, vượt thách thức của xu thế thời đại và trong nước đang diễn ra thì vận dụng những bài học kinh nghiệm quý báu của Cách mạng tháng Tám có giá trị lớn.

2.1. Bài học về sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, những nguyên tắc của đường lối đổi mới

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của cách mạng Việt Nam để thực hiện khát vọng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Điều này đã được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định ngay từ khi mới ra đời và qua các kỳ đại hội đều nhấn mạnh bài học kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là bài học có ý nghĩa bao trùm, chi phối các bài học khác, được tổng kết trong suốt tiến trình của cách mạng Việt Nam. Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã quện chặt và thống nhất với nhau. Độc lập dân tộc trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là mục tiêu trực tiếp còn chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong phương hướng tiến lên của cách mạng. Khi giành được chính quyền, tiến lên chủ nghĩa xã hội vừa là mục tiêu phấn đấu lâu dài, vừa là động lực thúc đẩy cả nước xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc nhằm tạo ra sức mạnh giữ vững và củng cố được độc lập dân tộc.

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.309.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2000, t.7, tr.433.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội bắt đầu được tiến hành trên phạm vi cả nước từ sau năm 1975, nhưng do những sai lầm của bệnh chủ quan, duy ý chí, khủng hoảng kinh tế-xã hội đã xảy ra và kéo dài 10 năm. Trước tình hình đó, Đảng ta đã thẳng thắn “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”²¹ và đã dũng cảm khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh-quốc phòng, hợp tác quốc tế nhằm tiến đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Sau gần 40 năm đổi mới, “đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt, đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”²². Từ đây có thể khẳng định, đổi mới phải xuất phát từ thực tiễn khách quan, bám sát thực tiễn, giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, tổng kết những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn. Hay nói cách khác, nguyên tắc đường lối đổi mới mà chúng ta nhất định phải kiên định đó là phải tôn trọng quy luật khách quan. Trong tiến trình đổi mới, để đạt được mục tiêu, lý tưởng chủ nghĩa xã hội không dễ dàng. Chúng ta đã phải vượt qua nhiều chông gai, không ít khó khăn, thách thức, “thù trong giặc ngoài” sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động, phản tử cơ hội, hòng xuyên tạc, phá hoại,... Do vậy, chúng ta phải kiên trì, giữ vững chắc, không được để chệch hướng, “kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng”²³ là vấn đề có tính nguyên tắc của cách mạng Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

2.2. Bài học về phát huy sức mạnh của toàn dân tộc trong đổi mới đất nước

“Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc,... là đường lối chiến lược có ý nghĩa sống còn của cách mạng Việt Nam”²⁴. Kế thừa phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã không ngừng đổi mới tư duy lý luận, đánh giá đúng đắn vai trò của vấn đề đoàn kết dân tộc và tập hợp, xây dựng lực lượng cách mạng, bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt nam. Tại Đại hội VI (1986), Đảng ta đã nhấn mạnh trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đồng thời Đảng luôn coi bài học cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bao giờ là quan trọng.

Qua các kỳ đại hội, vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc luôn được Đảng khẳng định. Đảng chủ trương cần phải không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế. Vấn đề đoàn kết dân tộc được khẳng định như nguồn sức mạnh to lớn, quyết định đến thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII đã cụ thể hóa hơn về chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc của Đại hội XIII và tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW (2003) về “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, từ đó ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW (2023) về phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”. Nghị quyết đã xác định mục tiêu chung của đại đoàn kết dân

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.10.

²² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.103-104.

²³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sổ đ*, 2021, t.1, tr.41.

²⁴ Nguyễn Phú Trọng: *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.15.

tộc: lấy mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045 làm điểm tương đồng để động viên, cổ vũ nhân dân đồng lòng, chung sức thực hiện vì tương lai của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

Bài học về tập hợp lực lượng, phát huy sức mạnh khối đoàn kết dân tộc trong Cách mạng tháng Tám vẫn còn nguyên vẹn giá trị đến ngày nay. Nhằm đáp ứng những đòi hỏi thực tiễn phát triển đất nước trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tất yếu Đảng ta phải kế thừa và phát huy bài học quý giá này.

2.3. Bài học tư duy lãnh đạo nhanh nhạy của Đảng trong đánh giá đúng tình hình, chuẩn bị thực lực nắm bắt cơ hội tốt nhằm đưa ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, hiệu quả

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một quá trình lâu dài, gian khổ, hết sức phức tạp và chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Trên chặng đường này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng tư duy lãnh đạo cách mạng linh hoạt, mềm dẻo trong đánh giá tình hình thế giới và trong nước, chuẩn bị thực lực nắm bắt cơ hội tốt nhằm đưa ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, hiệu quả. Đại hội XIII nhận định, phân tích bối cảnh quốc tế hiện nay: “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại; khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn”²⁵. Từ đó, Đại hội đánh giá “các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới”²⁶. Về tình hình trong nước Đảng đã phân tích: Việt Nam đã trải qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, “Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc gia như ngày nay”²⁷. Điều này cho thấy, Việt Nam đã có đủ thực lực để tận dụng thời cơ, nắm bắt những cơ hội do điều kiện thuận lợi của bối cảnh quốc tế mang lại nhằm hội nhập kinh tế toàn diện, sâu rộng và hiệu quả, thể hiện rõ nét trước hết ở quy mô của một nền kinh tế với gần 100 triệu dân và GDP gần 400 tỷ USD²⁸.

Trước tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức nhanh chóng và khó đoán định, tác động thường xuyên, liên tục đến mọi mặt của đời sống xã hội trong nước. Cùng với đó là các thế lực thù địch, cơ hội chính trị gia tăng sự chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa bằng rất nhiều âm mưu, thủ đoạn hết sức thâm độc và nham hiểm. Đảng tiếp tục đề ra các chủ trương, quyết sách phù hợp, hiệu quả trong sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, hợp tác quốc tế. Trên lĩnh vực văn hóa, Đảng đã đề ra phương hướng: xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam toàn diện, phù hợp với

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.105.

²⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.106.

²⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.103 - 104.

²⁸ Theo đánh giá của Quỹ tiền tệ quốc tế, địa chỉ truy cập: <http://Imf.org>

xu thế của thời đại, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những tác động to lớn với kinh tế, xã hội, con người của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng,....

Trong lĩnh vực kinh tế: Trên cơ sở biến động của tình hình thế giới, khu vực, căn cứ yêu cầu phát triển của đất nước trong thời gian tới, Đại hội XIII đã khẳng định cần tiếp tục đổi mới lĩnh vực kinh tế. Tập trung chủ yếu vào nội dung: đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tiếp tục hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: Thực hiện mục tiêu tổng quát được đặt ra trong Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023, Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”, theo đó, “Xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiên bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân”²⁹.

Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới biến động nhanh chóng tác động đa chiều đến sự phát triển của đất nước. Tình hình trong nước, thực lực của đất nước đã được nâng cao tạo ra thuận lợi to lớn nhưng vẫn còn tiềm ẩn những khó khăn, thách thức. Điều này đòi hỏi Đảng ta phải vận dụng tư duy nhạy bén, phân tích những thời cơ và thách thức, nắm bắt cơ hội, thời cơ tốt để ra những quyết sách hiệu quả, tiếp tục lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp đổi mới giành được những thành tựu to lớn hơn nữa trên toàn diện các lĩnh vực.

2.4. Bài học về công tác xây dựng Đảng hiện nay

Gần 40 năm đất nước đổi mới, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được coi là vấn đề “then chốt”, nhằm đảm bảo cho Đảng giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện sự nghiệp cách mạng. Một trong năm bài học lớn mà Đại hội XIII (2021) của Đảng tổng kết trong đó bài học về xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đặt lên hàng đầu: “Công tác chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên, hiệu quả cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố tăng cường đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu,

²⁹ <https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-ve-tiep-tuc-doi-moi-nang-cao-chat-luong-chinh-sach-xa-hoi-119231204085632194.htm>.

nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương”³⁰. Như vậy, công tác xây dựng Đảng là toàn diện từ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng đạo đức có tầm quan trọng đến công tác tổ chức, cán bộ có vai trò quyết định. Thực tiễn đổi mới cho thấy, công tác xây dựng Đảng đã đạt được những kết quả toàn diện. “Kết quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng các nhiệm kỳ qua và nhiệm kỳ đại hội XII đã góp phần rất quan trọng để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay; Đảng ta đoàn kết, thống nhất và trong sạch, vững mạnh hơn; niềm tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố, tăng cường hơn, tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới”³¹.

Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, sự bùng nổ của công nghệ thông tin, công tác xây dựng Đảng trong thời gian qua vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần khắc phục. Đó là sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tư duy lý luận chính trị trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn khô khan, phiến diện; vẫn còn tình trạng vi phạm các nguyên tắc tổ chức Đảng tại một số chi bộ; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng có nơi, có lúc chưa thường xuyên... Vì vậy, Đại hội XIII nêu ra ba giải pháp đột phá về công tác xây dựng Đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của đảng viên trong thời kỳ đổi mới: Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức, cán bộ; Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới sáng tạo trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ; Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực.

Những bài học xây dựng Đảng trong Cách mạng tháng Tám về tổ chức, đội ngũ cán bộ, phát triển đảng viên, kiểm tra giám sát thi hành kỷ luật đã được Đảng ta vận dụng trong thời kỳ đổi mới một cách phù hợp, linh hoạt, hiệu quả. Vì vậy, những kinh nghiệm ấy đã phát huy những giá trị thực tiễn to lớn dù đã 80 năm trôi qua kể từ ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, Cách mạng tháng Tám thành công.

KẾT LUẬN

Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám đã để lại cho Đảng và nhân dân ta những bài học kinh nghiệm có giá trị thời sự to lớn và có ý nghĩa thời đại sâu sắc. Đó là bài học về sự kiên định của Đảng trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến; lập trường vững vàng trong chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sự sáng suốt của Đảng trong lãnh đạo nhân dân chuẩn bị điều kiện khởi nghĩa, nhanh chóng chớp thời cơ thuận lợi giành thắng lợi quyết định; xây dựng lực lượng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc; xây dựng Đảng. Những kinh nghiệm quý này cần tiếp tục được nghiên cứu, làm sáng tỏ hơn nữa những nội hàm và tiếp tục phát huy trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Vận dụng sáng tạo, linh hoạt và hiệu quả những bài học kinh nghiệm đó trong sự nghiệp đổi mới giai đoạn hiện nay góp phần xứng đáng vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

³⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.25, 26, 27.

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sổ*, 2021, t.2, tr.220 - 221.

TỪ BÌNH DÂN HỌC VỤ TRONG KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP ĐẾN BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Trần Thị Hoa*

1. Phong trào Bình dân học vụ với mục tiêu xóa giặc dốt sau Cách mạng tháng Tám

1.1. Tầm quan trọng của việc phát động phong trào Bình dân học vụ

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ đứng trước muôn vàn khó khăn, đặc biệt là ba “giặc” lớn: giặc đói, giặc dốt, và giặc ngoại xâm. Trong số đó, nạn mù chữ là một quốc nạn nghiêm trọng, với ước tính khoảng 95% dân số Việt Nam không biết chữ vào thời điểm đó¹. Tình trạng này là hệ quả của một hệ thống giáo dục thiếu thốn dưới thời Pháp thuộc, khi tổng số học sinh, sinh viên chỉ chiếm 1,8% dân số vào năm 1930.

Trước thực trạng cấp bách này, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời vào ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết. Trong số đó, nhiệm vụ chống nạn mù chữ được xếp thứ hai, chỉ sau nhiệm vụ chống giặc đói. Người chỉ rõ: “Nạn dốt - Là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào ta mù chữ [...]. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”². Người đã đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ, coi đây là nhiệm vụ cấp bách thứ hai sau nhiệm vụ chống giặc đói³. Sự nhận định này cho thấy một niềm tin sâu sắc rằng sức mạnh quốc gia gắn liền với năng lực trí tuệ của người dân. Phong trào *Bình dân học vụ* (BDHV) ra đời trong bối cảnh lịch sử đó, không chỉ nhằm xóa mù chữ mà còn để nâng cao dân trí, củng cố nền độc lập non trẻ và huy động sức mạnh toàn dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đây không chỉ là một chiến dịch giáo dục mà còn là một phong trào cách mạng rộng lớn, thể hiện tinh thần “của dân, do dân, vì dân”.

Đầu tháng 10/1945, Bác Hồ đã ra lời kêu gọi “Chống nạn thất học”, trong đó Người nhấn mạnh việc nâng cao dân trí là công việc cấp tốc để “Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”⁴. Điểm đặc biệt trong quan điểm của Hồ Chí Minh là Người không chỉ chú trọng dạy đọc, dạy viết mà còn yêu cầu BDHV phải chú trọng dạy đạo đức công dân. Điều này thể hiện tầm nhìn sâu rộng của Người về giáo dục, không chỉ là trang bị kiến thức cơ bản mà còn là xây dựng con người mới, có đạo đức, có trách nhiệm, “góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước”⁵. Quan điểm này đã đặt nền móng cho vai trò toàn diện của giáo dục trong phát triển quốc gia, vượt ra ngoài khuôn khổ kỹ năng đơn thuần.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay trong ngày 08/9/1945, Chính phủ cách mạng lâm thời đã ban hành ba sắc lệnh quan trọng, tạo hành lang pháp lý và động lực cho phong trào Bình dân học vụ:

* Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương.

¹ Đức Huy: Bình dân học vụ - kỷ tích của ngành giáo dục Việt Nam, *Báo Quân đội nhân dân điện tử* (01/9/2015), truy cập tại: <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/dieu-tra/binh-dan-hoc-vu-ky-tich-cua-nganh-giao-duc-viet-nam-478342>

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.7.

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.7.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.40.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.10, tr.125.

- Sắc lệnh 17/SL: thành lập Nha Bình dân học vụ.
- Sắc lệnh 19/SL: thiết lập các lớp học bình dân buổi tối cho nông dân và thợ thuyền trong toàn quốc.
- Sắc lệnh 20/SL: Quy định việc học chữ quốc ngữ. Sắc lệnh quy định việc học chữ quốc ngữ là bắt buộc và miễn phí cho mọi người dân, đồng thời đặt ra mục tiêu xóa nạn mù chữ trong toàn dân.

Cùng ngày 08/9/1945, Nha Bình dân học vụ được thành lập, dưới sự ủy quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp ký quyết định, nhằm triển khai nhanh chóng chiến dịch chống nạn mù chữ⁶. Sự ra đời đồng bộ của các sắc lệnh và thiết chế tổ chức chỉ vài ngày sau khi giành độc lập cho thấy quyết tâm chính trị mạnh mẽ và sự ưu tiên hàng đầu của chính quyền non trẻ đối với nhiệm vụ nâng cao dân trí. Hành động quyết đoán và kịp thời này đã tạo ra xung lực cần thiết, trực tiếp dẫn đến sự lan tỏa nhanh chóng và hiệu quả của phong trào trên toàn quốc. Đây không phải là một chính sách giáo dục thông thường mà là một cuộc cách mạng giáo dục từ trên xuống, tạo ra một khuôn khổ pháp lý và động lực chính trị mạnh mẽ, khẳng định Bình dân học vụ không chỉ là một chương trình xã hội mà còn là một phong trào cách mạng và một thiết chế giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Mục tiêu của Bình dân học vụ 1945 rất rõ ràng và thực tế: trang bị cho người dân trình độ biết đọc, biết viết và thực hiện bốn phép tính thông thường. Mục tiêu này được đặt ra để hoàn thành trong vòng “dăm ba tháng” hoặc tối đa một năm đối với những người từ 8 tuổi trở lên. Đối với những người muốn học cao hơn, họ sẽ được chuyển tiếp vào hệ thống Bỏ túc văn hóa. Việc đặt ra mục tiêu cụ thể, có thể đo lường được và trong thời gian ngắn đã giúp phong trào dễ dàng triển khai, tạo ra những thành công ban đầu nhanh chóng và rõ rệt, từ đó củng cố niềm tin và động lực cho toàn dân tham gia. Cách tiếp cận theo từng giai đoạn này cũng đặt nền móng cho một hệ thống giáo dục liên tục, phát triển từ trình độ cơ bản đến nâng cao

“Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc” của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 25/11/1945 cũng nhấn mạnh Bình dân học vụ là một nhiệm vụ văn hóa quan trọng, nhằm “tích cực bài trừ nạn mù chữ” và “kiến thiết nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: khoa học hóa, dân tộc hóa, đại chúng hóa”⁷. Điều này khẳng định vai trò chiến lược của BDHV trong việc xây dựng nền tảng văn hóa và giáo dục cho một quốc gia độc lập.

1.2. Thành công của Bình dân học vụ

Phong trào Bình dân học vụ đã lan tỏa nhanh chóng khắp cả nước, nhận được sự hưởng ứng nhiệt liệt của toàn dân, không phân biệt tuổi tác, tầng lớp hay trình độ. Khẩu hiệu “Đi học là yêu nước” đã trở thành một phong trào cách mạng sinh động ở tất cả các thôn, xóm, thúc đẩy tinh thần tự giác và trách nhiệm công dân trong việc học tập. Kết quả, trong những năm kháng chiến (1946 - 1954), Bình dân học vụ đã đạt được: “Hơn 252.000 lớp sơ cấp với non 7.907.900 học trò. Hơn 103.500 lớp dự bị với hơn 2.513.000 học trò. 1.580 lớp bỏ túc với non 77.700 học trò”⁸. Kết quả đạt được của phong trào Bình dân học vụ là một kỳ tích, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đầy khó khăn. Phong trào đã thực sự trở thành một lực lượng góp phần đáng kể vào quá trình hiện đại hóa của xã hội Việt

⁶ Đức Huy: *Tlđđ*, 15/05/2025.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.28.

⁸ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr.125.

Nam⁹. Nó được pháp chế hóa thành “bậc học bình dân” và sau đó là “bổ túc bình dân”¹⁰. Nhờ những nỗ lực bền bỉ này, đến năm 1991, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học được Quốc hội khóa VIII thông qua, và đến thế kỷ XXI, Việt Nam cơ bản hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, vượt Mục tiêu Thiên niên kỷ của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)¹¹.

Giai đoạn/Cột mốc	Thành tựu
Tình trạng ban đầu (1945)	95% dân số mù chữ (trong tổng số ~22 triệu người).
Sau 1 năm (8/1945 - 8/1946)	Hơn 2,5 triệu người biết chữ. 74.957 lớp học được mở. 95.667 giáo viên tình nguyện được huy động.
Sau 5 năm (đến 6/1950)	- Gần 12,2 triệu người biết đọc, biết viết. - 10 tỉnh, 80 huyện, hơn 1.400 xã và 7.200 thôn được công nhận hoàn thành xóa nạn mù chữ.
Đến 12/1958 (Đồng bằng & Trung du miền Bắc)	93,4% người dân từ 12 đến 50 tuổi biết đọc, biết viết; cơ bản xóa xong nạn mù chữ.
Đến 1965 (Miền núi phía Bắc)	Cơ bản hoàn thành xóa nạn mù chữ.
Đến 2/1978 (Các tỉnh phía Nam)	21 tỉnh/thành phố phía Nam cơ bản xóa nạn mù chữ (sau thống nhất 1975).
Đến 2000 (Toàn quốc)	- 98,03% số quận, huyện; 98,53% số xã, phường được công nhận đạt chuẩn quốc gia xóa mù chữ. - 94% dân số trong độ tuổi 15-35 biết chữ.

2. Bình dân học vụ số và mục tiêu xóa mù công nghệ

2.1. Bối cảnh ra đời của phong trào Bình dân học vụ số

Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ, tri thức số đã trở thành yếu tố then chốt, quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Sự chuyển dịch từ một nền kinh tế dựa trên tài nguyên sang một nền kinh tế dựa trên tri thức đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong cách tiếp cận giáo dục và phổ cập kiến thức.

Trong bối cảnh đó, *Bình dân học vụ số* (BDHVS) được hình thành như một sự kế thừa tinh thần và bài học kinh nghiệm từ BDHV truyền thống, nhưng với sứ mệnh mới: phổ cập kiến thức và kỹ năng số, xóa mù công nghệ cho toàn dân, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia¹². Sự ra đời của BDHVS không chỉ là một sáng kiến giáo dục đơn thuần mà còn là một sự thích ứng chiến lược của mô hình

⁹ Cao Tự Thanh: Nền giáo dục của nước Việt Nam độc lập từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946. Kỳ 3: Hoạt động giáo dục năm 1945-1946, *Tạp chí Tia Sáng* (04/10/2022), truy cập tại: <https://tiasang.com.vn/giao-duc/nen-giao-duc-cua-nuoc-viet-nam-doc-lap-tu-thang-9-1945-den-thang-12-1946-ky-3-hoat-dong-giao-duc-nam-1945-1946/>

¹⁰ Cao Tự Thanh: *Tlđđ*, 04/10/2022.

¹¹ Đức Huy: *Tlđđ*, 01/9/2015.

¹² Nguyễn Minh Phong: Bình dân học vụ số chìa khóa của kỷ nguyên số, *Tạp chí điện tử Thông tin và Truyền thông* (03/02/2025), truy cập tại: <https://ictvietnam.vn/binh-dan-hoc-vu-so-chia-khoa-cua-ky-nguyen-so-68611.html>

thành công trong lịch sử với bối cảnh toàn cầu mới, nơi năng lực số là nền tảng cho chủ quyền và khả năng cạnh tranh quốc gia. BDHVS hướng tới xây dựng công dân số, xã hội số, kinh tế số, và chính phủ số, đáp ứng yêu cầu của thế kỷ XXI và hội nhập quốc tế.

Khái niệm “Bình dân học vụ số” được hình thành, kế thừa tinh thần của phong trào truyền thống nhưng với nội hàm và mục tiêu mới. Mục tiêu này, một mặt, đó là việc phổ cập kiến thức và kỹ năng số cơ bản cho toàn dân; mặt khác, nó là cách tổ chức học tập suốt đời trong môi trường giáo dục số, hướng tới xây dựng một hệ sinh thái giáo dục chuyển đổi số một cách triệt để.

2.2. Mục tiêu và đối tượng của Bình dân học vụ số

Mục tiêu chính của BDHVS là “xóa mù số cho toàn dân thông qua việc phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số cho toàn dân”¹³. Điều này nhằm đảm bảo rằng không một cá nhân nào bị bỏ lại phía sau trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia.

Vượt xa mục tiêu cơ bản, BDHVS còn hướng tới một mục tiêu kép: “vừa phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu”¹⁴. Phong trào này thúc đẩy việc học tập suốt đời, khuyến khích mỗi người dân phát huy tận lực những năng lực tiềm ẩn trong họ. Sự chuyển đổi này cho thấy định nghĩa về “dốt” đã thay đổi căn bản. Nếu BDHV truyền thống tập trung vào việc giúp người dân “biết đọc, biết viết và 4 phép tính thông thường” trong vài tháng đến một năm, thì BDHVS ngày nay là hành trình mới để người dân “biết kết nối, biết tra cứu, biết làm chủ cuộc sống và công việc trong môi trường số hóa”¹⁵. Điều này phản ánh sự thay đổi sâu sắc trong yêu cầu về kiến thức nền tảng để một công dân có thể tham gia và đóng góp hiệu quả vào xã hội hiện đại. Để hiện thực hóa mục tiêu này, nền tảng Bình dân học vụ số đã được xây dựng từ ngày 01/4/2025¹⁶. Đây là một hệ thống trực tuyến được thiết kế để hỗ trợ nâng cao năng lực số và khả năng sử dụng công nghệ, thiết bị, ứng dụng số cho người dân.

Đối tượng của BDHVS là toàn dân, không loại trừ bất cứ ai. Từ nhà lãnh đạo cao nhất đến người dân bình thường nhất, tất cả đều được coi là những học trò, những người suốt đời ở vị thế người đi học. Họ tham gia vào hành trình hướng tới tri thức và hành trình sáng tạo tri thức trong suốt cuộc đời. Với phương châm “Ai cũng là thầy và ai cũng là trò”¹⁷, phong trào nhấn mạnh vai trò chủ thể của mỗi người dân trong việc học tập, chia sẻ và kiến tạo tri thức. Để đảm bảo tính hiệu quả, bộ kỹ năng số sẽ được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể, từ học sinh phổ thông đến người nông dân trung niên, từ cán bộ xã đến công nhân nhà máy.

2.3. Quan điểm và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về Bình dân học vụ số

Tổng Bí thư Tô Lâm đã có những phát biểu quan trọng về tầm vóc của “Bình dân học vụ số” như sau: “Đây không chỉ là một sáng kiến giáo dục, phong trào “Bình dân học vụ số” còn là cầu nối giữa quá khứ và tương lai. Bằng việc phát huy bài học lịch sử, phần

¹³ Lê Trung Nghĩa: Phong trào Bình dân học vụ số: Mục tiêu, đối tượng, nội dung, nguồn lực, phương thức tổ chức thực hiện, Tài liệu tọa đàm khoa học: *Phong trào Bình dân học vụ số, tiền đề thực hiện thắng lợi Cách mạng về chuyển đổi số trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Ban Tuyên giáo Trung ương, Hà Nội, 18/12/2024.

¹⁴ Lê Trung Nghĩa, *Tlđđ*, 18/12/2024.

¹⁵ Dẫn theo: Nguyễn Văn Bằng: Bình dân học vụ số: Cuộc cách mạng tri thức mới của toàn dân, *Cổng Thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên* (03/04/2025), truy cập tại: <https://dienbien.edu.vn/gdtx-cn/binh-dan-hoc-vu-so-cuoc-cach-mang-tri-thuc-moi-cua-toan-dan-7839.html>

¹⁶ <https://binhdanhocvuso.gov.vn/>

¹⁷ Phạm Tất Dong: Bình dân học vụ số - hành trình tri thức trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, *Báo điện tử Công dân & Khuyến học* (08/01/2025), truy cập tại: <https://congdankhuyenhoc.vn/binh-dan-hoc-vu-so-hanh-trinh-tri-thuc-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-179250331161208155.htm>

đầu xây dựng một xã hội không chỉ giàu tri thức mà còn giàu sức mạnh công nghệ, sẵn sàng hội nhập, phát triển”¹⁸. Tổng Bí thư cũng khẳng định phổ cập chuyển đổi số cho toàn dân là một “vấn đề cấp thiết”. Những phát biểu này thể hiện sự coi trọng của lãnh đạo Đảng đối với BDHVS như một chiến lược quốc gia, mang tính kế thừa và phát triển.

Nghị quyết số 57-NQ/TW, được Bộ Chính trị ban hành ngày 22/12/2024, là một văn bản chiến lược nền tảng. Nghị quyết này xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong ba đột phá then chốt nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm độc lập, tự chủ, và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Mức độ chi tiết, số lượng và tính hệ thống của các văn bản pháp lý cho BDHVS cho thấy sự đầu tư chiến lược và toàn diện hơn rất nhiều so với BDHV truyền thống. Điều này không chỉ là sự tiếp nối tinh thần mà còn là sự nâng tầm nhận thức về vai trò của tri thức trong phát triển quốc gia. Nếu BDHV là một “chiến dịch” giải quyết vấn đề cấp bách, thì BDHVS được xem là một “chương trình quốc gia”, “đề án”, “nghị quyết đột phá”, thể hiện sự chuyển dịch từ một nhiệm vụ tức thời sang một chiến lược phát triển dài hạn, có hệ thống và đa chiều.

Nghị quyết số 57-NQ/TW đặt ra các mục tiêu cụ thể đầy tham vọng đến năm 2030: Việt Nam phấn đấu có tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%; thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40%¹⁹. Những mục tiêu này cho thấy một tầm nhìn chiến lược, không chỉ nhằm khắc phục các thiếu hụt mà còn chủ động định vị Việt Nam ở vị trí tiên phong trong kỷ nguyên số. Nghị quyết nhấn mạnh: “Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực và động lực chính của quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”²⁰. Điều này trực tiếp kế thừa và tái khẳng định phương châm “của dân, do dân, vì dân” của BDHV truyền thống, cho thấy sự nhất quán trong triết lý lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam về việc huy động sức mạnh toàn dân cho các mục tiêu quốc gia.

Bên cạnh Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhiều văn bản pháp lý khác đã được ban hành, tạo nên một khung khổ chính sách đồng bộ và vững chắc cho BDHVS và chuyển đổi số trong giáo dục:

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó giáo dục và đào tạo được xác định là 1 trong 8 lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số. Mục tiêu chung của chương trình là đưa Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng vào năm 2030, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới.

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Đề án này đặt ra các mục tiêu cụ thể đến năm 2025: 60% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương

¹⁸ Hà Văn: Thủ tướng phát động phong trào 'Bình dân học vụ số' toàn dân, *Báo Điện tử Chính phủ* (26/3/2025), truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-phat-dong-phong-trao-binh-dan-hoc-vu-so-toan-dan-102250326173839409.htm>

¹⁹ Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

²⁰ Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến; trên 50% học sinh, học viên, sinh viên sử dụng nền tảng dạy và học trực tuyến. Đến năm 2030, phấn đấu 100% người học và nhà giáo tham gia hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục được quản lý trên môi trường số.

- Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Đề án này bao gồm việc xây dựng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) về kỹ năng số cho phép người dân truy cập miễn phí để tự học.

Những văn bản này, cùng với Nghị quyết số 3/NQ-CP ngày 09/1/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tạo nên một hệ sinh thái chính sách toàn diện và liên tục. Sự dày đặc và tính hệ thống của các văn bản pháp lý cho BDHVS, so với chỉ ba sắc lệnh cấp bách cho BDHV truyền thống, cho thấy một sự đầu tư chiến lược và toàn diện hơn nhiều. Điều này phản ánh nhận thức sâu sắc của Đảng và Nhà nước về tính cấp bách và chiến lược của chuyển đổi số, coi đây là một cuộc cách mạng dân trí mới, không kém phần quan trọng so với xóa nạn mù chữ truyền thống, đòi hỏi một cơ chế pháp lý và triển khai đồng bộ, sâu rộng trên mọi lĩnh vực.

2.4. Các sáng kiến và phương thức triển khai

Để hiện thực hóa các mục tiêu của BDHVS, nhiều sáng kiến và phương thức triển khai đã được đưa ra:

- Tổ công nghệ số cộng đồng: Được thành lập từ năm 2022, các Tổ này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy người dân tiếp cận nền tảng số, với tinh thần “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”. Họ hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua sắm/thanh toán trực tuyến an toàn, và tự bảo vệ trên không gian mạng.

- Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs): Các nền tảng này được xây dựng để người dân có thể truy cập miễn phí và tự học các kỹ năng số. Ví dụ điển hình là nền tảng One Touch (onetouch.mic.gov.vn), một trong ba nền tảng số tiên phong thúc đẩy phong trào BDHVS, cung cấp khóa học phổ cập kỹ năng số cộng đồng.

- Huy động lực lượng “giáo viên số tình nguyện”: Kế thừa tinh thần cốt lõi của BDHV truyền thống, phong trào khuyến khích mọi người dân có kỹ năng số tốt, từ sinh viên, giảng viên đại học, kỹ sư công nghệ, cán bộ xã phường, đăng ký làm “giáo viên số tình nguyện” để chia sẻ và hướng dẫn cho cộng đồng. Tính cộng đồng và tự nguyện được coi là sức mạnh bền vững cho phong trào. Phương châm “Ai cũng là thầy và ai cũng là trò” được đề cao.

- Khuyến khích phát triển hạ tầng Internet miễn phí: Đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa để tăng cường khả năng tiếp cận công nghệ số cho toàn dân.

- Phổ cập kiến thức AI: Một sáng kiến đáng chú ý là phong trào “Bình dân học AI”, lấy cảm hứng từ BDHV, nhằm phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ Đoàn, Hội và thanh niên, góp phần trang bị năng lực số cho thế hệ trẻ làm chủ công nghệ.

3. Thách thức và cơ hội trong triển khai Bình dân học vụ số

Bình dân học vụ số là một sáng kiến mang tầm vóc quốc gia, hứa hẹn xóa bỏ rào cản thông tin và trang bị kỹ năng số thiết yếu cho mọi người dân Việt Nam, giống như

cách Bình dân học vụ truyền thống đã xóa mù chữ. Tuy nhiên, hành trình triển khai phong trào này không hề bằng phẳng mà phải đối mặt với vô vàn thách thức đáng kể, từ khoảng cách số, năng lực con người đến những rào cản về chi phí và tâm lý. Mặc dù vậy, với chủ trương và quyết tâm chính trị cao cùng các chính sách đồng bộ, Việt Nam vẫn đang đứng trước nhiều cơ hội vàng để biến Bình dân học vụ số thành hiện thực, mở ra một tương lai số hóa toàn diện và bền vững.

3.1. Thách thức

Việc triển khai “Bình dân học vụ số” trên phạm vi toàn quốc đối mặt với nhiều thách thức đáng kể, đòi hỏi những giải pháp đồng bộ và quyết liệt.

- Khoảng cách số và hạ tầng không đồng đều: Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, hạ tầng Internet ở nhiều địa phương, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, còn hạn chế; thiếu thiết bị học tập như máy tính, máy tính bảng. Khoảng cách số, được định nghĩa là sự chênh lệch về điều kiện và khả năng truy cập, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), vẫn là một rào cản lớn. Mặc dù Việt Nam đã thành công trong việc xóa mù chữ truyền thống, một khoảng cách số mới đang hình thành, có nguy cơ tạo ra sự phân tầng xã hội trong kỷ nguyên số nếu không được giải quyết kịp thời.

- Năng lực số của người dạy và người học: Nhiều giáo viên chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng giảng dạy số; học sinh ở nông thôn có ít cơ hội tiếp cận công nghệ hơn so với học sinh thành phố. Khoảng cách kỹ năng vẫn là một yếu tố quan trọng gây khó khăn cho việc thích ứng với chuyển đổi số trong giáo dục. Điều này cho thấy nút thắt chính cho chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là công nghệ hay tài chính, mà nằm ở khả năng thích ứng của con người và văn hóa tổ chức.

- Tâm lý và văn hóa tổ chức: Việc chuyển đổi sang mô hình giáo dục số thường vấp phải sự kháng cự ngầm từ đội ngũ giảng viên, nhân viên và lãnh đạo. Nguyên nhân có thể đến từ lo sợ công nghệ làm mất vai trò truyền thống, ngại thay đổi thói quen giảng dạy lâu năm, hoặc thiếu niềm tin vào hiệu quả công nghệ.

- Chi phí đầu tư và duy trì: Chi phí đầu tư ban đầu và duy trì cho hạ tầng công nghệ, phần mềm, và đào tạo là rất lớn, trong khi nhiều trường, đặc biệt là ở vùng khó khăn, gặp khó khăn về kinh phí.

- Thiếu chiến lược rõ ràng và đồng bộ: Việc thiếu một chiến lược hoặc định hướng rõ ràng cho việc áp dụng kỹ thuật số có thể dẫn đến việc triển khai rời rạc, gây rối loạn dữ liệu, lãng phí và không hiệu quả.

- Nguy cơ từ thông tin giả và lừa đảo số: Trong môi trường số, người dân, đặc biệt là người lớn tuổi và học sinh, dễ bị tổn thương trước các hình thức lừa đảo tinh vi và tin giả. Sự “thần thánh hóa” AI và việc sử dụng tùy tiện công nghệ này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, cho thấy BDHVS không chỉ cần dạy kỹ năng sử dụng mà còn phải trang bị khả năng đánh giá và điều hướng thông tin một cách an toàn và có trách nhiệm.

3.2. Cơ hội

Việt Nam cũng đang đứng trước nhiều cơ hội lớn để triển khai thành công “Bình dân học vụ số” như:

- Chủ trương và quyết tâm chính trị cao: Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị xác lập một định hướng chiến lược mang tính nền tảng, khẳng định chuyển đổi số và giáo dục số là đột phá then chốt. Quyết tâm chính trị cao từ Thủ tướng Chính phủ cũng là động lực mạnh mẽ để phong trào lan tỏa sâu rộng.

- Nền tảng chính sách đồng bộ: Một loạt các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia (Quyết định số 749/QĐ-TTg), Đề án tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT (Quyết định số 131/QĐ-TTg), Chương trình

chuyển đổi số trong GD nghề nghiệp (Quyết định số 2222/QĐ-TTg), và Đề án phổ cập kỹ năng số (Quyết định số 146/QĐ-TTg) đã tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc và đồng bộ.

- Tiềm năng từ “Tổ công nghệ số cộng đồng” và nền tảng số: Mô hình “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người” của Tổ công nghệ số cộng đồng và sự phát triển của các nền tảng học trực tuyến mở (MOOCs) là những kênh hiệu quả để phổ cập kiến thức số đến tận cơ sở, kế thừa và phát huy tinh thần xã hội hóa của BDHV truyền thống.

- Sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội: Có nhiều cơ hội để khuyến khích hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp, trường học và truyền thông. Mô hình “liên kết 4 nhà” (Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà quản lý) trong triển khai các đề án nghiên cứu và ứng dụng công nghệ là một hướng đi đầy hứa hẹn.

- Nguồn lực trí thức trẻ và Việt kiều: Trí thức trẻ, Việt kiều và chuyên gia quốc tế là nguồn lực có trình độ cao, có khả năng tiếp cận nhanh công nghệ mới và là cầu nối quan trọng giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu về khoa học công nghệ.

Việc triển khai Bình dân học vụ số trên phạm vi toàn quốc là một nhiệm vụ phức tạp nhưng vô cùng cần thiết. Để vượt qua các thách thức về hạ tầng, năng lực số, tâm lý và chi phí, chúng ta cần một chiến lược toàn diện và đồng bộ. Việt Nam đang sở hữu nhiều lợi thế vượt trội, từ quyết tâm chính trị đến các chính sách hỗ trợ và tiềm năng từ cộng đồng cùng nguồn lực trí thức. Bằng cách tận dụng tối đa những cơ hội này, đồng thời giải quyết triệt để các rào cản còn tồn tại, Bình dân học vụ số hoàn toàn có thể đạt được thành công, góp phần xây dựng một xã hội số công bằng và vững mạnh cho Việt Nam.

4. Giải pháp khắc phục khoảng cách số và thúc đẩy phong trào Bình dân học vụ số

Để phát huy tối đa vai trò của Bình dân học vụ số và khắc phục các thách thức hiện có, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng số và phổ cập thiết bị: Đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng mạng và viễn thông băng thông rộng, đặc biệt ở khu vực nông thôn và miền núi, để cải thiện tiếp cận Internet và tăng tốc độ kết nối. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ thiết bị học tập số (máy tính, máy tính bảng) cho người dân có hoàn cảnh khó khăn để thu hẹp khoảng cách số. Hạ tầng số cần được đầu tư đi trước, có tầm nhìn xa và khả năng mở rộng cho hàng chục năm.

- Phát triển chương trình đào tạo kỹ năng số “may đo”: Xây dựng các nội dung và khóa học kỹ năng số đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể (nông dân, công nhân, người lớn tuổi, học sinh) và nhu cầu thực tiễn, đảm bảo tính hữu dụng và dễ tiếp cận. Các chương trình này cần được cập nhật thường xuyên để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

- Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ “giáo viên số”: Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu cho giáo viên, cán bộ công nghệ số cộng đồng, và khuyến khích lực lượng tình nguyện tham gia giảng dạy, nâng cao năng lực sư phạm số và kỹ năng truyền đạt. Nâng cao năng lực con người là yếu tố then chốt để vượt qua các rào cản về tâm lý và kỹ năng.

- Thúc đẩy thay đổi nhận thức và văn hóa số: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của chuyển đổi số và giáo dục số cho toàn xã hội, xóa bỏ tâm lý e ngại công nghệ, khuyến khích tinh thần học tập suốt đời và chia sẻ tri thức trong cộng đồng. Cần chuyển từ tư duy “quản lý” sang “hỗ trợ”, từ “định hướng” sang “khai phóng” trong chính sách.

- Tăng cường hợp tác “4 nhà”: Phát huy mạnh mẽ mô hình liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nhà quản lý để phát triển nội dung, nền tảng, và giải pháp công nghệ cho BDHVS, đồng thời tạo cơ chế đặt hàng nghiên cứu ứng dụng từ

chính quyền và doanh nghiệp. Kêu gọi sự tham gia và đóng góp của toàn xã hội, kế thừa tinh thần “của dân, do dân, vì dân” của BDHV truyền thống.

- Xây dựng môi trường số an toàn và đáng tin cậy: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về an toàn thông tin, phòng chống lừa đảo trực tuyến, tin giả, và bảo vệ dữ liệu cá nhân, giúp người dân tự tin và an toàn khi tham gia môi trường số. Điều này là cần thiết để BDHVS không chỉ dạy kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn trang bị khả năng đánh giá và điều hướng thông tin một cách có trách nhiệm, thúc đẩy công dân số có đạo đức.

- Xây dựng cơ chế đánh giá và điều chỉnh liên tục: Triển khai hệ thống đánh giá hiệu quả phong trào định kỳ, thu thập phản hồi từ người học và người dạy để liên tục cải tiến chương trình, phương pháp, và chính sách, đảm bảo BDHVS luôn thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ. Điều này thể hiện sự hiểu biết rằng trong một môi trường số biến đổi không ngừng, các sáng kiến giáo dục cần phải linh hoạt và có khả năng tự điều chỉnh để duy trì hiệu quả lâu dài.

Để đảm bảo Bình dân học vụ số trở thành một phong trào giáo dục bền vững và hiệu quả, việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên cần được thực hiện với tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và tầm nhìn dài hạn. Bằng cách kết hợp đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực con người, thay đổi nhận thức xã hội, và xây dựng một môi trường số an toàn, chúng ta không chỉ thu hẹp khoảng cách số mà còn kiến tạo một cộng đồng công dân số tự tin, có trách nhiệm và sẵn sàng thích ứng với thời đại công nghệ. Đây không chỉ là việc trang bị kỹ năng mà còn là xây dựng một xã hội số công bằng, an toàn và phát triển bền vững, kế thừa và phát huy tinh thần của Bình dân học vụ truyền thống trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình.

TỪ KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Quyên*

MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những sự kiện vĩ đại nhất của lịch sử hiện đại Việt Nam. Không chỉ giành lại độc lập cho dân tộc sau gần một thế kỷ bị đô hộ, cuộc cách mạng ấy còn khơi dậy một khát vọng vươn mình mạnh mẽ - khát vọng làm chủ vận mệnh dân tộc, khát vọng xây dựng một quốc gia tự do, độc lập, hùng cường. Tư tưởng đó đã trở thành mạch nguồn xuyên suốt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước suốt gần 80 năm qua.

Ngày nay, khi bước vào thế kỷ XXI với những thời cơ và thách thức đan xen, khát vọng phát triển không còn là khẩu hiệu mang tính lý tưởng mà đã trở thành tư duy chiến lược, định hình hướng đi và cách thức phát triển quốc gia. Bài viết này nhằm phân tích mối quan hệ kế thừa và phát triển từ tinh thần, khát vọng vươn mình năm 1945 đến chiến lược phát triển quốc gia hiện nay, làm rõ những giá trị lịch sử - tư tưởng - thực tiễn của một khát vọng dân tộc xuyên thời đại.

NỘI DUNG

1. Từ khát vọng độc lập tự do đến Cách mạng tháng Tám 1945

Trong suốt hành trình dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã kiên cường trải qua hàng nghìn năm đấu tranh để bảo vệ chủ quyền và nền tự chủ dân tộc. Khát vọng độc lập, tự do và tự cường đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài lịch sử, hun đúc nên bản lĩnh và ý chí của bao thế hệ cha ông. Kế thừa và phát huy tinh thần đó, ngay sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định mạnh mẽ trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập, và sự thật là nước ta đã trở thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”¹.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc vĩ đại, biểu hiện cao nhất của khát vọng tự do, độc lập và tự chủ sau gần một thế kỷ sống dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Tinh thần quyết tâm bảo vệ nền độc lập không chỉ thể hiện ý chí chính trị của dân tộc mà còn phản ánh một khát vọng sâu xa, với tầm nhìn chiến lược: xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, giàu mạnh, văn minh và dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính khát vọng ấy đã đặt nền tảng tư tưởng và ý chí vững chắc cho toàn bộ hành trình phát triển của dân tộc Việt Nam trong thời kỳ hiện đại.

Đặc biệt, trong bối cảnh đất nước vừa giành được chính quyền, “thù trong giặc ngoài” còn rình rập, nền độc lập non trẻ đang đứng trước muôn vàn thử thách - giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm bủa vây từ mọi phía - Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng không những không nao núng mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược, khát vọng mãnh liệt và quyết tâm sắt đá: “Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”².

Khát vọng cường thịnh đó được Người tích cực truyền đến, gửi gắm cho thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước. Trong bức thư gửi học sinh cả nước nhân ngày

* Trường Đại học Phú Xuân.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

² Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.534.

khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, ngày 15/9/1945, Người viết: “Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”³.

Lời nhắn gửi tưởng chừng giản dị nhưng đã hàm chứa một tầm vóc lớn lao về lý tưởng phát triển quốc gia. Trong hoàn cảnh đất nước còn đầy rẫy hiểm họa, tình thế cách mạng như “ngàn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không nói về sự lo âu hay dè chừng mà nói về tương lai vươn mình của dân tộc, về một nước Việt Nam mạnh mẽ, tự cường và có vị thế cao trên trường quốc tế. Điều này cũng cho thấy: Khát vọng vươn mình hùng cường của Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc ta không phải là khẩu hiệu mang tính tinh thần, mà là một chiến lược phát triển được định hình ngay từ thuở sơ khai của nền độc lập. Khát vọng ấy cũng chính là ngọn đuốc soi đường cho mọi giai đoạn phát triển của đất nước sau này.

2. Quá trình phát triển của tư tưởng “vươn mình” từ năm 1945 đến nay

Nếu như Cách mạng tháng Tám năm 1945 mở ra kỷ nguyên độc lập và đặt nền móng cho tư tưởng “vươn mình” với khát vọng giải phóng dân tộc, thì suốt chiều dài lịch sử sau đó, tư tưởng này không ngừng được kế thừa, bồi đắp và hiện thực hóa thông qua các đường lối chiến lược của Đảng trong từng giai đoạn phát triển cụ thể. “Vươn mình” từ khát vọng trở thành hành động, từ tư tưởng trở thành mục tiêu, và từ lý tưởng trở thành chiến lược phát triển quốc gia. Có thể chia tiến trình này thành hai giai đoạn nổi bật: kỷ nguyên độc lập dân tộc (1945 - 1975) và kỷ nguyên đổi mới, hội nhập (từ 1986 đến nay).

2.1. Giai đoạn 1945 - 1975: Kỷ nguyên độc lập dân tộc và khát vọng giải phóng, thống nhất đất nước

Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 có thể được định danh là *kỷ nguyên độc lập dân tộc* - thời kỳ nhân dân Việt Nam hiện thực hóa tư tưởng “vươn mình” bằng con đường đấu tranh chống ngoại xâm để khẳng định quyền tồn tại và phát triển của một dân tộc độc lập, tự chủ.

Ngay sau khi được thành lập, đất nước liên tục đối mặt với thử thách sinh tử: chiến tranh xâm lược, chia cắt đất nước, bao vây cấm vận. Trong hoàn cảnh ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định rõ: giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập và thống nhất quốc gia là nhiệm vụ tối thượng, đồng thời là biểu hiện tập trung nhất của khát vọng vươn lên làm chủ vận mệnh lịch sử.

Những thắng lợi có tính chất bước ngoặt như chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) và đại thắng mùa xuân (1975) đã đánh dấu đỉnh cao của tư tưởng vươn mình trong kỷ nguyên này. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội IV (1976) đã tổng kết: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất. Một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đã đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”⁴.

Tư tưởng chủ đạo giai đoạn này gắn liền với tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, với lý tưởng giải phóng hoàn toàn đất nước khỏi xâm lược, thu non sông

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, 2011, t.4, tr.534.

⁴ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập (1976)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.457.

về một môi và vươn tới một nền hòa bình, độc lập, tự do vững bền.

Ngay sau khi đất nước thống nhất (30/4/1975), Việt Nam bước vào công cuộc khôi phục và xây dựng đất nước trong bối cảnh hậu chiến vô cùng khó khăn. Tư tưởng vươn mình lúc này được chuyển hướng sang mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khôi phục đất nước sau chiến và đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, do mô hình kế hoạch hóa tập trung cứng nhắc, cùng với bối cảnh quốc tế phức tạp, bị bao vây, cấm vận về kinh tế và 2 cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới, khiến nền kinh tế trì trệ, lâm vào khủng hoảng kéo dài.

Đứng trước hoàn cảnh đó, Đảng ta đã dám nhìn vào sự thật, nói rõ sự thật và quyết tâm sửa chữa sai lầm. Đảng đã có bước chuyển quan trọng về tư duy: từ nhận thức lại những sai lầm trong quản lý đến việc chuẩn bị về mặt lý luận - thực tiễn để chuyển sang một thời kỳ mới.

2.2. Từ 1986 đến nay: Kỷ nguyên đổi mới và tư tưởng “vươn mình” trong hội nhập, phát triển

Với việc khởi xướng công cuộc đổi mới tại Đại hội VI, Việt Nam bước vào *kỷ nguyên đổi mới* - giai đoạn hiện thực hóa tư tưởng vươn mình bằng chiến lược phát triển toàn diện: đổi mới tư duy kinh tế, mở rộng hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế quốc gia. Mục tiêu hàng đầu của Việt Nam trong kỷ nguyên này là phải chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, thoát ra khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân, xác lập vị thế quốc tế xứng đáng. Các văn kiện Đảng qua các kỳ Đại hội từ VII đến XIII liên tục điều chỉnh mục tiêu, giải pháp và tầm nhìn phát triển, phù hợp với xu thế thời đại. Đặc biệt, Đại hội XIII (2021) đã xác định rõ khát vọng phát triển đất nước đến năm 2045 - thời điểm kỷ niệm 100 năm thành lập nước: “Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”⁵.

Sự chuyển hóa khát vọng thành hành động được minh chứng rõ ràng qua nhiều con số ấn tượng: Từ một quốc gia mới độc lập, nền kinh tế kiệt quệ, nạn đói kinh hoàng năm 1945, đến năm 2024 đạt khoảng 4.700 USD/người; GDP Việt Nam năm 2024 đạt 476,3 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng GDP vượt mức 7%, đứng thứ 33 thế giới (Báo cáo của Tổng cục Thống kê); Từ một nước nghèo, lạc hậu, Việt Nam hiện là nền kinh tế lớn thứ 5 Đông Nam Á, nằm trong top 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới theo IMF (2024) (xếp vị trí thứ 33).

Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) năm 2024 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố, Việt Nam xếp hạng 44 trên 133 nền kinh tế về năng lực đổi mới sáng tạo. Đây là một thành tích đáng ghi nhận, phản ánh sự tiến bộ liên tục của Việt Nam trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đặc biệt là trong bối cảnh là một quốc gia có thu nhập trung bình thấp.

Về giáo dục: Từ một đất nước hơn 90% dân số mù chữ, Việt Nam đã phổ cập giáo dục đến cấp THCS, hiện có hơn 2,2 triệu sinh viên đại học, cao đẳng (số liệu thống kê năm học 2023 - 2024) cho thấy sự phát triển mạnh mẽ về nhân lực - yếu tố then chốt cho hiện thực hóa khát vọng phát triển bền vững.

Tình hình chính trị - xã hội ổn định, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội là một trong những điểm sáng và là thế mạnh của Việt Nam trong một thế giới đầy biến động hiện nay. Việt Nam được xếp hạng 41/163 quốc gia, vùng lãnh thổ trong bảng xếp hạng Chỉ số Hòa bình Toàn cầu năm 2023 về đánh giá mức độ yên bình quốc gia do Viện Kinh tế và Hòa bình (IEP, Australia) công bố.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.94.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, tư tưởng vươn mình hiện đại không chỉ dừng ở khát vọng tăng trưởng kinh tế mà còn bao hàm mục tiêu đổi mới sáng tạo, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và đóng góp tích cực vào trật tự quốc tế đa phương, khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tại Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”⁶. Đây có thể coi là đúc kết cô đọng nhất thành tựu của kỷ nguyên đổi mới.

3. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - Đặc điểm, mục tiêu và động lực

Kế thừa tinh thần độc lập, tự chủ và khát vọng phát triển đã được hun đúc từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, dân tộc Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới - *kỷ nguyên vươn mình*.

Tổng Bí thư Tô Lâm xác lập rõ thời điểm khởi đầu của “kỷ nguyên vươn mình”: “Giờ đây, chúng ta bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, khởi đầu bằng sự kiện trọng đại - Đại hội XIV của Đảng”⁷. Sự kiện chính trị này mang ý nghĩa bản lề, mở ra một chương mới với tầm nhìn chiến lược dài hạn, đưa đất nước vượt qua “bẫy thu nhập trung bình”, hướng tới mục tiêu phát triển đột phá.

Không chỉ là khẩu hiệu chính trị, “kỷ nguyên vươn mình” được định nghĩa rõ về bản chất và nội dung phát triển: “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu”⁸.

Như vậy, kỷ nguyên này mang đầy đủ đặc điểm của một chiến lược phát triển toàn diện, không tách rời lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đặt trọng tâm vào sự giàu mạnh và văn minh của đất nước, với mục tiêu cụ thể nêu trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và được khẳng định lại qua từng mốc thời gian: “Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao”⁹. Đây là sự cụ thể hóa của khát vọng vươn mình - không chỉ nói về tinh thần mà phải gắn với kết quả và đích đến rõ ràng, đặt ra yêu cầu cấp bách trong hoạch định chính sách, cải cách thể chế và đổi mới mô hình tăng trưởng.

Phát triển đất nước không thể tách rời yếu tố con người - chủ thể trung tâm của mọi tiến trình cách mạng. Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh vai trò của “tự lực, tự cường” trong khơi dậy nội lực dân tộc và kết hợp sức mạnh thời đại: “Khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, 2021, t.1, tr.10.

⁷ Khát vọng vươn mình trong kỷ nguyên mới (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo điện tử Chính phủ* (31/12/2024), truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/khat-vong-vuon-minh-trong-ky-nguyen-moi-102241231135349188.htm>

⁸ Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (01/11/2024), truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie,

⁹ Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Báo nhân dân* 01-11-2024, số 25193. Truy cập tại https://image.nhandan.vn/Uploaded/2024/tmuivppi/2024_11_01/docbao-ndhangngay-01112024-8657.pdf

nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại,...”¹⁰. Tư tưởng này là sự tiếp nối trực tiếp tinh thần của Cách mạng tháng Tám - nơi mà sức mạnh từ nhân dân, từ khát vọng thoát khỏi ách nô lệ, đã tạo nên một cuộc chuyển mình lịch sử. Ngày nay, tinh thần đó được làm mới trong bối cảnh phát triển, gắn với năng lực sáng tạo, khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

Như vậy, kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam được mở ra từ nền tảng lịch sử là khát vọng độc lập dân tộc năm 1945, tiếp nối bằng tư tưởng đổi mới năm 1986, và nay đã được nâng tầm thành một chiến lược phát triển quốc gia toàn diện, với mục tiêu về một Việt Nam: giàu mạnh - thịnh vượng - văn minh - hiện đại trong thế kỷ XXI.

KẾT LUẬN

Từ cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hành trình xây dựng và phát triển đất nước hôm nay, lịch sử Việt Nam đã chứng minh một điều: Mỗi bước ngoặt dân tộc đều bắt đầu từ khát vọng tự cường, ý chí độc lập và niềm tin vào tương lai tươi sáng. Khát vọng vươn mình trong năm 1945 khi cả dân tộc vươn mình “rũ bùn đứng dậy”, là khởi đầu cho hành trình kiến tạo một nước Việt Nam độc lập, tự do; còn kỷ nguyên vươn mình hôm nay là biểu hiện của tầm cao mới trong tư duy phát triển, của một quốc gia đang bước vào thế kỷ XXI với khát vọng, quyết tâm hùng cường, thịnh vượng và văn minh.

Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam mới năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị, vang vọng đến hôm nay: “*Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không... chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em*”. Lời nhắc ấy không chỉ là một kỳ vọng, mà là niềm tin sâu sắc vào sức mạnh tương lai của dân tộc - sức mạnh được nuôi dưỡng từ giáo dục, từ khát vọng, từ trí tuệ và bản lĩnh của mỗi người dân Việt Nam. Chính trong niềm tin đó, chúng ta tiếp tục hành trình vươn mình của dân tộc để “sánh vai với các cường quốc năm châu” như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng mơ ước, để khẳng định tầm vóc Việt Nam trong kỷ nguyên mới: mạnh về kinh tế, vững về thể chế, giàu về văn hóa, cao về trí tuệ và sâu sắc về bản sắc dân tộc.

Trong bối cảnh mới, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, phát huy sức mạnh nội sinh kết hợp với sức mạnh thời đại chính là con đường để hiện thực hóa “kỷ nguyên vươn mình” của dân tộc Việt Nam. Đó không chỉ là mục tiêu chính trị, mà còn là yêu cầu lịch sử, là sự kế thừa và phát triển tinh thần bất diệt của Cách mạng tháng Tám - một cuộc vươn mình mang tầm vóc thời đại.

¹⁰ Tổng Bí thư trao đổi chuyên đề “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, *Báo điện tử VOV* (26/11/2024), truy cập từ <https://vov.vn/ky-nguyen-vuon-minh/tong-bi-thu-trao-doi-chuyen-de-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam-post1138077.vov>, ngày truy cập: 25/5/2025.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI SINH VIÊN VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt*

MỞ ĐẦU

C.Xta-ni-láp-xki khẳng định: “Ngày nào mà bạn không bổ sung cho vốn hiểu biết của bạn dù chỉ một mẫu kiến thức nhỏ nhưng mới mẻ đối với bạn... thì bạn hãy coi đó là một ngày mất đi vô ích, không thể lấy lại được nữa”. Giá trị bản thân chính là luôn tự học hỏi, tự cập nhật, tự điều chỉnh để tích lũy, để vươn lên.

Việt Nam – từ kỷ nguyên độc lập đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc – đó là một hành trình vận động, phát triển đầy đủ từ lượng đến chất, có tính kế thừa và theo hướng đi lên, tiến bộ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ, Việt Nam đang đứng trước thời kỳ “vươn mình” với những thành tựu đáng kể về kinh tế, giáo dục, khoa học – công nghệ,... Sinh viên với vai trò là nguồn trí tuệ trong tương lai, sẽ là lực lượng nòng cốt đưa đất nước tiến lên. Bên cạnh những cơ hội vàng để phát triển thì sinh viên Việt Nam cũng sẽ đối mặt với không ít thách thức trong thời kỳ này.

NỘI DUNG

1. “Vươn mình” không chỉ là một hình ảnh ẩn dụ mang tính biểu tượng mà còn là một hành động của sự thức tỉnh và mong muốn phát triển mạnh mẽ, thay đổi toàn diện. “Kỷ nguyên vươn mình hàm ý tạo sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại”¹.

Với Việt Nam, đây chính là giai đoạn chuyển mình từ một quốc gia đang phát triển sang một quốc gia có năng lực hội nhập sâu rộng, hướng tới tầm vóc toàn cầu theo quan điểm chỉ đạo rõ ràng của Tổng Bí thư Tô Lâm: “là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao”². Đây không chỉ là vươn mình về tư duy, nhận thức mà còn là sự vươn mình về hành động, về ý chí.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam diễn ra song hành với kỷ nguyên số, kỷ nguyên của đổi mới sáng tạo mà tiếng nói chung của nhân loại là “không có gì là không thể”. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xuất hiện và có tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội toàn cầu. Nền kinh tế tri thức đóng vai trò quan trọng cùng

* Trường Đại học Quảng Bình.

¹ “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (01/11/2024), truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie

² “Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” (Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm), *Tạp chí Cộng sản điện tử* (01/11/2024), truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie

với nền kinh tế số. Do vậy, các quốc gia muốn phát triển và khẳng định vị thế vượt trội của mình đều phải luôn đầu tư vào tri thức, đầu tư đào tạo con người và nâng cấp năng lực số.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là kỷ nguyên mà nguồn lực lao động phải không ngừng cải thiện, dịch chuyển từ những lao động có trình độ thấp sang lao động có trí tuệ và trí tuệ cao. Việc sáng tạo, đổi mới được chú trọng để tạo ra được nhiều sản phẩm có giá trị cao trong thời gian ngắn, đáp ứng được các nhu cầu của xã hội.

Bối cảnh trên đặt ra cho con người Việt Nam những trọng trách cấp bách cần phải thực hiện ngay nhưng không chỉ chú trọng số lượng mà còn phải đầu tư vào chất lượng.

2. Kỷ nguyên mới – kỷ nguyên số đang tạo ra “*cơ hội vàng*” để học tập và khởi nghiệp cho thanh niên Việt Nam nói chung, sinh viên Việt Nam nói riêng. Kỷ nguyên mới không chỉ giúp giới trẻ bước nhanh hơn mà còn bước một cách vững chắc hơn, tự tin hơn.

Môi trường học tập và rèn luyện mở rộng là cơ hội đầu tiên được sinh viên Việt Nam tiếp cận ngay tại các giảng đường nghề nghiệp.

Internet bùng nổ, các ứng dụng công nghệ số đa dạng và phong phú mở ra nhiều cơ hội học tập cho sinh viên Việt Nam từ học ở trường, ở lớp đến phát huy năng lực tự học ở bất cứ nơi đâu. Hành trình tiếp cận tri thức toàn cầu thông qua các mạng lưới giáo dục trực tiếp lẫn trực tuyến không quá khó khăn với mỗi cá nhân có mong muốn học hỏi, nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc.

Các chương trình trao đổi sinh viên diễn ra nhiều hơn giữa các quốc gia, các khu vực. Từ đó sinh viên Việt Nam có các cơ hội du học, học bổng, học trực tuyến xuyên quốc gia góp phần mở mang trí tuệ và phóng khoáng tâm hồn. Tiếp xúc với tinh thần học tập của sinh viên nước ngoài, với các chương trình đào tạo tiên tiến, hiện đại, sinh viên Việt Nam ngày càng trưởng thành và tự tin hơn.

Kỷ nguyên số không chỉ giúp sinh viên tiếp thu kiến thức thuận lợi mà còn đào tạo các kỹ năng mới như công nghệ, ngoại ngữ, kỹ năng sống thời đại số, rèn luyện các kỹ năng cần thiết quan trọng như kỹ năng tư duy phản biện, tư duy đổi mới, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề linh hoạt, kỹ năng làm việc nhóm và đa văn hóa,...³

Thị trường việc làm rộng mở và mang lại nhiều cơ hội phát triển giá trị bản thân của sinh viên Việt Nam.

Chuyển đổi số tại Việt Nam đang được đẩy mạnh trên nhiều lĩnh vực như tài chính, giáo dục, y tế, sản xuất,... tạo ra nhu cầu lớn về nhân lực công nghệ thông tin, an ninh mạng, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số. Sinh viên tốt nghiệp các ngành liên quan đến STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học) có cơ hội việc làm rất cao, cả trong nước lẫn quốc tế.

Bên cạnh đó, nền kinh tế số thúc đẩy sự phát triển của các mô hình việc làm linh hoạt như freelance, remote (làm việc từ xa), gig economy, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận các công việc toàn cầu thông qua các nền tảng số như Upwork, Freelancer hay Fiverr. Các kỹ năng mềm như giao tiếp, ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh), kỹ năng sử dụng công cụ số (Zoom, Google Workspace, AI tools) trở thành lợi thế cạnh tranh then chốt.

Ngoài ra, sự phát triển của các startup công nghệ, các trung tâm đổi mới sáng tạo và các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp do chính phủ và các tập đoàn lớn tài trợ đang tạo ra môi trường thuận lợi để sinh viên khởi nghiệp ngay từ khi còn học đại học.

³ Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy: *Tám kỹ năng mềm thiết yếu – chìa khóa đến thành công*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2015.

Sinh viên Việt Nam phát huy vai trò dẫn đầu trong các phong trào đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Trong phong trào đổi mới, sáng tạo, sinh viên thể hiện tinh thần năng động, dám nghĩ dám làm. Nhiều ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên đã được ứng dụng thực tế, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội. Các câu lạc bộ đổi mới sáng tạo tại các trường đại học trở thành “vườn ươm” tiềm năng cho các sản phẩm công nghệ, mô hình kinh doanh độc đáo.

Về chuyển đổi số, sinh viên là nhóm tiếp cận nhanh nhất với công nghệ mới. Các đội hình “Thanh niên tình nguyện hỗ trợ chuyển đổi số cộng đồng” do Đoàn tổ chức đã góp phần đưa công nghệ đến với người dân vùng sâu vùng xa. Sinh viên còn là lực lượng nòng cốt trong việc tổ chức các hội thảo, tập huấn về kỹ năng số, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại địa phương và trong nhà trường.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, sinh viên chủ động tham gia nhiều chiến dịch như “Ngày chủ nhật xanh”, “Giờ Trái đất”, “Chống rác thải nhựa”, trồng cây xanh, tái chế rác thải... Thông qua đó, sinh viên góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng và lan tỏa lối sống xanh, thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, sinh viên tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng, giáo dục đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao nhận thức về giới, bình đẳng và quyền con người... cũng chính là góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Các cơ hội trên đang mở ra cánh cửa đầy hy vọng cho sự phát triển năng lực và phẩm chất của sinh viên Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

3. Trong kỷ nguyên số hóa và toàn cầu hóa, sinh viên Việt Nam đang đối mặt với nhiều *thách thức* lớn từ thị trường lao động ngày càng khắt khe và cạnh tranh khốc liệt. Một trong những áp lực nổi bật là mức độ cạnh tranh cao, không chỉ giữa các sinh viên trong nước mà còn với lao động quốc tế, đặc biệt là trong các ngành như công nghệ thông tin, marketing số, logistics, tài chính,...

Yêu cầu từ nhà tuyển dụng ngày càng cao về kỹ năng chuyên môn, tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và đặc biệt là năng lực ngoại ngữ, kỹ năng số. Trong khi đó, chương trình đào tạo ở nhiều trường đại học vẫn nặng lý thuyết, thiếu thực tiễn, khiến sinh viên khó đáp ứng được yêu cầu công việc ngay sau khi ra trường.

Ngoài ra, sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ đòi hỏi sinh viên phải không ngừng cập nhật kiến thức mới, học tập suốt đời. Những công việc truyền thống đang dần bị thay thế bởi tự động hóa và trí tuệ nhân tạo, buộc sinh viên phải thích nghi và trang bị các kỹ năng số linh hoạt hơn. Thêm vào đó, sinh viên còn phải đối mặt với áp lực tâm lý khi phải cạnh tranh để có việc làm ổn định, mức lương tốt, trong khi cơ hội nghề nghiệp tốt không đồng đều giữa các khu vực. Tỷ lệ thất nghiệp trong nhóm lao động có trình độ đại học vẫn còn cao là một thực tế.

Tác động tiêu cực từ mạng xã hội, những thông tin sai lệch khiến sinh viên dễ bị phân tán tư tưởng, lệch hướng mục tiêu học tập và phấn đấu bản thân. Khi lập trường chính trị chưa vững vàng, nhận thức chưa đầy đủ, bản tính tò mò và khám phá tăng cao – đó sẽ là lúc sinh viên dễ rơi vào trạng thái hoang mang, dễ bị lôi kéo, dễ bị kích động và hành động theo hướng tiêu cực, dễ dẫn đến vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

Thách thức của thời kỳ mới đang hiện thị ngày càng rõ nét và sẽ là yếu tố cản trở cho những ai “thấy khó muốn lùi”, “không tiến cũng không sao”. Ngược lại, “mỗi khó khăn chỉ làm chúng ta thêm sức lực” như E.Véc-Hooc đã khẳng định thì đó chính là biến thách thức, khó khăn thành cơ hội “lột xác” để vươn mình kịp với sự phát triển của thời đại.

4. “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” như một thông điệp về thời kỳ phát triển mới của đất nước, nhấn mạnh quyết tâm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển đất nước nên đòi hỏi mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có sinh viên Việt Nam càng phải nâng cao vai trò và trách nhiệm của mình thông qua các *giải pháp* sau:

Nâng cao trách nhiệm về vị trí, vai trò của bản thân trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Nhận thức cao về những thay đổi của xã hội, của thời đại để tìm hiểu phương pháp luận hành động khoa học, hiệu quả. Việc nhận diện ra những cơ hội và thách thức trong kỷ nguyên mới để xác định những thuận lợi và khó khăn trong nhận thức và thực tiễn là một nhiệm vụ cấp thiết mà sinh viên Việt Nam cần nắm vững. Từ đó hình thành thế giới quan, nhân sinh quan chính xác⁴ và phương pháp luận khoa học.

Chủ động cập nhật kỹ năng mới, ko ngừng học hỏi, thích nghi nhanh với sự thay đổi liên tục của công nghệ. Việc học tập suốt đời⁵ và tinh thần tự học sẽ quyết định khả năng thích nghi và thành công trong thời đại số của mỗi sinh viên. Nếu vẫn còn tư tưởng ỷ lại, lười nhác, “tù từ đã rồi tính” thì không những không phát triển được bản thân mà còn bị bỏ lại phía sau một cách nhanh chóng. Sự tụt hậu chính là yếu tố “tự đào thải” trong xã hội hiện đại ngày nay.

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện, nghiên cứu khoa học nhằm góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội. Tăng cường năng động kết nối với thầy cô, các tổ chức xã hội, địa phương nơi cư trú để phát huy sức trẻ, tinh thần nhiệt huyết và trí tuệ trong các phong trào thiện nguyện, góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng yếu thế trong xã hội. Thông qua đó, sinh viên được trải nghiệm và có cơ hội rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng mềm cần thiết.

Thường xuyên rèn luyện bản lĩnh vững vàng, không sa ngã trước những cám dỗ vật chất, tệ nạn xã hội, thông tin lệch lạc, mạng xã hội không lành mạnh,... Dám làm dám chịu, dám nhận lỗi khi mắc sai lầm, dám sửa sai, dám góp ý và lên tiếng phê phán với hành vi chưa chuẩn mực, dám vượt qua mọi khó khăn, thử thách,... Phẩm chất đó như những viên gạch nền tảng xây đắp nên bản lĩnh của sinh viên, giúp họ chiến thắng được bản thân và góp phần phát triển xã hội lành mạnh.

Về phía nhà trường, các ngành đào tạo cần nhanh chóng cải tiến chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt đặc biệt là phải cập nhật kịp thời các ngành học mới như khoa học dữ liệu, AI, công nghệ chuỗi khối (blockchain), tự động hóa, chuyển đổi số,... Việc cải tiến chương trình đào tạo theo hướng thực tiễn, bám sát nhu cầu thị trường lao động còn giúp sinh viên tự tin và sẵn sàng đáp ứng cho công việc ngay sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, nhà trường cần đẩy mạnh kết nối với doanh nghiệp và cộng đồng khởi nghiệp. Mỗi liên kết giữa đại học – doanh nghiệp – cộng đồng khởi nghiệp tạo thành tam giác phát triển, trong đó đại học giữ vai trò trung tâm tri thức, doanh nghiệp là nơi triển khai thực tế, cộng đồng khởi nghiệp là đòn bẩy cho sự thành công. Sự đồng hành này góp phần hình thành hệ sinh thái giáo dục – đào tạo mở, hiện đại, hội nhập, tạo điều kiện cho những ý tưởng mới được phát triển và thương mại hóa hiệu quả, từ đó sinh viên dễ dàng tiếp cận thực tập chuyên môn, việc làm thực tế.

Thông qua con đường *được giáo dục* và *tự giáo dục*, sinh viên Việt Nam có cơ hội để tích lũy đầy đủ, toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ một cách tích cực. Chuẩn bị

⁴ Trần Đình Thêm: *Hội nhập kinh tế quốc tế và giáo dục đào tạo nhân tài Việt Nam*, Nxb Thanh niên, 2010.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.1, 2021.

tốt hành trang này sẽ giúp sinh viên tự tin, chủ động và thành công hơn trong quá trình học tập và công việc tương lai.

KẾT LUẬN

Sinh viên Việt Nam ngày nay có cơ hội lớn để vươn lên và đóng góp vào công cuộc phát triển của dân tộc. Tuy nhiên, điều đó chỉ đạt được nếu bản thân mỗi sinh viên nhận thức được vai trò, trách nhiệm và chuẩn bị đầy đủ năng lực thích ứng với thời đại. Để tận dụng tốt cơ hội và vượt qua thách thức, rất cần đến sự chung tay của nhiều bên, đó là bản thân sinh viên, nhà trường, cơ quan quản lý, doanh nghiệp và xã hội. Kỷ nguyên mới là kỷ nguyên hình thành một thể hệ tri thức trẻ có hoài bão lớn và khát vọng cống hiến vì tương lai hưng thịnh của đất nước.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

07 Hà Nội, Thành phố Huế - Điện thoại: 0234.3834486

<http://huph.hueuni.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập: Trần Bình Tuyên

Biên tập viên

Ngô Văn Cường - Trần Thị Hồng My

Biên tập kỹ thuật

Tôn Nữ Quỳnh Chi

Trình bày, minh họa

Trần Thị Hồng Minh

Sửa bản in

Trần Thị Hồng Minh

Đối tác liên kết

Trần Thị Hồng Minh, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

77 Nguyễn Huệ, thành phố Huế

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

**CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945: TỪ KỶ NGUYÊN ĐỘC LẬP ĐẾN KỶ
NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

In 20 bản, khổ 20,5x29,5cm tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vân Thái,
89 Nguyễn Huệ, thành phố Huế. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2333-
2025/CXBIPH/9-39/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 506/QĐ-NXB, cấp ngày 04
tháng 8 năm 2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

ISBN: 978-604-489-948-0